

HỌC VI NHÂN SƯ HÀNH VI THẾ PHẠM

Những bài khai thị buổi sáng của
Hòa thượng Tịnh Không

Chuyển ngữ: Một nhóm Diệu Âm cư sĩ
Giáo chánh: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa

學為人師 行為世範

淨空老法師講述

早餐開示

越語譯本

Học Vi Nhân Sư Hành Vi Thế Phạm

Tập 1

*Hòa thượng Tịnh Không thuyết giảng
Chuyên ngữ theo bản in của
Vân Lâm Tịnh Tông Học Hội, tháng 9-2003*

Đây là những bài khai thị buổi sáng của hòa thượng Tịnh Không cho đồng tu tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán, chưa được hòa thượng giám định. Đây chỉ là những bài ghi chép tóm tắt của đệ tử Ngô Hữu, chỉnh lý cho gọn rồi viết thành bài nháp này để cúng dường độc giả.

A. KHAI THỊ VỀ PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

(Buổi sáng 02-01-95)

1. Tu phước và tu huệ.

Phước và Huệ là hai mục tiêu lớn trong việc tu học Phật pháp. Lúc chúng ta làm lễ truyền thọ Tam Quy Y, trong lời thệ nguyện có câu ‘Quy y Phật, Nhị Túc Tôn’, ‘nhị’ ở đây là phước và huệ, ‘túc’ là đầy đủ, viên mãn. Do đó có thể biết thành Phật là tu học phước và huệ viên mãn, được thế gian và xuất thế gian tôn kính.

Người trong thế gian xưa nay, trong nước và ngoài nước chẳng ai không cầu phước huệ, thiết ra chúng sanh vốn sẵn có phước huệ, trong tự tánh vốn sẵn đầy đủ, hơn nữa còn viên mãn rất ráo. Tại sao hiện nay phước huệ của chúng sanh chẳng còn nữa? Phật nói chúng ta có hai thứ chướng ngại cản trở, đó là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Phiền Não chướng ngại phước đức, Sở Tri chướng ngại trí huệ. Người có Phiền Não Chướng thì phước đức chẳng có; người có Sở Tri Chướng thì trí huệ chẳng còn nữa; cho nên chỉ cần dẹp bỏ hai chướng ngại này thì phước huệ liền hiện tiền.

Làm thế nào để tiêu trừ hai chướng ngại này? Việc này phải nhờ tu đức. Phước huệ vốn là tánh đức, nếu chẳng có tu đức, phước huệ trong tự tánh chẳng thể hiển lộ, thế nên phải tu hành. Làm thế nào để tu? Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật dạy trước hết phải tu Tam Phước. Nếu chúng ta chân chánh có thể tin tưởng, chân chánh có thể hiểu đạo lý này, chịu phát tâm tu học thì trí kiến này là trí huệ chân thật; ai thật sự chịu làm thì người đó có phước.

Mọi người đều biết ‘Tam phước’ nhưng tại sao chẳng làm được? Vì nhận thức chẳng đủ, nhận thức chẳng đủ tức là chẳng có trí huệ. Chúng ta nhận thức được một phần thì gắng sức làm một phần. Nhận thức được hai phần thì tự nhiên làm được hai phần, người hoàn toàn chẳng chịu làm là người chẳng có phước huệ. Từ điểm này có thể biết trên phương diện tu đức thì tu huệ và tu phước là hai thứ bổ sung và thành tựu lẫn nhau.

Trong kinh điển đức Phật thường dạy: *‘Thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói’*. Câu này là dạy chúng ta tu hành chân thực. Đặc biệt là ‘vì người diễn nói’, diễn là biểu diễn, là dạy cho chúng ta làm [ra thành tích] cho người ta xem. ‘Nói’ tức là vì người giảng giải, khuyên người học Phật, thế nên ‘diễn’ là thân giáo [*lấy bản thân làm gương mẫu cho người*], ‘nói’ là ngôn giáo.

2. Sự quan trọng của định - huệ

(Buổi sáng 03-01-95)

Mấu chốt của sự học Phật ở tại ‘định’ – ‘huệ’. Kinh Kim Cang dạy: *‘Chẳng chấp vào tướng, như như chẳng động’*¹. Định tức là như như chẳng động, huệ tức là chẳng chấp vào tướng. Trong kinh Kim Cang đức Phật dạy Tu Bồ Đề quan trọng nhất là hai câu này. Chúng ta cũng có thể dùng hai câu này để phản tỉnh, kiểm điểm mình có trí huệ hay chẳng, mình có công phu hay chẳng.

Nguyên nhân [khiến cho] học Phật chẳng thể thành tựu là vì chẳng có định, chẳng có huệ. Nói cách khác tức là mê hoặc điên đảo, trong kinh thường gọi là ‘người đáng thương xót’. Vì lúc khởi tâm động niệm có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, lúc đối xử với người khác vẫn còn tham, sân, si, mạn, vẫn còn đố kỵ, tạo ra nghiệp nhân của ba ác đạo. Bất luận là tham thiền, học kinh giáo, hay niệm Phật, có những hành vi này thì chẳng có cách chi để thoát ly luân hồi, đích thực là phải ghi nhớ lời dạy của Huệ Năng đại sư: *‘Người tu đạo chân chánh chẳng thấy lỗi người khác’*, phải thấy lỗi của mình chứ chẳng thấy lỗi của người thế gian, đây là hai câu quý báu đại sư Huệ Năng dạy cho người đời sau. Nếu chẳng dụng công nơi việc này, đời này cũng sẽ giống như những đời trước, nhất định cũng sẽ luống qua. Tại sao lại luống qua? Vì nhịn chẳng được. Nếu chẳng nhẫn nhịn thì làm sao có định? Lục Ba La Mật cũng giống như đi lên sáu tầng lầu, nếu không lên tầng thứ ba thì chẳng có cách chi lên đến tầng thứ tư, chỉ có bố thí, trì giới, chẳng có nhẫn nhục thì làm sao tu hành thành công được? Cho nên thứ tự tu học Lục Độ là có nhẫn nhục, tinh tấn, mới được thiền định, có được định và huệ thì mới thành tựu. Người có định và huệ thì tâm lượng sẽ lớn, và sẽ tương ứng với tự tánh.

Niệm Phật vãng sanh cũng vậy, chẳng đạt đến tầng thứ sáu thì niệm Phật chẳng thể vãng sanh. Điều kiện thấp nhất của niệm Phật vãng sanh là công phu thành phiến (*thành khối*), nếu chẳng có định - huệ thì công phu làm sao thành phiến được. Thành phiến nghĩa là thế nào? Lục Tổ nói rất hay: *‘chẳng thấy lỗi của người thế gian’*, đây tức là hình dáng của công phu thành phiến. Vẫn còn thấy lỗi thế gian thì nhất định công phu chẳng thành phiến, tại vì trong tâm của bạn vẫn có phân biệt, chấp trước, vẫn còn chướng ngại.

Trong Niệm Phật đường vị sư chủ trì thường nói: *‘Buông xuống thân tâm thế giới’*. Nếu bạn buông không nổi thì tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Nhìn từ thế gian pháp, nếu mọi người đều có thể thấy lỗi lầm của mình, chẳng thấy lỗi người khác,

¹ (*Bất thủ u tướng, như như bất động*)

mọi người trong thế gian sẽ có thể chung sống hòa bình, làm sao thế giới còn đấu tranh nữa! Xã hội nhất định sẽ tốt lành, may mắn, an hòa, thế giới nhất định sẽ đại đồng!

Những gì trong kinh nói đến chẳng phải niệm qua một lần là có công đức đâu, quan trọng là phải làm được những điều ấy, chỉ đọc mà chẳng làm thì không có ích gì cả. Lục Tổ dạy rất hay: *‘Việc lớn sanh tử, phước chẳng thể cứu, phải có định - huệ mới có thể cứu; giải ngộ chẳng thể cứu, phải chứng ngộ mới cứu được’*. Lúc còn tại thế thầy Lý thường dạy: *‘Người tu hành phải cải tâm’ (cải tâm nghĩa là cải thiện tâm niệm)*. Sửa đổi tâm rồi, hành vi tự nhiên sẽ thiện. Nếu chỉ sửa đổi trên hành vi, chẳng sửa đổi trong tâm thì chỉ là làm giả bộ bên ngoài, trong tâm vẫn còn vọng tưởng, chấp trước, cũng vẫn y như cũ, chẳng có ích chi, quan trọng là phải sửa đổi trong tâm.

3. Tổng cương lãnh của việc tu hành

(Buổi sáng 25-01-95)

Tổng cương lãnh của việc tu hành chẳng qua chỉ là phá bỏ hai thứ chấp trước và đoạn phiền não mà thôi. Người Tiểu Thừa thì vì phá ngã chấp mà phá ngã chấp nên phương pháp của họ còn vụng về. Dùng công phu thiền định thâm sâu để đè nén phiền não, chấp trước, để cho nó chẳng khởi lên. Sau khi chứng được Sơ quả thì phải tới lui trong cõi Trời và cõi Người bảy lần nữa mới đoạn hết Kiến Tư Hoặc, xuất ly tam giới.

Phương pháp của Đại Thừa vô cùng khéo léo, dạy cho chúng ta phát Bồ Đề Tâm, chuyển phiền não thành Bồ Đề, là dùng phương pháp chuyển biến. Thiệt ra phiền não chẳng thể đoạn được, tại vì phiền não là chỗ khởi dụng của tự tánh, nếu đoạn hết phiền não thì đương nhiên tự tánh cũng bị đoạn mất luôn². Cho nên chỗ khởi dụng của tự tánh khi giác ngộ thì gọi là Bồ Đề, khi mê thì gọi là phiền não, phiền não và Bồ Đề là một sự việc, chỉ khác nhau ở chỗ mê hay ngộ. Thế nên phương pháp tu hành của Đại Thừa là chuyển mê thành ngộ; có thể chuyển mê thành ngộ tức là có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn. Đại Thừa dùng phương pháp chuyển biến là tuyệt đối chính xác, đối với lý và sự đều tương ứng. Chỗ này cũng nói rõ người Đại Thừa cao minh hơn

² Đây chỉ là một cách nói nhằm đoạn dứt phân biệt. Xét trên bản thể, chỉ do vọng huyễn phân biệt, chấp trước, nên có phiền não. Khi đã thấu hiểu phiền não là vọng huyễn thì phiền não không còn, lúc đó phiền não chính là tự tánh, vì ngoài tự tánh không có phiền não nữa. Do mê tự tánh nên có phiền não vì thế nói “phiền não là chỗ khởi dụng (khởi ra tác dụng) của tự tánh”. Khi phiền não đoạn hết, tức là đã thấy được phiền não chính là tự tánh, đã không còn có cái gọi là phiền não thì cái thấy nhị nguyên (tức cái thấy đối lập giữa có và không, phiền não và Bồ Đề) không còn nữa, nên không còn danh xưng tự tánh nữa, do vậy, nói: “Đương nhiên tự tánh cũng bị đoạn mất luôn”.

Tiểu Thừa, người Tiểu Thừa chẳng có trí huệ nên phải dùng cách đè nén; người Đại Thừa có trí huệ nên chuyển biến³ trở lại.

Gương mẫu tu học của Đại Thừa là năm mươi ba lần tham vấn trong kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba lần tham vấn này gồm có mọi người trong các ngành nghề, nam nữ già trẻ, thế gian và xuất thế gian, hết thấy đều tu Bồ Tát hạnh, và lại còn là hạnh Bồ Tát cao cấp -- Phổ Hiền hạnh. Thế thì chúng ta rốt cuộc có học được hay chưa? Trong sanh hoạt mỗi ngày từ sáng đến tối có phải chúng ta đang tu Bồ Tát hạnh hay không? Có tu hạnh Phổ Hiền không? Nếu có thì mới hy vọng thành Phật, nếu không thì vẫn phải chịu sanh tử luân hồi.

Phải tu học như thế nào? Dùng những điểm chính yếu để nói thì là làm thế nào áp dụng Lục Độ vào trong đời sống hằng ngày. Làm được Lục Độ trong sanh hoạt thì bạn sẽ là Bồ Tát, nếu làm được mười nguyện trong sanh hoạt thì bạn sẽ là Phổ Hiền Bồ Tát rồi đó. Nên biết cội gốc của Đại Thừa là phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là gì? Tức là độ hết thấy chúng sanh. Dùng ngôn ngữ ngày nay thì độ hết thấy chúng sanh nghĩa là dốc toàn tâm, dốc hết sức để giúp đỡ hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ, tâm ấy là tâm Bồ Đề.

Làm thế nào để thực hiện? Lục Độ và Thập Nguyện là phương pháp. Phải thực hiện Lục Độ và Thập Nguyện trong đời sống, sự nghiệp, đó tức là hành Bồ Tát đạo. Lục Độ tức là Bồ Tát đạo, Thập Nguyện tức là Phổ Hiền Bồ Tát đạo. Việc hành Phổ Hiền hạnh nói trong kinh Vô Lượng Thọ nghĩa là tu Thập Nguyện vương.

‘Bồ thí’ nói theo ngôn ngữ hiện nay tức là ‘hy sinh, công hiến’. Tự mình chịu hy sinh, chịu công hiến cho đại chúng, chịu công hiến cho đoàn thể.

‘Trì giới’ tức là tuân giữ pháp luật, tuân giữ luật lệ, quy củ.

‘Nhẫn nhục’ tức là nhẫn nại. Phải biết nhẫn nại trong công việc, đặc biệt là những sự việc liên quan đến người khác; chúng sanh có phiền não, ân oán, bất bình tích lũy từ vô lượng kiếp đến nay. Chúng ta bất kỳ lúc nào cũng có thể gặp được nên phải nhẫn nhịn; đối với hoàn cảnh tự nhiên cũng phải biết nhẫn nhịn.

‘Tinh tấn’ tức là cầu tiến bộ. Không thể nào ‘dậm chân tại chỗ’ hoài, lưu lại trong một phạm vi, một giới hạn hoài. Có rất nhiều đại đức học Phật, tu trì tuy rất tốt, nhưng không thể hoằng pháp lợi sanh, nguyên nhân ở tại chỗ nào? Họ cứ ‘dậm chân tại chỗ’, không chịu tinh tấn. Vì thời đại bất đồng cho nên ý thức, hình thái, phương thức sinh hoạt của chúng sanh cũng không giống nhau. Trong thời đại nào có phương pháp hoằng pháp của thời đại đó, cũng có phương pháp thực hiện Lục Độ, Thập Nguyện của thời đại đó, cứ giữ chặt phương pháp thời xưa là không được. Sau khi Phật pháp từ Ấn Độ truyền sang Trung Quốc liền thay đổi rất nhiều; cách sinh hoạt hằng ngày lúc trước [ở Ấn Độ] là đi trì bát (*khất thực*), ngủ dưới gốc cây, mỗi ngày ăn một bữa mà thôi. Sau khi truyền đến Trung Quốc

³ Chuyển biến nghĩa là chuyển mê thành ngộ; có thể chuyển mê thành ngộ tức là có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn

thì tiếp nhận sự cúng dường của các vị đồng tu tại gia nên chẳng trì bát nữa, tất cả hoàn cảnh sinh hoạt đều thay đổi. Thế nên phải thích ứng với những nguyên tắc ‘hiện đại hoá, địa phương hóa, sanh hoạt hóa’. Đây mới là ý nghĩa chân chánh của sự tinh tấn. Chúng ta phải suy nghĩ từ phương diện này – trong sanh hoạt thường ngày làm thế nào để cầu Giác, cầu Huệ, tu Lục Độ, Thập Nguyện. Khi chư vị xem kỹ năm mươi ba lần tham vấn thì sẽ hiểu rõ đạo lý này.

‘Thiền định’ tức là tự mình làm chủ được mình, có cách nhìn của mình, chẳng bị ngoại cảnh lay động, đó là thiền định.

‘Bát nhã’ tức là đối với hết thảy những điều thiết - giả, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác của người, sự, vật đều hiểu rõ ràng, minh bạch, chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo. Như vậy chính là trí huệ Bát Nhã.

Thế nên nếu có thể thực hiện Lục Độ, Thập Nguyện trong đời sống của mình thì bạn sẽ vui vẻ. Bất luận làm công việc gì thì cũng là tu Bồ Tát hạnh, hành Bồ Tát đạo. Người hành Bồ Tát đạo này sẽ tràn đầy pháp hỷ, đây tức là chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển mê hoặc thành giác ngộ.

Phàm phu thế gian nếu cảm thấy bị áp lực trong công việc làm của mình thì sẽ khổ chẳng thể nói nổi, luôn luôn than phiền, có tâm trạng áy thì nhất định phải luân hồi trong lục đạo. Pháp Bồ Tát Đại Thừa cao minh, vừa chuyển biến tâm niệm thì đã thành Bồ Tát. Họ biết làm việc cần cù là để kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh, là để thành tựu Bồ Thí Ba La Mật cho mình. Cho nên khi tâm niệm vừa chuyển thì khoái lạc vô cùng, hạnh phúc vui vẻ, liền được thoát khổ.

Nếu cảm thấy chẳng thể hòa đồng khi sinh hoạt cùng đại chúng thì đó là tự mình đang sanh phiền não, chứ chẳng phải là đang học Phật. Học Phật là đem những cảnh lá tạp nhạp này dung hòa trở lại, làm cho nó hóa giải hết. Những cảnh giới này từ nội tâm của mình phát sanh nên cũng phải hóa giải từ nội tâm của mình, thế nên Phật pháp được gọi là ‘Nội Học’. Phật pháp chẳng phải mong cầu nơi người khác mà là cầu nơi mình, mọi người đều có thể hướng vào trong mà khai phát tự tánh của mình, cái đoàn thể này mới gọi là ‘Tăng đoàn’.

Giới luật trong Phật pháp được dùng để yêu cầu chính mình chứ chẳng phải yêu cầu kẻ khác, đây là một cách rất cao minh, chẳng giống với pháp luật thế gian dùng để kèm chế đại chúng. Thế nên phải học Lục Tổ Huệ Năng đại sư, phải ‘*thường thấy lỗi của mình, chẳng thấy lỗi của thế gian*’, được vậy thì tâm sẽ chuyển biến thực sự, hướng vào trong và quán chiếu.

Căn bệnh lớn của chúng sanh là ‘*chẳng thấy lỗi của mình, chuyên thấy lỗi của kẻ khác*’. Chuyên thấy lỗi của kẻ khác thì sẽ tăng trưởng phiền não, sẽ chẳng có cách chi để hướng vào trong mà quán chiếu. Nếu chúng ta chỉ lo hướng vào trong mà quán chiếu, chẳng đếm xỉa đến sự dụ hoặc của ngoại cảnh, ‘chiếu’ như vậy là trí huệ, có thể hoá giải hết phiền não, tập khí.

Chúng ta đọc Lục Tổ Đàn Kinh sẽ hiểu tại sao những người biết dụng công giống như Lục Tổ đại sư trong nhà bếp xay gạo, chẻ củi, làm những việc nặng nhọc mà khai ngộ. Tại sao vậy? Vì khi xay gạo, chẻ củi họ có đầy đủ Lục Độ, Thập Nguyện, nên trong lúc xay gạo, chẻ củi họ tu được hết Lục Độ, Thập Nguyện. Những người chẳng biết dụng công dù mỗi ngày tĩnh tọa tham thiền trong Thiền đường cũng không thể khai ngộ, phiền não tập khí vẫn còn cả đống. Nếu chúng ta biết tu thì lúc rửa chén, lau bàn, hết thấy Lục Độ, Thập Nguyện đều đầy đủ, vậy thì làm sao chẳng hoan hỷ chứ? Người không biết dụng công sẽ nghĩ rằng những công việc này quá cực nhọc. Thế nên chuyển cảnh giới tức là chuyển tâm -- chuyển biến tâm lý, thay đổi cách suy nghĩ, thay đổi quan niệm. Sự sai khác giữa người biết tu và chẳng biết tu là ở tại chỗ này.

Pháp sư Đàm Hu trong phần sau của quyển Niệm Phật Luận kể chuyện bà họ Trương ở Thanh Đảo, chùa Trạm Sơn, bà tu hành như thế nào? Mỗi ngày chủ nhật chùa Trạm Sơn có khóa tu niệm Phật, bà vào nhà bếp rửa chén. Chồng bà làm nghề kéo xe chở khách, chẳng ai coi trọng bà, thoạt nhìn bà chỉ rửa chén trong bếp, nhưng thực sự lúc đó bà đang tu Lục Độ, Thập Nguyện. Cho nên bà có thể dự biết ngày giờ ra đi, ngời mà vãng sanh. Nếu bà chẳng tu tập như vậy thì làm sao có thành tựu như thế? Chỉ có người tu hành mới có thể nhìn biết [ai là] người chân chánh tu hành, người thường trong thế gian chẳng nhìn thấy. Người thế gian chỉ thấy bà là một người chẳng biết chữ, dốt nát, nghe kinh cũng chẳng hiểu, là một người chuyên giúp kẻ khác làm những công việc nặng nhọc. Họ đâu biết người như bà mới đáng gọi là người chân tu, thành tựu của những kẻ nghe kinh, tham thiền chẳng sánh bằng bà. Thế nên phải chân tu, phải hiểu lý, phải thực hiện các nguyên tắc, cương lĩnh tu hành ngay trong đời sống thường ngày.

4. Công phu niệm Phật (Buổi sáng 26-01-95)

Có thể vận dụng lý luận của kinh Kim Cang vào trong pháp môn Tịnh Độ chính là câu *‘phát Bồ Đề tâm, một hướng chuyên niệm’* trong kinh Vô Lượng Thọ. Cả bộ kinh Kim Cang dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là căn bản, các pháp môn Đại Thừa đều được xây dựng trên cơ sở của Bồ Đề tâm. Chỉ cần phát được tâm Bồ Đề thì bất luận tu học pháp môn nào cũng sẽ thành tựu, người niệm Phật cũng sẽ nhất định vãng sanh. Lý do chính niệm Phật chẳng thể vãng sanh là vì chẳng phát Bồ Đề tâm nên tuy có *‘một hướng chuyên niệm’* cũng chẳng thể vãng sanh. Người xưa nói: *‘Một ngày niệm mười vạn Phật hiệu, hết bể cỏ hồng cũng uổng công’*. Tại sao chẳng được? Tại vì *‘Tâm tịnh thì cõi tịnh’*, tâm phải tịnh thì mới vãng sanh được.

Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: *‘Phẩm vị vãng sanh cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn, chẳng phải là Phật hiệu nhiều hay ít’*. Sâu hay cạn là nói về cái gì? Là nói đến tâm thanh tịnh. Công phu niệm Phật có thể chia thành ba tầng – Lý Nhất Tâm Bất Loạn là sâu nhất, kế đó là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, sau cùng là Công Phu Thành Phiến. Nếu chẳng có công phu bậc này, niệm nhiều hơn bao nhiêu cũng chẳng được vãng sanh. Công phu thành phiến là như thế nào?

Tức là tâm thanh tịnh, trong tâm chẳng có xen tạp, chẳng có vọng niệm, chỉ chuyên chú trên một câu Phật hiệu, chuyên chú tại y báo, chánh báo trang nghiêm của Tây phương Cực Lạc thế giới.

Tiêu chuẩn của kinh Kim Cang tức là tiêu chuẩn của Lý Nhất Tâm bất loạn. Nhưng Lý Nhất Tâm bất loạn cũng có sâu cạn khác nhau. Kinh Kim Cang nói: *‘Hết thấy hiền thánh đều do Vô Vi pháp mà có chỗ sai khác’*. Hết thấy hiền thánh là tam hiền, thập thánh, tức là bốn mươi một vị Pháp Thân đại sĩ nói trong kinh Hoa Nghiêm, họ đều đạt đến Lý Nhất Tâm. Tuy cùng đạt đến Lý Nhất Tâm bất loạn, công phu vẫn còn sâu cạn khác nhau, nhưng đến khi cứu cánh viên mãn thì đều thành Phật.

Những thứ này đều là nói về ‘Tự Phần’ – công phu của tự mình, chưa nói đến sự gia trì của A Di Đà Phật. Nếu luận về sự gia trì của A Di Đà Phật thì mọi người đều bình đẳng. Đây là sự khác biệt giữa Cực Lạc thế giới và tha phương thế giới, Cực Lạc thế giới có Phật lực gia trì. Nếu tự mình chịu nỗ lực, công phu của mình đã đắc lực, phẩm vị tăng lên, đến Tây phương Cực Lạc thế giới thành Phật sẽ nhanh hơn; người vãng sanh mà phẩm vị Tự Phần hơi thấp tuy cũng được Phật lực gia trì nhưng sẽ viên mãn thành Phật chậm hơn. Cũng tức là thời gian đạt đến viên mãn Bồ Đề có sự nhanh chậm khác nhau.

5. Xung đột (Buổi sáng 26-01-95)

Xung đột giữa người với người ở tại chỗ nào? Ở chỗ lợi hại (quyền lợi). Chúng ta đối với người chẳng có lợi hại thì sẽ rất dễ tiếp xúc, đối đãi lẫn nhau, thiệt có thể làm được *‘chẳng tranh với người, chẳng cầu với đời’*. Trong kinh Kim Cang có hai câu: *‘Chẳng chấp vào tướng, như như chẳng động’*, làm được vậy thì mới giống một người tu hành.

Mọi người tụ lại ở một chỗ nhất định phải có một mục tiêu phương hướng chung để cùng nhau nỗ lực, đây là một khái niệm cơ bản. Ngoài ra còn phải đồng tâm hiệp lực, nỗ lực vì Phật giáo, vì chúng sanh, nhất định phải buông bỏ lợi ích cá nhân. Chẳng kể là xuất gia hay tại gia đều nên buông xuống, nếu buông xuống chẳng nổi thì đây sẽ là một chướng ngại to lớn. Đương nhiên chướng ngại nghiêm trọng nhất là chướng ngại mình, không những mình không thể thành tựu, cho đến việc vãng sanh, khai ngộ, thậm chí đến việc đạt được niệm Phật tam muội cũng không chắc, bởi vậy nên nhất định phải buông xuống.

Tu hành thiệt ra chẳng phải là một việc dễ dàng, người chân chánh muốn tu hành trong một đoàn thể phải tập tánh khiêm nhường, học khách sáo, học nhường nhịn. Khổng Lão Phu Tử dạy chúng ta phải giữ lễ, lễ là gì? Lễ là tự ty [hạ thấp mình] và tôn trọng người khác. Phải giảm bớt sự xích mích, giảm bớt xung đột, luôn luôn nhường nhịn, như vậy mới có thể thành công, lập đại nghiệp.

Người quá nổi danh sẽ bị đổ ky, đây cũng là hiện tượng bình thường vì con người là phàm phu, đổ ky và sân hận là tập khí từ vô lượng kiếp đến nay, nếu chẳng có những tập khí này thì họ đã là Phật, Bồ Tát tái lai rồi.

6. Tâm Phật (Buổi sáng 26-01-95)

Bất cứ lúc nào chúng ta cũng phải giữ tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Thường thường dùng tâm này để kiểm điểm và phản tỉnh; chúng ta có tâm này hay không? Có tâm này tức là tâm Phật, mới có tư cách học Phật, mới có tư cách vãng sanh.

Trong lúc xử sự, đãi người, tiếp vật, tu hành phải nắm giữ những nguyên tắc này: nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, phải niệm Phật. Nếu có thể giữ chặt những nguyên tắc cơ bản này thì sẽ chẳng sai lầm. Thật sự có thể nắm lấy thì hết thấy sự việc của mình đều giao cho Phật, Bồ Tát, thần hộ pháp an bài. Đây là lời Chương Gia đại sư dạy tôi lúc trước: *‘Một người chân chánh muốn học Phật, chân chánh là người muốn hoằng pháp lợi sanh thì đừng lo lắng suy nghĩ về tương lai, sanh hoạt của mình, chư Phật sẽ hộ niệm, thần hộ pháp sẽ chiếu cố, lo lắng cho bạn’* Việc gì cũng chẳng cần phải suy nghĩ, một lòng một dạ làm theo lời dạy trong kinh điển, Phật pháp coi trọng thực hành, nếu có thể làm được thì sẽ tương ứng, làm chẳng được thì sẽ chẳng có tương ứng (*cảm ứng*).

7. Chấp tướng (Buổi sáng 29-01-95)

Tâng bốc, khen ngợi mình, hạ thấp người khác trong Du Già Giới Bản là một giới nặng nhất -- giới tự tán hủy tha. Trong Phạm Võng Giới Bản thì thấp hơn bốn giới trọng. Tại sao lại nặng như vậy. Vì chấp tướng. Tiêu chuẩn của kinh Kim Cang nói chấp bốn tướng thì chẳng phải Bồ Tát. Nếu cống cao ngã mạn, cứ nghĩ mình đúng, cứ nghĩ mình hạng nhất thì tiêu tùng rồi, cho dù làm được rất nhiều việc tốt thì cũng là phước báo hữu lậu của thế gian, đối với việc liễu sanh tử, xuất tam giới chẳng có liên quan gì hết.

Chúng ta học Phật, đặc biệt là người xuất gia, một lòng một dạ phải muốn thoát ly tam giới, đây là phương hướng, mục tiêu chung. Hết thấy danh văn lợi dưỡng, vinh hoa phú quý trong thế gian đều phải buông bỏ sạch sành sanh từ trong tận đáy lòng, phải niệm niệm vì Phật pháp, vì chúng sanh, vì muốn tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật và mười phương chư Phật. Nếu niệm niệm vẫn còn một cái ‘Ta’ tồn tại thì sẽ tương ứng với ma. Chỗ khác nhau của ma và Phật tức là niệm niệm của ma đều vì tự mình.

8. Nhường nhịn (Buổi sáng 30-01-95)

Người xưa nói: ‘Xử sự khó, đối xử với người còn khó hơn’. Con người là phàm phu, tâm người biến đổi muôn vàn, tâm niệm của phàm phu thay đổi tùy theo cảnh giới thì giao thiệp, tiếp xúc đương nhiên sẽ khó khăn, nguyên tắc duy nhất chính là nhường nhịn. Phải mở rộng tâm lượng của mình, tập tánh dung hòa, tập nhường nhịn, tránh hết thấy xung đột, va chạm, hộ trì tinh thần giới luật của đạo tràng -- Lục Hòa Kính. Hộ trì Lục Hòa Kính tức là nhường nhịn, nếu chẳng thể nhẫn, chẳng thể nhường thì hòa kính sẽ bị phá hoại, trong giới luật gọi là ‘phá hòa hợp tăng’. Tội phá hòa hợp tăng là một trong năm tội ngũ nghịch, đây là

ngiệp nhân đọa địa ngục A Tỳ. Trong năm tội ngũ nghịch, bốn tội kia chẳng dễ phạm đến, chỉ có tội này dễ phạm nhất, vả lại còn phạm một cách vô có [phạm rồi mà người đó chẳng hay biết], chỉ có người một lòng hướng về đạo, người có thể nương nhịn mới tránh khỏi mà thôi.

Giống như lời của Lục Tổ: *‘Nếu là người tu đạo chân chánh thì chẳng thấy lỗi của người khác’*. Họ chỉ vì việc lớn sanh tử nên luôn giữ tâm cảnh giác cao độ. Một lòng một dạ muốn liễu sanh tử, xuất tam giới, hết thấy việc trong thế gian đều chẳng liên can gì với họ. Cảnh thuận, cảnh nghịch gì cũng tùy thuận vì họ coi việc liễu sanh tử là quan trọng nhất. Người niệm Phật chúng ta đem việc vãng sanh làm việc quan trọng hàng đầu, trừ việc cầu vãng sanh chẳng có việc gì khác đáng giữ trong tâm.

Người chân chánh từ bi gặp đồng tham đạo hữu vi phạm quy củ, phá giới, làm việc ác, không những phải bao dung nhẫn nại mà còn phải dùng trí huệ, thiện xảo cảm hóa họ, như vậy mới là đại từ đại bi.

9. Giải hành tương ứng (Buổi sáng 30-01-95)

Xây dựng đạo tràng, hộ trì đạo tràng nhất định phải giải hành tương ứng. Giảng kinh thuyết pháp là Giải môn, lãnh chúng tu hành là Hành môn, cả hai đều quan trọng, cả hai đầy đủ mới là một đạo tràng hoàn chỉnh. Nhưng người tu hành có đầy đủ giải và hành từ xưa đến nay rất hiếm, nếu cả hai đều chẳng đủ thì thà chọn Hành môn, chẳng cầu Giải môn.

Chọn hành môn, tức là cảm thấy mình chẳng hiểu, chẳng biết gì cả, việc gì cũng chẳng sánh bằng người khác, người như vậy sẽ rất khiêm tốn, chịu chắc thật niệm Phật, thông thường người như vậy sẽ được vãng sanh phẩm vị rất cao. Người có Giải nhưng chẳng có Hành thì hoàn toàn tương phản, họ cống cao ngã mạn, cứ nghĩ mình giỏi nhất, cứ coi thường việc tu hành, sẽ chẳng thể vãng sanh.

Lãnh chúng tu hành là công việc tự lợi, lợi tha, quan trọng nhất là phải chân thành, chân thật, tự mình có tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính, tâm từ bi thì sẽ thành công.

10. Phương pháp niệm Phật (Buổi sáng 30-01-95)

Tu hành dụng công muôn vàn phải ghi nhớ chẳng thể coi việc khởi vọng tưởng thành quán chiếu. Nhưng lúc mới bắt đầu học, đích thực là có dùng tâm ý thức, nếu quán chiếu đắc lực thì vọng tưởng và phiền não sẽ giảm bớt, trí huệ sẽ tăng trưởng, việc này cho biết việc tu hành của mình đã đi đúng đường. Nếu vẫn còn vọng tưởng, phiền não chẳng đoạn hết thì chứng minh công phu quán chiếu của mình chẳng đắc lực, đây là chỗ khó khăn của phương pháp tu hành thông thường.

Phương tiện của Tịnh Độ Tông là dùng tâm ý thức chuyên thành trì danh hiệu, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, danh hiệu đích xác là chân thật nên dùng vọng tâm, tâm ý thức để trì danh hiệu chân thật này, vọng tâm này tức

là chân tâm. Đây là chỗ thù thắng của pháp môn niệm Phật, cũng là chỗ hết thảy pháp môn khác chẳng có, thế nên mới gọi pháp môn này là pháp môn phương tiện hạng nhất.

Bất cứ lúc nào, chỗ nào đều có thể quy về danh hiệu này, cho đến khi công phu thành phiền, trình độ này cũng giống như trình độ ‘quán chiếu’ trong Tông Môn. Nếu có thể niệm đến Sự nhất tâm bất loạn tức là ‘chiếu trụ’. Niệm đến Lý nhất tâm bất loạn tức là ‘chiếu kiến’. Thế nên cổ đức thường nói: ‘*pháp môn niệm Phật thâm hợp đạo nhiệm mầu*’⁴. Đạo diệu tức là minh tâm kiến tánh, rất nhiều người dùng phương pháp này đắc được định, kiến tánh. Cho dù chẳng được định, chẳng kiến tánh, cũng có thể vãng sanh. Tổ sư đại đức cũng nói:

‘*Gặp được Di Đà thì lo gì chẳng khai ngộ*’

(*Đản đắc kiến Di Đà, hà sàu bất khai ngộ*).

Khai ngộ tức là minh tâm kiến tánh, một khi vãng sanh thì tuyệt đối sẽ khai ngộ, sẽ kiến tánh. Điểm thù thắng của pháp môn Tịnh Độ là ở tại chỗ này.

Nhưng nguyên tắc tu học của pháp môn Tịnh Độ là phải ‘*Phát Bồ Đề tâm, một hướng chuyên niệm*’. ‘Một hướng’ tức là một phương hướng, một lòng một dạ. Bồ Đề tâm là gì? Ngoài cái tâm mình nhất quyết cầu vãng sanh còn phải dùng những thiện xảo phương tiện giới thiệu pháp môn niệm Phật cho người khác, đây tức là Bồ Đề tâm. Vì chúng ta hiểu rõ chỉ có pháp môn này có thể đoạn phiền não, xuất tam giới, có thể bất thoái thành Phật.

Cho nên việc lớn nhất suốt cả đời của người tu học Tịnh Độ là tự mình cầu sanh Tịnh Độ, giới thiệu pháp môn niệm Phật cho người khác, tự hành hóa tha. Trừ việc này ra chẳng còn tâm niệm nào khác nữa, như vậy gọi là ‘*phát Bồ Đề tâm, một hướng chuyên niệm*’. Có tâm nguyện như vậy thì hành trì nhất định sẽ vãng sanh. Tuy chẳng dồn sức để đoạn phiền não, vọng tưởng, nhưng nó sẽ từ từ giảm bớt, trí huệ sẽ tự nhiên tăng trưởng hằng ngày.

11. Nguyên tắc tu hành (*Buổi sáng 01-02-95*)

Việc quan trọng nhất trong việc tu hành là nắm lấy cương lĩnh, giữ chặt nguyên tắc, công phu sẽ dễ đắc lực. *Cương lĩnh, nguyên tắc* tức là ‘*Phát Bồ Đề tâm, một hướng chuyên niệm*’. Nhất định phải hiểu tường tận đạo lý và ý nghĩa của hai câu này, phải thực hành theo ‘Nguyên tắc phải tuân thủ của đồng học Tịnh Tông’, đó là Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện. Nhất định phải ứng dụng trong đời sống hằng ngày, đây tức là tự hành hóa tha.

[Nội dung của tác phẩm] tiết lược (trích lược, trích đoạn và ghi chép lại) sách ‘*Yếu Lược Sa Di Luật Nghi*’ bao gồm những điểm chính của năm khoa mục nêu trên, thế nên ‘Nguyên tắc tu hành’ là thuộc về Hạnh Kinh. Kinh có bốn thứ là Giáo, Lý, Hạnh, Quả. ‘Hạnh Kinh’ là [những gì đức Phật] muốn chúng ta thật sự làm được. Chúng ta thực sự có thể dùng tâm ‘chân thành, cung kính’ để tu học,

⁴ (*Niệm Phật pháp môn, ám hiệp đạo diệu*)

phục vụ chúng sanh, nhất định sẽ được pháp hỷ sung mãn, sẽ được tâm thanh tịnh. Có thể dùng tâm chân thành, tâm cung kính để phục vụ hết thảy chúng sanh chính là tu học Đại Thừa.

Trong pháp Đại Thừa, viên mãn cứu cánh nhất là ‘Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh’. Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát là gì? Tức là Lễ Kính Chư Phật, Xưng Tán Như Lai, Quảng Tu Cúng Dường, Sám Hối Nghiệp Chướng, Tùy Hỷ Công Đức, Thỉnh Chuyển Pháp Luân, Thỉnh Phật Trụ Thế, Thường Tùy Phật Học, Hằng Thuận Chúng Sanh, Phổ Giai Hồi Hướng. Những hạnh này đều nằm trong sinh hoạt hằng ngày. Lễ kính nhất định phải bao gồm chân thành, cung kính; xưng tán nhất định phải pháp hỷ sung mãn; rộng tu cúng dường tức là phục vụ hết thảy chúng sanh. Thế nên Phổ Hiền hạnh bao gồm phạm vi rất rộng lớn, chẳng phải chỉ là lấy một chút tiền bỏ vào bao giấy đỏ là cúng dường đâu, quan điểm này là sai lầm.

Bồ Tát đạo và tinh thần của Phật pháp Đại Thừa chính là rộng tu cúng dường, rộng độ chúng sanh. Kinh Kim Cang nói: *‘Ta làm cho hết thảy chúng sanh đều nhập Vô Dư Niết Bàn để diệt độ’*⁵. Nói theo cách bây giờ thì là: *‘Tận tâm tận lực giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ’*. Kết quả của việc phá mê khai ngộ tự nhiên sẽ là lìa khổ được vui. ‘Mê, phải giúp họ phá hết; Ngộ, phải giúp họ viên mãn’, đây tức là thành Phật, tức là *‘nhập Vô Dư Niết Bàn, nhi diệt độ chi’*. Nếu chẳng sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới mà tu hành ở thế giới này, hoặc tu hành tại mười phương cõi Phật phải trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp mới viên mãn. Nếu có người hỏi tại sao phải chọn Tịnh Độ? Chúng ta có thể nói với họ: *‘Là vì sợ luân hồi, sợ sanh tử, sợ dày vò, sợ chướng ngại, và vì tự lợi lợi tha đạt đến viên mãn nên mới quyết định cầu sanh Tịnh Độ’*.

Sanh đến Tây phương Cực Lạc thế giới chính là như trong kinh có nói: *‘Hết thảy khổ nạn đều lìa khỏi’*. Hơn nữa có thể trong thời gian ngắn viên mãn thành tựu Phật quả. Trí huệ đức năng viên mãn hiện tiền, sau đó mới trở lại chín pháp giới rộng tu cúng dường, phục vụ cho chúng sanh thì sẽ chẳng có chướng ngại nữa, đây tức là việc nhà Phật thường nói: ‘thừa nguyện tái lai’.

12. Phát bồ đề tâm, một hướng chuyên niệm (Buổi sáng 02-02-95)

Người niệm Phật ít nhất phải hiểu rõ tám chữ *‘Phát Bồ Đề tâm, một hướng chuyên niệm’*. Nếu chẳng hiểu rõ tám chữ này thì chẳng thể nào niệm được tốt, công phu sẽ chẳng được đắc lực. Không những chẳng thể chuyển cảnh giới, mà vẫn bị cảnh giới chuyển như cũ; bị cảnh giới chuyển tức là tiếp tục luân hồi lục đạo. Nếu có thể chuyển cảnh giới thì nhất định sẽ được vãng sanh, cho nên tám chữ này vô cùng quan trọng.

Bồ Đề tâm là gì? Làm thế nào phát? Kinh Kim Cang nói: ‘Sanh tâm’, Sanh tâm tức là phát tâm, sanh tức là sanh khởi, ý nghĩa giống như phát khởi. Cư sĩ

⁵ (Nhất thiết chúng sanh, ngã giai linh nhập Vô Dư Niết Bàn nhi diệt độ chi)

Giang vị Nông trong cuốn Kim Cang Giảng Nghĩa nói: ý nghĩa của chữ ‘sanh’ sâu và rốt ráo hơn chữ ‘phát’.

Một hướng chuyên niệm, một hướng có nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nghĩa hẹp là niệm niệm đều hướng về Tây phương Cực Lạc thế giới. Một phương hướng, hướng về Tây phương Tịnh độ, như vậy mới có thể vãng sanh, đây là thuộc về ‘sự’, có thể đạt được Sự nhất tâm. Nói theo nghĩa rộng, ‘nhất’ là Nhất Chân pháp giới, hướng về Nhất Chân pháp giới. Phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát chẳng biết Nhất Chân pháp giới, chẳng nhập vào Nhất Chân pháp giới nên vọng tưởng, chấp trước, chướng ngại trùng trùng.

Nhất chân pháp giới ở tại đâu? Thiết ra, chẳng nơi đâu chẳng phải, chẳng lúc nào chẳng phải [là Nhất Chân Pháp Giới]. Người hiện nay ưa nói về ‘đột phá’. Nhất chân thì sẽ đột phá hết thấy. Các khoa học gia và triết học gia trong thế gian tư duy, tưởng tượng, cảm nhận về thời gian và không gian, đặc biệt là thời gian không gian nhiều chiều, tức là không gian bốn chiều, không gian năm chiều, sáu chiều, ... cho đến không gian vô số chiều, trên thực tế tức là ‘pháp giới’ nói trong nhà Phật. Pháp giới chia một cách đại khái thì có mười pháp giới, nếu chia nhỏ ra thì thành vô lượng vô biên, cách nói này rất kề cận với không gian vô số chiều. Những hiện tượng này đều là từ vô minh, bất giác sanh ra, nếu có thể đột phá từng tầng thì có thể nhìn thấy Nhất Chân pháp giới; khi nhìn thấy Nhất Chân pháp giới thì thành Phật rồi, như nhà Thiền nói ‘kiến tánh thành Phật’. Nhất Chân tức là chân tánh, chân tâm. Phật nói hết thấy vạn pháp duy tâm hiện, thập pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm (không gian nhiều chiều) là do duy thức biến. Có thể nương vào phương hướng này một hướng chuyên niệm thì sẽ được Lý nhất tâm bất loạn, đây gọi là ‘biết niệm Phật’, công phu để đắc lực.

Hiện tượng công phu đắc lực tức là vọng tưởng, phiền não, phân biệt, chấp trước sẽ ngày càng giảm bớt, trí huệ ngày càng tăng trưởng, tâm địa ngày càng thanh tịnh, tự tự nhiên nhiên sẽ buông xuống. Họ từ bi, họ chịu niệm Phật, đây đều là hiện tượng công phu đắc lực. Trong đời sống hằng ngày những hiện tượng này của chúng ta chẳng thể hiện tiền tức là còn mê hoặc điên đảo rất nặng cho nên công phu chẳng thể đắc lực.

Lời nói của Phật, câu nào câu nấy cũng đều chân thực. Kinh Kim Cang nói: *‘Phàm hết thấy các tướng đều là hư vọng’*. Hết thấy tướng đích thực là hư vọng, là mộng, huyễn, bọt, bóng. Nếu ở trong đó khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, như vậy tuyệt đối là sai lầm. Nghĩ trong đó có thể có cầu, có được thì tuyệt đối là vọng tưởng. Có những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này bày trước mặt là chướng ngại to lớn. Không những chướng ngại chứng đạo, vãng sanh, còn chướng ngại công phu đắc lực. Những thứ chướng ngại này đều do tự mình tạo thành nên vẫn phải do mình tự giải trừ, bất cứ người nào cũng chẳng thể giúp mình giải trừ, cho dù là Phật, Bồ Tát cũng chẳng có năng lực ấy.

13. Làm thế nào mới được vãng sanh (Buổi sáng 03-02-95)

Trong cả đời tu học nếu người tu hành chẳng thoát khỏi tam giới thì chẳng kể là thành công, nhưng siêu việt tam giới thực sự là một việc rất khó. Tuy nói Tịnh Độ là pháp dễ hành (*dễ hơn so với những pháp môn khác*), trên thật tế thì cũng chẳng dễ, thế nên người niệm Phật thì nhiều nhưng người vãng sanh rất ít.

Người vãng sanh thực sự gồm có hai hạng. Một hạng là những người thượng căn lợi trí, họ có thể thông suốt chân tướng sự thật nên họ chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, tịnh niệm tiếp nối mà vãng sanh. Hạng thứ nhì là những người ‘ngu độn’, phần đông thường nói là những ông già, bà cả, cái gì họ cũng chẳng biết, chẳng hiểu, nhưng họ chết lòng trọn ý niệm câu A Di Đà Phật đến cùng, những người này cũng có thể vãng sanh. Còn những người ở chính giữa chẳng phải là thượng trí cũng chẳng phải là hạ ngu thì khó hơn. Tại vì họ có phân biệt, có tri kiến, đây tức là chướng ngại. Chúng ta phải nên lắng lòng suy nghĩ xem chúng ta thực sự thuộc về hạng nào?

Bắt chước theo người thượng trí rất khó; bắt chước người ngu chỉ cần thực sự chịu học theo thì có thể học được, tức là phải buông xả hết thảy. Quan trọng nhất là phải buông xả hết danh văn lợi dưỡng. ‘Lợi dưỡng’ bao gồm ngũ dục, lục trần, ‘danh văn’ bao gồm quyền thế, địa vị, hết thảy chúng ta đều đừng đụng đến, chỉ một lòng một dạ chắc thật niệm Phật, phục vụ đại chúng.

Như Đàm Hư pháp sư nói trong phần sau của cuốn Niệm Phật Luận, trong những người xuất gia có thầy Tu Vô, thầy là người ngu độn, cái gì cũng chẳng biết, cái gì cũng chẳng hiểu. Bà họ Trương ở chùa Trạm Sơn, Thanh Đảo, chồng bà làm nghề kéo xe chở khách, một ngày không kéo xe thì chẳng có cơm ăn. Mỗi ngày chủ nhật chùa Trạm Sơn có pháp hội, bà đều đến nhà bếp giúp việc rửa chén, bà làm những việc cực nhọc này, bạn hãy xem họ vãng sanh vô cùng thông dong, tự tại! Đó là những người ‘ngu độn’. Người ngu cũng có thể vãng sanh, người tuyệt đỉnh thông minh cũng có thể vãng sanh, những người ở chính giữa hai hạng này thì khó hơn nhiều.

Khó khăn đều là chướng ngại do mình tạo ra – tranh danh đoạt lợi, tham hưởng lợi dưỡng. Chúng ta có thể gặp được pháp môn Tịnh Độ là một nhân duyên hiếm có, nếu luông qua nhân duyên hy hữu này thì thiệt là vô cùng đáng tiếc!

14. Sám hối (*Buổi sáng 04-02-95*)

[Các pháp] trong Hạnh môn có thể tóm lại thành một, đó chính là pháp Sám hối – Sám hối nghiệp chướng [trong Thập Nguyện] Phổ Hiền Bồ Tát. Điều quan trọng trong pháp sám hối là sửa đổi tâm niệm, sửa đổi hành vi, dù chẳng có hình thức nhưng là chân sám hối. Nếu có đầy đủ hình thức và y theo kinh văn mà làm lấy có, chẳng biến cải tâm niệm thì chẳng phải là sám hối, chẳng có ích gì hết.

Phật dạy Bồ Tát tu hành tức là dạy Bồ Tát nên nghĩ tưởng về chúng sanh, phục vụ chúng sanh, đó là Bồ Tát đạo, Bồ Tát hạnh. Luôn vì chúng sanh là Bồ Tát đạo, phục vụ cho chúng sanh là Bồ Tát hạnh. Phạm phu khi khởi tâm động

niệm đều vì mình, đều làm cho mình, thế nên chỗ khác biệt giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu là ở tại chỗ này.

Hộ trì đạo tràng điểm quan trọng nhất là Lục Hòa Kính, buông bỏ Lục Hòa Kính thì chẳng là đạo tràng Phật pháp, chẳng phải đạo tràng của Phật thì nhất định phải là đạo tràng của ma. Đạo tràng của Phật là dùng để hoằng pháp lợi sanh, là nơi để hướng dẫn đại chúng tu hành, làm cho đại chúng phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Hướng về mục tiêu này mà làm thì đúng, đây là đạo tràng của Phật. Nếu chiếm giữ đạo tràng của Phật mà chẳng làm công tác giáo học, bỏ việc chánh và chuyên làm những chuyện chẳng cần thiết thì là ma sự. Là Phật hay là Ma đều ở tại một niệm, làm Phật thì có thể vãng sanh, làm Ma thì đời sau nhất định sẽ đi vào tam ác đạo, cho dù bạn làm hết thấy thiện pháp thì cũng chẳng tránh khỏi đọa lạc. Tại sao vậy? Vì bạn đã phá hoại chánh pháp. Do đó hết thấy thiện pháp chẳng bù nổi tội lỗi này.

15. Ba giai đoạn của sự tu hành

(Buổi sáng 05-02-95)

Đích thực chúng ta đã gặp chẳng ít người chân chánh muốn tu hành, thực sự muốn thành tựu, nhưng cửa ải khó khăn nhất là vọng tưởng và tạp niệm, muốn trừ nhưng chẳng trừ nổi. Vấn đề này chẳng phải người đời nay mới có, từ xưa đến nay đều như vậy. Trong kinh điển đức Phật dạy chúng ta, đây cũng là một đề mục chính, làm thế nào để đoạn trừ vọng tưởng, chấp trước. Thực ra hết thấy các kinh luận đều nhằm giải quyết vấn đề này. Phật đã giảng rất thấu triệt, phương pháp cũng rất khéo léo, đáng tiếc là chúng ta chẳng ráng sức mà làm nên từ vô lượng kiếp đến nay đều bị vọng tưởng phiền não trói buộc, chẳng thể giải thoát. Có rất nhiều phương pháp giải quyết mà trong đó niệm Phật đích thực là một phương pháp tốt nhất nhưng nhiều người chẳng dùng.

Người niệm Phật, miệng thì niệm Phật hiệu nhưng trong tâm cứ khởi vọng tưởng không ngừng, như vậy thì chẳng thể thành tựu. Miệng niệm và tâm cũng phải niệm, tâm và miệng có tương ứng thì công phu mới đắc lực. Đắc lực tức là có thể đè nén vọng tưởng, phiền não. Đè nén được lâu rồi thì sẽ đắc định, sẽ thành tựu tam muội. Định được lâu thì sẽ khai mở trí huệ, trí huệ vừa khai mở thì liền chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn, đó là thành công. Chỉ cần công phu được đắc lực, có thể đè nén vọng tưởng và phiền não thì có thể đối nghiệp vãng sanh. Đây là chỗ pháp môn này thù thắng hơn những pháp môn khác. Chỉ cần chịu dụng công thì ai cũng có khả năng làm được hết.

Vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cổ đức nói: *'Đã gặp được Di Đà thì lo gì chẳng khai ngộ'*, gặp được đức Phật A Di Đà thì không ai chẳng khai ngộ. Khai ngộ là khai mở trí huệ, khai trí huệ tức là chuyển phiền não thành Bồ Đề.

Chúng ta thường đề xướng khuyến khích mọi người, sự tu hành của chúng ta có ba giai đoạn:

a. *Giai đoạn thứ nhất: Đọc thuộc kinh văn.* Niệm kinh ba ngàn lần, đọc thuộc lòng kinh, ghi nhớ lời dạy trong kinh, nếu lời dạy của Phật cũng chẳng nhớ thì tu cái gì? Làm sao để tu theo lời dạy? Đây là bước thứ nhất.

b. *Giai đoạn thứ nhì: Yêu cầu viên giải (hiểu biết một cách viên dung, trọn vẹn).* Phải hiểu rõ những lời dạy của Phật, phải hiểu được viên dung thì mới chẳng chết cứng trên văn tự. Phải hiểu lời dạy của Phật là có nguyên lý nguyên tắc gì, phải có thể ứng dụng những lời dạy này một cách khéo léo trong đời sống hằng ngày, như vậy mới chẳng là chỉ đọc suông, đó mới là khai trí huệ.

c. *Giai đoạn thứ ba: Là phải thực hành,* y theo lý luận và phương pháp dạy trong kinh để sửa đổi tư tưởng, sự hiểu biết, hành vi sai lầm của mình, như vậy mới gọi là chân chánh tu hành, như vậy thì mới vãng sanh được. Chứ chẳng phải đọc kinh ba ngàn lần là xong xuôi, đọc như vậy chẳng có ích gì hết. Phải biết từ đầu đến cuối Phật pháp đều chú trọng thực hành, nghĩa là phải làm cho bằng được.

Chân chánh tu hành là tu ở nơi khởi tâm động niệm chứ chẳng phải là ở chỗ học thuộc lòng. Nhớ nhiều, hiểu nhiều chẳng hữu dụng gì hết, phải làm cho bằng được. Có thể làm được một phần thì sẽ được một phần lợi ích; làm được hai phần thì được hai phần lợi ích, nếu chẳng hết lòng nỗ lực mà làm thì không thể nào đạt được lợi ích chân thật này.

16. Bồ Tát hạnh (Buổi sáng 07-02-95)

Phật dạy chúng ta những gì: Tổng hợp lại thì chính là ‘sửa đổi tâm niệm’. Tâm phàm phu là gì? Tâm Phật, Bồ Tát là gì? Phải hiểu rõ, minh bạch hoàn toàn. Làm thế nào để thay đổi tâm phàm phu thành tâm Phật? Làm sao thay đổi sự hành trì của phàm phu trở thành sự hành trì của Phật, Bồ Tát? Nếu tự mình chúng ta chẳng hiểu đạo lý này, chẳng gắng sức đi làm mà còn giả danh Phật pháp, dạy sai chúng sanh, tội lỗi đều ở địa ngục A Tỳ, đây là việc Phật, Bồ Tát chẳng muốn nhìn thấy. Cho nên những người đảm nhiệm trọng trách giáo học nhất định phải ráng sức nỗ lực khắc phục tập khí, khó khăn của mình.

Phật pháp và Thế pháp là một chứ chẳng phải hai. Dùng tâm của Phật, Bồ Tát vào thế gian thì Thế pháp thành Phật pháp, chẳng có pháp nào chẳng phải là Phật pháp. Dùng tâm phàm phu vào Phật pháp thì hết thấy Phật pháp đều biến thành pháp thế gian. Từ điểm này có thể biết cái gọi là Phật pháp và Thế pháp đều chẳng ở tại sự tướng mà ở tại tâm niệm của mỗi người, đó là ‘tâm tịnh thì cõi nước tịnh’.

Phật pháp chẳng làm hoại thế gian pháp cho nên lúc Thế Tôn còn tại thế, khi dạy rất nhiều tín đồ của các tôn giáo ở Ấn độ, Phật chẳng thay đổi phương thức sanh hoạt của họ, chỉ sửa đổi quan niệm của họ cho đúng, giúp họ từ sinh hoạt mê tín quay trở về sinh hoạt giác ngộ, chánh tín. Thế Tôn chẳng thay đổi họ, chỉ thêm vào cách giải thích mới, tư tưởng mới, quan niệm mới, phương pháp này

đúng như thánh nhân Trung quốc gọi là: ‘*vô cùng cao minh nhưng đường lối trung dung*’⁶, đó mới là trí huệ chân thật.

Sanh hoạt giác ngộ tức là Bồ Tát hạnh, nói cách khác nghĩa là từ sanh hoạt của phàm phu đổi thành sanh hoạt của Bồ Tát. Nhưng sanh hoạt chẳng có biến đổi, lúc trước làm nghề nghiệp gì thì bây giờ cũng làm nghề đó, khác nhau ở chỗ lúc trước là mê, bây giờ đã giác ngộ. Lúc mê thì khổ, lúc giác thì vui, cái niềm vui này chính là ‘*pháp hỷ sung mãn*’, khác nhau ở chỗ này. Chẳng thay đổi đời sống của họ, chẳng thay đổi chức nghiệp, ngành nghề của họ. Năm mươi ba lần tham vấn trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy những Bồ Tát, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, tức là các ngành nghề vốn có của họ, trong đời sống tập quán sanh hoạt vốn có của họ giác ngộ xong thì lìa khổ được vui, đây là Phật pháp.

Thí dụ chúng ta làm việc trong nhà bếp, mỗi ngày nấu cơm, rửa chén, lau bàn, người thế gian cho những việc này là những việc khổ nhọc, nhưng người giác ngộ cho là những việc sung sướng, thiết ra những chuyện này trong Lục Độ vạn hạnh tức là Giới Định Huệ tam học. Công việc giống như nhau, sự việc cũng giống nhau, chỉ là tâm lý, quan niệm thay đổi. Vừa thay đổi thì là đời sống của Bồ Tát. Đời sống của Bồ Tát là gì? Tức là mỗi ngày nấu cơm, lau bàn, rửa chén. Kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta những thứ này, dạy chúng ta làm thế nào để sống một đời sống sung sướng nhất, hạnh phúc nhất. Đây là sự thật, đây tức là tu hành, Đại Thừa Bồ Tát hạnh, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là tu ở chỗ này. Người chẳng hiểu cho rằng mỗi ngày làm những chuyện này thiết là khổ quá chừng, các bà nội trợ ai cũng muốn chạy trốn. Như vậy là mê, mê thì sẽ khổ; khi ngộ rồi thì sẽ vui. Người giác ngộ biết tu bố thí, tu xưng tán, tu cúng dường, tu nhẫn nhục, tu thiên định, tu Bát Nhã ngay trong những trường hợp này. Thế nên mê và ngộ hoàn toàn sẽ chẳng giống nhau.

17. Tu thanh phước (Buổi sáng 08-02-95)

Họa phước thiết ra ở tại một niệm mà thôi. Một niệm thiện thì là phước, một niệm ác là tai họa. Phật dạy chúng sanh phước huệ song tu, khi phước huệ viên mãn rồi thì xưng là Nhị Túc Tôn, thế nên tu phước và tu huệ đều vô cùng quan trọng. Trong các thứ phước báo, ‘*thanh phước*’⁷ là quý nhất. Trong thanh phước có trí huệ cao độ cho nên chẳng tạo tội nghiệp. Trong phước báo của thế gian thì phước báo càng lớn tạo tội càng dễ, vì vậy nên tác dụng phụ [của phước báo] cũng lớn. Đây là điểm chúng ta phải ghi nhớ.

⁶ *Cực cao minh nhi đạo trung dung*

⁷ *Thanh phước là đối với si phước mà nói.*

“*Thanh phước*” chính là tu phước nhằm trưởng dưỡng Pháp Thân huệ mạng, chứ không phải cầu phước báo nhân thiên, tu phước nhằm thực hiện “*phước huệ song tu*”, tu phước nhưng không cầu báo, tu phước nhưng không chấp tướng, làm phước tự nhiên như đói ăn khát uống, đó gọi là “*thanh phước*”. Còn “*si phước*” là làm lành nhưng không biết hồi hướng về Tịnh Độ, hoặc để cầu vô thượng Bồ Đề, chỉ nhằm được hưởng phước báo trời người đời sau.

Nếu chúng ta có thể hiểu rõ thanh phước, hưởng thọ thanh phước thì phước báo này thiệt là vô lượng vô biên, trí huệ nhất định sẽ tăng trưởng theo. Chúng ta phải cố gắng tu phước và khuyên mọi người tu phước, khi mọi người đều có phước báo rồi thì khu vực này sẽ chẳng bị nạn. Giả sử chỉ có cá nhân mình có phước, mọi người khác chẳng có phước thì chúng ta cũng chẳng thể tránh khỏi cộng nghiệp, thế nên khuyên lơn chúng sanh tu phước là một việc vô cùng, vô cùng quan trọng.

Phải tu phước như thế nào? [Những gì chúng ta] nghĩ và làm đều vì chúng sanh, có thể quên mình thì đó là phước báo to lớn. Tạo ác là gì? Niệm niệm đều vì mình mà tưởng, mà làm thì đó là chuyện ác to lớn.

18. Mục tiêu của sự tu hành

(Buổi sáng 09-02-95)

‘Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi.

Nhìn thấu, Buông xuống, Tự tại, Tùy duyên, Chắc Thật Niệm Phật’ là mục tiêu hiện nay của chúng ta trong công việc hoằng pháp lợi sanh, và cũng là mục tiêu tu học của chúng ta. Tất cả những kinh luận, hành pháp đều nhằm giúp chúng ta đạt đến mục tiêu này, hoàn thành mục tiêu này.

Chúng ta tự hành hóa tha đã có phương hướng, mục tiêu chính xác, đời sống này mới có ý nghĩa, có giá trị, sẽ rất vui sướng và rất hạnh phúc. Hy vọng đại chúng từ điểm này thể hội -- tự mình phải nên tu học như thế nào, làm thế nào đãi người, tiếp vật. Đây là Phật pháp chân chánh, Phật pháp chân thực.

19. Ly tướng tu phước (Buổi sáng 09-02-95)

Xả tài là phước, nhưng càng quan trọng hơn là phải chẳng chấp tướng. Tu phước mà chấp tướng là phước báo nhân thiên, tu phước mà ly tướng mới có thể minh tâm kiến tánh, mới có thể vãng sanh, bất thoái thành Phật.

Chẳng những ngoại tài có thể xả, nội tài cũng phải xả. Nội tài là gì? Tinh thần, lao lực của chúng ta, nếu có thể phục vụ cho đại chúng một cách vô điều kiện thì gọi là xả nội tài. Chẳng cầu báo đáp, thực sự vì xã hội, vì đại chúng mà phục vụ là bố thí.

20. Phước báo và trí huệ (Buổi sáng 11-02-95)

‘Có tiền là phước báo, dùng tiền là trí huệ’. Nếu người có phước báo to lớn nhưng chẳng có trí huệ, toàn bộ [tiền của] họ dùng đều vô ích; người có trí huệ tuy phước báo nhỏ nhưng họ có thể đem mỗi đồng tiền của họ tu những phước báo to lớn, đó gọi là ‘xả tài tu phước’. Từ đó có thể biết người chẳng có trí huệ muốn tu phước cũng chẳng tu được.

Trên thực tế xét từ lúc tu nhân mà nói thì trí huệ quan trọng hơn phước báo, vì người có trí huệ sẽ chẳng tạo tội nghiệp và giảm bớt những lỗi lầm của mình

đến mức thấp nhất; người chẳng có trí huệ khi tạo tội nghiệp còn tưởng là mình đang tu phước. Trước mắt chúng ta có thể nhìn thấy rất nhiều trường hợp này, họ thiệt là có tiền và cũng phát tâm nhưng những gì họ tạo tác đều là tội nghiệp, chẳng phải tu phước, lại cứ tưởng mình đang tu phước, chuyện này thiệt là rất đáng tiếc.

21. Tùy hỷ (Buổi sáng 12-02-95)

Trong các đoàn thể, phiền não tập khí dễ nhìn thấy nhất là ‘đố kỵ’. Người nào chẳng có tâm đố kỵ? Ai nói ‘Tôi chẳng có tâm đố kỵ’ thì người đó chẳng phải là phàm phu. Hễ là phàm phu thì chắc chắn sẽ có tâm đố kỵ, cho dù là người xuất gia cũng chẳng ngoại lệ. Tùy, Đường là thời đại hoàng kim của Phật giáo Trung Quốc, là thời đại Phật pháp vô cùng hưng thịnh, Lục Tổ Huệ Năng đã xuất hiện trong thời đại này. Sau khi được truyền trao y bát ở Hoàng Mai, bạn xem ai có thể nhìn được [không giành lại y bát]? Đây là hiện tượng gì? Đố kỵ!

Nếu chúng ta không thể hàng phục được tâm đố kỵ, tham, sân, si, mạn, chẳng những đạo nghiệp không thể thành tựu mà kết quả của việc này nhất định sẽ phá hoại đạo tràng. Cho dù ảnh hưởng không rõ ràng thì cũng gây chướng ngại cho sự phát triển của đạo tràng và gây chướng ngại cho sự thành tựu của đồng tham đạo hữu. Nói một cách khác thì là chướng ngại cho việc hoằng pháp lợi sanh. Mọi người đều biết tội này được gọi là ‘năm tội vô gián’ trong giới luật. Thế nên Phật, Bồ Tát dạy chúng ta tu ‘Tùy hỷ’. Tại sao không tu tùy hỷ? [Tại sao phải tu tùy hỷ?] Thay đổi tâm niệm ngược lại, nếu có thể tùy hỷ thì người ta có thành tựu bao lớn, thành tựu của mình cũng sẽ bằng họ, công đức của việc tùy hỷ chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc thấy người khác làm việc tốt nếu chúng ta có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể giúp họ, giúp họ thành tựu thì công đức của họ chính là công đức của mình, thế nên chúng ta phải biết tu tùy hỷ. Những gì mình không thể làm được nhưng họ làm được thì mình giúp họ; nếu giúp chẳng được thì mình tán thán, mình hoan hỷ, mình lo lắng cho họ, như vậy công đức sẽ bằng nhau vì tâm của mình được thanh tịnh, đây là việc mà chúng ta thường gọi là pháp hỷ sung mãn.

Đây cũng là lý do tại sao chúng ta đối khóa tụng buổi tối thành tụng kinh Vô Lượng Thọ, phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy. Chúng ta có thể mỗi ngày đọc những tập khí lỗi lầm nói trong đoạn kinh này một lần, đọc xong phản tỉnh, kiểm điểm xem mình có những tội lỗi này hay không? Nếu có thì phải sửa sai đổi mới, như vậy mới gọi là chân chánh tu hành.

22. Khóa tụng sáng tối (Buổi sáng 12-02-95)

‘Xã hội’ hiện nay có thể nói là đã lan rộng đến toàn thế giới, chẳng còn giới hạn ở một địa phương nào, đều có sự hiểu lầm rất lớn đối với Phật pháp. Sự hiểu lầm này sẽ gây chướng ngại cho sự tu học Phật pháp, chướng ngại cho sự

truyền bá Phật pháp. Thế nên cần phải in hai cuốn sách mỏng ‘Nhận thức Phật giáo’ và ‘Truyền thọ Tam Quy’ với số lượng thật nhiều và truyền bá rộng ra.

Tu hành, những khóa tụng và nghi thức mà cổ đức soạn ra đích thực có thể đem lại lợi ích cho hết thầy chúng sanh thời xưa. Ngày nay nghiệp chướng chúng sanh sâu nặng và cơ sở đã mất hết – cơ sở là chẳng đọc sách Không - Mạnh, Lão - Trang, những lý luận Đạo giáo cũng chẳng hiểu, Tiểu Thừa cũng chẳng học. Giống như ngày nay chúng ta xây nhà lầu mà chẳng có nền móng vậy, chẳng có cơ sở thì đi vào Đại Thừa làm sao có thể thành tựu được? Xưa nay phàm những đại đức có thành tựu bất kể là tại gia hay xuất gia, căn bản Nho học của họ đều rất sâu dày. Vì vậy những nghi quỹ (thời xưa gọi là Khoá tụng sáng tối) bây giờ chẳng dùng được. Mục đích của công khóa sáng tối là nhằm giúp chúng ta sửa đổi tâm hạnh, nếu chúng ta tụng xong mà tâm hạnh chẳng có thay đổi gì hết thì khóa tụng sáng tối này cũng dư thừa. Vì vậy chúng tôi mới thay đổi nội dung của khóa tụng, buổi sáng tụng phẩm thứ sáu, buổi tối tụng phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ.

Mục đích của khóa sáng là hy vọng trong tâm của mỗi người đều có bốn mươi tám lời nguyện, như vậy mới gọi là niệm Phật, nhớ Phật. Trong tâm thực sự có Phật, trong tâm có A Di Đà Phật, có bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà. Trong bốn mươi tám nguyện này bao gồm hết thầy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây phương Cực Lạc thế giới. Khóa tối là niệm niệm chẳng quên lời dạy của Phật A Di Đà, chúng ta phải y giáo phụng hành, như pháp tu trì, đây mới thực là chân chánh niệm Phật, chẳng phải niệm suông trong miệng mà thôi.

Kinh Vô Lượng Thọ là đốn giáo. Đốn giáo nghĩa là chẳng có thứ lớp, cho dù chúng ta chẳng có cơ sở Nho học sâu dày cũng có thể thành tựu, đây là chỗ thù thắng của pháp môn này. Từ đó có thể y theo nguyện của A Di Đà Phật mà phát nguyện, y theo lời dạy của A Di Đà Phật mà tu hành -- phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy là lời dạy của A Di Đà Phật, nội dung là ngũ giới, thập thiện, là cơ sở chung của Đại Thừa và Tiểu Thừa. Từ đây gắng sức học tập, chúng ta niệm Phật mới có thành tựu, đây là lý do tại sao chúng tôi thay đổi khóa tụng sáng tối.

23. Tâm thanh tịnh (Buổi sáng 14-02-95)

Trong thời đại ngày nay muốn tu hành có được thành tựu thì chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trừ con đường này ra thì đích thực chẳng có con đường nào khác. Niệm Phật phải niệm đến lúc nào thì mới thực sự nắm chắc có thể vãng sanh? Phải niệm đến lúc tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh tức là công phu thành phiên, có thể đối nghiệp vãng sanh.

Làm thế nào có thể làm được tâm thanh tịnh? Nhất định phải có công phu ‘nhìn thấu, buông xuống’. Nhìn thấu là học vấn, buông xuống là công phu. Buông xuống những gì? Buông xuống hết thầy vọng tưởng, phiền não, tri kiến. Chân

chánh phải học Lục Tổ Huệ Năng đại sư: ‘*Nếu là người tu đạo chân chánh, chẳng nhìn lỗi thế gian*’ thì tâm bạn sẽ thanh tịnh.

Ngày nay chúng ta vẫn còn thấy người này chẳng đúng, chuyện kia cũng chẳng đúng là vì nguyên nhân gì vậy? Vì chúng ta có phân biệt, chấp trước. Chỉ có người chân chánh muốn vắng sanh thì mới thiết buông xuống hết. Tăng đoàn là tăng đoàn hòa hợp, thanh tịnh -- không những chẳng nghe đến thị - phi, ngay cả trong tâm cũng chẳng có tâm niệm này.

24. Học (*Buổi sáng 14-02-95*)

Trong xã hội có câu: ‘Học làm người’. Học làm người tức là học luân lý, đạo đức. Thí dụ học Thập thiện, Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) tức là học làm người của trời Dục Giới, họ cao hơn chúng ta một bậc. Học Tứ thiên bát định tức là học làm người của trời Sắc Giới, cảnh giới này còn cao hơn. Học Bốn mươi tám nguyện, học Lục Độ, Thập đại nguyện vương tức là học làm người của Tây phương Cực Lạc thế giới, đây mới là việc chúng ta thực sự muốn học.

‘Học’ chẳng có nghĩa là ‘tôi hiểu, tôi biết rõ’ thì xem là đã học rồi. Chữ học ở đây có nghĩa là ‘noi gương’, ‘học tập theo’, đây là động từ chứ chẳng phải là danh từ, tức là muốn chúng ta chân chánh làm cho bằng được. Ngày nay chúng ta tu hành tự mình chẳng đạt được pháp hỷ, đó chỉ là sống qua ngày, tại sao chẳng được pháp hỷ? Vì chúng ta chẳng thực lòng học tập.

Học phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ đọc kinh. Trong kinh dạy chúng ta phải làm như thế nào thì chúng ta làm như vậy, y theo kinh điển mà hết lòng phản tỉnh, mỗi ngày có thể phát hiện một lỗi lầm của mình, như vậy tức là giác ngộ. Mỗi ngày có thể sửa đổi một lỗi lầm thì mới là chân tu, cũng như lão cư sĩ Hạ Liên Cư trong cuốn ‘Tịnh Ngữ’ có dạy: ‘Chân cán’ (Làm thực sự). Có thể chân tu, làm thiết, ba năm liền siêu phàm nhập thánh, sẽ chẳng là phàm phu nữa; nếu chẳng chịu học, chẳng chịu làm thì chẳng có cách gì hết.

Phải đọc kinh như thế nào? Phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính mà đọc, được vậy thì sẽ có chỗ ngộ. Có nhiều người đọc kinh rất khổ, tại sao vậy? Vì họ dùng tâm vọng tưởng, phân biệt, phiền não để đọc, hoàn toàn chẳng thể hội ý tứ, cảnh giới trong kinh, vậy thì đương nhiên càng đọc càng khổ. Chỉ có dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để đọc thì mới tương ứng với tâm Phật, mới có thể hiểu được ý tứ trong kinh. Vì chân thành, thanh tịnh, cung kính chẳng có cùng tận, cho nên ý tứ trong kinh cũng chẳng có cùng tận, vô cùng, vô tận.

25. Lục Hòa Kính (*Buổi sáng 16-02-95*)

Người với người ở chung với nhau phải biết bao dung. Phật vì tăng đoàn chế định Lục Hòa Kính, Lục Hòa Kính là đoàn thể thù thắng nhất nên gọi là ‘Chúng Trung Tôn’ – trong các đoàn thể khắp thế gian, xuất thế gian, đoàn thể hòa kính là tôn quý nhất. Đích thực là được chư Phật hộ niệm, Long thiên tán

thán, ủng hộ. Tại sao chẳng thể hòa? Nguyên nhân ở đâu? Đoàn thể càng lớn thì hòa kính càng khó khăn, nguyên nhân căn bản là vì ngã kiến, ngã chấp, đây là nguyên nhân căn bản của sự bất hòa, của sự tạo tội.

Sự tu học của Phật pháp, chẳng nói đến pháp Đại thừa, trong pháp Tiểu Thừa, điều đầu tiên là phải phá ngã kiến, phá ngã chấp. Học Phật đầu tiên phải học cái gì? Là học ‘vô ngã’, vô ngã thì sẽ hòa, vấn đề liền được giải quyết ngay trên căn bản -- chẳng có ngã chấp, chẳng có pháp chấp.

Chúng ta đã phát tâm xuất gia, sanh hoạt trong tăng đoàn là một nhân duyên hiếm có, phải tự mình tôn trọng mình (*tự trọng*), phải hết lòng nỗ lực, coi đạo nghiệp làm hạng nhất, y chúng, nương vào đại chúng, khuyến khích lẫn nhau, trau dồi dùi mài. Tự mình chúng ta có thể thành tựu thì là thành tựu của xã hội, tức là Phật pháp trụ thế có thành tựu, tức là thành tựu chúng sanh lìa khổ được vui. Bạn xem ảnh hưởng của việc này bao lớn? Chúng ta phải tự mình làm một gương tốt, chẳng những làm gương cho người tại gia, đồng thời cũng làm gương cho đồng tu xuất gia, như vậy mới thiết chẳng cô phụ đã một phen xuất gia, đây mới chân chánh là tu tập tích lũy công đức.

26. Phước huệ nhân quả (*Buổi sáng 16-02-95*)

Phải biết hết thấy các pháp trong thế gian và xuất thế gian đều là nhân quả phước huệ. Phước tuy quan trọng, nhưng huệ còn quan trọng hơn. Có phước chẳng có huệ, khi hưởng phước nhất định sẽ tạo tội nặng, đây là như nhà Phật thường nói ‘oán ba đời’. Đến lúc phước hưởng hết, đọa lạc trong ác đạo rồi mới muốn thoát khỏi thì chẳng dễ, không biết phải trải qua bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp?

Có huệ chẳng có phước tuy đời sống rất thanh bản, rất khó khăn, nhưng chẳng tạo tội nghiệp. Họ thế nào cũng có khả năng vãng sanh thành Phật, vì sanh sống quá khổ, họ chán chường đời sống trong thế gian này, dễ sanh khởi đạo tâm. Do đây có thể biết phước báo chẳng phải là chuyện tốt, Phật dạy đệ tử xuất gia phải tu phước nhưng nhất định đừng hưởng phước, cứ sống đời sống thanh bản như cũ, phải dùng sự khổ làm thầy, đạo lý là ở chỗ này, là sợ bạn hưởng phước rồi tạo tội nghiệp.

27. Thật thà (*Buổi sáng 08-05-95*)

Ý nghĩa quan trọng nhất trong kinh Kim Cang là: tu học Đại Thừa Phật pháp là phải tu học trong đời sống hằng ngày. Nói một cách khác tức là dạy cho chúng ta làm thế nào để sống cuộc đời của chư Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát sống cuộc đời đại trí huệ, đại giác ngộ, đời sống như vậy mới là chân thực hạnh phúc mỹ mãn.

Niệm Phật chẳng thể thành tựu là vì chẳng thật thà (*chẳng chắc thật*). Chẳng thật thà là chẳng biết sống cách nào, khi sanh ra đời hò đồ lộn xộn, chết đi

cũng mờ mịt, lộn xộn. Như vậy đúng là rất đáng thương, cũng như trong kinh thường gọi họ là: ‘những người đáng thương xót’.

Sau khi có trí huệ Bát Nhã, hiểu rõ chân tướng của nhân sanh mới biết thật thà, một lòng một dạ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ai có thể tiếp nhận thì người đó sẽ được lợi ích. Nếu chẳng chấp nhận, chẳng thể chắc thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chính là như kinh Địa Tạng có nói: ‘*Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không có gì là chẳng tạo tội*’. Đã tạo tội nghiệp thì đời sau nhất định sẽ còn luân hồi trong lục đạo, bất luận là tu hành tốt đến đâu, nếu chẳng thể thoát ra khỏi tam giới thì đều là chẳng thành tựu.

Mục đích chúng tôi giảng kinh Kim Cang là vì muốn khuyên mọi người, dạy cho mọi người hiểu rõ chân tướng sự thật, phải chết lòng trọn ý thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Những gì nói trong kinh Kim Cang cho đến những gì đức Phật nói trong hai mươi hai năm giảng kinh Bát Nhã đều cũng là vì dạy chúng ta phải nhìn thấu, buông xuống. Tại sao bốn chữ ‘nhìn thấu, buông xuống’ này đã giảng trong suốt hai mươi hai năm? Hãy nghĩ xem ai nghe xong liền nhìn thấu, liền buông xuống được? Nghe thì cũng nghe rồi, nói thì cũng nói xong nhưng vẫn chẳng nhìn thấu, chẳng buông xuống y như cũ. Trong tâm từ sáng đến tối vẫn suy nghĩ lung tung, lời nói hành động vẫn phê bình kẻ khác, chẳng biết kiểm điểm bản thân mình, đây đúng là nhìn chẳng thấu, buông xuống chẳng nổi.

28. Thừa nguyện tái lai (Buổi sáng 10-05-95)

Tự mình chẳng chịu hết lòng tu hành, nghiệp báo thân thể của bạn là được định sẵn trong số mạng. Nếu tự mình chịu hiến thân vì Phật pháp, hiến thân vì hết thảy chúng sanh thì thân thể này chẳng phải là của bạn nữa mà là thừa nguyện tái lai (nuơng vào nguyện trở lại).

Vì vậy chẳng cần phải đợi đến lúc từ Tây phương Cực Lạc thế giới trở lại đây, chỉ cần bây giờ nguyện lực vừa chuyển thì có thể chuyển biến thân nghiệp báo của mình thành thân của nguyện lực, đây chính là thừa nguyện tái lai. Thừa nguyện tái lai là ngay trong một niệm có thể làm được, trong đây một chút xíu giả dối chẳng thể xen vào, phải là thuần chánh chẳng vọng, xen vào một tí giả dối thì vẫn phải thọ nghiệp báo.

29. Sửa lỗi (Buổi sáng 12-05-95)

Bất luận là xuất gia hay tại gia, hễ là đệ tử Phật tiếp nhận sự cúng dường tài vật nhất định phải đáp trả lại bằng pháp cúng dường. Lúc Phật còn tại thế dùng chế độ trì bát, lúc tiếp nhận cúng dường nhất định phải thuyết pháp cho người ta nghe, đây tức là báo đáp ân của thí chủ. Trong bất cứ trường hợp nào chúng ta tiếp nhận sự cúng dường đều phải biết quy củ, phải biết vì người thuyết pháp. Nếu chẳng có người khai thỉnh thì có thể không thuyết. Có người mời thì nhất định phải thuyết pháp. Nguyên tắc quan trọng nhất của sự thuyết pháp là chỉ rõ những lỗi lầm thông thường của đại chúng, giúp họ sửa sai, như vậy mới có ích

lợi. Thế nên chẳng cần phải nói huyền thuyết diệu, chẳng cần phải nói những lời nói dư thừa chẳng có ích lợi.

Nhà Phật thường nói đến ‘khai ngộ’ và ‘tu hành’, mọi người đều biết danh từ thuật ngữ này, nhưng người hiểu được hàm nghĩa bên trong thì chẳng nhiều. Trong khi đọc kinh sẽ có chỗ ngộ, niệm Phật cũng sẽ có chỗ ngộ, thực ra trong đời sống, lúc đãi người tiếp vật cũng sẽ có lúc ngộ được. Chỗ ngộ được này nghĩa là gì? Nghĩa là phát hiện lỗi lầm. Phát hiện được lỗi lầm tức là khai ngộ, sửa đổi sai lầm trở lại tức là tu hành. Tu hành chẳng phải nói mỗi ngày niệm bao nhiêu cuốn kinh, niệm bao nhiêu Phật hiệu, lạy bao nhiêu lạy. Thật sự mà nói đó đều là hình thức, hình dáng mà thôi. Công phu chân thật là ‘biết lỗi’, ‘sửa lỗi’, có thể làm được bốn chữ này, ngày hôm nay bạn sẽ cảm thấy rất sung mãn, chẳng luống uổng.

Chẳng những người tu hành phải tuân thủ chặt chẽ, chúng ta xem trong Liễu Phạm Tứ Huấn người thế gian có ông Triệu Duyệt Đạo mỗi ngày đều phản tỉnh, đều kiểm điểm, tìm lỗi lầm của mình để sửa đổi, chẳng để tái phạm. Nhưng người học Phật ngày nay trong miệng thì nói huyền thuyết diệu, thực tế công phu thì hoàn toàn chẳng có, cho nên chúng ta thấy người xuất gia thành tựu chẳng bằng người tại gia. Người tại gia học Phật đích thật có một số có thể buông xuống hết thảy; trái lại người xuất gia học Phật, trong miệng nói toàn là Phật pháp, đều là nói huyền thuyết diệu, nhưng những gì trong tâm suy nghĩ và hành động đều là nghiệp nhân luân hồi. Nói thì là phá mê khai ngộ, nhưng trên thực tế những gì tự mình làm đều là mê hoặc điên đảo.

Công phu chân thật phải bắt đầu từ việc kiểm điểm lỗi lầm, tiêu chuẩn này là những lời dạy của đức Phật trong kinh điển. Thế nên tại sao chúng ta phải học thuộc lòng kinh điển? Chính là để nhớ rõ tiêu chuẩn này, nếu nhớ chẳng rõ tiêu chuẩn ấy thì chẳng thể phân biệt thị phi, thiện ác, cứ thường xem sai cho là đúng, đúng cho là sai, đây tức là: ‘điên đảo, sai loạn’. Thế nên nhất định phải nhớ thuộc lòng kinh điển, phải hết lòng tự cứu mình. Nếu có thể siêu việt luân hồi ngay trong đời này, vãng sanh Tịnh Độ thì tự mình thực sự đã được cứu. Nếu chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ, đời này đã luống uổng, những gì tu được trong đời này cũng chẳng có ích gì, tại vì chẳng bù nổi những ác nghiệp đã tạo -- khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều là tham, sân, si, mạn, đố kỵ, chướng ngại. Chư vị nghĩ coi nếu sức lực này mạnh thì sẽ đi vào tam đồ, muốn giữ được hai đường nhân, thiên chẳng phải dễ dàng đâu.

30. Tâm thanh tịnh (Buổi sáng 13-05-95)

Những thức ăn chúng ta thường dùng phải nên cẩn thận để ngừa trúng độc. Nên biết phương pháp giải độc có hiệu quả nhất là tâm thanh tịnh, tâm đại từ đại bi. Đem bất cứ độc dược nào cho Phật, Bồ Tát cũng chẳng tạo nên tác dụng gì hết, nguyên nhân là ở chỗ nào? Vì tâm quý ngài thanh tịnh, từ bi. Thế nên tâm từ bi là thuốc giải độc công hiệu nhất. Còn chúng ta khi khởi tâm động niệm gì cũng tự tư tự lợi nên rất dễ bị những chất độc này cảm nhiễm.

Gần đây chúng tôi nhìn thấy một số người nhất tâm chuyên chú, bất kể là già hay trẻ (lão cư sĩ Lưu Thừa Phù chín mươi mấy tuổi là thí dụ rõ ràng nhất), bạn hãy xem sự biến hóa trên thân thể, trên tinh thần, tướng mạo của họ. Điểm này chứng minh những gì Phật nói đều chẳng giả, đó gọi là chứng chuyên, một trong tam chuyển pháp luân -- chứng chuyên là làm chứng minh⁸. Thế nên chúng ta muốn thân thể khoẻ mạnh, muốn được ít bệnh, ít phiền não, nếu chẳng tu tâm thanh tịnh, chẳng tu tâm từ bi thì chẳng có cách gì làm được hết.

31. Chuyển phước đức thành công đức

(Buổi sáng 14-05-95)

Khi gặp chuyện trong thế gian thì chúng ta làm, đó là tu phước. Lúc làm việc thì đừng sợ chịu thiệt thòi, làm nhiều là tu nhiều phước, như vậy thì có gì chẳng tốt? Lúc làm chẳng nên chấp trước, chẳng nên để trong tâm, trong tâm một dấu vết gì cũng chẳng lưu giữ lại, như trong kinh Kim Cang có nói: *‘Nên không trụ vào đâu để sanh cái tâm ấy’*⁹ Đó mới là phước báo chân chánh, phước đức biến thành công đức. Nếu trong tâm cứ thường nghĩ: ‘Tôi đã từng làm được bao nhiêu việc’, đó tức là pháp thế gian, là phước báo hữu lậu sẽ có quả báo rất nhỏ.

Lúc còn trẻ nên tu một chút phước, đến lúc tuổi già thì bạn sẽ hưởng phước, sẽ có rất nhiều người đến lo lắng cho bạn. Lúc trẻ chẳng chịu tu phước đến lúc già chẳng có ai lo lắng cho thì bạn vẫn phải lao nhọc, những nhân duyên quả báo này thiệt là tởm hào chẳng sai.

B. LUẬN SỰ SANH TỬ TRỌNG ĐẠI

1. Liễu sanh tử (Buổi sáng 27-01-95)

Phổ Hiền Bồ Tát dạy:

‘Thị nhật dĩ quá, mạng diệc tùy giảm

(Một ngày đã qua, mạng cũng giảm theo)

Người sáng mắt nhìn thấy quang âm mòn mỏi, thời gian mỗi ngày trôi qua, mỗi ngày giảm bớt. Nói một cách khác thì tức là ngày càng gần kề cái chết.

Đạo nghiệp của chúng ta có tiến bộ theo thời gian hay không? Chỉ có chân thật tu trì mới có thể liễu sanh tử, xuất tam giới. Nếu chẳng thể liễu sanh tử, xuất tam giới thì đời này sẽ luống uổng. Cho dù niệm Phật tu phước thì cũng như Phật thường nói ‘tam thế oán’ (oán ba đời). Oán ba đời chẳng phải là chuyện tốt, đời này niệm Phật tu phước, đến đời sau hưởng phước thì sẽ trở nên hồ đồ; khi hồ đồ sẽ tạo tội nghiệp, sẽ chịu khổ báo. Những người quyền quý giàu to đều là do đời trước trong nhà Phật từng niệm Phật tu phước nhưng chẳng thể liễu sanh tử. Trong đời này có quyền thế, làm xằng làm bậy, khi tạo tội nghiệp so với những người

⁸ Xin xem chú thích số 46, trang 216

⁹ (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm)

thường đều nặng hơn rất nhiều. Thế nên chúng ta phải nhìn xa một chút, một người chân chánh giác ngộ phải lấy việc liễu sanh tử làm mục tiêu.

Muốn được liễu sanh tử pháp duy nhất trong các pháp Đại thừa mà chúng ta dám chắc [mình có khả năng thành công] là pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu muốn chân chánh làm được thì phải ghi nhớ lời của Phổ Hiền Bồ Tát -- học Bồ Tát đạo, tu Bồ Tát hạnh. Mỗi khi gặp một vị thiện tri thức trong năm mươi ba lần tham vấn, Thiện Tài đồng tử đều hỏi về hai vấn đề này. Cái gọi là Bồ Tát đạo chính là cách giữ tâm, trong những bài giảng chúng ta thường nói: *‘Tâm, Nguyện, Giải, Hạnh phải giống như Phật’*. Tâm và Nguyện tức là Bồ Tát đạo, Giải và Hạnh tức là Bồ Tát hạnh.

Học Phật thì phải học giống Phật, cho dù chẳng thể làm giống y hệt thì cũng phải làm chẳng khác nhiều lắm, như vậy mới gọi là học Phật. Trong thế gian có một số người chuyên làm việc ‘Phật học’ chứ chẳng phải là học Phật. Phật học là gì? Tức là có Giải chẳng có Hạnh, chỉ nghiên cứu Phật pháp như một thứ học vấn nhưng chẳng thể làm theo, họ chẳng có tâm này, và cũng chẳng có cái nguyện này, đó là Phật học; người có Tâm, có Nguyện khi hiểu được bao nhiêu thì họ sẽ làm bấy nhiêu, như vậy mới là một người học Phật. Vì vậy ‘học Phật’ có thể liễu sanh tử, ‘Phật học’ chẳng thể liễu sanh tử, chúng ta phải hiểu rõ hai việc này.

Kinh giáo trong nhà Phật là dung thông – viên dung, thông đạt vô ngại, cho nên thông [đạt] một kinh thì hết thấy kinh đều thông. Không những kinh giáo là dung thông, pháp thế gian, xuất thế gian cũng thông, vì tất cả đều từ chân tâm bản tánh của mình biến hiện mà thành, nó đều có cùng một căn nguyên, không có đạo lý chẳng thông. Tại sao chẳng thông? Chẳng thông là vì có chướng ngại, chướng ngại chính là mê hoặc, điên đảo, phân biệt, chấp trước, chỉ cần phá trừ chướng ngại thì pháp thế gian và xuất thế gian đều viên dung và thông đạt vô ngại.

Quán Thế Âm Bồ Tát hiểu rõ đạo lý này nên được đại tự tại. Tại sao Ngài có thể biết được? Do quán chiếu mà hiểu được. Quán chiếu nghĩa là gì? Lúc sáu căn tiếp xúc với sáu trần bên ngoài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, tất cả đều rõ ràng minh bạch, như vậy gọi là quán chiếu. Nếu có một chút ý tứ ở trong đó thì chẳng gọi là quán chiếu.

‘Quán chiếu’ thực ra là tự tánh tịnh, tức là ‘kiến văn giác tri’ (thấy - nghe - hay - biết) của tự tánh, cho nên có thể thấy được chân tánh. Phàm phu mê mất tự tánh, chỉ dùng tình thức – nghĩa là tám thức, năm mươi một tâm sở, đó là ‘tình kiến’ – tình kiến nghĩa là như người ta thường gọi: ‘có xen lẫn cảm tình’. Cảm tình là gì? Tức là phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Dem theo ‘kiến văn giác tri’ của những thứ này là kiến giải của phàm phu. Do đó có thể biết khi lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì là kiến giải của Phật, Bồ Tát. Kiến giải của Phật, Bồ Tát gọi là quán chiếu, gọi là chiếu kiến. Vì vậy nếu dùng kiến giải của phàm phu để tu hành thì tuyệt đối chẳng thể siêu việt lục đạo.

Phàm phu rất khó lìa khỏi tình kiến, nếu dùng tình kiến để tu học thì hết thấy pháp môn chẳng có pháp nào được thành tựu hết, chỉ có tu học Tịnh Độ mới

có thể. Nhưng chúng ta nên biết tu Tịnh Độ là phải dùng công phu niệm Phật đè nén tình kiến, được vậy thì mới có thể vãng sanh. Nếu đè nén chẳng nổi thì không thể vãng sanh. Cũng có nghĩa là phiền não chưa đoạn, chỉ là tạm thời đè nén mà thôi. Nếu trong sát na lâm chung mà phiền não chẳng hiện lên thì sẽ thành công. Nếu phiền não khởi lên ngay lúc đó thì chẳng thể vãng sanh. Thật ra niệm Phật cũng là ‘quán chiếu’, người biết dụng công so với người tham thiền chẳng có gì khác nhau. Trong ‘Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương’ có dạy: ‘nhiếp trọn sáu căn’, nếu làm được nhiếp trọn sáu căn thì giống hết như tham thiền; thí dụ chúng ta chỉ làm được ‘tịnh niệm tiếp nối’ mà chẳng biết làm thế nào để ‘nhiếp trọn sáu căn’ thì chẳng giống với tham thiền.

C. KHUYẾN KHÍCH THÀNH KÍNH NHÂN SANH

1. Thành kính (Buổi sáng 04-02-95)

Cầu học, cầu đạo đều dùng một chữ ‘cầu’, tự mình phải cầu cho được, nếu tự mình chẳng chịu [tìm cầu] thì chẳng có ai nói cho bạn đâu. Vì chúng sanh chẳng biết và cũng chẳng biết cầu nên chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi hiện thân thuyết pháp, thay thế chúng sanh thỉnh cầu. Trong kinh điển chúng ta thấy những người ‘đương cơ’ là người thay thế chúng sanh [thỉnh] cầu pháp. Trong kinh Vô Lượng Thọ, A Nan đứng ra khai thỉnh tức là thỉnh pháp thay cho chúng sanh.

Đạo và Học nhất định phải có cầu mới nói, dụng ý ở đây là ‘trọng đạo’ – tôn sư trọng đạo. Chỉ có ‘tôn’, có ‘trọng’ thì người học mới đạt được lợi ích. Cũng như Ấn Quang đại sư dạy: ‘*Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính thì được hai phần lợi ích*’. Mười phần thành kính thì người ta sẽ khai ngộ, được lợi ích to lớn. Bởi vậy nên người xưa thường nói: ‘*không thành thì không ngộ*’. Chẳng có tâm thành kính thì lợi ích gì cũng chẳng đạt được, cho dù đến nghe thì chẳng qua chỉ là việc học thông thường mà thôi, chẳng thể nào đạt được lợi ích chân thật.

Lợi ích chân thật là điều mà nhà Nho gọi là ‘biến hóa thân thể’ (biến hóa khí chất) và nhà Phật gọi là chuyển thức thành trí. Nếu có thể biến hóa thân thể thì tức là chuyển phàm thành thánh. Nếu nghe không hiểu thì chỉ là nghe trên lời nói, vãn tự, chẳng có liên quan gì đến tâm tánh của mình. Nếu chẳng có một chút xú thành kính thì chỉ được một tí lợi ích bên ngoài mà thôi. Nếu mọi người lưu ý một chút thì sẽ thấy những hiện tượng này rất rõ ràng.

Có thể chúng ta tự mình sẽ nghĩ: ‘Tôi đích thật đối với thầy rất cung kính, đối với Phật pháp cũng rất cung kính, bản thân cũng rất thâm nhập, vậy thì tại sao chẳng đạt được lợi ích?’. Hãy thử nghĩ: chúng ta đối với người ác thì sao? Đối với người mình ghét thì sao? Có thể cung kính hay chẳng? Trong chân tâm chẳng có phân biệt, có phân biệt thì chẳng là chân tâm. Tôi đối với người này cung kính, đối với người kia chẳng cung kính, cái tâm này là giả, là hai tâm. Thế nên vấn đề phát sanh ở chỗ chẳng có tâm thành kính, chẳng có tâm cung kính.

Tâm cung kính chân chánh tức là nhất tâm, tức là tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh. Bất luận biểu hiện được kiên thành như thế nào, nếu trong tâm còn phân biệt, chấp trước, thì chẳng phải là nhất tâm. Có phân biệt tức là chẳng bình đẳng; chấp trước tức là nhiễm ô, chẳng thanh tịnh, đây là mấu chốt tại sao nghe pháp, đọc kinh chẳng được lợi ích chân thật.

D. KHUYÊN TIN SÂU NHÂN QUẢ

1. Nhân quả (Buổi sáng 26-01-95)

Bát Nhã và Tịnh Độ đều đặc biệt nhấn mạnh nhân duyên quả báo – ‘*nhân như vậy thì quả như vậy, duyên như vậy thì báo như vậy*’¹⁰. Thế nên khi chúng ta khởi tâm động niệm nếu có thể nghĩ đến quả báo tương lai thì tự nhiên tâm sẽ thanh liễm, tự nhiên sẽ bình tĩnh lại. Nếu chúng ta tạo nhân gây chướng ngại cho người khác, tương lai nhất định sẽ nhận quả báo người khác chướng ngại mình, thiệt đúng là ‘*một miếng ăn một miếng uống đều đã định sẵn*’¹¹. Là do ai định sẵn? Là do nhân mình đã tạo định sẵn. Thế nên Phổ Hiền Bồ Tát Thập Nguyên vương dạy chúng ta phải tùy hỷ công đức. Tùy hỷ tức là tâm Bồ Tát, tùy hỷ tức là chẳng gây chướng ngại cho người khác.

Tâm đố kỵ, chướng ngại của phàm phu chúng ta rất nặng, vừa thấy người ta có một chút lợi lộc gì, chúng ta liền cảm thấy khó chịu. Có tâm niệm này thì đã là không đúng rồi, nếu còn tìm cách để phá rối họ, phá hoại họ, thì tội nghiệp sẽ rất nặng. Nếu thiện pháp này có thể đem lại lợi ích cho chúng sanh thì tội lỗi này còn nặng hơn nữa, vì đây chẳng phải chỉ gây chướng ngại cho một người mà là chướng ngại rất nhiều người, vì vậy nên chúng ta nhất định phải hiểu rõ những mối quan hệ nhân quả này.

2. Bồ thí pháp (Buổi sáng 15-02-95)

Trong ‘Hoa Nghiêm Kinh Biệt Hành Sớ Sao’ có giảng về Quảng tu cúng dường – Cúng dường tài vật chẳng bằng cúng dường pháp. Trong kinh vẫn có một đoạn khai thị vô cùng hấp dẫn của cư sĩ Duy Ma, trong đó quan trọng nhất là chân chánh bồ thí pháp không như chúng ta hiện nay tặng vài quyển kinh sách, tặng vài cuộn băng thâu âm [thuyết pháp] thì gọi là bồ thí pháp, chuyện này quá nhỏ bé. Cư sĩ Duy Ma nói: ‘*Pháp bồ thí là dùng thân làm mẫu mực, như pháp tu hành, làm gương tốt cho tất cả chúng sanh, như vậy mới là pháp bồ thí chân chánh*’. Đoạn khai thị này dạy cho chúng ta một điểm rất hay, như vậy chúng ta mới đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp.

Thí dụ chúng ta thực sự bồ thí tài vật, bồ thí pháp, và bồ thí vô úy, tu ba thứ nhân này thì sẽ được ba thứ quả báo -- được giàu sang, thông minh trí huệ, khỏe mạnh sống lâu. Làm cho hết thấy chúng sanh nhìn thấy, để cho họ thấy

¹⁰ (như thị nhân, như thị quả, như thị duyên, như thị báo)

¹¹ (nhất ẩm nhất trác mạc phi tiên định)

những quả báo này và hỏi bạn: ‘Làm sao bạn được lợi ích thù thắng như vậy?’, bạn mới nói cho họ biết [muốn được quả báo như vậy thì] phải tu ba thứ nhân này. Cho nên nhất định phải làm cho người khác nhìn thấy. Khi trì giới thì tự mình hết lòng trì giới, đoạn hết thầy ác nghiệp, làm cho tận đáy lòng mình thực sự đạt được thanh tịnh, thiện lương. Cho đến nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã đều phải thực sự làm cho được, như vậy chính là bố thí pháp.

Nếu bạn làm chẳng được mà nói cho người khác nghe, khuyên người thì chẳng có hiệu quả gì hết, người ta chưa chắc sẽ tin tưởng. Trong kinh đức Phật nói: ‘*Chúng sanh sợ quả, Bồ Tát sợ nhân*’. Chúng sanh nhìn thấy quả báo thì họ mới phản tỉnh. Nhìn thấy quả báo tốt thì họ sẽ ngưỡng mộ, nhìn thấy quả báo không tốt thì họ sợ hãi. Cho nên chúng ta phải làm hết lòng, đem quả báo bày trước mặt mọi người, để tự họ quan sát, phản tỉnh, sau đó sẽ phát tâm học tập, như vậy mới thực sự là pháp bố thí.

E. HIỂU RÕ GIÁO DỤC PHẬT ĐÀ

1. Hiểu lý (*Buổi sáng 29-01-95*)

Việc quý báu nhất của đời người là có một phương hướng, mục tiêu chính xác trong đời sống của mình, tức là có sanh hoạt giáo dục tốt đẹp. Cổ thánh tiên hiền ở Trung Quốc dạy chúng ta làm người tốt, giữ tâm tốt, đây là giáo dục trong một đời. Tu được tốt thì đời sau có thể sanh lên trời, sáu tầng trời Dục giới đều là nơi những người tốt sanh đến.

Đức Phật dạy cho chúng ta phương hướng, mục tiêu đích thực là cứu cánh viên mãn -- viễn ly tam giới, vĩnh viễn thoát ly luân hồi. Nhưng nhất định phải hiểu rõ lý luận, hiểu rõ lý luận là hiểu rõ chân tướng sự thật. Nguồn gốc của tam giới luân hồi là vọng tưởng, chấp trước, đặc biệt là ngã chấp, có cái Ta (ngã), có cái của Ta (ngã sở) là nguyên nhân tạo nên lục đạo luân hồi. Muốn thoát ra tam giới thì phải phá ngã chấp, ngã sở. Ngã sở là những gì mình có, người ta khởi tâm động niệm gì cũng liên quan đến ‘cái mình có’, khi có quan niệm ‘cái của mình’ này thì sẽ chẳng thể thoát ra tam giới lục đạo luân hồi. Phật pháp Đại thừa và Tiểu thừa đều nhằm phá cái Ta này, người tu Tiểu thừa đoạn được ngã chấp thì có thể chứng quả A La Hán, thoát ra được tam giới.

‘Ta’ còn không có thì làm sao có ‘cái của Ta’? ‘Danh văn lợi dưỡng của Ta’ đã làm hại chúng ta thâm trọng. Từ vô lượng kiếp đến nay chúng ta chẳng phải là chưa gặp Phật pháp, và cũng chẳng phải chưa hết lòng tu học qua, vậy thì tại sao ngày nay phải ra nông nổi này? Chính là bị cái ‘Ta’ này, ‘cái của Ta’ này hại đây.

Chỗ cao minh của kinh điển Đại Thừa, đặc biệt là kinh Bát Nhã trong Đại Thừa dạy bạn mỗi khi khởi tâm động niệm gì cũng vì Phật pháp, vì hết thầy chúng sanh. Nhưng người thế gian thường đều lo sợ cho miếng cơm manh áo, đời sống sẽ gặp khó khăn, đây đều là ngã chấp -- chấp trước ‘Ta’, những gì ‘của Ta’. Nếu

có tâm niệm này thì chẳng phải là người học Phật và sẽ chẳng đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp.

Kinh Kim Cang nói rất hay: *‘Nếu Bồ Tát có tướng Ta, tướng Người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ Tát’*, hãy suy nghĩ coi ý nghĩa của câu này là gì? Ý nghĩa chân chánh của câu này là: *‘Nếu mỗi tâm niệm của chúng ta đều còn có ‘Ta’, ‘của Ta’ thì chúng ta chẳng phải là học trò của Phật, đích thực chẳng phải là người học Phật’*. Vẫn còn ‘Ta’, còn ‘cái của Ta’ tức là còn lưu luyến thế gian này nên chẳng thể vãng sanh được.

Tại sao tín đồ Cơ Đốc giáo có thể sanh lên trời? Là vì tâm niệm của họ có thể đem hết thầy vinh dự đều hướng dâng lên Chúa, nếu họ đem hết thầy vinh dự đều cho là của mình thì họ chẳng thể sanh lên trời, vì cái ‘Ta’ của họ chưa phá hết. Thế nên mọi người hãy suy nghĩ kỹ đạo lý này.

2. Bản chất của Phật giáo (Buổi sáng 10-02-95)

Trong thời đại ngày nay Phật giáo cũng đang cải cách, nhưng nếu chẳng thể giữ vững tinh thần chân chánh của Phật giáo thì Phật giáo sẽ biến chất. Một khi biến chất thì Phật giáo chân chánh sẽ bị tiêu diệt, thế nên phải giữ vững bản chất này. Bản chất là những điều ghi trong tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ: ‘Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác’, đây là căn bản, không những là căn bản của Tịnh Tông, mà tất cả hết thầy Phật pháp Đại Thừa đều xây dựng trên căn bản này. Tất cả hết thầy pháp môn đều phải đạt đến mục đích này, tách lìa khỏi mục tiêu này sẽ chẳng là Phật pháp nữa.

Kinh điển trong Phật pháp có vô lượng kho báu, bản thân bạn phải biết đi tìm kiếm, phát hiện. Bất kỳ một bộ kinh luận nào cũng có kho tàng vô tận, hơn nữa hết thầy kinh luận đều hỗ tương thông đạt lẫn nhau. Thế nên thông đạt một bộ kinh thì sẽ thông đạt hết thầy kinh điển. Tại sao lại thông đạt hết? Vì mục tiêu của mỗi bộ kinh đều là ‘Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác’. Chỉ cần bạn đạt được thanh tịnh, bình đẳng, giác thì bạn sẽ thông suốt hết thầy kinh, chẳng có chương ngại gì hết.

Một bộ kinh cũng chẳng thông thì bất kỳ kinh nào cũng chẳng thông, đây là vì lý do gì? Vì chẳng đạt được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, vẫn còn mê hoặc điên đảo cho nên chẳng thông. Nếu mọi người hiểu rõ chân tướng sự thật này thì mới hiểu Phật pháp chú trọng ở chỗ chân chánh tu hành, [có chân chánh tu hành] thì mới thông được. Chẳng tu hành chân chánh, nếu chỉ học trên chữ nghĩa, văn tự thì sẽ tuyệt đối chẳng thể thông được.

3. Giới định huệ (Buổi sáng 09-05-95)

Tu học Phật pháp chẳng thể tách rời ‘Giới Định Huệ’. Giới tức là giữ pháp luật, giữ quy củ, giữ những lời răn dạy của Thế Tôn ghi trong kinh điển, chúng ta tuân theo mà làm.

Mấu chốt quan trọng nhất trong việc tu hành là ‘Định’, Định chính là tâm thanh tịnh. Có thể tu tâm thanh tịnh trong mọi cảnh thuận, cảnh nghịch, chẳng bị hoàn cảnh nhân sự quấy nhiễu, ô nhiễm thì đạo nghiệp của bạn sẽ thành công.

Có Định thì sẽ có Huệ, Huệ tức là có khả năng biết rõ thị phi, thiện ác, tuy có thể biết rõ sự khác nhau nhưng tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm. Một khi khởi tâm động niệm thì đã lạc vào ý thức rồi, sẽ chẳng còn giới - định - huệ nữa. Vì vậy nên chư Phật, Bồ Tát đối với bất cứ ai đều chẳng oán hận, cho dù có người ác, việc ác đến chướng đạo, chư Phật, Bồ Tát đều xem như tự nhiên, chẳng khởi lên tâm oán hận. Tại sao vậy? Hy vọng người ác có thể sớm ngày giác ngộ, có thể quay lại. Vì người ác cũng có Phật tánh cho nên Phật, Bồ Tát đối xử với họ rất tôn kính.

F. ĐIỂN TỊCH PHẢI ĐỌC

1. Ngũ kinh nhất luận (Buổi sáng 14-05-95)

Học Phật và đã phát tâm xuất gia thì nhất định phải gánh vác sứ mạng hoằng pháp lợi sanh, nếu không thì thành tựu sẽ chẳng bằng người tại gia. Hoằng pháp lợi sanh, một đời có thể học một hai bộ kinh thì cũng đủ dùng rồi, chẳng cần phải học quá nhiều. Bộ kinh mà bạn chọn để tu học này, kinh văn và chú giải đều phải học thuộc lòng, nếu chẳng tuân theo phương pháp của các đại đức đời xưa truyền lại, thì sự thành tựu của chúng ta sẽ thua xa người đời trước.

Người đời trước học một bộ kinh không những phải học thuộc lòng kinh văn, mà còn phải học thuộc lòng chú giải. Như trong Tông Thiên Thai họ phải học thuộc lòng ba bộ -- kinh Pháp Hoa, ‘Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm’, ‘Pháp Hoa Kinh Văn Cú’, những cuốn này tính là hai bộ; ngoài ra còn một bộ liên quan đến việc tu hành, đó là ‘Ma Ha Chí Quán’. Đây là điều kiện căn bản để học theo phái Thiên Thai; nếu chẳng học thuộc lòng ba bộ này thì chẳng có tư cách để học Thiên Thai. Cho nên người ngày nay chẳng chịu học thuộc lòng kinh sách thì chẳng có cách nào để vượt hơn chư vị tổ sư. Học kinh Vô Lượng Thọ không những phải học thuộc lòng kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ mà còn phải học thuộc lòng chú giải của kinh Vô Lượng Thọ.

Trong cả đời tôi chỉ gặp được một người vẫn còn dùng phương pháp dạy học thời xưa này, -- đó là Hải Nhân lão pháp sư ở Hương Cảng. Năm 1977 tôi đến thăm ngài, qua năm sau thì ngài vãng sanh, vãng sanh lúc chín mươi mấy tuổi. Ở Hương Cảng ngài chỉ có sáu học trò mà thôi; ngài chuyên nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, chuyên hoằng Lăng Nghiêm, ở Hương Cảng ngài được xưng là Thủ Lăng Nghiêm Vương. Học trò của ngài phải học thuộc lòng kinh Lăng Nghiêm, phải học thuộc lòng chú giải nên học trò của ngài chỉ có sáu người mà thôi.

Nếu muốn thực sự có thành tựu thì không thể không hạ thủ công phu ở chỗ này. Muốn học kinh Vô Lượng Thọ thì Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ rất hay, tốt nhất là có thể học thuộc lòng cuốn này.

Nếu học kinh Quán Vô Lượng Thọ thì chọn ‘Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ’, đây là Sớ của Thiện Đạo đại sư, phải học thuộc lòng cả kinh lẫn chú giải.

Nếu học kinh Di Đà, kinh Di Đà có hai thứ chú sớ: ‘Di Đà Sớ Sao’ và ‘Di Đà Yếu Giải’. ‘Sớ Sao’ tốt nhất nên thêm ‘Diễn Nghĩa’, Diễn Nghĩa là để chú giải cuốn Sớ Sao. Sớ Sao là do Liên Trì đại sư soạn, Diễn Nghĩa do học trò của Liên Trì đại sư là Cổ Đức pháp sư soạn. Sách Yếu Giải thì tốt nhất nên học thêm cuốn Giảng Nghĩa của Viên Anh pháp sư soạn.

Học Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm thì tốt nhất nên chọn ‘Biệt Hành Sớ Sao’, học thuộc lòng hết hai cuốn này.

Học Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương thì chọn Sớ Sao của Quán Đảnh pháp sư.

Học Vãng Sanh Luận thì chọn chú giải của Đàm Loan pháp sư.

Phải có khả năng học một môn, theo một nhà thì mới được, nếu chẳng dồn hết sức như vậy thì chỉ là giỡn chơi với Phật pháp mà thôi, chẳng thể tự độ, độ tha. Thế nên đại đức thời xưa nói: ‘Năm năm học giới’, phục vụ những người thường trú tại đạo tràng trong vòng năm năm là tu phước, tu bố thí, tu nhẫn nhục; trong năm năm này bạn phải học thuộc lòng những kinh điển mà mình phải học. Trong tông lâm tự viện ngày xưa, năm năm này bạn chẳng có tư cách để nghe kinh. Trong hoàn cảnh ngày nay, bạn có thể nghe kinh, nhưng bạn phải chú trọng vào việc học thuộc lòng kinh.

Năm kinh một luận nếu có thể học thuộc lòng càng nhiều thì càng tốt, chú giải thì tối thiểu phải chọn một loại. Bạn phát tâm tương lai hoàng dương bộ kinh nào thì phải dồn sức vào kinh ấy, mỗi ngày đều đọc, đọc quen rồi thì tự nhiên sẽ nhớ nằm lòng, chẳng cần phải học cũng thuộc, giới định huệ của bạn có thể hoàn thành bằng cách tu học này. Thực sự có thể dồn sức, dồn công phu vào việc này, thì bạn đâu còn thời gian để khởi vọng tưởng, kiếm chuyện thị phi? Vẫn còn vọng tưởng, thị phi thì bạn chẳng thể tu học bằng phương pháp này. Thế nên cổ đức xưa nay đều ‘chuyên công’ -- dồn sức vào học một môn, đều là một môn thâm nhập mà có được thành tựu.

G. TRẢ LỜI NGHI VẤN HỌC PHẬT

1. Mục đích của việc xuất gia

(Buổi sáng 04-01-95)

Người phát tâm xuất gia nói chung cũng đã giác ngộ chút ít rồi. Giác ngộ việc gì? Giác ngộ việc sanh tử luân hồi rất đáng sợ, lập chí muốn liễu sanh tử, xuất tam giới ngay trong đời này, đây là như người xưa nói: ‘*Thiệt vì sanh tử mà*

xuất gia'. Một người có giác ngộ như thế sẽ có thái độ chẳng giống như người thường, khi đối xử với người, với sự, với vật, họ sẽ chẳng tranh danh đoạt lợi, sẽ chẳng ganh ghét chống đối. Tại sao vậy? Họ biết đó là nghiệp nhân luân hồi. Hết lòng muốn liễu sanh tử, xuất tam giới chẳng phải là làm không được, nếu 'chắc thật niệm Phật' thì sẽ làm được, chúng ta phản tỉnh tự hỏi mình có 'chắc thật' hay không?

Chân chánh xuất gia phải nói đến nguyện vọng hoằng pháp lợi sanh, việc này sẽ bị chướng ngại hay chướng? Chướng ngại rất nhiều. Huynh đệ đại chúng ở chung trong một đạo tràng, nếu bạn là người muốn xuất sắc hơn kẻ khác, người ta sẽ đố kỵ, gây chướng ngại để đìm bạn xuống. Mức độ nghiêm trọng của sự đố kỵ, chướng ngại này đã bắt đầu từ thời đức Phật Thích Ca, nhóm sáu tỳ kheo kết bè kết đảng¹² (Lục Quân Tỳ Kheo) là thí dụ cho sự đố kỵ chướng ngại này. Trong 'Lục Tổ Đàn Kinh' [có nói] Lục Tổ Huệ Năng đại sư phải trà trộn trong nhóm thợ săn hết mười lăm năm, tại sao vậy? Vì để tránh sự đố kỵ chướng ngại của những kẻ khác. Họ chẳng thể thành tựu nên cũng không muốn ngài được thành tựu.

Tại sao người xuất gia còn những tâm niệm như vậy? Đây là con cháu của Ma Ba Tuần. Lúc Phật còn tại thế không phải trong kinh đã ghi lại rõ ràng hay sao: 'Trong thời Mạt Pháp, Ma Vương Ba Tuần kêu ma con, ma cháu đều xuất gia, đắp ca sa lên mình để phá hoại Phật pháp', chắc họ là những người này. Nếu chúng ta có tâm niệm rằng: 'Người khác giỏi hơn mình, họ làm sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, mình ganh ghét họ, mình phải kiếm cách phá đám, cản trở họ'. Vậy thì mình đã là con cháu của Ma Vương, chuyên làm việc phá hoại Phật pháp. Nếu có người chân chánh phát tâm làm việc hoằng pháp lợi sanh, chúng ta sanh tâm hoan hỷ, dốc toàn tâm toàn lực để giúp đỡ họ, lo lắng cho họ, như vậy mới thực sự là Phật tử. Thế nên ngày nay chúng ta đã xuất gia, rốt cuộc chúng ta là con cháu của Ma hay là con cháu của Phật? Tự mình phản tỉnh, kiểm điểm thì sẽ biết

¹² Lục Quân Tỳ Kheo tiếng Phạn là sad-varṅika-bhikṣu, tiếng Pali là cha-bbaggiyā. Chỉ sáu ác tỳ-kheo kết thành bè đảng, còn gọi là Lục Chúng Bí Sô, Lục Quân. Khi Phật còn tại thế, có sáu ác tỳ-kheo kết thành bè đảng, chẳng tuân thủ luật nghi. Phật chế giới luật phần nhiều là do sáu tỳ-kheo [làm chuyện trái quấy] mà lập. Các bộ luật chép tên sáu tỳ-kheo này không giống nhau. Theo Tứ Phần Luật, quyển 22 thì sáu tỳ-kheo là: 1. Nan Đà, còn phiên là Nan Đồ. 2. Bạt Nan Đà, còn phiên là Ô Ba Nan Đà. 3. Ca Lưu Đà Di 4. Xiển Na, còn phiên là Xa Nặc. 5. A Thuyết Ca (còn phiên là A Tháp Bà, dịch là Mã Túc, Mã Sư). 6. Phất Na Bạt, còn phiên là Phú Na Bà Sa, hoặc Phổ Nại Bà Tổ Ca, dịch là Mãn Túc. Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển mười bốn, Ma Ha Tăng Kỳ Luật quyển mười bảy đều ghi Nan Đà và Bạt Nan Đà là anh em. Luật Tỳ Nại Da, quyển 2, chép Mã Sư, Phất Na Bạt là đệ tử của ngài Mục Kiền Liên. Mục Kiền Liên bị gã Phạm chí (fakir) cầm gậy đánh chết, hai người này bèn giết gã Phạm chí đó. Lại theo sách Tát Bà Đa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa quyển bốn chép thì trong Lục Quân Tỳ Kheo, Ca Lưu Đà Di và Xiển Na hai người được nhập Vô Dư Niết Bàn. Nan Đồ, Bạt Nan Đà hai người sanh lên trời, Mã Túc, Mãn Túc hai người sanh trong loài rồng. Theo sách Ma Ha Tăng Kỳ Luật, quyển 7, quyển 15 v.v... thì ngoại trừ những người như Nan Đà, Bạt Nan Đà ra, còn kể thêm 2 người là Tam Văn Đà Đạt Đa và Ma Hê Sa Đạt Đa, lại còn chép rằng khi Đề Bà Đạt Đa phá Tăng, Lục Quân Tỳ Kheo đều theo phe của ông ta.

liền. Con cháu của Ma Vương xuất gia quả báo tương lai nhất định sẽ ở trong ba đường ác, vì họ gây chướng ngại cho đạo pháp chứ chẳng hoàng pháp gì hết.

Thế nên chân chánh phát tâm hoằng pháp lợi sanh thì nhất định phải có thiện xảo phương tiện, đó tức là lúc tự mình dụng công, tư thế phải đặt ở những chỗ thấp nhất, tốt nhất là dụng công đừng để cho người khác biết. Ở những chỗ người ta không thấy thì mình dụng công; những chỗ người ta có thể thấy thì mình hòa đồng với đại chúng, hòa mình với mọi người, hằng thuận chúng sanh tùy hỷ công đức. Ở những chỗ người ta không thấy thì tự mình nỗ lực gắng sức. Buông bỏ hết thấy danh văn lợi dưỡng, tham - sân - si - mạn, đố kỵ chướng ngại. Buông bỏ những thứ này tức là buông bỏ lục đạo luân hồi, một lòng một dạ niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, khuyên người niệm Phật, đây là con đường vắng sanh thành Phật.

Hôm nay nhìn người này chẳng ưa, ngày mai thấy người nọ chướng mắt, chúng ta phải biết như vậy là tạo nghiệp luân hồi. Hết thấy những gì trên thế gian đều tùy hỷ, tự mình làm tròn bổn phận của mình, như vậy mới đúng, ngay cả Khổng lão phu tử cũng dạy tông chỉ này – *‘phải làm tròn bổn phận của mình’*. Bổn phận tu học của chúng ta là y theo kinh Vô Lượng Thọ, tu tập Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi; trong đời sống hằng ngày phải thực hiện được Nhìn Thấu, Buông Xuống, Tự Tại, Tùy Duyên. Thiện Đạo đại sư dạy: *‘Hết thấy phải làm từ tâm chân thật’*, như vậy mới đúng.

Chương Gia đại sư dạy tôi, ở đây tôi cũng tặng lại cho quý vị: *‘Người học Phật cả đời này bất cứ việc gì đều giao cho Phật, Bồ Tát, thần hộ pháp an bài’*. Bản thân mình không cần lo lắng gì cả, được như vậy thì tâm mới thanh tịnh, bình đẳng. Gặp cảnh thuận là do Phật, Bồ Tát an bài; gặp cảnh nghịch thì cũng do Phật, Bồ Tát an bài. Do vậy trong cảnh thuận chẳng sanh tâm ưa thích, trong cảnh nghịch cũng chẳng sanh phiền não. Hết thấy đều do Phật, Bồ Tát xếp đặt một cách ổn thỏa nhất, dùng công việc để luyện tâm, thành tựu đạo nghiệp, vậy thì đâu có chuyện oán trời trách người.

2. Năm trăm năm sau (Buổi sáng 26-01-95)

Người chân chánh cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới phải có tâm thanh tịnh. Nhưng chúng ta ai cũng là phàm phu chứ chẳng phải thánh nhân, phàm phu vẫn còn phiền não, tập khí tích lũy từ vô lượng kiếp đến nay. Chúng ta sanh trong thời đại này, thời đại ngày nay là thời đại gì? Là thời đại ‘đấu tranh kiên cố’. Trong kinh Kim Cang, Phật có nói đến ‘năm trăm năm sau’, [danh từ này] có nhiều cách giải thích, một trong những cách giải thích là năm lần năm trăm năm sau -- thời Chánh pháp dài một ngàn năm, Tượng pháp dài một ngàn năm, Mạt Pháp mười ngàn năm; năm trăm đầu tiên của thời Mạt Pháp tức là năm trăm năm này. Đức Phật nói đây là thời đại đấu tranh kiên cố.

Năm trăm năm thứ nhất – năm trăm năm đầu tiên sau khi Phật diệt độ -- là thời kỳ ‘giải thoát kiên cố’, lúc đó người tu hành chứng quả rất nhiều, kinh điển

Phật pháp được kết tập trong thời đại này, cho nên những vị tham dự kết tập kinh điển tối thiểu cũng chứng được Tam Quả trở lên, phần đông đều là Tứ Quả A La Hán.

Năm trăm năm thứ nhì là thời kỳ ‘thiên định kiên cố’.

Năm trăm năm thứ ba là thời kỳ ‘đa văn kiên cố’. Đa văn nghĩa là chỉ chú trọng vào việc nghiên cứu, thảo luận kinh giáo, giảng kinh thuyết pháp mà chẳng chú trọng vào việc tu hành.

Năm trăm năm thứ tư là thời kỳ ‘tháp tự kiên cố’. Lúc đó chẳng còn tinh thần để thảo luận về Phật học, mọi người đều bận rộn công việc xây dựng chùa miếu.

Năm trăm năm thứ năm là thời kỳ ‘đấu tranh kiên cố’. Dựa vào sự ghi chép trong lịch sử Trung Quốc, đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay (1995) là ba ngàn lẻ hai mươi một năm (3021 năm), cũng tức là mở đầu của năm trăm năm thứ bảy. Đây là thời kỳ đấu tranh, đấu tranh không ngừng. Chúng ta suy nghĩ kỹ xem có chỗ nào chẳng đấu tranh? Thật ra lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế có hết thảy chín mươi sáu nhóm ngoại đạo đối lập với Phật pháp; còn trong Phật môn có Đề Bà Đạt Đa, nhóm sáu tỳ kheo kết bè kết đảng nhiều loạn Tăng đoàn, phá hòa hợp tăng, thậm chí còn muốn ám hại đức Phật Thích Ca. Ngoài ra nhìn lại lịch sử Trung Quốc có đạo tràng nào chẳng có đấu tranh? Trong đạo tràng có rỗng rảnh lẫn lộn, có người tu hành tốt và cũng có người cốt ý muốn phá hoại, đây là chuyện bất cứ đoàn thể nào cũng chẳng tránh khỏi. Đây là một sự bất hạnh của nhà Phật và cũng là hiện tượng chúng sanh phải gặp nạn và chịu khổ.

3. Công việc của người xuất gia

(Buổi sáng 29-01-95)

Tại sao phải phát tâm xuất gia? Học Phật thì tại gia cũng có thể thành Phật. Xuất gia là vì chủ trì Phật pháp, tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, phát triển Phật pháp, đem lại lợi ích chân thật cho chúng sanh, đây mới là công việc của người xuất gia. Nếu mỗi người xuất gia đều có tâm niệm này thì Đài Loan sẽ thành hòn đảo trân quý, phước địa thật sự. Trong thời đại này nếu chẳng thật sự làm được sự nghiệp lợi ích chúng sanh thì nhất định sẽ làm sự nghiệp đấu tranh – tranh danh đoạt lợi, chẳng thể nhường nhịn lẫn nhau, kình chống lẫn nhau và tạo nên những tội nghiệp này.

Nếu chúng ta đã xuất gia rồi nhưng chẳng thể tín, giải, thực hành theo lời giáo huấn của đức Phật, thì chúng ta sẽ là con cháu của Ma Vương, trong thời kỳ Mạt Pháp trợn lộn trong tăng đoàn để hủy hoại Phật pháp. Tuy trước mắt có được một chút lợi ích -- lợi ích là danh văn lợi dưỡng, hưởng thọ ngũ dục lục trần, nhưng đời sau nhất định sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ.

Công việc hoằng pháp lợi sanh chỉ cần có tâm muốn làm thì ai cũng có khả năng làm, đều có thể làm được viên mãn, nếu chẳng làm thì cũng không có cách gì khác.

4. Chánh tri chánh kiến (Buổi sáng 06-02-95)

Tri kiến quan trọng nhất là chánh tri chánh kiến. Tổng cương lãnh tu hành của pháp môn niệm Phật là *‘Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm’*. Phát Bồ Đề tâm là chánh tri chánh kiến, thế nên nếu chẳng phát Bồ Đề tâm thì dù đã làm được nhất hướng chuyên niệm nhưng cũng rất khó vãng sanh, điểm này rất quan trọng. Thực tại mà nói nếu chẳng có chánh tri chánh kiến, tuy có nhất hướng chuyên niệm thì cũng rất khó thành tựu. Vì ‘nhất’ là nhất tâm, tâm có tạp niệm thì chẳng là nhất tâm, niệm A Di Đà Phật mà có xen tạp, tuy buông xuống những pháp môn khác thì hình như là có nhất tâm chuyên niệm nhưng thật sự chẳng phải, bạn còn xen tạp vọng tưởng, còn xen tạp phiền não nên vẫn không thể thành tựu. Do đó tri kiến vô cùng quan trọng trong sự tu hành.

Nếu dùng ngôn ngữ hiện nay mà nói thì ‘tri kiến’ có nghĩa là ‘nhận thức’ -- nhận thức đối với Phật pháp, nhận thức về thế gian pháp. Có nhận thức chính xác tức là chánh tri chánh kiến. Phật pháp trong thế gian giáo hóa chúng sanh chẳng có gì khác ngoài việc giúp chúng sanh xây dựng chánh tri chánh kiến, một khi đã có chánh tri chánh kiến thì tu hành rất dễ. Tu hành là việc của mỗi người, nếu mỗi người tu hành không thể khắc phục phiền não và tập khí thì vấn đề vẫn ở tại tri kiến. Cho nên vừa mở đầu kinh Pháp Hoa đức Thế Tôn liền chỉ rõ tông chỉ của sự giáo học: *‘Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến’*. Đức Phật khai thị cho chúng ta, chúng ta phải có khả năng ngộ nhập. ‘Ngộ’ tức là minh liễu, hiểu rõ, ‘nhập’ tức là thực sự làm được. Và cũng có nghĩa là ‘dung hóa’ chánh tri chánh kiến, có thể hòa thành một thể với đời sống của mình thì gọi là ‘dung hóa’, tục ngữ gọi là chứng quả, ‘nhập’ nghĩa là chứng.

Chúng ta tu học cũng phải có mục tiêu và tiêu chuẩn rõ ràng. Mỗi năm phải tiến bộ hơn năm trước thì thời gian mới chẳng uổng phí. Người học Phật có thể dùng hai điều sau đây để tự kiểm điểm và phản tỉnh coi mình có tiến bộ hay không:

Thứ nhất là khai mở trí huệ và cũng là điều đã nói ở phía trước, chánh tri chánh kiến càng ngày càng rõ ràng, thông suốt. Những đạo lý nói trong kinh năm nay rõ ràng hơn năm ngoái, lãnh ngộ được nhiều hơn.

Thứ nhì là đoạn phiền não. Vọng tưởng, phiền não, và tập khí ít hơn lúc trước. Nếu trí huệ chẳng tăng trưởng, phiền não tập khí vẫn còn rất nặng thì cả năm nay đã trôi qua một cách vô ích, uổng phí.

5. Hoằng pháp (Buổi sáng 09-02-95)

Tu học Phật pháp, hoằng dương Phật pháp muôn vàn chẳng thể lấy danh nghĩa Phật pháp để lừa gạt chúng sanh, để tìm cầu danh vọng lợi dưỡng, tham đắm

hường thọ ngũ dục lục trần, nếu làm như vậy là sai lầm. Cho dù trước mắt có thể tham được một chút tiện nghi nhưng đời sau nhất định phải đọa địa ngục A Tỳ, đạo lý và sự thật này mọi người đều chẳng khó hiểu. Do đây có thể biết hết lòng tu học, dũng mãnh tinh tấn là một điều tất yếu.

Hoàng dương Phật pháp thì tự mình nhất định phải làm gương tốt, phải nhận thức rõ ràng thời đại này, phải có trí huệ, thiện xảo phương tiện, làm cho hết thảy chúng sanh tín thọ phụng hành dễ dàng, được vậy thì đời này mới chẳng luống uổng.

Chúng ta giúp đỡ người khác, bất luận là cá nhân, đoàn thể, hay đạo tràng đều phải ghi nhớ lời dạy của đại sư Thiện Đạo: ‘*Hết thảy phải làm với tâm chân thật*’, chẳng thể giả dối. Sự khác biệt giữa Phật pháp và Thế pháp là ở chỗ chân và giả, Phật pháp là chân thật, tâm là chân thật, cho nên hết thảy đều là chân thật. Tâm người thế gian là hư vọng giả dối nên hết thảy đều là hư vọng, đây cũng tức là: ‘*vạn pháp duy tâm, vạn pháp duy thức*’.

6. Đời sống của người xuất gia

(*Buổi sáng 11-02-95*)

Trong thời kỳ Mạt Pháp, hoàn cảnh sinh sống của người xuất gia khác hẳn với lúc trước, hoàn cảnh sinh sống của người xuất gia lúc trước có bảo đảm. Giống như ở Trung Quốc đại lục ngày xưa, tự viện am đường đều có hàng sản, có ruộng đất, có rừng núi, có thể cho nông phu mướn ruộng đất trồng trọt, do tự viện thu tiền mướn đất nên nguồn lương thực của đạo tràng rất ổn định, có tài nguyên kinh tế nên tâm thanh tịnh, tâm định, chẳng phải chiều theo thị hiếu của tín đồ, tu hành cũng thành tựu dễ dàng hơn.

Trong xã hội ngày nay chùa chiền không có thu nhập, chẳng có hàng sản, hoàn toàn phải nhờ tín đồ cúng dường. Vì vậy nên xem tín đồ như là ‘y thực phụ mẫu’ (cha mẹ cung cấp thức ăn áo mặc), tìm đủ mọi cách để lung lạc tín đồ, cũng vì vậy nên tâm phan duyên rất nặng và đạo tâm lơ là, tâm chẳng thanh tịnh, tâm đã bị ô nhiễm, đây là hoàn cảnh tu học ngày nay của chúng ta chẳng sánh bằng người đời xưa. Đây cũng là lý do tại sao ngày nay người tu hành nhiều nhưng thành tựu rất ít. Nếu chúng ta muốn thành tựu ngay trong một đời này thì phải hiểu rõ những vấn đề này, phải rất minh bạch, chẳng thể phạm sai lầm. Thế nên đạo tràng chẳng cần phải lớn, càng nhỏ càng tốt, chi phí ít thì sanh hoạt dễ dàng hơn; còn có khả năng dư thừa thì phải tận tâm làm công việc hoàng pháp lợi sanh.

‘Đạo’ tức là tâm thanh tịnh, nhất định phải ghi nhớ điều này. Đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ là ‘Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác’, đây tức là Đạo, chúng ta tu hành là tu việc này. Hễ những gì nhiễu loạn tâm thanh tịnh, phá hoại tâm thanh tịnh đều là chương ngại, đều là ma. Nếu chúng ta ngăn ngừa cẩn thận thì sẽ có thêm ‘tăng thượng duyên’¹³ để hướng về Đạo, cho dù đang ở trong thời loạn cũng

¹³ Tăng thượng duyên (adhipati-pratyaya): là nguyên nhân liên quan trực tiếp đến nguyên nhân hay kết quả của hết thảy pháp hữu vi, tức là những duyên có khả năng tăng mạnh thêm hoặc

có thể thành tựu được. Nếu chẳng để ý thì tập khí, bệnh cũ của chúng ta sẽ tái phát, tương lai nhất định sẽ đọa lạc.

Đã phát tâm xuất gia rồi chúng ta nhất định phải biết [nếu đọa lạc thì] sự đọa lạc của chúng ta sẽ nặng hơn và thâm hơn người thế gian rất nhiều. Người thế gian mê hoặc điên đảo, đọa lạc thì vẫn còn có thể tha thứ được; chúng ta ngày ngày được nghe Phật pháp, đều có trình độ hiểu biết tương đối khá nhiều đối với sự thật và đạo lý của nhân duyên quả báo, đã biết rõ rồi mà còn cố phạm cho nên tội lỗi sẽ tăng gấp bội, còn nặng hơn những người thường phạm lỗi rất nhiều, đây là lý do tại sao chúng ta chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể không hiểu rõ.

7. Vãng sanh (Buổi sáng 11-02-95)

Chúng ta phải niệm niệm nhớ về cố hương (*quê hương*), cố hương là y báo, chánh báo trang nghiêm ở Tây phương Cực Lạc thế giới. Phải ghi nhớ chuyện này trong lòng, những chuyện khác chẳng có liên hệ gì đến ta, phải luôn luôn mong muốn trở về quê hương, cái tâm niệm muốn vãng sanh này là chánh niệm.

Phân đồng người thế gian không hiểu, cứ cho rằng: ‘Tại sao người này cứ muốn chết hoài?’. Đây là quan niệm sai lầm của người thế gian. Vãng sanh là sống mà đi chứ chẳng phải chết, vả lại còn là ‘sống mãi’ -- sẽ chẳng còn sanh tử, chẳng còn luân hồi nữa. Cho nên đó mới là sự mở đầu của sự ‘sanh’; nếu chẳng thể vãng sanh thì sẽ có sanh tử. Trong nhà Phật chúng ta thường nói: ‘Pháp thân huệ mạng’. Vãng sanh là bắt đầu chúng được Pháp thân huệ mạng, là sự bắt đầu của chân thường, chẳng phải vô thường, còn ở thế gian này đều là vô thường. Chúng ta phải luôn luôn có cái tâm này, có ý niệm này, như vậy mới tốt.

‘Thế duyên’ tức là làm lợi ích cho chúng sanh. Tuy phước báo của chúng ta rất mỏng, mỏng cũng chẳng thành vấn đề, cho dù chỉ là một chút thí xả, nhưng đó đích xác là lợi ích chân thật, đó cũng là công đức viên mãn.

8. Ma chướng (Buổi sáng 09-05-95)

Thái Thượng Cảm Ứng Thiên nói rất hay: ‘*Họa hay phước chẳng có lối vào, chỉ có người tự chiêu cảm lấy*’¹⁴. Nếu chúng ta trong đời sống sanh hoạt hằng ngày, vô ý hay cố ý mắc lỗi [gây xích mích] với người ác sẽ đem đến những quả báo chẳng vừa ý, thì người tu hành chúng ta sẽ có nhiều ma chướng trên đường tu học Bồ Tát đạo. ‘Ma chướng’ là những chuyện cản trở do những người hay

khiến cho một pháp khác được sanh khởi, hoặc thúc đẩy kết quả của một nhân được mau thành tựu, thì gọi là Tăng Thượng Duyên. Ví dụ như ruộng, phân, nước v.v... là Tăng Thượng Duyên của mùa màng (mùa màng là kết quả trực tiếp của hạt giống). Tăng Thượng Duyên theo công dụng còn chia thành hai loại: a. Dữ Lực Tăng Thượng Duyên: Duyên thúc đẩy sự sanh khởi của pháp khác.

b. Bất Chướng Tăng Thượng Duyên: Duyên khiến cho pháp khác được sanh khởi không bị ngăn trở.

¹⁴ (*Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu*)

việc mà mình có xích mích, đụng chạm làm nên. Nếu chẳng mắc lỗi [xích mích] với người thì ma chướng sẽ ít. Mắc lỗi với người nhiều thì ma chướng sẽ nhiều.

Chúng ta phải khắc phục tâm sân khuể của mình, khắc phục lòng đố kỵ, chướng ngại của mình. Đây đều là phiền não tích lũy từ nhiều kiếp trước, khi thấy người khác giỏi thì trong lòng chẳng vui; khi nhìn người khác có thành tựu thì mình rất khó chịu, liền tìm đủ mọi cách để phá hoại người ta, gây trở ngại phá rối người khác, đâu biết đó là giúp họ thành tựu tâm nhẫn nhục, thành tựu cho định - huệ của họ, chỉ đem lại cho mình nhiều điều chẳng như ý mà thôi. Vì chuyện bạn đã tạo là ‘tánh tội’, tội này sanh từ tâm ác, bản thân của nó đã là tội, cho dù người ta chẳng báo phục thì tự mình cũng sẽ chịu lấy báo ứng.

9. Chánh tri chánh kiến (Buổi sáng 09-05-95)

Tông Thiên Thai có câu: ‘*Có thể nói mà không thể làm là quốc sư; có thể nói và cũng có thể làm là quốc bảo*’¹⁵, ý nghĩa của hai câu này là điều mà đức Phật thường nói đến trong kinh; người phá giới còn có thể cứu được, phá kiến (người có tri kiến sai lầm) thì chẳng thể cứu được.

‘Có thể nói mà không thể làm’ là phá giới -- người đó biết nói nhưng làm chẳng được, những gì họ nói đều đúng, nói chẳng sai, tri kiến là chính xác, cho nên người này vẫn còn có thể cứu được. Giả sử [người này] trì giới rất nghiêm mật, làm rất tốt, nhưng tri kiến sai lầm thì chẳng thể cứu nổi. Thí dụ chư Phật Như Lai, lịch đại tổ sư đại đức đều dạy chúng ta phải nên cầu sanh Tịnh độ, không những người niệm Phật phải cầu sanh Tịnh độ, tu học bất cứ pháp môn nào đến cuối cùng cũng nên hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, kiến giải này tức là chánh tri chánh kiến.

Tự mình có thể một lòng một dạ cầu sanh Tịnh độ và còn giới thiệu chánh pháp cho mọi người, người như vậy tức là quốc bảo. Cho nên làm thế nào hoằng pháp lợi sanh mới có hiệu quả tự độ, độ tha? Phải đem lời dạy trong kinh thực sự làm được trong đời sống hằng ngày. Nếu làm chẳng được, tuy những chuyện mình nói là chánh pháp thì cũng chẳng nói được thấu suốt, triệt để. Tại sao sẽ không thấu triệt? Vì đó chẳng phải sự thể nghiệm của chính mình mà chỉ là những gì mình nghe được; dù cho biết được từ trong kinh thì cũng thuộc về ‘chuyện mình nghe được’ – là nghe đức Phật Thích Ca nói, nghe chư Bồ Tát nói, chẳng phải là do mình đích thân nhìn thấy. Phải làm sao mới có thể đích thân nhìn thấy? Phải tự mình đích thân làm, phải đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức, phải mỗi ngày phản tỉnh, kiểm điểm lỗi lầm của mình. Chúng ta đều đã đọc cuốn Liễu Phàm Tứ Huán, ông Viên Liễu Phàm là một tấm gương rất tốt.

¹⁵ (Năng thuyết bất năng hành, quốc chi sư dã, năng thuyết hựu năng hành, quốc chi bảo dã)

Học Vi Nhân Sư Hành Vi Thế Phạm

Tập 2

Hòa thượng Tịnh Không thuyết giảng

Đây là những bài khai thị buổi sáng của hòa thượng Tịnh Không cho đồng tu khắp nơi, chưa được hòa thượng giám định. Chỉ là do nhóm ghi chép bài giảng đích thân nghe bằng đầu âm, ghi lại những điểm chính yếu, chỉnh lý cho gọn rồi viết thành bài nháp này để cúng dường đọc giả.

A. KHAI THỊ VỀ PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

1. Đến cũng không không, đi cũng không không (Buổi sáng 21-11-98)

Tôi cùng Lý hội trưởng đi thăm lão cư sĩ Hồng Cung Lan và tặng cho ông một xâu chuỗi. Lão cư sĩ nói lúc bình thường ông có rất nhiều vọng niệm, sau khi có được xâu chuỗi này thì vọng niệm ít đi. Ông nằm mộng thấy một nam một nữ đến thăm ông, họ nói là do Ngọc Hoàng Đại Đế phái đến để bảo hộ cho ông, khuyên ông phải nhẫn nại, và nói: *‘Đến cũng không không, đi cũng không không’*. Cả đời lão cư sĩ Hồng chẳng có tâm nhẫn nại, tính tình nóng nảy; nghe xong, ông hiểu được và rất hoan hỷ. Sau khi ông tỉnh dậy thì hai người này biến mất. Ông nói ông đã tám mươi tuổi rồi, nhất định không lừa gạt người, đây là cảnh giới thật.

‘Đến cũng không không, đi cũng không không’, hai câu này nói toạc hết nghĩa thú của kinh Bát Nhã. Không những trước lúc chúng ta đến đã không không, đi rồi cũng không không, hiện tại [chẳng phải] cũng không không đó sao? Đức Phật nói chân tướng sự thật là như ‘mộng, huyễn, bọt, bóng’. Mộng, huyễn, bọt, bóng đều chẳng chân thực, đều là giả tướng, thời gian giả tướng này tồn tại rất ngắn, trong kinh hình dung ‘như sương, như ánh chớp. Như sương là nói tướng tương tục -- tiếp nối, như ánh chớp là nói ‘sát na tế’ -- rất nhanh, nói rõ thật tướng chư pháp đích thật như vậy. Người hiểu rõ và giác ngộ thì được xưng là Phật, Bồ Tát; người mê hoặc và chẳng giác ngộ cho rằng chuyện này không thật, đây là phàm phu. Cho nên sự sai khác giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu là ở tại một niệm giác hay mê. Người giác ngộ trong mộng, huyễn, bọt, bóng được tự tại, người mê hoặc thì rất đau khổ.

Do đó có thể biết đây là ‘duyên sanh’, duyên khởi tánh không. Nghiệp duyên rất phức tạp, gồm có ba thứ: thiện, ác, và vô ký (*vô ký là chẳng thiện, chẳng ác*). Chỉ có người giác ngộ chân chánh mới có thể vận dụng một cách thích hợp, giúp đỡ những chúng sanh chưa giác ngộ có thể khai ngộ, đây tức là chư Phật, Bồ Tát phổ độ chúng sanh. Hiểu rõ chư pháp là vô sở hữu, ‘không không’ cũng là vô sở hữu, liễu bất khả đắc (*trọn chẳng thể có được*); cái tâm niệm có thể đắc và những vật đắc được đều là ‘không không’, tâm chúng ta mới chân chánh trở lại bình tịnh, trở lại thanh tịnh, bình đẳng. Thanh tịnh bình đẳng là chân tâm bản tánh của chúng

ta, và cũng là ‘minh tâm kiến tánh’ nói trong Tông Môn, [hiểu được như vậy] chúng ta mới thể hội tại sao cả đời giảng kinh thuyết pháp, Thế tôn phải dùng hết hai mươi hai năm để giảng kinh Bát Nhã là vì hết thấy chúng sanh chẳng biết chân tướng sự thật, chẳng biết các pháp đều không, chẳng thể hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát đạo là con đường giác ngộ, phàm phu đi con đường mê hoặc nên mới xuất hiện thập pháp giới, lục đạo, tam đồ. Mê nặng thì là hiện tượng tam đồ, nhẹ hơn thì là lục đạo, nhẹ hơn nữa là tứ thánh pháp giới. Hết thấy tam đồ, lục đạo, tứ thánh pháp giới đều là mê, đều chẳng khế nhập vào ‘lý không’, khế nhập vào ‘lý không’ thì sẽ chứng được Nhất Chân pháp giới.

Nhất Chân cũng là danh tướng nói một cách miễn cưỡng, nếu chúng ta chấp trước có một cái ‘Nhất’, chấp trước có một cái ‘Chân’ thì cũng sai luôn. Đối ngược của một là nhiều, đối ngược của chân là giả, Huệ Năng đại sư nói: *‘Một và nhiều, chân và giả là Nhị pháp, Nhị pháp chẳng phải Phật pháp’*. Cho nên chẳng có ý niệm của ‘nhất’, của ‘chân’ thì mới thực sự là Nhất Chân pháp giới. Do đó có thể biết vừa khởi tâm động niệm một chút thì đã sai mất rồi.

Học Phật thì phải học như thế nào? Tông Môn thường nói: ‘Tu từ căn bản’, căn bản tức là một niệm chẳng sanh, tâm địa thanh tịnh chẳng khởi một tâm niệm gì hết. Nếu nghĩ: ‘hiện giờ một niệm cũng chẳng sanh’ thì đã sanh lên cái tâm ‘một niệm chẳng sanh’, vậy thì cũng sai rồi. Lúc mới bắt đầu học, Tông Môn dùng phương pháp ngồi xếp bằng quay mặt vào vách để tập *‘không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước’*. Sau khi học thành công rồi thì phải thao luyện trong đời sống, khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần phải không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, vậy thì mới thành công, lúc bấy giờ mọi cảnh giới đều là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới chẳng tách lìa thập pháp giới, lục đạo, tam đồ; làm sao có thể gọi là Nhất Chân pháp giới? Do chuyên biến nơi tâm, chuyên biến ở chỗ nhận biết, nhận thức chân tướng của cảnh giới, tức là nhận thức được chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Ý nghĩa của câu ‘Đến cũng không không, đi cũng không không’ rất sâu, nếu nhận thức rõ thì sẽ rất vui vẻ mà nắm lấy duyên, thành tựu vô lượng công đức, đó là tích công lũy đức. Phàm phu nhận lầm cảnh giới, tạo thành tội nghiệp nhưng chẳng phải là cố ý tạo tội. Đức Phật nói nguồn gốc của hết thấy tội nghiệp là ngu si, si tức là chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật nên làm sai, dùng duyên sai lầm. Người giác ngộ hiểu rõ chân tướng sự thật nên khi khởi tâm động niệm, hết thấy hành động đều là tích công lũy đức. Tích công lũy đức là khái niệm của người thế gian, người giác ngộ chẳng có tâm niệm này. Chúng sanh trong thập pháp giới có tâm niệm này, Phật, Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới chẳng có tâm niệm này, đó là ‘làm mà không làm, không làm mà làm’.

Chúng sanh có ‘cảm’ thì Phật, Bồ Tát liền ‘ứng’, tự nhiên cảm ứng đạo giao, nhất định chẳng có khởi tâm động niệm. Cổ đức dùng thí dụ đánh khánh, gõ khánh thí dụ cho cái ‘cảm’ của chúng sanh, âm thanh phát ra từ cái khánh thí dụ cho sự ‘ứng’ của Phật, Bồ Tát. Trên thực tế cái ‘ứng’ của Phật, Bồ Tát là cảm

ứng của tự tánh. Chúng ta xem Phật, Bồ Tát thành người, xem hết thấy các pháp thành thực thể, tinh nghĩa của Đại thừa chúng ta chẳng có cách nào thể hội được nên chẳng biết hết thấy sự vật trong tận hư không trọn khắp pháp giới đều là tự tánh. Người giác ngộ trong Tông Môn thường nói: *‘Đâu cũng là đạo, trái phải đều về nguồn’*¹⁶, câu này nói toạc chân tướng sự thật, hư không pháp giới đều chỉ là một cái tự tánh mà thôi. Tự tánh là năng biến (*chủ thể có thể biến*), cảm ứng là sở biến (*cái được biến*), chỗ nào có cảm thì chỗ đó có ứng, cảm ứng đạo giao, tơ hào chẳng sai. Lý Sự của cảm ứng sâu rộng vô cùng, chúng ta phải thể hội kỹ càng, sau khi hiểu rõ thì sẽ biết học Phật như thế nào, làm người như thế nào, làm thế nào sinh sống qua ngày, đạt được hạnh phúc chân chánh mỹ mãn.

Thế pháp nói đến ‘chân - thiện - mỹ - huệ’, Phật pháp nói đến ‘thường - lạc - ngã - tịnh’, những thứ này đều là thật; nhưng chúng sanh trong thập pháp giới chẳng có, Phật, Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới mới có; cũng có thể nói người khởi tâm động niệm chẳng có, người không khởi tâm động niệm mới có. Phật thí dụ tâm như nước, lúc nước bình tịnh chẳng khởi sóng giống như một cái kiếng, soi những cảnh giới bên ngoài rõ ràng, nước này ví như chân - thiện - mỹ - huệ, thường - lạc - ngã - tịnh. Nhưng lúc nước khởi sóng tuy vẫn có thể chiếu soi cảnh giới nhưng rời rạc, tan nát, cho nên chân thiện mỹ huệ, thường lạc ngã tịnh cũng mất luôn. Từ đây có thể biết dù tâm của Phật, Bồ Tát ứng hóa trong lục đạo, tùy loại hiện thân, tùy cơ thuyết pháp nhưng vẫn bình tịnh. Lúc thuyết pháp thì ‘nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói’, lúc thị hiện thì ‘hiện mà chẳng hiện, chẳng hiện mà hiện’ vĩnh viễn trụ trong cảnh giới nhất chân, tâm vĩnh viễn giữ được bình tịnh như nước. Tự tánh công đức tức là ánh sáng của nước có thể chiếu kiến hết thấy vạn pháp. Trong thập pháp giới càng đi xuống thì cường độ rung động của làn sóng tâm càng lớn, càng lên trên thì làn sóng càng nhỏ. Đến lúc nào trong cảnh giới tâm chẳng động nữa, dùng kinh Hoa Nghiêm mà nói thì mức thấp nhất là Viên Giác Sơ Trụ Bồ Tát, lúc đó Bát Nhã, giải thoát, pháp thân của tự tánh sẽ hiện tiền.

2. Phương pháp khai ngộ (*Buổi sáng 24-11-98*)

Cách dạy học thời xưa trong Phật pháp và thế pháp đại khái tương đồng, đều theo quan niệm dùng phương cách khơi gợi, chú trọng ngộ tánh của học sinh. Cách dạy học của nhà Phật là nhằm giúp đỡ học sinh khai ngộ, cách dạy học của Nho gia, Đạo gia cũng vậy, chẳng đề xướng cách học ký vắn¹⁷, đích thật chẳng giống với cách dạy học ngày nay. Ngày nay chú trọng cách học thuộc lòng và học tràn lan nhiều môn để tích tụ thường thức phong phú, đây là thuộc cách học ký vắn. Người xưa chú trọng học thuộc lòng nhằm mục đích tu định, chứ không coi trọng ký ức; người xưa dùng cách học thuộc lòng để đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, khôi phục tâm thanh tịnh, đây là phương pháp khai mở cánh cửa khai ngộ tốt nhất. Vì cánh cửa khai ngộ bị bế tắc nên chúng sanh chẳng thể khai ngộ, nếu

¹⁶ (*Đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên*)

¹⁷ *Cách học ký vắn là học thuộc lòng và học nhiều môn để tích tụ kiến thức*

đẹp bỏ phân biệt và chấp trước thì trí huệ sẽ hiện tiền, đó tức là ‘mở tung cái nút chặn’ (mao tắc đốn khai).

Do đây có thể biết phân biệt chấp trước càng nghiêm trọng thì càng chẳng thể khai ngộ; phân biệt chấp trước nhẹ mỏng thì dễ khai ngộ hơn, đây là lý do tại sao thế pháp và Phật pháp đều coi trọng ‘một môn thâm nhập’. Trong một giai đoạn nào đó, chẳng kể là học trình dài ngắn, chỉ cho phép học một môn, bất kỳ khóa trình của một môn nào cũng mong cầu có chỗ ngộ, ngộ nhập trong một môn này thì sự dạy học thành công. Ngược lại nếu chẳng có lãnh ngộ, chẳng khai ngộ, sự dạy học này được kể là thất bại. Do đó giáo học đích thực chú trọng trên trí huệ và đức hạnh, người sơ học thì đức hạnh đứng hàng đầu, trí huệ đi sau. Một người có trí huệ nhưng chẳng có đức hạnh rất dễ tạo nên chuyện ác to lớn, gây hại xã hội, thế nên đức hạnh đứng hàng đầu. Vừa có đức hạnh lẫn trí huệ thì làm việc gì cũng là đại phước, có thể đem lợi ích cho xã hội, lợi ích cho chúng sanh.

Giáo học của nhà Nho lấy Khổng Lão Phu Tử làm tiêu chuẩn, Khổng Lão Phu Tử dạy bốn khoa: thứ nhất là đức hạnh, thứ nhì là ngôn ngữ, thứ ba là chánh sự (năng lực kỹ thuật), thứ tư là văn học. Lúc đức hạnh và kỹ năng đã được thành tựu, nếu có dư sức lực thì mới học văn học nghệ thuật, đề cao đời sống tinh thần. Thứ tự này rất hợp lý, giáo học của nhà Phật cũng chẳng ngoại lệ, là đoạn thiền nào trước sau đó mới học pháp môn; đoạn thiền nào tức là đức hạnh, học pháp môn tức là chánh sự. Tuy trên phương thức vận dụng có thể biến hóa nhưng nguyên lý và nguyên tắc thì vĩnh viễn chẳng biến đổi, đó là triết lý giáo dục.

Xã hội ngày nay có thể nói là hoàn toàn chẳng giống ngày xưa. Nếu quan niệm giáo học và nguyên tắc sanh hoạt ngày xưa có thể thích ứng và dung hợp với thời đại hiện nay thì chúng sanh sẽ thực sự đạt được hạnh phúc. Đây cũng là điều những người có lòng tốt, trong Phật pháp gọi là những Bồ Tát có tâm đại từ bi muốn tìm cách giúp đỡ chúng sanh. Thế nên Bồ Tát nhất định phải thông suốt hết thầy pháp trong thế gian mới có thể làm thầy của trời và người, mới có năng lực chỉ đạo xã hội, giáo hóa chúng sanh. Năng lực này tức là trí huệ chân thật và thiện xảo phương tiện. Chân thật trí huệ là thể, thiện xảo phương tiện là vận dụng, nếu chẳng có chân thật trí huệ thì chẳng thể vận dụng được thiện xảo phương tiện.

Lấy thí dụ: Xã hội thời xưa truy cầu hòa bình, xã hội ngày nay lại khuyến khích cạnh tranh, bề ngoài hai bên hoàn toàn xung đột thì phải làm thế nào để dung hợp? Nói từ mặt Lý thì dung hợp nhất định có thể làm được vì cả hai đều cùng chung một pháp tánh. Kinh Đại thừa nói tận hư không trọn khắp pháp giới đều cùng chung một lý thể, ngay cả pháp giới địa ngục và pháp giới Phật cũng có thể dung hợp, huống gì là những pháp giới khác? Do đó trên mặt Lý như vậy thì trên mặt Sự đương nhiên cũng có thể làm được. Trên Sự tương chúng ta gặp phải khó khăn, nguyên nhân ở tại phân biệt, chấp trước. Đặc biệt là ngã chấp nặng nề, niệm niệm đều vì ‘lợi ích của tôi’, người nào cũng chấp trước ‘lợi ích của tôi’, đây là cội rễ của vấn đề, tạo thành chẳng thể dung hòa lẫn nhau, và cũng tạo nên vô lượng vô biên tội nghiệp. Nếu ‘tôi’ là thật thì còn có thể chấp nhận được; nào ai biết cái ‘tôi’ này chỉ là một khái niệm trừu tượng, hư giả mà thôi.

Khóa trình cơ bản của Pháp Tướng Tông là ‘Bách Pháp Minh Môn Luận’, trình độ của bộ luận này rất cao, là chỗ nhập môn của pháp Đại thừa, nói rõ về chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Bộ luận này thuộc về ‘Tông Kinh Luận’, giải thích rõ tông chỉ của [những gì] đức Phật nói, trên thực tế là giải thích một câu nói của đức Phật. Đức Phật nói: ‘*Hết thấy pháp vô ngã*’, Bách Pháp Minh Môn Luận lấy câu này làm tông chỉ, quy nạp hết thấy pháp thành một trăm pháp, bách pháp này tức là hết thấy pháp. ‘Vô ngã’ nói rõ ‘người vô ngã’, ‘pháp vô ngã’, nếu có thể khai ngộ hai việc này thì sẽ hoàn toàn buông xuống ngã chấp và pháp chấp, liền có thể siêu phàm nhập thánh. Phạm phu chấp trước có ngã, có pháp; Phật, Bồ Tát thì giác ngộ ‘vô ngã và vô pháp’ nên Phật, Bồ Tát trong y báo, chánh báo trang nghiêm của thập pháp giới có thể ‘lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, viên dung tự tại’.

Chúng sanh chấp trước có ngã, có pháp thì vĩnh viễn sẽ không thể giải thoát, vĩnh viễn chịu sanh tử luân hồi, khổ chẳng thể tả nổi. Người mê hoặc chẳng hiểu chân tướng sự thật này, chỉ có người giác ngộ hiểu được. Cho dù học tập Phật pháp, nghiên cứu Phật pháp, nhưng họ vẫn còn chấp trước ngã và pháp, vẫn còn khen mình chê người (tự tán hủy tha). Đây là vì còn ngã chấp, chẳng biết chư pháp bình đẳng, chư pháp không tịch, chư pháp duyên sanh nên mới có hành vi này. *Phàm những pháp duyên sanh đều chẳng có tự thể, chẳng có tự tánh, ‘đương thể tức không, liễu bất khả đắc’*. Tướng thì có mà Thể thì không, Sự thì có mà Lý thì không cho nên Tướng là huyễn tướng, Sự như mộng, huyễn, bọt, bóng, đây đều là chân tướng sự thật.

Sau khi hiểu rõ chân tướng rồi thì tâm sẽ định, sẽ thanh tịnh; lúc đó sự cảm thọ, hưởng thọ trong Phật pháp được gọi là ‘chánh thọ’, chánh tức là chánh thường. Hưởng thọ của người thế gian chẳng chân thường, có ‘khổ, vui, sầu, hỷ, xả’; chánh thọ của Phật pháp chẳng có ‘khổ, vui, sầu, hỷ, xả’. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian tuy là có ‘khổ, vui, sầu, hỷ, xả’ nhưng đó là thị hiện, biểu diễn, du hí thần thông, chẳng phải là thiệt. Phạm phu thiệt có ‘khổ, vui, sầu, hỷ, xả’, chẳng phải diễn tuồng, cho nên tạo nghiệp. Người chân chánh giác ngộ thì sẽ giống hết chư Phật, Bồ Tát, du hí thần thông, tự tại vô ngại.

Học Phật phải gánh vác trách nhiệm tiếp nối huệ mạng của Phật, gánh vác sứ mạng hoằng pháp lợi sanh, muốn đảm đương sứ mạng này thì nhất định phải ngộ nhập. Phương pháp ngộ nhập chẳng có gì khác ngoài buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà thôi. Lúc xử thế, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày phải buông xuống ngã chấp. Kinh Kim Cang nói đến ‘ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng’, chỉ cần buông xuống một tướng này thì sẽ hoàn toàn buông xuống hết. Bốn tướng này có sự liên hệ mật thiết, có một tướng thì bốn tướng sẽ đều có, buông xuống một tướng thì sẽ buông xuống cả bốn. Sau đó đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện tức là công đức chân thật, đây là điều mà chư Phật, Bồ Tát đều tán thán, khen ngợi. Chúng ta cần phải biết có đủ bốn tướng này là chứng ngại nghiêm trọng cho sự tu học Phật pháp.

Bạn phát tâm từ bi muốn cứu độ hết thầy chúng sanh, muốn cứu chúng sanh thì trước hết phải độ mình cái đã, nếu tự mình chẳng độ được thì sẽ chẳng có năng lực độ chúng sanh. Cho nên tự tu học và tương lai giúp đỡ chúng sanh đều phải nhờ vào chính mình, tuy chư Phật, Bồ Tát từ bi nhưng cũng chẳng giúp được. Chư Phật, Bồ Tát chỉ giúp chúng ta trên việc dạy dỗ, nói rõ sự thật chân tướng cho chúng ta nghe, cung cấp phương pháp cho chúng ta tham khảo, nhưng khế nhập vào cảnh giới nhất định phải là sự việc của chính mình, hy vọng mọi người phải hết lòng nỗ lực.

3. Khỏe mạnh là căn bản của việc tu đạo (Buổi sáng 25-11-98)

a. Khỏe mạnh là căn bản của việc tu đạo

Bất luận là pháp thế gian hay xuất thế gian, nếu chẳng có thân thể cường tráng thì làm việc gì cũng không thể thành tựu. Đời xưa bất luận là trong thiên đường, niệm Phật đường, đả thất là việc rất bình thường, hơn nữa là bảy ngày bảy đêm chẳng ngủ chẳng nghỉ. Cho nên hơn phân nửa là những người trẻ tuổi tham gia, họ có khả năng và thể lực làm việc này, bốn mươi mấy tuổi trở lên thì thể lực đã suy rồi, việc nghiên giáo (nghiên cứu giáo lý) cũng chẳng ngoại lệ. Cho nên thời kỳ thanh thiếu niên là [thời gian] để củng cố cội rễ của học thuật, sự nghiệp.

Tôi sanh vào thời chiến tranh loạn lạc, suốt cả đoạn đời niên thiếu tốt đẹp nhất tôi phải bôn ba, chạy nạn, cho nên cơ sở giáo dục chẳng được củng cố, dù cho ngày nay siêng năng nỗ lực tu học cũng chẳng có thành tựu bằng người đời xưa. Nếu thể chất kém một chút, thân thể suy yếu, nhiều bệnh thì càng khó khăn hơn. Cho dù có ý muốn học, vẫn cảm thấy tâm có dư nhưng sức chẳng đủ, đây là một chuyện vô cùng đáng tiếc. Thế nên trong đời sống thường ngày nhất định phải chú ý đến thân thể của mình.

Phương pháp thay đổi thể chất nhanh chóng và có hiệu quả nhất là tu tâm thanh tịnh, đoạn trừ hết thầy vọng tưởng, tạp niệm, sống cuộc đời đơn giản và có quy luật. Đời sống đơn giản là đời sống khỏe mạnh. Thực sự có thể làm được thiểu dục tri túc, hết lòng hướng về đạo, hết lòng nghĩ đến chúng sanh khổ nạn, dốc toàn tâm toàn lực để giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, đó là đại từ bi. Nhân quả đều có thể chuyển. Có thân tâm khỏe mạnh thì mới có thể phục vụ cho xã hội đại chúng, làm thêm một số việc tốt.

b. Nhân quả

Miền đông bắc Trung Quốc nước sông tràn ngập lênh láng, có rất nhiều người gần chết đói, hy vọng được cứu giúp. Chúng tôi gửi mười vạn bộ áo lạnh và lương thực cho họ, và giúp họ xây dựng lại trường học. Những thời gian chịu đựng khổ nạn này có thể cảnh giác mọi người đừng nên tạo ác nghiệp nữa. Họ tự mình phản tỉnh là do trước kia bắt cá, sát sanh quá nhiều, ngày nay nghĩ lại [mới thấy] cái được chẳng bù nổi cái mất. Có câu 'Ở gần núi thì ăn [đồ ở] núi, ở gần sông thì ăn [đồ ở] sông', ở ven biển hay sông thì làm nghề chài lưới sinh sống,

đời sống được no ấm thì liền biết đủ, như vậy còn có thể tha thứ. Nếu tham hưởng thụ, hy vọng lợi dụng việc sát sanh để phát tài, vậy thì là tạo tội nghiệp, gia đạo làm sao có thể hưởng lâu dài được? Trong lịch sử và cuộc sống hiện thực, nếu chúng ta quan sát kỹ càng thì đích thực nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai.

Từ nghiệp sát này chúng ta liên tưởng đến người hiện nay tạo bốn thứ nghiệp: giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối; trong Phật pháp đây là bốn giới trọng, bất luận là xuất gia, tại gia đều phải tuân thủ. Nhìn vào xã hội ngày nay những gì trong tâm mọi người suy nghĩ, lời nói, hành động đều là giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối, rượu chè (sát, đạo, dâm, vọng, tửu), mỗi ngày đều tạo nên năm thứ tội nghiệp này, trên thực tế tức là tạo ra mười ác nghiệp, tai nạn trên thế gian làm sao tránh nổi?

Nếu muốn cứu mình thì phải hạ quyết tâm ngay tại chỗ này, giữ gìn cấm giới nghiêm túc, y giáo phụng hành. Có thể cứu mình thì mới có thể giúp đỡ người khác, phương pháp duy nhất giúp đỡ người khác cũng chỉ là khuyên nhủ. Những gì đời sống người xuất gia cần thì phải nhờ vào người tại gia cúng dường, cũng chẳng còn sức lực dư thừa để giúp người khác, duy chỉ có thể dùng thân mình làm gương, khuyên mọi người trong xã hội và những người có phước báo lớn nên phát tâm tu phước. Nếu tư tưởng và hành vi của chúng ta chẳng ngay thẳng thì làm sao khuyên người ta cho được, làm sao làm cho người khác tin tưởng? Thế nên phải bắt đầu từ mình mà làm, tâm và hạnh của mình chân chánh thì mới ảnh hưởng người khác được.

Đặc biệt là khuyên những người phú quý, hy vọng họ giác ngộ, đây là duyên đời trước họ tu phước đời này mới hưởng phước, lúc hưởng phước phải tiếp tục tu nhân thì phú quý mới đời đời kiếp kiếp tiếp nối chẳng dứt; nếu trong đời này hưởng hết phú quý thì đời sau nhất định sẽ đọa lạc. Người bần cùng hưởng nhiều khổ nạn vì đời trước chẳng tạo thiện nhân, đời này chưa gặp được thiện duyên, vì vậy nên ngu muội vô tri, tạo tác rất nhiều ác nghiệp. Chúng ta cũng nên khuyên các người nghèo khổ phải giác ngộ, quay trở lại, đoạn ác tu thiện thì đời sau mới được phước báo. Được vậy thì người phú quý hay nghèo khổ gì cũng đều được độ. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện ở thế gian đều là vì công việc này, toàn tâm toàn lực giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, đây là sự nghiệp của Phật, Bồ Tát. Chúng ta làm học trò, đệ tử của Phật, phải học tập và bắt chước tâm nguyện từ bi của Phật, Bồ Tát, phát huy mạnh mẽ sự nghiệp của Phật, Bồ Tát.

c. Mở rộng tâm lượng.

Trong thời đại ngày nay chúng ta phải mở rộng tâm lượng. Vì thông tin phát đạt, giao thông tiện lợi nhanh chóng, những gì phát sanh khắp nơi trên thế giới lập tức liền có thể biết được, thế nên phạm vi hoạt động của chúng ta bằng cả trái đất. Chúng ta phải quan tâm thương mến bất cứ địa khu nào trên trái đất, chẳng thể gò bó trong một phạm vi nhỏ hẹp, như vậy thì tâm lượng quá nhỏ. Ngoài trái đất này ra tâm lượng của chúng ta còn phải mở rộng đến khắp hư không pháp giới thì chúng ta mới có khả năng xuất ly. Nếu chẳng có tâm niệm này thì

làm càng nhiều việc tốt cũng chỉ là phước báo nhân thiên. Có hiểu được lý này thì mới biết tận hư không khắp pháp giới hết thấy chúng sanh hữu tình đều là đồng bào của chúng ta, những đồng bào này có cùng chung một pháp tánh, đều là chân tâm bản tánh của mình biến hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm nói: *‘tình và vô tình đều viên thành chủng trí’*¹⁸. Chỉ có thành Phật mới thực sự nhìn thấy ‘tình và vô tình đều là đồng bào’. Sau khi hiểu rõ thì mới biết trong đời này mình nên làm như thế nào, làm sao nỗ lực mới có thể tương ứng với chư Phật, Như Lai thanh tịnh từ bi.

4. Làm thế nào mới được công phu đắc lực (Buổi sáng 29-11-98)

a. Nhìn thấu. Buông xuống

Trong kinh Di Đà, đức Thế Tôn ba lần khuyên chúng ta phải nên phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, sáu phương Phật khuyên chúng ta nên tin kinh này và cũng khuyên chúng ta phải tin tưởng lời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sáu phương Phật đại biểu cho mười phương ba đời hết thấy chư Phật, do đó mới biết Thế Tôn khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ cũng tức là mười phương hết thấy chư Phật đều khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, lời khuyên này là lời chân thật, chẳng thể nghĩ bàn, khẩn thiết đến cùng cực.

Tại sao Phật lại khuyên như vậy? Đức Phật giáo hóa chúng sanh là vì muốn chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, mà vãng sanh đến Cực Lạc thế giới mới là phá mê khai ngộ viên mãn, được niềm vui rốt ráo, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển mãi cho đến khi thành Phật. Đó là đại nguyện viên mãn của chư Phật thành Phật đạo, độ chúng sanh, thế nên hết thấy chư Phật mới đau lòng mỗi miệng khuyên [như vậy]. Chúng ta đọc kinh, nghiên giáo phải thể hội được ý chỉ này một cách sâu sắc, hết lòng nỗ lực, thật thà niệm Phật thì mới chẳng phụ lòng hết thấy chư Phật.

Chúng ta đều có tâm niệm này nhưng tại sao công phu vẫn chẳng đắc lực? Đây là do phiền não tập khí đang hoành hành, chướng ngại đạo nghiệp và sự tinh tấn của chúng ta. *Kinh Kim Cang dạy cho chúng ta nguyên tắc vô cùng quan trọng, phương pháp phá trừ chướng ngại là ‘nhìn thấu, buông xuống’*. Không những thế pháp phải nhìn thấu, buông xuống, Phật pháp cũng phải nhìn thấu, buông xuống. Nhìn thấu tức là hiểu rõ chân tướng sự thật. Nếu chúng ta dựa trên nguyên lý, nguyên tắc dạy trong kinh rồi quan sát kỹ càng tất cả hiện tượng trong thế gian và xuất thế gian thì sẽ hiểu rõ. Hiểu rõ chân tướng sự thật, đối với pháp thế gian và xuất thế gian chẳng khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nữa chính là buông xuống. Sau khi buông xuống không những trên sự tu hành chẳng có chướng ngại, lúc xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống sanh hoạt hằng ngày cũng được đại tự tại, cùng chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian du hí thần thông, không hai không khác. Kinh Kim Cang nói “Ta, Người, Chúng sanh, Thọ

¹⁸ (*tình dữ vô tình đồng viên chủng trí*)

giả” đều là giả, toàn là mộng, huyễn, bọt, bóng, thời gian tồn tại như sương và như chớp, đó là chân tướng sự thật.

Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm là tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh của sự tu hành. Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm chia thành bảy khoa, khoa đầu tiên là ‘Tứ Niệm xứ’ dạy cho chúng ta nhìn thấu. Nội dung của Tứ Niệm Xứ và ‘Ta, Người, Chúng sanh, Thọ giả đều là giả’ nói trong Kinh Kim Cang hoàn toàn là cùng một đạo lý. Kinh Kim Cang dạy cho người Đại Thừa còn Tứ Niệm Xứ dạy cho người Tiểu Thừa. Cho nên Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm giống như sáu chữ hồng danh, tam căn phổ bị (*bao trùm hết ba hạng căn tánh: thượng, trung, hạ*), lợi độn gồm thâu, chín pháp giới chúng sanh tu học cũng chẳng rời nguyên tắc này.

Trong Tứ Niệm Xứ: thứ nhất là ‘Quán thân bất tịnh’: quán sát thân này chẳng tịnh. Thứ nhì: ‘Quán thọ thị khổ’. Thứ ba: ‘Quán tâm vô thường’. Suy nghĩ kỹ càng một người đến thế gian này mấy chục năm ngắn ngủi cho dù trường thọ đến một trăm tuổi thì cũng ngắn ngủi như thời gian búng một ngón tay, trong mấy sát na mà thôi. Thứ tư: ‘Quán pháp vô ngã’ bao gồm ‘Tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả’; quán thân, quán thọ, quán tâm đều thuộc về ‘tướng ta’ (ngã tướng), hoàn toàn tương đồng với chỉ thú của kinh Kim Cang. Sau khi nhìn thấu thì phải buông xuống. ‘Tứ Như Ý Túc’ trong ‘Ba mươi bảy Đạo Phẩm’ tức là buông xuống, chẳng còn nắm giữ pháp thế gian và pháp xuất thế gian trong tâm nữa.

b. Tu Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện

Phật dạy chúng ta đã được thân người, phải trú ở thế gian này mấy chục năm, đúng là ‘*đã đến rồi thì hãy ở yên*’¹⁹. Thế nên người thông minh, có trí huệ tích công lũy đức, vì họ hiểu được ‘*vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không*’. Tích công lũy đức như thế nào? Đây là lời dạy trong ‘Tứ Chánh Cần’, đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện. Đoạn ác nhất định phải đoạn phiền não tập khí của mình, tu thiện nhất định phải tu Giới - Định - Huệ Tam Học, tu Bồ Tát Lục Độ, tu Thập Nguyện Vương. Biến Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện thành kiến giải và hành trì trong đời sống của mình tức là tích công lũy đức.

Hoàn toàn trái ngược với Tam Học: Giới - Định - Huệ là tam độc: tham - sân - si. Phật dạy chúng ta lấy Giới để đoạn tham, lấy Định để đoạn sân, lấy Huệ để đoạn si, biến tham - sân - si thành Giới - Định - Huệ, đây là đoạn ác tu thiện. Bồ Tát Lục Độ nói càng rõ hơn, dùng Bồ Thí đoạn trừ tham lam, lấy Trì Giới đoạn trừ ác nghiệp, lấy Nhẫn Nhục đoạn trừ sân khuê, lấy Tinh Tấn đoạn trừ giải đãi, lấy Thiền Định đoạn trừ tán loạn, lấy Trí Huệ đoạn trừ ngu si. Nếu có thể tuân theo sáu nguyên tắc này khi xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống hằng ngày thì người đó là Bồ Tát. Bồ Tát khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, nhất định phải tương ứng với những nguyên tắc này.

¹⁹ (*ký lai chi, tác an chi*)

Phổ Hiền Thập Nguyện là đại hạnh viên mãn của Bồ Tát, trong kinh nói Bồ Tát không tu Phổ Hiền hạnh thì chẳng thể viên thành Phật đạo. Cốt tủy của Phổ Hiền hạnh là tâm lượng viên mãn, *‘tâm bao trùm thái hư, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát’*²⁰, đây là tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát; dùng tâm lượng to lớn này tu hết thấy thiện pháp là Phổ Hiền hạnh. Kinh Hoa Nghiêm quy nạp vô lượng hạnh môn của Phổ Hiền thành mười cương lĩnh, tức là Phổ Hiền thập đại nguyện vương, mười điều này là tổng cương lĩnh của Phổ Hiền hạnh. Mười điều này phải thuận theo thứ tự, chẳng thể thay đổi lộn xộn, thứ nhất là Lễ Kính Chư Phật, đây là căn bản của hạnh môn. Đối với hết thấy người, sự, vật, tận hư không trọn khắp pháp giới hết thấy chúng sanh đều phải cung kính. Trong kinh nói: *‘Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai’*. Dùng tâm hiếu thuận cha mẹ để hiếu thuận hết thấy chúng sanh, dùng tâm tôn kính sư trưởng để tôn kính hết thấy chúng sanh, người này sẽ là Phổ Hiền Bồ Tát. Việc tu học này được gọi là Phổ Hiền hạnh. Đây là cốt lõi của Phổ Hiền hạnh, là cội rễ của Phổ Hiền hạnh.

Dùng Lễ Kính làm cơ sở, điều thứ hai là Xưng Tán Như Lai. Cổ thánh tiên hiền dạy người ta dẫu ác, bày thiện, đây là tu dưỡng đức hạnh của mình, và cũng vì xã hội an định, hy vọng mọi người đều nhìn thấy mặt tốt mà thôi. Phiền não tập khí của hết thấy chúng sanh đều chưa đoạn trừ, đều có mặt xấu ác, xấu ác thì chẳng cần phải nói đến, mặt tốt đẹp thì phải tận lực đi tuyên dương, làm cho hết thấy chúng sanh đều giác ngộ đến phải đoạn ác tu thiện. Nếu bạn tạo ác, người ta tha thứ cho bạn, một câu nói cũng chẳng nói đến, bạn sẽ sanh tâm xấu hổ; khi bạn làm một chút chuyện thiện, người khác biểu dương, khen ngợi bạn, đây là để cổ vũ việc tu thiện. Cách dụng tâm này rất hay, rất tốt.

Thứ ba là Quảng Tu Cúng Dường, hết thấy chúng sanh bất luận là trên phương diện vật chất hay tinh thần có thiếu thốn, nếu chúng ta có khả năng thì hãy tận tâm tận lực chủ động giúp đỡ, chẳng cần người ta lại cầu, đây là bố thí cúng dường. Từ Bồ Tát mà nói thì đây là bố thí, sự bố thí của Phổ Hiền Bồ Tát thì gọi là cúng dường. Phổ Hiền Bồ Tát coi hết thấy chúng sanh là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai, vì vậy nên gọi là cúng dường, đây là sự tôn kính hết thấy chúng sanh đến cùng cực. Thứ tư là Sám Hối Nghiệp Chướng, đây là nói về sự tu hành của mình.

Trong Phổ Hiền Thập Nguyện vương mỗi một nguyện đều bao hàm hạnh môn viên mãn, nguyện nào cũng như vậy, hàm nhiếp lẫn nhau. Niệm Phật như vậy thì làm sao có việc niệm Phật chẳng đắc lực được? Niệm Phật như vậy thì làm sao chẳng vãng sanh được? Cho nên Phật dạy những nguyên lý, nguyên tắc này, chúng ta nhất định phải nắm chắc [và áp dụng vào] trong đời sống hằng ngày thì mới thật sự thành tựu cho mình, chẳng phụ kỳ vọng của chư Phật Như Lai đối với chúng ta.

²⁰ (*tâm bao trùm thái hư, lượng châu sa giới*)

5. Làm thế nào hàng [phục] ma

(Buổi sáng 30-11-98)

Ngạn ngữ có câu: ‘Chuyện tốt có nhiều rắc rối’ (Hảo sự đa ma), và: ‘Đạo cao một thước, ma cao một trượng’. Ma là chướng ngại trong đời sống và sự tu hành của chúng ta. Muốn giải quyết vấn đề này chỉ có học theo phương pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong bát tướng thành đạo Thế Tôn thị hiện ‘hàng phục ma ngoại’ đáng để chúng ta học tập. Phương pháp Thế Tôn hàng phục ma chẳng phải là đối ngoại mà là đối nội. Ma quân tới nhiều loạn, uy hiếp, Thế Tôn chẳng chống lại, ma nữ đến dụ hoặc Thế Tôn cũng chẳng trốn tránh mà dùng Giới Định Huệ Tam Học để giải quyết.

Từ đây chúng ta rút ra được một bài học, khi gặp phải bất kỳ uy hiếp dụ hoặc, hay chướng nạn có bao lớn đi nữa thì chỉ cần tiêu trừ ma oán trong nội tâm, cảnh giới bên ngoài sẽ là ‘chẳng có Phật mà cũng chẳng có ma’. Cũng như Ngẫu Ích đại sư nói: ‘Cảnh duyên chẳng có tốt xấu, tốt xấu là ở nơi tâm’. Ma cảnh bên ngoài thật ra là do tâm ma biến hiện ra, có thể biến thành ma cảnh là do tà tri tà kiến của chính mình, phiền não tham - sân của mình, cảnh giới bên ngoài là cảnh bị biến ra (sở biến). Thế Tôn dạy chúng ta phương pháp là phải hàng phục cái tâm năng biến của mình, ma cảnh được biến ở bên ngoài sẽ chẳng gây chướng ngại gì cả.

Kinh Bát Đại Nhân Giác chia Ma thành bốn loại, đó là Ngũ Âm Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, Thiên Ma. Ngũ Âm Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma đều thuộc về tâm ma của mình; chỉ có Thiên Ma là ở phía ngoài. Thiên Ma từ đâu tới? Cũng là do tâm ma của mình biến hiện ra thôi. Người đời chẳng biết đạo lý này nên khi gặp yêu ma quỷ quái thì liền tìm mọi cách để kháng cự, khắc phục, như vậy vĩnh viễn chẳng thể giải quyết vấn đề. Phương pháp giải quyết vấn đề là phải hóa giải. Bản thân mình có phiền não, tà tri tà kiến, đây là gốc rễ của hết thảy ma chướng. Thế nên chỉ cần làm được ‘tri kiến chánh, trừ phiền não’, ma ngoại cũng sẽ thành Phật luôn. Trong bốn hồng thế nguyện có nguyện ‘chúng sanh vô biên thế nguyện độ’, ma cũng là chúng sanh, độ ma thành Phật thì mới đúng là phổ độ chúng sanh.

Chánh tri chánh kiến là từ Tam Muội mà được. Một người tu hành có công phu định lực tương đương thì cũng chẳng biết mình có chánh định hay tà định, thế nên chúng sanh trong chín pháp giới tu hành chẳng thể tách lìa kinh điển. Nếu lý luận, phương pháp tu học và cảnh giới hiện ra trong công phu tương ứng với kinh điển thì là chánh tri, chánh kiến, tức là chánh hạnh, chánh thọ; chánh thọ tức là Tam Muội. Phạm vi của Tam Muội rất rộng lớn, chỉ cần là ‘chánh’ thì là Tam Muội, cho nên chánh tri, chánh giải, chánh hạnh, chánh thọ đều thuộc về Tam Muội.

Chúng ta xem trong kinh, khi Phật thuyết pháp cho chúng sanh trước hết phải thị hiện nhập định, kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng ngoại lệ. Kinh Lăng già nói: *‘Na Già thường tại định, vô hữu bất định thời’*²¹, Pháp Thân đại sĩ cũng thường ở trong định, Phật còn phải nhập định hay sao? Phật thị hiện nhập định là muốn thuyết minh: thuyết pháp độ sanh dùng Tam Muội làm căn bản, hết thấy pháp đều từ Tam Muội lưu lộ ra; Tam Muội rộng lớn vô cùng, tức là tánh đức lưu xuất.

Cảnh giới trong định là Nhất Chân pháp giới, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng có trước sau, lớn nhỏ, hết thấy khái niệm và sự tương tương đối đều chẳng tồn tại. Nhất Chân tức là sự thật chân tướng mà Như Lai chứng được, điều Như Lai sở chứng tức là tướng cảnh giới được hiện ra trong khi nhập Tam Muội. Cảnh giới này đối với phàm phu chẳng thể nghĩ bàn. Thí dụ trong kinh có nói: *‘Hạt cải chứa Tu Di’*²², hạt cải nhỏ cũng như hạt mè vậy, hạt cải chẳng có phóng đại, núi Tu Di cũng chẳng thâm nhỏ, làm sao bỏ núi Tu Di vào trong hạt cải? Là vì chẳng có lớn nhỏ cho nên có thể tương tức, tương dung (*có thể chính là nhau, dung chứa lẫn nhau*). Chúng ta biết phân biệt lớn nhỏ, chấp trước lớn nhỏ, nhỏ chẳng thể chứa lớn, đây tức là ma cảnh. Ma cảnh là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sanh ra; nếu xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chẳng có lớn - nhỏ, trong - ngoài, hạt cải sẽ có thể chứa núi Tu Di.

Phàm phu sanh hoạt trong thời gian, không gian tương đối, khoa học gia gọi là ‘tương đối luận’, tương đối tức là phân biệt chấp trước, chẳng phải thật. Phật, Bồ Tát chẳng có phân biệt chấp trước, chẳng có tương đối, ngay cả Lý Sự cũng chẳng có, cho nên các Ngài không có chướng ngại. Trong cái nhìn của Phật, Bồ Tát, dù là yêu ma quỷ quái thì cũng là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai, đều dùng tâm hiếu thuận, cung kính để đối đãi, chẳng có giảm bớt chút nào.

Đây là Thế Tôn thị hiện bản lãnh hàng phục ma, dụng ý là cho chúng ta học tập. Chỉ cần có tà kiến, phiền não thì nhất định sẽ có ma chướng, yêu ma quỷ quái sẽ thường thường bao quanh bên mình. Nếu có thể diệt trừ tà kiến, phiền não thì yêu ma quỷ quái cũng sẽ thành Phật. Từ đây có thể biết Phật và Ma chỉ ở tại một niệm mà thôi. Một niệm mê thì Phật sẽ biến thành Ma; một niệm giác thì Ma sẽ thành Phật. Vì vậy gút mắt ma chướng chẳng ở bên ngoài mà ở trong nội tâm. Người thế gian mê muội gặp yêu ma quỷ quái thì mời đạo sĩ vẽ bùa, niệm chú để trừ tà ma, vậy là dùng võ lực để kháng cự. Cho dù bạn có thể thắng họ thì vấn đề vẫn chưa được giải quyết; tâm oán hận của họ, tâm báo thù vẫn còn, họ vẫn sẽ quay lại trả thù, vả lại sẽ còn mạnh mẽ hơn, như vậy thì sẽ dây dưa chẳng dứt, vấn đề sẽ ngày càng trầm trọng. Cho nên Thế Tôn chẳng chống đối mà dùng tâm

²¹ Na Già là dịch âm tiếng Phạn chữ nāga, có nghĩa là rồng, voi, vô tội, bắt lai. Đây là thuật ngữ để xưng tụng Phật hoặc bậc A La Hán. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa chép: “Kinh Không Tước gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sanh tử”. Đại Trí Độ Luận quyển ba chép: “Ma Ha là lớn, Na là Vô, Già là Tội. A La Hán đã đoạn các phiền não, nên gọi là Đại Vô Tội”. Thiên Định của đức Phật cũng gọi là Na Già.

²² (*Giới tử nạp Tu Di*)

chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để bao dung, cảm hóa. Biến đổi Ma thành Phật là một việc tốt, hai bên đều có lợi. Sau khi Ma thành Phật thì sẽ vĩnh viễn cảm kích bạn, khi bạn thị hiện thành Phật độ sanh, Ma sẽ thị hiện đủ mọi thân phận để hộ pháp, đây mới là cách thực sự giải quyết vấn đề. Phàm ai làm hỏng vấn đề đều là do ngu si tạo nên. Do đó mới biết trí huệ là đáng quý.

Phật pháp từ đầu đến cuối đều truy cầu trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể giải quyết hết thảy vấn đề một cách viên mãn. Tất cả những vấn đề thế gian và xuất thế gian đều có thể giải quyết viên mãn, vì trên Lý là cùng chung một pháp tánh, pháp tánh là cứu cánh viên mãn. Hết thảy sự vật đều y pháp tánh làm tự thể, tự thể viên mãn, tự thể hiện ra tướng cũng nhất định viên mãn. Phàm chẳng thể giải quyết đều là vì trí huệ chẳng đủ, phương pháp chẳng hoàn hảo, phải quay lại tu trí huệ. Phương pháp tức là quyền trí, nhà Phật gọi là thiện xảo phương tiện; quyền trí y vào thực trí, thực trí chính là Tam Muội. Cho nên mới nói tự mình thành Phật rồi nhìn thấy núi sông, sơn hà, đại địa, chúng sanh *‘tinh và vô tinh đều viên thành chủng trí’*. Từ đó có thể biết giải quyết bất kỳ nghi nan tạp chủng trong thế gian, xuất thế gian đều ở tại nội tâm. Phật pháp xưng là Nội Học, chẳng hướng ngoại, hướng ngoại là ngoài tâm cầu pháp, là ngoại đạo. Ngoại đạo chẳng thể giải quyết vấn đề, chỉ có Nội học mới có thể giải quyết vấn đề.

Do đó trong giai đoạn sơ học nhất định phải đọc thuộc Đại Thừa, đặc biệt là những người phát tâm hoằng pháp lợi sanh, không những phải đọc tụng mà còn phải khế nhập vào cảnh giới. Khế nhập tức là ‘tùy văn nhập quán’. Mở quyển kinh ra tùy lời dạy trong kinh mà chuyển biến quan niệm của mình thì gọi là ‘tùy văn nhập quán’. Nhập tức là khế nhập, ý nghĩa của ‘nhập’ bao gồm ‘tín - giải - hành - chứng’. Nhập tức là chứng, có hành mới có chứng, hành là thay đổi quan niệm; thay đổi quan niệm là vì hiểu rõ đạo lý, hiểu lý tức là tin tưởng lời dạy của Phật. Phật nói về ‘Giáo - Lý - Hạnh - Quả’, chúng ta có thể làm được tín - giải - hành - chứng, cảnh giới liền chuyển, đây tức là ‘tùy văn nhập quán’, đây là chân thật tu hành, có thể đạt được thọ dụng chân thật. Phương pháp tu hành vô lượng vô biên, tùy văn nhập quán là phương pháp tu hành của Giáo Hạ, tức là mở ra cuốn kinh có thể nhập vào cảnh giới Phật. Nhập cảnh giới quan trọng nhất là ở trong sanh hoạt hằng ngày, trong lúc xử sự, đãi người, tiếp vật, lúc nào cũng giữ được, chẳng đánh mất tức là chẳng thoái chuyển. Có bản lãnh này thì khi gặp yêu ma quỷ quái chúng ta sẽ chẳng kinh sợ, chúng ta có khả năng giúp đỡ họ cùng thành Phật đạo, đây là cách giải quyết viên mãn nhất. Đây là lời Phật dạy, đây mới là chân thật, cứu cánh, mỹ mãn.

6. Làm thế nào để đối xử hòa mục với tất cả chúng sanh (Buổi sáng 01-12-98)

Từ xưa đến nay giáo dục của nhà Phật, nhà Nho đều chẳng ra ngoài hai việc: thứ nhất là dạy chúng ta nhận thức quan hệ giữa chúng ta và đại vũ trụ, đây tức là ‘chư pháp thật tướng’. Hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh một cách chính xác là tông chỉ chủ yếu của giáo dục, đây là Thể. Thứ nhì là dạy chúng ta

làm thế nào đối người, đối sự, đối vật và cũng nghĩa là trong sanh hoạt làm sao xử sự, đối người, tiếp vật, đây là Dụng. Hai cái Thể và Dụng này bao gồm toàn bộ giáo học, đây chẳng phải chỉ là lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni mà thôi, mười phương ba đời hết thầy chư Phật giáo hóa tất cả chúng sanh đều chẳng ngoại lệ.

Trên mặt tác dụng tại sao chúng ta không thể đối xử hòa mục với hết thầy chúng sanh? Là vì chẳng hiểu chân tướng sự thật. Chư Phật, Bồ Tát đại thánh đại hiền hiểu rõ chân tướng cho nên có thể đối xử hòa mục với hết thầy chúng sanh. Đức Phật dạy chúng ta phải coi tất cả chúng sanh như cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai; Bồ Tát Giới Bản trong kinh Phạm Võng cũng nói: *'Hết thầy người nam là cha ta, hết thầy người nữ là mẹ ta'*, những chuyện này đều là sự thật, chẳng phải là thí dụ. Kiến giải, tâm tư, thường thức của phàm phu hơn phân nửa giới hạn trong một đời, chẳng biết đời quá khứ và đời vị lai, cho nên sanh ra rất nhiều hiểu biết sai lầm. Phật, Bồ Tát dùng định công thâm sâu đột phá giới hạn của thời gian và không gian, đối với quá khứ vô thí, vị lai vô chung hết thầy đều hiểu rõ, cho nên biết hết thầy chúng sanh đời đời kiếp kiếp đều là quyến thuộc lẫn nhau.

Chư Phật, Bồ Tát dùng tâm gì để đối đãi hết thầy người, sự, vật? Là dùng tâm Hiếu Kính. Câu đầu tiên của Tam Phước trong Quán Kinh: *'Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng'*. Dùng hiếu thuận, tôn kính đối đãi hết thầy người, sự, vật, đó tức là Phật, Bồ Tát, đại thánh nhân. Tâm tư, quan niệm, hành động của phàm phu hoàn toàn ngược lại. Tương ứng thì là tùy thuận tự tánh, tánh đức, tùy thuận thật tướng của chư pháp. Có thể tùy thuận một cách viên mãn thì là Nhất Chân pháp giới. Nếu chẳng thể tùy thuận, trái ngược với những điều trên thì là lục đạo phàm phu; hoàn toàn trái ngược thì là tam ác đạo. Cho nên làm thánh làm phàm, thiên đường địa ngục đều ở ngay tại một niệm của mình mà thôi. Nếu một niệm này tương ứng với pháp tánh thì là Phật, Bồ Tát; niệm này trái ngược với tánh đức thì là chúng sanh, ác đạo.

Do đây có thể biết cảnh giới bên ngoài thực sự như chư Phật đã nói: 'mộng, huyền, bọt, bóng', cảnh giới biến hóa tùy theo tâm niệm của chúng ta, cũng như kinh Hoa Nghiêm nói: *'Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến'*. Phật còn nói cho chúng ta biết: *'hết thầy pháp từ tâm tướng sanh'*, tâm là năng biến (*cái có thể biến*), pháp là sở sanh (*cái được sanh ra*). Những pháp được sanh này chẳng như ý là vì cái tâm năng sanh chẳng tương ứng với pháp tánh. Thế nên hết thầy cảnh giới chẳng phải người khác biên hiện ra cho bạn hưởng thụ mà do tự mình biến ra cho mình hưởng dùng, đây là chân tướng sự thật. Sau khi hiểu rõ chân tướng, nếu chúng ta muốn sinh hoạt trong một hoàn cảnh thích hợp với mình thì phải tuân theo lời dạy của Phật. Nói thật ra, tuân theo lời Phật dạy tức là tuân theo tánh đức của tự tánh, pháp tắc của tự tánh. Những gì chư Phật, Bồ Tát nói đều là pháp tắc của tự tánh chúng ta, chẳng phải của riêng Ngài. Thế nên Phật nói Ngài chưa từng nói qua một lời, những gì Ngài nói đều là tánh đức của tự tánh chúng ta khai phát. Chỉ có chân chánh hiểu rõ đạo lý này mới thực sự hoàn toàn tiếp nhận và khâm phục Phật pháp đến năm vóc sát đất.

Cho nên học Phật tức là tùy thuận tự tánh, Phật đại biểu cho tự tánh của chúng ta, Bồ Tát và đại thánh đại hiền là thị hiện của tánh đức, là tánh đức lưu lộ, là tự mình chẳng phải người khác, đây tức là *'ta người không hai'*²³. Chúng ta phải lãnh hội cái ý tưởng này, từ đó xây dựng lòng tin. Nếu có thể khế nhập thì mới hoằng nhiên đại ngộ, chư Phật, Bồ Tát vốn là tánh đức của mình lưu xuất, thập pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm cũng là tự tánh lưu lộ. Sau đó mới chân chánh thể hội đến tận hư không trọn khắp pháp giới chỉ là chính mình mà thôi, ngoài chính mình ra, đích thực chẳng có pháp nào cả. Lòng đại từ Vô Duyên, lòng đại bi Đồng Thể tự nhiên sẽ hiện ra, từ bi là tánh đức, tánh đức sẽ hiện ra, lưu lộ viên mãn. Chúng ta hiểu kính đối với Phật, Bồ Tát, đại thánh đại hiền, hiểu kính cha mẹ, sư trưởng, sau đó từ từ sẽ hiểu kính đối với hết thầy chúng sanh, thậm chí đối với oan gia đối đầu của mình, rắn độc thú dữ, địa ngục ngạ quỷ đều hiểu kính như nhau, nhất định sẽ dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng đối đãi với họ.

Nếu nhập vô cảnh giới này thì bạn đã thành Phật rồi. Cho dù chẳng thành Phật thì cũng là Pháp Thân đại sĩ, trí huệ đã khai mở. Đối với hết thầy vạn pháp trong hư không pháp giới, bạn đã giác ngộ, hiểu rõ rồi, biết được phải làm như thế nào. Đối với những chúng sanh chưa giác ngộ thì cũng biết làm thế nào để giúp đỡ, đây tức là giữ tâm Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo. Cho nên bất cứ thân phận gì, ngành nghề gì, nam nữ, già trẻ đều có thể tu Bồ Tát đạo viên mãn. Bồ Tát tuyệt đối chẳng giới hạn trong một pháp giới nào, hết thầy pháp giới đều là pháp giới Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm nói: *'Một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều không hai'* tức là ý nghĩa này.

Chúng ta đời đời kiếp kiếp tiếp xúc với hết thầy chúng sanh đã kết thiện duyên và cũng có ác duyên. Có nhiều người rất hợp với mình, có duyên và rất thích mình, đây là thiện duyên từ đời quá khứ. Có nhiều người là oan gia đối đầu của mình, đem lại cho mình rất nhiều điều chẳng như ý, đây là oan nghiệp từ kiếp trước. Quá khứ mê hoặc điên đảo nên gây ra oan nghiệp này, hiện nay giác ngộ hiểu rõ rồi, phải hóa giải oan kết này thì cũng dùng 'hiếu kính' như lời Phật dạy. Hiếu thuận và tôn trọng bằng tâm chân thành, oan kết tự nhiên sẽ được hóa giải.

Cho nên đối với hết thầy oán ghét, chúng ta phải tùy thuận, thực sự làm được hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; trong sự tùy hỷ thành tựu trí huệ chân thật cho mình, giới - định - huệ chân thật, đây là công đức. Tùy thuận làm sao có thể thành tựu công đức? Tâm thanh tịnh quan trọng, tâm trí huệ quan trọng, bạn dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi tức là tùy thuận, đây là có công. Có thể thành tựu, tăng thêm lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi của bạn là đức.

Cho nên nếu có một niệm oán trời trách người thì là sai lầm quá đỗi. Khi gặp hết thầy cảnh giới, nghịch duyên không như ý, đều phải quay lại tự mình phản tỉnh, nhất định là do nghiệp chẳng thiện của mình tích lũy lại tạo thành, lỗi lầm

²³ (*tự tha bất nhị*)

chẳng ở tại người khác. Quay đầu lại tự mình chân thật sám hối, sửa sai đổi mới, đây là chân tu hành. Là do mình chẳng xem họ như cha mẹ, sư trưởng, chẳng có hiếu thuận, tôn trọng họ, là lỗi của mình, chẳng phải của họ. Chư Phật Như Lai dùng phương pháp này được thành tựu, chúng ta muốn làm Phật, làm Bồ Tát thì cũng chẳng ngoại lệ, vẫn phải dùng phương pháp này. Chúng ta phải thực hiện ‘kính người, kính sự, kính vật’ trong đời sống, niệm niệm chẳng được tách lia; một niệm tách lia là một niệm mê, một niệm tương ứng là một niệm giác, cho nên phải dụng công trong từng tâm niệm. Chẳng thể không đọc kinh điển Đại thừa, chẳng thể không thâm giải ý thú²⁴, được vậy chúng ta mới có thể giữ gìn giác chứ không mê, mới có thể đạt được đời sống hạnh phúc mỹ mãn chân chánh.

7. Nói chuyện với đồng tu tại Niệm Phật Đường (Buổi sáng 06-12-98)

Từ lúc khai giảng đến nay Niệm Phật Đường đã từ từ đi vào nề nếp, mọi người đều cảm nhận công đức thù thắng của sự niệm Phật một cách sâu sắc, sanh tâm hoan hỷ. Nhưng cũng có một số đồng tu nói với tôi rằng trong đại chúng còn một số ý kiến. Vấn đề này chúng ta không thể không để ý. Cổ đức thường nói lúc cùng nhau tu tập (*cộng tu*) nếu có nghi hoặc, xen tạp thì sẽ phá hoại công phu niệm Phật. Mục đích của sự niệm Phật là để đạt được ‘nhất tâm bất loạn’, nhất tâm tuy không dễ đạt được, chỉ cần đạt đến cảnh giới này thì nhất định nắm chắc vững sanh bất thoái thành Phật.

Công phu thành phiền tức là chẳng có nghi hoặc, xen tạp, bất loạn là ở chỗ nào lúc nào, dù lúc nửa đêm nằm mộng cũng chẳng quên A Di Đà Phật, đó tức là hình dáng của công phu thành phiền. Ngoại trừ A Di Đà Phật ra, lúc tiếp xúc với hết thầy người, sự, vật phải luôn luôn cảnh giác cao độ, nhất định chẳng để ngoại cảnh dụ hoặc, lay động, đó tức là công phu. Chúng ta muốn đạt được công phu này nhưng tại sao niệm Phật mãi trong Niệm Phật Đường cũng làm không được?

Có hai nguyên nhân:

Một là phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay quá nặng; tập khí tức là tri kiến, phần nhiều gọi là thành kiến, thành kiến rất nặng, ý kiến quá nhiều, đây là một chuyện rắc rối.

Hai là không thật thà, thật thà cũng chẳng dễ, người có thể làm được thật thà bất luận tu học pháp môn nào đều nhất định có thể thành tựu.

Phương pháp bổ khuyết, bù đắp là đọc kinh, nghe giảng. Đọc kinh nghe giảng giúp cho chúng ta có thể nhìn thấu, buông xuống, giúp cho chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh. Nói một cách khác hiểu rõ chân tướng mình đến thế gian trong đời này. Nếu thực sự hiểu rõ triệt để sinh hoạt và hoàn cảnh xung quanh trong đời này thì tự nhiên sẽ buông xuống. Thế Tôn đã đau lòng

²⁴ nghĩa là hiểu sâu ý nghĩa và tông thú. Tông là điều được đề cao bởi kinh điển, tức là pháp môn chủ yếu được dạy trong kinh, thú là đường lối để thực hiện tông. Chẳng hạn, kinh A Di Đà có tông là “nhất tâm bất loạn”, còn thú là “nhất hướng chuyên niệm, trì danh niệm Phật, tích lũy công đức”

mỗi miệng nói hết bốn mươi chín năm, luôn luôn nhắc nhở nhưng chúng ta thực sự đã mê quá sâu đậm. Không ngừng nhắc nhở là hy vọng có một ngày nào đó chúng ta có thể hoằng nhiên đại ngộ, biết được mình đến thế gian chỉ là để thọ báo mà thôi.

Nghiệp đã tạo trong những đời kiếp trước thì đời này đến để thọ nhận quả báo, đây là nhân quả tuần hoàn. Tạo thiện nghiệp nhiều thì đời này hưởng được một chút phước; tạo ác nghiệp nhiều thì đời này phải chịu rất nhiều đau khổ. Nhưng chẳng có người nào trong lúc thọ báo bèn cam chịu thọ báo, vẫn cứ tạo nghiệp y như cũ. Thọ báo rồi tạo nghiệp, tạo nghiệp xong lại thọ báo, vĩnh viễn cứ tuần hoàn. Hiện tượng tuần hoàn này chẳng nâng lên trên mà là từ từ đi xuống, đời này chẳng bằng đời trước, như vậy đau khổ biết bao! Tại sao lại có hiện tượng này? Tại chúng ta tạo ra những nghiệp chẳng thiện. Thế Tôn nói rõ cho chúng ta biết tạo thiện nghiệp thì đi cõi thiện siêu sanh, tạo ác nghiệp thì đi vào cõi ác đọa lạc, đây là chân tướng sự thật của nhân sanh. Thử suy nghĩ kỹ thì đích thực là như vậy. Phật từ bi thương xót những chúng sanh thọ khổ thọ nạn này vì ngu muội vô tri mê mất tự tánh, cho nên mới nói rõ chân tướng sự thật, hy vọng chúng sanh có thể vượt thoát tam giới, lục đạo luân hồi, cùng các Ngài làm Phật, làm Bồ Tát.

Vào Niệm Phật Đường và muốn công phu được đắc lực thì phải buông xuống hết thân tâm thế giới. Không buông xuống nổi là vì không hiểu giáo lý nên phải dùng phương pháp giảng kinh để bổ cứu. Thời xưa Niệm Phật Đường chẳng có giảng kinh, nhưng mỗi cây hương lúc chỉ tịnh²⁵ đều có giảng khai thị, dụng ý cũng giống với giảng kinh, là giúp mọi người đoạn nghi sanh tín, công phu đắc lực. Đặc biệt là ngày nay thời gian chúng ta nghe kinh ngắn, chẳng đủ căn cơ, tuy là có duyên trụ tại Niệm Phật Đường thù thắng như vậy mà vẫn sanh phiền não, vẫn còn nhiều ý kiến, vẫn gây chướng ngại cho công phu tu học của mình. Do đó có thể biết chẳng thể không đọc kinh, chẳng thể không nghe giảng, mọi người phải hết lòng nỗ lực dụng công.

Sau khi Làng Di Đà xây xong, Niệm Phật Đường có thể chứa từ một đến hai ngàn người. Đồng tu trụ tại Làng Di Đà đều là Phật, Bồ Tát vì những người đến chỗ này chỉ có một mục đích là làm Phật. *‘Niệm Phật là nhân, làm Phật là quả’*. Niệm Phật Đường nhất định niệm Phật chẳng gián đoạn suốt hai mươi bốn giờ, ngày ngày đều như vậy, năm nào cũng đều như vậy. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng nặng nề muốn ngày đêm niệm Phật chẳng gián đoạn, nhưng thể lực có trở ngại, có trở ngại cũng phải khắc phục. Khi xưa Đế Nhân lão hòa thượng dạy phương pháp niệm Phật cho đồ đệ của Ngài -- người làm thợ vá nồi: *‘Niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ mệt xong liền niệm tiếp tục’*. Nhất định chẳng thể làm biếng, giải đãi, đây chính là vì mình mà cũng vì chúng sanh; bạn thành Phật rồi thì có thể phổ độ chúng sanh, đây là tự lợi, lợi tha. Hy vọng mọi người tự động, tự phát đừng để người ta phải đốc thúc. Trong Niệm Phật Đường mặc áo hải thanh (áo

²⁵ Chỉ tịnh là thời gian đại chúng ngồi xuống, yên lặng, niệm Phật thầm sau khi nhiễu Phật, hoặc sau khi niệm lớn tiếng.

tràng), lúc nghỉ mệt cũng đừng cởi áo hải thanh, khi cởi áo hải thanh thì sợ ngủ mê, làm ngưng trệ công phu niệm Phật; mặc luôn áo mà ngủ thì có thể đề cao cảnh giác, tận lực ngăn ngừa cho mình đừng làm biếng. Tu học trong đạo tràng như vậy thì làm sao chẳng thành Phật cho được!

Trụ ở Làng Di Đà đều miễn phí, một đồng [chúng tôi] cũng chẳng nhận, vì các bạn là Phật, Bồ Tát, chúng tôi đương nhiên phải cúng dường. Một trong mười đức hiệu của Phật là ‘Ứng Cúng’, các bạn trú ở đây thì đương nhiên phải nhận sự cúng dường của hết thầy chúng sanh. Bạn sẽ làm Phật nên chúng tôi dùng tâm cúng dường chư Phật để cúng dường các bạn, giúp các bạn ngay trong một đời này viên thành Phật đạo, cái duyên này vô cùng thù thắng! Nơi đây xin chúc các bạn ngay trong một đời ngắn ngủi này nhất định sẽ thành tựu.

8. Học Phật tức là học làm người

(Buổi sáng 07-12-98)

Học Phật tức là học làm người, học làm một người tốt, học làm một người minh bạch. Nhà Nho nói: “*Đạt đến mức tốt lành tốt bậc*”²⁶, Phật pháp đích thật đã làm câu này được viên mãn. Chí thiện là thiện đến mức cùng cực, đạt đến cứu cánh viên mãn. Nhà Nho và nhà Phật đều có phương pháp đạt đến chí thiện, cơ sở của phương pháp này có thể nói là hoàn toàn tương đồng. Nhà Nho dạy học trước hết đề ra ‘Tam Cương, Bát Mục’²⁷. Nhà Phật dạy học trước hết đề ra ‘Tứ Hoàng, Lục Độ’, tinh thần và nội dung của hai thứ này rất giống nhau. Thế nên tư tưởng, kiến giải, giáo học, hành trì của Khổng Lão phu tử và Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng hện mà hợp với nhau, đúng là ‘*Cái nhìn của anh hùng đại lược giống nhau*’.

Việc đầu tiên trong sự tu học là phải phát nguyện, nhà Nho nói phải lập chí, lập chí làm thánh hiền, làm đại sự, chẳng phải lập chí làm quan phát tài, hưởng vinh hoa phú quý. Đại sự là gì? Nhà Phật nói: ‘*Tử sanh đại sự*’, câu này nói rõ ý nghĩa của đại sự. Trong Phật pháp, đại sự nhân duyên nói đến chỗ cứu cánh viên mãn tức là phổ độ chúng sanh và cũng là nguyện thứ nhất trong Tứ hoàng thế nguyện: ‘*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*’. Độ là ví dụ, độ qua biển khổ sanh tử, độ qua lục đạo luân hồi, đây mới là đại sự.

²⁶ *(Chỉ ư chí thiện)*

²⁷ Đây là cương lĩnh tu thân của nhà Nho. Tam Cương gồm: Minh minh đức, Thân Dân, Chỉ ư chí thiện. *(Chữ Thân này thời cổ đọc là Tân (mới), nên hiện thời tuy viết là Thân nhưng vẫn phải đọc là Tân)*

(Nghĩa là: Làm sáng tỏ cái đức sáng, làm cho dân chúng hiểu biết được cái hay đẹp rồi sửa đổi thành con người mới tốt đẹp, nhắm đến sự tốt đẹp tốt bậc, làm cho được rồi giữ cho nó tồn tại mãi).

Bát Mục gồm: Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm, Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ. Xin xem Phụ lục ở cuối Tập 2.

Vô lượng kiếp đến nay chúng sanh kẹt mãi trong sanh tử luân hồi đời này sang kiếp khác, vĩnh viễn chẳng thể thoát ly; trong kinh gọi chúng sanh trong lục đạo là ‘người đáng thương xót’. Tình trạng trong lục đạo chỉ có Phật, Bồ Tát mới rõ ràng, phàm phu mê trong đó và chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật này tức là chân tướng của sanh tử và chân tướng của đời sống chúng ta.

Đức Phật nói khi chúng ta ở trong luân hồi thì nhất định thời gian trong ba ác đạo dài, thời gian trong ba thiện đạo ngắn. Thọ mạng dài nhất trong tam thiện đạo là cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ ở trời Vô Sắc Giới, thọ mạng là tám vạn đại kiếp; một đại kiếp bằng thời gian thế giới chúng ta trải qua ‘thành - trụ - hoại - không’ một lần, tám vạn đại kiếp là thời gian thế giới chúng ta thành, trụ, hoại, không tám vạn lần, họ có thọ mạng dài như vậy. Thời gian dài trong ác đạo càng dễ sợ hơn. Kinh Địa Tạng dạy: *‘Thọ mạng trong địa ngục là vô số kiếp’*. Cho dù là trong cõi súc sanh tuy thọ mạng chẳng dài nhưng súc sanh ngu si, kiên cố chấp trước thân hình này là của mình cho nên rất khó thoát ra. Lúc Thế Tôn còn tại thế, tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên có một ổ kiến, Thế Tôn nói với đệ tử: *‘Đã trải qua bảy vị Phật rồi, cả ổ kiến này cũng chưa thoát thân làm kiến, đời đời kiếp kiếp cứ làm kiến hoài’*. Thời gian này dài hơn thọ mạng của Phi Phi Tướng Xứ Thiên quá nhiều, quá nhiều!

Cho nên Phật, Bồ Tát thường nhắc nhở chúng ta, cảnh cáo chúng ta, tam ác đạo tuyệt đối chẳng thể đi vào, đọa tam ác đạo rất dễ dàng, thoát ly tam ác đạo thì quá khó. Tuy Phật, Bồ Tát từ bi ứng hóa trong ác đạo độ chúng sanh, nhưng ác đạo chúng sanh ngu si đến cùng cực, còn thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng nề, so với độ người còn khó gấp nhiều lần. Tuy vậy nhưng Phật, Bồ Tát cũng chẳng buông bỏ, các Ngài thực sự là từ bi đến cùng cực.

Trong lục đạo chúng sanh dễ độ nhất là loài người, thế nên Bồ Tát thị hiện thành Phật cũng ở tại cõi người. Nguyên nhân là gì? Phật, Bồ Tát thị hiện ở chỗ nào là do cảm ứng đạo giao với chúng sanh nơi đó, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát liền có ứng. Do đó mới biết cõi người có sức cảm ứng rất lớn với chư Phật, Bồ Tát, thế nên quý Ngài ứng hóa trong cõi người, thị hiện làm Phật, làm Bồ Tát, đây là chân lý.

Đời này chúng ta có thể sanh vào cõi người, cơ hội này vô cùng hiếm hoi và quý báu, quý ở chỗ cõi người dễ giác ngộ, dễ được độ, cho nên chúng ta nhất định phải nắm vững cơ duyên. Và lại cơ duyên này chẳng lâu dài vì thọ mạng của cõi người rất ngắn, cho dù sống đến một trăm tuổi thì cũng như búng ngón tay, một sát na ngắn ngủi mà thôi. Thọ mạng ngắn nói lên cơ duyên này đặc biệt quý báu, vì vậy được thân người nếu chẳng nghe được Phật pháp thì rất đáng tiếc. Số người được thân người nhưng chẳng có cơ duyên nghe Phật pháp đích thật là chiếm đại đa số. Trong thời đại hiện nay Phật pháp nương vào khoa học kỹ thuật phổ biến truyền đến khắp thế giới, bất luận là tin hay không, chỉ vì *‘một phen lọt vào tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo’*, đây là người thế gian có phước. Nếu ở trong đời này thiết có thể thoát ly lục đạo luân hồi thì là thực sự thành tựu. Ngược lại đời này chẳng thể thoát ly lục đạo, đời sau không cách chi tránh khỏi luân hồi

như cũ; một khi đã luân hồi thì chẳng biết phải trôi lăn đến kiếp nào mới có thể gặp được Phật pháp. Nhất định chẳng thể đời nào cũng gặp được Phật pháp, nếu đời nào cũng được gặp thì chúng ta đã thành Phật sớm rồi, bởi vậy mới biết việc này chẳng dễ.

Gặp được Phật pháp mọi người đều hy vọng ngay trong đời này được thành tựu, chuyện này cũng chẳng phải khó, đích thực mỗi người đều có thể làm được, mấu chốt là ở chỗ giác ngộ. Biết được khuyết điểm của mình chính là giác ngộ; sửa khuyết điểm cho đúng trở lại là tu hành. Nếu chẳng biết khuyết điểm của mình thì không biết bắt đầu sửa đổi từ đâu. Nhưng một người biết được khuyết điểm của mình rất khó, ai cũng tưởng là mình đúng hoàn toàn. Lý do phàm phu vẫn cứ là phàm phu vì họ chẳng biết lỗi lầm của mình, cứ cho rằng mình đúng. Bồ Tát khác với phàm phu là vì Bồ Tát chẳng có quan niệm mình đúng, chỉ biết rằng lỗi lầm của mình quá nhiều, mỗi ngày đều phản tỉnh, ngày ngày đều sửa lỗi, đây là người giác ngộ. Người mê thì cứ tưởng là mình đúng, cho dù phản tỉnh thì cũng nghĩ mình chẳng có lỗi, lỗi đều ở nơi người khác. Nhưng họ chẳng biết khi thấy lỗi người khác thì chính là lỗi của mình; khi nào chẳng thấy lỗi của người khác thì lỗi của mình cũng chẳng còn.

Huệ Năng đại sư dạy: *‘Nếu là người tu đạo chân thật chẳng thấy lỗi thế gian’*. Nhìn thấy người khác có lỗi tức là phiền não tập khí của mình hiện ra. Bên ngoài là duyên, duyên giúp cho phiền não tập khí của mình khởi lên, đây là lỗi lầm lớn. Cho nên người biết tu hành, hết thấy ngoại duyên đều là thiện tri thức, gặp người thiện, chuyện thiện thì có thể học tập, gặp người ác, chuyện ác giúp mình phản tỉnh sửa lỗi lầm, thuận hay nghịch đều là thiện tri thức. Trong lúc phản tỉnh *‘có lỗi thì sửa, không thì nhắc nhở để đừng phạm’*, lý do Bồ Tát tu hành có thể thành Phật là ở tại điểm này.

Nếu chẳng hiểu đạo lý và chân tướng sự thật, học Phật mà chẳng thực sự thay đổi trên tâm địa, tức là học Phật nhưng vẫn tạo tội nghiệp y như cũ thì đúng như lời người xưa nói *‘Trước cửa địa ngục có nhiều Tăng sĩ’*²⁸. Chữ Tăng này không nhất định chỉ người xuất gia, người tại gia cũng bao gồm trong đó; Tăng là đoàn thể, bất luận là xuất gia hay tại gia, đoàn thể học Phật đều xưng là Tăng đoàn.

Hiện nay tu học pháp môn Niệm Phật có thể giúp chúng ta đoạn phiền não, tăng trưởng trí huệ, thoát ly sanh tử luân hồi, viên thành Phật đạo. Trong vô lượng pháp môn đây là pháp môn hy hữu thù thắng hạng nhất, chẳng dễ gì gặp được. Đặc biệt là đạo tràng có tổ chức tu tập chung như vậy chẳng phải do sức người tạo nên, mà là do chư Phật, Bồ Tát gia trì nên đạo tràng có chư Phật hộ niệm, Long thiên ủng hộ. Mọi người ở trong đạo tràng này tu học phải đặc biệt trân trọng cái nhân duyên hiếm có, khó gặp này, phải hết lòng nỗ lực, nhất định nội trong một đời này viên mãn thành tựu.

²⁸ (*Địa ngục môn tiên Tăng đạo đa*)

9. Cầu cảm ứng (Buổi sáng 08-12-98)

a. Học Phật tức là học giác ngộ.

Phật pháp quý ở chỗ giác ngộ, cổ thánh tiên hiền cũng nói: ‘*ché ngự được niệm thì thành thánh*’²⁹, thế nên thánh hay phàm chỉ ở tại một niệm giác hay mê mà thôi. Một niệm giác, ngay lúc đó tức là Nhất Chân pháp giới; một niệm mê thì đâu phải chỉ có mười pháp giới không thôi? Người giác ngộ thực sự có thể buông xuống, chỉ có người mê mới có chấp trước. Chư Phật, Bồ Tát là tấm gương tốt cho chúng ta, cho nên học Phật, Bồ Tát tức là học giác ngộ, học nhìn thấu, buông xuống, thực sự làm được ‘*chẳng tranh với người, chẳng cầu với đời*’ thì tự nhiên thân tâm tự tại, trí huệ tăng trưởng.

Người học Phật chẳng thể khế nhập vào cảnh giới là vì một niệm tình chấp chưa tiêu trừ. Nếu muốn thành tựu thì chẳng thể không biết đạo lý này, chẳng thể không hết lòng học tập ‘*chẳng tranh, chẳng cầu*’, học tập từ bi, nhiệt thành giúp người. Trong quá trình giúp người, nhất định chẳng thể chấp trước danh - văn - lợi - dưỡng, ngũ dục lục trần, phải vĩnh viễn bảo trì tâm thanh tịnh, bình đẳng; đây là Bồ Tát hạnh, Bồ Tát hạnh là hạnh giác ngộ.

Chúng ta phải quan sát kỹ và thể hội cả đời hành trì của đức Thế Tôn. Thế Tôn hoằng pháp lợi sanh giảng kinh thuyết pháp, chẳng có danh phận, cũng chẳng có chức vị, đối với chúng ta chỉ là quan hệ thầy trò. Quan hệ này vẫn còn là kiến giải phàm phu, Thế Tôn tuyệt chẳng có khái niệm này; nếu Ngài có khái niệm này thì chẳng thể thành thánh, thành Phật. Vì thầy trò là nhị pháp, nhị pháp chẳng phải là Phật pháp, đây là lời Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói.

b. Nhị đế

Thế Tôn cả đời giảng kinh thuyết pháp y cứ theo nguyên lý, nguyên tắc Nhị Đế; mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai thuyết pháp cũng dựa trên Nhị Đế. Nhị Đế tức là Chân Đế và Tục Đế. Chân Đế hoàn toàn nói về chư pháp thật tướng, chẳng có tư hào phân biệt chấp trước, người thế gian khó hiểu việc này. Tục Đế tức là thế gian pháp, y theo tri kiến và thường thức của chúng sanh, mọi người đều dễ hiểu. Nhưng trí huệ của Phật cao, thiện xảo phương tiện đạt đến cực điểm, nói Tục Đế cũng bao gồm Chân Đế, nói về Chân Đế nhưng cũng chẳng lìa Tục Đế, Chân và Tục viên dung, được đại tự tại. Người thế gian không những mê Chân Đế mà cũng mê Tục Đế. Phật có thể viên dung cả Chân lẫn Tục, tức là Chân Đế nhìn thấu rồi, thì Tục Đế cũng buông xuống. Nhìn thấu và buông xuống là một chứ chẳng phải hai, đây mới là trí huệ chân thật. ‘*Trụ chân thật huệ*’ trong kinh Vô Lượng Thọ tức là cảnh giới này. Những việc làm cả đời của chư Phật, Bồ Tát chỉ có một mục đích là hoằng pháp lợi sanh, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Dù ban lợi ích chân thật nhưng Ngài cũng chẳng cầu một

²⁹ (khắc niệm tác thánh)

cái gì, và cũng chẳng phân biệt chấp trước. Những chỗ này chúng ta phải rõ ràng, thấu hiểu triệt để, hết lòng học tập.

c. Cầu cảm ứng

Sự nghiệp hồng pháp lợi sanh chẳng thể không cầu cảm ứng. Đối với việc này, nếu có thể thể hội được Chân Tục viên dung thì sẽ có chánh tri, chánh kiến, chánh giải, và sẽ chẳng nghiêng lệch về một bên. Người thế gian chấp trước trên Tục Đê, thực sự niệm niệm đều mong cầu, niệm niệm mong cầu thì liền lọt vào trong ý thức. Cầu mong chư Phật, Bồ Tát là làm một cách đúng lý, đúng pháp, có nguyện cầu nhưng chẳng có tâm mong cầu, như vậy mới viên dung, mới có cảm ứng.

Nhà Nho nói: ‘lập chí’, nhà Phật nói ‘phát nguyện’, hai thứ này có khác nhau không? Trong ‘chí’ có mong cầu, có cầu thì sẽ lọt vào tình thức; trong ‘nguyện’ chẳng có mong cầu. Nói một cách khác ‘lập chí’ có mang theo cảm tình, ‘phát nguyện’ thuần túy là trí huệ, chẳng có tình thức. Thực ra chúng ta chỉ cần làm đúng như lý, như pháp, chư Phật Như Lai sẽ tự nhiên hộ niệm, đây tức là ‘cầu’, ‘cầu’ như vậy thì có cảm ứng. Chúng ta cầu mà chẳng cầu, chư Phật, Bồ Tát ứng mà chẳng ứng, thế thì sẽ cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, không những Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên thiên thần cũng sẽ ủng hộ. Nếu có tâm mong cầu thì tuyệt đối sẽ chẳng có cảm ứng, tại vì tâm này là tình thức, gây trở ngại cho sự cảm ứng giữa chúng ta và chư Phật, Bồ Tát. Thế nên có nguyện nhưng chẳng có tâm mong cầu, chỉ cần hết lòng nỗ lực như lý như pháp mà làm thì tự nhiên sẽ có cảm ứng.

Tự mình tu tập phải đoạn phiền não tập khí, phải khai trí huệ, giúp đỡ người khác cũng có mục đích này, nhưng thủ đoạn phương pháp phải tùy cơ ứng biến, vì cơ duyên chẳng giống nhau, phương thức sẽ chẳng đồng, có câu ‘*phương tiện có nhiều cửa, đường trở về chẳng hai*’. Tự mình thành tâm thành ý mà làm, chướng ngại của mình chẳng còn nữa nhưng chúng sanh còn chướng ngại, tức là duyên chưa chín muồi. Duyên chưa chín muồi thì tự mình phải dưỡng đạo, cũng tức là tiến tu, không ngừng nâng cao cảnh giới của mình, chờ đợi cơ duyên của chúng sanh chín muồi, việc này chẳng thể miễn cưỡng chút nào.

Nếu muốn đời cơ duyên độ chúng sanh đến sớm hơn thì tự mình phải hết lòng nỗ lực tu pháp sám hối, sửa lỗi đổi mới, hết thấy đều cầu về hướng tự tánh. Thế nên Phật pháp được gọi là Nội Học, hoàn toàn khác với thế gian pháp. Người thế gian hướng về bên ngoài mong cầu, Phật pháp thì hướng về tự tánh mà cầu, chẳng hướng ngoại. Cầu chư Phật, Bồ Tát gia trì thì cũng là từ tự tánh mà cầu. Nếu chúng ta thực sự cùng tâm, cùng nguyện, cùng đức, cùng hạnh với Phật, đây tức là ‘cầu’, cầu như vậy chẳng hướng ngoại, hết thấy Như Lai làm sao chẳng gia trì? Như vậy cũng giống như tiếp nối đường điện, chẳng có chướng ngại, nhất định sẽ có cảm ứng đạo giao. Nếu có một tâm niệm riêng tư, đường điện sẽ đứt mất và sẽ chẳng có cảm ứng.

Nếu có tâm riêng tư, có tình [chấp] dục [vọng] mà cầu thì cũng có cảm ứng, đây là ma cảm ứng, trong xã hội ngày nay, những chuyện này rất nhiều. Yêu ma quỷ quái cũng có thể làm cho bạn có thần thông, làm cho bạn phát cuồng, cho bạn một số khả năng đặc biệt, bạn cũng có thể mê hoặc chúng sanh, nhưng đây đều là tạo nghiệp. Năm mươi loại Âm Ma giảng trong kinh Lăng Nghiêm rất rõ ràng. Những thứ thần thông, đạo lực này là do ma nhập vào người, ma gia trì họ; sau khi ma rời khỏi thì hoàn toàn mất hết, sau cùng bản thân người đó cũng sẽ gặp nạn. Cho nên nhà Phật nói về đạo lý ‘cầu’ chúng ta nhất định phải hiểu; pháp thế và xuất thế gian đều hướng về tâm tánh, như vậy mới đúng.

d. Hoằng pháp và Hộ pháp.

Chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, hiển thị tại đâu? Xung quanh chúng ta sẽ có rất nhiều bạn tốt giúp đỡ, hộ trì, đây là hộ pháp. Hộ pháp gồm có nội hộ và ngoại hộ, nội hộ là do người xuất gia hộ trì, ngoại hộ do hai chúng tại gia hộ trì, được vậy chánh pháp mới được xây dựng, thường trụ tại thế gian. Tuy được hộ trì cả trong lẫn ngoài, tâm địa chúng ta vẫn phải thanh tịnh, vẫn phải mảy trần chẳng nhiễm như cũ.

Giống như Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba và Tịnh Tông Học Hội đích thực có thiện hữu giúp đỡ mạnh mẽ, nhưng chúng ta đối với họ chẳng có tiếp đãi đặc biệt. Lúc ăn cơm ở Cư Sĩ Lâm, họ tự động lấy đĩa đi gấp thức ăn, tự kiếm chỗ ngồi, chẳng nhận một sự tiếp đãi đặc biệt nào cả, đây mới thật sự là thiện hữu chân thật. Có câu ‘*Một vị Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ*’, những người này đều là Phật, Bồ Tát, cho nên đạo tràng này có thể thành lập, là mọi người có phước. Chúng ta rất may mắn gặp được nhân duyên này và cũng rất hoan hỷ dốc toàn tâm toàn lực để hợp tác, ủng hộ, công hiến một chút sức hèn mọn. Vì giúp họ là giúp hết thảy chúng sanh, giúp họ tức là giúp chư Phật Như Lai.

Cho nên người xuất gia tốt nhất đừng quản lý sự vụ, đây là do Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy. Người xuất gia quản lý sự vụ là bất đắc dĩ, là đã biến dạng rồi. Nếu người xuất gia quản lý sự vụ thì là hộ pháp, chẳng phải là hoằng pháp, vậy thì phải toàn tâm toàn lực bồi dưỡng những người đi sau (*lớp đàn em*), chiêu cố những pháp sư hoằng pháp. Quản lý sự vụ cũng giống như hiệu trưởng trong trường học, phải quản lý giáo vụ, tổng vụ, đây là [chức vụ] Chấp Sự, có tánh cách phục vụ. Hoằng pháp là giáo viên, chẳng đảm nhiệm Chấp Sự. Phía trong Chấp Sự là nội hộ, bên ngoài Chấp Sự là ngoại hộ.

Nếu chúng ta có thể hiểu rõ quan niệm này, mỗi người đều tận tâm làm tròn trách nhiệm của mình, Phật pháp nhất định sẽ hưng vượng, chúng sanh mới thực sự có phước. Nhất định chẳng tranh giành chức vị Chấp Sự, sau đó tác oai, tác phước để hưởng thọ, chướng ngại cho pháp sư hoằng pháp, chẳng bồi dưỡng huấn luyện hậu học, đây là tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, tạo tội nghiệp này phải đọa A Tỳ địa ngục. Chúng ta phải rõ ràng minh bạch, phải tu phước trong nhà Phật, đừng nên tạo nghiệp.

Chúng ta làm tròn nội hộ và ngoại hộ, tự nhiên sẽ có chư Phật Bồ Tát đến hoằng pháp lợi sanh. Nội hộ và ngoại hộ làm chẳng đúng như pháp, nhất định sẽ chẳng có Phật, Bồ Tát đến thuyết pháp vì duyên chưa chín muồi. Công tác hộ pháp làm được viên mãn thì là duyên chín muồi, tự nhiên sẽ cảm được chư Phật, Bồ Tát đến thị hiện giáo hóa chúng sanh.

10. Làm đệ tử Di Đà (Buổi sáng 09-12-98)

a. Gặp duyên rất quan trọng.

Những năm đầu Dân quốc, Thái Hư pháp sư đề xướng ‘Bồ Tát Học Xứ’, ý tưởng này rất tốt. Hiện nay chúng ta đề xướng làm ‘Đệ tử Di Đà’. Đệ tử Di Đà đương nhiên cũng là Bồ Tát. Như thế nào mới làm được? Đây là vấn đề của giáo dục. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian dạy: ‘Người ta ai cũng có thể làm thánh hiền, ai cũng có thể làm Nghiêu, Thuấn’, mấu chốt là ở tại giáo học. Dùng Phật pháp mà nói, giáo học là trợ duyên, tăng thượng duyên, nếu gặp được tăng thượng duyên tốt, người có tài năng hạng trung cũng có thể làm thánh làm hiền, trong nhà Phật có chuyện này, trong các triều đại Trung Quốc cũng có. Đặc biệt là trong Phật pháp, hạ hạ căn cũng có thể làm A La Hán, làm Bồ Tát, đây là chỗ cao minh của nền giáo học Phật pháp. Trong nhóm đệ tử của Thế Tôn, Châu Lợi Bàn Đà Già³⁰ là một thí dụ rất hay. Ngay cả người hạ hạ căn cũng có thể chứng quả vị A La Hán, có thể thành đại Bồ Tát, huông chi là người trung, thượng căn?

Phần đông người ta cả một đời chẳng thể thành tựu, pháp thế gian và xuất thế gian chẳng thành, hoặc có được chút ít thành tựu nhưng sau cùng lại thất bại đều là vì gặp duyên chẳng tốt. Phật thuyết pháp: ‘Hết thầy pháp do nhân duyên sanh’ rất có đạo lý. Một duyên phần tốt thì chỉ có thể gặp mà chẳng thể cầu. Vậy thì đời này chúng ta có thể gặp duyên tốt chẳng? Câu trả lời là khẳng định được, tại vì ‘trong nhà Phật chẳng xả một người nào hết’, vấn đề ở tại phát tâm. Nếu chúng ta phát tâm thuần chánh, chư Phật Bồ Tát nhất định sẽ đến làm tăng thượng duyên cho chúng ta, sẽ đến giúp đỡ chúng ta.

³⁰ Tánh Ngài cực kỳ ngu độn, xuất gia đã nửa năm, cả năm trăm vị La Hán xúm vào dạy dỗ, Ngài vẫn không thể tri tụng nổi nửa bài kệ. Học suốt cả ba năm vẫn chưa thuộc nổi, nhớ câu trước quên câu sau, nhớ được câu sau liền quên ngay câu trước. Người anh bực quá, quở trách, buộc em hoàn tục. Do thiện căn thâm hậu, lúc đương khóc lóc ngoài cửa, bịn rịn chẳng đi, gặp đức Thế Tôn lân mẫn dạy niệm hai chữ “tảo chử” (quét dọn). Thế mà vẫn cứ nhớ chữ này quên chữ kia. Nhưng nhờ Ngài vẫn cứ siêng gắng, chẳng lười, nên lâu ngày hốt nhiên chứng ngộ: “Tảo Chử nghĩa là trừ dơ khiến cho sạch. Như vậy là đức Thế Tôn muốn ta đoạn trừ những dơ bản phiền não trong thân”. Nhờ thế, ngài đắc quả A La Hán. Theo kinh Ngũ Bách Đệ tử Bản Khởi, tôn giả trong đời trước do xua lợn qua sông, dùng dây buộc chặt miệng nó khiến hơi thở không thông, con lợn bị chết ngộp giữa giòng. Vì thế, Ngài bị quả báo ám muội. Thêm nữa, trong thời Phật Ca Diếp, Ngài là một vị Tam Tạng Pháp Sư, do tiếm pháp chẳng hóa độ chúng nên cảm ác báo ấy. Ác nghiệp đời trước mãi đến đời này mới hết, mới có thể đoạn ngu, phát huệ. (Trích Kinh Di Đà Hợp Giải)

b. Phát tâm.

Nhà Phật nói chữ ‘thuyết pháp’, cơ duyên chín muồi mà bạn chẳng thuyết pháp cho họ nghe thì đánh mất cơ hội, là mất đi thời tiết nhân duyên; nếu cơ duyên chẳng chín muồi mà thuyết pháp cho họ thì là không đúng lúc. Phật hiểu rõ thời tiết nhân duyên nên Phật thuyết pháp được ví như ‘hải triều âm’. Hải triều chỉ thủy triều dâng (*mước lên*) và xuống có thời gian nhất định, nhất định chẳng bao giờ sai. Đức Phật giáo hóa chúng sanh cũng vậy.

Đây là nói rõ một sự thật: chúng sanh có Cảm thì Phật sẽ Ứng, cảm ứng đạo giao. Do đó có thể biết thành tựu hay không là thao túng trong tay của chính mình. Nếu mình hy vọng làm thánh làm hiền, làm Phật, làm Bồ Tát thì cái tâm này là Cảm, nhất định Phật, Bồ Tát sẽ có Ứng. Nếu niệm này chẳng sanh khởi thì là chẳng có Cảm; chẳng có Cảm thì đương nhiên Phật, Bồ Tát chẳng có Ứng, cho nên bạn sẽ chẳng gặp được cơ duyên. Nếu nguyện vọng của bạn là chân thật thì cảm ứng sẽ rất nhanh chóng; nếu nguyện vọng rất yếu ớt, khi có khi không, thì cảm ứng cũng sẽ yếu ớt. Cho nên một đời này của bạn có thành tựu hay không là do sự ‘phát tâm’.

Nguyên nhân ‘Bồ Tát Học Xứ’ của Thái Hư pháp sư chưa thực hiện thành công là vì người chân chánh phát tâm làm Phật, làm Bồ Tát quá ít. Chân chánh phát tâm làm Bồ Tát thì nhất định chẳng bị danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trong thế gian dụ hoặc; nếu còn bị dụ hoặc thì sẽ chẳng làm Bồ Tát nổi. Chuyện này phải nhờ tự mình khắc phục phiền não tập khí thì mới có được cảm ứng, có được trợ duyên.

Hiện nay ngoại duyên ở Tân Gia Ba đã chín muồi, đây là cảm ứng của Phật, Bồ Tát. Chúng ta từ sự ‘ứng’ của Phật, Bồ Tát thì có thể biết được trong nhóm đồng tu có Cảm; nếu chẳng có Cảm thì làm sao có Ứng được? Cho nên trong các vị đồng tu nhất định có người chân chánh phát tâm muốn làm Bồ Tát, muốn làm đệ tử Di Đà nên duyên này mới chín muồi, chẳng có chút gì miễn cưỡng, đây là chân thật chẳng hư dối. Chúng ta gặp được thời tiết nhân duyên vô cùng thù thắng như vậy thì càng tăng thêm tín nguyện của chúng ta, và từ đó chúng ta cũng thành tựu theo. Đúng như lời của cư sĩ Bành Tế Thanh ‘*vô lượng kiếp đến nay hiếm có, khó gặp*’, chúng ta nhất định phải trân quý cái duyên phần này. Nếu trong nhân duyên thù thắng như vậy mà vẫn chẳng chóng nổi phiền não tập khí, chẳng chóng nổi danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần dụ hoặc, bỏ lỡ cơ duyên quý báu thì thiệt rất đáng tiếc!

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên phát tâm chân thật, chẳng có một chút tâm riêng tư, cho nên làm việc hoằng pháp được thành công, làm tăng thượng duyên cho mọi người. Nếu ông có một chút tâm riêng tư thì công chuyện sẽ nhất định thất bại, vì nếu có tâm riêng tư thì sẽ chẳng được Tam Bảo cảm ứng. Nếu vẫn có cảm ứng thì nhất định là ma đến ứng, chẳng phải Phật đến ứng. Ma và Phật khác nhau chẳng ở cảnh bên ngoài mà là ở nội tâm. Một niệm chân thành, Phật đến cảm ứng;

một niệm tự tư tự lợi thì ma đến cảm ứng. Thế nên trong tâm chẳng có một chút tâm niệm ham muốn riêng tư mới cảm được chư Phật đến ứng.

c. Tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi

Trong đời sống hằng ngày lúc đối người, đối sự, đối vật chẳng thể có ‘tôi đúng anh sai’, ‘tôi chánh anh tà’. Nếu vẫn còn tâm niệm tự tư tự lợi, cứ cho là mình đúng thì đó là phiền não tập khí, tâm như vậy sẽ chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, đó là chướng ngại cho sự cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ Tát. Chuyện tốt cuối cùng biến thành ma cảnh là ở tại một niệm sai trái này. Tâm Phật, Bồ Tát là tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, nhìn hết thấy chúng sanh đều bình đẳng, đối với hết thấy chúng sanh đều chân thành, cung kính. Chúng ta phải học tập những tâm này thì mới có được cảm ứng, có được trợ duyên. Có được trợ duyên rồi thì tự hành hóa tha sẽ rất thuận tiện.

Cứ thường thấy lỗi người khác, cứ cho là mình đúng, đây là lỗi lầm lớn nhất. Cho dù người khác tạo nên tội ngũ nghịch, thập ác, chúng ta vẫn phải học Phật, Bồ Tát dùng con mắt từ bi mà quán, họ chỉ vì một lúc mê hoặc nên tạo thành lỗi lầm, họ chẳng dùng chân tâm, trong chân tâm chẳng có lỗi lầm, họ dùng vọng tâm nên bị phiền não tập khí chi phối. Chư Phật Bồ Tát nhìn thấy những người này sẽ dùng tâm thương xót, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để đối đãi; vì chân tâm Phật tánh của họ chẳng bị giảm mất chút nào, Phật, Bồ Tát đối với họ vẫn hoàn toàn cung kính. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta ‘Lễ kính chư Phật’, cho nên đối với những người làm ác đa đoan, lễ kính vẫn chẳng giảm bớt mảy may.

Chuyện này chúng ta có thể làm được hay không? Nếu có phân biệt, chấp trước thì sẽ làm không được. Làm không được thì là chúng sanh, chẳng phải Bồ Tát. Muốn học làm Bồ Tát thì phải bắt đầu học từ chỗ này, phải chân chánh làm được đối với người cực ác thì cũng hoan hỷ khen bẻ tốt, mặt thiện của họ, tuyệt đối chẳng đề cập đến bẻ ác, mặt xấu của họ. Không những không đề cập, trong tâm cũng chẳng lưu lại dấu vết, tâm như vậy mới thực sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ được đại tự tại. Chúng ta xem họ cũng giống như một vị Phật, vì ‘hết thấy chúng sanh vốn thành Phật’, Phật đối đãi với người như vậy đó. Chúng ta học Phật thì cũng phải đối đãi với người như vậy. Bây giờ họ làm ác chỉ bất quá là vì một lúc hồ đồ, hồ đồ rồi một ngày nào đó cũng sẽ minh bạch; chúng ta có nghĩa vụ giúp đỡ họ, làm cho họ sớm hiểu rõ; khi hiểu rõ rồi thì họ cũng sẽ phổ độ hết thấy chúng sanh, chúng sanh sẽ có phước.

Trong tâm đừng nên nghĩ về thị - phi, nhân - ngã, ân - ân, oán - oán, phải thường nghĩ đến lời dạy của Phật, thường nghĩ đến ý nghĩa của kinh. Dùng kinh Vô Lượng Thọ làm chánh thì phải thường nghĩ đến nghĩa lý của kinh Vô Lượng Thọ, đem nghĩa lý đó biến thành sự suy nghĩ chân chánh của mình, ứng dụng trong đời sống, dùng mắt Phật quán thế gian, chúng ta mới chân chánh thành đệ tử Di Đà, chân chánh làm Bồ Tát, chuyển phàm thành thánh. Chuyển từ trong tâm, chuyển trên hành vi, đây là công đức chân thật, hy vọng mọi người cùng nhau khích lệ.

11. Mở rộng tâm lượng, bao dung kẻ khác

(Buổi sáng 14-12-98)

Quyển hai của kinh Hoa Nghiêm vừa mở đầu liền hiện lên cảnh giới: *‘tâm bao trùm thái hư, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát’*. Câu nói của Lão Tử: *‘Có bao dung thì mới rộng lớn, chẳng ham muốn thì sẽ mạnh mẽ’*³¹ cũng thể hiện trong đoạn kinh văn này. Trong kinh nói đến ‘đại nhẫn’ tức là chân nhẫn, là dùng chân tâm mà nhẫn, tâm lượng của chân tâm lớn, không có gì chẳng bao dung. Chỉ có hiểu rõ triệt để chân tướng sự thật thì mới có tâm lượng lớn như vậy. Cảnh giới đó là vốn có, chẳng phải là do học mà được, cũng chẳng phải có được dần dần, cho nên Phật mới nói *‘hết thấy chúng sanh vốn thành Phật’*. Chúng ta vốn có đại nhẫn, vốn là Phật, giống y như Tỳ Lô Giá Na Phật, A Di Đà Phật, hiện nay lại biến thành như vậy là vì đã mê mất tự tánh, chân tâm. Giáo học Phật giáo chẳng có gì khác ngoài sự giúp đỡ chúng sanh khôi phục bộ mặt vốn có mà thôi; ngoài chuyện này ra, Phật chẳng có một pháp gì để dạy chúng sanh. Cho nên thánh và phàm, Phật và chúng sanh khác nhau ở tại một niệm mê - ngộ mà thôi. Phật thường than tiếc chúng sanh mê hoặc là ‘người đáng thương xót’, chỉ vì mê mất tự tánh nên tâm địa hẹp hòi, chẳng thể bao dung người khác, thậm chí hai người sống chung cũng có ý kiến bất đồng, chẳng thể hòa hợp, đúng là đáng thương xót đến mức cùng cực. Kinh Hoa Nghiêm vừa mở đầu liền triển hiện lên tận hư không trọn khắp pháp giới mọi chúng tạp thân, có thiện thân, có ác thân, có bát bộ quỷ thân trong thập pháp giới, còn có chư thiên, thiên vương, tổng cộng có hai trăm hai mươi tám đoàn thể chủng tộc khác nhau. Thiệt là chẳng gì chẳng bao gồm, dung chứa, tâm lượng như vậy quá lớn! Chúng ta cũng phải khôi phục lại tâm lượng lớn như vậy. Nếu chẳng thể dung nhẫn, kết oán cùng người, tạo thành oan oan tương báo, bạn gây chướng ngại cho người khác thì người khác sẽ chướng ngại bạn; bạn phá hoại kẻ khác thì kẻ khác sẽ phá hoại bạn, tạo ra nhân gì thì sẽ chịu quả báo đó, quả báo thông ba đời, rất đáng sợ. Cho nên khi bạn bao dung kẻ khác, thì kẻ khác bao dung bạn; bạn giúp đỡ người khác thì người khác giúp đỡ bạn, đây là chân lý vĩnh viễn chẳng biến. Đây là trong kinh Hoa Nghiêm, Phật hiện thân thuyết pháp, biểu diễn cho chúng ta coi, để cho chúng ta thể hội.

Chỗ vĩ đại của Phật, Bồ Tát là ở chỗ chẳng đối địch với người, ngay cả đối với ác quỷ cực ác cũng cung kính, thương yêu che chở, vì biết [hết thấy đều] cùng một căn bản, cùng một tự tánh. Tào Thục nói: *‘Vốn cùng sanh một rễ, nấu nhau sao quá gấp?’*³², tận hư không trọn khắp pháp giới hết thấy chúng sanh đều cùng một cội rễ, cái cội rễ này chính là chân như tự tánh.

³¹ (Hữu dung nãi đại, vô dục tắc cương)

³² Nguyên văn: *Bốn thị đồng căn sanh, tương tiễn hà thái cấp*. Tào Thục là em Tào Phi, hai người là con của Tào Tháo. Tào Thục thông minh đỉnh ngộ lạ lùng, đi bảy bước là làm xong một bài thơ. Tào Phi sợ Tào Thục sau này sẽ cướp ngôi mình, nên tìm có bắt tội, định xử chết, Tào Thục bèn làm bài thơ trên, ngụ ý: Dùng vô đậu, dây đậu để nấu hạt đậu, khác nào anh em tàn sát lẫn nhau.

Một đoàn thể chủng tộc chẳng thể bao dung những chủng tộc khác thì sẽ có đấu tranh giữa các đoàn thể chủng tộc, một quốc gia chẳng thể bao dung quốc gia khác thì sẽ sanh khởi chiến tranh. Muốn giải quyết những vấn đề này thì tâm lượng nhất định phải lớn, khi khởi tâm động niệm đều nghĩ đến hết thấy chúng sanh, phải tôn trọng, kính ái, hợp tác lẫn nhau, thì mới tiêu trừ những sự hiểu lầm, mâu thuẫn, ngăn cách, kỳ thị, thế giới mới chân chánh đạt được hòa bình an định. Nếu niệm niệm đều vì lợi ích của mình, xem thường lợi ích của đối phương, xem thường lợi ích của toàn thể nhân loại, cho dù mỗi ngày đều hô hào thế giới hòa bình, thì đó cũng chỉ là một khẩu hiệu, chẳng thể thực hiện. Do đó người tâm lượng hẹp hòi chẳng có cách gì để giải quyết vấn đề. Các đoàn thể chủng tộc trên thế giới, người lãnh đạo quốc gia nhất định phải mở rộng tâm lượng, niệm niệm đều vì hết thấy chúng sanh khổ nạn trên thế giới, hòa bình an định mới có thể thực hiện.

Giả sử mọi người đều nghĩ đến lợi ích của hết thấy chúng sanh trên trái đất, vấn đề vẫn chẳng thể giải quyết y như cũ vì tâm lượng này vẫn còn quá nhỏ. Chúng ta chỉ thương yêu quả đất này, chẳng thương yêu những tinh cầu khác thì tương lai chiến tranh giữa các tinh cầu vẫn có thể xảy ra. Thế nên tâm lượng phải mở rộng, phải học Phật, Bồ Tát khi khởi tâm động niệm phải quan tâm đến tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng buông bỏ một chúng sanh nào hết. Nếu chưa có tâm lượng lớn như vậy thì làm sao mới làm được câu ‘chúng sanh vô biên thế nguyện độ’? Nếu tâm lượng nhỏ bé chẳng thể dung nạp một người nào, mỗi ngày phát nguyện [như vậy] thì chẳng phải là tự sỉ nhục hay sao, lừa gạt Phật, Bồ Tát hay sao? Đó là nói dối. Nói nghe rất hay, nhưng làm toàn những chuyện phản đạo, đều là tạo nghiệp, nên cổ đức thường nói: *‘Trước cửa địa ngục, tăng đạo nhiều’*, nguyên nhân người học Phật vẫn còn đọa địa ngục là ở tại chỗ này.

Người chẳng nghiên cứu giáo lý làm sai thì còn tha thứ được; chúng ta mỗi ngày đều nghiên cứu Phật lý, chẳng tìm hiểu rõ ràng những đạo lý này, vẫn còn mê trong danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, việc này ngay cả mình cũng chẳng tha thứ mình được. Nếu từ chỗ này chúng ta có thể tỉnh ngộ thì đó là sự giác ngộ chân chánh. Lúc đó đọc kinh Hoa Nghiêm mới có thọ dụng chân thật, quan niệm tư tưởng mới chuyển biến được, sẽ ‘nhập tri kiến Phật’. Hiểu rõ y báo, chánh báo trang nghiêm của thập pháp giới vốn có cùng một gốc rễ, đó tức là tri kiến Phật.

Trong cuốn ‘Địa Tạng Kinh Luân Quán’ Thanh Liên pháp sư giảng: *‘Không tướng không tên, dứt bất suy nghĩ’*³³, đây tức là nghĩa lý và tinh hoa của kinh Kim Cang, đây là chân tướng sự thật. Nếu chúng ta thể hội đến ý nghĩa chân thật của câu này thì quan niệm tư tưởng, ngôn ngữ hành vi sẽ chuyển biến, chuyển phàm thành thánh. Hiểu được một phần thì chuyển biến một phần; hiểu được hai phần thì chuyển biến hai phần; mức độ chuyển biến bao lớn đi đôi với mức độ lý giải sâu hay cạn. Đây cũng có thể dùng làm phương pháp đo lường công phu tu học của mình, nếu có chỗ tiến bộ thì tâm địa sẽ ngày càng thanh tịnh, trí huệ ngày

³³ (*Vô tướng vô danh, tuyệt tư tuyệt nghị*)

càng tăng trưởng, phiền não cũng sẽ ngày càng giảm bớt. Đến lúc phiền não nhẹ, trí huệ tăng thì những kinh luận thế gian và xuất thế gian bày ra trước mặt, vô lượng vô biên nghĩa thú tự nhiên sẽ tuôn trào ra. Thế nên chân tu tức là làm một sự chuyển biến to lớn trên quan niệm và tâm lý.

Chúng ta là chúng sanh mê hoặc, chỗ nương dựa duy nhất để chuyển biến là thánh giáo, dựa vào phương hướng và mục tiêu của thánh giáo chỉ đạo, hết lòng làm việc chuyển biến, chuyển thức thành trí, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn, chuyển mê thành ngộ, siêu phàm nhập thánh, chúng ta phải làm công tác này. Đối với chúng sanh có duyên cũng phải hết lòng, hết sức giúp đỡ họ chuyển biến; tuy giúp đỡ chúng sanh nhưng tâm địa vẫn giữ thanh tịnh như cũ, tuyệt chẳng chấp tướng; chấp tướng sẽ sanh phiền não, tâm sẽ bị ô nhiễm. Phật, Bồ Tát dạy dỗ hết thầy chúng sanh có thể giữ gìn tâm thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm, nếu chúng sanh có thể chuyển biến tư tưởng quan niệm, thì tán thán hoan hỷ; nếu chẳng thể chuyển biến thì tâm địa của Phật, Bồ Tát cũng vẫn thanh tịnh, chẳng lưu lại dấu vết, đây chính là ‘*tam luân thể không*’ nói trong kinh Bát Nhã, thế nên Phật, Bồ Tát vĩnh viễn tự tại, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, đạo lý là ở tại chỗ này.

Chúng ta tu học tiến bộ ít, thoái lui nhiều là vì niệm niệm đều bị ô nhiễm. Khi chỉ dạy người ta, nếu họ chịu tiếp nhận thì sanh tâm hoan hỷ, vậy là bị hoan hỷ ô nhiễm rồi; ngược lại khi người ta không chịu tiếp nhận hoặc chẳng thể làm được, thậm chí những gì họ làm đều trái ngược với lời dạy thì sanh phiền não, vậy là bị phiền não ô nhiễm rồi, bị ô nhiễm thì sẽ thoái chuyển. Nếu có thể làm được như lời dạy trong kinh Kim Cang: ‘*chẳng chấp vào tướng, như như chẳng động*’, tâm chẳng bị ô nhiễm thì sẽ chẳng thoái chuyển.

Những gì Phật dạy chúng ta câu nào cũng là lời chân thật, phải dựa vào lời dạy của Phật, tự tìm câu nhiều phước đức. Phước đức chân thật là giúp đỡ hết thầy chúng sanh, tức là hết lòng nỗ lực tu bố thí tài vật, bố thí pháp, bố thí vô úy, đây là những người biết tìm câu nhiều phước đức, hy vọng mọi người lưu ý thêm những lời dạy trong Đại Kinh, được vậy thì sự thọ dụng trong đời này sẽ vô cùng tận.

12. Người làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện (Buổi sáng 15-12-98)

Nếu có thể thấu hiểu kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Hoa Nghiêm, y giáo phụng hành thì có thể khế nhập vào Bồ Tát đạo, làm một sự chuyển biến trọng đại. Chẳng những có thể đem lại phước báo chân thật cho mình trong đời này, khai triển quang minh cho tương lai, trên Bồ Đề đạo sau này ắt cũng sẽ thuận buồm xuôi gió.

Gần đây nhiều đồng học trích lục một bài ‘Nhân sanh cam lộ’, nếu có thể đích thật làm được [như trong bài văn ấy nói], nói theo thế pháp thì là thánh hiền quân tử, nói theo Phật pháp thì là Bồ Tát chân thật. Trong việc tự hành hóa tha, hoằng pháp lợi sanh nhất định sẽ được hết thầy chúng sanh hoan nghinh và kính

yêu. Cho dù chỉ làm được vài điều trong đó, đời này cũng sẽ thọ dụng chẳng hết. Chẳng những tự mình làm mà còn phải khuyến khích hết thầy chúng sanh tận hết trách nhiệm của mình làm một phần tử hoàn hảo trong công việc giáo dục xã hội thiện nguyện.

Trong sanh hoạt bình thường ráng hết sức để tránh tạp niệm, tránh tán gẫu, lúc nói chuyện với người thì luận đạo, lúc chẳng nói chuyện thì đọc kinh, như vậy mới là tích công lũy đức. Hạnh phúc nhất trong đời người là ngày ngày cùng những bạn bè có chung chí hướng và tâm đạo cùng nhau thuyết kinh, luận đạo, đây là đời sống vô cùng thù thắng. Hoàn cảnh sanh hoạt như vậy là [hoàn cảnh] ở Tây phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta thấy được trong kinh, người ở cõi Cực Lạc đến từ mười phương, ba đời, họ buông bỏ tập khí đến để thân cận đức Phật A Di Đà cùng chư Phật Như Lai. Mỗi ngày cùng đồng tham đạo hữu hoặc trên mặt đất, hoặc trên không trung, hoặc đi kinh hành đều là thuyết kinh luận đạo. Hoàn cảnh tu học ở Tây phương Cực Lạc thế giới là hoàn mỹ hạng nhất, đây là đời sống chúng ta mong mỏi, ngưỡng mộ. Cho nên chúng ta phải xây dựng một mô phạm, điển hình, biểu diễn cho người đời xem, nếu họ có thể hiểu được thì cũng sẽ phát tâm hết lòng đến học tập.

Ở Tân Gia Ba chúng tôi đi thăm viếng những người Hồi Giáo, đây là lần đầu tiên chúng tôi tiếp xúc với họ, hy vọng có thể tìm hiểu, tôn trọng lẫn nhau, tiêu trừ các sự hiểu lầm, ngăn cách. Làm công tác đa nguyên văn hóa được viên mãn là công đức to lớn, là chuyện tốt thực sự đối với xã hội. Hồi trước tôi đã từng quen biết với các lãnh tụ Phật giáo và Hồi giáo ở vùng biên cương Trung Quốc, sự quan hệ của họ vô cùng hòa hài, hợp tác lẫn nhau, tôn trọng và lễ kính lẫn nhau. Hy vọng quan niệm và tinh thần này có thể đẩy mạnh đến toàn thế giới, làm cho mọi người đều đối xử hòa mục, hỗ trợ hợp tác, cùng nhau xây dựng đời sống hạnh phúc mỹ mãn. Đây là công việc của những người làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện, là việc mà trách nhiệm chẳng thể thoái thác cho người khác được. Nói một cách khác, cả đời chúng ta đều vì một việc này, Phật pháp gọi là ‘Phật sự’, đây tức là công việc giác ngộ chúng sanh.

Chúng ta phải hết lòng đẩy mạnh công việc này, phát triển rộng rãi. Đặc biệt giao thiệp với những đoàn thể và nhân vật có sức ảnh hưởng đến xã hội, nói theo Phật pháp thì những người này có đầy đủ thiện căn phước đức. Thế nên những người có sức ảnh hưởng hoặc có địa vị lãnh đạo đều là do quả báo đời trước tu phước tích thiện. Nếu chúng ta có thể dùng Phật pháp để giao thiệp với họ thì nhất định sẽ ảnh hưởng họ, tăng trưởng thiện căn phước đức của họ, như vậy sẽ có thể đem lại hòa bình an định, phồn vinh hưng vượng cho thế giới, tiêu trừ hết thầy các tai hại tự nhiên hoặc do người đem đến.

Không những như vậy thôi đâu, chúng ta vẫn phải tiếp tục mở rộng tâm lượng, đức Phật dạy chúng ta *‘tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát’*, phải hết lòng nỗ lực thực hiện. Tâm lượng mở rộng đến viên mãn thì cho dù làm một việc thiện nhỏ bé nhưng nương theo tâm lượng cũng có thể biến trọn khắp hư không pháp giới, đây là đạo lý vun trồng phước báo to lớn, làm

chuyện đại thiện thì cảnh chuyển tùy theo tâm. Trong tự viện khi cúng thí thực đều niệm ‘*bảy hạt biến thập phương*’, nếu tâm lượng của bạn biến trọn khắp mười phương pháp giới, bỏ thí một hạt gạo sẽ có thể biến trọn khắp mười phương pháp giới, hết thầy chúng sanh đều có thể được thọ dụng; nếu tâm lượng nhỏ bé, niệm Chú cũng chẳng ích lợi gì, cảnh chẳng chuyển theo Chú. Chú là tăng thượng duyên (*duyên phụ*), tâm là thân nhân duyên (*duyên chánh*), nếu chẳng có duyên chánh thì duyên phụ chẳng giúp gì được. Nếu thực sự ‘*tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát*’ thì tăng thượng duyên của Chú sẽ khởi tác dụng rất lớn. Thế nên căn bản là ở nơi tâm địa, tâm địa phải lương thiện và chân thành. ‘Tâm thành’ thì hành vi tự nhiên sẽ đoan chánh, công phu chân thực là ở chỗ này.

Chúng ta nói được nhất định phải làm được, vả lại khi gặp ai cũng nói. Nhưng nói pháp phải khéo cơ. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói mười thứ cơ [duyên], quan sát kỹ lưỡng hết thầy chúng sanh chẳng ai là không ở trong mười thứ cơ [duyên] này. Nếu chúng sanh chẳng đạt được lợi ích trước mắt, chúng ta có thể trông nhân cho tương lai, đó chính là ‘*một khi lọt vào tai thì vĩnh viễn thành hạt giống đạo*’. Từ điểm này quan sát thì ai cũng là người đương cơ trong Phật pháp.

Trong kinh nói vận may nhất của người ta trong một đời là có thể thấy được tượng Phật, có thể nghe đến danh hiệu của Phật, Bồ Tát. Không kể là họ biết hay không biết, đối với Phật, Bồ Tát cung kính hoặc hủy báng đều được phước lớn. Cho dù là hủy báng thì khi chịu hết quả báo ác này, khi gặp duyên hạt giống kim cang sẽ khởi tác dụng, cũng do vậy nên được độ, được độ tức là được liễu sanh tử, thoát khỏi tam giới. Thế nên chúng ta tuyệt đối không thể vì họ hủy báng mà không giúp đỡ, đây là sự thiếu sót của chúng ta. Họ hủy báng, chúng ta bèn niệm một câu danh hiệu Phật, Bồ Tát cho họ nghe, làm nhân duyên cho họ đời sau được độ.

Thế nên phải biết cách kết pháp duyên rộng rãi, vui vẻ thân thiết với người, thường thường nên mang theo lễ vật nhỏ nhỏ để có thể kết duyên với người ta, sau đó mới giảng giải khái niệm của nền giáo dục Phật Đà, việc này quan trọng phi thường. Chúng ta chẳng nói kết thiện duyên vì thiện duyên và ác duyên đều là tương đối, pháp duyên thì vượt ra ngoài thiện và ác, duyên này mới thực sự thù thắng. Ác duyên chiêu cảm ác báo, thiện duyên tuy có thiện báo nhưng cũng chẳng tốt. Vì vậy nên chư Phật Như Lai trong sanh hoạt thị hiện ba chiếc y, một cái bình bát chính là thiện ác hai bên đều chẳng tiêm nhiễm. Nếu chư vị lẳng lòng thể hội thì mới biết đó là cách sống rốt ráo viên mãn bậc nhất, đáng được học tập, hy vọng chúng ta cùng nhau nỗ lực.

13.Căn nguyên của bịnh tật (Buổi sáng 19-12-98)

a. Đạo dưỡng sanh.

Khi bác sĩ Hoàng khám sức khỏe cho mọi người biết được thân thể của những người trẻ tuổi quý vị chẳng bằng người già như tôi. Nghe xong tôi rất buồn. Thân thể của tôi có thể bảo trì khỏe mạnh là được Tam Bảo gia trì, tôi tuyệt đối chẳng dùng những phương pháp bảo trì sức khỏe hiện đại. Tôi tin câu của Phật dạy ‘*Hết thầy pháp từ tâm tướng sanh*’, tâm địa thanh tịnh, từ bi, lương thiện thì cho dù chẳng bảo dưỡng thân thể và chẳng vận động cũng vẫn khỏe như thường.

Từ xưa đến nay đa số người tu hành trong nhà Phật mỗi ngày nếu không tọa thiền thì đi kinh hành, niệm Phật, thân tâm đều giữ trong trạng thái tịnh; hãy khoan nói đến võ thuật của Thiếu Lâm tự. Người thế gian đều ưa chuộng vận động, đạo dưỡng sanh ở trong trạng thái ‘tịnh’ thì chẳng có nhiều người biết đến. Chúng ta hiểu được đạo lý ấy, biết được tâm thanh tịnh, chân thành, từ bi mới là đạo dưỡng sanh chân chánh.

b. Ngã chấp

Nếu nâng cao cảnh giới thêm một tầng như trong kinh Kim Cang có nói: ‘*Chẳng có ngã tướng, chẳng có chúng sanh tướng, chẳng có thọ giả tướng*’, [lúc đó] không có ‘tôi’ thì ai sanh bệnh? Có ‘tôi’ thì tôi mới sanh bệnh, do đó mới biết ‘vô ngã’ (*chẳng chấp có tôi*) không những đã nhổ tận gốc rễ của bệnh khổ, mà cũng nhổ tận gốc rễ sanh tử luân.

Phá ngã chấp tương đối khó nhưng vô cùng cần thiết. Có ‘tôi’ thì sẽ có các hiện tượng sanh tử, bệnh khổ, luân hồi; không có ‘tôi’ thì những hiện tượng này mất hết. Trong pháp Đại thừa đức Phật dạy chúng ta phương pháp phá ngã chấp vô cùng khéo léo. Trong cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông nói: ‘Biến đổi thành rộng lớn’ (đại nhi hóa chi), câu này nói rất hay, đây là từ chỗ phát Bồ đề tâm mà có, cho nên tâm lượng phải lớn. ‘*Tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát*’ là tâm lượng vốn sẵn có của chúng ta, của mỗi chúng sanh, chẳng sai khác gì với quả địa của chư Phật Như Lai. Nhưng ngày nay chúng ta ra nông nổi này là vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tạo nên, đây là gốc bệnh thực sự. Trong vô lượng kiếp qua chúng ta mãi trôi lăn trong sáu nẻo và không thể thoát khỏi là vì chẳng tìm ra được gốc bệnh, chẳng biết chữa trị từ căn bản này.

Hết thầy hiện tượng trong thế pháp đều là hư ảo chẳng thật, không gì chẳng phải ‘mộng, huyễn, bọt, bóng’, thế nên giàu sang chẳng đáng ngưỡng mộ, bần tiện cũng chẳng cần phải đau xót. Hiểu rõ nhân tố của những hiện tượng này là do nghiệp nhân quả báo biến hiện ra, nếu tự mình nắm chắc nghiệp nhân và nghiệp duyên, sự biến hóa của quả báo sẽ có thể tùy theo ý mình, đó là được đại tự tại. Người được đại tự tại biết cách nắm lấy ‘duyên’, biết được cái nút để tạo nên thiên biến vạn hóa ở tại ‘duyên’. Quả báo thiện là do nhân thiện và duyên thiện. Quả báo ác là do nhân ác và duyên ác. ‘Nhân’ đã tạo rồi chẳng thể thay đổi, ‘duyên’ còn có thể không chế [thay đổi] được.

Đây vẫn còn là pháp thế gian chứ chưa phải là ‘đệ nhất nghĩa’, đệ nhất nghĩa thì phải ‘quán không’. Nói một cách khác phải thoát ra khỏi luân hồi, siêu

việt thập pháp giới, như vậy mới là anh hùng hảo hán. Chỗ chúng ta cúng Phật gọi là ‘Đại Hùng Bảo Điện’, ‘đại hùng’ là đại anh hùng. Chuyện người thế gian làm chẳng nổi mà Ngài làm được nên xưng Ngài là anh hùng. Người thế gian chẳng có cách chi thoát khỏi luân hồi, siêu việt thập pháp giới, Phật có thể làm được; không những làm mà còn dạy cho chúng ta làm thế nào để đạt được.

c. Tự tư tự lợi

Pháp môn niệm Phật của chúng ta đang tu tập là ‘dị hành đạo’, đạo dễ thực hành mà chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là vì không thể buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, niệm niệm vẫn còn tự tư tự lợi. Dùng tâm niệm này tu học thì đúng như người xưa đã nói: ‘*Hết bể cỏ hòng cũng uống công*’! Thế nên chỉ cần buông xuống ý niệm tự tư tự lợi thì niệm Phật nhất định sẽ đắc lực, thân tâm sẽ khinh an. Cho dù có một chút bệnh thì cũng chỉ vì ăn uống chẳng cẩn thận nên phát ra cảm mạo phong hàn mà thôi, sẽ chẳng sanh bệnh nặng.

Nếu thật sự nhìn thấu, buông bỏ tự tư tự lợi, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trong kinh Di Đà nói: ‘*Nếu [niệm] từ một ngày đến bảy ngày*’ sẽ được thành công. Những người y giáo tu hành xưa nay niệm Phật vãng sanh rất nhiều, phổ biến nhất là từ hai đến ba năm thì vãng sanh. Tại sao có người chẳng nhiều hơn bảy ngày, có người lại phải niệm hai ba năm? Người tin sâu nguyện thiết, thực sự niệm đến khi mất hết những tâm niệm tự tư tự lợi thì tự nhiên cảm ứng hiện tiền, công phu thành tựu.

Chúng ta xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, vào đời nhà Tống pháp sư Oánh Kha tin sâu nguyện thiết niệm ba ngày liền thành công. Nếu lòng tin và nguyện lực chưa đạt đến mức khẩn thiết thì phải niệm hai, ba năm. Thế nên những người này ‘sanh tử tự tại’, chẳng phải là thọ mạng chấm dứt mà là thọ mạng hãy còn nhưng họ bỏ ra đi sớm, đạo lý là như vậy.

Chúng ta nhìn thấy có nhiều người ra đi rất tiêu sái (*tiêu sái nghĩa là nhàn hạ, chẳng vương bận*) tự tại, chẳng có bệnh khổ, [làm cho người khác] vô cùng hâm mộ. Tôi thường nhắc nhở mọi người, chúng ta nhất định phải làm được. Nếu làm chẳng được thì trong lúc bệnh nặng, thân thể chịu sự sắp đặt của người khác, tự mình chẳng thể làm chủ, sẽ chẳng nắm chắc việc vãng sanh, thế nên bây giờ phải dự bị cho tương lai. Phương pháp tốt nhất là chẳng cần người khác chăm sóc, có thể dự biết trước ngày giờ ra đi, muốn đi lúc nào thì ra đi lúc đó. Nhất định phải hạ quyết tâm làm việc này cho bằng được thì đời này mới chẳng luống uổng. Những việc còn lại toàn là giả, chỉ có việc này là thật mà thôi. Chúng ta nói về ‘tự lợi’, đây mới thực sự là tự lợi.

Nhưng ‘tự lợi’ phải được xây dựng trên cơ sở của ‘lợi tha’. Trong đời sống sinh hoạt thường ngày, khởi tâm động niệm đều vì chúng sanh chứ chẳng vì mình. Suy nghĩ cho mình là sai lầm, phải nghĩ cho chúng sanh, quên mất cái ‘tôi’ đi. Nhất định phải vì chúng sanh thì tâm niệm tự tư tự lợi mới có thể đoạn trừ; chỉ cần đoạn trừ thì công phu tu học mới có thể nắm chắc.

Chúng ta niệm niệm nghĩ đến chúng sanh, chúng sanh là chúng duyên hòa hợp mà sanh, bao gồm cả động vật, thực vật, và khoáng vật. Thí dụ cái bàn không sạch thì mình chùi cho sạch; cái ghế không ngay ngắn thì mình sắp cho nó ngay ngắn, như vậy đều là vì chúng nó. Cách làm này tức là Lễ Kính Chư Phật trong mười nguyện Phổ Hiền, kính người, kính sự, kính vật.

Đừng nên có tâm riêng tư, dục vọng, tâm niệm muốn chiếm hữu (*chiếm đoạt*), tâm niệm chiếm hữu này là căn bản của sanh tử luân hồi, là nguồn gốc của hết thảy tội nghiệp; chúng ta phải nhổ trừ tội căn này. Tại sao không được chiếm hữu? Phật dạy ‘*Hết thảy pháp đều không*’, ngàn ngữ cũng nói: ‘*Sanh chẳng mang đến, chết chẳng mang theo*’, vậy thì tại sao có thể chiếm hữu được? Đây là từ trên hiện tượng thô thiên mà nói. Đi sâu thêm thì Phật dạy: ‘*Hết thảy các pháp do nhân duyên sanh, chẳng có tự tánh, đương thể tức không, trọn chẳng thể được*’³⁴, chẳng những các vật ngoài thân chẳng thể được, ngay cả thân thể này cũng chẳng thể được. Chẳng có tâm chiếm lấy, chiếm hữu những vật ngoài thân, đối với thân thể cũng chẳng có ý niệm là thân ‘của mình’, như vậy thì vấn đề sẽ được giải quyết. Lúc đó ‘*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*’, quyết định sẽ sanh Tịnh Độ. Đó là giải thoát ra khỏi lục đạo luân hồi, ra khỏi thập pháp giới. Được vậy thì may mắn lắm!

Từ vô thi kiếp đến nay chúng ta chẳng gặp được duyên thù thắng, đời này rất may đã gặp được. Trong Quán Kinh chú giải Thiện Đạo đại sư nói: ‘*Cửu phẩm vãng sanh đều là do gặp được duyên khác nhau*’³⁵. Nói một cách khác khi gặp duyên thù thắng thì phẩm phu cũng có thể vãng sanh thượng thượng phẩm; Bồ Tát nếu chẳng gặp duyên thù thắng thì lại vãng sanh vào phẩm trung, hạ. ‘Duyên’ rất khó gặp, ấy là ‘có thể gặp mà chẳng thể cầu’. Trong kinh giảng ‘thiện tri thức là duyên’. Nếu được thiện tri thức hướng dẫn, thiện hữu nâng đỡ, đồng tham đạo hữu tốt, đạo tràng tu hành tốt, thì tu hành sẽ chẳng có chướng ngại. Hiện nay chúng ta đã có đầy đủ duyên này, đã được nhưng vẫn chẳng thể thành tựu, vậy thì chỉ có thể trách mình, không thể trách kẻ khác. Nhất định phải biết cơ duyên thù thắng như vậy ‘trăm năm, vạn kiếp khó gặp được’, ‘trong vô lượng kiếp hiếm hoi khó gặp’, có thể thành tựu được hay không, mấu chốt nằm ở chỗ đột phá, phá trừ ‘tự tư tự lợi’.

Phương pháp đột phá là niệm niệm vì chúng sanh, nhất định chẳng vì chính mình; nếu vì mình thì nên vãng sanh Tịnh Độ sớm hơn. Thân thể còn lưu lại nơi thế gian này, mỗi ngày đều phải phục vụ cho chúng sanh, như vậy là hoàn toàn giống với hạnh nguyện của chư Phật Như Lai, [làm vậy] bạn sẽ được đại tự tại. Đạo lý và sự thật này chúng ta phải hiểu tường tận, y giáo tu hành.

14. Phương pháp tu hành (Buổi sáng 21-12-98)

³⁴ (Nhất thiết chư pháp, nhân duyên sở sanh, vô hữu tự tánh, đương thể tức không, liễu bất khả đắc)

³⁵ (Cửu phẩm vãng sanh, tổng tại ngộ duyên bất đồng).

Hôm nay mở đầu Phật thất ở Dallas, thầy Ngô Khải gửi fax cho tôi hy vọng trong thời gian Phật thất này, [tôi có thể] dùng mạng Internet mỗi ngày nói chuyện vài câu với mọi người.

Trong những năm gần đây không kể cư trú ở đâu chúng ta đều cảm thấy thế giới càng ngày càng không an toàn, tai nạn xảy ra khắp nơi, và lại ngày càng nghiêm trọng. Nhân tình lãnh đạm, không biết ân nghĩa, không những tự hủy diệt mà không hay biết, lại còn tạo ra những tội hủy diệt Phật pháp, hủy diệt thế gian. Chúng ta không nói đến người khác, chỉ nói những người học Phật trong bốn chúng đệ tử, có ai không tạo ra những tội này? Ngày xưa người ta tạo tội nhẹ, ngày nay tạo tội nặng; khi tạo tội thiệt nặng nhưng tự mình lại không biết, như vậy là ngu si. Những người ngu si hằng ngày nghe giảng kinh, hằng ngày đọc kinh, vẫn không giác ngộ như cũ, đây là vì ‘chướng sâu nghiệp nặng’; nếu không tiêu trừ nghiệp chướng sâu nặng này thì tuyệt đối không thể tránh khỏi đọa lạc vào tam ác đạo.

Nếu chúng ta muốn cải thiện đời sống, công phu tu học được đắc lực, biện pháp duy nhất là phải nghe [giảng] kinh cho nhiều thiệt nhiều. Lúc còn tại thế đức Phật Thích Ca giảng kinh trên ba trăm hội, thuyết pháp ròng rã bốn mươi chín năm, đức Phật Thích Ca chưa từng hướng dẫn đại chúng niệm Phật lần nào, hoặc tham thiền một lần nào cả. Phải nên biết đức Phật không hướng dẫn chúng ta tu hành là vì tu hành dễ dàng, giác ngộ khó khăn. Cũng vì giác ngộ quá khó cho nên đức Phật khổ tâm mỗi miệng phải thuyết pháp mỗi ngày, khuyến đạo mỗi ngày. Chúng sanh ngu si, tuy mỗi ngày nghe Phật thuyết pháp nhưng vẫn mê mờ như cũ.

Tuy vậy đức Phật đại từ đại bi vẫn giảng kinh mỗi ngày; chúng sanh đọa lạc trong lục đạo thì Phật thị hiện trong lục đạo, vẫn đi theo không bỏ rơi, đây gọi là ‘*Trong nhà Phật không buông bỏ bất cứ người nào*’. Chúng sanh tạo tội nghiệp, phỉ báng và sỉ nhục Phật, Bồ Tát, thậm chí hãm hại các ngài, nhưng các ngài không màng đến, vẫn thương xót chúng sanh, giảng kinh thuyết pháp vì chúng sanh, đây là lòng đại từ đại bi của chư Phật, Bồ Tát. Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp qua vẫn không bỏ rơi chúng sanh, đây là việc không phải một số người thường có thể làm được, từ điểm này chúng ta có thể hiểu được ân đức của Phật là bao lớn.

Hàn Quán Trưởng hộ trì chúng ta trong suốt ba mươi năm, xây dựng nền móng vững chắc cho chánh pháp. Có người nói Hàn Quán trưởng có công và cũng có lỗi lầm, nhưng theo tôi nghĩ thì bà chỉ có công chứ không có lỗi lầm chi hết. Nếu quý vị bình tĩnh quan sát kỹ càng thì sẽ biết công đức của bà vô lượng vô biên. Đây là một vị Bồ Tát tái lai, thị hiện cho chúng ta xem, người trong thế gian làm sao biết được?

Trong kinh nói người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cho dù hạ hạ phẩm vãng sanh đều có ‘*thiên nhân nhìn suốt, thiên nữ nghe thấu, tha tâm đều biết*’³⁶,

³⁶ (*thiên nhân đồng thị, thiên nữ triệt thính, tha tâm biến tri*)

năng lực của sáu căn hầu như bằng với đức Phật A Di Đà, cho nên khi chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động, chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy rõ ràng rành. **Chúng ta mong cầu vãng sanh thì khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động nhất định phải tương ứng, phù hợp với lý luận và phương pháp của sự vãng sanh, điểm này vô cùng quan trọng. Tây phương Cực Lạc thế giới là ‘Nơi tụ tập của các người thiện nhất’³⁷, cho nên chúng ta niệm Phật thì cũng phải tu ‘thượng thiện’. Nếu tâm không thiện, ngôn ngữ không thiện, cho dù một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu thì cũng không vãng sanh được.** Giống như lời của hai vị tôn giả Hàn Sơn và Thập Đắc đã nói: ‘*Hết bể cố hòng cũng luống công*’ (hai vị này là hóa thân của Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát).

Chúng ta đã phát tâm cứu mình thì cũng phải [phát tâm] cứu người xung quanh; sự sanh hoạt và tu học nhất định phải đúng như lý, như pháp, vì vậy phải hiểu rõ nội dung của kinh Phật. Nội dung này có bốn điểm: ‘Giáo, Lý, Hành, Quả’.

Lời dạy của đức Phật được người đời sau ghi chép lại thành kinh điển, những ngôn ngữ, văn tự, lời chép trong kinh này gọi là ‘Giáo’.

Hàm ý chứa đựng trong ‘Giáo’ gọi là ‘Lý’, ‘Lý’ này là lý luận giải thích rõ chân tướng sự thật của vũ trụ, nhân sinh. Chỉ có đức Phật mới có thể nói rõ những chân tướng sự thật này vì đây là cảnh giới mà đức Phật [đích] thân chứng [được], là cảnh giới hiện lượng (*đích thật từng trải qua*) chứ không phải do suy đoán, vọng tưởng.

Không những đức Phật nói rõ ràng đạo lý và sự thật này, Ngài còn dạy chúng ta phương pháp để khế nhập vào cảnh giới của chư Phật Như Lai, đây tức là ‘Hành’ (phương pháp thực hành).

Noi theo lý luận phương pháp trong kinh điển mà làm, đạt được sự lợi ích thù thắng, việc này tức là ‘Quả’.

Chúng ta hiểu rõ tính chất của kinh điển thì mới khâm phục Phật pháp, bái phục đến năm vóc sát đất.

Đức Phật dạy chúng ta khi tu học phải kiến lập một khái niệm căn bản, đó là ‘Tín, Giải, Hành, Chứng’.

‘Tín’ là tin sâu, không nghi ngờ những lời giáo huấn của đức Phật.

‘Giải’ là hiểu rõ, thấu triệt lý luận trong kinh điển.

‘Hành’ tức là làm theo lý luận phương pháp này.

‘Chứng’ tức là đích thân chứng được cảnh giới giống như chư Phật Như Lai.

Ngày nay chúng ta còn tạo nghiệp, còn vọng tưởng, còn nói vọng ngôn tức là không hiểu thấu lý luận, không biết được sự lợi hại nên mới tạo ra những nghiệp

³⁷ (*Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*)

tội nặng nề thậm chí hủy diệt Phật pháp, chướng ngại Phật pháp, làm cho người ta thoái tâm (sụt lùi).

Phải biết khi gặp nghịch cảnh Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát còn có thể thoái tâm; chỉ có Pháp Thân Đại Sĩ mới không thoái tâm. Chướng nạn của chúng ta rất nhiều, bao gồm cả trong lẫn ngoài. Những việc làm của Hàn Quán Trưởng và cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba đều là hành vi của đại Bồ Tát, Pháp Thân Đại Sĩ. Hàn Quán Trưởng hộ trì chánh pháp suốt ba mươi năm vẫn không sụt lùi; luôn luôn không bị ảnh hưởng bởi những lời phỉ báng, rao đồn, kiếm chuyện phá rối, đều như như bất động và xem như không có việc gì xảy ra, điều này vô cùng hiếm có, quý báu! Khi Lý cư sĩ gặp phải bất cứ chướng nạn gì, bất cứ lời hủy báng gì đều không thoái tâm, xây dựng đạo tràng ở Tân Gia Ba thành một đạo tràng điển hình, gương mẫu. Nếu không phải là hóa thân của chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân Đại Sĩ ứng hiện thì không thể làm được. Chúng ta có được nhân duyên thù thắng này tức là gặp được hộ pháp chân chánh. Cho nên mặc cho người ta hủy báng, phá hoại, làm gì thì làm, chúng ta đều được sự hộ trì của chư Phật, Bồ Tát.

Ngày nay Tịnh Tông có thể hoằng truyền khắp thế giới, những người niệm kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà và tu học theo lý luận của kinh này theo thống kê một cách bảo thủ thì ít lắm cũng được hơn hai chục triệu người. Tịnh Tông có thể đạt được thành tích như vậy là công đức của Hàn Quán Trưởng, chúng ta uống nước phải nhớ nguồn, tri ân báo ân (*biết ơn đền ơn*). Nếu thiết thấy rõ, hiểu thấu thì mới biết đây là Bồ Tát thị hiện, cảnh thuận hay nghịch đều là tăng thượng duyên (*trợ duyên*), đều để thành tựu Phật pháp, thành tựu cho chúng sanh.

Lúc trước thầy Lý nói với tôi muốn thực sự thành tựu trong việc hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải cư trú lâu dài tại một nơi nhất định. Hiện nay chúng ta an tâm lưu tại Tân Gia Ba, toàn bộ nhân lực, tài lực, vật lực đều tập trung tại đây nên có thể thành lập được một đạo tràng gương mẫu, tuyệt đối không thể phân tán lực lượng, tinh thần. Cho nên chúng ta gặp được rất nhiều Bồ Tát ở nơi đó, thiết đúng là '*những người thiện nhất tụ họp ở một chỗ*'. Vì mục đích khuyếch trương nền giáo dục của Phật Đà, chúng ta dùng thân phận của người quét dọn, người làm công để làm việc cho đức Phật A Di Đà, chư Phật Như Lai. Đừng tưởng là mình đã làm được việc gì cả, tất cả những thứ này đều là Phật, Bồ Tát an bài, là do chư Phật, Bồ Tát làm nên đấy, chúng ta chỉ bắt quá chấp hành theo mà thôi. Cho nên thầy Lý dạy tôi phải 'tin Phật', tin Phật thiết quá khó. Nhưng phải tin thiết nghe!

Trong thời đại nhiều tai nạn này, con đường duy nhất của chúng ta là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; dự Phật thất cũng lấy việc này làm mục tiêu. Chúc quý vị Phật thất lần này được thành tựu viên mãn.

15. Làm thế nào để tiêu tai miễn nạn

(Buổi sáng 23-12-98)

Giáo hội Thiên Chúa Giáo có lời tiên tri rằng năm 1999 thế giới sẽ có tai nạn lớn, khuyên các bạn đồng đạo nên đọc kinh, phải thật lòng sám hối, hy vọng có thể thoát khỏi tai nạn này. Và nói: tai nạn có thể xảy ra hay không còn dựa trên ‘nhân tâm’, nếu nhân tâm có thể hướng thiện thì tai nạn có thể hóa giải, có thể trì hoãn về sau. Cách nói này rất có lý.

Một ngày trước khi vãng sanh lão cư sĩ Lý Bình Nam dặn dò các vị đồng học: **‘Thế giới đã loạn rồi, cho dù chư Phật, Bồ Tát, thần tiên trở lại cũng không cứu nổi. Chỉ có con đường sống sót duy nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ’, cho nên tai nạn càng ngày càng gần, chúng ta không còn nhiều thời gian nữa, phải nên buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật.**

Đạo Thiên Chúa khuyên người ta cầu lên thiên đường, họ nói không có Cực Lạc thế giới, chỉ có thiên đường và địa ngục. Ngay cả người trên cõi trời cũng không có cách gì nhìn thấy toàn bộ tình huống phức tạp trong đại vũ trụ. Chúng ta hiểu rõ đích thật là có Cực Lạc thế giới, Hoa Tạng thế giới, cùng quốc độ của chư Phật. Làm thế nào để biết vậy? Đó là *‘duy tâm sở hiện, duy thức sở biến’*, nếu hiểu được đạo lý này thì sẽ tin ngay.

Thật ra y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới cũng không có, Phật pháp nói: *‘Tam tâm bất khả đắc’, ‘Chư pháp vô sở hữu’*; nói có thì chỉ là tạm có, huyền có, giả có, trong kinh dùng chữ ‘diệu hữu’. Thế nên thiên đường, địa ngục cũng là diệu hữu; cõi này, cõi nọ cũng là diệu hữu, Cực Lạc thế giới cũng không ngoại lệ. Nếu dùng ngôn ngữ hiện nay của khoa học gia thì đây chỉ là không gian duy thứ (*duy có nghĩa là chiều, là phương vị*) khác nhau mà thôi, thí dụ như không gian ba chiều [của loài người chúng ta], không gian bốn chiều, năm chiều. Khoa học gia đã chứng minh có mười một chiều không gian tồn tại, nhưng trên lý luận thì không gian có vô số chiều.

Những người vừa mới hiểu Phật pháp đều khẳng định có không gian vô số chiều tồn tại. Nếu bạn không thể đột phá những thời gian, không gian này thì không thể hiểu rõ sự thật. Vô số không gian có duy thứ không giống nhau tức là vô lượng vô biên thế giới, đức Phật nói [những thế giới này] đều từ tâm tưởng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói: *‘Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến’* tức là từ tâm tưởng sanh. Vô lượng vô biên chúng sanh có vô lượng vô biên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên biến đổi ‘Nhất Chân pháp giới’ trở thành vô lượng vô biên không gian khác nhau, vô lượng vô biên cảnh giới, đạo lý là như vậy.

Đức Phật dạy chúng ta có thể đột phá những không gian này bằng cách xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lục đạo [luân hồi] là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra; nếu buông bỏ chấp trước, chỉ còn vọng tưởng và phân biệt thì lục đạo luân hồi sẽ không còn nữa, tức là Tứ Thánh pháp giới. Nếu cả phân biệt cũng buông bỏ thì Tứ Thánh pháp giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật) cũng không còn, tức là không còn thập pháp giới nữa. Không còn thập pháp giới tức là Nhất Chân pháp giới. Do đây có thể biết thập pháp giới là từ phân biệt, chấp trước biến hiện ra. Xa lìa phân biệt chấp trước thì thập pháp giới sẽ

không còn tồn tại. Việc này cũng giống như nằm mộng, khi tỉnh dậy những cảnh giới trong mộng đều không còn. Người ta thường nói đến danh từ ‘tu hành chứng quả’, chứng quả nghĩa là chứng được Nhất Chân pháp giới, khế nhập vào Nhất Chân pháp giới. Tây phương Cực Lạc thế giới thuộc về Nhất Chân pháp giới. Do đó có thể biết nếu chúng ta còn phân biệt, chấp trước thì nhất định sẽ không nhìn thấy Nhất Chân pháp giới.

Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Nhất Chân pháp giới vẫn có bốn mươi một cấp bậc, đó là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, đến Đẳng Giác Bồ Tát, hết thảy đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Những cấp bậc này còn tồn tại là vì vọng tưởng chưa dứt trừ. Vọng tưởng tức là vô minh vi tế (*vi tế nghĩa là nhỏ bé*). Có câu nói: *‘phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân’*, bốn mươi một phẩm vô minh tức là bốn mươi một phẩm vọng tưởng. Khi đoạn dứt hết bốn mươi một phẩm vô minh này, không còn vọng tưởng nữa thì chứng được rốt ráo, đây là Phật quả Viên Giác, đây mới là quả vị cứu cánh.

Người Thiên Chúa Giáo chưa từng nghe những đạo lý này, thật đáng tiếc. Phật pháp trong thế gian và xuất thế gian đều vô cùng thù thắng, đáng tiếc là người truyền bá quá ít. Hoàng dương Phật pháp không dễ tại vì tự người đó phải khế nhập trước, nếu mình chưa khế nhập thì làm sao có thể nói được [một cách hoàn hảo và đúng đắn]? Làm sao có thể hiểu được? Nếu muốn lý giải, hiểu rõ thì phải tu học, có tu học thì mới khế nhập, sau đó mới có thể giải thích [tường tận], mới có thể giúp đỡ người khác.

Chúa Jesus nói: *‘Ngày nay người trong thế gian quên ân, phụ nghĩa, không biết ân đức’*. Chúa Jesu, Thánh Mẫu Maria thiết thương yêu người đời, người đời không những phản bội mà còn sỉ nhục, huỷ báng các Ngài và tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Trong thế giới hiện nay những chuyện này rất phổ biến. Con cái chịu ân đức dưỡng dục của cha mẹ, không biết báo ân mà còn bỏ rơi cha mẹ. Chúng tôi đi thăm viện dưỡng lão của những người đạo Hồi giáo (Islam), những người già ở đó đều bị con cái bỏ rơi, không nhà không cửa. Ngày nay con cái bỏ rơi cha mẹ, học sinh phản bội thầy giáo, không biết ân nghĩa, tạo ra vô lượng vô biên nghiệp tội, vì vậy nên chiêu cảm quả báo thế giới hủy diệt.

Cho nên lời tiên tri nói tai họa này là do chúng ta tự chiêu cảm lấy, không phải Thượng Đế nổi giận trừng phạt chúng ta, Thượng Đế rất không muốn nhìn thấy sự việc này xảy ra, nhưng không thể tránh khỏi, tạo ra nghiệp tội nhất định phải nhận lấy tai họa. Cách nói như vậy mới hợp tình hợp lý.

Những năm gần đây tôi khổ tâm mỗi miệng khuyên răn mọi người, nếu ba ngày không khuyên thì mọi người quên ráo trôi. Đây đúng như kinh Địa Tạng nói: *‘Chúng sanh ở Diêm Phù Đề vương ngành khó giáo hóa’*, chúng ta thể hội câu này một cách sâu sắc. Nhưng chư Phật, Bồ Tát làm gương, làm mô phạm cho chúng ta noi theo, cho dù chúng sanh có cang cường khó giáo hóa đến đâu thì cũng không thể bỏ rơi. Đây đúng như câu nói: *‘Trong nhà Phật không buông bỏ một ai cả’*, đây mới là đại từ đại bi chân thật.

Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta tự mình chân tu thì có thể ảnh hưởng đến người khác, làm cho người khác cảm động khi nhìn thấy tấm gương tu hành của chúng ta, họ sanh tâm xấu hổ nên tự nhiên sẽ học theo, được vậy thì có thể đem lại sự an định cho xã hội, hòa bình cho thế giới. Đức Phật nói ‘tự hành hóa tha’ nghĩa là nhờ vào sự tu hành chân thật của mình [mới có thể cảm hóa người khác], tự mình không tu hành chân thật thì không có ích lợi gì cả. Cho dù biết nói, nói được hay đến đâu, khi tai họa xảy ra thì cũng không tránh khỏi, vốn phải sanh tử như thế nào thì vẫn phải sanh tử như thế ấy, vẫn không ra khỏi luân hồi như cũ, và cũng không thể vãng sanh.

Chúng ta nhất định phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ, tâm từ bi, chắc thật niệm câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này nhất định phải tương ứng với ‘Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác’, và cũng là ‘*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*’; nếu không tương ứng, không phù hợp, câu Phật hiệu sẽ chẳng có công đức. Làm thế nào mới được tương ứng? Trong đời sống hằng ngày nhất định phải làm được ‘nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên’. Nhìn thấu nghĩa là hiểu rõ chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh; buông xả tức là buông xuống tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng dạy: ‘*Nếu là người tu đạo chân chánh, không nhìn thấy lỗi lầm của thế gian*’, chỉ biết tu [sửa bản thân] mình, tự mình nỗ lực đoạn ác tu thiện. Kinh Vô Lượng Thọ dạy ba nguyên tắc của sự tu thiện:

Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, đừng chê bai lỗi của người khác.

Khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng hành động trái ngược với giới luật.

Khéo giữ gìn ý nghiệp, phải luôn thanh tịnh không nhiễm ô ³⁸

Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ từng giờ từng phút, phải làm cho bằng được. Cả bộ Đại tạng kinh trong nhà Phật và những gì đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm [tóm lại] tức là ba câu này. Chúng ta nhất định phải thực sự làm được thì mới có thể cứu mình và cứu chúng sanh.

Khi chúng ta tu [hành chân] thật thì tâm sẽ bình (*phẳng lặng, yên ổn*). Ngày nay khoa học gia nói về những làn sóng tư tưởng, tư tưởng của người thế gian rất phức tạp, đặc biệt những tư tưởng tà ác đều là những làn sóng lớn, [cường độ rung động] lên xuống rất lớn. Những người niệm Phật chúng ta tu ‘thanh tịnh, bình đẳng, giác’ nên làn sóng tư tưởng này đều bình phẳng, yên ổn. Niệm Phật Đường ở Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba được chư Phật Như Lai gia trì, có Phật, Bồ Tát cùng chúng ta niệm Phật cho nên từ trường (*hoàn cảnh, môi trường tu học*) ở Niệm Phật Đường vô cùng thù thắng. Từ trường của Niệm Phật Đường tốt vô cùng, từ trường này an định, bình tịnh; những làn sóng tư tưởng phát ra từ nơi đây có thể

³⁸ *Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá
Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi
Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*

điều hòa tư tưởng tà ác trong thế gian. Dùng làn sóng tư tưởng bình yên phảng phất của chúng ta để hóa giải những làn sóng tư tưởng tà ác to lớn của thế gian thì những làn sóng này có thể giảm bớt, yếu đi; đây là nguyên lý hóa giải tà ác, hóa giải tai họa.

Chúng ta ở nhà niệm Phật thì cũng có công hiến cho xã hội, thế giới. Vì khi chúng ta niệm Phật phát ra những làn sóng tư tưởng thanh tịnh, bình đẳng, giác nên có thể điều hòa những làn sóng tư tưởng tà ác trong thế gian. Nếu hiểu rõ đạo lý này thì sẽ tin tưởng khi chúng ta tâm bình, khí hòa niệm Phật cũng có thể giúp đỡ cho thế giới hòa bình, xã hội an định.

Chân chánh phát tâm niệm Phật tức là tự độ, độ tha (*độ mình, độ người*); chân chánh phát tâm niệm Phật tức là cứu vãn kiếp nạn của thế gian, đừng tưởng là chúng ta không có năng lực này. Nếu chư vị đồng tu có thể chân chánh giác ngộ, chân chánh buông xuống hết thảy những điều thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn, làm theo lời dạy trong Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ của đức Thế Tôn thì sẽ có năng lực an định xã hội, duy trì hòa bình thế giới.

Chỉ cần chúng ta tâm ý chân thành, chư Phật, Bồ Tát ứng hiện khắp nơi, sẽ cảm ứng đạo giao. Đặc biệt là trong lúc thế gian có tai nạn to lớn, chúng ta phải giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn. Niệm Phật không chỉ là vì chính mình, càng phải vì tất cả chúng sanh. Chúng ta nhất định phải làm, không làm thì không có tâm từ bi. Hy vọng chúng ta cùng nhau nỗ lực, tự độ và độ tha.

16. Lý của việc niệm Phật thành Phật

(Buổi sáng 24-12-98)

a. Hư không pháp giới và mình cùng một thể

Từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta nhận được rất nhiều khái thị (gợi ý) cho sự tu học Phật pháp. Hội kinh Hoa Nghiêm là do đức Thế Tôn thuyết giảng ở Bồ Đề Đạo Tràng trong [lúc nhập] định, đại chúng tham dự hội kinh này đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Họ thuộc rất nhiều chủng tộc, rất nhiều đoàn thể khác nhau trong khắp hư không pháp giới, số nhiều vô lượng vô biên. Từ điểm này có thể biết pháp hội Hoa Nghiêm trên thực tế là một hội bao gồm tận hư không trọn khắp pháp giới. Hội Hoa Nghiêm như vậy, những hội giảng kinh khác không phải như vậy sao? Nếu suy nghĩ sâu thêm, việc này cho chúng ta biết tận hư không trọn khắp pháp giới đều là một thể. Đến lúc thành Phật thì mới ý thức đến *‘tất cả chúng sanh vốn đã thành Phật’*, hiểu rõ triệt để *‘hữu tình và vô tình đều tròn đầy chủng trí’*. Nói tóm lại hư không pháp giới và mình đều là một thể, hiểu như vậy mới thực sự sanh tâm từ bi.

Nhà Phật thường nói: *‘Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi’*. Chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi, các Ngài đã ngộ việc này; phàm phu vẫn còn mê, mê cũng là mê việc này. Nhưng trong chân tướng sự thật không có mê và ngộ, mê và ngộ là ở tại người. Người giác ngộ thì gọi là Phật, Bồ Tát, người mê hoặc thì gọi là phàm phu.

Nhưng sự thọ dụng của mê và ngộ khác nhau, người mê không biết hư không pháp giới đều là mình, không biết hết thấy chúng sanh đều là mình cả, cho nên trong đó [trong mê] sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tạo nên vô lượng vô biên nghiệp tội.

b. Hết thấy các pháp từ tâm tưởng sanh

Nghiệp tội tức là những hành vi, việc làm trái ngược với chân tướng sự thật. Những nghiệp đã tạo sẽ hiện ra tướng. Tướng làm sao hiện ra? Đức Phật nói: *‘Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh’*, muôn vàn xin mọi người đừng coi thường câu này. Sự việc trong vũ trụ thiên biến vạn hóa, y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới, đây là đức Phật quy nạp xong nói cho chúng ta biết, trên thực tế thì pháp giới vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên pháp giới đều từ tâm tưởng sanh – trong tâm nghĩ tưởng gì thì sẽ hiện ra cái đó. Vì vậy cho nên tướng Phật thì sẽ hiện ra Phật; Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta:

‘Nhớ Phật niệm Phật, hiện giờ tương lai, nhất định thấy Phật’, đây nghĩa là tướng Phật thành Phật.

Tướng Phật thì Phật hiện, tướng Bồ Tát thì Bồ Tát hiện, tướng gì thì hiện cái đó, việc này là sự thật. Thí dụ chúng ta nghĩ tưởng đến một việc xứng tâm vừa ý thì sẽ sanh tâm hoan hỷ, niềm vui này liền hiện lên gương mặt mình; nghĩ tưởng đến một việc không vừa ý thì sẽ nhăn nhó mặt mày, nét âu sầu sẽ hiện rõ trên gương mặt, lập tức liền thay đổi. Quan sát việc nhỏ này mới biết lời dạy của đức Phật vô cùng chính xác.

Thế nên chư Phật Như Lai khuyên chúng ta tưởng Phật, nhớ Phật, niệm Phật, buông xuống hết tất cả những tư tưởng khác. [Pháp môn] niệm Phật vắng sanh bất thoái thành Phật trong Tịnh Tông được xây dựng trên cơ sở và lý luận này. Từ xưa đến nay những người noi theo phương pháp này tu hành chứng quả rất nhiều, những người này đều làm gương tốt cho chúng ta noi theo. Nếu dùng cách nói thông thường của các tôn giáo, những người này là những chứng cứ rõ rệt và những tấm gương cụ thể cho chúng ta. Trong ba thứ chuyển pháp luân của Phật pháp, việc này gọi là ‘tác chứng chuyển’ (chuyển pháp luân bằng cách làm chứng), họ hiện thân thuyết pháp làm chứng minh cho chúng ta, nói rõ đây là sự thật.

c. Chuyện vãng sanh.

Mấy năm trước chuyện mẹ của ông Tước Sĩ (*Huân tước*) Hà Đông vãng sanh ở Hương Cảng đã làm nhiều người cảm động, và đã củng cố cơ sở cho hội Phật giáo Hương Cảng. Cả nhà của cụ đều là tín đồ Thiên Chúa Giáo thuần thành, chỉ có cụ là người tin Phật, niệm Phật. Tuy vậy nhưng nhà này vô cùng phóng khoáng (không câu nệ), đích thật là tự do tín ngưỡng, đối xử hòa thuận với nhau, tôn trọng lẫn nhau, đây là một việc rất đáng quý. Thế nên không gây trở ngại cho tự do của người khác mới là tự do thật sự. Gây trở ngại cho người khác, xâm

phạm người khác là không hiểu được [như thế nào mới là] tự do; đây là cảm tình, là trí huệ.

Cùng một lý lẽ, ngày nay chúng ta sinh sống trên quả địa cầu này, có rất nhiều dân tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tư tưởng khác nhau, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, mọi người đều không thể hòa thuận, công kích hủy báng lẫn nhau, thậm chí dẫn đến chiến tranh tôn giáo, đây cũng là vì không hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của tự do. Nguyên nhân họ không hiểu rốt cuộc cũng là vấn đề của giáo dục, đặc biệt là giáo dục luân lý đạo đức.

Gia đình ông tước sĩ Hà Đông là tấm gương tốt cho chúng ta, mở rộng ra thì cũng là tấm gương cho cả thế giới. Bất luận chúng ta tín ngưỡng tôn giáo nào thì nhất định phải tôn trọng những tôn giáo khác. Trong nhà Phật bất luận tu học theo môn phái nào, nhất định cũng phải tôn trọng môn phái khác; như vậy mới hiểu tự do một cách đúng đắn, mới thiết có trí huệ.

Lúc vãng sanh cụ Hà Đông nói với con trai và dâu: ‘Cả đời má không đòi hỏi các con việc gì hết, bây giờ trước lúc vãng sanh, má yêu cầu các con niệm vài câu Phật hiệu tiễn đưa má vãng sanh’. Lúc vãng sanh, cụ thật sự mở một buổi họp vãng sanh, mời tất cả thân bằng quyến thuộc đến dự, sau khi cụ dặn dò xong xuôi, cụ vãng sanh một cách êm đềm, an lành giữa tiếng niệm Phật của mọi người. Cả nhà chứng kiến tận mắt bà cụ niệm Phật vãng sanh nên sau này cả nhà đều niệm Phật hết. Cách bà cụ này độ chúng sanh quá đặc biệt, vô cùng cao minh, dùng lời nói thì không ai nghe nên cụ biểu diễn cho họ coi, cuối cùng có thể độ hết cả nhà.

Việc cụ vãng sanh là một sự biểu diễn vô cùng ngoạn mục, phải có trí huệ sâu rộng mới làm được. Trên thế gian này chuyện gì cũng có thể gạt người, có thể giả mạo, chỉ có chuyện này không thể nào giả mạo được. Lúc tôi còn học ở Đài Trung, lão cư sĩ Lý Bình Nam thường dùng chuyện này khích lệ chúng tôi, dạy chúng tôi, Tây phương Cực Lạc thế giới có thật, người niệm Phật đích thật là có thể vãng sanh.

d. Làm thế nào tự tại vãng sanh

Nửa thế kỷ trở lại đây tuy chúng ta không thể đích thân nhìn thấy người ta vãng sanh nhưng những chuyện nghe đến thật không ít. Tại sao người ta có thể tự tại vãng sanh? Đây là việc mọi người đều muốn biết. Đặc biệt là những người đang sinh sống trong thời đại nhiều tai họa, tự tại vãng sanh đối với chúng ta vô cùng quan trọng, thiết là một việc quan trọng nhất trong đời người. Thiết ra chỉ cần noi theo kinh luận, tu học đúng như lý như pháp, thì có thể làm được. Đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, cổ đức nói kinh Vô Lượng Thọ là kinh số một của Tịnh Tông, vì kinh Vô Lượng Thọ giới thiệu hoàn cảnh ở Tây phương Cực Lạc thế giới đầy đủ nhất, giải thích phương pháp tu học tường tận nhất, nói quả báo sau khi vãng sanh viên mãn nhất. Nếu chúng ta chân chánh muốn tự tại vãng sanh, tu học từ ba tháng đến sáu tháng sẽ có thể thành công. Cho nên pháp môn này rất thù thắng, được hết thầy chư Phật tán thán, tuyên dương.

Thiện Đạo đại sư nói những gì đức Phật dạy thì chúng ta phải làm được hoàn toàn, những gì đức Phật dạy chúng ta không nên làm thì tuyệt đối đừng làm. Nếu thật có thể hết lòng làm theo những lời dạy trong kinh Vô Lượng Thọ, làm hằng ngày, một ngày cũng không vi phạm, những công đức này tích lũy trong ba tháng thì bạn sẽ là thượng thiện nhân, sẽ nắm chắc sự vãng sanh tự tại. Nếu có thể làm hết sáu tháng thì càng chắc chắn hơn. Cứ tiếp tục làm như vậy, bạn muốn chừng nào vãng sanh thì lúc đó vãng sanh, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, tự tại tùy theo ý muốn. Đây là một việc [quan trọng] hạng nhất trong đời người!

Có một số người vãng sanh không được tự tại, lúc lâm chung còn bị bệnh khổ, nguyên nhân là vì những gì đức Phật dạy, họ đều không thể làm hết hoàn toàn; những gì đức Phật dạy không được làm thì họ vi phạm không ít, đây là nghiệp chướng. Nhưng nhờ đời trước hay đời này cũng còn chút thiện căn, lúc lâm chung gặp được bạn tốt nhắc nhở, trợ niệm, thì cũng có thể vãng sanh.

Người ta sống trên đời này mấy chục năm ngắn ngủi, lúc đến mang hai bàn tay không thì ra đi cũng mang theo hai bàn tay trắng. Cổ đức nói: *'Muôn thứ không đem được, chỉ có nghiệp theo thân'*³⁹. Tất cả mọi vật trên thế gian này không có một vật gì có thể đem theo, những gì có thể đem theo được chỉ là những nghiệp mà mình đã tạo ra, việc này rất đáng sợ! Tôi đọc đến việc này rợn da gà, có nhiều người đọc đến nhưng không hề gì, như vậy đúng là nội tâm đã chai đá hết trơn rồi. Nếu thật có tri giác, đọc đến thật rất sợ thì làm sao dám tạo nghiệp?

Chư Phật, Bồ Tát từ bi, có lòng thương yêu chân thành, chúng ta không biết thân cận [học hỏi] mà còn xa lìa họ, đi kết bạn với những bạn xấu trong thế gian, đó là sai lầm quá đỗi! Bạn xấu tức là những người tạo ngũ nghịch thập ác, không chịu nghe lời dạy của thánh hiền, không y giáo phụng hành. Đây là một sự mất mát to lớn đối với đời sống tu học của chúng ta, chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

Nhất định phải hết lòng nỗ lực tu học, nắm chắc sanh mạng ngắn ngủi nhưng quý báu trong đời này, hoàn thành nhân duyên hiếm hoi từ vô lượng kiếp đến nay. Niệm Phật thành Phật, đây là một chuyện lớn, người như vậy mới đáng gọi là người có chí khí, nếu nói theo nhà Phật thì thật đúng là đại anh hùng, đại trượng phu. Hy vọng chúng ta cùng nhau gắng sức, khuyến khích lẫn nhau, ngay trong đời này làm cho xong công việc to lớn này, không uổng phí cuộc đời.

17. Nhìn thấu, Buông xuống (Buổi sáng 25-12-98)

a. Nhìn thấu, buông xuống.

Thông thường hai ngày đầu của Phật thất, tâm [của người tham dự] còn chưa an định, công phu không thể nào đắc lực. Đến ngày thứ bảy vì Phật thất gần kết thúc, trong tâm lại phóng dật, buông lung trở lại nên cũng không thể đắc lực.

³⁹ (Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân)

Do đó niệm Phật trong bảy ngày, thiết có thể đắc lực là trong ngày thứ năm và thứ sáu, đây là một hiện tượng rất bình thường.

Nguyên nhân người đời nay niệm Phật không bằng người đời xưa cũng là vì không thể ‘nhìn thấu, buông xả’. Chữ nhìn thấu (*thấy thấu suốt*) là trình độ hiểu rõ đối với trạng thái sanh hoạt hiện thực; nếu chúng ta không hiểu rõ, ham mê luyến tiếc thế gian thì đương nhiên sẽ không buông xuống nổi. Cho nên hơn phân nửa những người niệm Phật往昔 sanh là những người già bảy tám chục tuổi, vì họ nhìn thấy nhiều, từng trải nhiều, biết hết thấy những việc trong thế gian đều là hư ảo không thật, bất luận sinh sống trong cảnh thuận hoặc nghịch, trải qua một thời gian dài thì sẽ chán chường, sinh sống cảm thấy chán ghét, không muốn ở lại thêm nữa, đến lúc này thì buông xuống hết, đây là một yếu tố rất quan trọng. Nếu cảm thấy thế gian này còn rất đẹp đẽ, vẫn còn muốn sống thêm vài năm nữa, thậm chí muốn sống thêm vài chục năm, vài trăm năm nữa, họ buông xả, buông xuống hết không nổi thì công phu làm sao có thể đắc lực cho được! Phật pháp nói đến chuyện giác ngộ tức là giác ngộ việc này.

b. Nhân duyên quả báo.

Mọi người đều biết chuyện đời vô thường, biết chuyện trong đời không có gì chẳng là nhân duyên quả báo cả, nhưng hiểu không được chắc thật, không cụ thể. Lúc trước lão cư sĩ Ô Dư Khánh đã kể lại một câu chuyện có thật. Vào thời kháng chiến [chống Nhật] bắt đầu, cụ ở Thượng Hải quen một thương gia, ông này làm ăn buôn bán rất thuận lợi, có một người con trai duy nhất, người con này rất nghịch ngợm. Một hôm người con đi học mang theo 10 đồng trong túi, làm rớt tờ giấy 10 đồng này trên đường lộ, lúc đó có một người quen đi ngang nhìn thấy nên lượm lên rồi nói chơi với đứa bé: ‘Em kêu tôi bằng Bác thì tôi trả tiền này cho em’. Đứa bé này trả lời: ‘Nếu ông kêu tôi bằng Bác thì tôi cho ông thêm 10 đồng nữa’. Nghịch ngợm đến như vậy!

Một hôm ông thương gia này ăn mừng sinh nhật và mời rất nhiều bạn bè đến nhà dự tiệc. Hôm ấy ông đột nhiên nhìn thấy gương mặt của đứa bé này và vô cùng kinh ngạc, ngay lúc ấy liền tuyên bố với mọi người hiện diện ông sẽ giao toàn bộ tài sản cho đứa bé. Sau này ông giải thích với bạn bè rằng toàn bộ tài sản của ông vốn là của một người Đức; lúc trước chiến tranh ông làm việc cho người Đức này, khi ông chủ trở về Đức nhờ ông quản lý dùm công ty. Kể từ đó ông chủ không trở lại [Thượng Hải] nữa và qua đời ở Đức. Hôm ăn sinh nhật ông đột nhiên nhìn thấy gương mặt của đứa bé hiện ra giống hệt như gương mặt của ông chủ người Đức, từ đó ông mới biết đứa bé này chính là ông chủ người Đức trở lại đầu thai nên ông lập tức trả lại toàn bộ tài sản. Nhờ vậy mà quan hệ cha con mới có thể duy trì.

Đức Phật nói những người trong nhà như cha con, chồng vợ, anh em đều có quan hệ báo ân, báo oán, đòi nợ, hoặc trả nợ nên mới ở chung một nhà. Đứa bé này đến là để đòi nợ, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì thử nghĩ nếu chúng ta có lỗi đối với người, hiếp đáp người, hãm

hại người, nếu người này đầu thai đến nhà chúng ta thì trong tương lai nhất định sẽ làm cho nhà tan cửa nát. Thế nên bất cứ ai trong thế gian đều nhất định không có việc bị thiệt thòi, và cũng không có việc chiếm tiện nghi hoặc lợi dụng người khác được.

Thi ân cho người, giúp đỡ kẻ khác sẽ nhận được báo đền; hiệp đáp người, dày xéo người, sỉ nhục người, hãm hại người cũng sẽ có báo đền. Nếu sự báo đền này chỉ vừa đúng [không hơn, không kém] thì cũng còn được; nhưng sự báo đền luôn luôn quá đáng, biên thành hận thù oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp không nhường nhịn lẫn nhau, oán hận không bao giờ chấm dứt. Chiến tranh giữa quốc gia này với quốc gia khác cũng như vậy. Tuy dân chúng của hai nước không có oán thù gì với nhau, những người có oán thù chỉ là thiểu số, nhưng nếu họ có quyền lực thì sẽ liên lụy đến rất nhiều người cùng chịu tai họa, tổn hại đến tài sản và sanh mạng của nhiều người, tai hại vô cùng, làm sao có đạo lý không đọa địa ngục cho được? Chúng ta hiểu được đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, thì mới biết không nên làm việc này.

Bởi vậy nên lục đạo luân hồi chỉ là ân ân oán oán báo đền lẫn nhau mà thôi, chúng ta hiểu được thì sẽ buông xả, biết được thế gian này không vui chút nào. Chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy rõ ràng, chỉ cho chúng ta một con đường quang minh, rộng lớn, đây tức là Đại thừa Phật pháp, cõi nước chư Phật ở thập phương. Trong pháp Đại thừa, [các Ngài] lại nói cho chúng ta biết một pháp môn đặc biệt, trong số các cõi nước chư Phật thì cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà là cõi nước thù thắng tốt đẹp nhất. Không những đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, trong bản dịch kinh A Di Đà của đại sư Cưu Ma La Thập nói đến sáu phương Phật tán thán; bản dịch kinh Di Đà của Huyền Trang đại sư nói đến mười phương Phật tán thán. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói đến mười phương Phật tán thán. Hết thầy chư Phật Như Lai đều khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ Di Đà. Chư Phật, Bồ Tát không gạt người, chúng ta đừng nên hoài nghi lời nói của chư Phật, Bồ Tát. Từ xưa đến nay kinh điển được trao truyền từ đời này sang đời khác, đích thực là được phiên dịch từ tiếng Phạn ở Ấn Độ, có người phiên dịch, có nơi chốn phiên dịch, chứng thật những kinh điển này có thể tin được.

Cả đời xưa và đời nay những người chiếu theo phương pháp này tu hành được vãng sanh rất nhiều. Chúng ta hãy quan sát điều kiện của họ, nói chung so với chúng ta thì không khác gì mấy, không tốt hơn chúng ta nhiều lắm. Nhưng quan trọng nhất là họ có lòng tin vững chắc, nguyện vọng khẩn thiết, buông xả hết thầy, chắc thật niệm Phật. Họ đã làm được điểm này, trên phương diện này chúng ta còn rất kém, chúng ta phải nỗ lực học tập theo họ.

c. Đoạn ác tu thiện

Đặc biệt là ở thời đại ngày nay, Thiên Chúa Giáo có lời dự đoán, năm 1999 là năm thế giới tận thế, những lời này làm cho người ta rất lo lắng, kinh sợ. Lời dự đoán nói nếu người ta tiếp tục tạo ác không ngừng, tai nạn này có thể trở thành sự thật; nếu có thể đoạn ác tu thiện, hồi tâm chuyển ý, tai nạn có thể hóa giải. Câu

nói này vô cùng linh động, chẳng cứng chắc (*chẳng phải thay đổi không được*), và nói rõ quan hệ vẫn nằm trong tay của con người. Tình hình có thể hóa giải nghĩa là tai nạn có thể giảm bớt, trì hoãn đến sau này. Cách nói này hợp tình, hợp lý, hợp pháp, có thể biết họ cũng có trí huệ rất cao. Đoạn ác tu thiện là việc rất nên làm, [chúng ta] làm không phải là vì muốn tránh tai nạn; không có tai nạn thì cũng phải đoạn ác tu thiện.

Đoạn ác tu thiện phải bắt đầu từ trong tâm. Tâm của chư Phật, Bồ Tát là tâm thuần thiện, tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh mà không vì lợi ích cho cá nhân mình. Theo sự quan sát của tôi, Tân Gia Ba ít nhất có mười vị Bồ Tát, thiết đúng với câu: *‘chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ’*. Họ có tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi, niệm niệm vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, làm nên sự công hiến to lớn. Đời sống của họ tương ứng với Lục Độ Ba La Mật, đây là Bồ Tát trụ thế, hóa thân của Bồ Tát. Tuy vai trò của họ không giống nhau, đúng như kinh điển nói *‘cần dùng vai trò gì để độ thì hiện thân đó, cần dùng phương pháp gì để làm lợi ích cho chúng sanh thì họ dùng phương pháp đó’*. Tất cả hành động của họ đều giữ tâm của Bồ Tát, hành theo Bồ Tát Đạo.

Hy vọng [đồng tu ở] Dallas cũng tổ chức phái đoàn đến đó tham học, học hỏi tinh thần và phương pháp của họ, và cũng hy vọng đạo tràng Dallas này có thể biến thành trung tâm Tịnh Tông ở Mỹ. Chúng ta truyền bá Tịnh Tông đến tất cả địa phương có duyên trên thế giới, đây là lời nói trong nhà Phật: *‘Trong nhà Phật không buông bỏ một người nào cả’*. Chúng ta cũng phải có hoàng nguyện to lớn của chư Phật, Bồ Tát, dốc toàn tâm toàn lực giúp đỡ các vị đồng tu ở mọi nơi. Xin chúc phúc cho chư vị trong Phật thất được đạo nghiệp tăng trưởng, tín nguyện thành tựu, Phật thất kỳ này sẽ thâm thập được hiệu quả tốt đẹp.

18. Làm thế nào để giữ gìn công phu

(Buổi sáng 26-12-98)

Trong quá trình tu học đa số người học Phật đều gặp phải một vấn đề, đó là trong tâm có thể giữ được thanh tịnh lúc niệm Phật trong Niệm Phật Đường, nhưng vừa trở về nhà, về chỗ làm việc thì không thể nào giữ gìn công phu được. Nếu chúng ta hy vọng trong đời này có thể tu học thành tựu thì đây cũng là một vấn đề to lớn, cấp bách, cần phải giải quyết nhanh chóng. Không thể giữ gìn công phu có hai yếu tố: thứ nhất, phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay quá nặng, không có năng lực khắc phục; thứ nhì, tâm sanh tử không thiết tha. Tại sao tâm sanh tử không thiết tha? Đối với thế gian này nhận thức chưa rõ ràng, không biết thế gian này là hư ảo. Kinh Kim Cang dạy *‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng’*, *‘Tất cả các pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt, ảnh’*. Trong kinh nói chân tướng sự thật, chúng ta gặp mặt trên mạng lưới internet càng dễ thể hội điều này. Chúng ta nói chuyện với nhau mặt đối mặt trên màn ảnh [máy vi tính], chuyện này cũng là mộng huyễn bọt ảnh, và cũng là một thứ hư vọng, nếu có thể từ

phương diện này mà thể hội thì đã giác ngộ rồi, sau đó mới biết cho dù chúng ta đối diện với nhau thì cũng hư vọng, không chắc thật.

Những gì chắc thật có hay không? Có, nhưng chúng ta không nhìn thấy. Lúc nào mới nhìn thấy? Buông xuống tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, buông bỏ hết đến mức ‘nhất tâm bất loạn’ thì có thể nhìn thấy sự thật. Chỉ cần chúng ta đạt được nhất tâm bất loạn, cảnh giới chân thật tự nhiên sẽ hiện ra, đây gọi là ‘Nhất Chân pháp giới’ trong Phật pháp.

Nhưng cho dù công phu tu học của mình có tốt hơn, định công sâu hơn nữa, chỉ cần trong tâm còn giữ một cái ‘Nhất Chân pháp giới’ thì sẽ không thấy Nhất Chân pháp giới. Công phu đến mức Tứ Thiên Bát Định vẫn chưa thấy được Nhất Chân pháp giới vì tuy đè nén được phiền não, nhưng vọng tưởng phân biệt chưa đè nén. Đến mức Định Thứ Chín, ra khỏi lục đạo luân hồi, ra khỏi tam giới, sanh đến Tứ Thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật (Phật trong thập pháp giới là Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật trong Tông Thiên Thai) thì cũng chưa thấy được tướng chân thật, nguyên nhân là vì chưa đoạn dứt vọng tưởng, chấp trước. Cần phải nỗ lực thêm nữa, dùng định huệ đoạn dứt phân biệt (Trần Sa phiền não), phá thêm một phần vô minh (tức là vọng tưởng) đến mức này mới ra khỏi thập pháp giới, thấy được tướng chân thật, mới thực sự tương ứng với cảnh giới của quả địa chư Phật Như Lai. Phải mất bao nhiêu công phu mới đến mức này? Ngày nay một chút định lực chúng ta cũng không có!

Thí dụ [hằng ngày] phòng ăn ở Cư Sĩ Lâm có gần hai mươi món ăn, quá nhiều món ăn để trước mặt như vậy là một sự cám dỗ, chỉ thử mỗi món một chút thôi thì cũng no quá chừng. Người niệm Phật ăn đến mức ngày càng mập thêm thì không phải là một chuyện tốt, chúng ta phải tự khắc phục mình, trong nhiều món đồ ăn này chỉ gắp ba bốn món thì thôi. Trong việc ăn uống phải biết chế ngự, ăn cho điều độ thì mới có thể giữ thân tâm khỏe mạnh; không chế ngự nổi thì thân tâm sẽ không khỏe mạnh. Nếu ăn đến mập béo ra thì thân thể sẽ không khỏe mạnh; nhìn thấy những món ăn này rất dễ tăng trưởng tâm tham, lại tạo nên tâm lý không khang kiện. Tu hành là phải tu trong những sự việc này.

Cho nên trong tất cả hoàn cảnh phải biết khắc phục được vọng tưởng của mình, chế ngự phân biệt, chấp trước của mình, hết thấy [những việc này] đều là Phật pháp. Nếu có thể khắc phục, chế ngự được mình thì mới có thể bảo trì [giữ gìn] được công phu; nếu không thể khắc phục được mình thì không thể bảo trì công phu. Những đại đức thời xưa biết được tập tánh của phàm phu rất nặng, khắc phục mình rất khó, nên mới chủ trương, đề xướng ‘*Nương dựa vào, noi theo đám đông*’, mới tụ họp lại tu tập chung với nhau, đốc thúc, cảnh tỉnh, khích lệ lẫn nhau, dụng ý là ở chỗ này.

Đạo tràng tu tập chung với nhau cần phải có đầy đủ nhân duyên, trong đó quan trọng nhất là duyên phận, là phải nhờ vào người xuất gia dẫn đầu; người xuất gia càng nhiều, lòng tin của những người đồng tu sẽ càng tăng trưởng. Vì vậy nên người xuất gia phải phát lòng từ bi, không nệ khó nhọc, lãnh chúng trong

Niệm Phật Đường. Đạo tràng có càng nhiều người xuất gia càng tốt, đây là sự thù thắng trang nghiêm chân chánh của đạo tràng.

Cho nên huân tập ở Niệm Phật Đường trong một thời gian dài, hy vọng là có thể bảo trì được công phu, bất kỳ ở nơi chốn nào, trong gia đình, sở làm đều có thể giữ gìn tâm thanh tịnh, niệm Phật như thế mới gọi là đạt được mục đích.

Ngày nay số người ở Niệm Phật Đường tại Cư Sĩ Lâm ngày càng nhiều, xây dựng và đẩy mạnh phong trào niệm Phật. Những người đến đó niệm Phật rất đông, đến mãi không ngớt, càng ngày càng nhiều. Chúng tôi hy vọng xây dựng một đạo tràng ‘giải hành tương ứng’, mỗi ngày giảng kinh không gián đoạn, niệm Phật không gián đoạn, làm gương cho đạo tràng ở những nơi khác. Thích hợp nhất cho những vị đồng tu đã về hưu, họ buông xuống công việc làm ăn, ở đó trường kỳ tham gia niệm Phật. Những người có gia đình, vẫn còn đang đi làm thì lợi dụng thời gian rảnh rỗi đến Niệm Phật Đường để niệm Phật. Thế nên hiện nay khí phần (*không khí hoàn cảnh tu học*) ở Niệm Phật Đường vô cùng tốt đẹp, vô cùng thù thắng. Và cũng vì khí phần tốt đẹp như vậy nên rất nhiều vị đồng tu vui vẻ đi đến, đến rồi đều không muốn đi về. Nếu có thể trụ ở đạo tràng như vậy trong vòng nửa năm, một năm, ba năm thì không thể nào không thành tựu được.

Trong ‘Tịnh Độ Thánh Hiền Lục’, ‘Vãng Sanh Truyện’ chúng ta thấy rất nhiều Bồ Tát vãng sanh bất thoái, thời gian niệm Phật phần nhiều là ba năm. Do đó có thể biết trong vòng ba năm thì có thể thành tựu. Nhưng không thể nói họ niệm Phật hết ba năm thì thọ mạng đều hết, mà vì công phu thành thực nên mới tự tại vãng sanh. Nếu những người có công phu thành thực không vãng sanh mà còn lưu lại trên thế gian này thì chỉ có một nguyên nhân duy nhất là để độ chúng sanh. Vẫn còn một số chúng sanh có duyên với họ, họ có thể giúp đỡ cho nên lưu lại thêm một thời gian nữa. Nếu không có duyên phần với những người ở đó thì tại sao không đi sớm hơn? Mỗi ngày chúng ta đều mong mỏi, trông về Tây phương Cực Lạc thế giới, mỗi ngày tưởng niệm đức Phật A Di Đà, có thể gặp Ngài sớm hơn thì tốt biết mấy, tại sao cơ duyên đến lại phải kéo thêm vài ngày? Chúng ta muốn đi nhưng đi không được, nếu có năng lực thì đã đi sớm mất rồi.

Chúng ta bình tĩnh suy nghĩ, quan sát người trên thế gian này ai cũng khổ. Chúng ta cảm thấy sanh hoạt, việc làm của mình quá khổ, thật ra những người làm sự nghiệp to lớn còn khổ hơn chúng ta. Gần đây tôi xem cuộn phim ‘Chiến tranh lạnh bắt đầu và chấm dứt’, nói về những người lãnh đạo quốc gia trong nửa thế kỷ vừa qua, mỗi ngày đều phải đề phòng không cho tai họa bộc phát, đặc biệt là những tai nạn do con người gây ra, làm thế nào tìm mọi cách để tiêu trừ [tai nạn]. Họ bận tâm, lo lắng quá nhiều, cuộc sống khổ quá đi thôi. Sau khi tôi coi xong mới biết muốn làm một người lãnh đạo quốc gia, đoàn thể thiệt là không đơn giản chút nào.

Thiệt ra đời sống của những người lãnh đạo có địa vị cao, những người làm ăn buôn bán giàu có không sung sướng chi cả. Nếu bạn đã nhìn thấy rõ ràng, minh bạch thì mới biết đời sống của họ còn sánh không bằng đời sống của một người

ăn xin. Người đi xin ăn khi nào bụng đói thì đi xin ăn, ăn no rồi thì hết chuyện, tùy tiện tìm một chỗ để ngủ, không có bồn chồn lo lắng, [họ] thanh thoi tự tại biết bao! Chuyện đau khổ nhất của con người là chuyện bận tâm quá nhiều, lo lắng quá nhiều, vướng bận quá nhiều, ngày tháng dích thật không thoải mái tí nào. Nếu họ có thể học Phật thì thiệt là phước báo to lớn!

Lúc trước tôi có khuyển đại chúng, gắng sức làm việc kiếm tiền trong một năm để có đủ tiền chi tiêu cho đời sống thì nghỉ không làm việc hai năm, chuyên tâm hết lòng niệm Phật; đây là người có trí huệ, có đại phước báo. Sau hai năm tiền xài hết thì đi kiếm công việc trở lại. Nếu bạn hỏi tìm công việc làm không dễ, đến lúc đó có thể tìm được hay không? Nhất định sẽ tìm được. Tại sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát gia trì cho bạn, bạn nên tin tưởng chư Phật, Bồ Tát. Ở thế gian này nhờ vả người ta không được, nhờ vả Phật, Bồ Tát nhất định có thể được. Nhưng bạn phải có lòng tin tuyệt đối với chư Phật, Bồ Tát, tu học đúng như lý và làm đúng như lời dạy, làm sao không thành tựu được cơ chứ! Đây cũng là một phương pháp bảo trì tâm thanh tịnh.

Nói tóm lại nguyên tắc quan trọng nhất để giữ tâm thanh tịnh là:

Thứ nhất phải có lòng tin vững chắc muốn rời khỏi Sa Bà, cầu sanh Tịnh Độ, đây là chân tâm.

Thứ nhì tuyệt đối đừng bị thế gian cám dỗ, có thể buông xuống, buông xả hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian.

Trong tất cả pháp thế gian và xuất thế gian chỉ lựa chọn một pháp mà mình cần, tuyệt đối không chọn quá nhiều, có câu rằng *‘biết đủ thì thường vui’*. Tâm của bạn sẽ định, sẽ thanh tịnh; mới có thể bảo trì tâm thanh tịnh trong thời gian dài mà không mất. Điểm này vô cùng quan trọng. Những người tu hành thời xưa có thành tựu đều là nhờ yếu tố này. Có thể khắc phục dục vọng của mình, khắc phục vọng tưởng của mình, thiệt có thể làm đến mức nói trong kinh Kim Cang: *‘Không chấp vào tướng, như như chẳng động’*. Trong đời sống chỉ lấy những gì mình cần dùng là đủ, như vậy mới không bị cám dỗ, mới giữ được tâm thanh tịnh.

19. Không chế và chiếm lấy (Buổi sáng 30-12-98)

a. Đạo dưỡng sinh

Người xưa dạy chúng ta: *‘Buổi sáng phải ăn cho tốt, buổi trưa phải ăn cho no, buổi tối phải ăn ít’*. Đây là đạo dưỡng sinh và cũng là một nguyên tắc của sự hấp thụ dinh dưỡng. Chân chánh biết đạo dưỡng sinh nói theo nhà Phật thì phải biết ‘dưỡng tâm’, vì tâm có thể sanh ra rất nhiều pháp, tâm là pháp năng sanh (*pháp có thể sanh*), thân là pháp sở sanh (*pháp được sanh*), cho nên tâm thanh tịnh thì thân sẽ thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh thì hoàn cảnh bên ngoài sẽ thanh tịnh, đây là một đạo lý nhất định. Nhưng rất ít người trong thế gian hiểu được đạo lý này, vẫn ráng sức tìm cầu để bù đắp dinh dưỡng từ bên ngoài.

Người tu hành chân chánh đối với dinh dưỡng cho thân thể không tìm cầu ở bên ngoài mà hoàn toàn hướng về bên trong. Trong kinh nói người trên cõi Sắc Giới trở lên dùng ‘thiền duyệt’ làm thức ăn, thiền duyệt là từ tự tánh lưu xuất, không phải cầu được từ bên ngoài. Cho nên đức Phật nói năm thứ ‘tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ’ đều có thể bỏ được. Năm thứ này được gọi là ‘ngũ cái’ (*năm thứ che đậy*), nó che phủ tâm tánh, trí huệ, đức năng của chúng ta, làm cho trí huệ, đức năng của chúng ta không thể hiện tiền. Năm thứ này là dục vọng, nếu sanh tâm tham đắm năm thứ này thì phiền não chỉ gia tăng mà không giảm bớt, làm sao đoạn dứt phiền não được?

Đức Phật dạy đệ tử nhất định đừng phân biệt, chấp trước đối với thức ăn. Ngày xưa lúc đức Phật còn tại thế đi khát thực, người ta cho gì ăn nấy, vả lại chỉ cho phép đi khát thực bảy nhà, nếu bảy nhà này cho không đủ hay không cho thì phải đi về tu thiền định. Cách làm này là để giúp chúng ta khắc phục dục vọng, tâm tham, và phiền não; chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Vì chúng ta có thân thể cho nên phải [ăn uống để] hấp thụ dinh dưỡng, không thể không duy trì sự khỏe mạnh của thân thể. Nếu thân thể không khỏe mạnh, phải nhờ người khác săn sóc, cư ngụ trong đạo tràng cũng phải làm nhọc [chúng] thường trụ, như vậy không tốt. Nhưng phải hiểu đạo lý khỏe mạnh là do tâm thanh tịnh. Đối với mình tuyệt đối phải giữ tâm cho được thanh tịnh, thanh tịnh vô vi; đối với người, với sự, với vật cần phải có tâm đại từ đại bi, vô sở bất vi (*không từ khước làm bất cứ thứ gì*), được vậy chúng ta mới có thể dùng hành động để phục vụ đại chúng, giúp đỡ đại chúng. Đây đều là lời thánh nhân thế gian và xuất thế gian chỉ dạy cho chúng ta.

b. Không chế và chiếm lấy

Nhưng ái tâm (*tâm thương mến*) là nghĩa vụ, nhất định không được chiếm lấy. Cho dù rất thương mến con cái và người thân của mình, tâm này của phàm phu cũng không thể gọi là từ bi, vì nó có chứa đựng tâm niệm không chế, chiếm lấy ở trong. Mỗi [khi khởi lên một] tâm niệm [gì] đều muốn điều khiển, không chế, chiếm lấy tất cả người, sự, và vật, như vậy là sai lầm. Sai ở chỗ nào? Đức Phật dạy chúng ta: ‘*năng sở giai không, liễu bất khả đắc*’ (*năng và sở đều là không, trọn chẳng thể lấy được, có được*). Trong sáu trăm quyển kinh Bát Nhã, ba chữ ‘bất khả đắc’ (*không thể lấy được, có được*) đã lập đi lập lại trên ngàn lần, đó là muốn cho chúng ta ghi nhớ kỹ ‘bất khả đắc’ là chân tướng sự thật, nếu cứ tưởng tất cả có năng đắc, có sở đắc (có cái năng được, có cái để mình lấy được), đó đều là ngu si, vô minh.

Nếu hiểu thấu tất cả pháp đều không thể có được, năng và sở đều không thể đạt được thì bạn sẽ giải thoát. Dùng danh từ hiện nay để nói thì ‘giải thoát’ tức là tâm lý không có ràng buộc, lo lắng, bận bịu, tâm của bạn được tự tại, buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lý do việc gì chúng ta cũng buông xuống không được chính là vì ngu si chưa bị phá trừ, vẫn còn cho là ‘có

năng đắc, có sở đắc’, trong tâm còn bị ràng buộc, còn lo âu cho nên sinh sống rất khổ sở, công phu tu học cũng không đắc lực.

Chư Phật Như lai ứng hóa trong thế gian, tất cả những việc làm, hành động đều là *‘Phật sự trong mộng, đạo tràng như bóng trăng dưới nước’*. Đạo tràng được xây dựng càng lớn, càng huy hoàng, người giác ngộ đều xem là hoa trong gương, ánh trăng dưới nước, không có chút gì chấp trước, keo tham, như vậy mới được đại tự tại, đó mới là sự hưởng thọ cao độ. Trong sanh hoạt đối với tất cả người và vật nếu có những sự thọ dụng, tuyệt đối không được không chế, đừng có tâm niệm chiếm lấy, như vậy mới sống một đời sống của Phật, Bồ Tát; sự khác biệt của phàm phu và Phật, Bồ Tát là ở chỗ này. Phàm phu thì mỗi tâm niệm đều muốn không chế, điều khiển người khác, mỗi tâm niệm đều muốn chiếm lấy tất cả, cho nên trong tâm cứ lo được, lo mất, âu lo phiền não vĩnh viễn không dứt, sống trong những ngày tháng như vậy rất khổ sở.

Còn chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi nhất định viên mãn hàm nhiếp ‘chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác’. Bất cứ một điều trong năm chữ này đều chứa đựng bốn điều kia, như vậy mới là *‘một là tất cả, tất cả là một’*. Nếu tâm từ bi không thanh tịnh, không bình đẳng thì đây là một trong bốn loại ‘ái duyên từ bi’ nói trong Phật pháp. Đây là từ bi của phàm phu, vẫn còn không chế, chiếm lấy, không có bỏ hết tất cả yêu cầu, đòi hỏi, đây không phải là đại từ đại bi. ‘Ái duyên từ bi’ hướng lên trên là ‘chúng sanh duyên từ bi’, ‘pháp duyên từ bi’, lên nữa là ‘vô duyên từ bi’, đại từ đại bi tức là ‘vô duyên từ bi’. Vô duyên tức là không điều kiện, không yêu cầu đòi hỏi, không có chiếm lấy, không có không chế, đó là đại từ đại bi của chư Phật và Pháp Thân Đại Sĩ. ‘Vô duyên từ bi’ có đầy đủ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác. Nếu chúng ta dùng tâm này để xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc với sự vật, thế thì trong lúc xử sự, đối người, tiếp vật đã chứng quả rồi. Giống như ‘nhập đại giải thoát môn’ (vào cửa giải thoát to lớn) nói trong kinh Hoa Nghiêm, thế thì thành Phật rồi. Chữ đại ở đây cũng có nghĩa là Đại thừa, cửa giải thoát nhỏ là A La Hán, bậc thánh của Tiểu Thừa.

c. Đọc kinh nghe pháp quan trọng

Chúng ta là phàm phu, nghiệp chướng, tập khí, phiền não vô cùng sâu nặng, rất khó đoạn dứt, chỉ có dùng phương pháp giác ngộ mới có thể đoạn dứt. Vì vậy cho nên đọc kinh, nghe pháp vô cùng quan trọng, một ngày cũng không thể gián đoạn. Chúng ta không phải là người có thượng căn, lợi trí (*đầu óc lanh lợi bén nhạy*), không thể chỉ lắng nghe, học tập trong một thời gian ngắn mà có thể khai ngộ. Người trung và hạ căn muốn đạt được ích lợi ngay trong một đời, chỉ có phương pháp duy nhất là đọc kinh, nghe pháp, huân tu trong thời gian dài mới có thể nhập vào cảnh giới ‘nhập Phật pháp’ nói trong kinh Hoa Nghiêm. Nhập Phật pháp tức là giác ngộ, đây là đạt được lợi ích chân thật.

d. Quản sự bận tâm

Tôi là một người phạm, là người căn tánh trung hạ, hôm nay có được chút đỉnh thành tựu này, có được chút đỉnh trí huệ này đều là do đọc kinh, giảng kinh hằng ngày trong suốt bốn mươi mấy năm qua. Có một số đại đức cũng giảng kinh nhưng ngoài việc giảng kinh ra họ còn phải quản sự (quản lý sự việc); quản sự phải lo lắng, bận tâm, ít nhiều cũng gây ra chướng ngại cho mình. Duyên phần của tôi trong đời này rất thù thắng, cả đời ‘không quản lý người, không quản lý sự việc, không quản lý tiền bạc’, cho nên sự việc trong thế tục đối với tôi không gây chướng ngại, mới có được chút đỉnh thành tựu này, đây cũng là việc tôi hiện thân thuyết pháp làm gương cho mọi người.

Người như thế nào có thể quản lý sự việc? Phải có tâm thanh tịnh. Cho nên ngày xưa những vị quản sự trong chùa chiền, tông lâm đều là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tái lai. Chúng ta không phải thánh nhân ứng hóa, chúng ta đích thực là phạm phu. Nếu phạm phu đi làm việc tức là xả kỷ vị nhân (*hy sinh mình để phục vụ cho người khác*) thế thì cũng đáng được ngưỡng mộ, kính phục. Tuy hy sinh định huệ của mình để phục vụ đại chúng, nhưng nhất định phải giữ giới cho được thanh tịnh, đây mới là tu phước báo chân chánh. [Giữ] giới thanh tịnh tức là chăm sóc phục vụ cho đại chúng đúng như lý, như pháp, không có tâm riêng tư, dùng tâm chân thành, lo lắng, chăm sóc, giúp đỡ hết thảy đại chúng tu học đàng hoàng.

Hàn Quán Trưởng là hạng người này, bà không phải là Phật, Bồ Tát hóa thân đến, bà sáng lập xây dựng đạo tràng, thành tựu cho đại chúng, có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta báo đáp cho bà được thể hiện [một cách trọn vẹn] lúc bà lâm chung, chúng ta tiễn đưa bà vãng sanh, đây là báo ân một cách trọn vẹn, lớn lao. Nhưng duyên như vậy rất khó được, không phải người nào cũng có duyên phần tốt như vậy, cơ hội tốt như vậy. Nếu bà không vãng sanh được thì đời sau sẽ hưởng phước báo to lớn, làm quốc vương đại thần, trưởng giả cự phú. Nhưng phước báo ở thế gian cho dù làm đến Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương thì vẫn còn ở trong vòng lục đạo luân hồi, thoát không khỏi tam giới, cho nên phước báo như vậy chẳng rốt ráo viên mãn. Ngày nay chúng ta hiểu rõ ràng minh bạch thì chỉ có vãng sanh bất thoái thành Phật mới là chân thực [rốt ráo, viên mãn].

d. Học sống qua ngày

Tu học tức là học làm thế nào sống qua ngày, biết làm thế nào đối với mình, đối với người. Đối với mình tuyệt đối phải thanh tịnh, từ bi, chuyên tu chuyên hoằng; đối với người nhất định phải chân thành, thanh tịnh, từ bi, phải làm được vô duyên [từ bi], không có điều kiện. Nhất định đừng có tâm niệm khống chế [bắt buộc người ta luôn luôn phải làm theo ý của mình], đừng giữ tâm niệm chiếm lấy, đối với tất cả mọi người, mọi sự, mọi vật, phải buông bỏ hết tất cả yêu cầu, đòi hỏi, đây là trí huệ, đây là công đức, sánh với phước đức còn thù thắng hơn nhiều. Hy vọng mọi người đều khích lệ khuyến tấn lẫn nhau, y giáo phụng hành.

B. LUẬN SỰ TỬ SANH TRỌNG ĐẠI

1. Tử sanh đại sự (Buổi sáng 20-12-98)

Lần trước chúng ta thăm viếng giáo hội đạo Islam (Hồi Giáo) có được tiếng vang rất tốt. Từ đó có thể thấy xã hội đại chúng chẳng phân chủng tộc, biên giới quốc gia, chẳng phân tôn giáo tín ngưỡng, mọi người đều hy vọng xã hội an định phồn vinh, thế giới hòa bình. Việc này ấn chứng cho sự suy nghĩ và cách làm của chúng ta là chính xác. Cho nên phải nỗ lực tinh tấn thêm, làm cho văn hóa đa nguyên kính trọng lẫn nhau, kính ái lẫn nhau, giúp đỡ hợp tác, nỗ lực đẩy mạnh sự nghiệp cùng tồn cùng vinh này.

Chuyện này là Phật sự, Phật sự là sự nghiệp giác ngộ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Việc chúng ta làm chính là giúp đỡ chúng sanh mở rộng tâm lượng, thương mình thì càng thương người; thương gia đình mình thì càng yêu thương xã hội, tiêu trừ hết thảy những sự hiểu lầm, mâu thuẫn, xung đột để cùng nhau đạt đến mục tiêu hòa bình. Chúng ta đẩy mạnh chuyện này nhất định phải dựa căn bản trên ‘tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi’, đây mới là Phật sự, mới là sự nghiệp của Bồ Tát.

Đối với bản thân của chúng ta nhất định phải có sự cảnh giác cao độ. Hàn Quán Trưởng từ lúc sanh bệnh đến lúc vãng sanh đều tinh táo, việc này rất khó được. Bà hiện thân thuyết pháp và nói cho chúng ta biết một người lúc lâm chung ngay cả trở mình [nằm lật qua tư thế khác] cũng chẳng làm nổi, cũng cần phải có người giúp đỡ. Chuyện này làm tôi nghĩ đến [cho dù] người trong thế gian có phước báo lớn hơn, quyền lực lớn hơn thì lúc lâm chung vẫn phải chịu sự sắp đặt của người khác, chẳng có cách nào lìa khỏi hoàn cảnh nguy hiểm này. Phật dạy chúng ta lúc bấy giờ là thời khắc quan trọng nhất của một đời người, quan hệ đến đời sau sẽ sanh vào chốn nào.

Duyên của Hàn Quán Trưởng thù thắng, được ba mươi mấy vị xuất gia dùng tâm chân thành, thanh tịnh niệm Phật giúp cho bà, bảo vệ bà, cho nên từ lúc bà sanh bệnh đến lúc vãng sanh chúng tôi nhìn thấy được rất nhiều tướng lành. Thứ nhất, kinh Địa Tạng nói lúc người ta lâm chung sẽ nhìn thấy những thân bằng quyến thuộc đã qua đời, những người này chẳng phải là bà con thiệt mà là những oan gia chủ nợ của mình biến ra quyến thuộc để dụ dỗ, trả thù mình. Chuyện này xảy ra rất nhiều. Từ lúc Hàn Quán Trưởng sanh bệnh đến vãng sanh chẳng có hiện tượng này, đây là nhờ chúng tôi bảo vệ được hiệu quả. Thứ hai, bà nhìn thấy đức Phật A Di Đà hai lần, nhìn thấy Liên Trì hải hội một lần nên bà khẳng định đã vãng sanh Tịnh Độ. Sự thị hiện của bà cảnh giác chúng ta, bà có phước báo nên lúc lâm chung được nhiều người có niềm tin chân chánh, chăm sóc đúng lý đúng pháp, đây là quả báo bà có được sau ba mươi năm hộ trì chánh pháp. Sau này mỗi lần giảng kinh tôi đều hồi hướng cho bà, tôi luôn luôn ghi nhớ chẳng quên sự giúp đỡ của bà lúc trước, ân đức của bà giúp cho tôi thành tựu.

Chúng ta quay lại thử nghĩ về mình, ngày này chắc chắn sẽ đến, lúc đó nếu mình không có phước báo, duyên phận như bà thì phải làm sao đây? Đây là việc quan trọng nhất trong đời của mình, chẳng thể không chuẩn bị trước. Từ xưa đến nay có không ít người niệm Phật thị hiện cho chúng ta, thị hiện lúc lâm chung chẳng có bệnh khổ cho chúng ta xem, chẳng cần phải nhờ người khác chăm sóc, dự biết thời giờ ra đi, tự tại vãng sanh. **Chúng ta nhất định phải đi theo con đường này thì mới đáng tin cậy, mới chắc ăn.**

Cuốn ‘Ảnh Trần Hồi Ký Lục’ ghi pháp sư Đệ Nhàn có người đệ tử niệm Phật vãng sanh, vị này trước khi xuất gia làm thợ vá nôi. Người này cả đời sinh sống vô cùng khốn khổ, trung niên xuất gia, chẳng biết chữ, và cũng chưa được nghe giảng kinh, việc gì cũng chẳng biết. Pháp sư Đệ Nhàn chỉ dạy cho ông niệm một câu ‘Nam Mô A Di Đà Phật’ và nói với ông: *‘Ông cứ niệm riết câu này, niệm mệt thì nghỉ, hết mệt thì niệm tiếp tục, tương lai chắc chắn sẽ có lợi ích’*. Ông này là người nhà quê, thật thà chất phác, chẳng có vọng tưởng niệm, chịu nghe lời dạy và niệm tới cùng. Ông niệm được ba bốn năm thì thành công. Chẳng có bệnh khổ, dự biết trước giờ ra đi, sau khi vãng sanh còn đứng ba ngày chờ pháp sư Đệ Nhàn đến để lo hậu sự cho ông. Cụ Đệ khen ông và nói: ‘Kể ra thì ông chẳng uổng phí đã một phen xuất gia, ông làm được như vậy ngay cả những đại hòa thượng, phương trượng trụ trì, đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp đều chẳng sánh bằng ông’, đây là sự thật.

Tại Đài Bắc Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, Đài Loan, cư sĩ Lý Tế Hoa vãng sanh cũng là tấm gương tốt cho chúng ta. Lý cư sĩ dự biết trước giờ vãng sanh, trước lúc vãng sanh đã khẩn thiết khai thị cho mọi người trong pháp hội, nói xong thì chào biệt mọi người và nói: ‘Tôi sẽ về nhà’. Thính chúng cứ tưởng là ông mệt rồi nên muốn về nhà nghỉ ngơi, đâu ngờ ông ngồi trên ghế dài trong phòng khách Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, ngồi được một chút thì vãng sanh.

Đây là hai chuyện thật, một vị là người xuất gia, vị kia là người tại gia, họ đã làm được thì chúng ta cũng có thể làm được, chúng ta phải học theo. Chỉ có dùng phương thức này mới thiệt là an toàn, chẳng phải nhờ người khác sắp đặt, lúc người ta sắp đặt nếu duyên chẳng tốt đẹp thì nhất định sẽ bị nạn.

Sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật thì phải nghĩ xem những gì gây chướng ngại cho chúng ta, san bằng những chướng ngại này thì chúng ta cũng có thể sanh tử tự tại. Có thể làm được việc này tức là việc mà trong Phật pháp gọi là: *‘chuyện cần làm đã làm xong’* (sở tác dĩ biện), những chuyện gì mình cần làm đều đã làm xong xuôi, sau đó mới yên tâm đi làm những chuyện lợi ích cho chúng sanh. Nếu chuyện của mình làm chưa xong, có thể hy sinh mình giúp cho người thì cũng là một chuyện tốt, nhưng những gì mình làm lúc bấy giờ đều là phước báo, vẫn chẳng thể thoát ra khỏi lục đạo. Nếu ‘chuyện cần làm đã làm xong’ tức là nhất định đã nắm chắc việc vãng sanh, thì làm các sự việc giúp đỡ hết thảy chúng sanh mới là công đức chân thật, chẳng phải thọ báo trong tam giới. Cho nên nhất định phải nhắc nhở chính mình, bất luận là giờ nào chốn nào, trong bất cứ trạng huống nào tự mình phải nắm chắc vãng sanh được, tránh hết tất cả đau khổ, tất cả những

dày vò do người tạo nên. Nếu muốn làm được điểm này thì nhất định phải ‘nhìn thấu, buông xuống’.

Địa Tạng Kinh Khoa Chú Luân Quán nói: ‘*Một niệm tự tánh, thể vốn trạm tịch*’⁴⁰. Nếu thật sự niệm niệm đều tương ứng với tánh thể trạm tịch, hết thấy tác dụng có thể tương ứng với tâm tánh, thì mới nắm chắc việc vãng sanh. Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói còn rõ hơn nữa: ‘*Vốn là chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*’⁴¹, hai câu này nói về tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh chẳng nhiễm, tâm địa thanh tịnh chẳng vương bận, trong tâm ‘vốn chẳng có một vật’. Dùng tâm thanh tịnh nhất tâm niệm Phật thì việc này có thể làm được.

Nhất định phải hiểu rõ hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều là giả hết, thân thể của chúng ta cũng giả. ‘*Mượn giả để tu chân*’, vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới là chân, trừ việc này ra thì hết thấy đều là giả, chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

Hiện nay tai nạn dồn dập, chúng ta phải tu nhanh lên, đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, dùng tâm thanh tịnh niệm Phật. Buông xuống vạn duyên là đoạn hết thấy ác, dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật là tu hết thấy thiện. Tự mình nắm chắc có thể vãng sanh rồi mới dốc toàn tâm toàn lực khuyên người khác, thị hiện cho người khác làm tấm gương tốt, đó là việc thiện nhất trong những việc thiện, chẳng có việc thiện nào lớn hơn việc này. Không chỉ có người học Phật nhìn thấy làm cho họ phát tâm muốn xuất ly; trong văn hóa đa nguyên những người chưa có dịp tiếp xúc với Phật pháp nhìn thấy cũng sẽ động tâm, cũng sẽ quay lại hết lòng học tập, đây là chuyện nhà Phật thường gọi là ‘phổ độ chúng sanh’. Hy vọng chúng ta khuyến khích lẫn nhau, hết lòng nỗ lực làm cho bằng được.

2. Kể chuyện vãng sanh (Buổi sáng 22-12-98)

Mọi người ở đây kết thất niệm Phật cần phải hiểu rõ ý nghĩa của việc kết thất niệm Phật. Trong bảy ngày này chúng ta hy vọng đạt được kết quả gì thì bảy ngày này mới chẳng luống uổng.

Chúng ta sinh sống trong thời đại hiện nay, nếu có trí huệ thì nhất định sẽ có cảnh giác cao độ. Con người sống trong thế gian bất quá chỉ được mấy chục năm ngắn ngủi, búng ngón tay thì đã trôi qua mất rồi, bình tĩnh quan sát mới biết đó chỉ là một con số không [to tướng], đây là sự thật. Sự hạnh phúc quý báu nhất của người ta trong đời là không tạo ác nghiệp. Nếu có thể không tạo ác nghiệp, tương lai nhất định sẽ sanh vào cõi lành, cõi tốt đẹp.

Người xưa nhắc nhở người tu hành như chúng ta cần phải có ‘tiền hậu nhân’. Tiền hậu nhân nghĩa là biết quá khứ, nhìn thấy tương lai, không chỉ tập trung ở hiện tại. Điểm này vô cùng quan trọng.

⁴⁰ (Nhất niệm tự tánh, thể nguyên trạm tịch)

⁴¹ (Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai)

Lúc Hàn Quán trưởng vãng sanh đã cho chúng ta rất nhiều bài học, **nhắc nhở chúng ta ‘tử sanh sự đại’ (việc sanh tử vô cùng quan trọng). Chúng ta cần phải có cảnh giác cao độ, đến lúc lâm chung tự mình phải làm chủ được mình, được như vậy thì tiền đồ mới xán lạn. Nếu lúc lâm chung tự mình không làm chủ được, phải chịu sự sắp xếp của người khác, cho dù có rất nhiều người lo lắng chăm sóc, nhưng những gì mình cảm xúc chưa chắc sẽ được toại ý. Đời sau đi về đâu đều quyết định ở một niệm cuối cùng. Một niệm cuối cùng là tham, sân, si thì sẽ đi vào ác đạo. Chuyện này để sợ vô cùng!**

Hàn Quán trưởng có phước báo, từ lúc sanh bệnh đến lúc vãng sanh được ba mươi mấy vị xuất gia có tâm địa thanh tịnh, suốt ngày đêm ở bên giường bệnh niệm Phật và chăm sóc; sau khi vãng sanh [họ trợ] niệm suốt bốn mươi chín ngày đêm không ngừng, ngay cả những vị xuất gia, đại pháp sư cũng không làm được việc này. Ngay cả lão cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung cũng sánh không bằng, lúc thầy Lý sanh bệnh chỉ là do vài người học trò chăm sóc, không có nhiều người xuất gia đắp y đầy đủ oai nghi giúp đỡ. Phước báo này là một nhân duyên hiếm hoi! Đây là quả báo của bà đã hộ trì chánh pháp suốt ba mươi năm, cho nên bà có thể vãng sanh Tịnh Độ một cách vô cùng thuận lợi -- trợ duyên quá thù thắng, tốt đẹp!

Suy nghĩ trở lại, tương lai lúc chúng ta vãng sanh có được duyên phận thù thắng như vậy hay không? Điều này chúng ta cần phải cảnh giác đến, đây thật là một việc lớn lao nhất trong đời này. **Trong trường hợp và hoàn cảnh hiện tại, phương pháp [an toàn nhất] là tự mình phải nhất quyết tu học cho được thành tựu, không cần nhờ người khác, lúc vãng sanh không bị bệnh khổ, dự biết trước thời giờ ra đi, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, nằm vãng sanh, tùy ý muốn của mình, đây là sanh tử tự tại, được vậy chúng ta mới không bỏ uổng đời này.** Mọi người tham dự Phật thất niệm Phật phải hiểu rõ, nắm chắc tông chỉ này, chúng ta đến đây là để huấn luyện thêm, học tập để tương lai tự tại vãng sanh.

Trong quyển Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện có ghi rất nhiều người tự tại vãng sanh, số người không được ghi chép lại còn nhiều hơn. Gần đây trong quyển Niệm Phật Luận của lão pháp sư Đàm Hư, Ngài nói đã chứng kiến tận mắt hơn hai mươi mấy người vãng sanh, [số người vãng sanh] nghe nói đến còn nhiều hơn. Trong quyển Niệm Phật Luận, Ngài thuật lại bốn chuyện vãng sanh, trong đó người xuất gia có pháp sư Tu Vô ở chùa Cực Lạc, Harbin (*miền Đông Bắc Trung Quốc*), người tại gia có cư sĩ Trịnh Tích Tân và người em của ông, người thứ tư là cư sĩ họ Trương ở chùa Trạm Sơn.

Pháp sư Tu Vô là một người cực khổ cả đời và mù chữ; trong pháp hội truyền giới ở chùa Cực Lạc thầy phát tâm giúp đỡ săn sóc cho người bệnh. Pháp hội truyền giới còn chưa kết thúc, thầy Tu Vô dự biết trước thời giờ đã đến, niệm Phật vãng sanh. Trước lúc vãng sanh ngài nhắc nhở đại chúng ‘*có thể nói mà không thể làm thì chẳng phải trí huệ chơn thật*’.

Cư sĩ Trịnh Tích Tân là một người làm ăn buôn bán, được dịp nghe lão pháp sư Đàm Hư thuyết pháp nên rất vui vẻ, tán thán. Sau này nghỉ buôn bán, học giảng kinh Di Đà, ông đi đến nhiều nơi giảng kinh và khuyên người niệm Phật. Ông không sanh bệnh, ngồi mà vắng sanh. Một hôm sau khi giảng kinh xong ông nói với đại chúng: ‘Tôi phải đi đây’, thật là siêu thoát! Thật là tự tại! Người em của ông lúc trước cứ cho rằng ông học Phật quá mê lắm, sau khi nhìn thấy ông tự tại vắng sanh nên tỉnh ngộ và cũng siêng năng, thật thà niệm Phật. Ba năm sau người em của ông cũng vắng sanh, lúc vắng sanh mang bệnh nhẹ.

Gia đình cư sĩ Trương ở chùa Trạm sơn vô cùng nghèo túng, chồng bà làm nghề kéo xe chở khách. Bà làm công quả trong những pháp hội niệm Phật ở chùa Trạm Sơn, cả ngày từ sáng đến tối Phật hiệu không gián đoạn. Bà dự biết trước ngày giờ vắng sanh, hôm đó bà dặn dò chồng phải chăm sóc cho con xong rồi an nhiên ngồi trên giường mà vắng sanh. Đây là tấm gương tốt cho những người học Phật chúng ta, không cần phải nhờ cậy người khác giúp đỡ, tự mình thiết nắm chắc [có thể tự tại vắng sanh].

Ngoài ra cụ Đàm [Hư] còn kể chuyện một học trò của lão pháp sư Đê Nhàn, ông này là thợ vá nồi và không biết chữ. [Người này là bạn chơi thân với lão pháp sư lúc nhỏ, đến xin xuất gia vì đời sống quá cực khổ, muốn tìm lối thoát. Sau khi cho ông xuất gia], cụ Đê [Nhàn] dạy ông đến một ngôi miếu đồ nát ở miền quê gần Ôn Châu, tìm vài người hộ pháp săn sóc [việc ăn uống] cho ông. Cụ Đê chỉ dạy cho ông niệm một câu ‘A Di Đà Phật’, dạy ông thật thà niệm câu Phật hiệu này, niệm đến mệt thì nghỉ, nghỉ ngơi xong thì niệm tiếp tục. Ông niệm trong vòng ba đến bốn năm thì thành công; ông đứng mà vắng sanh, còn đứng ba ngày sau khi vắng sanh [để đợi lão pháp sư Đê Nhàn đến lo hậu sự]. Thật là vô cùng tự tại! Cụ Đê khen ông: ‘So với những đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp, những vị phương trượng trụ trì, [sự thành tựu của] ông vượt trội hơn họ quá nhiều, quá nhiều!’

Phẩm vị vắng sanh của những người này không phải ở Trung phẩm, Hạ phẩm mà là ‘Thượng phẩm vắng sanh’ nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Họ có thể làm được là vì họ đã buông xả danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần. Ngày nay chúng ta làm không nổi là vì buông xả chẳng nổi những sự quyến rũ, khó là khó ở chỗ này. Nên biết danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần đều là giả hết, đã hại chúng ta đời đời kiếp kiếp kẹt mãi trong lục đạo luân hồi, đọa lạc trong ác đạo chịt hết bao nhiêu khổ nạn.

Cho nên mới nói người đời nay ‘ngu si’, không những không hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mà còn không có khả năng phân biệt những thứ tà chánh, thiện ác, lợi hại. Không biết tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần tai hại vô cùng; chỉ có buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật là việc thiện lớn nhất. Đây là lời kinh dạy: ‘*Đoạn dứt tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện*’, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của nó.

Trong đời này mỗi vị đồng tu có thể đạt được sự thành tựu thù thắng nhất hay không? Có thể. Thiện Đạo đại sư nói: *‘Chín phẩm vãng sanh đều là do gặp duyên chướng đồng’*. Chúng ta đã gặp được nhân duyên thù thắng, gặp được Phật pháp Đại thừa, gặp được Tịnh Tông, gặp được bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ, gặp được đồng tham đạo hữu tốt, nếu trong đời này không thể thành tựu thì đó là vì tập khí phiền não của mình quá nặng, cứ mỗi ngày tạo nghiệp như cũ.

Khi khởi tâm động niệm đều vì mình là tạo nghiệp. Ngôn ngữ gây tổn hại cho người khác, thị phi nhân ngã đều là khẩu nghiệp. Trong kinh Vô Lượng Thọ nói đến tam nghiệp, đặt khẩu nghiệp ở hàng đầu: *‘khéo giữ gìn khẩu nghiệp, đừng chê bai lỗi của người khác’* tức là cảnh giác chúng ta khẩu nghiệp quan trọng nhất, dễ phạm nhất. Nhìn thấy chúng sanh có lỗi làm điều không thể nói đến; nếu [người ta] không có lỗi mà mình đặt chuyện, và còn hoài nghi người ta có lỗi thì tội nghiệp này còn nặng hơn.

Người tu học còn chịu ảnh hưởng của phiền não tập khí [tích lũy] từ vô lượng kiếp đến nay nên thoái chuyển rất dễ dàng, tinh tấn rất khó khăn. Thế nên những vị đại đức, tổ sư ngày xưa đề xướng tu tập chung, kết Phật thất để cùng nhau niệm Phật, nương vào đại chúng để tu tập, đó là đạo lý của việc tu tập chung.

Niệm Phật Đường ở Tân Gia Ba càng ngày càng thù thắng, từ mùng một tháng Giêng đến 30 tháng Chạp (tháng 12), mỗi ngày niệm Phật 24 giờ đồng hồ không gián đoạn, đây là Phật thất [kéo dài] quanh năm. Giảng đường mỗi ngày giảng kinh hai giờ, 365 ngày trong năm không gián đoạn, thiết đứng là giải và hành đều quan trọng như nhau, đều cùng nhau tu Định và Huệ. Lão hòa thượng Tịch Độ ở Ngũ Đài Sơn, lão hòa thượng Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn, lão hòa thượng Minh Sơn ở chùa Định Huệ, Tiêu Sơn, Trung Quốc, đều tán thán đạo tràng này là ‘đạo tràng hạng nhất trên thế giới’.

Mọi người ở Cư Sĩ Lâm từ trên xuống dưới đều hòa thuận, ai cũng thường nở nụ cười tươi, chúng ta ở đây có thể nhìn thấy việc *‘thường sanh tâm hoan hỷ’* nói trong kinh. Hy vọng mọi người có cơ hội đến Tân Gia Ba tham học, đem phương pháp tu học ở đây phổ biến đến khắp nơi trên thế giới, để mọi nơi đều có thể xây dựng đạo tràng như vậy. Chúng ta nỗ lực hết lòng tu học, không những tự mình trong đời này nhất quyết vãng sanh, chúng ta còn có thể đem lại sự an định cho xã hội, hòa bình cho thế giới, đây là công đức chân thật, tự hành hóa tha nói trong nhà Phật. Hy vọng mọi người hãy siêng năng tinh tấn niệm Phật.

C. KHUYẾN TIN SÂU NHÂN QUẢ

1. Chư Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh đang bị khổ nạn như thế nào. (Buổi sáng 14-11-98)

Những năm gần đây, tai nạn ngày càng nhiều, đời sống chúng sanh ngày càng khổ, từ đây trở về sau sẽ càng nghiêm trọng hơn. Có người hỏi tôi: ‘Phật, Bồ Tát đại từ đại bi làm sao đến cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn?’. Những

lời nói này chẳng sai nhưng ý nghĩa chân chánh trong đó hoàn toàn bị hiểu sai. Chư Phật, Bồ Tát từ bi cứu độ, chẳng phải nói chúng sanh thiếu thốn đồ ăn, quần áo, Phật liền tặng lương thực, cho quần áo. Phật giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, làm cho chúng sanh hiểu rõ nguyên nhân của tai nạn, sau đó tiêu trừ nguyên nhân ấy, vậy thì quả báo tai nạn sẽ tiêu trừ, đó mới là chân chánh cứu độ chúng sanh. Muốn được hạnh phúc mỹ mãn, tự tại khoái lạc, những thứ này đều là quả báo, quả nhất định phải có nhân; Phật, Bồ Tát dạy chúng ta tu nhân, tu nhân thiện nhất định được quả thiện, ấy mới là đạo lý đúng đắn, cứu độ thực sự.

Lòng từ bi của Thế Tôn được biểu hiện trong cả đời của Ngài. Phật là Phước Huệ Nhị Túc Tôn, nghĩa là cả phước báo lẫn trí huệ đều viên mãn. Phước báo đã viên mãn thì tại sao chẳng thị hiện hưởng phước? Kinh Vô Lượng Thọ giảng người có phước báo lớn nhất trên thế gian này là Đại Phạm Thiên Vương, nhưng phước báo của Đại Phạm Thiên Vương còn chẳng sánh bằng phước báo của người vãng sanh về Cực Lạc hạ hạ phẩm. Từ đó chúng ta mới hiểu phước báo của Phật đích thật là chẳng ai trong thế gian và xuất thế gian có thể sánh bằng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ba chiếc y, một bình bát, ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đây là sự thị hiện đại từ đại bi. Người giàu sang trong thế gian ít ỏi, người nghèo khổ nhiều, nếu Phật thị hiện thân phận người phú quý thì người nghèo khổ nhìn thấy Phật chỉ có ngưỡng mộ nhưng chẳng dám đến gần. Phật thị hiện bần tiện đến cùng cực, người bần tiện nhìn thấy Phật giống y như mình thì sẽ cảm thấy rất thân thiết nên tâm sẽ bình. Đây là sự đại từ đại bi của Phật, chúng ta phải thể hội điểm này.

Nếu những người học Phật đều giàu sang, cao quý, chỗ ở đều giống hoàng cung, khi ra đường đều ngồi xe sang trọng, mặc tiền thì những người nghèo khổ nhìn thấy sẽ nghĩ ra sao? Đặc biệt là tiền tài, sự hưởng thụ của người xuất gia là do mười phương cúng dường, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật cũng chẳng hưởng thụ như vậy. Cả đời đức Phật chẳng cầu người ta, mỗi ngày trì bát khất thực thì cũng chỉ đi trong vòng bảy nhà mà thôi, nếu đi cả bảy nhà không được hoặc chẳng đủ thì ngày hôm đó sẽ nhịn đói một ngày; khi khất thực nhà thứ nhất mà đủ rồi thì sẽ chẳng đi xin ở nhà thứ hai. Sự thị hiện này là nhằm dạy chúng ta phải biết đủ, thường vui, bình căn của người thế gian là chẳng biết đủ nên mới chiêu cảm đến vô lượng vô biên họa hại.

Học Phật tức là học tập theo Phật, bất luận là thân phận gì, bất luận làm ngành nghề gì, đều phải học tập tinh thần, quan niệm, từ bi của Phật, và lại phải thực hiện trong đời sống. Sanh hoạt của chính mình phải giản dị, chất phác, phải biết đủ, có dư phải chia sẻ với hết thảy chúng sanh cùng hưởng, đây là chỗ khác nhau giữa quan niệm của chư Phật, Bồ Tát và người thế gian; Phật, Bồ Tát có phước thì mọi người cùng hưởng, phạm phu có phước thì một mình hưởng, chẳng chịu phân chia cho người. Phật chẳng những chỉ dùng ngôn ngữ dạy dỗ chúng sanh, Ngài nói được làm được. Ngài thực sự nhìn thấu, nhìn thấu nghĩa là thông suốt hết tất cả lý sự, nhân quả trong thế gian và xuất thế gian. Ngài thực sự nhìn thấu, chẳng quyền luyện bất cứ một pháp nào trong thế gian và xuất thế gian,

danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần chẳng tiêm nhiễm một tí nào hết. Hiện nay có rất nhiều đồng tu cảm thấy nghiệp chướng của mình nặng nề, tai nạn quá nhiều, họ làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng, hóa giải tai nạn, thực ra đó chính là sự thị hiện trong suốt cả đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu chúng ta học được rồi, lợi ích vô lượng vô biên, chẳng những tai nạn trước mắt có thể tiêu trừ, nghiệp chướng tập khí từ vô thủy cũng có thể đoạn dứt.

Do đó có thể biết chúng ta học Phật đích thật là quá sơ ý. Phật pháp chẳng có bí mật, bày trước mắt chúng ta vô cùng rõ ràng, nhưng chúng ta nhìn không thấy, và cũng chẳng cảm được, đây là vì chúng ta nghiệp chướng sâu nặng. Mặc dù chúng ta đọc kinh, nghe kinh nhưng vẫn chẳng hiểu ý nghĩa trong kinh, chẳng thể thực hiện những lời dạy này và áp dụng vào trong đời sống hiện thực hằng ngày, cho nên chẳng đạt được lợi ích chân thật. Chúng ta chẳng thể trách Phật, Bồ Tát chẳng từ bi, chẳng thể trách Phật, Bồ Tát không giúp đỡ chúng ta; Phật, Bồ Tát thực sự có giúp đỡ nhưng chúng ta chẳng thể hội được, lại còn đánh mất cơ hội nhân duyên, lỗi này là ở tại chúng ta. Thế nên tự mình phải phản tỉnh, phải sám hối, phải học tập từ trong sự phản tỉnh và sám hối.

Khắc phục phiền não và tập khí của mình chính là tiêu nghiệp chướng. Phương pháp khắc phục rất nhiều, nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp là phương pháp, môn là cửa vào; cánh cửa khắc phục phiền não và tiêu trừ nghiệp chướng thì vô lượng vô biên. Trong vô lượng pháp môn này đức Thế Tôn nói với chúng ta Pháp Môn Niệm Phật là phương tiện nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, có hiệu quả nhất. Nhất định phải hiểu lý luận của sự niệm Phật thì sẽ chẳng hoài nghi, Phật hiệu có thể niệm đến có hiệu quả, có sức mạnh; sức mạnh tức là có thể tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn phiền não. Niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn phiền não hay không then chốt ở chỗ niệm đúng như pháp hay không, biết cách niệm hay không. Người biết niệm đúng như lý như pháp thì hiệu quả sẽ vô cùng thù thắng.

Bởi vậy chẳng những phải hiểu ý kinh mà còn phải ‘thâm giải nghĩa thú’, vì hiểu kinh giáo càng sâu, càng triệt để, thì lòng tin càng kiên định, lòng tin có thể chuyển cảnh giới. Kinh Kim Cang nói: *‘Tín tâm thanh tịnh ắt sanh thật tướng’*. Khi tín tâm thật sự thanh tịnh thì có thể chuyển thập pháp giới thành Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới chính là thật tướng. Có thể chuyển biến thập pháp giới thành Nhất Chân pháp giới chính là ‘cảnh chuyển tùy theo tâm’. Thế nên Phật cứu độ hết thảy chúng sanh bằng cách dạy cho họ tự chuyển cảnh giới, vì cảnh giới là do chính mình tạo thành nên chỉ có mình có thể giải quyết, bất cứ người nào khác cũng chẳng giúp được gì cả, chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng giúp được. Trong kinh Lăng Nghiêm [có ghi] khi tôn giả A Nan bị nạn, Phật cũng chẳng thể giúp ngài, Phật chỉ nói rõ tiền nhân hậu quả của sự gặp nạn này, sau đó dạy ngài làm sao hóa giải tai nạn, việc này vẫn phải do chính ngài hóa giải. Tự mình thông đạt hiểu rõ, chuyển tâm hạnh trở lại, tai nạn liền được tiêu trừ, cảnh giới liền chuyển biến.

Khởi một tâm niệm ác, cảnh giới thiện liền biến thành cảnh giới ác; khởi một tâm niệm thiện, cảnh giới ác liền biến thành cảnh giới thiện, rõ ràng nhất là thập pháp giới. Khởi một tâm niệm bình đẳng thì pháp giới Phật hiện tiền; khởi một tâm niệm Lục Độ thì pháp giới Bồ Tát hiện tiền; khởi một tâm niệm tham sân, một niệm thập ác, hoàn cảnh sinh hoạt sẽ là ngũ trược ác thế; khởi một tâm niệm thanh tịnh thì sẽ là thanh thái an ổn, chính là Cực Lạc thế giới. Phật thường nói: *‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, vì tướng là hư vọng nên tâm niệm mới có thể chuyển cảnh giới, và lại sự hư vọng này giống như ‘mộng, huyễn, bọt, bóng’.* Cho nên Phật nói: *‘Các thứ tâm sanh [nên] các thứ pháp sanh; các thứ pháp sanh, các thứ tâm sanh’*⁴², câu này nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Lại nói: *‘Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh’*, chân chánh có thể lý giải triệt để đạo lý này thì sẽ biết tâm chúng ta tướng như thế nào thì hoàn cảnh thế giới sẽ biến đổi như thế ấy; hoàn cảnh lớn sẽ thay đổi, hoàn cảnh nhỏ cũng sẽ thay đổi; dung mạo của chúng ta cũng sẽ thay đổi, thể chất sẽ thay đổi, tất cả hoàn cảnh sanh hoạt sẽ đều thay đổi, đây tức là *‘cảnh chuyển theo tâm’*. Cho nên chẳng có cảnh giới nào không thể thay đổi, không thể thay đổi là vì chẳng thấu triệt lý luận, chẳng rõ phương pháp, thêm vào chẳng có nhân nãi nên không được hiệu quả; nếu làm đúng như lý như pháp thì làm sao có chuyện không thay đổi được?

Chỗ thù thắng vi diệu của Phật pháp là hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian không thể nào so sánh nổi. Đời này chúng ta may mắn được thân người, được nghe Phật pháp, nếu có thể hiểu một chút nghĩa lý, nghĩa thú thậm thâm [vi diệu] này thì thiệt là rất hy hữu, rất khó được. Cho nên chúng ta phải nỗ lực hết lòng hết sức để tu học. Tu học tức là thực hành, làm ra hình dáng cho hết thấy chúng sanh nhìn thấy, đây là thực sự giúp đỡ hết thấy chúng sanh giác ngộ. Hình dáng là chiêu bài (bảng hiệu), chiêu bài tốt làm cho người ta thấy liền sanh hoan hỷ. Tướng hảo của Phật chẳng ai có thể sánh bằng nên khi Phật thuyết pháp chúng sanh tin tưởng. Chỉ cần tu học y theo lời dạy của Phật thì sẽ đạt được tự tại, viên mãn giống như đức Phật, đây chính là hiện thân thuyết pháp.

2. Nói về nhân quả và chuyển cảnh giới

(Buổi sáng 16-11-98)

a. Nói về nhân quả:

Sự nghiệp làm ăn của cư sĩ họ Thôi ở vùng Đông Bắc rất thành công, lúc kinh tế suy thoái mà tiền tài vẫn tiếp tục tăng trưởng không ngừng, rất nhiều người chẳng hiểu được nhân tố này. Nếu khế nhập kinh tạng đôi chút thì sẽ hiểu rõ, hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng vượt ra ngoài định luật nhân quả. Nhà Phật nói: *‘pháp duyên sanh’*, chẳng những thập pháp giới đều là pháp do nhân duyên sanh, Phật pháp cũng là pháp do nhân duyên sanh. Thế nên kinh Kim Cang nói: *‘Pháp còn phải xả, hà huống là phi pháp’*, ngay cả Phật pháp cũng

⁴² *(Chúng chúng tâm sanh, chúng chúng pháp sanh; chúng chúng pháp sanh, chúng chúng tâm sanh)*

chẳng được chấp trước. Phạm những pháp do nhân duyên sanh đều chẳng có tự tánh, đúng là *'Thế ngay lúc đó là không, trọn chẳng thể được'*⁴³, đây là chân tướng sự thật.

'Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không', tại sao nhân quả chẳng không? Hãy lấy thí dụ trái đào, hột đào là nhân, hột đào trồng dưới đất sẽ lớn thành cây đào, lúc đó hột đào mất đi rồi; cây đào lớn lên lại kết quả thành trái đào, đây là nhân quả tuần hoàn. Thế nên *'nhân quả chẳng không'* là nói nhân quả tương tục - tiếp nối chẳng không, chuyển biến chẳng không. Phật, Bồ Tát dạy hết thấy chúng sanh là vì muốn chúng ta hiểu đạo lý này, nắm chắc chân tướng sự thật thì sẽ được đại tự tại. Trong kinh thường nói: *'cảnh chuyển theo tâm'*. Kinh Lăng Nghiêm nói: *'Nếu chuyển được cảnh thì cũng đồng như Như Lai'*. Phật, Bồ Tát hiểu nhân quả chuyển biến chẳng không, tiếp nối chẳng không, vả lại vận dụng hết sức khéo léo nên các ngài có thể chuyển biến cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển, đây chính là việc chúng ta phải học.

Người hiện nay cứ mê mẩn chạy theo tiền tài, bạn tranh tôi đoạt, làm cho thiên hạ đại loạn. Tranh đoạt thiệt có thể kiếm được tiền tài hay chẳng? Không thể nào! Chỉ có đau khổ thêm mà thôi, Phật pháp nói đó là tạo nghiệp. Giết người thì phạm giới sát sanh, đoạt lấy tài vật của người khác là phạm tội ăn cắp, cứ tạo ra những ác nghiệp giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, thì làm sao đem lại quả báo tốt lành cho được? Người thế gian ngu si nên tạo ra tội nghiệp cực nặng. Phật dạy chúng ta giàu sang là do bố thí tài vật mà ra, tiền tài của cư sĩ họ Thôi cũng là do bố thí tài vật mà có được. Đòi quá khứ tu bố thí tài vật thì đời này sẽ được giàu sang, được giàu sang mà còn tu bố thí tài vật tiếp tục thì tiền tài sẽ đến ào ạt. Cho dù trong thời gian kinh tế suy thoái, tiền tài vẫn không ngừng tăng thêm, chuyện này chứng minh cho lời Phật dạy chẳng sai.

Bố thí pháp được thông minh trí huệ, tôi có thể chứng minh cho mọi người. Lúc còn trẻ tôi chẳng phải là người thông minh, ngày nay đối với Phật pháp và thế pháp chỉ cần tiếp xúc thì tôi liền hiểu rõ, đây là quả báo có được do ngày nào cũng tu bố thí pháp trong suốt bốn mươi mấy năm học Phật.

Bố thí vô úy thì được khỏe mạnh sống lâu. Bố thí vô úy là gì? Ăn chay tức là bố thí vô úy, đây là vun trồng tâm từ bi và tâm thương yêu. Năm hai mươi sáu tuổi tôi bắt đầu học Phật, nửa năm sau bắt đầu ăn chay trường cho đến bây giờ. Hồi đó người coi bói nói tôi đoản mạng, tôi rất tin và nghĩ là tôi chẳng có lý do gì để sống lâu. Tư tưởng và hành vi của tôi hồi còn trẻ rất giống với ông Viên Liễu Phàm, khuyết điểm của ông ta tôi đều có đủ, ưu điểm của ông tôi chẳng có, tôi chẳng bằng ông, chẳng có phước lớn như ông. Thế nên nhất định phải biết bố thí là nhân, giàu sang, trí huệ, khỏe mạnh sống lâu là quả báo.

Nói thực ra khỏe mạnh sống lâu chẳng cần thuốc men, tắm bổ. Người thế gian cho rằng bảo dưỡng sức khỏe bằng thuốc men có thể làm cho một người được khỏe mạnh sống lâu, đây là mê hoặc điên đảo, nếu thiệt có hiệu quả thì định

⁴³ (*đương thế tức không, liễu bất khả đắc*)

luật nhân quả chẳng phải đã bị lật đổ rồi sao? Đáng sống lâu thì dù chẳng chú trọng dinh dưỡng vẫn sống lâu; đáng đoán mạng cho dù mỗi ngày đều tắm rửa thì vẫn đoán mạng, đây mới là chân lý.

Nói đến đoàn thể thì Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba và Tịnh Tông Học Hội phát khởi việc xây dựng Làng Di Đà, xây Phật Học Viện cần phải có thật nhiều tiền bạc, trong tình trạng kinh tế hiện nay quyền góp tiền bạc vô cùng khó khăn. Tại sao đoàn thể này trong thời gian rất ngắn có thể tích tụ lại một số tiền tương đối khả quan? Đó là bố thí chẳng phải vì mình, vì hết thấy chúng sanh, vì xã hội an định hòa bình, vì Phật pháp an trụ lâu dài trong thế gian, tâm chánh hạnh chánh, phát tâm chân thành xây dựng đạo tràng thì có sẽ cảm ứng. Cũng giống như kinh Lăng Nghiêm có nói: *‘phát ý viên thành’*, khi vừa phát chân tâm liền viên mãn công đức, cảm ứng liền hiện tiền.

b. Chuyển cảnh giới:

Người học Phật tuy nghe thuyết pháp như vậy nhưng vẫn chẳng tin tưởng, vẫn chạy theo vọng tưởng chấp trước của mình nên cảnh giới trước sau gì cũng chẳng chuyển nổi; nếu có thể tin tưởng lời dạy của đức Phật, y giáo phụng hành thì tự nhiên sẽ có thể chuyển cảnh giới. Chuyển được thù thắng nhất là chuyển phàm thành thánh, đây là ‘đại đạo’; chuyển bần cùng thành phú quý trong Phật pháp thuộc về ‘tiểu đạo’, việc này quá dễ. Chuyển ngũ trược ác thế thành quốc độ thanh thái thì chẳng dễ dàng; chuyển Sa Bà thành Cực Lạc càng khó hơn! Dù cho khó khăn nhưng vẫn có thể làm được thì chuyện dễ làm chẳng cần bàn tới. Cho nên mục đích của việc học Phật là nhằm lìa khổ được vui, nếu chúng ta chẳng thể chuyển cảnh giới thì vĩnh viễn phải chịu khổ, chịu nạn.

Có chẳng ít bạn đồng tu tu học rất gian khổ, càng khổ hơn lúc chưa học Phật trước kia, nguyên nhân là vì họ chẳng hiểu lý luận của việc tu học, tu chẳng đúng như lý, chẳng đúng như pháp. Tu học Phật pháp tức là chuyển biến cảnh giới, làm thế nào biến bần cùng thành phú quý, chuyển hỗn loạn thành an định, nếu chẳng hiểu đạo lý và phương pháp thì chẳng thể chuyển được. Nếu biết được đạo lý, biết phương pháp, tu học đúng như lý như pháp thì tự nhiên sẽ chuyển biến cảnh giới được. Phật pháp thường nói: *‘chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn’*, chúng ta ứng dụng trong đời sống, không có một cảnh giới nào chẳng thể chuyển được. Nguyên tắc chung, đạo lý lớn lao này chính là *y báo, chánh báo trang nghiêm ‘duy tâm sở hiện, duy thức sở biến’*.

Phật cũng nói: *‘Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh’*, cho nên tâm phải tướng đến chuyện thiện, đừng tướng chuyện ác. Thiện là như thế nào? Ác ra làm sao? Lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội là thiện; lợi ích cho chính mình, gia đình mình, đoàn thể nhỏ của mình là ác. Tại sao vậy? Niệm niệm đều vì mình và cái vòng tròn vây quanh mình, đó là phân biệt chấp trước, đã biến Nhất Chân pháp giới vốn có thành thập pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi, biến thành tình hình hiện nay. Chúng ta muốn thoát ra ngoài cảnh khốn khổ này thì chỉ có thể giải quyết nơi tâm lượng. Nếu chẳng nghĩ tưởng cho mình, gia đình mình, và chẳng

tưởng cho cái đoàn thể nhỏ nhỏ của mình thì chấp trước sẽ bị phá tan. Niệm niệm đều vì hư không pháp giới hết thấy chúng sanh thì phân biệt sẽ bị phá trừ. Khi hết chấp trước thì lục đạo sẽ chẳng còn nữa; hết phân biệt thì thập pháp giới sẽ chẳng còn nữa, sẽ khôi phục lại Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là vũ trụ sanh thái tự nhiên; sanh thái tự nhiên tốt đẹp nhất. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước phá hoại sanh thái tự nhiên. Đến lúc phân biệt và chấp trước vô cùng nghiêm trọng thì hoàn cảnh sanh thái của địa cầu chúng ta sẽ bị phá hoại, cho nên khí hậu toàn thế giới sẽ chẳng bình thường, chúng sanh đều chẳng có cảm giác an toàn. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là căn nguyên của việc phá hoại sanh thái tự nhiên. Chỉ có Phật pháp Đại thừa giải thích việc này rõ ràng, thấu triệt.

Các tầng lớp lãnh đạo trong chánh phủ Úc Châu đang tìm kiếm phương pháp làm cho xã hội an định, hòa mục nhân quần. Làm thế nào dung hòa các chủng tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau thành một thể, làm cho những người cư trú ở Úc Châu tôn trọng, quan hoài, và hợp tác lẫn nhau, tạo nên xã hội phồn vinh, nhân sanh hạnh phúc. Cách suy nghĩ và mục tiêu này tức là truy tìm sự hòa hợp của đa nguyên văn hóa, hy vọng đạt đến xã hội an định, thế giới hòa bình, người người tôn trọng lẫn nhau.

Người ta ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm, nếu chúng ta có thể nhìn ưu điểm của người ta thì trong thế gian này ai cũng là người tốt; nếu chỉ nhìn khuyết điểm thì ngay cả Phật, Bồ Tát cũng chẳng phải là người tốt, thế nên tốt xấu đều tại nơi một niệm. Ngẫu Ích đại sư nói: *‘Cảnh duyên chẳng có tốt xấu, tốt xấu ở tại tâm’*. Hiểu được nguyên lý nguyên tắc này thì có thể chuyển cảnh giới. Chư Phật, Bồ Tát, chư thiên, thiện thần hiểu được đạo lý này cho nên cảnh giới của họ càng chuyển càng tốt thêm. Phạm phu chẳng hiểu đạo lý này, chuyên nhìn khuyết điểm của người khác, chuyên nói xấu người khác cho nên cảnh giới càng chuyển càng xấu, đời sống càng ngày càng khô. Chúng ta đọc kinh Phật nên biết được những chân tướng sự thật này, quan sát kỹ càng hoàn cảnh của chúng ta mới biết câu nào của Phật nói đều là chân lý, câu nào cũng là lời chân thật. Chỉ cần chúng ta hết lòng nỗ lực tu học thì nhất định có thể sáng tạo tương lai tốt đẹp.

D. HIỂU RÕ GIÁO DỤC PHẬT ĐÀ

1. Mục đích của giáo dục Phật Đà

(Buổi sáng 17-11-98)

Mục đích của giáo dục Phật Đà là dạy cho mọi người thành Phật. Trong thập pháp giới thì pháp giới Phật là chân thật, rốt ráo, viên mãn; chư Phật Như Lai khởi dụng⁴⁴ thì xưng là Bồ Tát. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Bồ Tát làm ‘người bạn chẳng rời bỏ’ của hết thấy chúng sanh, chỉ cần các ngài nhìn thấy, nghe

⁴⁴ Khởi dụng là từ báo thân thị hiện trong các cõi, các loài thực hiện mọi sự hóa độ, tiếp dẫn, cứu tế.

đến, thì nhất định sẽ dang tay ra giúp đỡ, chủ động giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn.

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba phát tâm rộng lớn muốn lập Phật Đà Giáo Dục Học Viện. Trước hết phải hiểu giáo dục Phật Đà bồi dưỡng những người như thế nào, mục tiêu đó là gì. Đây là một giáo dục đặc biệt, hoàn toàn khác với giáo dục thế gian, giáo dục thế gian là giáo dục nhân đạo, thuộc về giáo dục của pháp giới Người trong thập pháp giới. Giáo dục Phật Đà là giáo dục của pháp giới Phật, Bồ Tát trong thập pháp giới, đây là việc chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Từ đó có thể biết pháp giới Phật bao gồm thập pháp giới mà pháp giới Người chẳng bao gồm thập pháp giới.

Đời người vô cùng ngắn ngủi, nhất định phải nắm chắc [cơ hội này], phải từ pháp giới Người nâng cao lên đến pháp giới Phật, Bồ Tát thì công đức tu học mới kê là viên mãn. Giáo học của chúng ta cũng đặt căn bản trên quan niệm này, giúp cho con người nâng cao cảnh giới, đó là giáo dục Phật Đà. Giáo dục Phật Đà chẳng giống với giáo dục thế gian, mục tiêu chung cực của giáo dục thế gian là nhằm đạt được danh văn lợi dưỡng, hưởng thọ ngũ dục lục trần. Mục đích của giáo dục Phật Đà là hoàn thành đức hạnh của mình, thành tựu trí huệ viên mãn của mình, sau đó tình nguyện phục vụ cho xã hội, phục vụ cho chúng sanh. Những gì người thế gian đeo đuổi thì Phật, Bồ Tát hoàn toàn buông bỏ, buông xuống, vì người giác ngộ hiểu được truy cầu danh văn lợi dưỡng, hưởng thọ ngũ dục lục trần tất nhiên sẽ dẫn đến cạnh tranh, cạnh tranh đến sau cùng là đấu tranh. Chư Phật, Bồ Tát hy vọng hết thảy chúng sanh đều có thể tôn trọng, kính ái, quan hoài, và hợp tác lẫn nhau; muốn đạt đến lý tưởng ấy thì nhất định phải buông bỏ đấu tranh, muốn buông bỏ đấu tranh thì trước hết phải buông bỏ cạnh tranh. Hiện nay trong tâm người nào chẳng có cạnh tranh, chẳng có đấu tranh? Tâm như vậy thuộc về pháp giới của tam ác đạo.

Nếu người tu hành còn chịu sự dụ dỗ của cảnh giới, vẫn còn bị quỷ thần phá rối thì tâm đạo ở đâu? Kinh nói với chúng ta chân chánh quy y Tam Bảo phải từ ‘mê, tà, chánh’ quay đầu lại, nương vào ‘giác, chánh, tịnh’, bất luận có trải qua hình thức quy y hay chẳng thì thần hộ pháp đều bảo hộ. Các sách [khuyến] thiện trong thế gian đều nói: *‘Một người có tâm địa đôn hậu, tâm thiện hạnh thiện, thì sẽ có rất nhiều thiên thần, quỷ thần hộ vệ’*; cho dù chẳng học Phật, chẳng có thọ nhận Tam Quy thì cũng có thần hộ pháp bảo hộ. Lý do thần hộ pháp bảo hộ là vì tôn kính đức hạnh của những người ấy, là tự nhiên cảm động đến hộ trì. Giới kinh nói thọ ngũ giới thì sẽ có hai mươi lăm vị thần hộ giới ngày đêm giữ gìn, hộ trì. Thế thì làm sao có thể bị quỷ thần, yêu ma quỷ quái đến phá rối cho được? Từ đó có thể biết chỉ thọ Tam Quy và Thọ Giới trên hình thức thì đều là giả, vậy mà cứ cho là mình rất hiền hách, nhưng quỷ thần lại khinh chê.

Ấn Quang đại sư là tấm gương tốt của chúng ta, ngài thị hiện cho chúng ta coi, ngài cũng phải trải qua tu học trong thời gian dài. Truyện ký có ghi lúc ngài trên bảy mươi tuổi, thì muỗi mòng, kiến, bọ chét ở chỗ ngài cư trú đều tự động dọn đi chỗ khác, chẳng dám khuấy nhiễu ngài. Tại sao chẳng dám khuấy nhiễu

ngài? Vì tôn kính ngài. Chúng ta nghĩ coi tại sao ngài có thể cảm động lục đạo chúng sanh mà chúng ta làm chẳng được? Vì chúng ta chẳng buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm luân hồi cứ tạo ra nghiệp luân hồi y như cũ, ai chịu tôn trọng? Niệm niệm đều hy vọng vãng sanh Tịnh Độ, chỉ có một nguyện vọng này mà thôi, có thể đạt được hay chẳng thì chưa biết. Có nguyện thì nhất định phải có hạnh, dùng hạnh để thực hành nguyện, [được vậy] thì nguyện vọng mới viên mãn.

Có chẳng ít bạn đồng tu bị cảnh giới chuyển nên tôi đặc biệt nhắc nhở mọi người chúng ta nhất định phải có khả năng chuyển cảnh giới. Khí phận trong môi trường hoàn cảnh chẳng tốt, chúng ta phải có khả năng chuyển biến khí phận xấu thành khí phận tốt, từ trường chẳng tốt thành từ trường tốt, đây là công phu tu học có chút đắc lực rồi. Nếu mình trong cảnh giới ấy không thể chuyển thì sẽ chẳng có khả năng giúp đỡ người khác, nói giúp đỡ người ta chỉ là nói suông mà thôi. Thế nên trước hết phải học tập nhìn thấu, buông xuống, phải thấy thấu suốt ‘vạn pháp giai không’. Kinh Kim Cang dạy: *‘Phàm hết thấy các tướng đều là hư vọng’*⁴⁵, tại sao phải trong tướng hư vọng này đi phân biệt, tính toán? Tất cả hết thấy hiện tượng, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, thuận tâm và chẳng thuận tâm đều là vọng tưởng. Nếu bạn có thể nhìn thấy rõ ràng, minh bạch rồi thì bất luận là cảnh nghịch hay thuận, tâm đều bình tịnh, đích thực dùng thanh tịnh, bình đẳng, giác để đối xử với mọi người, chẳng tiêm nhiễm mảy may nào hết, yêu ma quỷ quái sẽ chẳng đến kẻ bên thân bạn được. Có ngã chấp thì sẽ có thân thể, chẳng có ngã chấp thì chẳng có thân thể, đây là đạo lý tại sao quý thần chẳng thể đến sát thân bạn được. Nếu niệm niệm đều còn rơi vào ‘ta, người, chúng sanh, thọ giả’, bạn chẳng thiện thì quỷ thần sẽ dọa bạn, phá khuấy bạn.

Từ xưa đến nay, những người học Phật đều tu học y theo kinh Kim Cang, Tông Môn xưng kinh này là đốn giáo chẳng phải là không có đạo lý. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ nếu y chiếu nguyên lý nguyên tắc trong kinh Kim Cang để tu học thì nhất định sẽ vãng sanh thượng thượng phẩm, sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Chúng ta phát tâm xuất gia, xuất gia tức là *‘học làm thầy của người, hạnh làm gương cho đời’*⁴⁶, chúng ta phải hết lòng học tập những đạo lý phương pháp nói trong kinh Kim Cang. Vì chúng ta chẳng thật thà, kinh Kim Cang có thể giúp chúng ta đạt đến thật thà niệm Phật, thật thà làm người, thật thà làm việc. Tham thấu kinh Kim Cang rồi, người trở nên thật thà rồi, thật thà tức là Phật, Bồ Tát. Thật thà thì sẽ chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nữa, nếu vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chẳng thật thà.

Tổ sư đại đức trong Tịnh Tông dạy chúng ta ‘thật thà niệm Phật’, hai chữ ‘thật thà’ (*lão thật, chắc thật*) này chẳng dễ làm được, những người làm được thì đời này quyết định sẽ vãng sanh thượng phẩm. Người có thiện căn, phước đức sâu dày, chẳng cần tu cũng thật thà, họ vừa nghe lời Phật dạy thì thực sự buông

⁴⁵ (*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*)

⁴⁶ (*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*)

xuống vạn duyên, đối với ngũ dục lục trần, danh văn lợi dưỡng trong thế gian chẳng còn để ý đến nữa, hoàn toàn buông bỏ hết tất cả những điều thị - phi, nhân - ngã. Có người phải tu thì mới thật thà, còn chúng ta đã học xong những vẫn chưa thật thà, đây là vì nghiệp chướng tập khí sâu nặng. Nhất định phải chuyển cảnh giới trong hoàn cảnh sanh hoạt, niệm niệm tự nhắc nhở mình, hết lòng nỗ lực tu học, thực sự buông xuống vạn duyên thì mới tiêu trừ nghiệp chướng được.

Tiến trình hoàng pháp ở nơi đây rất thuận lợi, đây là oai thần Tam Bảo gia trì. Chư Phật, Bồ Tát chiếu cố chúng ta đến như vậy, nếu chúng ta chẳng hết lòng, chẳng nỗ lực thì làm sao chẳng có lỗi với quý ngài? Mỗi ngày đều niệm ‘Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ’, nếu hai câu này chẳng thể thực hiện thì sẽ có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với thiên long thiện thần hộ pháp. Chúng ta tự mình tu học và sau này thành tựu Phật Học Viện, nhất định phải y theo lời giáo huấn trong kinh điển, bắt đầu làm từ chính bản thân mình. Học trình là bảy năm, ‘bảy’ là một con số viên mãn, hy vọng trong bảy năm này, chúng ta tối thiểu cũng phải giống ‘Vô Lượng Thọ Phật’. Chúng ta chẳng thể đạt đến Phần Chứng Vị, ít nhất cũng phải làm đến Tương Tự Vị, có thể chúng đến Tương Tự Túc Phật trong Thiên Thai Lục Túc Phật thì mới chẳng có lỗi đối với Phật, Bồ Tát. Có thể đạt đến Phần Chứng Vị là tốt nhất, Phần Chứng Vị tức là Pháp Thân Đại Sĩ, trong Viên Giáo là Sơ Trụ Bồ Tát, Biệt Giáo là Sơ Địa Bồ Tát; Tương Tự Vị là Biệt Giáo Tam Hiền Bồ Tát, Viên Giáo Thập Tín Vị Bồ Tát. Cho nên mọi người phải nỗ lực, hướng đến mục tiêu này thì sẽ có thể siêu phàm nhập thánh.

2. Tam Quy Y (Buổi sáng 23-11-98)

‘**Quy Y Phật, Nhị Túc Tôn**’, chữ nhị là chỉ trí huệ và phước đức. Phật thuyết pháp cho chúng sanh đặc biệt chú trọng phước đức, đây cũng là ứng cơ thuyết pháp, vì hết thấy chúng sanh chẳng có ai không mong cầu phước báo. Phước báo khi chưa kiến tánh thì nhất định phải dựa vào tu đức; sau khi kiến tánh thì là ‘tánh tu bất nhị’ (*tánh đức và tu đức chẳng hai*). Cho nên đối với phần lớn người ta mà nói thì tu phước vô cùng quan trọng. Địa phương nào có nhiều người tu phước thì nhất định sẽ quốc thái dân an, đời sống sung túc. Lời dạy tu phước trong kinh rất nhiều, phải thể hội kỹ càng, hiểu rõ triệt để thì sẽ biết làm thế nào tu học mới có thể đạt được quả báo vừa ý. Trong nhà Phật thường nói ‘Có cầu ắt ứng’, lời này chân thật chẳng giả dối. Nhưng cầu thì có lý luận và phương pháp để cầu, đúng như lý như pháp mà cầu thì nhất định sẽ được thấu hoạch; nếu chẳng tương ứng với lý luận và phương pháp của sự cầu thì chẳng thể mãn nguyện.

Phước báo cùng người hưởng là phước báo chân thật, phước báo hưởng riêng một mình rất dễ biến thành họa hại. Cổ đức hiểu rõ đạo lý và sự thật này cho nên lúc tạo ra chữ Họa (禍) và Phước (福) làm hình tượng của hai chữ này rất giống nhau, là hy vọng chúng ta có thể cảnh giác, đừng biến phước thành họa. Cổ thánh tiên hiền tuy đã cảnh cáo nhưng trong lịch sử Trung Quốc rất nhiều chuyện phước biến thành họa xảy ra; hiện nay trên thế giới những chuyện thật như vậy chẳng thể nào đếm hết, người thật sự có tâm cảnh giác vẫn chẳng nhiều,

đúng như lời trong kinh nói chúng sanh ngu muội, vô tri, chẳng những coi kinh chẳng hiểu, nghe giảng giải chẳng hiểu, chân tướng sự thật bày trước mặt cũng chẳng hiểu. Phật giảng về ‘tam chuyển pháp luân’ gồm có: thị chuyển, khuyên chuyển, chứng chuyển⁴⁷; chứng chuyển tức là đem chân tướng sự thật bày trước mặt chúng sanh, nếu vẫn chẳng hiểu thì Phật cũng chẳng có cách chi hết. Người như vậy trong kinh gọi là ‘nhất xiển đề’, tức là người chẳng có thiện căn.

Hiện nay những người chẳng có thiện căn rất nhiều, vả lại họ đều là người có phước báo, có phước báo mà chẳng có thiện căn, phước sẽ biến thành họa hại. Họa hại thì không chỉ có người này chịu nạn mà thôi, rất nhiều người khác phải chịu chung, nghiệp chướng của họ tạo càng nghiêm trọng thì quả báo càng dễ sợ. Người học Phật tin sâu nhân quả tuy nhìn thấy rất rõ ràng nhưng cũng chẳng làm gì được, vì ngay cả Phật cũng chẳng làm gì được, chúng ta đương nhiên chẳng có cách chi. Ngay lúc này việc chúng ta duy nhất làm được là tự độ, tự mình giúp mình thoát ly cảnh khổ nạn, đây là người thông minh. Đây cũng là những gì Phật, Bồ Tát dạy chúng ta.

Gần đây có vài vị đồng tu đã vãng sanh, đa số đều có tướng lành, nhìn thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, những người này làm chứng minh cho chúng ta, làm cho lòng tin của chúng ta tăng trưởng. Họ có thể tự tại an tường vãng sanh là phước báo to lớn, nguyên nhân [họ có thể tự tại vãng sanh] là vì họ có thể buông xuống. Thế nên ‘vạn duyên buông xuống’ là chuyện quan trọng nhất của chúng ta hiện nay, chuyện gì cũng buông xuống được, tâm khai ý giải, thì có thể tiêu tai miễn nạn. Chỉ có buông xuống thì mới có thể chân chánh làm được nhất tâm hướng Phật. ‘Nhớ Phật niệm Phật, hiện giờ tương lai, nhất định thấy Phật’⁴⁸, đây là công khóa trước mắt quan trọng nhất của chúng ta. Chúng ta phải chuẩn bị đàng hoàng, tiêu trừ những nhân tố của việc niệm Phật không được đắc lực thì niệm Phật sẽ được đắc lực, thì sẽ đạt được công phu thành phẩm, thậm chí đến công phu nhất tâm bất loạn, đây mới là phước báo chân chánh, trí huệ chân thật.

‘Quy y Pháp, Ly Dục Tôn’. Dục tức là ngũ dục lục trần. Chẳng thể tiêu trừ trần duyên trong tâm tức là chướng ngại to lớn. Những việc chẳng vừa ý do trần duyên đem đến là căn nguyên của hết thảy tai họa, cho nên Phật dạy chúng ta phải xa lìa trần duyên. Xa lìa không phải là chẳng muốn, kinh Đại thừa nói khi chư Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp có thiên nhân cúng dường, ca múa, giống y như người thế gian. Thế nên chúng ta phải hiểu Phật dạy chúng ta xa lìa nghĩa

⁴⁷ Thị Chuyển: Phật dạy người lợi căn: đó là Khổ, tánh bức bách; đó là Tập, tánh chiêu cảm; đó là Diệt, tánh có thể chứng; đó là Đạo, tánh là có thể tu, làm cho họ vừa nghe liền ngộ. Khuyên Chuyển: Phật dạy người trung căn: đó là khổ, người nên biết; đó là Tập, người nên đoạn; đó là Diệt, người nên chứng; đó là Đạo, người nên tu, làm cho người nghe tin thọ phụng hành.

Chứng Chuyển: Phật dạy người độn căn vẫn chẳng thể tin giải nên mới bảo họ rằng Phật đã chứng, đó chẳng phải giả. Đó là Khổ, ta đã biết; đó là Tập, ta đã đoạn; đó là Diệt, ta đã chứng; đó là Đạo, ta đã tu, làm cho người nghe dứt trừ nghi hoặc.

⁴⁸ (*Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, nhất định kiến Phật*)

là xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đã đoạn trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sự hưởng thọ ngũ dục lục trần là tùy duyên; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước còn chưa đoạn trừ mà hưởng thọ là phan duyên. Chư Phật, Bồ Tát tùy duyên, nếu có thiên nhân đến cúng dường thì rất tốt, Bồ Tát biến hóa đến cúng dường cũng rất tốt, tuyệt chẳng có tơ hào lưu luyến, đây là sự hưởng thọ chân chánh, sự hưởng thọ như vậy tuyệt đối chẳng có tai nạn.

Cái gọi là ‘*sáu căn thanh tịnh, mây trần chẳng nhiễm*’ là lúc cảnh giới hiện tiền, sáu căn [cũng] thanh tịnh, chẳng phải là lúc xa lìa trần duyên, sáu căn mới thanh tịnh, đây là phương pháp tu học của Tiểu thừa. Lúc tiếp xúc cảnh giới thì tâm lại loạn lên, lại khởi vọng niệm, như vậy là chẳng có công phu. Khi đối diện với cảnh giới mà có thể tập thành ‘*thanh tịnh chẳng nhiễm*’ đòi hỏi có trí huệ cao độ. Kinh Kim Cang nói: ‘*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*’, câu này phải thường nhớ đến, đây là công phu quán chiếu. Khi gặp cảnh giới vừa khởi tâm động niệm liền nhớ câu ‘*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*’ thì tâm sẽ bình trở lại. Gặp cảnh thuận chẳng khởi tâm tham luyến, gặp cảnh nghịch chẳng khởi tâm sân khuê, biết tất cả đều là giả. Cho nên phải bắt chước Phật, Bồ Tát du hí thần thông trong thế gian, mục đích là giúp cho hết thảy chúng sanh giác ngộ, giúp người khác tức là giúp chính mình, mình và người không hai (*tự tha bất nhị*). Tu phước phải bắt đầu từ những chỗ này.

‘**Quy y Tăng, Chúng Trung Tôn**’. Chúng là đoàn thể. Tăng đoàn là đoàn thể đáng được tôn kính nhất trong thế gian và xuất thế gian. Vì đây là đoàn thể tu học ‘Phật pháp’; Phật là đại giác, Pháp là ly dục, ly dục là xa lìa hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên chẳng có đoàn thể nào có thể hơn được. Chúng ta phải hiểu, phải học tập, phải làm cho bằng được! Giới điều của Lục Hòa Kính là Kiến Hòa Đồng Giải, Giới Hòa Đồng Tu, Thân Hòa Đồng Trụ, Khẩu Hòa Vô Tránh, Ý Hòa Đồng Duyệt, Lợi Hòa Đồng Quân, đây là [giới điều] Phật chế định ra cho những người chẳng triệt để hiểu rõ, chẳng chịu làm thực sự. Người có thể triệt để hiểu rõ, thực sự dụng công tu học thì tự nhiên phù hợp với Lục Hòa Kính và sẽ chẳng cần những giới điều này. Nếu chúng ta chẳng đạt đến trình độ hiểu rõ triệt để thì Lục Hòa Kính đối với chúng ta vô cùng quan trọng, có thể làm tăng thượng duyên cho chúng ta, giúp chúng ta đi trên con đường ngay thẳng, đây là từ bi và thiện xảo phương tiện của đức Phật, chúng ta nhất định phải y giáo phụng hành.

3. **Giáo - Lý - Hạnh - Quả** (*Buổi sáng 28-11-98*)

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thế Tôn nói đến thế chủ hộ trì chánh pháp một cách tường tận. Chánh pháp là gì? Như Lai nói đến ‘Giáo - Lý - Hạnh - Quả’, [Giáo - Lý - Hạnh - Quả] được xưng là chánh pháp. Sau khi Phật diệt độ, chúng đệ tử đem những lời Phật nói chép thành văn tự gọi là kinh điển. Những lời nói và văn tự này tức là ‘Giáo Pháp’, giáo pháp nói rõ về chân lý của vũ trụ nhân sanh, lý này là y cứ cho những gì Như Lai thuyết giáo pháp, cũng như kinh Bát Nhã gọi là ‘Chư Pháp Thật Tướng’, cho nên giáo lý có lý luận chính xác, viên

mãn, đây tức là ‘Lý pháp’. Nếu đời sống của hết thầy chúng sanh tương ứng với lý luận và chân tướng sự thật thì được gọi là chánh hạnh, và cũng tức là sanh hoạt của Phật, Bồ Tát. Ngược lại, nếu phản nghịch với chân tướng sự thật thì là tư tưởng, hành vi sai lầm. Sửa đổi cho đúng những tư tưởng và hành vi sai lầm để tương ứng với chư pháp thật tướng thì xưng là tu hành, đây là ‘Hạnh pháp’. Khi tư tưởng và ngôn hạnh của chúng ta tương ứng với chư pháp thật tướng thì có thể đạt được sự khoái lạc chân thật cứu cánh viên mãn trong cuộc sống, đây tức là ‘Chứng quả’.

Đây là sự cống hiến cho chúng sanh khi Như Lai xuất hiện trong thế gian. Đây là việc hết thầy chúng sanh vô cùng cần thiết, bất luận là chánh hạnh chúng sanh (tức là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn) hay là tà hạnh chúng sanh (tức là lục đạo chúng sanh) đều vô cùng cần thiết. Chư Phật Như Lai đem kinh nghiệm, phương pháp, và những lợi ích sau khi tu chúng của mình, chẳng dấu diếm mảy may gì để dạy dỗ hết thầy chúng sanh, đây chính là giáo dục Phật đà, tức là sự giáo học của đức Phật, thường được xưng là ‘Nền giáo dục chí thiện viên mãn của đức Phật đối với chín pháp giới chúng sanh’. Sự thị hiện và giáo học của đức Phật đối với hết thầy chúng sanh chẳng yêu cầu, đòi hỏi gì hết. Nhưng hiện nay có một số người giảng kinh thuyết pháp còn bán vé vào cửa, đây là ‘buôn bán Như Lai’, phá hoại hình tượng của Phật Giáo. Kinh Hoa Nghiêm nói đây là hiện tượng kỳ quái trong thời Mạt Pháp. Đức Phật là một người làm công tác nghĩa vụ giáo dục xã hội, ‘nghĩa vụ’ là chỉ có ‘hiến dâng’ chứ tuyệt chẳng có đòi hỏi, đây là chỗ Phật, Bồ Tát đáng cho người kính mến. Lúc đức Phật trụ thế Ngài sống một đời sống có tiêu chuẩn sanh hoạt thấp nhất, mỗi ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đó là để làm gương cho chúng sanh, làm mô phạm, chúng ta nên noi theo, học tập.

Phát tâm xuất gia làm đệ tử Phật phải gánh vác nguyện vọng giáo hóa chúng sanh của đức Phật. Trước hết phải hiểu rõ cái hình tướng, thân thể này là giả, chẳng phải định tướng, nếu chấp trước cái tướng này là nhất định, chấp cái tướng này là Ta thì vĩnh viễn sẽ không thể thoát ly luân hồi. Và lại cái chấp trước này cũng nhất định sẽ chẳng như nguyện vọng của bạn; sau khi chết đi nếu đọa vào cõi súc sanh thì sẽ hiện thân súc sanh, đọa cõi naga quý thì sẽ hiện thân naga quý, chẳng giống cái thân bây giờ; cho dù sanh đến cõi người hiện thân người thì cũng sẽ thay đổi mặt mày, đó là sự thật. Thế nên nhất định chẳng nên chấp trước, nhất định buông bỏ phân biệt và chấp trước. Chư Phật Như Lai chẳng có thân tướng cho nên mới có thể tùy loại hóa thân, chúng sanh có cảm thì Phật sẽ thị hiện ứng hóa. ‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng’, Tướng thiên biến vạn hóa, Tướng có Dụng chẳng có Thể cho nên nhất định đừng chấp trước.

Tướng là giả, Phật thuyết pháp cũng là giả, Phật chẳng có định pháp gì để nói, Phật chẳng có pháp gì để nói. Phật thuyết pháp hoàn toàn căn cứ vào căn bệnh của chúng sanh, tùy theo chứng bệnh mà cho thuốc; căn bệnh của chúng sanh sai khác muôn vàn cho nên Phật đều ứng cơ thuyết pháp. Chúng ta học thuyết pháp cứ cho pháp là định pháp, nhất định phải dùng một cách nào để nói thì là sai

rồi. Pháp có nguyên lý nguyên tắc nhất định, nhưng chẳng có phương pháp nhất định, nên Phật giảng kinh là dựa trên nguyên lý nguyên tắc nhất định. Những người kết tập kinh tạng tuy nói là học trò của Phật nhưng thật ra đều là chư Phật Như Lai ứng hóa đến, đúng như câu ‘*Một vị Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ*’, vì vậy các ngài kết tập kinh tạng có thể theo đúng nguyên lý nguyên tắc nói trên. Cho nên khi người chân chánh lãnh ngộ mở cuốn kinh ra, mỗi chữ mỗi câu đều linh hoạt sống động, nói ngang nói dọc gì cũng chẳng trái ngược với nguyên lý và nguyên tắc, đây là chánh pháp.

Chánh pháp tức là ‘*Giáo - Lý - Hạnh - Quả*’, chánh giáo, chánh lý, chánh hạnh, chánh quả chỉ cần chẳng trái ngược, bất luận thuyết pháp như thế nào đều xưng là chánh pháp. Nhưng trong kinh dạy chúng ta ‘*chánh pháp*’ nhất định phải xây dựng trên cơ sở của ‘*chánh hạnh*’, nếu chẳng có chánh hạnh thì sẽ chẳng có chánh giải. Cho nên muốn làm được ‘*Tín - Giải - Hành - Chứng*’ thì phải thực hiện được ‘*Giáo - Lý - Hạnh - Quả*’, đó chính là ‘*Tín - Giải - Hành - Chứng*’.

Trong quá trình này phải có một sự nhận thức chính xác, nhận thức tận hư không trọn khắp pháp giới đều là chính mình, thế nên khi đối xử với hết thảy chúng sanh thì niệm niệm phải vì lợi ích chúng sanh. Phạm phu tu học chẳng thể khế nhập là vì niệm niệm đều vì cá nhân mình, chẳng nghĩ đến người khác. Chư Phật, Bồ Tát niệm niệm đều vì chúng sanh, chẳng vì mình, vì tận hư không trọn khắp pháp giới tức là chính mình, hết thảy chúng sanh đều là chính mình, trên từ chư Phật Như Lai, dưới đến chúng sanh trong A Tỳ địa ngục đều là chính mình. Thí dụ thân thể chúng ta là do vô số tế bào tạo thành, tế bào tốt, tế bào khỏe mạnh ví như Phật, Bồ Tát, tế bào hư xấu, tế bào có bệnh ví như tam ác đạo, hết thảy đều trong một thân thể, chẳng có tế bào nào xa lìa thân thể. Cho nên vì chúng sanh mới là chân chánh vì chính mình, chỉ vì mình mà buông bỏ chúng sanh thì là sai lầm quá đỗi.

Từ đó chúng ta mới hoằng nhiên đại ngộ, Phật vì hết thảy chúng sanh tức là chân chánh vì chính mình; nhà Phật nói về ba thân, đây là Pháp Thân. Báo Thân là trí huệ, triệt để giác ngộ minh bạch là Báo Thân. Sau đó dốc toàn tâm toàn lực phục vụ hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh giác ngộ, giúp đỡ hết thảy chúng sanh hồi đầu cũng ví như giúp đỡ thân thể của mình, trong thân thể nào có bệnh đau thì liền chữa trị. Có thể nhận thức hư không pháp giới là một thể thì quan niệm của chúng ta đối với hết thảy người, sự, và vật sẽ hoàn toàn biến đổi.

Niệm niệm vì hết thảy chúng sanh, niệm niệm vì sự hạnh phúc của toàn thể tức là chân chánh vì mình. Đối người, đối sự, đối vật sẽ từ từ tương ứng với ‘*thanh tịnh, bình đẳng, giác*’; khi tương ứng thì sẽ là Bồ Tát, tương ứng viên mãn thì sẽ thành Phật. Một niệm tương ứng này cũng giống như một tế bào kiện toàn rồi, vĩnh viễn sẽ chẳng sanh bệnh nữa. Cho nên chúng ta nên thương yêu đoàn thể, thương yêu thế giới, thương yêu hết thảy chúng sanh, như vậy thì tâm lượng tự nhiên sẽ mở rộng. Khi tâm lượng mở rộng thì chân tâm bản tánh sẽ hiển lộ, vô lượng trí huệ đức năng sẽ tự nhiên hiện tiền. Cho nên quý trọng sự dạy dỗ của

Phật Đà, hết lòng nỗ lực tu học sẽ có thể khôi phục lại trí huệ đức năng sẵn có trong tự tánh.

4. Sứ mạng của Giáo dục Phật đà trong thế kỷ hai mươi mốt

Bài giới thiệu sáng lập Tập San Giáo Dục Phật Đà (Buổi sáng 13-12-98)

Thế giới ngày nay đã đi đến thời đại dân chủ, tự do, mở rộng; thông tin phát đạt, giao thông thuận tiện nhanh chóng, địa cầu hình như đã biến thành một thôn xóm – thôn địa cầu, việc này nói rõ nhân dân cư trú trên quả địa cầu này giao thiệp với nhau ngày càng thêm mật thiết, gần gũi. Quan hệ gần gũi như vậy thì từ từ sẽ phát sanh xung đột và mâu thuẫn giữa các đoàn thể chủng tộc, các truyền thống văn hóa chẳng đồng, các phương thức sinh hoạt, hình thái ý thức, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau, đây là một hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng này phải dùng phương thức thích hợp để tiêu trừ thì mới có thể đạt đến mức đoàn thể chủng tộc, văn hóa đa nguyên tôn trọng, quan hoài, và kính ái lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cùng chung sáng tạo phước lợi xã hội cho toàn thể văn minh nhân loại đa nguyên, đây là mục tiêu chung của các tầng lớp lãnh đạo toàn thế giới và các thân hào nhân sĩ hướng đến.

Sự giáo học của Phật pháp được kiến lập vì vấn đề này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta có Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thế giới tân hưng (*mới xây dựng*) do đức Phật A Di Đà kiếp lập, nơi đó cũng đề xướng dân chủ, tự do, mở rộng, hoan nghinh bạn bè thuộc các đoàn thể chủng tộc bất đồng, cùng chung chí hướng, đạo hiệp, đến từ bốn phương tám hướng, di dân đến địa khu ấy để cùng nhau sinh hoạt, tuy họ khác nhau nhưng cũng có những điểm giống nhau, điểm tương đồng chẳng trở ngại dị biệt, tương đồng và dị biệt chẳng hai, nhiều màu nhiều sắc, đẹp chẳng thể tả, tán thán kính trọng lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cùng chung khai phát Cực Lạc thế giới, cho nên những đoàn thể chủng tộc tụ tập ở địa khu ấy phức tạp hơn địa cầu rất nhiều. Họ đã thông qua giáo dục trí huệ cao đẳng nên đạt được mục đích ấy. Trong kinh Hoa Nghiêm, Hoa Tạng thế giới của Tỳ Lô Giá Na Phật cũng giống như vậy! Thiên đường chẳng phải là một đoàn thể cộng đồng đa nguyên văn hóa hay sao! Chúng ta quan sát kỹ đức Phật Thích Ca, đức Phật A Di Đà, Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Thượng Đế làm thế nào để đối diện với hiện thực, giải quyết những vấn đề này. Chúng ta có thể rút tĩa khảo thị từ trong đó, khai mở trí huệ xong thì sẽ biết làm thế nào giải quyết vấn đề của chúng ta.

‘Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, việc giáo học phải đi đầu’⁴⁹, người giác ngộ chân chánh biết chúng sanh tức là chính mình, thế nên Phật, Bồ Tát đều coi pháp giới như nhà mình, nên sự giáo hóa có thể hiện thành cõi nước an lạc.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đức Phật nói với chúng ta ‘Phật sở hành xứ’ tức là những địa phương được đức Phật giáo hóa, có thể đạt đến hiệu quả này chăng?

⁴⁹ *Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*

*‘Nước, ấp, làng xóm không nơi nào chẳng được Phật giáo hóa’*⁵⁰, quốc gia, địa khu, thành thị, thôn trang, hết thảy chỗ ở của chúng sanh chẳng đồng đoàn thể chúng tộc được sự giáo hóa của đức Phật, đều thay đổi lòng dạ hẹp hòi của họ, mở rộng tâm lượng, bao dung hết thảy, hòa đồng hết thảy, lại có thể chẳng làm hoại hết thảy, từ từ có thể đạt được hiệu quả ‘thiên hạ hòa thuận’, và cũng tức là hết thảy mọi người khác chúng tộc đều có thể đối xử hòa mục, tùy thuận lẫn nhau, hiện nay gọi là *‘hoàn cảnh chuyển theo tâm chúng sanh’*. Nếu người người ai cũng có thể biết đủ, chỉ lấy những gì mình cần mà thôi, tuyệt đối chẳng vượt quá phận mình, chẳng xâm phạm người khác, như vậy thì thiên hạ sẽ được hòa thuận. Những đoàn thể chúng tộc khác nhau trên quả địa cầu đều có thể chung sống hòa bình, thuận theo quy luật thiên nhiên, nhân tâm trở nên lương thiện, người đối xử với người phải chân thành, tuyệt chẳng gian dối, tâm địa của người nào cũng thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, đầy đủ trí huệ, lòng yêu thương; hoàn cảnh cư trú của chúng ta tự nhiên sẽ trở nên *‘mặt trời, mặt trăng trong sáng, mưa thuận gió hòa, tai họa ôn dịch đều chẳng sanh’*⁵¹. Cho dù chẳng thể cắt đứt hết thảy hoạn nạn thì nhất định cũng sẽ hòa hoãn, giảm bớt.

Người Trung Quốc chú trọng phong thủy, phong thủy tức là hoàn cảnh cư trú của chúng ta, đích thật chuyển biến theo tình cảm, tư tưởng con người, đó chính là cảnh tùy tâm chuyển. Người xưa nói: *‘người có phước cư ngụ ở đất phước’*⁵², cũng là đạo lý này. Bởi vậy nên chúng ta cần phải biết cách tu phước, tích phước, sau đó mới được quốc thái dân an, tai họa do người gây ra có thể vĩnh viễn tiêu trừ. Chúng ta tuân theo đạo đức, đề xướng nhân nghĩa, hy vọng có thể đạt đến người người đều hiểu lý, đều có thể nhường nhịn, đối xử theo lễ với nhau, tránh khỏi cạnh tranh.

Cạnh tranh chẳng phải là một việc tốt, đến sau cùng nhất định sẽ sanh ra xung đột quyền lợi, chẳng nhường nhịn lẫn nhau, vậy thì tai nạn do người tạo ra sẽ chẳng thể tránh khỏi. Từ những môi giới thông tin chúng ta biết được hiện nay các nơi trên thế giới tai nạn dồn dập, và lại mỗi năm càng nghiêm trọng hơn trước, ngày càng nghiêm trọng hơn trước, hơn nữa chẳng có dấu hiệu giảm bớt, đây là một chuyện lớn làm cho cả nhân loại âu lo. Nếu mọi người muốn tiêu trừ thiên tai nhân họa thì phải biết sự quan trọng của lễ nhường và nhường nhịn. Phật nói với chúng ta đó chẳng phải chỉ làm lợi ích cho mình mà cũng là lợi ích xã hội, lợi ích cho hết thảy chúng sanh trong thế gian. Nếu chỉ biết vì lợi ích của mình thì nhất định sẽ gây hại cho người khác, gây hại cho kẻ khác thì sẽ kết oán thù với chúng sanh. Sanh mạng này chẳng phải chỉ có một đời mà thôi, mà là vĩnh hằng, nếu những oán thù này chẳng thể hóa trừ, oan oan tương báo, [oan trái dây dưa] chẳng bao giờ dứt. Cho dù đời này chẳng tạo ra tai nạn to lớn, sau này lúc nhân

⁵⁰ (*Quốc ấp khuru tu, mị bất mông hóa*)

⁵¹ (*nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi*)

⁵² (*phước địa phước nhân cư*)

gặp duyên thì kiếp nạn từ trước đến giờ chưa có vẫn sẽ xảy ra, đây là tự làm tự chịu, cho nên chúng ta phải hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Tôi hy vọng tập san này sẽ có thể dùng tông chỉ Phật pháp hiện đại hóa, bản địa hóa để khuyến đạo người ta đối xử hòa mục, tuyên dương giáo nghĩa Đại Thừa, đạt đến mục tiêu đa nguyên văn hóa cùng tồn cùng vinh. Cũng giống như lời kinh dạy: *‘Mạnh chẳng bức hiếp yếu, ai cũng được lợi ích’*⁵³, nếu chúng ta có thể thiết thực thực hiện quan niệm này, và phát triển rộng ra thì tập san này sẽ thành công. Tôi tin tưởng nó sẽ thực sự công hiến cho thời đại này, hy vọng mọi người chúng ta vì mục tiêu này cùng nhau khích lệ.

5. Cảm tưởng sau khi thăm viếng Hội Giáo (Buổi sáng 16-12-98)

Chúng tôi đã đi thăm viếng viện dưỡng lão và cô nhi viện của những người Hội Giáo; phương pháp quản lý, tinh thần làm việc, thái độ thành khẩn của họ làm cho người ta kính phục. Trên phương diện kỹ thuật, họ lợi dụng máy vi tính dạy học, học sinh nhỏ nhất mới có bốn tuổi. Do đây có thể biết họ đối với việc truyền bá giáo nghĩa còn làm hoàn hảo hơn chúng ta nhiều, có nhiều chỗ đáng cho chúng ta học tập. Đặc biệt là tinh thần đoàn kết, tập trung lực lượng là chẳng có đoàn thể nào khác có thể sánh bằng. Điều thứ ba trong Tam Quy Y là ‘Quy y Tăng, chúng trung tôn’. Chúng là đoàn thể, Tăng đoàn là đoàn thể đáng được người tôn kính nhất trong những đoàn thể của thế gian và xuất thế gian vì Tăng đoàn làm được ‘Lục Hòa Kính’. Chúng tôi thấy những người đạo Hội này tuy chẳng có điều lệ Lục Hòa Kính nhưng sự đoàn kết và cách làm của họ phù hợp với Lục Hòa Kính, việc này đáng để cho chúng ta phản tỉnh.

Đối với hết thầy sự lý, nghiệp nhân quả báo nhìn thấy được rõ ràng nhất, triệt để nhất là chư Phật, Bồ Tát. Đó là *‘người đương sự thì mê, người bàng quan thì sáng suốt hơn’*⁵⁴. Chư Phật, Bồ Tát là người bàng quan, chẳng phải là người trong cuộc nên họ có thể nhìn thấy rõ ràng. Người trong cuộc có phân biệt, chấp trước, người bàng quan chẳng có phân biệt, chấp trước, hết thầy đối với họ chẳng liên can. Do đó có thể biết nếu muốn đạt được trí huệ giống như chư Phật, Bồ Tát, thì nhất định phải làm người bàng quan, và cũng tức là phải buông xuống phân biệt, chấp trước; đối với hết thầy sự lý, cảnh duyên, nghiệp nhân quả báo mới có thể rõ ràng, thấu triệt, mới biết xử lý công việc như thế nào.

Chân tướng sự thật rất ráo chính là *‘vạn pháp đều là không’*, người trên trời nói với Hồng lão cư sĩ ‘Đến cũng không không, đi cũng không không’, đó là chân tướng sự thật rất ráo. Ý nghĩa của hai chữ ‘Đến’ và ‘Đi’ là chỉ cho sự sanh diệt của tâm niệm, tâm niệm sanh tức là ‘đến’, diệt tức là ‘đi’, đến - đi đều là trong vòng sát na. Hiểu rõ ý tứ này thì đương lúc đó sẽ là ‘không không’. Phật pháp giảng về tam không – nhân ngã không, pháp ngã không, không cũng không, sau cùng ngay cả chữ không này cũng ‘không’ luôn, tức là ngay cả tâm niệm

⁵³ (cường bất lãng nhược, các đắc kỳ sở)

⁵⁴ (đương cục giả mê, bàng quan giả thanh)

‘không’ cũng chẳng thể phân biệt, chấp trước. Phân biệt không, chấp trước không thì vẫn chẳng không, vì vẫn còn cái ‘tâm niệm không’ này, cho nên mới nói ‘cái không này’ cũng phải không. Đoạn hết sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng sẽ hiện tiền, sẽ đạt được trí huệ giống chư Phật, Bồ Tát.

Đại Thừa giáo nói có ‘Tướng’, có thể thọ dụng. Nhưng phải hiểu ‘có’ này là huyền có, Dụng cũng chẳng chân thật, vì Thể Tánh là không. Thể là tịch tịnh, tịch tịnh tức là chân không. Sâu la vạn tượng, y chánh trang nghiêm đều dựa vào nó mà sanh khởi, Duy Thức Tam Tánh nói ‘Y Tha Khởi Tánh’⁵⁵, chân không, tịch tịnh là ‘Viên Thành Thật Tánh’⁵⁶. Nhất định phải hiểu được Viên Thành Thật thì mới hiểu được Y Tha Khởi. Sau đó mới biết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là ‘Biên Kế Chấp’, biên là biên kiến, kế là phân biệt, chấp là chấp trước. Buông bỏ Biên Kế Chấp thì Y Tha Khởi sẽ chẳng chướng ngại, do đó ‘lý sự vô ngại, sự sự vô ngại’

Chúng ta đối với hết thầy pháp trong thế gian và xuất thế gian đều lọt vào phân biệt, chấp trước mà chẳng biết buông xuống, đây chính là mê, chướng ngại trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, làm cho nó chẳng thể hiện tiền, do đó chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức chẳng ai không khuyên chúng ta buông xuống. Buông xuống là phước, nhìn thấy thấu suốt là huệ. Phước huệ của Phật viên mãn nên được xưng là ‘Nhị Túc Tôn’. Triệt để buông xuống thì huệ mới viên mãn.

Tây phương có một cuốn sách nói con người từ lúc lọt lòng liền quan sát cha mẹ và những người xung quanh, chẳng hay chẳng biết dần dần dưỡng thành tập quán ưa thích không chế người khác và không chế hoàn cảnh, do đó sanh ra dục vọng đi cướp đoạt. Dục vọng này che phủ linh tánh của mình, làm cho đời sống cả đời này vô cùng đau khổ, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Tác giả cuốn sách này chẳng có học Phật, cũng chẳng đọc kinh Phật, nhưng những câu nói này rất có đạo lý. Đây là đoạn văn lưu lại từ vài ngàn năm trước ở Nam Mỹ châu.

Cho nên ưa thích không chế người khác, cướp đoạt đồ vật của người khác làm lợi ích cho mình là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Mê càng sâu, phiền não tập khí càng nặng, tạo ra tội nghiệp càng lớn, thì làm sao có lý chẳng thọ quả báo cho được? Nghiệp nhân quả báo là mấu chốt của sự chuyển biến trong thập pháp giới. Phật nói: *‘Phật pháp cũng do nhân duyên sanh’*. Phạm phu muốn thành

⁵⁵ Y Tha Khởi Tánh nghĩa là do nhân duyên nên sanh khởi hết thầy vạn pháp Ví dụ: Sợi dây thừng do chánh nhân là những sợi gai và những trợ duyên khác cùng tạo thành. Không còn có ý tưởng làm lẫn thì sợi thừng chính là sợi thừng, nhưng sợi thừng chẳng có thật tánh. Hễ các duyên chia lìa thì sợi thừng không còn. Còn gọi là ‘sanh vô tánh’ (Trích Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, Phẩm 17: Công Đức Của Áo)

⁵⁶ Viên Thành Thật Tánh tức là tánh chơn thật thành tựu viên mãn. Viên Thành Thật tánh còn gọi là Pháp Tánh, hoặc là Chơn Như, nó chính là thể tánh của hết pháp hữu vi. Chẳng hạn như thật tánh của sợi dây thừng là gai. Viên Thành Thật tánh là pháp dứt bật các đối đãi, lìa hết thầy tướng. Nếu thấy biết là gai thì lìa được cả tướng rắn lẫn tướng thừng. Còn gọi là ‘Thắng Nghĩa vô tánh’. (Trích Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, Phẩm 17: Công Đức Của Áo)

Phật thì phải chuyển biến, chuyển về mặt thiện nhất, làm cho tự tánh khôi phục viên mãn rốt ráo, lúc đó được xưng là thành Phật. Đức Phật độ chúng sanh là công việc này. Lúc nào chúng sanh giác ngộ, lúc nào gặp được duyên phần, mỗi người đều chẳng giống nhau. Chư Phật, Bồ Tát có trí huệ quán cơ, quán cơ là dùng ‘Căn Bản Trí’, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh, thiện xảo phương tiện là thuộc về ‘Hậu Đắc Trí’; biết thời tiết nhân duyên thành thực hay chưa, biết làm thế nào để tiếp xúc, làm thế nào thuyết pháp.

Không những chúng ta phải dùng Lễ để đối xử với các tôn giáo khác, đối với đồng tu học Phật cũng phải có lễ mạo. Mọi người tu học pháp môn khác nhau, nhất định phải tôn trọng lẫn nhau, chẳng thể phá hoại lẫn nhau. Nếu phá hoại lẫn nhau thì dù công phu tu học có tốt cách mấy cũng phải đọa tam đồ thọ quả báo. Đó chính là ‘*Thà khuấy động nước ngàn sông chớ khuấy động tâm của người tu đạo*’⁵⁷, phá hoại đạo tâm của người khác, không hay không biết thì đã tạo nên tội ‘phá hòa hợp tăng’, quả báo sẽ là ở A Tỳ địa ngục. Thí dụ nếu bạn đến đạo tràng Thiền Tông khuyên họ niệm A Di Đà Phật, tự cho là mình có công, thật ra là đã phạm một sai lầm rất lớn. Người ta tham thiền mấy chục năm gần thành công rồi, bạn lại đến phá hoại, đây là tạo tội nghiệp, chẳng có nhiều người biết được đạo lý này. Bởi vậy nên phần đông các đạo tràng chẳng dám tùy tiện mời pháp sư, đại đức để giảng kinh thuyết pháp là sợ họ chẳng biết quy củ, trái lại tạo ra tội nghiệp. Bất luận tông phái nào chỉ cần là pháp sư chân chánh biết quy củ, mời họ đến giảng kinh thuyết pháp, đối với đại chúng tuyệt đối có lợi ích. Pháp sư chân chánh biết quy củ sẽ biết tán thán đạo tràng của người khác, tán thán pháp môn của người khác, tán thán vị thiện tri thức chỉ đạo họ.

Tôi ở Hương Cảng giảng kinh năm 1977, pháp sư Thánh Nhất ở núi Đại Dự mỗi ngày đều đến nghe kinh, nghe xong rất hoan hỷ nên mời tôi đến thăm viếng chùa Bảo Liên. Đây là một đạo tràng Thiền Tông mỗi ngày có bốn mươi mấy vị tọa hương, còn có mấy vị xuất gia người ngoại quốc, vô cùng quý báu! Tôi giảng khai thị ở thiền đường từ đầu đến cuối chẳng đề cập đến một câu A Di Đà Phật nào cả. Tôi tán thán đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm, tán thán Thánh Nhất pháp sư là một vị thiện tri thức chân chánh, tán thán đại chúng là tăng đoàn hòa hợp. Thế nên Thánh Nhất pháp sư mới dám mời tôi đến giảng, thầy biết tôi là người hiểu quy củ, sẽ chẳng phá hoại đạo tràng, sẽ làm cho thính chúng tăng thêm lòng tin đối với pháp môn và thầy giáo.

Năm 1987 lần đầu tiên tôi đến Tân Gia Ba giảng kinh, pháp sư Diễn Bồi mời tôi đến đạo tràng của thầy giảng khai thị cho tín chúng. Pháp sư Diễn Bồi tu Di Lạc Tịnh Độ nên tôi tán thán Di Lạc Tịnh Độ, tán thán đạo tràng của họ, tán thán pháp sư. Tôi chẳng nói đến một câu A Di Đà Phật nào cả, và cũng chẳng nói Di Lạc Tịnh Độ chẳng bằng Di Đà Tịnh Độ.

Nếu tín chúng không có một phương pháp và mục tiêu tu hành nhất định nào cả thì chúng ta có thể khuyên họ niệm Phật. Nếu đã có pháp môn tu học thì

⁵⁷ (*Ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm*)

không nên thay đổi, thay đổi họ chỉ có thể nói lúc ở riêng nơi khác, nếu nói tại đạo tràng của họ thì sẽ phá hoại sự tu học, đây là tội lỗi rất lớn. Bởi vậy nên những pháp sư học giảng kinh nhất định phải hiểu lễ tiết.

Chúng tôi đến đạo tràng Hồi Giáo nhất định phải tán thán Thượng đế ‘Allah’ của họ, chẳng thể tán thán A Di Đà Phật. Cũng giống như đến nhà người khác thì phải biết tôn trọng chủ nhân, đây là đạo lý của người làm khách, và cũng là điều kiện căn bản của việc làm người. Nhất định phải biết tôn trọng người khác, thương yêu người khác, giúp đỡ họ, tuyệt đối chẳng thể phá hoại, vì thành tựu cho người khác chính là thành tựu cho mình.

Đức Thế Tôn đối đãi với những tôn giáo khác tuyệt đối chẳng khuyên họ buông bỏ tôn giáo của họ để đến cùng ngài tu học Phật pháp. Hành vi ấy cũng giống như khuyên họ bỏ cha mẹ để đi theo mình học, đó là sai lầm. Phật pháp được xây dựng trên cơ sở hiếu thân (*hiếu dưỡng cha mẹ*), sau khi học Phật thì càng phải hiếu kính cha mẹ hơn lúc trước, càng yêu thương Thượng Đế của bạn, càng yêu thương anh chị em của bạn, đó mới là Phật pháp. Bởi vậy nên Phật pháp được hết thầy trời người tôn trọng, Phật được xưng ‘Thế Tôn’ là vì đạo lý này. Chúng ta làm đệ tử của Thế Tôn chẳng được đi đâu cũng phá hoại người khác. Nhất định phải biết, phải học tập những thường thức cơ bản của việc xử sự, đãi người, tiếp vật này.

E. TRUYỀN BẢO THIỆN TÍN TẠI GIA

1. Làm thế nào để hướng dẫn quyến thuộc học Phật (*Buổi sáng 15-11-98*)

Khi các bạn đồng tu dùng pháp môn niệm Phật để hướng dẫn quyến thuộc học Phật nhưng gặp người nhà phản đối và chẳng tiếp nhận thì các bạn phải biết nhẫn nại, hết lòng niệm Phật, để cho người nhà nhìn thấy tận mắt những lợi ích, công đức niệm Phật thù thắng, khi họ đích thân thể hội được thì dần dần họ cũng sẽ được cảm hóa. Khuyên người nhà niệm Phật mà họ không chịu thì hãy nghĩ chắc tại mình chưa biểu hiện được hoàn hảo, chẳng thể làm cho người khác tâm phục khẩu phục, cho nên tự mình phải xoay lại hết lòng nỗ lực tu học.

Tuy phương pháp và đường lối tu học rất nhiều, có câu nói: ‘*Pháp môn vô lượng, đường nào cũng về đến đích*’⁵⁸, mục tiêu phương hướng đều giống nhau, mục tiêu chung cực đều nhằm thành tựu vô thượng đạo, tức là thành Phật. ‘Vô thượng đạo’ chính là trí huệ cứu cánh viên mãn. ‘Thành Phật’ chính là thành tựu trí huệ và phước đức viên mãn; người có trí huệ và phước đức đến mức rốt ráo viên mãn thì được xưng là ‘Phật’. Vô lượng vô biên pháp môn đều nhằm đạt đến mục đích này. Phật dạy nhiều phương pháp như vậy là vì căn tánh, sự ưa thích,

⁵⁸ (*Pháp môn vô lượng, thù đồ đồng quy*)

và dục vọng của hết thầy chúng sanh chẳng giống nhau, sự giáo học của Phật vô cùng hoạt bát, thiết giống như người xưa ví với ‘*đẩy chiếc bè thuận theo dòng nước*’, vì vậy nên tu học rất dễ dàng, rất dễ thành tựu, đây tức là ‘*ứng cơ thuyết pháp*’. Trong hết thầy các pháp môn, chư Phật Như Lai đặc biệt tán thán pháp môn Niệm Phật vì duy chỉ có pháp môn Niệm Phật mới được hết thầy chúng sanh căn tánh chẳng đồng tiếp nhận, chẳng hạn định một loại chúng sanh nào, cho nên phạm vi nhiếp thọ vô cùng rộng lớn, hiệu quả cũng vô cùng thù thắng.

Lý do của sự thù thắng này nằm ở chỗ nào? Trong kinh có nói đến sự khởi nguyên của vũ trụ, vạn vật, và sanh mạng. Đây là điều mà từ xưa đến nay những nhà khoa học, triết học, tôn giáo đầy đủ thông minh trí huệ đều mong muốn hiểu rõ nhưng chưa hiểu nổi. Đức Phật Thích Ca cũng vì việc này mà xuất hiện trong thế gian để giải đáp chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh cho chúng ta hiểu rõ. Phật nói sanh mạng là một thể sanh mạng to lớn. Phạm phu cho cái thân này là sanh mạng nhưng chẳng biết thân này không phải sanh mạng, thân này chỉ là sự biểu hiện ở trong một hình thái nào đó. Sanh mạng là vĩnh hằng, chẳng sanh chẳng diệt, còn thân này có sanh có diệt. Thí dụ sự biểu diễn trên sân khấu, người [nghệ sĩ] ví như sanh mạng, sự biểu diễn ví cho sanh diệt. Trên sân khấu người này chẳng có sanh; rời khỏi sân khấu người này chẳng có diệt. Nhưng nhân vật, vai trò đóng trên sân khấu khi lên sân khấu thì được sanh, rời khỏi sân khấu thì liền diệt. Thế nên sanh mạng là vĩnh hằng bất biến, sự biểu hiện của sanh mạng thiên biến vạn hóa. Sân khấu của chúng ta chính là thập pháp giới. Nếu đức Phật Thích Ca chẳng giải thích chân tướng sự thật này thì chúng ta làm sao hiểu nổi!

Hết thầy hiện tượng đến như thế nào? Phật nói: ‘*duy tâm sở hiện duy thức sở biến*’. ‘*Tâm*’ là bản tánh của tự mình, chính là sanh mạng chẳng sanh chẳng diệt; ‘*thức*’ là tác dụng của sanh mạng, lúc sanh mạng khởi tác dụng biến hiện ra vô lượng vô biên cảnh giới. Nhà Pháp Tướng Duy Thức giải thích định nghĩa của ‘*Thức*’ chính là liễu biệt, phân biệt. Từ đây có thể biết y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới là do tâm phân biệt biến hiện làm nên. Kinh nói: ‘*Hết thầy pháp từ tâm tướng sanh*’, ngàn ngữ thế gian nói: ‘*tâm tướng sự thành*’, ý tứ của câu nói này rất sâu xa. Ở đây thuyết minh thập pháp giới là do tâm tướng của chúng ta biến hiện ra, tướng cảnh giới gì liền biến ra cảnh giới ấy, đây chính là sanh mạng. Nếu chúng ta hiểu được ý nghĩa của câu này và tin sâu chẳng nghi thì mới thể hội được thâm ý của chư Phật Như Lai khuyên chúng ta tu pháp môn niệm Phật.

Trong những cảnh giới được hiện ra, pháp giới Phật trong thập pháp giới là viên mãn nhất, thù thắng nhất. Pháp giới Phật cũng là do niệm Phật mà thành, ‘*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*’. Cho nên Bồ Tát muốn thành Phật thì cũng phải niệm Phật. Chúng ta hiện nay niệm Phật là đi đường tắt làm Phật, chẳng đi đường quanh co. Pháp giới Phật cũng có nhiều thứ chẳng đồng, những thứ chẳng đồng này đều là do tâm niệm biến hiện ra. Trong truyện ký có ghi Thiên Thai Trí Giả đại sư đời Tùy, Đường là đức Phật Thích Ca tái lai nên lời của ngài cũng giống như lời của Phật Thích Ca đích thân nói ra. Ngài nói với chúng ta Phật

có bốn hạng, tức là [bốn hạng Phật thuộc] Thiên Thai tứ giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên, bốn hạng Phật này sai khác rất lớn. Tạng Giáo Phật và Thông Giáo Phật còn chưa kiến tánh, là địa vị cao nhất, phước báo lớn nhất trong thập pháp giới, nhưng vẫn chưa đột phá ra khỏi thập pháp giới. Biệt Giáo Phật phá mười hai phẩm vô minh, tương đương với địa vị Nhị Hạnh trong Viên Giáo, vẫn còn sai khác với Viên Giáo Phật rất nhiều. Vì địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát vẫn còn tám ngôi vị mới tu thành Thập Hạnh viên mãn; phía trên Thập Hạnh còn Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác rồi mới chứng đến quả vị Phật viên mãn. Chúng ta niệm A Di Đà Phật là trực tiếp chứng quả vị Viên Giáo Phật, vô cùng thù thắng; thế nên chư Phật, Bồ Tát chẳng có ai không tán thán pháp môn Niệm Phật, đây cũng là pháp môn hết thầy chư Phật đều tu.

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói có rất nhiều Bồ Tát muốn cầu được pháp môn này nhưng chẳng được, vì họ chẳng có cơ hội nghe và cũng chẳng biết có pháp môn này. Tại sao họ mong cầu pháp môn này? Chính là hy vọng chứng được quả vị Phật viên mãn sớm hơn. Đời này chúng ta gặp được pháp môn này là may mắn to lớn, vô cùng hiếm có! Nếu gặp được mà chẳng tin tưởng, chẳng hiểu rõ, chẳng thể y giáo phụng hành thì thiệt là rất đáng tiếc. Có cơ hội gặp được mà bỏ lỡ là một sự tổn thất, đáng tiếc vô cùng to lớn. Trong kinh Di Đà đức Thế Tôn xót lòng rất miêng khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta phải thể hội đến lòng đại từ đại bi của Như Lai.

Niệm Phật, niệm là tưởng, ngày ngày đều tưởng nhớ, tức là trong tâm thật sự có đức Phật A Di Đà, niệm niệm đều có A Di Đà Phật; có A Di Đà Phật chính là có tâm, nguyện, và hạnh của Phật A Di Đà. Nói một cách khác, đem kinh Vô Lượng Thọ làm tư tưởng hành vi của mình thì đó chính là thực sự niệm Phật. Niệm Phật chẳng phải là chỉ niệm ở ngoài miệng, niệm Phật ở ngoài miệng là tuyên truyền, là để niệm cho người khác nghe, để độ chúng sanh, có câu nói: *‘một khi lọt vào tai thì vĩnh viễn làm hạt giống đạo’*. Niệm Phật là ‘tâm, nguyện, hạnh’ phải giống y như Phật. Tâm của Phật là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; Nguyện của Phật là giúp đỡ hết thầy chúng sanh trong pháp giới sớm thành Phật đạo; Hạnh của Phật là thật sự làm, nguyện chẳng phải giả, chẳng phải nguyện suông, phải tùy phận tùy sức trong đời sống hằng ngày, tận tâm tận lực giúp đỡ hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ. Đây là sự nghiệp của hết thầy chư Phật, Bồ Tát, trong Phật môn gọi là ‘gia nghiệp Như Lai’, cũng chính là giúp đỡ hết thầy chúng sanh giác ngộ. Pháp phương tiện hạng nhất ở thế giới Sa Bà là khuyên đạo, dùng cách giảng kinh thuyết pháp để khuyên lớn mọi người, giúp đỡ mọi người khai ngộ, đây là ngôn giáo; kẻ đó là thân giáo, làm ra hình dáng cho chúng sanh nhìn thấy. Nếu có thể làm ngôn giáo và thân giáo viên mãn thì đương nhiên người nhà của bạn sẽ cảm động, sẽ tin tưởng.

Bởi vậy nên niệm Phật vô cùng quan trọng, công đức ấy vô lượng vô biên, vô cùng thù thắng; không những nghiệp chướng đời này có thể tiêu trừ, nghiệp chướng từ vô lượng kiếp về trước cũng có thể tiêu trừ. Hơn nữa tiêu trừ ngay

trong một niệm, ‘*một niệm tương ứng, một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*’.

Niệm niệm đều tương ứng cùng ‘chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi’, tức là tương ứng với Tâm của Phật.

Niệm niệm đều tương ứng với bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà tức là tương ứng với Nguyện của Phật.

Niệm niệm giúp đỡ chúng sanh thì tương ứng với Hạnh của Phật.

Vọng niệm là từ nghiệp chướng biến hiện mà thành, vọng niệm tức là nghiệp chướng. Bởi vậy nên niệm niệm của chúng ta đều là Phật thì vọng niệm sẽ không còn nữa, nghiệp chướng cũng sẽ tiêu trừ hết; lúc chẳng niệm Phật và có vọng niệm tức là nghiệp chướng hiện lên. Thế nên phải thường niệm Phật, chẳng thể gián đoạn thì nghiệp chướng mới tiêu trừ được. ‘*Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*’ thì công phu nhất định sẽ đắc lực, đây là bí quyết của việc niệm Phật.

2. Nói chuyện với Tịnh Tông Học Hội Mỹ Quốc (Buổi sáng 05-12-98)

Dương hội trưởng của Tịnh Tông Học Hội Mỹ quốc nhờ tôi dùng mạng lưới điện toán (internet) nói chuyện với mọi người và trực tiếp truyền hình. Lợi dụng kỹ thuật của mạng lưới điện toán, tôi ở Tân Gia Ba nói chuyện, toàn thế giới đều có thể nghe cùng một lúc, phương pháp này rất giống với lời nói trong kinh ‘*chẳng đời đạo tràng mà biến trọn khắp mười phương*’⁵⁹. Hiện nay giao thông nhanh chóng thuận tiện, thông tin phát đạt, đặc biệt là kỹ thuật của mạng lưới điện toán, ngay cả lúc đi du lịch, bất cứ ở lúc nào, nơi nào cũng có thể liên lạc đến cùng khắp thế giới, bởi vậy nên thế giới đã thu nhỏ lại.

Dùng Phật pháp để nói thì vốn chẳng có lớn - nhỏ vì không có một pháp nào chẳng xứng tánh, tánh đức chẳng có tương đối, cho nên trong kinh thường nói ‘*chẳng thể nghĩ bàn*’, đây đích thật là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới này ở ngay trước mắt chúng ta, nhưng vì tự mình ngu muội nên chưa phát hiện ra. Chư Phật, Bồ Tát đã phát hiện ra rồi, vả lại còn rõ ràng minh bạch cho nên quý ngài trụ ở trong Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và thập pháp giới là viên dung, chứ chẳng phải ngoài thập pháp giới có một cái Nhất Chân pháp giới, và cũng chẳng phải ngoài Nhất Chân pháp giới có thập pháp giới, trong kinh nói rất rõ ràng về đạo lý và sự thật này.

Hiện nay kỹ thuật tiến bộ, xã hội chẳng còn đóng kín nữa. Do đó chúng ta liên tưởng đến trong kinh Pháp Hoa có nói: ‘*Thời Mạt Pháp, pháp Đại Thừa khế cơ*’, đây đích thật là Thế Tôn có vô lượng trí huệ chân thật. Hiện nay bất cứ người nào suy nghĩ về vấn đề gì, nhãn quang đều phải hướng về hết thầy chúng sanh trên thế giới, tuyệt không thể chỉ nghĩ về một cá nhân, một đoàn thể, chúng ta phải nghĩ đến lợi ích chung của hết thầy chúng sanh trên thế giới, sự khảo lượng

⁵⁹ (*bất động đạo tràng, châu biến thập phương*)

như vậy mới chính xác. Nếu mỗi người chỉ nghĩ đến lợi ích riêng của mình thì nhất định sẽ phá hoại lợi ích của đoàn thể.

Tỉnh Tông Học Hội Mỹ quốc vài năm gần đây có thành tích rất khá. Đặc biệt là lợi dụng đài truyền hình để chiếu những chương trình giảng kinh, phạm vi truyền hình bao gồm hết vùng bắc Mỹ châu, đây là công đức vô lượng. Quý vị sẽ phát triển phạm vi đến khắp bắc Mỹ châu nên tâm lượng mỗi vị đồng tu phải mở rộng, bao trùm bắc Mỹ châu cũng chưa đủ, hy vọng có thể mở rộng đến tối thiểu là trùm khắp cả địa cầu, niệm niệm đều phải nghĩ đến sự an định và phồn vinh của cả địa cầu.

Các đoàn thể chủng tộc chẳng đồng, văn hóa khác nhau, phương thức sinh hoạt khác nhau, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau có thể tôn trọng, kính ái lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cùng nhau duy trì sự an định của xã hội, sáng tạo nên hạnh phúc mỹ mãn cho toàn thể nhân loại, quan niệm và nguyện vọng này là mục tiêu chung của bất kỳ nhà tôn giáo và người lãnh đạo của học phái nào. Chính phủ Úc châu đối với văn hóa đa nguyên vô cùng coi trọng, tại Queensland có một Cục Tôn Giáo Dân Tộc Thiểu Số, ông Cục trưởng Vu Lu vì muốn đạt đến mục tiêu này nên mỗi tháng đều tổ chức một buổi luận đàm đa nguyên văn hóa, mời những lãnh tụ tôn giáo và những người có tiếng tăm trong xã hội cùng nhau nghiên cứu thảo luận. Hơn nữa ở đại học Cát Lệ Phi Tư hoạch định xây một ‘Trung tâm hoạt động đa nguyên văn hóa’, mỗi tôn giáo đều được phân phối cho một nơi dành để tu đạo. Đại thánh đường của trung tâm hoạt động là một nơi tụ tập công cộng. Tôi đề nghị học hiệu đương cục thiết lập một ‘Sở nghiên tập đa nguyên văn hóa’, ‘nghiên’ là nghiên cứu, ‘tập’ là thực tập, thực tập nghĩa là phải làm. Nhà Phật nói: ‘*Giải hạnh tương ứng*’, Vương Dương Minh nói: ‘*Tri hành hợp nhất*’, nghĩa là không những phải biết mà còn phải làm nữa. Sở nghiên cứu học tập đa nguyên văn hóa là để bồi dưỡng nhân tài chuyên nghiệp, sứ mạng của những nhân tài này là nhằm hóa giải những sự mâu thuẫn, hiểu lầm, ngăn cách giữa những đoàn thể chủng tộc bất đồng văn hóa, làm cho tất cả chúng sanh đều hỗ trợ hợp tác, đối xử hòa mục, đây là một chuyện tốt, rất có ý nghĩa.

Phật dạy chúng ta phải phổ độ chúng sanh, câu thứ nhất trong tứ hoằng thệ nguyện là ‘*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*’, chúng ta đối với hết thảy chúng sanh không thể có tâm phân biệt, chấp trước, thành kiến, thiên vị. Nhà Phật nói: ‘Thiện lợi’, lợi nghĩa là phước lợi, phước lợi làm thế nào đạt đến tiêu chuẩn thiện? Phải tương ứng với quan niệm và sự thật của đa nguyên văn hóa, được vậy thì phước lợi này thiện, không những có thể tiêu trừ những tai hại do người gây ra mà còn có thể tiêu trừ những tai hại tự nhiên.

Trong kinh nói: ‘*Y báo chuyển theo chánh báo*’, chánh báo là tâm người, tâm người bình hòa (*bình tịnh, an hòa*) thì hoàn cảnh cư trú cũng chuyển biến theo. Những năm gần đây, địa cầu phát sanh rất nhiều biến hóa, đem lại rất nhiều tai hại tự nhiên. Nguyên nhân của việc này là tâm người biến đổi, trở thành tự tư tự lợi, tham sân si mạn mỗi ngày tăng thêm, nhân tâm và nhân tánh đều chẳng chánh thường (bình thường) nên hoàn cảnh cư trú cũng trở nên chẳng bình thường. Chân

chánh hiểu được nghĩa lý này thì phải khôi phục lại tâm bình thường, tâm bình thường chính là ‘tịch tịnh’, như đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ là ‘thanh tịnh, bình đẳng, giác’; trái nghịch với năm chữ này thì tâm của chúng ta sẽ chẳng bình thường, tâm đã bị bệnh rồi.

Kinh Vô Lượng Thọ nói đến y báo và chánh báo trang nghiêm của tây phương Cực Lạc thế giới, kinh Hoa Nghiêm cũng nói đến Hoa Tạng thế giới hoàn mỹ đến cùng cực. Tại sao hoàn cảnh sinh hoạt của họ tốt đẹp như vậy? Vì những người cư trú ở Hoa Tạng thế giới là bốn mươi một vị Pháp thân đại sĩ, tây phương Cực Lạc thế giới là ‘*noi những người thượng thiện tụ họp*’. Thế nên chúng ta phải nghĩ quả địa cầu này cũng biến thành Cực Lạc thế giới, Hoa Tạng thế giới, chỉ cần những người cư trú trên địa cầu chịu sửa đổi, ai cũng chịu tu thượng thiện thì sẽ làm được. Chẳng phải nhờ vào một người, hai người mà phải là mọi người cùng nhau làm việc này. Thế nên phải có người chân chánh phát tâm, đem những đạo lý và chân tướng sự thật này giới thiệu và tuyên dương rộng rãi đến toàn thế giới. Chỉ cần mọi người đều hiểu rõ, đều chịu làm, hết thấy những tai nạn trên thế giới sẽ có thể tránh khỏi và tiêu trừ.

Tôi lợi dụng thời gian buổi họp sáng nay, công hiến cho chư vị những lời nói này, hy vọng chúng ta cùng nhau phát tâm, hết lòng nỗ lực học tập, hoằng dương, hy vọng đạt đến mục tiêu thế giới hòa bình, xã hội an định, chúng sanh hạnh phúc.

F. ĐIỂN TỊCH PHẢI ĐỌC

1. Nói về ‘Hoa Nghiêm Giảng Sử’ và điển tịch Tịnh Tông (Buổi sáng 02-12-98)

a. Sơ lược lịch sử kinh Hoa Nghiêm.

Kinh Hoa Nghiêm nguyên bản chỉ có một loại nhưng phân lượng rất lớn. Cách người Ấn Độ tính toán kích thước một tác phẩm bằng cách dùng kệ tụng làm đơn vị. Nói một bài kệ hoặc một bài tụng đều có cùng một nghĩa, cứ tính bốn câu là một đơn vị. Bất luận là kệ tụng, trường hàng hoặc mật chú đều dùng bốn câu thành một đơn vị; trong một đơn vị, số chữ chẳng giống nhau. Kinh Hoa Nghiêm tổng cộng có mười vạn bài tụng, tức là bốn mươi vạn câu, phân lượng này rất lớn.

Đặc biệt là vào thời cổ xưa, giấy chưa được phát minh, kinh điển được viết trên lá Bối (cây Bối đa la). Lá cây được kết thành từng phiến từng phiến, thông thường trên một mặt có thể viết được bốn hàng đến sáu hàng, viết cả hai mặt. Sau đó xoi lỗ ở hai đầu, dùng dây xỏ lại thành từng xấp, đây là phương thức kinh điển được làm thành thời xưa. Bốn mươi bốn vạn câu phải cần rất nhiều lá Bối để chép, hơn nữa lá cây này có chiều dày nhất định nên có thể thấy những cuốn kinh như vậy số lượng tương đối rất lớn. Số lượng lớn như vậy rất dễ bị thất lạc, cho nên lúc được truyền vào Trung Quốc, kinh Hoa Nghiêm là một bản kinh bị khiếm khuyết chẳng đầy đủ. Lần đầu tiên được truyền vào là vào triều nhà Tấn [khoảng

năm 265-420], chỉ có ba vạn sáu ngàn bài tụng, chỉ bằng một phần ba của mười vạn bài kệ tụng, hai phần ba còn lại đã bị mất đi. Ba vạn sáu ngàn bài kệ tụng này dịch sang chữ Hán tổng cộng thành sáu mươi quyển, bộ này được gọi là ‘Tán Kinh’, hay gọi là ‘Lục Thập Hoa Nghiêm’. Hiện nay vẫn còn lưu thông nhưng người đọc tương đối ít.

Lần thứ nhì là vào triều nhà Đường, khoảng năm Chứng Thánh, tức là lúc Võ Tắc Thiên chấp chánh, do Thập Xoa Nan Đà đại sư (Siksananda 652-710) từ Tây Vực đem đến, so với lần trước thêm được chín ngàn bài tụng, tổng cộng có bốn vạn năm ngàn bài tụng, dịch ra thành tám mươi quyển, được xưng là ‘Bát Thập Hoa Nghiêm’. Kinh văn tuy chỉ có bốn vạn năm ngàn bài tụng nhưng ý tứ chính của kinh Hoa Nghiêm đều đã có thể đọc thấy được. Thế nên ngày nay chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, có khi đọc đến một đoạn nào đó, ý tứ chưa hết thì kinh văn đã chấm dứt là vì bị thiếu mất [như kể ở trên]. Nguyên bản Phạn văn của kinh Hoa Nghiêm đã bị thất truyền, hiện nay bản được bảo tồn đầy đủ nhất vẫn là bản dịch sang Hoa văn.

Lần thứ ba là khoảng năm Trinh Nguyên, đời Đường Đức Tông (795), Ấn Độ có một nước nhỏ ⁶⁰ triều cống [lễ vật] cho Trung Quốc. Trong lễ phẩm có một bộ ‘Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm’, kinh văn hoàn chỉnh chẳng bị thiếu khuyết, vô cùng trân quý. Do cao tăng Ấn Độ pháp sư Bát Nhã dịch sang Hoa văn, tổng cộng có bốn mươi quyển, được gọi là ‘Tứ Thập Hoa Nghiêm’. Cho nên Tứ Thập Hoa Nghiêm tức là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm. Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm trong Bát Thập Hoa Nghiêm chiếm hết hai mươi một quyển, chỉ có khoảng phân nửa của bốn mươi quyển. Do đó rõ ràng là vào đời Đường, Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm đã bị thiếu hết phân nửa, đến năm Trinh Nguyên mới được thêm đầy đủ. Cho nên hiện nay kinh Hoa Nghiêm mỗi phẩm đều bị thiếu chỉ có Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm là đầy đủ mà thôi. Hoàng Nhất đại sư dạy chúng ta phương pháp học tập, đọc Bát Thập Hoa Nghiêm đến quyển năm mươi chín xong thì đọc tiếp Tứ Thập Hoa Nghiêm, cộng chung thành chín mươi chín quyển.

Sau khi Bát Thập Hoa Nghiêm được phiên dịch xong, triều đình thỉnh Trùng Quán pháp sư (tức là Thanh Lương quốc sư, 738-839) viết chú giải cho kinh này, chú giải này được gọi là Sớ. Sau khi Sớ này viết xong lúc đó có nhiều người vẫn cho rằng Sớ này còn quá thâm áo, sợ hàng hậu học chẳng hiểu nổi cho nên Thanh Lương quốc sư vô cùng từ bi lại viết thêm cuốn ‘Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao’. Sớ là chú giải cho kinh. Sao là chú giải cho Sớ, tức là chú giải cho chú giải, cách này rất có ích cho người đời sau học tập kinh Hoa Nghiêm. Thanh Lương quốc sư chỉ viết Sớ chứ chẳng viết Sao cho Tứ Thập Hoa Nghiêm. Nhưng nếu bắt đầu học tập từ Bát Thập Hoa Nghiêm, có cơ sở của năm mươi chín quyển đầu, sau đó đọc Tứ Thập Hoa Nghiêm Sớ sẽ chẳng cảm thấy khó khăn.

⁶⁰ nước Ô Trà (Odra), nước cổ ở Đông Ấn Độ, nay là Orissa

Cư sĩ Lý Thông Huyền (635-730) đời Đường, người đời sau xưng ngài là Lý Trường Giả, là người trong hoàng tộc, tuy chẳng xuất gia nhưng sinh sống một cuộc đời thanh tâm ít dục của những bậc tu hành, cảnh giới rất cao, thần thông cảm ứng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Ngài phát tâm viết chú giải cho kinh Hoa Nghiêm, quyển này được gọi là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận.

Hiện nay chú giải của hai người nói trên là tài liệu tham khảo tất yếu cho những người nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm. Phương thức chú giải của hai người này khác nhau, Thanh Lương quốc sư thì chú giải cho từng câu kinh văn, đây là phương thức của Sớ Sao; Lý Trường Giả thì viết chú giải cho từng đoạn, luận là thảo luận, phát huy điểm quan trọng trong cả khoa, cả đoạn, đây là phương thức của Luận. Sớ Sao đối với những người học Giáo rất có ích lợi, nhưng người tu hành thích nêu ra những điểm trọng yếu, chẳng thích giảng từng câu, cho nên có phần thích cuốn Hợp Luận nhiều hơn. Do đó những người tham thiền trong Tông Môn rất thích Hợp Luận; những người nghiên cứu và giảng kinh thì lại thích Sớ Sao nhiều hơn. Tóm lại thì Luận có ưu điểm của Luận, Sớ Sao có chỗ hay của Sớ Sao.

Đầu đời nhà Thanh, phương trượng chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn, Phước Châu là Đạo Bái Thiên Sư đem Sớ và Luận kết hợp lại làm thành Sớ Luận Toàn Yếu. Chỉ thú của Sớ và Luận chẳng giống nhau, có thể dung hợp lẫn nhau đích thật chẳng dễ. Sớ Luận Toàn Yếu đối với người mới học Hoa Nghiêm rất có ích, cuốn này có thể nói đã đem những bộ phận tinh yếu của Sớ Sao và Hợp Luận hội tập lại với nhau, rất tiện lợi cho người sơ học. Nhưng nếu chân chánh muốn thâm nhập thì vẫn phải đọc toàn bộ Sớ Sao lẫn Hợp Luận.

b. Điển Tịch Tịnh Tông

Tu học pháp môn Tịnh Độ nhất định phải quen thuộc với điển tịch Tịnh Tông, tức là Ngũ Kinh Nhất Luận. Ngũ kinh gồm có kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A Di Đà, Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông [trong kinh Lăng Nghiêm], và Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên [trong kinh Hoa Nghiêm]; Nhất luận là Vãng Sanh Luận, tổng cộng gồm có sáu thứ. Phải hiểu rõ tánh chất của mỗi thứ này thì tu học mới biết hạ thủ ở nơi nào.

Kinh luận Tịnh Tông lấy kinh Vô Lượng Thọ làm chủ yếu, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ; kinh A Di Đà chủ yếu là khuyên tín, khuyên nguyện. Trong kinh A Di Đà, đức Phật ba lần khuyên nguyện, khuyên chúng ta phải phát nguyện cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Sáu phương Phật khuyên chúng ta phải nên tin kinh này, ba lần khuyên phát nguyện, đức Phật đúng là đau lòng rất miệng. Thế nên rất nhiều người tụng kinh Di Đà vào khóa tụng sáng tối là có đạo lý của nó.

Có thể nói chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông là Tâm Kinh của Tịnh Độ Tông. Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên cũng bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ. Vì kinh Vô Lượng Thọ vừa mở đầu có đoạn *‘đều cùng tuân*

*tu theo đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ*⁶¹, đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ là Mười nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát nói trong phần cuối của Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện, đây là bổ sung cho Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, như vậy thì Tịnh Tông điển tịch đã viên mãn. Vãng Sanh Luận là báo cáo tâm đắc tu học của Thiên Thân Bồ Tát, có thể làm thị phạm cho chúng ta. Hiểu rõ tính chất của sáu điển tịch này thì tu học mới biết hạ thủ nơi nào, có thể làm cho người tu học có lòng tin kiên định, chân chánh làm được ‘chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn’, được vậy thì nhất định sẽ thành tựu.

G. TRẢ LỜI NGHI VẤN HỌC PHẬT

1. Làm thế nào để giải quyết vấn đề xã hội trước mắt. (Buổi sáng 12-12-98)

Trong tạp chí Mộ Tây của Tịnh Tông Học Hội Los Angeles, nội dung của chủ đề thảo luận trong số phát hành kỳ sau đề cập đến ‘công lợi chủ nghĩa’⁶² phát triển đến mức cùng cực trong xã hội hiện đại; truyền hình, điện ảnh, mạng lưới quốc tế mở rộng, tự do, trong ấy tràn đầy tình dục và bạo lực, những thứ này đã được đem tới tận cửa mỗi gia đình, tạo thành tổn hại lớn lao cho nhân loại. Học trò tiểu học ở Mỹ đã bắt đầu sử dụng máy điện toán, khi máy điện toán được nối vào mạng lưới điện toán thì liền có thể thu nhận được những tư liệu, dữ kiện này. Trẻ em còn chưa có năng lực phân biệt thị phi, thiện ác mà tiếp nhận những sự đầu độc này, hấp thụ những tư liệu đen tối này, tiêu thụ với số lượng khổng lồ, đây là một hiện tượng vô cùng đáng sợ. Cho nên họ nói đến chủ đề ‘*Nếu A Di Đà Phật làm Cục trưởng Bộ thông tin*’ thì may ra có thể cải biến được phong hóa xã hội. Đây là một sự tỉnh ngộ, là một cảnh giác cao độ.

Ba mươi năm trước có một lần tôi đi thăm Phương Đông Mỹ tiên sinh, nhằm đúng lúc hai viên chức cao cấp trong Bộ Giáo Dục [Đài Loan] đến thỉnh giáo ông Phương: ‘Làm thế nào để đẩy mạnh công việc vận động phục hưng văn hóa Trung Hoa?’. Ông Phương nói nếu muốn đạt đến hiệu quả lý tưởng của sự ‘Vận động phục hưng văn hóa’ thì:

Thứ nhất hết thầy các tòa báo, tạp chí ở Đài Loan đều phải ngưng hoạt động.

Thứ nhì đài truyền hình, điện đài vô tuyến cũng phải đóng cửa.

Ông Phương nói ‘Những thứ này mỗi ngày đều đang phá hoại văn hóa Trung Hoa thì làm sao có thể phục hưng văn hóa cho được?’.

⁶¹ (*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức*)

⁶² Công lợi chủ nghĩa là chủ nghĩa chú trọng lợi ích trước mắt của mình, làm việc gì cũng đặt lợi ích của mình lên trên hết.

Sau đó câu hỏi thứ nhì là: ‘Hiện nay nước Mỹ là nước mạnh nhất thế giới, trước kia La Mã cũng phải diệt vong, tương lai nhân tố đầu tiên làm nước Mỹ diệt vong là gì?’.

Phương tiên sinh vô cùng nghiêm túc và trả lời: ‘Truyền hình (TV)’.

Lúc đó mạng lưới điện toán còn chưa phát triển, nếu là bây giờ thì Phương tiên sinh nhất định sẽ trả lời: ‘Mạng lưới điện toán’.

Việc này cùng với vấn đề quý vị đang âu lo chẳng hạn mà gặp nhau. Chúng ta đối đầu với vấn đề xã hội hiện thực thì phải làm thế nào? Phương pháp của Phương tiên sinh đề ra quả thật có hiệu quả nhưng chẳng thể nào thực hiện được vì bây giờ chẳng thể nào phế bỏ những phương tiện truyền bá, môi giới thông tin này nổi. Nói cách khác chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng thế giới hiện nay đang có chiều hướng tiến tới hủy diệt, tiền đồ là cả một màu đen tối. Một ngày trước khi vãng sanh, lão cư sĩ Lý Bình Nam nói với học trò đang có mặt lúc đó: *‘Thế gian đã loạn rồi, cho dù chư Phật, Bồ Tát, thần tiên hạ phàm cũng chẳng cứu vãn nổi. Chỉ còn con đường sống sót duy nhất tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ’*, đây là lời dạy cuối cùng của ngài.

Những nhà tiên tri ở Đông và Tây phương đều dự đoán cuối thế kỷ hai mươi thế giới sẽ có tai nạn lớn kéo dài hơn hai mươi mấy năm. Sau khi tai nạn chấm dứt thế giới sẽ có một ngàn năm hòa bình. Nhân tố gây ra tai nạn này là những gì các bạn hôm nay đã nhìn thấy.

Trong tình huống như vậy, hy vọng A Di Đà Phật đến làm Cục Trưởng Cục thông tin, A Di Đà Phật đến hay không? Ai có quyền mời A Di Đà Phật đến nhậm chức Cục Trưởng Cục Thông Tin? Đây là việc chẳng ai làm nổi. Cho nên hy vọng các vị đồng tu, ai cũng đều làm đệ tử Di Đà, trong thời đại hiện nay phải trực tiếp đảm đương làm phát ngôn viên cho A Di Đà Phật, chẳng những phải tuyên dương Giáo Nghĩa Di Đà, mà còn phải hết lòng nỗ lực làm gương tốt cho người thế gian noi theo.

Tôi giảng kinh hoàng pháp đến nay đã được bốn mươi năm. Trong bốn mươi năm này mỗi ngày tôi đều đọc kinh, chưa từng rời khỏi cuốn kinh, huân tu trong một thời gian dài, y giáo phụng hành. Nhưng chỉ dựa vào lực lượng của cá nhân mình thì nhất định chẳng thể nào làm được, phải cầu mong chư Phật, Bồ Tát oai thần gia trì. Sự cầu mong này chẳng phải dùng một lời nói suông mà có thể cầu được, phải dùng tâm chân thành và thực hiện giáo nghĩa thì mới cảm ứng đạo giao. Chúng ta làm hết lòng, hết sức, chỉ cần thế gian có thêm một người hiểu được Phật lý, thêm một người nhất tâm niệm Phật thì tai nạn có thể giảm được một phần; cho dù chẳng thể hoàn toàn tiêu trừ thì cũng có thể trì hoãn. Mọi người cùng nhau hết lòng nỗ lực làm thì nhất định sẽ có được hiệu quả.

Mười năm gần đây tôi tuyên dương kinh Vô Lượng Thọ trên khắp thế giới, tôi dùng bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, bản này do lão cư sĩ Lý Bình Nam truyền cho tôi. Năm Dân quốc 39 (1950) thầy Lý giảng kinh này ở chùa Pháp Hoa tại Đài Trung, trên bản kinh này có lời chú giải tường tận của thầy. Chúng tôi đã

in ra bản kinh này cúng dường đại chúng. Và thuận theo lời giao phó của thầy chúng tôi dốc hết tâm lực để giới thiệu và truyền bá bản kinh này khắp nơi.

Sau đó tôi có duyên gặp được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ nhờ tôi đề xướng ‘Tịnh Tông Học Hội’, từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ nghe đến cái tên ‘Tịnh Tông Học Hội’, sau đó mới biết ‘Tịnh Tông Học Hội’ là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư đề ra nhưng chưa có tổ chức. Tôi nhận lời phó thác của cụ Hoàng, ở tại Gia Nã Đại thành lập ra ‘Tịnh Tông Học Hội’ đầu tiên, và ở Mỹ thành lập lần thứ hai, hiện nay trên toàn thế giới đã có gần năm mươi ‘Tịnh Tông Học Hội’. Trước kia đạo tràng Tịnh Tông được gọi là ‘Liên Xã’, hiện nay chúng ta đổi tên ‘Liên Xã’ thành ‘Tịnh Tông Học Hội’. Mỗi hội này đều độc lập, chúng tôi chỉ giúp đỡ và ủng hộ mà thôi, chẳng có quyền cai quản; chúng tôi chỉ làm tròn nghĩa vụ, chẳng có quyền lợi. Hy vọng mỗi Học Hội đều hoàng dương kinh Vô Lượng Thọ và Tịnh Độ ngũ kinh, hết lòng nỗ lực, chắc thật niệm Phật, tự hành hóa tha, cùng nhau vượt qua tai nạn này, đây là việc mà ngày nay chúng ta có thể làm được.

Những năm gần đây chúng tôi cũng bắt đầu dạy học trên mạng lưới điện toán, đem Phật pháp gọi lên mạng lưới điện toán. Xã hội hiện đại là dân chủ, tự do, mở rộng, chẳng thể cấm đoán ngôn luận, sách vở xuất bản tự do lưu thông, chúng ta chỉ có thể giới thiệu chánh pháp của Như Lai và những lời dạy của cổ thánh tiên hiền cho người trong thế gian, để cho mọi người so sánh kỹ càng, tự do tuyển chọn. Hiện nay chỉ có thể dùng cách làm này, nhất định chẳng thể dùng cách ra lệnh, thời xưa có thể dùng phương thức ép buộc người ta, hiện nay chẳng thể [ép buộc người ta] được. Cho dù là cha đối với con, thầy giáo đối đãi với học trò, đều phải xem như bạn bè lẫn nhau, ngồi xuống cùng nhau bàn bạc, đây là quan hệ thực tế giữa người với người trong xã hội hiện đại. Ngày xưa người lớn có quyền uy, người nhỏ tuổi chỉ phục tùng, tiếp nhận sự chỉ dạy. Cách làm này đích thật có lợi ích cho hàng căn tánh trung hạ. Trong xã hội dân chủ, tự do, mở rộng này thì quyền uy đã không còn nữa, người người đều bình đẳng, chỉ có trao đổi ý kiến lẫn nhau, thương lượng lẫn nhau. Trong hoàn cảnh như vậy giáo học khó khăn hơn lúc trước rất nhiều.

Hơn nữa hết thấy chúng sanh đích thật là ác nhiều, thiện ít. Bách Pháp Minh Môn Luận nói Thiệt Tâm Sở gồm có mười một thứ, Ác Tâm Sở gồm có hai mươi sáu thứ; hoàn cảnh bên ngoài cũng là ác nhiều thiện ít. Trong hoàn cảnh như vậy những người biết hồi đầu (*quay lại, quay về*), biết đoạn ác tu thiện quá ít. Chúng ta chỉ có thể cầu mong chư Phật, chư Bồ Tát thường thị hiện trong thế gian này, làm gương tốt cho hết thấy chúng sanh khổ nạn. Chư vị đồng tu giác ngộ và hiểu rõ rồi, chịu phát tâm quên mình và vì người khác, làm gương tốt cho xã hội đại chúng, được vậy thì các bạn sẽ là hóa thân của Phật, Bồ Tát đến để cứu độ những chúng sanh khổ nạn. Bởi vậy nên phải ‘xoay lại cầu chính mình’, bắt đầu làm từ tâm địa của mình. Nếu tự mình hiểu rõ nhưng chẳng chịu hết lòng học tập, y giáo phụng hành, mà lại hy vọng Phật, Bồ Tát đến ứng hóa thì chẳng thể được. Chỉ có thể dùng tâm chân thành, từ bi mới có thể cùng chư Phật, Bồ Tát và thánh hiền đời xưa khởi cảm ứng, tư hào chẳng thể làm giả được.

Hy vọng những cán sự, nhân viên tại Tịnh Tông Học Hội ở Los Angeles có thể tổ chức cùng nhau đến Tân Gia Ba tham học, quan sát, [tôi] tin tưởng như vậy có thể có đôi chút công hiến giúp đỡ cho công việc, sự tu học, và [giảm bớt] sự lo lắng của quý vị. Thiện tâm thiện nguyện của quý vị nhất định sẽ được chư Phật, Bồ Tát tán thán. Hy vọng chúng ta đem ra hành động [thực tiễn] để đối phó với vấn đề này, tìm ra phương pháp giải quyết.

PHỤ LỤC

Trích một đoạn trong bài ‘Tứ Thư Ngẫu Ích Giải – Thiên ‘Học Nhi’ trong Luận Ngữ’

do Hòa Thượng Tịnh Không giảng tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Đài Bắc. Số Hồ sơ 20-1-02, trang 11

(để giải thích thêm về danh từ ‘Tam Cương Bát Mục’ dưới lăng kính Phật pháp.)

Tam Cương là gì? Minh minh đức, Thân dân, Chỉ ư chí thiện. Trong Phật pháp, Minh minh đức chính là Tự Giác, Thân dân là Giác Tha, Chỉ ư chí thiện là Giác Hạnh viên mãn, là học những điều này! Nói tóm lại tức là học ‘Minh tâm kiến tánh’. Nho và Phật đều giống nhau, Minh đức chính là Kiến tánh. Trên ‘Minh đức’ lại thêm vào một chữ ‘Minh’ nữa, có thể nói là Minh đức đã chẳng ‘minh’ rồi. Thế nên mục đích chúng ta Học tức là làm cho ‘Minh đức’ khôi phục lại ánh sáng, là cầu việc này, đây là ‘Tự Giác’, tự thọ dụng. Sau khi mình thành tựu xong mới dạy người khác, đây là việc ‘Giác tha’, là ‘Thân dân’. ‘Chỉ ư chí thiện’ là gì? Tức là hai thứ này chẳng hai, Tự giác chính là Giác tha, Giác tha chính là Tự giác, chẳng phải hai việc mà là một việc, như vậy mới chí thiện. Chia nó thành hai thì chẳng chí thiện. Bạn xem, người Tiểu Thừa tự giác, chẳng giác tha, họ chia thành hai sự việc; Quyền Giáo Bồ Tát giác tha, chẳng biết tự giác, như vậy cũng chia thành hai sự việc; thế nên cả hai đều chẳng chí thiện. Chỉ ư chí thiện là những đại Bồ Tát, Thật Giáo Bồ Tát, minh tâm kiến tánh, họ là ‘chỉ ư chí thiện’.

Chúng ta dùng cách nói của ‘Tịch và Chiếu’ để giải thích Tự giác. ‘Tịch mà thường chiếu’ là tự giác. ‘Chiếu’ nghĩa là hiểu rõ hết thấy cảnh giới, tâm định. Tự Giác chú trọng trên ‘Thể’, từ Thể khởi Dụng, đây là Tự Giác. Giác Tha nghĩa là ‘Chiếu mà thường tịch’, đây là nhiếp Dụng quy về Thể, tự mình được thọ dụng. Bạn xem, từ Thể khởi Dụng, cũng nghĩa là Tự, Tha đều được lợi ích. Lúc Giác tha, từ Dụng quy đến Thể, vẫn là Tự, Tha đều được lợi ích, Tự, Tha là một chứ chẳng phải hai. Nếu phân Tự, Tha thành hai thì là mê, chẳng giác, có Tự có Tha thì chẳng thể nói đến việc Học; đến khi nào Tự và Tha chẳng hai, Giác Chiếu đồng thời thì đây chính là Chỉ ư chí thiện. Đây là dùng ‘Tam Giác’ để giảng.

Trong pháp Đại Thừa nếu dùng ‘Tam Bồ Đề tâm’ để giải thích thì cũng thỏa đáng. ‘Minh minh đức’ chính là tâm thanh tịnh, đức của tâm là thanh tịnh, ‘*Vốn là chẳng có một vật, chỗ nào có nhuộm bụi trần*’; ‘Thân dân’ là Từ bi, ‘Chỉ ư chí thiện’ là Bình Đẳng. Tâm Bình đẳng là ‘Trực tâm’, ... ‘Tâm đại bi’ là ‘Thân dân’.

Đây là nói Học Phật phải biết cương lĩnh, tôi học những gì? Nói từ ba Tâm Bồ Đề thì càng rõ ràng, đạo lý của sự học vấn chẳng có gì khác, đó chính là ‘tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi’, đây tức là học vấn.

Tam Cương là mục tiêu, dùng phương pháp gì để hoàn thành? Phía sau là Bát Mục, dùng Bát Mục để đạt đến Tam Cương này. Thứ nhất là ‘Cách Vật’, vật là vật dục. Trong ‘Tứ Thập Hoa Nghiêm’ chúng ta đọc đến một đoạn nói rõ tai hại của vật dục. Không những vật dục là thất tình ngũ dục trong thế gian, ngay cả Phật pháp xuất thế gian cũng bao gồm trong ấy; chỉ cần bạn có tham, có ái, đều gọi là Dục. Trong chữ Cách Vật, ‘Cách’ nghĩa là ‘cách trừ’, là ‘cách sát’. Trong ba nghĩa của danh từ ‘A La Hán’, có một nghĩa là ‘Sát Tặc’, ‘cách vật’ chính là ‘sát tặc’. ‘Cách’ là chiến đấu, vật dục chính là giặc cướp, giặc cướp hại bản tánh của chúng ta.

Nếu bạn muốn minh tâm kiến tánh, muốn tu ba tâm Bồ Đề, việc thứ nhất phải làm chính là đoạn phiền não, tức là phải làm công việc ‘cách vật’. Cách vật tức là chúng ta thường nói đến ‘buông xuống’. Mạnh Tử nói: *‘Đạo Học vẫn chẳng có chi khác, mong cầu buông tâm mà thôi’* (Học vẫn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ). Chữ ‘phóng tâm’ này chính là công việc ‘cách vật’. Buông xuống những gì? Buông xuống vật dục, buông xuống phiền não. Khi chúng ta niệm Phật, đã Phật thất thường nhắc đến *‘buông xuống vạn duyên’* tức là cách vật, *‘buông xuống thân tâm thế giới’* cũng nghĩa là ‘cách vật’, được vậy tâm mới có thể thanh tịnh, có thể chuyên nhất.

Thứ hai là ‘Trí Tri’, Trí Tri tức là học pháp môn. Đọc Tụng giảng phía trước tức là câu Căn Bản Trí, đây là ‘chủ tu’. Thế thì vạn pháp còn lại có cần phải học hay không? Phải học, đó là ‘trợ tu’, phải tu cả chánh lẫn phụ (chủ tu và trợ tu). Chư vị phải ghi nhớ điều này. Khóa tụng mỗi ngày, tụng kinh luận là khóa chính, hết thầy pháp môn đều phải học, đó là công khóa. Những pháp môn này còn phải học rõ ràng, nhưng chẳng phải chỉ học trên kinh điển. Hãy nói mỗi ngày tôi tụng kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là khóa tụng chính của tôi, mỗi ngày tôi đọc tụng, còn những kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm, kinh Phương Đẳng, kinh A Hàm, kinh Bát Nhã mỗi ngày tôi đều xem thoáng qua, ‘pháp môn vô lượng thế nguyện học’ có nghĩa là như vậy phải không? Nếu bạn xem như vậy thì quá hạn hẹp rồi.

Học pháp môn là gì? Là Trí Tri. Nói cho các bạn biết, những gì nói trong Trí Tri khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, cả ngày từ sáng đến tối những gì mắt thấy, tai nghe đều là học vấn, đều là trí huệ, đó gọi là Trí Tri, lớn hơn phạm vi của kinh bản quá nhiều, quá nhiều. Pháp môn vô lượng vô biên! Học là học như vậy, chẳng phải giới hạn trên những kinh sách này thôi.

Lúc học cách này cần phải dụng tâm để học không? Chẳng cần dụng tâm, nhưng phải dùng ‘Chiếu’! Cách vật có thể đạt đến mục đích tịch định, còn Trí Tri là ‘từ Định khởi Chiếu’, tác dụng của khởi chiếu mới có thể thành tựu trí huệ, đây đúng như lời Lục Tổ nói: ‘Sanh tám vạn bốn ngàn pháp môn’, đó là Trí Tri.

Thứ ba là ‘Thành Ý’. Cho các bạn biết tôi lấy những gì nói trong Tứ Hoàng Thế Nguyện phối hợp với điều này thì sẽ thành Phật đạo. Phật là gì? Chỉ là Thành mà thôi! Kinh Vô Lượng Thọ nói đến ‘Tam Bồ Đề Tâm’, thứ nhất là Chí Thành Tâm. Nhà Nho nói ‘Thành Ý’ tức là Chí Thành Tâm, Chí Thành Tâm tức là Bình Đẳng Tâm, tức là Trục Tâm, tức là Phật Tâm. Thế nên chư vị muốn thành Phật phải tu gì? Tu Bình Đẳng tâm, nhà Nho gọi công phu của Thành Ý.

Sau khi Thành Ý, thì nói đến ‘Chánh Tâm’, ‘Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm’. Tâm như thế nào mới gọi là Chánh? Thế nào gọi là chẳng Chánh? Có

thể biết vạn vật cùng một thể, Tự Tha chẳng hai, tâm như vậy là Chánh Tâm. Chia Ta và Người, chia Tự và Tha, ly gián thị phi, tâm như vậy là Tà tâm, chẳng chánh. ‘Chúng sanh vô biên thế nguyện độ’, tâm này là Chánh Tâm, Dụng của Chánh Tâm.

Nhưng tự mình phải biết, độ chúng sanh cũng như trong kinh Kim Cang có nói: *‘Diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thật chẳng có chúng sanh được diệt độ’*⁶³. Tại sao vậy? Chúng sanh và mình là một, chẳng phải hai. Trong cái ‘một’ này chẳng có ‘năng độ’ và ‘sở độ’. Trong ‘hai’ thì có ‘năng độ’, có ‘sở độ’; Nhị pháp chẳng là Phật pháp, nhị pháp chẳng là pháp giác ngộ. Thế nên ‘năng’ và ‘sở’ là một, chẳng phải hai; Tam Cương Bát Mục là một, chẳng phải ba, cũng chẳng phải tám. Nếu bạn chia nó thành ba, thành tám thì sai mất, vậy thì mê rồi, chẳng giác nữa.

Bốn điều này là Nội Học, Thật Trí, Tự Giác; nói cách khác, đọc tụng chú trọng tại bốn điều này, hạnh giải tương ứng! Bốn điều phía sau: Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ là Ngoại Học, Quyền Trí, Giác Tha. Bát Mục này giống như tám tầng bảo tháp vậy, tầng dưới là cơ sở cho tầng trên, từ đó có thể thấy công phu phải bắt đầu làm từ ‘Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm’, xong rồi mới có thể nói đến ‘Tu Thân’.

Lại nói với các bạn, [tu thân] tức là ‘tu hành’ trong Phật pháp, nhưng nghĩa của ‘hành’ rộng hơn ‘thân’. Vì ý nghĩa của ‘hành’ là hành vi, thân thể đạo đức là hành vi, ngôn ngữ cũng có thể bao gồm trên thân thể, khẩu cũng là một bộ phận của thân; nhưng ngoài thân và khẩu còn hành vi của ý nghiệp. Hành vi của ý nghiệp tức là ‘Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm’, có thể gọi như vậy, hành vi của Tu Tâm; từ Tu Thân đến Bình Thiên Hạ đều là hành vi của Tu Thân, cả hai hợp lại tức là Tu Hành.

Sau khi Tu Thân thì mới có thể Tề Gia, gia đã tề nghĩa là cả gia tộc đều chỉnh tề, ngay ngắn. Tề Gia dùng tiêu chuẩn gì để ‘tề’? Là dùng Ngũ Luân, Thập Nghĩa để chỉnh tề. Khổng Tử nói đến ‘Phụ phụ tử tử’, đây là gia tề.

Cha giống một người cha, con giống một người con, ở đây chỉ nêu lên một điều để nói. Từ xưa ‘Quân quân, thần thần’, người quan lãnh đạo giống như một người quan lãnh đạo, thuộc hạ giống như một người thuộc hạ, như vậy thì quốc được trị vậy!

Bình Thiên Hạ nghĩa là gì? Bình là công bình, hết thấy chúng sanh trong thiên hạ đều đạt được công bình. Làm sao mới đạt được công bình? Mỗi người đều giữ bổn phận của mình thì thiên hạ sẽ bình. Thế nên pháp thế gian và xuất thế gian đều vô cùng coi trọng bổn phận. Chẳng giữ bổn phận thì thiên hạ sẽ đại loạn! Những gì mình đáng làm lại không làm, chuyện của người ta thì mình làm, ai cũng làm vậy thì làm sao thiên hạ chẳng loạn được? Xã hội là một đoàn thể sanh hoạt, mỗi người có cương vị làm việc của mình, bạn giữ tại cương vị này thì gọi là giữ bổn phận. Nói thật ra người hiện đại đều chẳng giữ bổn phận, điểm này vô cùng quan trọng...

⁶³ (Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả)

Học Vi Nhân Sư Hành Vi Thế Phạm

Tập 3

Hòa thượng Tịnh Không thuyết giảng

Đây là những bài khai thị buổi sáng của hòa thượng Tịnh Không cho đồng tu khắp nơi, chưa được hòa thượng giám định. Đây chỉ là những lời tóm tắt của nhóm ghi chép bài giảng, chỉnh lý cho gọn rồi viết thành bài nháp này để cùng đường độc giả.

A. KHAI THỊ VỀ PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

1. Y giáo phụng hành mới có thể chứng quả (Buổi sáng 22-2-99)

Thế Tôn thường nói: ‘*Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe*’, chúng ta may mắn được thân người và còn có cơ hội nghe được Phật pháp thì phải trân quý nhân duyên thù thắng này. Những năm gần đây chúng ta hết lòng học theo lời dạy của đức Phật và đã thấy được vài chứng minh trong đời sống. Thường thức cạn kiệt nhất là lời dạy của đức Phật về ‘*nhân duyên quả báo*’, chúng ta hãy bình tĩnh quan sát kỹ thì đích thật bố thí tài vật được quả báo giàu sang, bố thí pháp được quả báo thông minh trí huệ, bố thí vô úy được quả báo khỏe mạnh sống lâu. Có thể hiểu được đạo lý và chân tướng sự thật này thì trong sinh hoạt hằng ngày tâm tình tự nhiên sẽ ổn định, đó tức là ‘*tâm an lý đắc*’; sau khi hiểu đạo lý thì tâm sẽ an.

Cuốn Liễu Phàm Tứ Huán kể chuyện ông Liễu Phàm và Vân Cốc thiền sư ngồi trong thiền đường suốt ba ngày ba đêm chẳng khởi lên một vọng niệm, phần đông người thường chẳng làm được việc này. Phần nhiều người ta có vọng niệm lung tung, phân biệt chấp trước quá nhiều, trong kinh gọi họ là phàm phu, ‘*người đáng thương xót*’. Thiền sư Vân Cốc nói: “*Công phu của anh khá lắm!*”. Ông Liễu Phàm trả lời: “*Con chẳng có công phu, mạng con đã được Không tiên sinh đoán chắc rồi, cả đời tốt xấu, kiết hung, họa phước đều đã được an bài sẵn trong vận mạng, khởi vọng tưởng cũng chẳng có ích chi nên con không thềm khởi nữa*”. Tuy ông Liễu Phàm hiểu sự thật này nhưng chẳng thấu triệt, chỉ hiểu như vậy nhưng chẳng hiểu tại sao lại như vậy. Sau đó thiền sư khai thị cho ông, giảng cho ông biết lý do tại sao. Ông y theo lời dạy của thiền sư, hết lòng nỗ lực thực hành và thật sự đã biến đổi được vận mạng. Thế nên hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật mới có thể sửa đổi và sáng tạo vận mạng.

Bồ Tát gồm có năm mươi một cấp bậc, đạo lý và cảnh giới của mỗi bậc đều chẳng giống nhau. Bậc thấp nhất là quả vị Sơ Tín của Viên Giáo, những gì Bồ Tát bậc này hiểu được cao hơn ông Liễu Phàm quá nhiều, nhưng thuộc về bậc thấp nhất trong Phật giáo, đến quả vị Như Lai mới thấu triệt rốt ráo. Giáo học của nhà Phật chẳng qua chỉ là giúp chúng ta hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh mà thôi. Người thực sự hiểu rõ chân tướng là Pháp Thân đại sĩ, là quả vị Viên

Giáo Sư Trụ Bồ Tát. Từ quả vị Sơ Trụ trở xuống tuy hiểu nhưng chẳng thấu triệt, chỉ là giải ngộ, còn chưa chứng ngộ. Thí dụ việc Phật nói hết thấy chúng sanh đều là pháp thân của chính mình, chúng ta tin sâu chẳng nghi, đây là giải ngộ chứ chưa chứng thực được, còn chưa xem hết thấy chúng sanh như chính mình, chúng sanh và mình còn có chỗ khác nhau. Nếu đối đãi với hết thấy chúng sanh giống như chính mình thì đó mới là chứng ngộ, đó là Pháp Thân đại sĩ.

Chúng ta hiện nay hiểu được những đạo lý này chứ chưa làm được, đó là giải ngộ, chẳng phải chứng ngộ. Thầy Lý thường nói giải ngộ không dùng được, phải sanh tử như thế nào thì vẫn phải sanh tử như thế ấy, chẳng có cách chi thoát ly luân hồi, đến mức chứng ngộ mới có thể thoát ly luân hồi; không những thoát ly luân hồi mà còn thoát ly thập pháp giới, chứng được Nhất Chân pháp giới. Đến Nhất Chân pháp giới mới thực sự được đại tự tại, được hạnh phúc mỹ mãn. Hạnh phúc mỹ mãn trong thập pháp giới chẳng phải thiệt, ‘chân - thiện - mỹ - huệ’ chỉ có danh, không thật; Nhất Chân pháp giới mới là ‘chân - thiện - mỹ - huệ’ chân thật. Sự kỳ vọng và khích lệ của Phật đối với chúng ta là hy vọng chúng ta nội trong đời này chứng được. Những gì đức Phật dạy, chúng ta nhất định có thể làm được, vấn đề là ‘chúng ta có chịu làm hay không’. Phật dạy chúng ta mở rộng tâm lượng, thương yêu hết thấy chúng sanh cũng như chính mình, như vậy là ‘hành’, giải - hành phải tương ứng mới có thể chứng được.

Nhiều người trong thế gian có dã tâm rất lớn, họ muốn làm người không chế toàn thế giới, họ có thể làm được không? Có thể. Trong kinh Phật nói vua lớn nhất trong thế gian là Kim Luân Vương, thống trị một ‘Tứ thiên hạ’, tức là thống trị một thái dương hệ. Tại sao xưng là Luân Vương? Vì Ngài dùng ‘Luân Bảo’ làm công cụ giao thông và vũ khí. Việc này làm chúng ta liên tưởng đến vài chục năm gần đây nhiều nơi trên thế giới đồn đãi chuyện đĩa bay, đĩa bay chắc có lẽ là ‘luân bảo’ của Luân Vương. Có thể Luân Vương phái thuộc hạ đến đây xem xét. Họ dùng luân bảo này trong một ngày đêm có thể đi khắp một ‘tứ thiên hạ’, tức là một thái dương hệ, đây là một cách giải thích.

Nếu nói theo lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, một đơn vị thế giới là một hệ ngân hà; nói cách khác phạm vi cai quản của Luân Vương là một hệ ngân hà. Luân bảo của ngài trong vòng hai mươi bốn giờ có thể đi khắp một hệ ngân hà. Tại sao Luân Vương có thể thống trị một cõi nước lớn như vậy? Trong kinh nói ngài tu ‘Thập thiện nghiệp đạo và Tứ vô lượng tâm’ nên được phước báo lớn như vậy. Ma Hê Thủ La Thiên Vương là thiên vương có phước báo lớn nhất, Kim Luân Thánh Vương là người có phước báo lớn nhất trong cõi người, họ đều do tu tập tích lũy công đức mà được thành tựu như vậy, nhất định chẳng phải do võ lực, ngang tàng mà thành tựu.

Ở Trung Quốc, Tần Thi Hoàng dùng bá đạo [cai trị] ba mươi mấy năm liền mất nước; thời gian gần đây Hitler dùng bá đạo thì cũng vậy; người Nhật dùng võ lực gây chiến với Trung Quốc sau tám năm thì gần như diệt vong và đến sau cùng phải đầu hàng vô điều kiện; đây là bằng chứng trong lịch sử cho việc bá đạo chẳng thể thành tựu. Trong lịch sử Trung Quốc, vương triều kiến lập được dài

nhất là đời nhà Châu, kéo dài được tám trăm năm chính là nhờ thực hành chánh sách nhân từ, dùng Ngũ Luân, Bát Đức⁶⁴ để trị thiên hạ. Con cháu cuối đời nhà Châu chẳng tuân theo lời dạy của tổ tiên, chẳng nhân, chẳng nghĩa nên dẫn đến vong quốc. Nếu họ vẫn tuân theo nề nếp của tổ tông thì nhà Châu đã chẳng phải diệt vong.

Thế nên nhân từ, chân thành, yêu người, giúp đỡ người vô điều kiện, thành tựu cho người là phước báo chân thật trong thế gian và xuất thế gian. Phước báo chân thật chẳng để cho mình hưởng, mà cho hết thảy chúng sanh hưởng, vì hết thảy chúng sanh là chính mình. Cũng giống như một người già chân chánh thương yêu con cháu, tự mình làm việc, canh tác siêng năng, cực nhọc vì muốn cho con cháu được hạnh phúc, mỹ mãn. Ông ta xem con cháu như chính mình, con cháu hưởng thì cũng như chính mình hưởng thọ, đây là người trong thế gian. Chư Phật, Bồ Tát coi tất cả chúng sanh cũng như chính mình, trên thực tế hết thảy chúng sanh thật sự là chính mình. Ở đây nói rõ sanh mạng là một thể hoàn chỉnh, tận hư không trọn khắp pháp giới là một thể cộng đồng của chính mình, nghĩa là cùng chung một thể.

Nếu ví hư không pháp giới như một thân người, hết thảy chúng sanh chính là tế bào trong thân thể. Mỗi tế bào đều là chính mình, mỗi tế bào đều bình đẳng. Tuy mỗi công năng chẳng giống nhau, mắt có thể thấy, tai có thể nghe nhưng bất luận là mắt, tai, mũi, lưỡi hay nội tạng, tứ chi, da, móng tay khi phân tách nhỏ đều thành phân tử, nguyên tử, điện tử, những bộ phận này đều hoàn toàn giống nhau, đều bình đẳng. Thế nên tận hư không trọn khắp pháp giới đều là chính mình, đây là tri kiến Phật.

Tông Hoa Nghiêm thường nói ‘Tác Pháp Giới Quán’. Lúc trước có một số lão pháp sư, như pháp sư Long Tuyền, Trí Quang và Nam Đình đều học Hoa Nghiêm, trong kinh Hoa Nghiêm họ thấy tổ sư, đại đức nói về ‘Tác Hoa Nghiêm Quán’. Thế nào là Hoa Nghiêm Quán? Trong đời sống thường ngày, dốc sức làm việc và tận lực học hành, tận hư không trọn khắp pháp giới đều là chính mình, đây chính là Hoa Nghiêm Quán. Thế nên hết thảy chúng sanh giống như các tế bào trong thân thể, các tộc đoàn (*tạm dịch cho chữ tộc quần, đoàn thể chủng tộc*) khác nhau giống như các khí quan (*bộ phận trên thân thể*), thiếu một tộc đoàn [giống như thiếu một khí quan] thì người này sẽ sanh bệnh. Thế mới biết các tộc đoàn khác biệt hợp lại với nhau một cách hoàn chỉnh, mỹ mãn, tốt đẹp, trở thành một thể có cùng chung một sanh mạng, hiểu được như vậy thì bạn sẽ thương yêu hết thảy chúng sanh chẳng cùng tộc đoàn. Vì vậy chúng ta đối với những văn hóa, tộc đoàn, tôn giáo khác nhau đều dùng tâm chân thành và thương yêu, dùng hết sức giúp đỡ, như vậy chính là đem kinh Hoa Nghiêm biến thành hiện thực (*lạc thực*). Lạc thực nghĩa là chứng quả của kinh Hoa Nghiêm. Trong ‘Tín, Giải, Hành,

⁶⁴ Ngũ luân là năm quan hệ của con người: phu phụ (vợ chồng), phụ tử (cha con), huynh đệ (anh em), bằng hữu (bạn bè), quân thần (vua tôi).

Bát đức là tám đức hạnh quan trọng phải có để tu thân: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ.

Chúng’, Chúng có nghĩa là ‘lạc thực’, hoàn toàn thực hiện được trong đời sống, đời sống hiện thực này chính là ‘Phật Hoa Nghiêm’, [như vậy] chúng ta mới đạt được thọ dụng chân thật.

Chúng ta phải thể hội tấm gương năm xưa đức Phật Thích Ca thị hiện, hết lòng học tập trong vòng một năm thì sẽ có thể sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát. Lúc đó bạn sẽ thành Phật, thành Bồ Tát, tiền đồ vô cùng tươi sáng. Đây là kỳ vọng của chư Phật, Bồ Tát đối với chúng ta, nội trong đời này chắc chắn có thể chứng được, chỉ cần thực sự y giáo phụng hành. Những gì Phật dạy thì chúng ta làm hết lòng, những gì đức Phật dạy đừng làm thì chúng ta nhất định không làm, như vậy thì sẽ chứng nghiệm được chân tướng sự thật nói trong kinh, mới được thọ dụng chân thật của Phật pháp.

2. Ba nguyên nhân của bệnh tật

(Buổi sáng 25-2-99)

Nguyên nhân của bệnh tật gồm có ba loại:

Loại thứ nhất là nguyên nhân thuộc về sinh lý (*thuộc về phương diện sinh vật học*). Kinh Hoa Nghiêm nói hết thảy các pháp trong hư không pháp giới đều ‘*duy tâm hiện, duy thức biến*’. Đây là cơ sở, căn bản của Phật pháp, tất cả chư Phật đều kiến lập Phật pháp trên cơ sở này, tuyên thuyết vô lượng vô biên pháp môn cho chúng sanh. Thế nên chân tướng sự thật là ‘*y báo chuyển theo chánh báo*’, chánh báo là tâm thức, những gì có thể biến, có thể hiện là chánh báo, những gì được biến, được hiện là y báo. Nếu hết thảy y báo đều có thể tùy thuận theo chánh báo, tức là ‘tùy thuận theo sanh thái tự nhiên’, như vậy là khỏe mạnh nhất, tốt nhất.

Thân thể là một cái vũ trụ nhỏ, nếu mỗi khí quan, mỗi sợi gân máu nhỏ li ti, mỗi tế bào đều có thể tùy thuận sanh thái tự nhiên thì [thân thể] chẳng bao giờ bị bệnh. Ngược lại nếu chẳng thể tùy thuận theo tự nhiên thì sẽ sanh bệnh, đây là nguyên nhân bệnh tật thuộc về sinh lý. ‘Tự nhiên’ nói ở đây tức là ‘tâm tánh’ của chính mình, Phật nói ‘chân tâm ly niệm’, chân tâm chẳng có một vọng niệm gì cả tức là tự nhiên. Từ đây có thể biết khởi tâm động niệm là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức là đối nghịch với tự nhiên, đối nghịch với tâm tánh, cho nên những thứ này phá hoại khí quan, mạch máu, các tổ chức tế bào trong thân thể chúng ta, đây là nguyên nhân sanh ra bệnh tật. Do đó tâm địa càng thanh tịnh thì đau bệnh càng ít, nghiệp chướng cũng giảm nhẹ. Tất cả phiền phức đều do vọng tưởng sanh ra, đây chẳng những là nguồn gốc của bệnh tật mà cũng là cội rễ của lục đạo sanh tử luân hồi. Chúng ta hiểu được đạo lý này thì phải tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chân thành, quay về với tự nhiên, quay về với pháp tánh.

Quay về pháp tánh tức là ‘Pháp Thân Bồ Tát’, vĩnh viễn chẳng còn sanh tử, chẳng còn phiền não, chẳng còn bệnh đau. Cảnh giới này chính là Nhất Chân pháp giới, Hoa Tạng thế giới, Cực Lạc thế giới, và các báo độ của chư Phật, Bồ Tát đều như vậy. Chúng sanh mê mất tự tánh, trái ngược với tự nhiên nên mới nhận chịu các thứ khổ nạn. Người chân chánh có chí khí, có trí huệ sẽ tìm nguồn

gốc của khổ nạn và tiêu trừ nó để khôi phục cái đạo trường thọ, hạnh phúc nhất, khỏe mạnh nhất này, đó chính là ‘Vô Lượng Thọ’ nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi người vốn có vô lượng thọ nhưng vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên mới biến thành sanh tử luân hồi, tạo thành những ác tướng [trong luân hồi] này.

Loại thứ nhì là bịnh oan nghiệp, tức là oan gia chủ nợ trói buộc. Câu chuyện của Ngô Đạt quốc sư đời Đường ghi trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sám là thí dụ điển hình. Ngô Đạt quốc sư là cao tăng suốt mười đời, công phu tu hành rất tốt, trì giới tinh nghiêm, thiện căn chẳng mê muội, liên tục mười đời đều xuất gia tu hành. Đến đời thứ mười thì trí huệ, phước đức thành tựu nên được vua tôn làm thầy. Đây chẳng phải do tu hành trong một đời mà là do tu hành, trí huệ, phước đức tích lũy từ nhiều đời mới có thể làm thầy của vua. Giả sử ngài có thể gặp được pháp môn Tịnh Độ thì đã sớm về thế giới Cực Lạc thành Phật rồi!

Ngô Đạt quốc sư thọ nhận hoàng đế cúng dường trầm hương bảo tọa (ghế Thái Sư làm bằng gỗ trầm hương), nên sanh tâm hoan hỷ (hoan hỷ là phiền não, thuộc về thất tình ngũ dục: hỷ, nộ, ái, lạc, ái, ó, dục (*vui, giận, buồn, mừng, thương, ghét, ham muốn*)). Một tâm niệm hoan hỷ khởi lên thì thần hộ pháp liền rời khỏi, oan gia chủ nợ tìm đến và tạo nên một mụn ghẻ mặt người [trên đầu gối của quốc sư], khổ chẳng nói nổi. Hoàng đế tìm những vị thầy thuốc giỏi nhất chẩn bịnh cho ngài nhưng cũng không chữa hết. Ngài nhiều đời đều dụng công chân thật, chỉ vì lúc đó tiếp thọ cúng dường, sanh tâm ưa thích nên phiền não hiện tiền. Cho nên đức Phật dạy các đệ tử xuất gia phải ‘dùng khổ làm thầy’ là có đạo lý phi thường. Rất nhiều người tu hành một khi nhận sự cúng dường ngũ dục lục trần của tín đồ bèn đi đến A Tỳ địa ngục. Tấm gương của đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện là ba y một bát, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, tuyệt đối sẽ chẳng thoái đạo.

Ghẻ mặt người là do oan gia chủ nợ đời trước của Ngô Đạt quốc sư, người này là người làm chung với quốc sư, đời trước bị ngài hại chết⁶⁵. Oán hận kết quá sâu. Ngài là người tu hành có thần hộ pháp bảo hộ, tuy oan gia đời đời kiếp kiếp đều đi theo nhưng chẳng thể đến gần. Đến đời thứ mười mới tìm được cơ hội nên oan gia liền nhập vào người. Ngài gặp nạn này, Phật, Bồ Tát biết được; trong kinh Kim Cang, đức Phật Thích Ca Mâu Ni phó chúc các đại Bồ Tát phải thường săn sóc, lo lắng cho tiểu Bồ Tát. Lúc Ngô Đạt quốc sư còn làm một chú tiểu, một hôm gặp người hành khất bị ghẻ độc, mùi hôi hám khó chịu nổi, chẳng ai chịu đến gần người hành khất này. Khi ngài gặp được, sanh khởi tâm từ bi và săn sóc cho người hành khất, lại còn dùng miệng hút mủ độc ra. Sau đó người hành khất bớt bịnh và nói với ngài: ‘Nếu sau này ông gặp khó khăn gì thì hãy đến

⁶⁵ Mười đời trước đời của Ngô Đạt quốc sư có chuyện Viên Áng chém Triều Thố (200 – 154 trước Công Nguyên, một chính trị gia nổi tiếng đời Tây Hán) ở ngoài chợ. Triều Thố bị chém vô cùng oan ức nên ôm mối hận trong lòng và tìm cách báo thù. Viên Áng cả mười đời đều xuất gia làm tăng, giới luật nghiêm minh nên Triều Thố chẳng trả thù được, đến đời thứ mười Triều Thố mới trả thù bằng cách gây ra mụn ghẻ mặt người trên chân của Ngô Đạt (tức Viên Áng) quốc sư. (Trích từ tựa cuốn Từ Bi Thủy Sám)

tìm tôi, tôi trú tại một ngọn núi ở Tứ Xuyên, trên núi có hai cây tùng, [ông tìm chỗ có hai cây tùng thì sẽ gặp tôi]’.

Khi Ngô Đạt quốc sư bị ‘ghẻ mặt người’, nhớ đến lời người hành khát này đã nói lúc trước nên đến Tứ Xuyên để tìm người ấy. Đi theo lời dẫn quả nhiên tìm được chỗ có hai cây tùng, ngài đến chỗ đó và nhìn thấy một đạo tràng lớn hiện ra. Người hành khát sanh bệnh lúc trước chính là tôn giả Ca Nặc Ca thị hiện, ngài là một vị đại A La Hán đến để thử xem Ngô Đạt quốc sư có tâm đạo, tâm từ bi hay chẳng, và cũng biết tương lai ngài sẽ bị nạn ghẻ mặt người. Sau đó tôn giả Ca Nặc Ca dùng nước Từ Bi Tam Muội để rửa ghẻ mặt người; mụn ghẻ mặt người đột nhiên thốt ra tiếng và kể lại nghiệp duyên đời trước. Lúc bấy giờ Ngô Đạt quốc sư mới hiểu. Tôn giả Ca Nặc Ca điều [định hóa] giải oan trái này xong, oan gia đồng ý và chịu ra khỏi thân thể thì bệnh của Ngô Đạt quốc sư liền khỏi.

Thế nên người đời đừng kết oán thù, chuyện này quan trọng phi thường. Nếu người ta hủy báng mình, sỉ nhục mình, hãm hại mình thì cũng phải cam tâm nhẫn chịu, tuyệt đối đừng khởi lên tâm niệm báo phục gì hết. Nếu có một tơ hào tâm niệm muốn báo thù thì sẽ oan oan tương báo chẳng bao giờ dứt. Hôm nay họ sỉ nhục, hãm hại, thậm chí sát hại mình, nhất định là đời trước mình đã từng hại họ, sỉ nhục họ, hôm nay họ đối với mình như vậy thì món nợ này sẽ được trả dứt. Hết thấy nên nghĩ là mình phải trả nợ, đời sau có gặp lại thì sẽ là bạn bè, sẽ chẳng làm oan gia đối đầu nữa. Do đó quyết không nên có một tơ hào muốn làm hại người khác, đừng có một chút hành vi gì làm tổn hại kẻ khác, đó chính là tu hành, được vậy thì bạn mới thật sự có phước.

Không thể kết oán thù với hết thấy chúng sanh, ngay cả súc sanh cũng chẳng thể kết oán. Kinh Lăng Nghiêm nói: *‘Người chết làm dê, dê chết làm người’*, người ăn thịt dê, người chết đi biến thành dê, dê chết đi lại sanh làm người, người lại ăn thịt dê, đời đời kiếp kiếp ăn qua ăn lại, oan oan tương báo, dây dưa chẳng dứt. Đến lúc báo đền thì tuyệt chẳng báo đền vừa đúng, sẽ luôn luôn thêm một ít, mỗi đời đều thêm một chút, đến sau cùng sẽ tạo thành kiếp nạn to lớn. Trong bài ‘Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn’ có một đoạn kể chuyện Văn Xương Đế Quân đời trước tạo sát nghiệp, từ một sát nghiệp nhỏ tích lũy mười mấy đời trở thành sát nghiệp nặng nề, quả báo tại địa ngục A Tỳ. Đây là nhân duyên thứ nhì gây ra bệnh tật. Nếu gặp những loại bệnh này, phải tụng kinh, niệm Phật, tích lũy công đức hồi hướng để điều giải (*điều định hóa giải*). Nếu họ tiếp nhận thì vấn đề sẽ được giải quyết, [bệnh tật sẽ khỏi]; nếu họ chẳng chịu thì vẫn còn phiền phức.

Loại thứ ba là bệnh do nghiệp chướng tạo nên, chẳng thuộc về sinh lý (thuộc về phương diện sinh vật học), cũng chẳng thuộc oan nghiệp, là do tự mình tạo ác nghiệp quá nhiều. Loại bệnh này thuốc men chẳng có hiệu quả gì hết; tụng kinh, bái sám, hồi hướng cũng chẳng có hiệu quả, chỉ có cách dùng tâm chân thành sám hối mới có thể cứu. Nói cách khác phải dùng tâm chân thành và tu pháp sám hối, sửa sai đổi mới, ‘đừng làm việc ác, chuyên làm việc thiện’ thì mới có thể tiêu trừ

loại bệnh khổ này. Tóm lại phàm là bệnh đau gì thì nhất định phải có nguyên nhân, tiêu trừ hết nguyên nhân ấy mới có thể khôi phục sức khỏe thực sự.

Trong xã hội hiện nay thường có ba loại bệnh này, nếu người bệnh biết được nguyên nhân gây bệnh, y theo lời dạy mà tu hành thì chẳng ai không được cứu. Những chuyện này chỉ có Phật pháp mới nói được thấu suốt, viên mãn, chúng ta học Phật thì cũng phải biết. Có thân thể khỏe mạnh, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, thì chướng ngại trên đường Bồ Đề sẽ giảm bớt, tu hành chứng quả sẽ được thuận buồm xuôi gió.

3. Ý nghĩa chân thật của Phật thất

(Buổi sáng 22-3-99)

a. Mục đích của Phật thất:

Phật thất chẳng phải là pháp hội, nếu xem như là pháp hội thì đó chỉ là tụ tập náo nhiệt, ý nghĩa chẳng lớn. Mục đích chân chánh của Phật thất là buông xuống vạn duyên, hy vọng trong vòng bảy ngày này nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, và đạt được kết quả ‘nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo’. Công phu nhất tâm bất loạn có sâu cạn chẳng đồng, dựa trên sự buông xuống của hành giả được nhiều hay ít; buông xuống được nhiều thì công phu nhất tâm được sâu; buông xuống ít thì công phu nhất tâm sẽ cạn. Nhất tâm gồm có Lý nhất tâm, Sự nhất tâm, và công phu thành phiền, công phu thành phiền là Sự nhất tâm mức cạn nhưng vẫn nắm chắc có thể vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới.

b. Công phu thành phiền

Công phu thành phiền là như thế nào? Niệm Phật đã được thuần thực, chân chánh trong ngày đêm sáu thời (*tức là hai mươi bốn giờ*) chẳng khởi vọng niệm, chỉ có Phật hiệu trong tâm; lúc niệm có Phật hiệu, lúc chẳng niệm vẫn có Phật hiệu trong tâm. Rất nhiều đồng tu có kinh nghiệm này nhưng chỉ có thể duy trì trong thời gian ngắn, chẳng thể duy trì lâu dài, nếu có thể duy trì lâu dài thì tức là công phu thành phiền, đây là cảnh giới tốt.

c. Làm thế nào buông xuống

Phải biết vọng tưởng, tạp niệm, phân biệt, chấp trước nhất định sẽ phá hoại chánh niệm. Chúng ta phải có cảnh giác cao độ, nếu không thể buông bỏ vọng tưởng, tạp niệm thì chẳng thể vãng sanh, chẳng thể thoát ly lục đạo luân hồi. Làm thế nào để giải quyết vấn đề này? Câu trả lời vẫn là một câu nói cũ rích: ‘*Phải buông xuống!*’. Trong đời sống thường ngày niệm niệm đều vì chúng sanh, niệm niệm đều vì xã hội, đừng nghĩ cho mình thì sẽ dễ buông xuống được. Lý do người thế gian chẳng thể buông xuống là vì khi khởi tâm động niệm đều nghĩ cho mình, đều vì mình, đây là một chướng ngại to lớn. Chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức trong

các kinh luận nhiều lần nhắc nhở chúng ta, chúng ta đã đọc xong, nghe xong, vẫn lơ lơ như đá, vẫn tự tư tự lợi, vẫn giữ tâm niệm bảo hộ mình.

Điều đầu tiên trong tư tưởng của người Mỹ là làm thế nào để bảo vệ chính mình. Ở Mỹ tư tưởng này được công nhận là chính xác, có thiệt là chính xác hay chẳng? Không hẳn vậy. Niệm niệm muốn bảo hộ mình là tăng thêm ngã chấp. Ngã chấp là căn bản của lục đạo luân hồi. Phật dạy chúng ta phải ‘vô ngã’ cho nên bảo hộ mình là sai lầm. Vô ngã thì sẽ chẳng có luân hồi, có ‘Ta’ thì sẽ có luân hồi; có ‘Ta’ thì nghiệp mình tạo là nghiệp luân hồi; vô ngã -- chẳng có Ta thì nghiệp mình tạo là tịnh nghiệp. Chữ Ngã trong ‘Thường - Lạc - Ngã - Tịnh’ nói trong kinh là ‘chân ngã’, ngày nay chúng ta chấp trước thân này là Ta, đây là ‘giả ngã’ (Ta giả). Thiên tông nói rất hay: ‘mặt mũi vốn sẵn có khi cha mẹ chưa sanh’ mới là chân ngã.

Chân ngã là tự tánh, pháp tánh, pháp thân, tìm được chân ngã tức là thành Phật, tức là pháp thân Như Lai. Pháp thân là gì? Hư không pháp giới hết thấy chúng sanh chính là pháp thân. Do đó mới biết chúng ta thường niệm hết thấy chúng sanh, thường tưởng hết thấy chúng sanh thì sẽ tương ứng với pháp thân, chân ngã, Phật đạo. Niệm niệm đều tự tư tự lợi, niệm niệm đều bảo hộ chính mình là sai lầm to lớn. Bao nhiêu thiện pháp, công đức chân thật đều bị quan niệm sai lầm này gây nên chướng ngại; chẳng những chướng ngại thiện pháp công đức của mình mà còn tạo nên rất nhiều nghiệp tội. Tội nghiệp này sẽ chướng ngại hết thấy thiện pháp của chúng sanh, phá hoại công đức của đại chúng, căn nguyên của những thứ này đều là ‘một niệm riêng tư’.

Đặc biệt trong thời đại hiện nay, tai nạn dồn dập, đây chẳng phải là dấu hiệu tốt. Nếu chúng ta muốn cứu mình thì đầu tiên phải dẹp bỏ tâm niệm tự tư tự lợi. Niệm Phật thì cũng vì hết thấy chúng sanh mà niệm, đây chẳng những là tự lợi mà cũng là lợi tha. [Hãy nghĩ] tôi hết lòng nỗ lực niệm Phật là vì muốn tiêu tai nạn [nghiệp chướng] của hết thấy chúng sanh, vì cầu hòa bình vĩnh cửu cho thế giới, chẳng phải vì mình mà niệm. Chúng sanh tạo nghiệp chẳng biết niệm Phật, tôi niệm Phật thay cho họ, đây là lòng tốt. Cho dù kiếp nạn chẳng thể tiêu trừ nhưng cũng có thể giảm bớt, trì hoãn, hoặc rút ngắn, hiệu quả này có thể khẳng định được.

Phật thất tại Niệm Phật Đường Tân Gia Ba kéo dài suốt năm, giảng đường mỗi tuần giảng kinh mười bốn giờ, mục đích là cầu mong tiêu tai miễn nạn cho hết thấy chúng sanh, cầu mong xã hội an định hòa bình, chẳng hoàn toàn vì cá nhân mình. Vì chúng sanh tức là vì chính mình, vì mình mà niệm Phật thì có thể làm biếng giải đãi, nếu vì chúng sanh thì sẽ chẳng dám giải đãi. Nếu tôi chẳng hết lòng niệm Phật thì chúng sanh sẽ chẳng được cứu; nếu tôi hết lòng niệm Phật thì tai nạn sẽ được hóa giải; nói cách khác tôi có trách nhiệm trong việc hóa giải kiếp nạn được hay không, có thể trì hoãn kiếp nạn hay không. Tôi phải dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm từ bi dũng mãnh tinh tấn, niệm câu Phật hiệu này cho đàng hoàng, buông xuống hết thấy thân tâm thế giới thì tự nhiên sẽ được cảm ứng.

4. Duyên và Sám hối (Buổi sáng 27-3-99)

a. Thị hiện vãng sanh.

Trong Phật thất tại Dallas, lão cư sĩ họ Mã vãng sanh, chúng tôi nghe xong vô cùng hoan hỷ. Trong ‘tam chuyển pháp luân’ - thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển, cụ Mã thị hiện vãng sanh trong Phật thất và đã chứng minh cho chúng ta. Đây là lợi ích, công đức thù thắng của sự niệm Phật, chúng ta nên noi gương và học tập. Hết thầy pháp trong thế gian đều là giả, chỉ có vãng sanh bất thoái thành Phật là thiệt, chúng ta phải nắm chắc cơ duyên này.

Đại Từ Bồ Tát nói: *‘Nếu có thể trong đời này khuyến hai người vãng sanh thì còn hơn tự mình tinh tấn, nếu có thể khuyến mười hoặc hai mươi người vãng sanh thì công đức vô lượng’*. Khuyến người được càng nhiều thì càng thù thắng, công phu niệm Phật của mình đỡ một chút cũng có thể vãng sanh. Thế nên giúp người vãng sanh là công đức lớn nhất trong thế gian và xuất thế gian.

b. Duyên

Lý do niệm Phật nhưng chẳng thể vãng sanh, thứ nhất là vì thiện căn, phước đức, và nhân duyên chẳng đủ. Kinh Di Đà nói: *‘Chẳng thể dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên được sanh cõi ấy’*. Thứ nhì là vì nghe kinh quá ít, đối với những đạo lý và chân tướng sự thật mà đức Phật đã dạy, chẳng khế nhập, chẳng thể lý giải, vẫn sanh hoạt trong phiền não, vọng tưởng, tạp niệm, cho nên công phu đã bị khấu trừ đi rất nhiều. Công phu chẳng đắc lực và niệm Phật khó được thành tựu cũng chẳng vượt ra ngoài hai nhân tố này. Thiện căn phước đức có thể thành thực hay chẳng thì ‘duyên’ rất quan trọng. Đây cũng như lời dạy của Thiện Đạo đại sư trong ‘Quán Kinh Sớ’: *‘Cửu phẩm vãng sanh đều do gặp duyên chẳng đồng’*. Nói cách khác nếu gặp được duyên thù thắng thì cho dù thiện căn phước đức kém một tí nhưng vẫn có thể bù đắp, đời này cũng quyết định vãng sanh. Do đó có thể thấy ‘duyên’ đối với chúng ta vô cùng quan trọng.

Đạo tràng là duyên, bạn tốt là duyên, nghe pháp là duyên, năm xưa lúc đức Phật còn tại thế, Ngài thị hiện cho chúng ta xem suốt bốn mươi chín năm mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp chẳng gián đoạn, đây là làm ‘tăng thượng duyên’ cho chúng ta, làm cho những người có thiện căn phước đức kém một chút dùng phương pháp nghe kinh để bù đắp thì ngay trong đời này có thể thành tựu.

c. Đạo tràng chánh pháp

Đạo tràng của nhà Phật từ xưa đến nay đều lấy việc giảng kinh, thuyết pháp, giáo học làm chính. Phật pháp suy thoái thì cũng mới hai trăm năm nay mà thôi. Nguyên nhân suy thoái chính là vì trong chùa không có giảng kinh. Không có giảng kinh, chẳng hiểu lý luận, phương pháp tu hành, cho dù tu hành thì cũng

là tu mù luyện đui, chẳng được chư Phật, Bồ Tát gia trì, ngược lại còn bị yêu ma quỷ quái nhiễu loạn, đây là nguyên nhân đạo tràng suy bại. Chúng ta hiểu rõ, minh bạch nên hy vọng xây dựng một đạo tràng chánh pháp, báo ân Phật, báo ân chúng sanh.

Đạo tràng chánh pháp phải giảng kinh mỗi ngày nhưng hiện nay pháp sư giảng kinh rất ít, chúng ta lợi dụng sự tiện lợi của khoa học kỹ thuật, lúc giảng kinh giữ lại băng thâu hình và thâu âm rồi làm thành CD, VCD để tặng miễn phí cho đại chúng. Được vậy thì bạn có thể nghe kinh mỗi ngày. Nếu bạn chẳng có nhiều băng thâu hình cứ nghe lại băng cũ, nghe mười lần, hai mươi lần, nghe hoài chẳng bỏ, thì sẽ từ từ hiểu được đạo lý, tâm ngày càng thanh tịnh, tâm ngày càng định, như vậy thì Ma sự sẽ giảm ít, Ma chẳng thể làm gì được, Ma muốn nhiễu loạn cũng chẳng tìm được cơ hội. Chỉ cần bạn thực sự làm thì Ma cũng sẽ cảm động, không những Ma chẳng nhiễu loạn mà còn đến hộ pháp nữa, đây là việc chúng ta phải biết. Thế nên nghe kinh quan trọng hơn bất cứ chuyện gì.

Đạo tràng phải có Học, phải có Đạo. ‘Học’ là mỗi ngày đều giảng kinh, nghe kinh. Chữ Đạo ở đây là trì danh niệm Phật, Phật hiệu chẳng gián đoạn trong Niệm Phật Đường, người niệm Phật chẳng gián đoạn. Có Đạo, có Học mới có thể ‘trên đền tứ ân, dưới độ tam khổ’.

d. Buông xuống

Cần phải buông xả những chuyện tạp nhạp trong thế gian và xuất thế gian, buông xuống chẳng phải buông xuống trên Sự tướng, mà là buông xuống trong tâm, trong tâm chẳng thêm nhiễm mây tơ. Người xuất gia chủ trì đạo tràng phải hộ trì đạo tràng nên phải phát họa các hoạt động nhằm giúp đỡ mọi người tu học, đây là Sự; *Buông xuống là trong tâm chẳng lưu lại dấu vết, vĩnh viễn bảo trì ‘chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi’*. Tâm địa ‘chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi’, hành trì tự hành hóa tha, hóa tha là khi tiếp xúc hết thầy đại chúng *đều tương ứng với ‘nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên’*, được vậy thì chúng ta trụ trong chánh pháp. Đề ra mười câu này, mục đích là hy vọng chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, từng ly từng tí gì cũng đều tương ứng. Làm thế nào mới có thể được tương ứng là học vấn, công phu, phải thường học tập, thường thể hội. Nguyên tắc tu hành trong nhà Phật rất nhiều, tông trì (tức là cương lĩnh) chẳng phải chỉ có một thứ; nắm chắc lấy mỗi cương lĩnh đều có thể quán thông hết thầy các pháp.

e. Sám hối

Đối với những người nghiệp chướng sâu nặng thì sám hối rất quan trọng. Tam Trọng Diệu Âm Tịnh Tông Học Uyển ở Đài Bắc mỗi ba tháng cử hành phát lồ sám hối một lần, tất cả các đồng học tụ họp lại kiểm điểm coi trong ba tháng vừa qua đã làm những chuyện gì sai, nói ra chẳng dấu gì hết, sửa sai đổi mới. Trong Phật môn gọi việc này là ‘Tự tứ pháp hội’, lúc trước là một năm cử hành một lần, hiện nay chúng ta nghiệp chướng nặng, một năm làm một lần không đủ.

Tam Trọng Diệu Âm Tịnh Tông Học Uyển ba tháng cử hành một lần, cách làm này đáng được đẩy mạnh và truyền rộng ra.

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba chẳng phát lồ sám hối mỗi năm một lần, cũng chẳng phải ba tháng một lần, ông ta sám hối mỗi ngày, mỗi ngày đều phát hiện lỗi lầm của mình, mỗi ngày sửa lỗi nên hai năm gần đây đạo tràng nơi đó vô cùng hưng vượng, thù thắng. Bất cứ người nào phê bình chúng tôi, chúng tôi đều vui vẻ tiếp nhận, hết lòng phản tỉnh, nếu có sai thì sửa, nếu không sai thì ngăn ngừa. Đa số người phê bình đều rất ít tiếp xúc với chúng tôi, chẳng hiểu rõ, có rất nhiều sự hiểu lầm. Nhưng họ nói ra cũng tốt, nếu chẳng có lỗi này thì chúng tôi cố gắng chẳng phạm; nếu có thì khi họ chỉ ra giúp chúng tôi, chúng tôi rất cảm kích, lập tức sửa đổi, họ đều là thiện tri thức. Học Phật như thế thì cả đời đều sinh hoạt với tâm niệm biết ơn, đây thực sự là hạnh phúc mỹ mãn. Có thái độ tu học tốt đẹp thì đạo nghiệp đời này mới có thể thành tựu, sanh hoạt mới mỹ mãn. Nếu vừa nghe người khác nói ra lỗi lầm của chúng ta liền chẳng vui, như vậy là sai lầm to lớn, là mê hoặc điên đảo, lỗi lầm vĩnh viễn chẳng thể sửa đổi trở lại, đây là chướng ngại to lớn trên đạo nghiệp, làm sao có thể thành tựu cho được! Những người thành tựu trong pháp thế gian và xuất thế gian đều mạnh dạn sửa sai, vui vẻ tiếp nhận sự phê bình của kẻ khác.

5. Ý nghĩa quan trọng của việc siêu tiến (siêu độ) (Buổi sáng 30-3-99)

Nhìn một cách cạn cợt thì Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự là sự hiển thị của hiệu đạo, nhà Nho coi trọng, cung kính làm chuyện truy niệm công ơn tổ tiên, hiệu quả là đạo đức của dân chúng trở nên sâu dày⁶⁶. Đây là sự giáo dục tốt đẹp, dạy chúng ta hiếu thân, báo ân, đây là căn bản của đức hạnh. Từ xưa đến nay người Trung Quốc chú trọng hiếu đạo, đặc biệt coi trọng việc tế lễ tổ tiên. Trong ‘Cổ Lễ’ đối với tế lễ rất thận trọng, lễ tiết tương đối nhiều và tỉ mỉ, dụng ý rất sâu!

Trong Phật pháp nếu quan sát sâu thêm một tầng thì ý nghĩa này càng trọng đại. Trong kinh Địa Tạng Bồ Tát bản nguyện, Thế Tôn cụ thể nói rõ, việc siêu tiến (siêu độ) đích thật có hiệu quả. Người nhà của cô gái dòng Bà La Môn và cô Quang Mục lúc sanh tiền tạo ra tội nghiệp cực nặng, sau khi chết堕 vào địa ngục. Tìm cách cứu người thân ra khỏi địa ngục là tâm của người con hiếu. Có thể làm nổi hay chẳng? Có thể, vì đức Phật dạy: ‘*Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*’. Dùng tâm chân thành, tâm từ bi, tu học đúng theo lý luận và phương pháp Phật dạy thì có thể đạt được mục đích này. Nếu chỉ có hình thức siêu độ mà chẳng chuyển biến trên thực chất thì không được; chỉ có thể nói ‘có làm’ tốt hơn ‘chẳng làm’ mà thôi, hiệu quả thực sự rất khó nói.

Phương pháp [siêu độ] dùng trong kinh Địa Tạng là phương pháp niệm Phật, thế mới biết phương pháp niệm Phật vô cùng thù thắng. Niệm Phật nhất định phải niệm đến lúc có công phu thì mới đạt được hiệu quả; nếu niệm Phật

⁶⁶ Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu

chẳng có công phu, niệm càng nhiều, chẳng chuyển cảnh giới nổi thì hiệu quả của việc siêu độ sẽ chẳng đạt được. Cô gái Bà La Môn niệm Phật một ngày một đêm nhìn thấy địa ngục trong lúc nhập định, gặp quỷ vương, quỷ vương nói với cô rằng mẹ cô đã sanh đến cung trời Đao Lợi. Tại sao bà có thể sanh lên trời? Vì bà có người con hiếu thảo, y theo lời dạy của Phật mà siêu độ cho bà, chẳng những bà được sanh lên trời, những chúng sanh cùng chịu tội trong địa ngục với bà cũng được hưởng phước lây, họ đều được sanh lên trời. Cô niệm Phật một ngày một đêm có chuyện biến như thế nào? *'Chuyển phàm thành thánh'*. Cô được nhất tâm bất loạn, được nhất tâm bất loạn tức là thánh nhân, chẳng còn là phàm phu, cho nên quỷ vương xưng cô bằng Bồ Tát, đây là cảnh giới trong định. Do đó mới biết lời trong kinh Di Đà nói: *'Nếu [niệm] một ngày, nếu hai ngày, đến bảy ngày nhất tâm bất loạn'* là chẳng giả dối. Cô Bà La Môn niệm hết một ngày một đêm, công phu của cô sâu cạn thì chúng ta chẳng biết nhưng khẳng định là cô đạt được 'nhất tâm bất loạn'. Nhất tâm bất loạn có cạn sâu chẳng đồng, có Sự Nhất Tâm, Lý Nhất Tâm. Nếu là Lý Nhất Tâm thì như kinh Hoa Nghiêm có nói, bốn mươi một vị Pháp Thân đại sĩ chứng được Lý Nhất Tâm; cấp bậc cạn sâu của Lý Nhất Tâm gồm có bốn mươi một cấp bậc. Lý Nhất Tâm đã vậy thì Sự Nhất Tâm cũng chẳng ngoại lệ, chứng được Sự Nhất Tâm Bất Loạn, công phu tương đương với A La Hán, Kiến Tư phiền não đã đoạn dứt. Kiến Tư phiền não chưa đoạn là công phu thành phỉến, cho nên thấp nhất thì cô cũng đạt được Sự Nhất Tâm Bất Loạn.

Cô Bà La Môn có thể chuyển phàm thành thánh là do má cô giúp. Nếu má cô chẳng tạo tội nghiệp, chẳng đọa địa ngục thì cô sẽ chẳng niệm Phật, cô vĩnh viễn sẽ là phàm phu, vì vậy công đức của má cô là ở chỗ này, nhờ bà có công đức nên mới sanh lên trời được. Chúng ta hiểu đạo lý xong mới biết muốn siêu độ người thân trong nhà thì phải phát tâm chân thật, tự mình phải tu hành chân thật, chân chánh tu hành chứng quả, hồi hướng công đức cho họ. Họ đọa lạc bắt buộc chúng ta không tu không được, nếu mình chẳng tu thì họ không được độ, họ phải chịu khổ; nếu mình chân tu, làm ra thành tích thì họ có thể lìa khổ, thế nên hai bên giúp đỡ thành tựu cho nhau.

Hôm nay chúng ta làm Phật sự, làm theo nghi thức, nếu cảnh giới của chúng ta chẳng thể chuyển biến thì hiệu quả của sự siêu độ vô cùng yếu ớt. Họ ở cõi địa ngục thì vẫn ở địa ngục; ở cõi ngạ quỷ thì vẫn ở cõi ngạ quỷ. Nếu trong khóa Phật sự này tâm niệm của người siêu độ có thể thay đổi, có thể làm được *'chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ'*, người được siêu độ sẽ được lợi ích; nếu trong khóa Phật sự này thật sự có thể làm được *'chuyển phàm thành thánh'* thì người được siêu độ chắc chắn sẽ thoát ly ác đạo.

Cô Quang Mục cũng niệm Phật nhưng công phu cạn hơn một chút, chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, chỉ đạt được công phu thành phỉến, nên chỉ có thể được cảm ứng trong giấc mộng. Trong mộng, Phật nói cho cô biết mẹ cô đã thoát ly ác đạo, và sanh vào cõi người. Mẹ cô Bà La Môn sanh lên trời Đao Lợi, còn mẹ cô Quang Mục sanh làm con của người đầy tớ trong nhà. So sánh hai người này thì công phu của cô Quang Mục thấp hơn một bậc nên hiệu quả cũng giảm

xuống một bậc. Từ đó có thể biết tiếp nhận [lời thỉnh cầu] siêu độ cho người ta chẳng dễ. Tín đồ lấy tiền cung cung kính kính mời bạn siêu độ cho người nhà của họ, nếu bạn siêu độ chẳng nổi, nhưng bạn đã tiêu tiền của người ta rồi, phiền phức lớn lắm! Cả đời tôi chẳng dám làm việc này vì tôi hiểu đạo lý và chân tướng sự thật trong đó. Cho nên làm Phật sự thì đừng tiêu một đồng xu các bạc gì hết, phải dùng tâm chân thành, tận tâm tận lực mà làm thì đối với họ sẽ có ích lợi. Nếu siêu độ mà còn trả giá, kéo nài tiền bạc, chẳng những một tí hiệu quả gì cũng không có mà còn ‘tác dụng phụ’ nữa, đây là điều mà chúng ta phải hiểu. Do đó mới biết chỉ cần tự mình làm thật sự, tự mình có công phu chân thật thì hình thức chẳng quan trọng.

Trong cuốn Ảnh Trần Hồi Úc Lục của lão pháp sư Đàm Hư có ghi một câu chuyện gọi là ‘Tám năm đóng cửa đọc Lăng Nghiêm’⁶⁷. Lúc đó ngài còn chưa xuất gia, cùng vài người bạn đồng tham (*bạn đạo*) cùng nhau học tập kinh Lăng Nghiêm. Họ dùng tám năm để học bộ kinh này, có được một phần thành kính và cũng được chút ít công phu. Họ hùn vốn lập ra một tiệm bán thuốc Bắc, một hôm vào bữa trưa chẳng có khách, một người trong nhóm ngủ gục ở quầy bán thuốc. Đang lúc mơ màng trong giấc ngủ thì nhìn thấy hai người đến tìm ông ta, hai người này là oan gia chủ nợ của ông. Lúc hai người này còn sống vì xích mích tiền bạc nên phải thưa kiện, kết quả là ông thắng kiện và hai người thua kiện này treo cổ tự tử. [Nhìn hai người này đến ông cũng hơi lo, sợ họ lại đòi nợ] Hai linh quỷ này đi đến trước mặt ông quỳ xuống, ông ấy hỏi:

‘Các ông đến làm gì?’

Họ nói: ‘Chúng tôi đến cầu xin siêu độ’.

Nghe xong ông mới hơi yên tâm và hỏi: ‘Tôi làm sao siêu độ cho các ông?’.

‘Chỉ cần ông chấp thuận là được’.

‘Được, tôi sẽ siêu độ cho các ông’.

Nói xong ông thấy hai linh quỷ này đập lên đầu gối và vai của ông xong rồi bay lên trời, ông chẳng phải làm một nghi thức gì để siêu độ cả.

Sau đó lại nhìn thấy hai linh quỷ khác, một là vợ lúc trước của ông, hai là con ông. Hai người này cũng đến xin ông siêu độ. Ông chấp thuận và thấy hai linh quỷ này cũng đập lên đầu gối và vai của ông rồi bay lên trời.

Đạo lý của câu chuyện này là như thế nào? Giống như đạo lý nói trong kinh Địa Tạng, ông này đọc kinh Lăng Nghiêm sau tám năm cũng có công phu. Nếu tu hành chẳng có công phu, quỷ cũng chẳng chịu đến tìm bạn; nếu họ đến tìm bạn thì chứng minh rằng công phu của bạn có thể giúp đỡ cho họ.

Bởi vậy nên tôi khuyên các vị đồng học, hiện nay đã học được kỹ thuật nói chuyện trên giảng đài, đức hạnh rất quan trọng, có đức hạnh mới có thể siêu độ cho oan gia chủ nợ. Nếu chẳng có đức hạnh thì giảng kinh thuyết pháp chỉ là phước đức, phước đức chẳng thể xuất tam giới, chỉ được quả báo tốt ở đời sau;

⁶⁷ Bát tãi hàn song độc Lăng Nghiêm

giảng kinh thuyết pháp là tu bố thí pháp, đời sau sẽ được thông minh trí huệ. Nếu có đức hạnh thì giảng kinh thuyết pháp là công đức, dùng công đức ấy hồi hướng cầu sanh Tịnh độ thì chắc chắn sẽ được sanh. Chúng ta phải hiểu rõ ràng những đạo lý và chân tướng sự thật này, chúng ta phải biết cách làm lễ siêu độ Phật sự Tam Thời Hệ Niệm này như thế nào.

Tôi đã giảng Tam Thời Hệ Niệm, tại sao phải giảng? Nếu chẳng giảng thì không [hiểu đạo lý và khi làm Phật sự không] thể khế nhập vào cảnh giới. Các đại đức thời xưa thường dạy chúng ta khi đọc kinh, nghiên giáo phải ‘tùy văn nhập quán’, tùy văn nhập quán tức là khế nhập vào cảnh giới, nếu chẳng hiểu câu văn này thì làm sao có thể nhập cảnh giới được! Nhất định phải giảng rõ phương pháp để cho hết thảy những người tham gia đều hiểu rõ, lúc [hiểu rõ và] đọc câu văn ấy thì cảm thọ sẽ khác; nói cách khác tức là chuyển cảnh giới. Tuy thời gian chuyển cảnh giới chẳng dài, làm xong thì đều quên hết, nhưng trong lúc làm có thể khế nhập vô đôi chút cũng tốt, cũng có thể sanh ra một ít hiệu quả. Nếu thật sự có thể khế nhập và chẳng thoái chuyển thì công đức sẽ lớn vô cùng, người mình muốn siêu độ sẽ thực sự được độ. Cùng một đạo lý ấy, tu hành bất cứ pháp sự nào cũng phải giảng kỹ càng về nội dung của pháp sự đó, đều phải nghiên cứu đàng hoàng, tốt nhất là những người tham gia đều hiểu rõ thì pháp sự này sẽ thù thắng phi thường. Dùng phương pháp khoa học hiện đại để giải thích những đạo lý này thì đó chính là hiện tượng ba động (*làn sóng*). Tu học, đọc kinh, niệm Phật đích thực là có hiệu quả, không những nâng cao cảnh giới của mình, đối với người thân, quyến thuộc thậm chí đến hết thảy chúng sanh đều có ích lợi. Ích lợi nhiều hay ít, lớn hay nhỏ hoàn toàn tùy thuộc vào cách dụng tâm của mình, tâm càng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, thì hiệu quả càng thù thắng. Nếu trong đó xen tạp nghi ngờ, âu lo, xen tạp vọng tưởng, phiền não thì công phu sẽ bị phá hoại hoàn toàn, phải hiểu rõ nghĩa lý này.

Trong truyện ký có chép một câu chuyện, Thích Kế Quang là một vị tướng đời Minh, ông là một Phật giáo đồ rất thuần thành. Có lần nằm mộng, gặp một người lính đã chết ngoài trận đến xin siêu độ, xin ông niệm kinh Kim Cang để hồi hướng cho ông lính, ông tướng này chấp thuận. Hôm sau ông dùng tâm rất cung kính để niệm một bộ kinh Kim Cang, niệm đến phân nửa, người hầu trong nhà rót cho ông một tách trà, ông chẳng nói gì chỉ dùng tay vẫy vẫy có ý muốn nói ‘không cần’ nên người hầu mới bung tách trà đi khỏi. Đêm đó ông nằm mộng thấy người lính này đến cảm ơn, người lính nói: “Tôi chỉ được nửa cuốn, vì trong đó ông đã ‘nhét’ vô một chữ ‘không cần’”. Niệm một bộ kinh mà xen tạp một chữ ‘không cần’ thì hiệu quả đã giảm mất phân nửa. Đến ngày hôm sau ông tướng này phải niệm lại một cuốn kinh để hồi hướng cho người lính. Cho nên công phu kỳ nhất là xen tạp, một khi xen tạp thì công phu sẽ mất hết. Cũng chính vì vậy nên người xưa nói ‘*Đọc kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật*’, tại vì càng đơn giản, càng ngắn thì càng chẳng dễ xen tạp. Chân chánh làm được chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn mới là công phu.

6. Điều kiện để giác ngộ (Buổi sáng 06-4-99)

Từ xưa đến nay người giác ngộ chẳng nhiều. Trong Tịnh Độ Tông thời Đông Tấn, tại Lô Sơn, Viễn Công đại sư chỉ có một trăm hai mươi ba người vãng sanh, đây là một hội có nhóm người [vãng sanh] nhiều nhất trong lịch sử. Còn trong Thiên Tông thì học trò khai ngộ của Lục Tổ Huệ Năng đại sư cũng chỉ có sáu mươi ba người. Từ những điểm này chúng ta mới hiểu rằng người giác ngộ chẳng nhiều. Người như thế nào mới có thể giác ngộ? Những người triệt để hy sinh lợi ích của mình mới có thể giác ngộ, nếu buông xuống danh văn lợi dưỡng thế gian chẳng nổi, buông xuống sự hưởng thọ ngũ dục lục trần chẳng nổi, buông xuống ân oán tình chấp chẳng nổi thì sẽ không có khả năng giác ngộ. Người chân chánh giác ngộ chẳng phải là người có thiên tài đặc biệt gì cả. Tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già, học trò của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là một người ngu độn, ngài làm học trò của Thế Tôn chẳng bao lâu cũng có thể chứng A La Hán, nguyên nhân chính là ngài có thể buông xuống.

Chúng ta trong nhiều đời nhiều kiếp trước đã học Phật rồi, đã gặp Phật, Bồ Tát, đã cúng dường Phật, Bồ Tát, vun trồng thiện căn sâu dày. Tại sao vẫn chẳng khai ngộ? Nguyên nhân là vì chúng ta chẳng triệt để buông xuống tình chấp. Người triệt để buông xuống tình chấp trong tâm chỉ có một tâm niệm, đó chính là phục vụ cho hết thảy chúng sanh. Chúng ta thường nghe nói danh từ ‘phục vụ cho dân’, phạm vi của danh từ này còn nhỏ, đây chỉ là pháp giới người trong thập pháp giới. Còn phạm vi ‘phục vụ cho hết thảy chúng sanh’ mới lớn, ngoài người ra thì chín pháp giới kia cũng bao gồm trong ấy, tâm lượng như vậy thật là vĩ đại! Nhất định chẳng có Ta, biết là hư không pháp giới hết thảy chúng sanh là chính mình, phục vụ cho chúng sanh chính là phục vụ cho mình, nghĩa lý này rất sâu.

Nếu chỉ vì Ta, chẳng chịu vì người khác, vì chúng sanh thì là mê hoặc điên đảo, mê mất tự tánh, [tâm niệm này sẽ] hại mình, tức là hại mình đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chẳng thể thoát ly luân hồi; nói rõ hơn một chút vĩnh viễn chẳng thể thoát ly tam ác đạo. Phải hiểu rằng chúng ta sanh đến cõi người và trời là rất may mắn nhưng thời gian vô cùng ngắn ngủi, trong kinh Phật tỷ dụ chúng ta [sanh đến cõi người cũng như] đi du lịch, tam ác đạo là quê nhà nên thời gian ở tam ác đạo rất dài. Đây là nguyên nhân gì? Là do tự tư tự lợi tạo nên, tham luyến hưởng thọ ngũ dục lục trần trong thế gian tạo nên. Do đó vì mình là hại mình, vì chúng sanh mới chân thực là lợi ích cho mình. Những người mê trong lục đạo, mê trong tình dục chẳng hiểu nổi và cũng chẳng giác ngộ những đạo lý và chân tướng sự thật này.

Hôm nay chúng ta vô cùng may mắn hiểu được đạo lý và chân tướng sự thật này nên mới thể hội được vài phần lòng đại từ đại bi của Phật, Bồ Tát. Và cũng bắt đầu tỉnh ngộ, có thể học tập Phật, Bồ Tát, buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình, dùng tâm thương yêu chân thành, bố thí cúng dường một cách vô tư, giúp đỡ hết thảy chúng sanh một cách vô điều kiện, những người như vậy mới giác ngộ, mới khai trí huệ. Trí huệ và phiền não là một chuyện, lúc còn mê và cũng là lúc chúng ta chưa buông xả tự tư tự lợi, trí huệ của chúng ta

đều biến thành phiền não. Nếu chúng ta buông xả được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, buông xả tự tư tự lợi, vô lượng vô biên phiền não lập tức chuyển biến thành vô lượng vô biên trí huệ. Trong kinh Phật nói: ‘phiền não tức là Bồ Đề’, Bồ Đề là trí huệ; ‘sanh tử tức là Niết Bàn’, đây là một việc. Tại sao Phật, Bồ Tát có trí huệ? Phật, Bồ Tát chẳng có [quan niệm] ‘mình’, chỉ có chúng sanh, niệm niệm đều vì hết thấy chúng sanh, đây tức là Phật, Bồ Tát. Niệm niệm đều nghĩ đến lợi ích của mình, người như vậy là phàm phu, sự sai khác giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu là ở tại chỗ này. Chúng ta thật sự hiểu rõ rồi thì trong quá trình học Phật mới có thể làm được ‘*chuyển ác thành thiện*’, đây là giai đoạn thứ nhất.

Từ giai đoạn thứ nhất chúng ta nâng cao lên giai đoạn thứ nhì là ‘*chuyển mê thành ngộ*’; hy vọng nâng cao đến giai đoạn thứ ba là ‘*chuyển phàm thành thánh*’. Phàm và thánh là như thế nào? Tuy đã chuyển mê thành ngộ rồi nhưng chẳng có cách chi thoát ly lục đạo luân hồi thì vẫn là Phàm, thoát ly lục đạo luân hồi mới xưng là Thánh. Ngoài lục đạo ra còn có A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, bốn hạng này là Tiểu Thánh, vẫn còn trong thập pháp giới. Phật pháp có Tiểu Thừa, có Đại Thừa, đây là bậc thánh của Tiểu Thừa. Siêu việt thập pháp giới mới chân chánh là Đại Thánh, tức là bốn mươi một vị Pháp Thân đại sĩ nói trong kinh Hoa Nghiêm. Quan niệm của đại thánh chẳng giống Tiểu Thánh. Đối tượng phục vụ, từ bi yêu thương, che chở của Tiểu Thánh là chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới cho nên tâm lượng của họ là tam thiên đại thiên thế giới. Tâm lượng của Đại Thánh còn lớn hơn nữa, là tận hư không, trọn khắp pháp giới, chúng sanh trong vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật. Đối tượng phục vụ, từ bi, thương yêu che chở của họ tức là Đại thừa trong Phật pháp. Siêu phàm nhập thánh là mục đích chân chánh của Thế Tôn và chư Phật Như Lai dạy chúng ta, là hy vọng chúng ta làm Đại Thánh chứ chẳng làm Tiểu Thánh.

‘*Tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát*’⁶⁸ là tâm lượng của đại thánh. Tuy người niệm, người đọc hai câu này rất nhiều, nhưng tâm lượng vẫn chẳng thể mở rộng, vẫn chẳng thể bỏ hết tự tư tự lợi, chỉ dùng hai câu này để khen tặng đức Phật Thích Ca Mâu Ni và chư Phật Như Lai, hai câu này vĩnh viễn là của người khác, chẳng phải là của mình, đây là lỗi lầm của chúng ta. Hai câu này là lời chân thật, tâm lượng của hết thấy chúng sanh trong tận hư không, trọn khắp pháp giới đều bao trùm khắp hư không pháp giới. Từ đây có thể biết trọn hư không pháp giới là chân tâm của chúng ta, là tâm lượng vốn sẵn có của chúng ta. Phật nói chúng ta đã mê hoặc, đem tâm lượng lớn như vậy mê hoặc rồi, hiện nay biến thành tâm lượng rất nhỏ, ngay cả hai người cũng chẳng dung nạp nổi. Vừa nghe người ta đồn đãi, hủy báng thì mất ngủ suốt mấy ngày, tâm lượng như vậy quá nhỏ!

Chúng ta học Phật là học cái gì, tự mình phải biết. Người thượng căn mở rộng tâm lượng, người trung hạ căn sửa lỗi hướng thiện, từ trên sự tướng dần dần sửa đổi hành vi, cách suy nghĩ, cái nhìn sai trái của mình. Người thượng căn lợi

⁶⁸ Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới

trí tu từ căn bản, căn bản là quan niệm, trong học thuật ngày nay gọi là nhân sinh quan, vũ trụ quan; quan tức là cách nhìn, cái nhìn đối với vũ trụ nhân sanh. Tu từ căn bản là chuyển biến cái nhìn sai lầm đối với vũ trụ nhân sanh trước kia trở lại giống tri kiến của chư Phật Như Lai, trong kinh Pháp Hoa gọi là ‘nhập Phật tri kiến’. Chỉ cần thay đổi quan niệm thì toàn bộ tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, hành vi đều sẽ chuyển trở lại, trong nhà Phật gọi người này là người thượng căn lợi trí.

Người thượng căn lợi trí chỉ là thiểu số, chúng ta có thể làm được như người thượng căn lợi trí hay không, đức Phật hiểu và nói cho chúng ta biết chuyện này chẳng khó, chỉ là vì gặp duyên chẳng đồng. Thực ra tuy nói chẳng khó nhưng vẫn có điều kiện. Thứ nhất là tâm danh lợi phải lợt lạt một chút, sanh hoạt thường ngày dễ biết đủ, có thể sống một đời sống tự tại vui vẻ với cơm rau đạm bạc, đây là một điều kiện tốt. Thứ nhì là phải gặp được thiện tri thức, hoặc nếu chẳng gặp được thiện tri thức nhưng gặp được Phật pháp, ưa thích đọc kinh. Chỉ cần đầy đủ hai điều kiện này, huân tu trong thời gian dài thì độn căn cũng biến thành lợi căn, ngu si cũng sẽ biến thành trí huệ, Châu Lợi Bàn Đà Già là một thí dụ điển hình. Do đó nếu chúng ta muốn huân tập thành thượng căn lợi trí nội trong một đời này, chỉ cần làm theo lời dạy của đức Phật, bắt chước theo những đại đức thời xưa, họ có thể thành tựu trong một đời thì chúng ta cũng có thể thành tựu ngay trong đời này. Thế nên chỉ cần chịu sống một cuộc sống có tiêu chuẩn sanh hoạt thấp và cộng thêm một tính hiếu học là đủ. Hiếu học thì phải học theo đức Phật, học theo Bồ Tát, học theo tổ sư đại đức, được vậy thì làm sao không thành tựu cho được!

Phiền não ít, trí huệ mở, phiền não đoạn dứt thì trí huệ sẽ viên mãn. Trí huệ viên mãn, ái tâm viên mãn, phục vụ viên mãn, nhà Phật gọi là đại viên mãn. Người như vậy rất ít, đúng như lời của Thiện Đạo đại sư là gặp duyên chẳng đồng. Ngày nay chúng ta rất may mắn, đầy đủ nhân duyên, hy vọng các bạn đồng tu phải hết lòng nỗ lực, chúng ta hết thấy đều vì pháp giới chúng sanh khổ nạn, nếu chúng ta chẳng thành tựu thì họ sẽ chịu khổ thêm một ngày; nếu chúng ta sớm thành tựu, sớm phục vụ cho họ thì họ sẽ sớm được thoát ly khổ nạn. Phải thường giữ tâm niệm này để tự khuyến khích, đừng mất tinh thần thì mới viên mãn Bồ Đề.

7. Thực hiện cảnh giới Hoa Nghiêm

(Buổi sáng 12-4-99)

Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba từ trên xuống dưới đoàn kết hài hòa, ngôn ngữ có câu: ‘*nhà hòa thì vạn sự hưng vượng*’, đây là điểm đặc sắc nhất ở nơi đó. Thời gian người ta giao tiếp với nhau rất ngắn ngủi, duyên phần rất sâu dày. Tháng trước tôi đến Hương Cảng giảng kinh, lúc trở về ăn trưa tại tiệm ăn ở phi trường, tôi nói với mọi người, trong tiệm ăn có rất nhiều người, những người này chỉ có duyên gặp chúng ta một lần, cả đời này chỉ gặp một lần. Cái duyên gặp một lần này là duyên phần từ bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp, nếu không thì sẽ chẳng bao giờ gặp được. Cả đời chỉ gặp một lần trong vòng một hai phút, tại sao chẳng trân trọng? Tại sao [chúng ta cứ] nhìn người này chường mắt, nhìn người kia chẳng vui, lại phải kết những duyên thù hằn này? Chẳng cần phải làm vậy. Khi giao tiếp

với bất cứ ai chúng ta đều phải hòa mục, chân thành, có tâm thương mến, như vậy là Phật, Bồ Tát. Làm thế nào để giữ tâm niệm này? Nhất định phải hiểu rõ thêm về chân tướng sự thật. Thời gian thân quyến, bạn bè tụ hội, gặp mặt rất nhiều; Phật dạy đây là bốn thứ duyên: báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, nếu chẳng phải là bốn thứ duyên này thì cả đời sẽ chẳng gặp nhau. Bốn thứ duyên này đều là tình chấp, tình chấp sẽ đem lại phiền não, sẽ làm ra lục đạo sanh tử luân hồi.

Sự giáo huấn của đức Phật cho hết thảy chúng sanh là nói rõ chân tướng sự thật này để mọi người hiểu, thực sự triệt để giác ngộ, hư không pháp giới hết thảy chúng sanh và chúng ta đều cùng chung một thể, là một thể có cùng chung một sanh mạng, đây là lời dạy trong kinh Hoa Nghiêm. Hiện nay rất nhiều khoa học gia, triết học gia đang truy tìm khởi nguyên của vũ trụ, của đời sống, trong kinh Phật có câu trả lời rất rõ, đó là một niệm tự tánh biến hiện nên, '*duy tâm hiện, duy thức biến*'. Thức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên có thiên biên vạn hóa, biến hiện ra thập pháp giới; xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thập pháp giới sẽ biến thành một pháp giới gọi là Nhất Chân pháp giới.

Cho nên hư không pháp giới, hết thảy chúng sanh đều là chính mình, trong nhà Phật gọi cái này là Pháp Thân. Lúc nào bạn khẳng định, thừa nhận rằng hư không pháp giới hết thảy chúng sanh là chính mình thì bạn sẽ chứng được Pháp Thân thanh tịnh. Đức Phật xuất hiện tại thế gian giảng kinh thuyết pháp, ngàn kinh vạn luận là để thuyết minh chân tướng sự thật này. Hiểu được chân tướng sự thật này thì tâm yêu thương nhất định sẽ phát khởi, bạn sẽ thương yêu hết thảy chúng sanh, thương yêu chúng sanh giống y như thương yêu mình, biết hết thảy chúng sanh chính là mình.

Hiện nay tai nạn dồn dập, và lại ngày càng nghiêm trọng, đối với người có trí huệ, học vấn và đức hạnh thì đây là một sự khải thị rất lớn, nếu họ có thể hết lòng phản tỉnh từ những chuyện này thì họ sẽ giác ngộ. Muốn đời sống hạnh phúc, mỹ mãn, điều kiện thứ nhất là xã hội an định, thế giới hòa bình. Nếu dần dần càng nhiều người có quan niệm như vậy thì tai nạn sẽ có thể tiêu trừ; cho dù chẳng thể tiêu trừ thì cũng có thể giảm nhẹ, thời gian tai nạn cũng có thể rút ngắn. Rất nhiều người lãnh đạo tôn giáo đều có giác ngộ như vậy, đây là việc tốt. Ở Úc châu tôi tham gia 'Luận đàm về văn hóa đa nguyên', họ có một tổ chức gọi là Tổ Chức Hòa Bình Tôn Giáo Thế Giới', gồm có ba mươi mấy tôn giáo tham gia.

Có một vị cha xứ Thiên Chúa Giáo đề nghị, hy vọng lúc mỗi tôn giáo truyền giáo, giảng đạo đừng công kích các tôn giáo khác. Quan niệm này rất hay, đây là thực sự có tự giác. Sau khi nghe xong tôi nói không những chúng ta chẳng thể công kích kẻ khác, phê bình kẻ khác mà còn phải lễ kính, tán thán họ. Hy vọng hết thảy những nhà lãnh đạo tôn giáo trên toàn thế giới đều giác ngộ, các tín đồ đều có thể hỗ trợ tôn trọng, kính ái lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, cùng tồn cùng vinh, được vậy thì thế gian này mới có hòa bình an định thật sự. Họ đã thảo luận nhiều năm rồi nhưng vẫn chưa thực hiện được nên tôi trình bày cách làm của chúng tôi ở Tân Gia Ba cho họ tham khảo, và mời họ đến tham quan.

Gần đây chúng tôi thăm viếng người Y Tu Lan giáo (Islam), Hồi giáo, Ấn Độ giáo (tức là Bà La Môn giáo) và Thiên Chúa giáo. Tân Gia Ba có chín tôn giáo, chúng tôi qua lại rất mật thiết. Khi họ có nhu cầu cần giúp đỡ, chúng tôi dốc toàn tâm toàn lực để giúp đỡ họ, đây là việc chưa từng có từ trước đến giờ. Chúng tôi cũng hy vọng có thể thực hiện trong đời sống của quần chúng nên muốn cử hành một buổi họp ‘Các Tôn Giáo Hòa Bình ở Tân Gia Ba Chúc Mừng Năm Mới’, dự định cử hành mười ngày, trong mười ngày này tất cả tín đồ các tôn giáo đều hội họp với nhau. Đây là sự đoàn kết giữa những đoàn thể chủng tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau. Hy vọng buổi hội họp này được thành công, có thể giúp cho xã hội an định, thế giới hòa bình. Chúng tôi sẽ mời những nhà lãnh đạo tôn giáo ở những nước khác tới tham quan, chỉ đạo, hy vọng hoạt động này sẽ được đẩy mạnh đến khắp nơi trên thế giới. Chúng tôi dự trù mở rộng lớp bồi huấn thành Phật Học Viện, khóa trình của Phật Học Viện tương lai bao gồm mọi tôn giáo. Chúng tôi mời các nhà truyền giáo của mỗi tôn giáo đến giới thiệu giáo nghĩa của họ, sanh hoạt tập quán và lễ nghi của họ. Chúng ta học họ trước, đọc kinh của họ, sau này họ sẽ đọc kinh Phật của chúng ta. Hồ tương tìm hiểu lẫn nhau thì những chuyện hiểu lầm, va chạm, ngăn cách sẽ được tiêu trừ, như vậy mới làm được đại đồng, mới thực sự thực hiện được mục đích cùng tồn cùng vinh, hỗ trợ hợp tác.

Chính phủ Tân Gia Ba rất coi trọng những hoạt động này của chúng ta, họ nhận định rằng những hoạt động này có cống hiến trực diện cho xã hội nên vô cùng hoan nghênh. Có người hỏi tôi: ‘Tại sao phải làm như vậy?’. Tôi trả lời: “Đây là thực hiện theo kinh ‘Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm’”. Kinh Hoa Nghiêm vừa mở đầu liền liệt kê hai trăm hai mươi tám tộc đoàn (*đoàn thể chủng tộc*) khác nhau, tôn giáo và tộc đoàn khác nhau đều ở trong Hoa Nghiêm Hải Hội. Tây phương Cực Lạc thế giới cũng có nhiều tộc đoàn khác nhau cùng chung sinh sống. Chúng ta phải học theo Tỳ Lô Xá Na Phật, A Di Đà Phật thì thế giới này của chúng ta mới được mỹ mãn, mọi người mới được hạnh phúc. Đọc kinh vô cùng quan trọng, Thế Tôn không những dạy chúng ta đọc kinh mà còn dạy chúng ta phải hiểu sâu ý nghĩa và phương hướng. Đối với những đạo lý nói trong kinh phải lý giải kỹ càng, giải được càng sâu càng rộng thì khi vận dụng sẽ càng được tự tại. Nhất định phải áp dụng trong đời sống hằng ngày, trong công việc hằng ngày, trong khi xử sự, đãi người, tiếp vật, thì học Phật pháp mới có lợi ích thực sự.

8. Giải Hạnh tương ứng (Buổi sáng 17-4-99)

Giáo học thế gian chú trọng trên ‘*phẩm học kiêm ưu*’ (*phẩm hạnh và học hành đều hoàn hảo*), Trung quốc cổ đại cho rằng ‘*học nhi ưu tắc sĩ*’, nghĩa là học vấn và phẩm đức đạt đến mức độ cao thì có thể đảm nhận công chức của quốc gia, phục vụ cho nhân dân. Tu học Phật pháp chú trọng ‘Giải Hạnh tương ứng’, trong câu thệ nguyện Tam Quy Y ‘Quy y Phật, Nhị Túc Tôn’, Nhị Túc tôn tức là Giải và Hạnh đều đạt đến viên mãn. Giải thuộc về Huệ, Hạnh thuộc về Phước, giải hạnh là nhân, phước huệ là quả báo. Do đó thành Phật tức là trí huệ và phước

báo đều viên mãn, chẳng có một tơ hào thiếu sót, lúc đó sẽ có thể dốc hết tâm lực phục vụ hết thầy chúng sanh. Những việc mà Phật, Bồ Tát phục vụ cho chúng sanh vô lượng vô biên, có câu *‘tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp’*, cho nên các loại phục vụ cũng đạt đến cứu cánh viên mãn. Học sinh phải học theo thầy giáo, thầy giáo là mô phạm tốt nhất cho chúng ta, thầy giáo phục vụ cả đời cho chúng sanh, chúng ta học Phật thì cũng phải phát tâm nguyện này. Đã phát tâm nguyện này xong thì phải hết lòng nỗ lực học tập, thực hành. Trong tam huệ Văn - Tư - Tu của Bồ Tát thì nghe pháp (Văn), tư duy (Tư) là khai giải, tu hành (Tu) là đem những sự hiểu biết thực hiện vào trong đời sống. Hạnh và Giải tương ứng thì được gọi là đức hạnh, có thể hiểu rõ, lãnh ngộ được lời dạy của đức Phật.

Pháp môn tu hành vô lượng vô biên. Cư sĩ Âu Dương Cảnh Vô nói: ‘Chân chánh tu hành chẳng câu nệ hình thức’. Phật pháp trong vòng hai trăm năm gần đây quá hạn chế trên hình thức, hình thức tuy có ích lợi, nhưng nếu mê trên hình thức, chấp trước hình thức là sai lầm. [Mục đích của] Phật pháp là muốn phá vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thí dụ đến Niệm Phật Đường niệm Phật là hình thức, nếu quá chấp trước ‘chẳng đến Niệm Phật Đường niệm Phật thì không được’, đó là như lời người xưa nói: *‘Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hết bề cổ họng cũng uổng công’*. Niệm Phật phải niệm như thế nào? Chữ niệm chẳng phải là miệng niệm, chữ niệm gồm có hai chữ ‘kim’ và ‘tâm’ gộp lại, tức là cái tâm hiện nay. Cái niệm chân chánh là niệm tự tánh, trong niệm này tương ứng với Phật thì đó là niệm Phật. *Tâm của bạn là tâm Phật, nguyện là nguyện của Phật, miệng nói lời của Phật, hạnh là hạnh của Phật, đó là thực sự niệm Phật, chân chánh tu hành, như vậy mới có thể lợi lạc cho khắp hết thầy chúng sanh.*

Lục Tổ Huệ Năng đại sư là người chân chánh tu thiền định, ngài chẳng ngồi xoay mặt vào vách trong thiền đường mà ngài ở trong gian nhà sau bếp chẻ củi giã gạo, mỗi ngày đều làm việc này, đó là tu thiền định. Thiền định là như thế nào? *Bên ngoài chẳng chấp tướng gọi là Thiền, bên trong chẳng động tâm gọi là Định.* Thế nên một ngày họ làm việc hai mươi bốn tiếng đồng hồ cũng chẳng mệt vì họ đang trong thiền định. Trong khi làm việc chẳng chấp vào tướng làm việc, trong công việc chẳng có phân biệt, chấp trước nên chẳng thấy mệt. Ngày nay chúng ta làm việc mấy giờ đồng hồ xong liền cảm thấy: ‘Tôi đã làm xong rất nhiều việc, mệt quá đi thôi!’, nghĩ vậy nên rất mệt. Người ta thực sự làm đến mức ‘làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm’, đây là trong thiền định, thiền định tức là niệm Phật. Tâm - nguyện - giải - hạnh của họ đều tương ứng với Phật. Chân chánh hiểu được đạo lý này thì hình thức sẽ chẳng quan trọng nữa, được vậy thì bạn mới hiểu làm thế nào thực sự niệm Phật, thực sự dụng công, giải hạnh tương ứng, phẩm học kiêm ưu. Tâm tương ứng với tâm nguyện của Phật, kết hợp với nhau, nên đọc kinh là niệm Phật, nghiên cứu giáo lý cũng là niệm Phật.

Nói đến chỗ cứu cánh thì tâm hạnh tương ứng với tự tánh là niệm Phật chân chánh, là niệm Phật viên mãn. Vì tánh là Phật, Phật chính là chân như bản tánh; chân như bản tánh là chân tâm, chân tâm tức là Phật. Cách nói dễ thể hội, dễ lý giải hơn chính là khi khởi tâm động niệm bất kể là đối người, đối sự, đối vật đều

tương ứng với năm tâm sau đây: ‘*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*’, đó là chân thật niệm Phật. Ngược lại tức là ‘*Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét bể cổ họng cũng uống công*’. Nếu thực sự tương ứng với năm tâm này thì cho dù cả ngày từ sáng tới tối chẳng niệm một câu Phật hiệu nào cả thì cũng là người chân thật niệm Phật.

Tâm - Nguyện - Giải của Phật biểu hiện ra bên ngoài tức là ‘*nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên*’; ‘niệm Phật’ là làm ra hình dáng niệm Phật, đây là hóa tha. Nếu không thì khuyên người khác niệm Phật nhưng mình lại chẳng niệm Phật, người ta sẽ không tin tưởng. Biểu hiện trên đời sống của người chân chánh niệm Phật nhất định phải là ‘*nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên*’. *Nhìn thấu* là đối với hết thảy Lý - Sự, nhân - quả trong thế gian, xuất thế gian đều rõ ràng. *Buông xuống* là trong tâm đối với pháp thế gian và xuất thế gian chẳng thêm nhiệm một mảy tơ nào cả; chẳng phải là không làm việc, công việc vẫn phải làm như thường, làm còn tích cực và tốt hơn người khác, nhưng trong tâm thanh tịnh, chẳng thêm nhiệm mảy may. Đây là Bồ Tát hạnh, năm tâm kể trên là Bồ Đề tâm. Có thể thực hiện được như vậy là chân thật tu hành, có thể lý giải minh bạch là trí huệ chân thật. Cho nên cả đời giáo huấn của Thế Tôn, nói suốt bốn mươi chín năm quy nạp lại chính là hai mươi chữ [chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật] này.

Những bạn đồng tu học giảng kinh mỗi tuần phải đến niệm Phật đường niệm Phật ba mươi sáu giờ đồng hồ, vì nếu bạn chẳng niệm Phật, người ta sẽ coi thường bạn. Giống lúc trước lão pháp sư Đệ Nhàn là người giảng kinh thuyết pháp, và cũng là người tái lai. Có người hỏi Ngài: ‘Thầy có tham thiền không?’. ‘Không có!’. Mọi người đều cho rằng Ngài chỉ có Giải chẳng có Hạnh nên giảng kinh không có người nghe. Bởi vậy nên Ngài đến thiền đường chùa Kim Sơn ở Chân Giang để tham thiền, làm ra hình dáng ấy thì mọi người đều tin tưởng. Lần trước lão pháp sư Nhân Đức đến đây thăm viếng, nhìn thấy phương pháp tu học của chúng ta, có Giải và có Hạnh, thầy rất khâm phục.

Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chẳng xả phương tiện, nhà Phật gọi là ‘thiền xảo phương tiện’. Trong lúc giảng kinh Địa Tạng tôi đặc biệt giảng giải kỹ về ‘Tứ Nhiếp Pháp’ và ‘Tứ Tát Đàn’ là muốn mọi người chân chánh hiểu rõ ý tứ ở trong ấy, việc này vô cùng quan trọng đối với người hiện nay. Tứ Tát Đàn là nguyên tắc hướng dẫn cao nhất của chư Phật, Bồ Tát để phục vụ chúng sanh, và Tứ Nhiếp Pháp là nguyên tắc để thực hiện. Nếu bạn học được rồi thì bạn sẽ biết cách làm người, đi đâu bạn cũng được người ta hoan nghinh, ngay cả yêu ma quỷ quái cũng hoan nghinh bạn, được vậy mới có thể phổ độ chúng sanh; dùng cách nói hiện nay thì phổ độ chúng sanh tức là phục vụ hết thảy chúng sanh. Thế nên chư Phật, Bồ Tát đi đến đâu trong chín pháp giới đều được mọi người nghinh đón là vì nguyên nhân này, chúng ta nên học tập, nên thực hiện. Nếu bạn chẳng học cho đàng hoàng thì khi bạn giúp người ta, không những họ không tiếp nhận, ngay cả sự tu học của mình cũng chẳng thành tựu.

Đặc biệt là ở thời đại hiện nay, thời đại này có tai nạn. Có thể tránh khỏi tai nạn hay chẳng? Vô cùng khó khăn, những gì chúng ta hôm nay làm, học, tu tập đều là phương pháp tránh khỏi tai nạn. Chẳng những tự mình phải tránh miễn, chúng ta còn phải giúp đỡ xã hội, giúp đỡ hết thảy chúng sanh tiêu tai miễn nạn, nếu chúng ta không hết lòng nỗ lực thì làm sao được? Tự mình chịu khổ chịu nạn thì chẳng sao, nhưng nhìn thấy quảng đại chúng sanh chịu khổ chịu nạn thì chẳng nhẫn tâm! Làm sao giúp đỡ? Nhất định phải tìm cầu học vấn, phải khai trí huệ, phải đề cao phẩm đức của mình. Tai nạn từ đâu đến? Là từ tà tri, tà kiến, tà hạnh sanh ra. Phật pháp nói một nguyên lý tối cao: *‘Cảnh chuyển tùy theo tâm’*; hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất cũng đều tùy tâm chuyển, y báo chuyển tùy theo chánh báo. Nhân tâm thiện thì tai nạn sẽ hết; nhân tâm chẳng thiện thì tai nạn sẽ đến.

Tai nạn khẳng định là có, vì tâm niệm của phần đông người ta trên thế giới đều chẳng thiện, chúng ta cư trú ở địa phương này là do cộng nghiệp chiêu cảm. Sanh ra trong thời đại này có may mắn hay chẳng là ở tại một niệm; có người cho rằng tự mình tâm hạnh hiền lương nhưng bị người khác liên lụy nên phải cùng chịu khổ nạn này, thật là không may; thử nghĩ ngược lại: tôi sanh trong thời đại này, chúng sanh khổ nạn như vậy, tôi hết lòng nỗ lực tu học để giúp đỡ họ thì đó là rất may mắn. Chúng ta phải phát nguyện, phát tâm làm Chúa cứu thế, đến thế gian này mới có ý nghĩa, có giá trị, chẳng phải đến để cùng mọi người chịu khổ chịu nạn, phải chuyển đổi tâm niệm, tâm lý này ngược lại. Còn về chuyện có thể làm được bao nhiêu thì cứ tận tâm tận lực, công đức đều sẽ viên mãn.

Trong sinh hoạt hiện nay, tâm người ta luôn phiêu bồng, người lúc trước bất kể đời sống ra sao, cư trú trong hoàn cảnh như thế nào thì tâm đều an định. Có an thì sau đó mới có lạc (vui), nếu cả ngày tâm thần chẳng an thì làm sao có ‘lạc’ được? Niềm an lạc ngày nay là cái ‘lạc’ từ chích morphine, hút ma túy mà ra. Hút ma túy là thí dụ, tranh danh đoạt lợi, xa xỉ lãng phí, hoàn toàn vứt bỏ luân lý đạo đức, đây tức là hút ma túy; khi sáu căn tiếp xúc sáu trần khởi lên tham, sân, si tam độc, đây chính là hút ma túy, tạo ra tội cực nặng. Những thiên tai nhân họa xảy ra hiện nay là ‘hoa báo’, quả báo sẽ ở tại ba đường ác. Chúng ta vô cùng may mắn gặp được Phật pháp, hiểu rõ chân tướng sự thật này. Biết bao nhiêu người còn mê hoặc ở trong ấy, vĩnh viễn chẳng tỉnh ngộ, nhìn họ tạo nghiệp, đọa lạc, tuy Phật, Bồ Tát từ bi cũng chẳng có cách chi cứu họ. Nhất định phải đợi đến khi tội nghiệp của họ thọ chịu hết, họ tỉnh ngộ trở lại thì Phật, Bồ Tát mới có thể cứu họ.

Thoạt nhìn thì kinh luận trong Phật pháp hình như rất dễ hiểu, nhưng trên thực tế mỗi chữ mỗi câu đều chứa đựng vô lượng nghĩa. Nói ở mức sâu hơn thì mức độ sâu này không đáy, mức độ rộng lớn vô biên, bất kỳ một bộ kinh điển nào chẳng những một đời học chẳng hết, đời đời kiếp kiếp cũng học chẳng hết. Vì kinh điển tương ứng với tự tánh, mỗi chữ mỗi câu đều là sự lưu lộ của tánh đức, tánh đức chẳng cùng tận, chẳng có biên giới, đạo lý là như vậy. Trong kinh luận đức Phật dạy chúng ta phải ‘thâm giải nghĩa thú’ (*giải ngộ sâu ý nghĩa, tông thú*),

‘quảng học đa văn’ (*học rộng nghe nhiều*), nhưng phần đông người tu học đều hiểu sai ý nghĩa này, đều cho rằng ‘quảng học đa văn’ là cái gì cũng phải học, cái gì cũng phải nghe, như vậy là hiểu sai mất đất. Quảng học và thâm giải đều là một môn thâm nhập, một môn thì làm sao gọi là ‘học rộng’? Một môn kiến tánh tức là rộng, ‘một kinh thông [đạt] thì hết thấy kinh đều thông’, thông đạt một kinh rồi thì sẽ hiểu hết tất cả kinh.

Thí dụ trong vòng tròn có viên tâm (*cái tâm của vòng tròn*), bất cứ một điểm nào ở trên vòng tròn cũng có thể thông đến trung tâm, thông đến tâm thì hết thấy đều thông; nếu chẳng thông đến tâm thì chỉ có thể thông một môn, môn thứ nhì chẳng thể thông đến. Làm thế nào để thông đến trung tâm? Một môn thâm nhập. Tâm là tự tánh, viên châu (*vòng tròn xung quanh*) là pháp tướng do tự tánh biến hiện. Viên tâm của nhà Phật thì Tông Môn gọi là ‘minh tâm kiến tánh’, Giáo Hạ gọi là ‘đại khai viên giải’, Tịnh Độ Tông gọi là ‘nhất tâm bất loạn’, danh từ chẳng giống nhau nhưng ý tứ đều là một. Thế nên tu học phải chuyên, phải tinh. Nếu bạn học từng điểm trên vòng tròn thì vĩnh viễn sẽ chẳng học hết. Nếu bạn đạt đến trung tâm (của vòng tròn) thì toàn bộ đều được bao gồm trong ấy, pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt thì mới có thể khai trí huệ, vô lượng vô biên pháp môn liền viên dung tức khắc.

Bởi vậy bất cứ một điểm nào trên vòng tròn (bất kỳ một pháp môn nào) đều có thể thông đến trung tâm, đây chính là ‘*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*’. Không những Phật pháp như vậy, pháp thế gian cũng như vậy. Pháp thế gian và xuất thế gian đều từ tâm này biến hiện ra, nhất tâm là Phật chân thật. Phật, Bồ Tát đau lòng rất miệng, muôn vàn lời nói cứ nhắc đi nhắc lại, rất tiếc là chúng ta đã hiểu sai ý nghĩa, vẫn tu mù luyện đui như cũ. Người biết học ngay trong một niệm, tâm niệm vừa chuyển ngược lại thì thành công liền. Phạm thánh chẳng khác nhau mấy may, chỉ là tâm niệm này có thể chuyển trở lại hay không mà thôi.

Một ngàn năm trước ở Trung Quốc, kinh Kim Cang rất thích hợp với người thời ấy tu học cho nên kinh Kim Cang lưu thông rất phổ biến ở Trung Quốc. Vì kinh Kim Cang vô cùng thích hợp với căn tánh của chúng sanh thời ấy, nhưng thời hiện đại không được, chẳng có người hiểu được kinh Kim Cang. Cho dù hiểu được [nhưng] thật sự làm không nổi. Thời đại ngày nay thì kinh Vô Lượng Thọ khế cơ nhất, thích hợp cho người hiện đại tu học nhất. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta tu hành:

Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, đừng chê bai lỗi của người khác.

Khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng hành động trái ngược với giới luật

*Khéo giữ gìn ý nghiệp, phải luôn thanh tịnh không nhiễm ô*⁶⁹

Làm thế nào để thực hiện ba câu này? Dùng thập thiện.

⁶⁹ Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá
Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi
Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm

‘Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, đừng chê bai lỗi của người khác’ tức là không nói dối, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời thô ác, không nói lời thù dục;

‘Khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng hành động trái ngược với giới luật’ tức là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm (người xuất gia thì không dâm dục);

‘Khéo giữ gìn ý nghiệp, phải luôn thanh tịnh không nhiễm ô’ tức là đối với pháp thế gian, pháp xuất thế gian, hết thấy người, sự, vật, đều không tham, không sân, không si. Ba điều này dễ hơn kinh Kim Cang rất nhiều, nói được rất cụ thể. Nếu có thể làm được những điều này thì đức hạnh, tu dưỡng của bạn rất hiếm có, rất quý báu trong thời đại hiện nay.

Trong ba câu này, thập thiện phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ ‘không nói dối’. Nếu không dám nói thiệt với người khác thì không cần nói gì nữa. Người ngoại quốc nói về ‘quyền riêng tư’ (quyền ẩn tư), dấu diêm riêng tư tức là không thể nói thiệt, như vậy là sai lầm. Sự thành tựu trong cả đời của Tư Mã Quang là *‘chẳng có gì không thể cho người ta biết’*⁷⁰, tâm địa quang minh chính trực. Học Phật phải bắt đầu từ đâu? ‘Thành thật’. Có dấu diêm riêng tư rất khổ, cái này cũng sợ người ta biết, cái kia cũng sợ người ta biết, như vậy rất gò bó, khó chịu, áp lực rất lớn. Nếu hết thấy đều trở thành trong suốt chẳng có một tí gì phải ẩn dấu thì sẽ tự tại, sung sướng. Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều đau khổ, cần gì phải gò bó, trói buộc mình như vậy, tại sao chẳng sống vui vẻ một tí? Đức Phật được đại tự tại, người thành thật được đại tự tại, chuyện gì cũng phải ẩn dấu thì quá đáng thương.

Ngày nay chúng ta đề xướng tuyệt chẳng đèo bồng cao xa, chỉ hy vọng làm được ngũ giới thập thiện, niệm Phật chắc chắn sẽ được vãng sanh Tịnh Độ. Ngũ giới thập thiện là đức hạnh, chân chánh làm được lời giáo huấn của đức Phật dạy trong kinh, chân chánh thực hiện, đó chính là tu dưỡng phẩm đức. Niệm Phật đường vẫn phải đến, ngũ giới thập thiện làm được hoàn hảo, đó là trì giới niệm Phật. Niệm Phật ở Niệm Phật Đường là để ảnh hưởng đại chúng, hết lòng niệm Phật, giải hạnh tương ứng, làm cho người mới học Phật sanh khởi tín tâm, hoan hỷ tâm, đây thuộc về tự hành hóa tha.

Phân đông người ta đặc biệt tôn trọng, kính mến người xuất gia, chẳng cần biết người ấy có đức hạnh hay không, khi mặc chiếc áo [cà sa] này, người ta nhìn họ một cách khác biệt vì họ là đệ tử Phật. Thế nên chúng ta phải thường thường phản tỉnh coi mình có giống đệ tử Phật hay không. Làm thế nào mới giống đệ tử Phật? Mỗi ngày đều tiếp nhận sự răn dạy của đức Phật, ngày ngày làm theo lời dạy của Phật, như vậy mới là đệ tử Phật. Trong kinh thường nói: *‘Thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói’*, Thọ nghĩa là hoàn toàn tiếp nhận những gì đức Phật răn dạy, có thể tiếp thọ, có thể tin tưởng, có thể hiểu rõ, có thể làm theo; Trì tức là giữ gìn, phải làm từng ngày, từng giờ, một giây một phút cũng chẳng buông lung.

⁷⁰ Sự vô bất khả cáo nhân ngôn

Quan niệm của tôi là người xuất gia phải trụ ở ‘quảng đơn’, thông thường gọi là giường lớn, lúc ngủ thì mọi người đều nhìn thấy lẫn nhau, có câu là ‘*mười con mắt nhìn, mười tay chỉ*’, tự mình sẽ quản thúc chính mình, chẳng thể buông lung, đạo nghiệp mới có thể thành tựu. Nếu mỗi người đều có phòng riêng thì sẽ buông lung, phóng dật, giải đãi. Tông lâm tự viện ngày xưa chỉ có những người lớn tuổi, cử động chẳng thuận tiện mới có thể ở phòng riêng. Đây là điều mà nhà Phật gọi là ‘nuơng dựa vào đại chúng’, nếu phiền não, tập khí của mình nặng nề, chẳng có cách để tự kiểm chế thì hy vọng đại chúng giúp đỡ.

Nhà Phật vô cùng coi trọng phương pháp này, đây chẳng phải là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni đề xướng, mà do thiên sư Bách Trượng và hòa thượng Mã Tổ Đạo Nhất ở Trung Quốc đề xướng, đây là đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Năm xưa lúc đức Phật còn tại thế, trí huệ đức hạnh của học trò rất tốt, đều tiếp nhận sự giáo huấn của đức Phật, ai cũng hết lòng tu học. Nhưng tăng đoàn vẫn phải làm một tấm gương cho chúng ta xem, mỗi ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây. Mỗi người tĩnh tọa dưới gốc cây, dưỡng thần nghỉ ngơi, ai cũng nhìn thấy lẫn nhau. Chúng ta phải cảm nhận được cách làm này, đây đều là những tài liệu cung cấp cho chúng ta tu học, có thể giúp chúng ta tránh việc tu mù luyện đui, tránh lỗi lầm, mới có thể thành tựu đạo nghiệp của mình, giúp đỡ xã hội đại chúng.

9. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh

(Buổi sáng 18-04-99)

Phật dạy: ‘*Tất cả pháp từ tâm tướng sanh*’, tâm lý có thể ảnh hưởng đến sinh lý của một người, tâm lý khỏe mạnh thì sinh lý sẽ chẳng bệnh hoạn; tâm địa thanh tịnh, từ bi thì sẽ chẳng dễ bị bệnh truyền nhiễm; tâm thanh tịnh có thể chống cự được bệnh tật, tâm từ bi có thể hoá giải được chất độc. Người chân chánh có trí huệ có thể điều chỉnh tình trạng sức khoẻ của mình, chẳng cần phải dựa vào thuốc men từ bên ngoài. Nhà Phật gọi việc này là Nội Học, nguyên lý của việc này là như kinh Hoa Nghiêm có nói: ‘*Hết thủy pháp duy tâm hiện, duy thức biến*’. Tâm Phật thanh tịnh từ bi đến cùng cực nên thế giới của Phật, hoàn cảnh y báo của Phật viên mãn cùng cực. Hoa Tạng thế giới của Phật Tỳ Lô Giá Na, Cực Lạc thế giới của Phật A Di Đà là do tâm thanh tịnh, tâm từ bi biến hiện thành. Hiện nay hoàn cảnh xã hội chúng ta trước ác đến cùng cực là vì chúng sanh ở thế giới này tự tư tự lợi, tham, sân, si, mạn, nghi biến hiện ra. Nói cách khác, tâm cực kỳ chẳng thanh tịnh, chẳng có từ bi cảm thành y báo trước ác hiện tiền của chúng ta. Do đó mới biết tình trạng sức khoẻ của thân thể chúng ta và hoàn cảnh sanh hoạt xấu hay tốt đều có nguồn gốc sâu kín từ một niệm tự tánh.

Phật dạy chúng ta cầu sanh tây phương Cực Lạc thế giới, làm thế nào mới vắng sanh được? Tâm phải thanh tịnh, ‘*tâm tịnh thì cõi nước tịnh*’. Niệm Phật phải niệm đến tâm thanh tịnh, tâm từ bi phát ra, nếu mỗi ngày niệm Phật nhưng thanh tịnh, bình đẳng, từ bi chẳng thể hiện tiền thì đó chỉ là kết duyên với đức Phật A Di Đà mà thôi, đời này chẳng thể vắng sanh. Niệm đến lúc tương ứng với

thanh tịnh, bình đẳng, từ bi thì sẽ quyết định vãng sanh Tịnh Độ. Ngẫu Ích đại sư dạy:

‘Có vãng sanh được hay không là do tín, nguyện có hay không’, đây là điều kiện thứ nhất của việc vãng sanh;

‘Phẩm vị cao hay thấp đều do công phu niệm Phật sâu hay cạn’.

Công phu chính là tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì sẽ biết làm thế nào để dụng công [niệm Phật].

Thanh tịnh, bình đẳng là tự lợi, từ bi là lợi tha. Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn Đại Thừa, chẳng phải Tiểu Thừa, nếu cứ giữ cái tâm ‘chỉ lo cho mình’ (tự liễu hán) thì chẳng thể vãng sanh. Đại Từ Bồ Tát nói rất hay: *‘Nếu có thể giúp cho hai người có thể vãng sanh thì còn tinh tấn hơn mình; nếu có thể giúp cho mười người có thể vãng sanh thì phước đức vô lượng vô biên; nếu có thể giúp cho mấy trăm người vãng sanh thì bạn thực sự là Bồ Tát’*. Chẳng có duyên phàn thì thôi nhưng nếu có cơ duyên giúp đỡ chúng sanh mà chẳng chịu giúp đỡ, chỉ chú trọng tự mình, tâm niệm này sẽ chướng ngại cho việc vãng sanh. Thanh tịnh, bình đẳng, từ bi hiển lộ từ nơi nào? Khởi tâm động niệm đều vì chúng sanh, đều vì Phật pháp. Tu học Tịnh Độ, chuyên tu, chuyên hoằng, việc chuyên tu và chuyên hoằng là một chứ chẳng phải hai. Khuyên người khác là khuyên chính mình, dẫn dắt người khác niệm Phật là dẫn dắt chính mình, *mình và người chẳng hai. Chúng sanh và Phật chẳng hai*, thế nên vì chúng sanh là thực sự vì mình, nếu chỉ vì mình mà chẳng lo đến chúng sanh thì đó chính là chướng ngại to lớn cho mình.

Bởi vậy nên giúp đỡ người khác mới là thực sự giúp mình, gây chướng ngại cho người khác tức là gây chướng ngại cho mình. Giúp đỡ người khác là tâm nguyện của chư Phật, gây chướng ngại cho người khác là trái ngược với nguyện vọng độ sanh của chư Phật, vậy thì làm sao vãng sanh được? Cho dù niệm Phật được tốt cách mấy, lúc bước tới cửa ngõ sanh tử của mình thì nghiệp chướng chắc chắn sẽ hiện ra. Chúng ta phải hiểu rõ những đạo lý và chân tướng sự thật này thì con đường Bồ Đề, con đường vãng sanh của chúng ta mới được thuận buồm xuôi gió.

10. Làm thế nào tu hành (Buổi sáng 21-4-99)

Có câu nói: *Người ta trong cõi đời này ‘chuyện không vừa ý xảy ra như ăn cơm bữa’*⁷¹, thời gian gặp cảnh nghịch thì nhiều, gặp cảnh thuận, được xứng tâm, vừa ý rất ít. Làm thế nào để đối phó với nghịch cảnh? Trong bức thư Ấn Quang đại sư gửi cho cư sĩ Vệ Cẩm Châu dạy chúng ta khi gặp nghịch cảnh phải làm thế nào để đối phó, trong nghịch cảnh nên làm thế nào để tu học, đây là một bài khai thị rất quan trọng, chúng ta phải đọc nhiều lần, phải hết lòng nỗ lực học tập thì khi người khác gặp khó khăn mới biết làm thế nào để giúp đỡ họ.

⁷¹ Nguyên văn là: ‘Bất như ý sự thường bất cử’ (sự chẳng như ý thường xảy ra tám, chín)

Kinh Phật có đầy đủ bốn pháp: ‘Giáo, Lý, Hạnh, Quả’, trong đó quan trọng nhất là Hạnh, người hiện nay thường gọi là ‘lạc thực’ (*thực hiện*). Nếu chẳng thể biến Giáo và Lý thành hành vi trong sanh hoạt thực tế thì cũng uổng công đi học, nhất định cũng sẽ lưu chuyển theo nghiệp, lúc trước lão cư sĩ Lý Bình Nam thường nói: ‘*Sanh tử như thế nào thì vẫn phải sanh tử như thế ấy*’. Phật dạy chúng ta phải làm một sự chuyển biến, phải thay đổi từ trong tâm niệm. Thay đổi từ tâm niệm nào? Thay đổi từ tâm niệm ‘tự tư tự lợi’, từ trong lúc tu nhân, sự tu hành chứng quả của hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều bắt đầu từ chỗ này. Từ xưa đến nay đâu có một ai khởi tâm động niệm chẳng vì mình, đó là tự tư tự lợi, phải chuyển tâm niệm này ngược lại, phải đổi thành vì hết thầy chúng sanh. Khi tâm niệm này vừa chuyển tức là chuyển phàm thành thánh, sẽ triệt để chuyển biến trở lại.

Trong mỗi tâm niệm tuyệt đối chẳng có Ta, chỉ có hết thầy chúng sanh. Tôi đến thế gian này là vì phục vụ cho hết thầy chúng sanh, nếu vẫn thường nghĩ về lợi ích của mình thì còn là phàm phu. Dứt ác, tu thiện; tạo ác thì sẽ có ác báo, trồng thiện nhân thì sẽ được thiện quả, nếu còn vì mình thì vẫn là phàm phu. Chuyển mê thành ngộ, chân chánh giác ngộ nhất định phải xả mình vì người. Nếu tâm niệm này chưa nẩy sanh, tâm nguyện chưa phát, cho dù giác ngộ thì cũng vẫn còn giới hạn; sự giác ngộ này vẫn chưa thể đoạn phiền não, chẳng thể thoát ly tam giới và liễu sanh tử, cái ngộ này còn rất nông cạn. Thượng căn lợi trí là như thế nào? Tức là chuyển biến từ căn bản, vì hết thầy chúng sanh chẳng quản khó nhọc. Đọc sách là vì chúng sanh mà đọc, bởi vì phát tâm phục vụ chúng sanh, nhất định phải có thường thức phong phú, học vấn chân thật. Tu dưỡng phẩm đức cũng là vì phục vụ hết thầy chúng sanh mà tu dưỡng, thậm chí việc mặc áo, ăn cơm, nuôi dưỡng thân thể cũng là vì muốn phục vụ chúng sanh nhiều hơn nữa.

Khi thể lực của người thế gian suy yếu thì về hưu, trong nhà Phật chẳng có việc về hưu. Thích Ca Phổ, Thích Ca Phương Chí là truyện ký của Thế Tôn. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng có hưu trí, chúng đệ tử của Phật cũng chẳng về hưu. Trong nhà Phật ở Trung Quốc có ‘hòa thượng thoái cư’ (*lui về ẩn cư, thoái ẩn*), đây là những người lớn tuổi, truyền trao công việc cho những người trẻ tuổi lớp sau, còn mình thì về hưu. Ở Trung Quốc cách những người xuất gia thoái ẩn này chẳng thấy ghi trong kinh điển Phật Đà. Thoái ẩn nghĩa là giao những công việc chấp tác cho người khác, chẳng phải là dưỡng lão. Chế độ của Phật giáo Trung Quốc và Phật giáo cổ Ấn Độ hoàn toàn khác nhau. Khi đức Phật còn tại thế thuần túy là giáo học. Thời kỳ sau đó cũng có tiếp nhận sự cúng dường của quốc vương, đại thần, trưởng giả, thí dụ như tiếp nhận sự cúng dường tịnh xá Lâm Viên, là vì để cho mọi người có một nơi cư trú an định. Nhưng Thế Tôn chỉ tiếp nhận quyền sử dụng, tuyệt đối chẳng tiếp nhận quyền sở hữu; nói cách khác chỉ tạm trú mà thôi, quyết chẳng lấy làm của riêng cho mình, bởi vậy nên trong tâm chẳng có lưu luyến, vương bận.

Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, vua chúa cúng dường cho những cao tăng từ Ấn Độ đến, họ cũng chỉ tiếp nhận quyền sử dụng. Mãi cho đến giữa đời nhà Đường, Phật giáo ở Trung Quốc có một sự cải cách to lớn, đó là chế độ

tòng lâm. Đây là do hòa thượng Mã Tổ Đạo Nhất (tổ thứ tám của Thiền Tông), và thiền sư Bách Trượng phát khởi. Chế độ này tốt, lúc trước ông Phương Đông Mỹ vô cùng tán thán. Từ lúc bấy giờ trở về trước, sự giáo học trong nhà Phật thuộc về giáo học tư nhân, phương pháp lập tòng lâm là đặt giáo dục vào trong chánh quy (*nhề nếp đàng hoàng*), lập thành chế độ, cũng như đại học ngày nay, tòng lâm tức là đại học, đây là đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc.

Tổ chức và sự sắp xếp của tòng lâm giống như trường học ngày nay, chỉ có danh xưng khác nhau mà thôi. Chủ tịch hay phương trượng của tòng lâm sau này được gọi là Trụ Trì chính là chức vụ Hiệu Trưởng, có trách nhiệm chính cho việc giáo học. Phía dưới có chấp sự chánh, phân ra làm ba cơ cấu: Thủ Tọa Hòa Thượng nói theo tính chất của trường học hiện nay là Giáo Vụ Trưởng, Duy Na tức là Huấn Đạo Trưởng, Giám Viện tức là Tổng Vụ Trưởng. A Xà Lê hiện nay gọi là Pháp Sư, tức là Giáo Thọ (giáo sư). Có tổ chức, kế hoạch, lập ra các khóa trình tiêu chuẩn, khóa trình tiêu chuẩn tức là sự phân khoa phán giáo hình thành tại Trung Quốc. Dụng ý là nhằm chỉnh lý kinh điển Phật giáo y theo tánh chất, nội dung, trình độ sâu cạn, sắp xếp trình tự của giáo học trong kinh điển. Nhưng căn bản nhất là bồi dưỡng đức hạnh, đây là việc mà Nho, Phật đều chẳng ngoại lệ.

Một hai trăm năm gần đây Phật giáo đã suy thoái, đến nay đã suy thoái đến mức cùng cực, nguyên nhân là vì chẳng học tập, chẳng noi theo quy củ đã thành lập từ trước. Quy củ tiểu học của nhà Nho khác với tiểu học hiện nay, tiểu học của nhà Nho là để bồi dưỡng đức hạnh, bồi dưỡng đức hạnh nhất định phải bắt đầu từ nhỏ. Trẻ nít nghe lời, dạy chúng nó giữ phép tắc, tập cho nó thành thói quen. Trong sách Lễ Ký có ghi: dạy cấp tiểu học là giáo dục đời sống, ‘*quét dọn, đối đáp đúng phép, hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng thầy giáo*’⁷². Trên phương diện học thuật chỉ dạy học thuộc lòng kinh văn, chẳng có giảng giải. Lợi dụng thời kỳ sức ghi nhớ tốt nhất để học thuộc lòng, ghi nhớ hết thầy những lời dạy của cổ thánh tiên hiền, cả đời chẳng quên. Bất luận lúc nào, trong hoàn cảnh nào, khi khởi tâm động niệm đều nhớ đến tiêu chuẩn của cổ thánh tiên hiền, chẳng thể vi phạm. Dụng ý của việc đọc sách là ở chỗ này, chẳng dám vi phạm quy tắc, chẳng dám làm sai, làm trật. Tiêu chuẩn thị phi, tà chánh, thiện ác, kinh nghiệm của cổ thánh tiên hiền cung cấp cho chúng ta, kinh nghiệm của chư Phật, Bồ Tát cũng cung cấp cho chúng ta, chúng ta muốn siêu phàm nhập thánh vẫn phải y theo kiểu cách này mới có thể thành tựu. Nếu chúng ta lập riêng ra một số tiêu chuẩn khác thì không thể nào không thất bại, nhất định phải tuân theo quy củ. Thế nên phải ghi nhớ lời dạy trong kinh điển, phải hiểu rõ triệt để lý luận, sau đó thực hiện những đạo lý, lời dạy này trong sinh hoạt, đó chính là ‘tu hành’.

Người xuất gia thời xưa phải học giới năm năm, đó là giáo dục căn bản, hiện nay chẳng còn nữa. Năm năm học giới chẳng phải học Luật tạng, mà trong vòng năm năm này tuân giữ giáo giới của thầy. Giáo giới của thầy tức là Sa Di

⁷² Sái táo, ứng đối, hiếu thân tôn sư

Luật Nghi, nam chúng là Tỳ Kheo Giới, nữ chúng là Tỳ Kheo Ni Giới, Tam Tu Tịnh Giới. Phải hết lòng học tập, thành tựu đức hạnh cho mình, đây là chỗ tương đồng với nhà Nho. Giáo học Khổng Phu Tử gồm có bốn môn, thứ nhất là Đức Hạnh, thứ nhì là Ngôn Ngữ, thứ ba là Chánh Sự, thứ tư là Văn Học. Chánh Sự nói theo bây giờ là một số thường thức để làm việc; cũng gọi là khả năng phục vụ nhân dân, xã hội, quốc gia trong tương lai, đây là thuộc về Chánh Sự. Còn dư sức lực mới học Văn Học, Văn Học là để nâng cao sự hưởng thọ về tinh thần của mình nên được sắp sau chót. Giáo học trong nhà Phật cũng chẳng ngoại lệ, đầu tiên là giới hạnh, bồi dưỡng đức hạnh của mình. Nhất định phải coi trọng Hạnh Kinh, nghĩa là đem lý luận, lời dạy trong kinh điển thực hiện trên công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, trong đời sống hằng ngày; bất luận là thuận cảnh, nghịch cảnh, khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều chẳng thể trái ngược với lời dạy của Phật Tổ, được vậy thì đời này của chúng ta mới được độ.

11. Đạo dưỡng sanh (Buổi sáng 24-4-99)

Đối với người trung niên và đặc biệt là người già nếu có thể chú ý việc ăn uống một chút thì thân thể sẽ chẳng có vấn đề gì hết. Nhưng thân thể khỏe mạnh quan trọng nhất vẫn là do tâm lý khỏe mạnh, nếu tâm lý chẳng kháng kiên thì bất luận dùng thuốc men, thuốc bổ, thức ăn đều chẳng ăn thua gì hết. Người học Phật hiểu được đạo lý này, tin sâu chẳng nghi.

Buông bỏ dục vọng của mình, đối với danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trong thế gian buông xả sạch sành sanh thì tâm sẽ được thanh tịnh, tự tại. Tâm địa thanh tịnh tự tại thì thân thể sẽ chẳng bệnh hoạn. Người coi bói, coi tướng thường nói: *'tướng chuyển theo tâm'*, tướng chính là thân thể, thân tướng; thân tướng đẹp đẽ hay không, thân thể kiên kháng hay không đều từ tâm chuyển, bởi vậy nên tâm lý khỏe mạnh thì thân thể chắc chắn sẽ khỏe mạnh. Mê hoặc, vọng tưởng, phiền não là những căn bệnh của tâm lý, nếu có thể buông xả hết những căn bệnh này thì thân thể chẳng cần bất cứ bảo dưỡng gì tự nhiên cũng sẽ khỏe mạnh. Thuận theo tự nhiên thì thân thể sẽ khỏe mạnh; cốt ý tìm cầu, cốt ý bảo dưỡng là trái nghịch với tự nhiên. Trên lịch sử rất nhiều vua chúa, tể tướng, trưởng giả giàu có dùng cạn hết tâm tư để bảo dưỡng thân thể nhưng vẫn bị đủ thứ bệnh, rất ít người được trường thọ. Nguyên nhân là tâm lý chẳng khỏe mạnh, bất cứ bảo dưỡng gì cũng chẳng giúp ích được.

Những đạo lý và sự thật này đều bày trước mắt chúng ta. Chúng ta muốn thân tâm khỏe mạnh, tự tại, hạnh phúc, thì phải nghe lời giáo huấn của đức Phật, đoạn phiền não, chuyển biến tâm niệm và cũng là chuyển biến quan niệm. Nhà Phật nói tu quán chính là sửa đổi quan niệm, tư tưởng sai lầm. Đây là tu hành chân chánh, nghiên cứu giáo lý là tu quán, tham thiền cũng vẫn là tu quán, niệm Phật cũng chẳng ngoại lệ. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều là phương pháp, con đường để sửa đổi tư tưởng, quan niệm sai lầm mà thôi. Chúng ta chọn pháp môn Tịnh Tông, pháp môn này bao gồm niệm Phật và nghiên giáo, nghiên giáo là Giải Môn, niệm Phật là Hạnh Môn, Giải và Hạnh tương ứng.

Đối với phần tử trí thức, phương pháp này rất có hiệu quả. Phần tử trí thức tu học chẳng thể ngã về một bên, ngã về một bên không thể thành tựu; thiên về giáo lý, phớt bỏ tu hành chẳng thể thành tựu; thiên về tu hành chẳng nghiên cứu giáo lý thì sẽ gặp nhiều chướng ngại.

Nhưng có nhiều người chỉ có Hạnh, chẳng có Giải cũng có thể thành tựu, đây là những người thật thà. Có hai loại người thật thà chân chánh: một là thượng căn lợi trí, hai là hạ ngu, vô cùng ngu độn. Người hạ ngu cứ một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng, chẳng suy nghĩ gì cả thì có thể thành tựu. Chúng ta vừa niệm một câu Phật hiệu vừa suy nghĩ lung tung thì làm sao sánh bằng được! Bởi vậy nên người hạ ngu, cổ thánh tiên hiền không ai chẳng tán thán. Họ gặp được nhân duyên tốt, được thiện tri thức dạy cho họ niệm Phật thì họ thật thà niệm câu Phật hiệu này đến cùng, việc này chúng ta chẳng làm nổi. Lão cư sĩ Lý Bình Nam đã từng nói rằng ngài rất muốn học [như người] ngu, ráng cả đời cũng chẳng làm nổi. Hèn chi người xưa mới nói: '*Ngu chẳng bằng nổi*', đây là lời chân thật.

Học Phật trước hết phải hiểu rõ đạo lý, sau đó hiểu rành chân tướng sự thật, biết làm thế nào điều tâm, điều thân (*điều hòa thân tâm*), làm cho thân tâm mình khinh an, tự tại, thì công phu mới có thể đắc lực, mới có thể đạt được pháp hỷ sung mãn. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian phơi bày trước mặt, thực sự đều có thể buông xuống hoàn toàn. Một ngày ba bữa có thể ăn được no, quần áo mặc được ấm, có một căn nhà nho nhỏ có thể che mưa che nắng thì đủ rồi! Những gì dư thừa đều là gánh nặng.

Trên phương diện ẩm thực, cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta buổi sáng phải ăn cho tốt, bữa trưa ăn cho no, bữa tối phải ăn ít, đây là đạo dưỡng sanh. Nguyên nhân bữa tối ăn ít là vì lúc đi ngủ, các khí quan trong cơ thể đều giảm bớt hoạt động, hệ thống tiêu hóa giảm bớt hoạt động, khả năng hấp thụ cũng giảm lại, bởi vậy nên bữa tối phải ăn ít là có ích cho thân thể khoẻ mạnh. Cho nên 'ngày ăn một bữa' trong nhà Phật rất có đạo lý.

Hiện nay nhiều người chẳng ăn bữa tối nhưng thân thể cũng không khỏe là tại sao? Vì vọng tưởng chẳng dứt. Ẩm thực là nguồn bổ sung năng lượng, sự tiêu hao năng lượng của mỗi người khác nhau, có người tiêu hao năng lượng nhiều, có người tiêu hao ít. Và lại chín mươi đến chín mươi lăm phần trăm (90% - 95%) là tiêu hao trên vọng tưởng. Nếu vọng tưởng ít thì tiêu hao sẽ ít. Người tu hành đời xưa vọng tưởng ít, chẳng có dục vọng, mong cầu, tâm địa thanh tịnh, cho nên mỗi ngày ăn một chút là đủ bổ sung năng lượng, đủ cho nhu cầu đòi hỏi trong thân thể. Nhưng người có vọng tưởng nhiều thì không được, nếu bổ sung chẳng đầy đủ, thể lực chịu không nổi thì sẽ sanh bệnh. Cho nên đây cũng là vấn đề tâm lý, tâm tạp loạn thì thân thể cần phải bồi đắp rất nhiều năng lượng; tâm thanh tịnh, vọng tưởng ít thì đòi hỏi năng lượng bù đắp ít, mỗi ngày ăn một bữa cũng đủ. Nếu gom số lượng ba bữa để ăn trong một bữa thì sẽ bị bệnh đường ruột. Bề ngoài thì làm rất đúng như pháp -- mỗi ngày chỉ ăn một bữa -- nhưng trên thực tế thì mang bệnh đầy thân, việc này chẳng thể miễn cưỡng được.

Ở Trung Quốc phương pháp tu định trong thiền đường là tịnh tọa, thêm vào vận động ‘bảo hương’⁷³, nhưng chủ yếu là tịnh tọa. Do đó việc ăn uống trong thiền đường rất đặc biệt, ăn điểm tâm rất nhiều lần [mỗi lần ăn chút ít] để cho ‘chẳng no lắm, chẳng đói lắm’, tiện cho việc dụng công tĩnh tọa. ‘Chẳng no lắm, chẳng đói lắm’ rất quan trọng, trong đời sống sinh hoạt thường ngày nếu chúng ta hiểu được đạo lý này thì thân thể chúng ta tuyệt đối sẽ khỏe mạnh. Người ta lúc đói quá thì chịu không được, no quá thì hôn trầm, tinh thần chẳng phấn chấn, công phu sẽ không đắc lực. Việc ăn uống trong thiền đường chẳng thể ăn no hơn năm phần, lúc đói thì ăn một chút điểm tâm. Cho nên trong thiền đường mỗi ngày ăn tám, chín bữa, phần đông là ăn những bánh bao nhỏ và chút xíu điểm tâm, để cho mọi người luôn luôn giữ được mức chẳng đói lắm, chẳng no lắm, như vậy thì công phu dễ đắc lực. Đặc biệt là buổi tối, ăn càng ít càng tốt.

Dưỡng thân là cả một môn học vấn, chỉ có Phật pháp giảng rất ráo, viên mãn nhất về vấn đề này. Tìm đến gốc rễ thì chỉ là tâm thanh tịnh, tiêu trừ hết thảy dục niệm.

Chẳng những phải buông bỏ hết những dục vọng trong thế pháp, những mong cầu trong Phật pháp cũng phải bỏ hết, chỉ giữ một tâm niệm: ‘câu sanh Tịnh Độ’. Thế gian này là giả chứ chẳng phải thật, ‘Phàm những gì có tướng đều là hư vọng’, phải luôn luôn đề khởi tâm niệm này, trong thuận cảnh sẽ chẳng khởi tâm tham luyến, trong nghịch cảnh sẽ chẳng sanh phiền não.

Trong hết thảy cảnh duyên đều có thể giữ được ‘tâm bình thường’, tâm bình thường chính là ‘đạo’, là Bồ Đề đại đạo.

Phải tin sâu nhân quả, ‘một miếng ăn, miếng uống đều đã định sẵn’, có thể tin sâu chẳng nghi thì tự nhiên có thể buông xuống, sẽ dám buông xuống. Nhiều người chẳng dám buông xuống vì sợ nếu buông xuống hết tất cả thì ngày mai phải làm sao đây? Cứ luôn nghĩ trước, nghĩ sau, chẳng chịu buông xuống triệt để. Đây là vì chẳng hiểu rõ Sự Lý, chẳng sanh khởi lòng tin. Nhưng sự thật là buông xuống càng nhiều thì thâm hoạch càng nhiều. Giàu sang từ đâu đến? Từ bố thí tài vật mà đến, đây là quả báo. Quả báo của bố thí pháp là thông minh trí huệ, quả báo của bố thí vô úy là khỏe mạnh, sống lâu, tóm lại là càng bố thí thì được càng nhiều.

Phải điều tâm, điều thân cho đàng hoàng, thân tâm là chiêu bài, làm cho người ta nhìn thấy có thể sanh khởi lòng tin. Nơi ăn chốn ở, ẩm thực phải đúng như pháp, đừng nên miễn cưỡng, quan trọng nhất cũng vẫn phải tu tâm thanh tịnh, tâm an trú trên thánh hiệu Di Đà, niệm niệm ở đều vì phục vụ chúng sanh, giới thiệu pháp môn vô thượng này cho họ, giới thiệu cho đại chúng. Đặc biệt là đối với những thiện tri thức, bạn bè từ nơi khác đến đây tham học, phải nhiệt tâm, từ bi tiếp đãi, rộng kết thiện duyên.

⁷³ Bảo hương nghĩa là chạy hương, vừa đi bộ vừa tham thiền, mục đích của việc này để trừ áp vọng niệm và cũng là một hình thức vận động. Đi như thế hết một tuần hương nên gọi là đi hương, khác với đi kinh hành.

12. Nói về bố thí (Buổi sáng 30-4-99)

a. Ba thứ bố thí

Kinh nói lúc phàm phu chưa minh tâm kiến tánh, trí huệ đức năng vô tận trong tự tánh chưa hiện tiền, nhất định phải nhờ vào tu đức, nếu chẳng biết tu hành thì đời sống sẽ rất khổ. Định luật nhân quả [nói rõ] thiện nhân được thiện quả, ác nhân đem đến ác báo, đây là nguyên lý của tam đồ lục đạo. Sự khác nhau lớn nhất giữa người thế gian và chư Phật, Bồ Tát là giác và mê, trí và ngu. Phật, Bồ Tát giác ngộ, có trí huệ; phàm phu mê hoặc, ngu si, chẳng có trí huệ, tư tưởng kiến giải chẳng lìa cảm tình, cảm tình chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên quả báo khác nhau rất lớn, tuyệt chẳng phải những gì phần đông phàm phu có thể nghĩ tới, thấy được.

Người trong thế gian coi trọng tài và lợi, đặc biệt là hiện nay, kinh tế đứng hàng đầu, ai cũng liều mạng tranh giành kiếm tiền, giàu sang có thể tranh đoạt mà được hay sao? Trong số mạng chẳng giàu sang, nếu tranh giành được thì chư Phật, Bồ Tát cũng phải tôn bạn làm thầy. Thật ra những gì có thể tranh giành được vẫn là trong số mạng vốn sẵn có, đúng như câu ‘*một miếng ăn một miếng uống không gì chẳng được định sẵn*’, nếu trong số mạng chẳng có thì làm cách nào tranh đoạt cũng không được. Liễu Phàm Tứ Huân nói về đạo lý này rất rõ ràng, cho nên người xưa nói ‘*quân tử vui làm quân tử, tiểu nhân lại oán trách làm tiểu nhân*’, một miếng ăn, một miếng uống gì cũng đều đã được định sẵn trong số mạng. Số mạng là do tự mình tạo ra, tự làm tự chịu.

Người thế gian mong cầu ba thứ quả báo tốt đẹp là ‘giàu sang, thông minh, và khỏe mạnh sống lâu’. Nhà Phật nói: ‘*Trong nhà Phật có cầu ắt ứng*’, đích thật là cầu gì thì được cái đó. Chỉ cần biết lý luận và phương pháp của sự cầu mong này, cầu đúng lý đúng pháp thì chẳng có gì mà cầu không được. Giàu sang là do bố thí tài vật mà được, bố thí tài vật là nhân. Trong đời này có được tiền tài cự phú là do đời quá khứ tu đại bố thí, bố thí lớn lao thì đời này mới được quả báo to lớn. Tu bố thí pháp thì được thông minh trí huệ; tu bố thí vô úy thì được khỏe mạnh, sống lâu. Quả chắc chắn phải có nhân, nếu chẳng chịu tu nhân thì làm sao có quả báo cho được? Cướp đoạt tranh giành làm tổn hại người để làm lợi cho mình, tạo tội nghiệp, đó chẳng phải phước mà là họa hại. Cho dù có đoạt được vẫn là trong số mạng có sẵn, nhưng vì thủ đoạn, khởi tâm động niệm chẳng thiện, tạo ác nghiệp, đời này hưởng hết phước sẽ đọa vào tam ác đạo. Tam ác đạo vào thì dễ nhưng thoát ra rất khó!

Năm hai mươi sáu tuổi tôi tiếp xúc với Phật pháp, nghe tiên sinh Phương Đông Mỹ giảng giải kinh Phật, triết học, và nhận lời dạy của lão cư sĩ Châu Kính Trụ. Cụ Châu tặng cho tôi một cuốn Liễu Phàm Tứ Huân, kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện nhân quả báo ứng, phần lớn đều là những chuyện cụ đích thân gặp được. Đọc xong Liễu Phàm Tứ Huân, biết cá tánh lúc nhỏ của ông Liễu Phàm, những ác nghiệp ông tạo hầu như tôi đều đã phạm; lỗi của ông tôi đều có, ưu điểm của ông tôi chẳng có. Sau khi hiểu rõ tôi hết lòng nỗ lực tu học, sửa lỗi. Thế nên

trong đời này lúc về già tôi có được một chút phước báo, một chút trí huệ, tuổi thọ cũng kéo dài thêm. Tôi chẳng minh tâm kiến tánh, tôi chỉ biết dùng tâm chân thành để tu ba thứ bố thí. Hiện nay tâm người ta chẳng chánh thường, chúng ta dùng tâm chân thành đối xử với họ, họ còn hoài nghi ‘có lẽ ông giả bộ, chắc là giả, chẳng phải thiệt’, hoài nghi nặng nề.

Cho nên có được giàu sang là phước báo, nhưng là phước hay là họa cũng rất khó nói. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc tạo ra văn tự đều là những ký hiệu tràn đầy trí huệ, [chúng ta] nhìn thấy, đọc đến phải giác ngộ. Chữ Họa (禍) và Phước (福) vô cùng tương tự, ý này là ‘Là Họa hay Phước chỉ ở trong một niệm mà thôi’. Một niệm giác thì Họa biến thành Phước, một niệm mê thì Phước biến thành Họa. Thí dụ bạn có tiền nhưng không biết làm việc tốt, chỉ nắm chặt số tiền này, đây là họa hại. Số tiền này có thể làm lợi ích cho rất nhiều chúng sanh, cứu sống rất nhiều sinh mạng của chúng sanh, bạn giữ chặt chẳng chịu đem đi cứu người, để cho những người này chết vì nạn, chết vì đói, bạn đã tạo ra tội nghiệp rất lớn. Tuy chẳng hại người, chỉ giữ tiền, vì điểm này thôi sẽ làm cho bạn đọa địa ngục A Tỳ. Cho nên [Tiền] Tài từ xưa đến nay được xưng là ‘thông hóa’, thông hóa nghĩa là phải lưu thông, chẳng thể giữ chặt. Giữ ở trước mặt tức là tội, có thể lưu thông đi là phước, họa và phước chỉ ở tại một niệm.

Nhưng người có tiền luôn nói: ‘Tôi chịu bố thí, nhưng bố thí chưa chắc có thể đến tay những người đang bị nạn’. Đây là tùy thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình, làm mất đi cơ hội tu phước. Người có trí huệ chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, biết những gì nên làm thì làm, những gì chẳng nên làm thì chẳng làm. Tham quan ô lại rút bớt tiền cứu trợ những vùng bị nạn từ xưa đã có, không có cách gì tránh khỏi, đây chỉ là thiếu số mà thôi. Chúng ta không thể vì những người như vậy mà chẳng làm các công tác cứu trợ, chẵn tai, như vậy là sự sơ sót của chúng ta. Phải dùng tâm chân thành mà làm, tâm chân thành có thể làm người ta cảm động. Tự mình làm chẳng được hoàn hảo là do tâm chân thành chẳng đủ, đem những trách nhiệm này đẩy cho người khác, như vậy là không có trí huệ. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên và tôi đều là thí dụ, cả đời bố thí một cách vô tư, hết lòng nỗ lực làm ba chuyện bố thí tài vật, bố thí pháp, và bố thí vô úy. Quả báo các bạn đều đã thấy rõ ràng: những gì cần thiết trong sinh hoạt vật chất đều chẳng thiếu thốn, thông minh trí huệ mỗi năm đều tăng trưởng, vừa khỏe mạnh lại sống lâu. Đây chẳng phải tánh đức mà là tu đức, do tu mà có. Tịnh Tông Học Hội và Cư Sĩ Lâm đều tu ba thứ bố thí, cả hai đoàn thể đều có được ba thứ quả báo. Việc này chứng minh cho lời Phật dạy là chính xác, hoàn toàn tương ứng.

b. Tin Phật

Lúc trước, thầy Lý rất lòng mởi miệng căn dặn tôi, phó chúc tôi phải ‘tin Phật’, ý nghĩa này rất sâu. Con người thường tin quan niệm sai lầm, cách suy nghĩ sai lầm của mình, chẳng chịu tin Phật. Coi những lời Phật dạy như gió thoảng qua tai, nghe xong gật đầu, vừa quay đi liền quên ráo trôi, vẫn cứ tin vọng tưởng, phân

biệt, chấp trước của mình, vẫn tạo tội nghiệp như cũ. ‘Tin Phật’ là đừng tin vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình, nhất định phải tin Phật. Trong kinh nói sau khi chứng được quả A La Hán mới có thể tin tư tưởng của mình được vì tư tưởng và kiến giải của mình lúc đó mới chính xác. A La Hán được xưng là ‘Chánh Giác’, lúc chưa chứng được quả A La Hán thì tư tưởng, cái nhìn của mình đều chẳng tin được. Nếu có thể suy tư lời Phật dạy, liễu giải sâu thêm, sau đó biến nó thành tư tưởng và hành vi của mình thì người này thực sự có phước.

c. Tự độ và độ tha (độ mình và độ người khác).

Kinh Đại Thừa nói con người nhất định phải tự độ rồi sau đó mới có thể độ người khác. Lời Phật nói hàm ý rất sâu, nhưng có nhiều người ‘đoạn chương thủ nghĩa’⁷⁴, hiểu sai lời Phật dạy nên gấp gấp tự độ mình trước, sau đó mới độ tha, họ phân chia tự độ và độ tha thành hai việc, như vậy là sai lầm. Lúc chưa giác ngộ, trước khi minh tâm kiến tánh, độ tha là tự độ, học tập ở nơi độ tha. Tôi dạy các bạn đồng học trước khi chúng ta tự độ, mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp, nhìn thính chúng ngồi ở phía dưới đều là thầy giáo, thiện tri thức, đều là người giám học của mình. Ở trên giảng đài mình báo cáo những gì mình học được cho họ nghe, mời họ phê bình chỉ giáo cho mình, là dùng tâm trạng và thái độ này, như vậy gọi là tự độ. Đến khi mình đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh rồi thì nhìn thính chúng ngồi phía dưới thành học trò, lúc đó tức là độ tha. Tự độ và độ tha đều ở tại một giảng đường, khi rời khỏi giảng đường, rời khỏi thính chúng để tìm tự độ chẳng thể được. Phật giảng kinh thuyết pháp mới gọi là độ tha, Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp đều là tự độ.

Chẳng thể độ tha thì sẽ chẳng thể tự độ, ta và người chẳng hai. Bởi vậy bạn tu mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát ngay trên giảng đài. Lễ kính chư Phật, thính chúng ngồi phía dưới là chư Phật. Xưng tán Như Lai, giảng giải kinh luận của Thế Tôn tức là xưng tán tánh đức của đại chúng trong hội. Quảng tu cúng dường, hết lòng nỗ lực chuẩn bị để giảng giải buổi học kinh giáo này được hoàn hảo, là pháp cúng dường cho đại chúng trong giảng đường. Sám trừ nghiệp chướng, đại chúng sửa sai thì chúng ta hết lòng nỗ lực cải tiến tức là sám trừ nghiệp chướng. Thỉnh chuyển pháp luân, Thỉnh Phật trụ thế, mời người khác rất khó, khi người ta chẳng chịu thì phải thỉnh chính mình; mời chính mình lên giảng đài chuyển pháp luân, mời chính mình trụ thế. Hết thấy đều phải y lại vào người khác thì Phật pháp sẽ diệt vong. Tự mình giác ngộ, tự mình phải gánh vác sứ mạng tiếp nối huệ mạng chư Phật, hoằng pháp lợi sanh, phải hết lòng nỗ lực làm cho hoàn hảo. Tu mười đại nguyện vương ngay trên giảng đài. Thế nên tự độ tức là hóa tha, hóa tha bao gồm ở trong tự độ, tự độ và độ người là một, chẳng phải là hai. Trên giảng đài như vậy, dưới giảng đài cũng phải như vậy; xử sự, đãi

⁷⁴ *Đoạn chương thủ nghĩa là cắt lấy một đoạn văn, không xét trong toàn bộ ngữ cảnh của nó, tự tiện giải thích diễn giải theo kiến chấp của mình. Chẳng hạn, như trong Ngọc Lịch có ghi chuyện một ông Tăng đọc câu “bất sanh bất diệt” trong Tâm Kinh bèn giải thích là “không còn sống nữa thì không bị diệt mất” nên khuyến khích sát sanh!*

người, tiếp vật không có gì chẳng vậy. Trước lúc giác ngộ, những việc này đều là tu đức, phước huệ song tu, định huệ cùng học.

Hy vọng các bạn đồng học hiểu rõ, phải hết lòng nỗ lực, ba thứ phước báo [nói trên] đều có thể đạt được, chẳng cần phải tính toán, tự nhiên sẽ thành tựu. Hết thầy đều cầu nơi mình, đừng cầu kẻ khác. Dùng chánh tâm, chánh hạnh, làm việc thiện cần đến tiền tài thì sẽ có Phật, Bồ Tát đem đến cho bạn. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên thường nói chúng ta làm những việc này cần đến tài lực hoàn toàn nhờ A Di Đà Phật, nương dựa vào A Di Đà Phật; chẳng cần quyền góp, chẳng cần xin người khác. Chúng sanh chẳng có phước thì tiền sẽ chẳng tới; nếu chúng sanh thực sự có phước báo thì Phật, Bồ Tát sẽ khiến người mang tiền đến. Cầu người tức là lọt vào trong ý thức, sẽ sanh phiền não. Đồi Đường, Bàng cư sĩ dạy chúng ta: *‘Chuyện tốt chẳng bằng không có chuyện’*. Hôm nay chúng ta thấy chúng sanh khổ nạn nhiều như vậy, hãy phát tâm từ bi giúp đỡ họ. Phật, Bồ Tát cũng sẽ cứu khổ, cứu nạn, chỉ cần bạn chịu phát tâm, làm người đại diện cho Phật, Bồ Tát, thì Phật, Bồ Tát sẽ là ông chủ đứng sau lưng bạn, sẽ không ngừng ủng hộ cho bạn. Nếu tâm bạn chẳng thiện, hạnh chẳng thiện, là một người đại diện giả dối thì sẽ chẳng có Phật, Bồ Tát nào ủng hộ, nhưng yêu ma quỷ quái sẽ ủng hộ cho bạn, bạn cũng sẽ có tài lực rất dồi dào, sẽ tạo ra tội cực ác, tương lai sẽ đọa vào địa ngục khổ cùng cực. Yêu ma quỷ quái cũng biết đùa giỡn con người, không thể không biết điều này. Đặc biệt là trong đời Mật Pháp, kinh Lăng Nghiêm nói: *‘Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng’*, phải biết phân biệt tà chánh. Phải biết chân chánh tu phước, có tu phước mới có thể hưởng phước, mới được phước; nếu không tu phước mà mỗi ngày cứ khởi vọng tưởng, phước báo chân chánh sẽ chẳng bao giờ có được.

B. KHUYẾN TIN SÂU NHÂN QUẢ

1. Cứu vãn kiếp nạn. (Buổi sáng 19-4-99)

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ mười bốn, ở Pháp có một nhà tiên tri mà ai cũng quen thuộc, đó là Nostradamus, khả năng của ông này cũng tương đương với Không tiên sinh nói trong Liễu Phạm Tứ Huấn. Không tiên sinh đoán mạng vô cùng chính xác, khẳng định hết thảy chúng sanh đều chịu sự an bài của vận mạng, tuyệt chẳng thể thay đổi. Nostradamus cũng thuộc loại người này, ông đích thật có thể nhìn thấy tình trạng xã hội hiện nay của chúng ta. Ông làm sao có được khả năng ấy? Một là số học, hai là thiên định. Ông ta có công phu thiên định, kết hợp thiên định và thuật số nên lời tiên đoán của ông có thể chính xác như vậy, mức độ chính xác hầu như đã đạt đến chín mươi phần trăm. Nhưng vẫn còn mười phần trăm không đúng, đây là chỉ biết chuyện đó nhưng chẳng biết tại sao. Ông chẳng cao minh bằng Vân Cốc thiên sư, sau khi ông Viên Liễu Phạm gặp Vân Cốc thiên sư, vâng theo lời dạy của thiên sư, đoạn ác tu thiện, thay đổi vận mạng của mình.

Con người ai cũng có vận mạng, nhưng chẳng biết đạo lý cải tạo vận mạng, chẳng biết phương pháp tu học, cả đời này sẽ chịu sự chi phối của số mạng, thiết như câu: *‘Một miếng ăn một miếng uống không có gì chẳng được định sẵn’*. Nhà có vận nhà, nước có vận nước, thế giới có vận của thế giới, những người có năng lực đặc biệt như vậy đều có thể biết. Trung Quốc cũng có lời tiên tri cổ xưa được gọi là ‘Hoàng Cực Kinh Thế Thư’, được thâu thập trong Tứ Khố Toàn Thư. Lời dự đoán này chẳng những nói đến bây giờ, thực sự là nói đến ngàn năm vận thế. Còn dài hơn thời gian nói trong cuốn ‘Chư Thế kỷ’ của Nostradamus. Hoàng Cực Kinh Thế Thư là một bộ sách rất quý, hoàn toàn dựa vào giáo lý của Kinh Dịch mà quán sát, dự đoán.

Chỉ có đức Phật mới nói đến pháp thế gian và xuất thế gian một cách thấu triệt, nói được rõ ràng. Nếu mọi người đều thông thạo những điển tịch trong thế gian, tư duy, quán sát kỹ càng, mới biết tại sao đức Phật phải thị hiện trong thế gian này. Chẳng phải thế gian này không có người thông minh trí huệ, nhưng có thông minh hơn, có khả năng trội hơn thì cũng chỉ biết như vậy nhưng chẳng biết tại sao lại như vậy.

Bà La Môn giáo ở cổ Ấn Độ và những nhà tôn giáo lớn thời ấy, công phu thiền định của họ cũng rất sâu, trong định có thể đột phá thời gian, không gian, đem cảnh giới của lục đạo luân hồi đều bày ra trước mặt, nhìn thấy rất rõ ràng. Nhưng lục đạo luân hồi làm thế nào hình thành, diễn biến ra sao, kết quả tương lai sẽ như thế nào, quy túc ra sao thì họ đều chẳng biết. Họ rất muốn biết nhưng thiền định trí huệ chẳng nâng cao lên nữa thì không có khả năng biết được. Bởi vậy nên mới cảm động chư Phật, Bồ Tát phải xuất hiện ở trong thế gian này, giúp cho họ được thỏa mãn nguyện vọng, nhu cầu của họ, trả lời rõ ràng và giải thích minh bạch cho đạo lý tại sao như vậy.

Tu học theo lý luận, phương pháp của Phật giáo thì vận mạng của từng người có thể thay đổi, vận nhà, vận nước, hay vận thế giới không có gì chẳng thể thay đổi. Kinh Phật thừa nhận có vận mạng, nhưng chẳng phải Túc Mạng Luận, vận mạng chẳng phải là nhất định, có thể thay đổi. Dùng phương pháp gì để thay đổi? Hoàn toàn tại nơi tâm hạnh của mình, cũng có nghĩa là tư tưởng và hành động tạo thành vận mạng. Tâm hạnh thiện thì vận mạng sẽ tốt; tâm hạnh chẳng thiện thì tiền đồ (tương lai) sẽ ngày càng âm đạm.

Đọc kỹ Liễu Phạm Tứ Huấn và hiểu rõ lý luận ấy xong, lại đọc lời dự đoán của Tây phương thì bạn cũng chẳng cảm thấy kinh sợ, vì bạn hiểu đó là như thế nào. Trong cộng nghiệp vẫn có biệt nghiệp, đích thực có thể tiêu trừ nghiệp chướng của mình, tai nạn của mình. Cả nhà tu học thì cả nhà miễn tai nạn. Nếu nhân dân cả nước tu học thì vận nước sẽ hưng vượng, thiên tai nhân họa sẽ giảm bớt. Thế nên quy kết về nguồn cội chỉ là một việc: giáo dục. Phật pháp là Giáo Dục Chánh Giác tức là giáo dục Chân Thật Trí Huệ, là dạy cho chúng sanh ‘giáo dục lợi ích chân thật’. Những năm đầu Dân Quốc, ông Âu Dương Cán Vô nói rất đúng: *‘Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, chẳng phải triết học mà là sự việc*

vô cùng cần thiết trong thời đại ngày nay'. Kim thể tức là hiện đại, là nền giáo dục người hiện đại cần phải học.

Các nhà tiên tri biết cuối thế kỷ tồn tại những vấn đề này nhưng chẳng có biện pháp giải quyết. Họ đẩy kết quả không may này cho Thượng Đế, chúng sanh tạo ra ác nghiệp nên Thượng Đế nổi giận phải trừng phạt họ, chẳng có biện pháp thay đổi, đây là luận điệu sai lầm theo Túc Mạng Luận.

Các vị thiên thần đều công bình và chánh trực, Thượng Đế mà họ nói chính là Thiên Chủ cõi trời Dục giới, tuy phiền não của người trên trời Dục giới chưa đoạn hết nhưng cũng nhẹ hơn chúng ta rất nhiều, trí huệ cao hơn chúng ta rất nhiều. Nếu tôi là Thượng Đế và chúng sanh có thể đoạn ác tu thiện, quay đầu trở lại là bến bờ, thì tôi cũng rất hoan hỷ. *'Người cùng tâm ấy, tâm cùng lý ấy'*. Thế nên chúng ta phải tin lời Phật nói, nên tiếp nhận lời dạy của Phật, cải tạo vận mệnh của chính mình, thay đổi vận mạng của gia đình, được vậy thì chẳng uổng công đã theo học Phật pháp.

Lúc trước có rất nhiều người ở nhiều nơi khác nhau coi bói cho tôi, họ đều nói tôi đoản mạng, sẽ chẳng sống quá bốn mươi lăm tuổi. Sau khi tôi học Phật, vận mạng đã thay đổi, mọi người đều nhìn thấy rất rõ ràng. Bởi vậy phải biết vận mạng có thể thay đổi được. Cuốn sách tôi đọc đầu tiên khi học Phật là cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn, do lão cư sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu, sau khi đọc xong tôi vô cùng cảm động. Lúc còn trẻ, tật xấu của tôi cũng giống như của ông Liễu Phàm, những lỗi lầm mà ông phạm thì tôi đều phạm hết.

'Biết lỗi mà sửa được thì chẳng có gì thiện hơn' cho nên chúng ta đừng giữ cái tâm trốn tránh cầu may, tâm niệm này chẳng tương ứng với hoằng nguyện của Đại Thừa, bây giờ quan trọng nhất là tự mình nhất định phải tuân thủ lời giáo huấn của thánh hiền, nỗ lực 'đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ', và phải giúp đỡ hết thảy khổ nạn chúng sanh hiểu rõ chân tướng sự thật, khuyên nhủ họ cùng nhau sửa sai tu thiện, tích công lũy đức, thành kính từ bi, thương yêu che chở chúng sanh, kính trọng hợp tác lẫn nhau, cùng tồn cùng vinh, đồng tâm hiệp lực, ngăn ngừa hết thảy thiên tai nhân họa, cùng nhau cứu vãn kiếp vận này, như vậy mới là điều hết thảy chúng sanh hy vọng.

2. Y báo chuyển theo chánh báo

(Buổi sáng 20-4-99)

a. Y báo chuyển theo chánh báo.

Tổ Ân Quang cả đời cực lực đề xướng ba cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, và An Sĩ Toàn Thư, dụng ý của ngài là gì, chúng ta phải lắng lòng thể hội. An Sĩ Toàn Thư có thể nói là trước thuật của nhà Phật vì Châu An Sĩ tiên sinh là một Phật tử kiên thành. An Sĩ Toàn Thư tổng cộng gồm bốn thiên (*phần*), thiên thứ nhất là chú giải của Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, phần này dài nhất; thứ nhì là Vạn Thiện Tiên Sư, khuyên người đừng sát

sanh, khuyên ăn chay; thư ba là Dục Hải Hội Cuồng, khuyên người đừng tà dâm; thiên cuối cùng khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đây là nội dung của sách này. Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên đều thuộc về Đạo Giáo. Ấn Tổ cho phổ biến Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, chú giải rất tường tận, sau này cũng không ngừng thêm vào một số công án, nhân duyên.

Nếu ngay cả làm người cũng không được hoàn hảo thì học Phật làm sao có thể thành Phật, Bồ Tát được? Không những làm Phật, Bồ Tát không nổi, nói thực ra Thanh Văn, Duyên Giác cũng chẳng nổi. Tu Đà Hoàn có khả năng đoạn dứt tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong Tam giới, được xưng là ‘Nhập Lưu’ -- đã nhập vào dòng Thánh. Nếu chúng ta chưa có khả năng này thì nhất định sẽ là phàm phu sanh tử, sanh tử phàm phu chắc chắn ở trong tam đồ thọ báo. Chúng ta khởi tâm động niệm, những chuyện đã làm, nghiệp nhân lục đạo bày trước mặt, tự nghĩ coi mình sẽ tương ứng với cõi nào. Ấn Quang đại sư là Tổ Sư Tịnh Độ Tông, ngài dốc toàn tâm, toàn lực để phổ biến ba cuốn sách này, ngày nay chúng ta mới hiểu rõ dụng tâm của ngài, đây là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn. Trong truyện ký có ghi ngài là Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, cả đời hành trì của ngài đích thật rất giống với Đại Thế Chí Bồ Tát. Đại Thế Chí Bồ Tát tiêu biểu cho trí huệ, Quán Thế Âm Bồ Tát tiêu biểu cho từ bi, những gì ngài dạy chúng ta là trí huệ chân thật.

Ấn Tổ cả đời đề xướng ba cuốn sách này, dụng ý là nhằm cứu vãn kiếp nạn hiện nay. Kiếp nạn là do tâm người tạo nên, là tâm của ai tạo vậy? [Nếu] Là tâm của chính mình tạo thành, kiếp nạn này mới có thể cứu. Nếu kiếp nạn là do người khác tạo tác chẳng thiện gây ra thì kiếp nạn này sẽ chẳng thể cứu, chính mình cũng phải thọ nạn theo. Chẳng thể đẩy hết lỗi lầm cho người khác, chuyện tốt là do người khác làm, chuyện xấu là do chính mình làm, là do công phu tu hành của mình không đắc lực, tu hành chẳng đúng như pháp cho nên mới tạo thành hiện tượng y báo này. Y báo chuyển theo chánh báo, thật sự có tâm đại từ bi, đại trí huệ thì phải chuyển biến bắt đầu nơi chính mình; tự mình chuyển biến thì hết thấy thân tâm thế giới đều chuyển biến, đó chính là ‘*Tâm thanh tịnh thì thân thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh thì thế giới sẽ thanh tịnh*’. Phật pháp được xưng là Nội Học, tức là dụng công từ trong nội tâm của mình.

b. Quý tiếc pháp duyên

Nhà tiên tri Tây phương Nostradamus giống như Không tiên sinh kể trong cuốn Liễu Phạm Tứ Huấn, họ cho rằng hết thấy tai nạn đều là vận mạng, là Thượng Đế an bài, chẳng thể thay đổi. Đó là chỉ biết như vậy chứ chẳng biết tại sao lại như vậy. Trong kinh luận đức Phật nói về đạo lý ‘tại sao như vậy’ rất tường tận, không những từng ly từng tí quả báo theo sát thân mình do chính mình tạo ra, mở rộng đến hư không pháp giới đều do một niệm tự tánh của chính mình biến hiện thành. Những người này vô cùng thông minh, nhưng chẳng đủ duyên gặp

được Phật pháp. Nếu họ có thể gặp Phật pháp, nội trong một đời sẽ tu hành chứng quả, có khả năng thoát ly tam giới.

Chúng ta có thể gặp được cơ duyên thù thắng, thiết đúng là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp, đã gặp được thì phải trân quý, phải hiểu nghĩa, chẳng thâm giải nghĩa thú của lời Phật dạy thì sẽ chẳng được ích lợi. Chỉ có thâm giải nghĩa thú mới có thể thật sự hướng dẫn đời sống, hành vi của chúng ta, mới có thể đạt được công đức lợi ích thù thắng. Thâm nhập kinh tạng thì mỗi ngày đều phải giảng trên giảng đài, một ngày cũng chẳng thể nói lỏng. Huân tu trong thời gian dài mới có thể đại khai viên giải, cảnh giới của đại khai viên giải và đại triệt đại ngộ trong Tông Môn hoàn toàn tương đồng, như vậy mới khế nhập vào cảnh giới Như Lai; không những siêu việt lục đạo, trên thực tế cũng siêu việt thập pháp giới.

Chúng ta khẳng định có thể làm được, chỉ cần tiêu trừ chướng ngại của mình, chướng ngại là phiền não tập khí, nhất định phải lánh xa, phải phát đại thệ nguyện: ‘Xả mình vì người, cứu độ hết thảy chúng sanh’, chỉ cần đầy đủ hai điều kiện này thì sẽ có khả năng thành công. Thành công nhanh hay chậm là do tinh tấn, nếu có thể tinh tấn chẳng giải đãi thì thành công nhanh; nếu tinh tấn chậm thì sẽ thành công trễ. Chướng ngại lớn nhất đối với chúng ta là Tình Chấp, vô lượng kiếp đến nay tu hành chẳng thể chứng quả chính là vì những chướng ngại này, phải nhận thức rõ ràng, phải buông xuống triệt để. Sau khi buông xuống mới biết có lợi ích vô biên, trí huệ khai, phiền não đoạn, không những lãnh vực sinh hoạt tinh thần mở rộng, sanh hoạt vật chất cũng mở rộng. Không gian hoạt động của chư Phật, Bồ Tát và Pháp Thân đại sĩ là cả hư không pháp giới, hết thảy chúng sanh là hóa thân, ứng thân của các ngài, tận hư không trọn khắp pháp giới là một thể hoàn chỉnh của sinh mạng. Nếu không khế nhập vào cảnh giới thì không thể nào hiểu nổi sự thọ dụng như vậy.

Rất nhiều người muốn khế nhập vào cảnh giới này nhưng chẳng có duyên phần, chẳng có cơ hội. Hiện nay từ nhiều nơi trên thế giới những người đến đây tham học mỗi tháng đều gia tăng, họ ngưỡng mộ Phật pháp nên mới tới đây. Nhưng bị hạn chế bởi [quy chế] du lịch, có rất nhiều người từ Trung Quốc tới chỉ có thể lưu lại hai mươi bốn giờ đồng hồ. Vì muốn cầu pháp nên chẳng ngại đường xa xa xôi [đến đây], tinh thần này rất đáng kính phục. Người có duyên phần tốt hơn một chút thì dùng lý do thăm người nhà có thể lưu lại một tháng, họ thật sự hiểu được duyên phần quý giá. Những người mỗi ngày ở chung với nhau, không biết quý tiếc duyên phận sẽ chẳng tinh tấn nỗ lực, đây là mấu chốt của sự tu học thành công hay thất bại.

Lúc trước tôi ở Đài Trung theo học với lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi được kể là người ở phương xa đến nên vô cùng trân quý cơ hội ấy, có thể thân cận một ngày thì tuyệt chẳng để uổng phí. Tôi chẳng nghĩ mình sẽ có cơ duyên tốt để thân cận ngài suốt mười năm, mười năm cũng như [chỉ có] một ngày. Tôi thường nghĩ một khi duyên này hết, rời khỏi Đài Trung thì sẽ chẳng có cơ hội đến để học tập. Những người cư trú ở Đài Trung ngược lại chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là vì họ nghĩ thầy Lý còn trụ ở Đài Trung lâu dài, cơ hội [học tập] quá nhiều, hôm

nay chẳng hiểu thì vẫn còn ngày mai, năm nay không biết thì vẫn còn năm sau. Mãi đến lúc thầy vãng sanh mới hối hận nhưng không còn kịp nữa, đã chẳng nắm chắc cơ hội và thời gian. Tâm trạng của những người từ xa đến để cầu pháp thì khác hẳn, họ chân thành khẩn thiết, chỉ cần nhắc nhở vài câu, thọ dụng cả đời chẳng hết. Những đạo lý sự thật này chúng ta đều phải hiểu. Ân Tổ thường dạy *‘Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích’*. Trong kinh có nói thất bảo trong đại thiên thế giới cũng chẳng kỳ lạ, gặp được Phật pháp mới là trân kỳ. Phật pháp có thể giúp chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới, mượn một câu nói theo tôn giáo để bàn thì Phật pháp có thể giúp chúng ta đạt được đời sống vĩnh cửu. Người có trí huệ, thật sự thông minh nhận biết cơ hội, họ cầu mong còn không được thì làm sao có thể bỏ qua? Ngạn ngữ thường nói: *‘Người đang hưởng phước mà chẳng biết’*, câu này nói những người đã gặp cơ duyên nhưng chẳng biết trân quý.

Bởi vậy nên chúng ta phải thâm nhập thêm vào giáo lý, buông xuống thân tâm thế giới triệt để, hết thấy đều vì chúng sanh, vì Phật pháp tồn tại lâu dài nơi thế gian, mong cầu xã hội an định, thế giới hòa bình. Muốn tiêu trừ hết thấy tai nạn của chúng sanh thì mọi người cần phải chân chánh giác ngộ, hết lòng nỗ lực.

3. Nói về nhân quả (Buổi sáng 23-4-99)

a. Kiến hòa đồng giải

Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba do hội trưởng Lý Mộc Nguyên lãnh đạo, ông vô cùng nhiệt tâm làm sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Đạo tràng ở đó thiệt rất khó được, bao nhiêu người từ trên tới dưới đều đồng tâm, chẳng có ý kiến [riêng rẽ], việc này thiệt là hy hữu khó được. Ngạn ngữ nói: *‘Ba người đồng tâm, sắc bén cắt đứt vàng’*⁷⁵. Phật dạy chúng ta khi giao tiếp với đại chúng nhất định phải y theo pháp Lục Hòa Kính. Điều thứ nhất của Lục Hòa Kính là Kiến Hòa Đồng Giải, dùng lời nói hiện nay thì điều này nghĩa là xây dựng nhận thức chung. Cho dù nhiều người, chỉ cần cách suy nghĩ, cách nhìn giống nhau thì có thể cùng nhau nỗ lực làm việc, chẳng có chuyện gì không thành công.

b. Nói về nhân quả

Tai nạn trên thế gian xảy ra dồn dập, xã hội động loạn chẳng yên, có một số vùng tuy điều kiện vật chất tương đối tốt nhưng tâm thần con người chẳng an, đây là một điều rất đáng tiếc, đúng như câu nói: *‘Giàu mà không vui’*, còn chẳng bằng *‘nghèo mà vui’*. Nguyên nhân của việc này phức tạp nhưng có một nhân tố căn bản, đó tức là cách suy nghĩ, cách nhìn của con người thiên lệch, sai lầm, người người ai cũng có tư tưởng này, cách làm này, thì xã hội làm sao chẳng loạn cho được! Hoàn toàn phản nghịch với luân lý đạo đức.

⁷⁵ Tam nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim

Phật pháp từ đầu đến cuối đều chẳng lìa nhân quả, pháp thế gian là một hiện tượng nhân quả phức tạp, Phật pháp cũng chẳng ngoại lệ; thế pháp duyên sanh, Phật pháp cũng duyên sanh. Cổ đức phán Hoa Nghiêm là ‘Ngũ Châu nhân quả’⁷⁶, kinh Pháp Hoa là ‘Nhất Thừa nhân quả’. Pháp thế gian và xuất thế gian chẳng lìa nhân quả, định luật nhân quả nói trông nhân thiện chắc chắn được quả thiện, tạo nhân ác nhất định chiêu cảm ác báo. Hiện nay xã hội chẳng an định, thiên tai nhân họa đều chiêu cảm từ ác nghiệp. Tâm ác, ý niệm ác, ngôn ngữ ác, hành vi tạo tác không có gì chẳng ác, giống như kinh Địa Tạng nói: ‘*Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không có gì chẳng là nghiệp, không có gì chẳng là tội*’.

Tai nạn có thể hóa giải được không? Câu trả lời chắc chắn là được. Vận mạng của mỗi người là do chính người ấy tạo ra, vận mạng chắc chắn là có, vận mạng chính là nghiệp lực của người ấy hình thành. Trong cuốn Liễu Phàm Tứ

⁷⁶ Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ, quyển 3, nội dung kinh Hoa Nghiêm (bản Bát Thập Hoa Nghiêm) được chia thành năm tầng nhân quả (ngũ châu nhân quả), gồm:

1. Sớ Tín Nhân Quả Châu: Tức từ hội thứ nhất được giảng tại Bồ Đề đạo tràng nhằm tuyên thuyết y báo, chánh báo của Như Lai (từ quyển thứ 1 đến quyển thứ 11, gồm 6 phẩm). Năm phẩm đầu giảng rõ về quả đức của đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, phẩm thứ sáu giảng rõ bản nhân của Phật, khiến cho người nghe sanh tín tâm, ưa thích thọ trì, vì thế gọi là Sớ Tín Nhân Quả.

2. Sai Biệt Nhân Quả Châu (còn gọi là Tu Chánh Nhân Quả hay Sanh Giải Nhân Quả): Hội thứ hai đến hội thứ bảy đều được giảng tại điện Phổ Quang Minh, do nhiều vị Bồ Tát giảng, tuyên thuyết nhân quả sai biệt của các địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác. Phần này kéo dài từ quyển 12 đến quyển thứ 48, gồm 29 phẩm, 26 phẩm đầu biện định về nhân sai biệt trong 51 địa vị, 3 phẩm sau minh thị ba quả tướng sai biệt nơi tam đức của Phật quả. Do vậy, tầng này được gọi chung là Sai Biệt Nhân Quả Châu.

3. Bình Đẳng Nhân Quả Châu (còn gọi là Tu Hiện Nhân Quả hay Xuất Hiện Nhân Quả): Trong hội thứ bảy tại điện Phổ Quang Minh, lần lượt tuyên thuyết về nhân quả bình đẳng. Phần này kéo dài từ quyển 49 đến quyển 52, gồm 2 phẩm. Trong phẩm đầu (Phổ Hiện Hạnh), Phổ Hiền Bồ Tát giảng về nhân viên mãn bình đẳng của Phổ Hiền. Phẩm sau (Như Lai Xuất Hiện), Phổ Hiền Bồ Tát tiếp tục giảng về quả viên mãn bình đẳng của đức Tỳ Lô Giá Na Phật, nhân quả dung nhiếp lẫn nhau, bình đẳng bất nhị. Do vậy, tầng này gọi là Nhân Quả Bình Đẳng Châu.

4. Thành Hạnh Nhân Quả Châu (còn gọi là Xuất Thế Nhân Quả): Tức là hội thứ tám, cũng giảng tại điện Phổ Quang Minh. Phần này từ quyển 53 đến quyển 59, chỉ có một phẩm (tức phẩm Ly Thế Gian), lần lượt giảng về nhân hạnh của năm địa vị, quả tướng đại dụng của tám tướng thành Phật. Do vậy, tầng này được gọi là Thành Hạnh Nhân Quả Châu.

5. Chứng Nhập Nhân Quả Châu: Tức là hội cuối cùng được giảng ở Thệ Đa Lâm (Jetavana), nói về diệu môn chứng nhập pháp giới, từ quyển 60 đến quyển 80, gồm một phẩm (tức phẩm Nhập Pháp Giới), lần lượt giảng về đại dụng tự tại nơi Phật quả, sau đó lần lượt dạy về Bồ Tát khởi dụng tu nhân, đồng thời chứng nhập cá nhân lẫn quả (biểu thị bằng việc Thiện Tài Đồng Tử tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức), nên gọi là Chứng Nhập Nhân Quả Châu. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thật ra là phần cuối của phẩm này, nhưng bản Bát Thập Hoa Nghiêm bị thiếu. Sau này, khi ngài Bát Nhã dịch thêm, cổ đức vẫn lưu hành như một phẩm riêng biệt.

Huấn, Vân Cốc thiền sư giúp cho ông Viên Liễu Phàm cải tạo vận mạng, tức là hiểu rõ đạo lý nhân quả. Đoạn dứt hết thấy ác nghiệp, tu hết thấy thiện nghiệp thì tai nạn sẽ tiêu trừ. Vận mạng của cá nhân có thể thay đổi, cho đến vận mạng của gia đình, vận mạng quốc gia, vận mạng của toàn thế giới đều có thể thay đổi.

Trong Liễu Phàm Tứ Huấn, Khổng tiên sinh đoán sẵn vận mạng của ông Viên Liễu Phàm. Ông Liễu Phàm so sánh [lời tiên đoán với cuộc đời của ông] từng chút thì tí gì cũng chẳng sai. Năm nào thi đậu hạng mấy, bổng lộc năm ấy bao nhiêu, đều đã được đoán định trước. Bởi vậy nên tâm ông Viên lắng xuống, buông xả hết vọng niệm, và cả đời chịu vận mạng an bài. Gặp Vân Cốc thiền sư, cùng thiền sư ngồi ở thiền đường suốt ba ngày ba đêm chẳng khởi lên một vọng niệm. Việc này rất hiếm có, người thường chẳng làm nổi. Vân Cốc thiền sư rất khâm phục ông Viên và khen: ‘Công phu của anh khá lắm!’.

Ông Viên thú thật: ‘Con chẳng có công phu gì hết, mạng con đã được định sẵn rồi, khởi vọng tưởng cũng chẳng ích gì, cho nên con chẳng khởi vọng tưởng nữa’.

Thiền sư nghe xong cười ha hả: ‘Tôi cứ tưởng anh là thánh nhân, thiệt ra anh vẫn còn là phàm phu’, sau đó mới dạy cho ông phương pháp cải tạo vận mạng.

Phải hiểu nguyên nhân hình thành và diễn biến của vận mạng thì mới có khả năng thay đổi vận mạng. Chúng ta thay đổi chính mình quan trọng hơn bất cứ việc gì khác, nếu tự mình có thể thay đổi, thì gia đình có thể thay đổi, mọi người đều có thể thay đổi, xã hội chắc chắn cũng sẽ thay đổi, quốc gia mới được an định, hạnh phúc, hưng vượng.

Cả đời Ấn Tổ cực lực đẩy mạnh việc lưu thông Liễu Phàm Tứ Huấn, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, và An Sĩ Toàn Thư. Chúng ta ngày nay hiểu rõ dụng ý ấy, duy chỉ có những thứ này mới có thể cứu cấp, có thể cứu vãn xã hội, tiêu tai miễn nạn. Phật pháp tuy rất tốt nhưng chẳng còn kịp nữa, nhất định phải đại chúng hóa, phổ biến rộng ra mới có hiệu quả. Ba cuốn sách này đích thật là cơ sở để học Phật; có được cơ sở này thì niệm Phật phát nguyện vãng sanh mới thật sự nắm chắc. Ba cuốn sách này có thể giúp người hiện đại xây dựng nhận thức chung, nhận thức chung này chính là nhận thức về nhân quả, khẳng định là có nhân quả báo ứng.

Nếu chẳng thay đổi từ tâm lý, hành vi thì niệm Phật cũng chẳng được vãng sanh. Trong kinh nói rất rõ ràng, tây phương Cực Lạc thế giới là *‘nơi những người thiện nhất tụ hội’*, nếu tâm hạnh của chúng ta chẳng thiện thì làm sao có thể vãng sanh! *‘Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh’*, tâm thanh tịnh là tâm thiện nhất. Hết thấy tai họa đều từ phiền não sanh khởi, đều từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sanh khởi; nếu tâm địa thanh tịnh thì những tai nạn này sẽ tiêu trừ. Xa lìa hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tâm mới được thanh tịnh. Trong kinh Kim Cang có nói: *‘chẳng chấp vào tướng, như như chẳng động’*. ‘Chẳng chấp vào tướng’ tức là khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài chẳng bị dụ hoặc thì gọi là ‘chẳng

chấp tướng’. Đương lúc tiếp xúc ngoại cảnh nếu trong tâm chẳng khởi tham, sân, si, mạn, chẳng khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là ‘chẳng động tâm’. ‘*Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*’ là tiêu chuẩn của tâm thanh tịnh. Ngàn kinh vạn luận, vô lượng pháp môn đều giảng về việc này, đều hy vọng chúng ta đạt đến mức này.

c. Tầm quan trọng của việc nghe kinh

Trong vô lượng pháp môn chúng ta chọn pháp môn Trì Danh Niệm Phật, pháp môn này tiện lợi nhất, khi đi, đứng, nằm, ngồi đều chẳng chướng ngại. Chỉ cần thật sự chịu niệm, niệm đúng như lý, như pháp thì sẽ đạt được hiệu quả. Kinh chẳng thể không nghe, không hiểu giáo lý mà niệm Phật trong Niệm Phật Đường lúc ban đầu rất hoan hỷ, rất sốt sắng, nhưng niệm được một thời gian sau sẽ giải đãi, làm biếng. Vậy là vì nguyên nhân gì? Không hiểu giáo lý nên niệm Phật chẳng có được hiệu quả. Lúc chẳng niệm tâm tán loạn, phiền não rất nhiều; lúc niệm tâm cũng tán loạn, phiền não cũng vẫn nhiều nên mới thoái tâm. Do đó tham thảo giáo lý vô cùng quan trọng, năm xưa lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, mỗi ngày đều giảng kinh thuyết pháp, mục đích chẳng gì khác là muốn cho mọi người hiểu đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, giữ cho đừng thoái chuyển, làm cho công phu đắc lực.

Đúng như lý như pháp thì công phu dễ đắc lực hơn; công phu đắc lực thì đương nhiên sẽ dễ bảo trì; công phu chẳng đắc lực thì sẽ bảo trì chẳng được. Phiền não, nghiệp chướng, tập khí của chúng ta vô cùng nặng nề, nếu chẳng hạ quyết tâm để khắc phục, đời này tuy có cơ duyên nghe được Phật pháp nhưng đời sau vẫn sẽ là sáu nẻo luân hồi. Chuyện này cũng giống như đánh giặc, nếu đánh thua thì sẽ chẳng thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, cho nên nhất định phải hạ quyết tâm, khắc phục phiền não tập khí của mình, như vậy mới là anh hùng. Đại diện trong Phật môn gọi là ‘Đại Hùng Bảo Điện’, đại hùng tức là đại anh hùng. Những gì phần đông người ta chẳng làm nổi mà người ấy làm nổi; phần đông người ta chẳng thể khắc phục phiền não tập khí của mình, người ấy có thể khắc phục, người ấy chính là anh hùng hảo hán, đây là việc chúng ta phải nên học tập.

C. HIỂU RÕ GIÁO DỤC PHẬT ĐÀ

1. Làm thế nào xây dựng văn hóa đa nguyên cùng tồn cùng vinh

(Bài nói chuyện của Hòa Thượng Tịnh Không tại Hội Nghị Tổ Chức Hòa Bình Tôn Giáo Thế Giới 3/3/1999) (Buổi sáng 17-1-99)

Năm 1996 tôi gặp ông Vu Ly, Cục Trưởng Cục Dân Tộc Thiểu Số ở Queensland, Úc Châu. Ông cho tôi biết những năm gần đây, chính phủ Úc Châu thi

hành chánh sách mở rộng, hoan nghinh người từ khắp mọi nơi di dân đến Úc Châu. Những người này đến từ các quốc gia khác nhau, địa phương khác nhau, chủng tộc, văn hóa, tư tưởng, tôn giáo tín ngưỡng đều khác nhau, thậm chí những

người có sanh hoạt tập quán hoàn toàn khác nhau. Hiện nay mọi người cư trú chung một chỗ, làm thế nào mới có thể tôn trọng lẫn nhau, kính ái lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, cùng tồn cùng vinh, sáng tạo cho Úc Châu có được hoàn cảnh sinh sống tốt đẹp, xã hội an định và phồn vinh. Cách suy nghĩ của ông Vu Ly rất hợp lý, vô cùng quý báu, trong Phật pháp nói đến trí huệ chân thật cũng chẳng hơn được cách suy nghĩ này.

Đầu năm ngoái tôi đến thăm đại học Bang Đức ở bãi biển Hoàng Kim, ông Bảo La, viện trưởng viện Khoa Học Xã Hội Nhân Văn, tiếp đón chúng tôi, ông nói trường học này có hơn hai ngàn học sinh đến từ hơn ba mươi mấy quốc gia, địa phương, giống như một Liên Hiệp Quốc nhỏ. Họ đang tìm phương pháp để dung nạp hết thảy các văn hóa đa nguyên khác nhau, làm cho thầy trò toàn trường có thể dung hợp, cùng chung sanh hoạt và học tập, tương lai phát triển tinh thần đa nguyên văn hóa này đến toàn thế giới.

Lúc nói chuyện với viện trưởng Bảo La tôi liền nghĩ đến Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Vừa mở đầu kinh này chúng ta thấy những thính chúng đến tham dự bao gồm hai trăm hai mươi tám đoàn thể chủng tộc khác nhau, xã đoàn khác nhau, hội kinh ấy nếu nói thông hết mười phương thì có vô số vô tận các đoàn thể chủng tộc. Đây cũng như đại tập hợp của những văn hóa đa nguyên mà chúng ta thường nói đến. Trong kinh nói đến chân tướng của vũ trụ nhân sanh tức là vô lượng vô số những đoàn thể chủng tộc này, các văn hóa tư tưởng khác nhau tập hợp tại một nơi, mọi người đều hưởng các thứ sanh hoạt chân thiện mỹ huệ hòa hợp viên dung. Thế Tôn và chư Phật, Bồ Tát vì muốn đạt đến mục đích này nên chọn phương pháp giáo học, tức là muốn hết thảy chúng sanh nhận thức rõ ràng căn nguyên, chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Thế nên Phật nói lời thành thật với mọi người, lời thành thật là gì? Tận hư không, trọn khắp pháp giới vốn là một thể hoàn chỉnh, diệu hữu, hoàn mỹ. Cổ thánh tiên hiền ở Trung Quốc cũng đã từng nói đến tư tưởng và kiến giải này. Kinh Dịch nói: *‘Thái cực sanh lưỡng nghi, lưỡng nghi sanh tứ tượng, tứ tượng sanh bát quái, bát quái sanh vạn vật’*⁷⁷. Đạo gia nói còn rõ hơn *‘Thiên địa và mình có cùng gốc rễ, vạn vật và mình cùng một thể’*⁷⁸, những câu này rất giống với lời Phật dạy.

Chúng ta phải đạt đến sự hòa hợp, viên dung giữa các văn hóa đa nguyên, trước hết nhất định phải có nhận thức này, như vậy thì vấn đề mới được giải quyết. Phàm người chẳng có nhận thức này, khi khởi tâm động niệm hành vi tạo tác đều chỉ lo đến căn nhà nhỏ bé của chính mình, sanh khởi quan niệm tự tư tự lợi. Tâm hành tự tư tự lợi phát triển nhất định sẽ làm những việc tổn người lợi mình, như

⁷⁷ Thái Cực là âm dương hợp nhất, là trạng thái tối sơ trước khi chưa có phân chia. Ta có thể hiểu đại lược như thế này: Từ trong bản thể thuần nhất, phát sanh ra Âm và Dương (lưỡng nghi), từ Âm và Dương lại chia ra làm hai Thái Âm, Thái Dương, Thiếu Âm, Thiếu Dương (Tứ Tượng). Phối hợp tứ tượng ta có tám quẻ (bát quái): Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Bát Quái tượng trưng cho tất cả những yếu tố căn bản và đối lập của vạn vật cho nên nói Bát Quái sanh vạn vật.

⁷⁸ Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể

vậy sẽ sanh ra xung đột mâu thuẫn với người khác, xâm phạm lẫn nhau, làm hại đối phương, do đó tạo thành nguyên nhân căn bản của thiên tai nhân họa. Chúng ta bình tĩnh quan sát thế gian, rất nhiều tai nạn từ đâu đến? Đều từ tâm hạnh tự tư [ích kỷ]. Thế nên Phật nói vô cùng chính xác, hết thấy tai nạn, hết thấy những quả báo không tốt đều sanh ra từ si mê.

Hãy lấy thí dụ cây cỏ thụ, cây này là một thể hoàn chỉnh, chúng ta thí dụ cây này như vũ trụ, pháp giới, còn mình ví như một chiếc lá trên cây. Chiếc lá này nhìn chiếc lá kia sanh ra đối lập, đối kháng, nghi ngờ lẫn nhau. Nếu nhìn xa thêm một chút thì những chiếc lá này đều cùng mọc ra từ một cành cây, là cùng chung một tộc đoàn, nếu nhìn như vậy thì chiếc lá này sẽ chẳng xung đột với chiếc lá kia. Nếu nhìn xa thêm nữa, các cành cây nhỏ sanh từ cành cây lớn, các cành cây lớn này sanh từ cùng một thân cây, các thân cây này sanh từ một gốc cây; tìm đến cội nguồn mới biết cả cây cỏ thụ là một thể hoàn chỉnh (chỉnh thể), một đại ngã, chân thật là chính mình, như vậy mới thật sự là tìm được căn nguyên của sanh mạng. Do đó hết thấy đối lập, mâu thuẫn, xung đột đều tan thành mây khói, tâm đại từ đại bi tự nhiên sanh khởi, thương yêu hết thấy chúng sanh cũng như thương yêu chính mình, thật sự khế nhập vào cảnh giới mình và người chẳng hai (tự tha bất nhị).

Thực sự nhận thức đại vũ trụ, thế giới là một nhà, cả quả địa cầu là một nhà thì sự tranh chấp giữa người với người sẽ không còn nữa, do đó bất kỳ đoàn thể chủng tộc nào đều là một cá thể trong văn hóa đa nguyên dung hợp lẫn nhau, chúng ta nhất định phải nhận thức điều này. Triệt để giác ngộ tất cả các tinh cầu trong hư không pháp giới là một thể hoàn chỉnh, hiểu như vậy thì tất cả vấn đề mới có thể giải quyết được viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm giảng chân tướng sự thật này rất tường tận, rõ ràng, thế nên tài liệu giáo dục tốt nhất cho văn hóa đa nguyên chính là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. ‘Hoa’ tiêu biểu cho vô lượng tộc đoàn khác nhau trong hư không pháp giới, ‘Nghiêm’ nghĩa là bí thử vô ngại, cùng tồn cùng vinh, cảnh giới trang nghiêm tốt đẹp viên mãn hòa mục tương đắc. Phạm những người có nhận thức như vậy thì trong Phật pháp gọi là ‘Phật tri Phật kiến’, người ấy gọi là Bồ Tát, Phật Đà.

Năm nay tôi thăm viếng đại học Các Lý Phi Tư ở Queensland, ông Vu Ly xây một Trung Tâm Hoạt Động Đa Nguyên Văn Hóa trong trường này. Tôi biết được nên rất hoan hỷ, hết sức khen ngợi và giúp đỡ. Tôi còn đề nghị với hiệu trưởng, hy vọng nhà trường có thể mở một Sở Nghiên Cứu Học Tập Đa Nguyên Văn Hóa, bồi dưỡng những nhân tài chuyên môn làm công việc xây dựng xã hội an định phồn vinh, thế giới hòa bình. Lý tưởng nhất là quốc gia xây một trường đại học Đa Nguyên Văn Hóa, hoặc mỗi trường đại học đều có một học viện Đa Nguyên Văn Hóa, Khoa Hệ Đa Nguyên Văn Hóa, cùng nhau nỗ lực thực hiện xã hội an định, thế giới hòa bình, quan niệm đa nguyên văn hóa mới chẳng đến nỗi trở thành một khẩu hiệu suông mà thôi. Đây là chỗ chính phủ Úc Châu, giới học thuật nhân sĩ Úc Châu đáng cho chúng ta kính trọng, khâm phục. Chúng ta sẽ đọc

hết tâm lực khen ngợi và giúp đỡ họ, hoàn thành lý tưởng tối thiện vĩ đại này trở thành hiện thực.

Phật pháp có lý luận, phương pháp, nhất định có thể thực hiện được, chúng ta nên học tập; kinh điển Phật giáo là kho tàng quý báu chung của các văn hóa bất đồng của nhân loại. Nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, cách nhìn, cách suy nghĩ và cách làm hoàn toàn tương ứng với chính thể của đại vũ trụ hoàn mỹ, tương ứng với chính thể tức là tương ứng với tự tánh như nói trong kinh điển, như vậy mới có thể giải quyết hết thảy vấn đề của vũ trụ nhân sinh một cách viên mãn. Hôm nay tôi có duyên tham gia buổi hội thảo thù thắng này, vô cùng cảm tạ những người chí sĩ thuộc ban tổ chức, nơi đây xin biểu lộ nhiệt tâm ủng hộ, tán thán, cống hiến đôi chút sức hèn mọn, xin chỉ giáo thêm, cảm ơn mọi người!

2. Mục đích của việc tu học Phật pháp

(Buổi sáng 7-4-99)

Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, Thế Tôn thuyết minh rõ cho chúng ta ‘các tâm lượng’ của hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới, đây là một hiện tượng rất phức tạp. Các tâm lượng khác nhau từ đâu sanh ra? Chẳng vượt ngoài vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tâm lượng vốn là giống nhau, Phật pháp có câu: *‘Tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát’*, đây là tâm lượng vốn sẵn có của chúng ta, chư Phật đều như vậy, hết thảy chúng sanh trong mười phương pháp giới chẳng ai là không như vậy. Tâm lượng to lớn vốn sẵn có này hiện nay biến thành nhỏ bé; tâm lượng nguyên thủy đơn thuần biến thành phức tạp, đây là việc chúng ta phải suy nghĩ kỹ càng.

Tâm lượng vốn sẵn có hiện ra những cảnh giới tức là Nhất Chân pháp giới. Trong kinh Hoa Nghiêm, tác dụng của Nhất Chân pháp giới được gọi là ‘Phật Hoa Nghiêm’, kinh Tịnh Độ gọi là Cực Lạc thế giới. Những thứ này đều là những gì chúng ta sẵn có, giống như Bồ Tát Mã Minh nói: *‘Bốn giác vốn có’*. Nhất Chân vốn có, Cực Lạc vốn có, bao thái hư, châu sa giới vốn có, sự dạy học của chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh chính là dạy cho người ta khôi phục lại tự tánh vốn sẵn có mà thôi. Thế nên Phật chẳng độ chúng sanh, Phật chẳng có năng lực giúp chúng sanh thêm một chút, hoàn toàn chỉ là khôi phục tự tánh mà thôi. Phải biết khôi phục bản tánh mới là đại viên mãn, đại tự tại. Sự tự tại, khoái lạc, viên mãn của Phật là những gì chúng ta vĩnh viễn không có cách chi tưởng tượng nổi, nhưng những thứ này đều là tự tánh chúng ta vốn sẵn có đầy đủ.

Chữ ‘A Di Đà’ nghĩa là ‘Vô Lượng’. Tâm lượng là vô lượng, trí huệ cũng vô lượng, đức năng cũng vô lượng, tài nghệ cũng vô lượng, thọ mạng cũng vô lượng, hưởng lạc cũng vô lượng, không có gì chẳng vô lượng cả. Vả lại những thứ vô lượng này đều vốn sẵn có đủ trong tự tánh chúng ta, chẳng phải cầu từ bên ngoài mà có, bởi vậy nên Phật pháp được gọi là Nội Học, hướng vào chân tâm của mình mà cầu. Nếu có thể khôi phục cái vô lượng trong tự tánh thì xưng là Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ; mê mất cái vô lượng trong tự tánh tức là phạm

phu, chúng sanh. Do đó có thể biết toàn bộ Phật pháp quy nạp lại chỉ là vấn đề của mê - ngộ mà thôi.

Mục đích của giáo học Phật pháp gồm có ba thứ:

Thứ nhất là *‘Đoạn Ác Tu Thiện’*, đây là phương tiện ban đầu, là thủ đoạn khi bước vào cửa Phật. Hy vọng bạn làm một người thuần thiện, thiện tâm thiện hạnh thanh tịnh có thể giúp cho bạn giác ngộ; ác tâm ác hạnh chắc chắn là mê hoặc, chẳng thể khai ngộ.

Thứ hai là *‘Phá Mê Khai Ngộ’*, dần dần hiểu rõ đại đạo lý, chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh thì có thể thoát ly lục đạo luân hồi, cũng có thể thoát ly thập pháp giới. Hiện nay chúng ta đang ở ranh giới này, có lúc tỉnh giác nhưng thời gian rất ngắn, cảnh giới của danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần vừa hiện tiền thì lập tức mê hoặc. Tuy chẳng thể coi hiện tượng này là thành tựu nhưng cũng tương đối rất quý. Thế gian có bao nhiêu người trong một đời có thể tỉnh ngộ một hai lần? Cũng giống như trong bóng tối đột nhiên có một ánh điện xẹt tỏa sáng, tuy ngắn ngủi nhưng vô cùng quý báu. Chúng ta hy vọng có thể có vài lần điện xẹt này, nhịp độ xẹt ngày càng nhiều, ánh sáng ngày càng sáng, đây là hiện tượng, dấu hiệu tốt.

Thứ ba là *‘Chuyên Phàm Thành Thánh’*, chỉ có chân chánh giác ngộ, chân chánh hiểu rõ mới thật sự muốn học theo Phật, Bồ Tát. Muốn học thật sự thì có thể thành tựu thật sự. Phật nói một người trong đời này chắc chắn có thể thành tựu, vấn đề ở chỗ có chịu hết lòng làm hay không. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư trong cuốn *Tịnh Ngữ* có dạy *‘chân cán’ (làm thật sự, làm hết lòng)*, chỉ cần chịu làm thật sự, ngay trong đời này có thể thành tựu. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử thành tựu ngay trong một đời; trong kinh Pháp Hoa có nói Long Nữ tám tuổi thành Phật; Thế Tôn nêu ra những chuyện này tức là nói rõ chúng ta cũng có thể làm được. Cử ra đồng nam, đồng nữ là biểu thị, tượng trưng phải dùng tâm thành thật mới có thể thành tựu. Tâm trẻ nít còn chưa bị ô nhiễm, tâm chưa ô nhiễm có thể thành tựu.

Có thể buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ chẳng ô nhiễm; đối với hết thảy pháp vẫn còn tốt - xấu thì tâm đã ô nhiễm rồi. Hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều thanh tịnh, bình đẳng cả; nếu trong cảnh giới khởi tâm tốt - xấu, thương - ghét, không chế, chiếm hữu, như vậy là ô nhiễm nghiêm trọng. Chúng ta phải học tập chư Phật, Bồ Tát, cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát là Hoa Tạng thế giới, Cực Lạc thế giới, y báo, chánh báo trang nghiêm, đẹp chẳng thể tả. Tuy các ngài có mọi thứ hưởng thọ nhưng chẳng có tâm niệm muốn không chế, chiếm hữu hết thảy người, sự, việc; tâm niệm cũng chẳng có hướng gì là hành vi? Như vậy mới là chân lạc -- vui thật sự. Bất luận vui cũng vậy, khổ cũng vậy, hiện nay chúng ta đều có tâm niệm, hành vi không chế và chiếm hữu, như vậy là tạo nghiệp. Từ đây có thể biết khởi tâm động niệm muốn chiếm hữu, muốn không chế chính là tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì nhất định nghiệp ác nhiều, nghiệp thiện ít. Thiện nghiệp là gì? Thịnh thoảng buông lỏng tâm chiếm

hữu, không chế một chút tức là thiện nghiệp. Nắm quá chặt thì tạo ác nghiệp, thiện và ác bất quá chỉ như vậy mà thôi. Thế nên Phật mới nói tam ác đạo là quê nhà, tam thiện đạo là nơi du lịch của lục đạo chúng sanh [vì thời gian ở trong tam ác đạo lâu dài như ở quê nhà, thời gian ở tam thiện đạo ngắn ngủi như đi du lịch, đi chơi vài ngày rồi cũng phải trở về nhà, trở về tam ác đạo]. Chúng ta hãy lắng lòng quán sát kỹ càng, lời Phật nói đích thực là chân tướng sự thật.

Tôi hy vọng các bạn đồng tu phải giác ngộ, giác ngộ thì phải học Phật, đức Phật Thích Ca Mâu Ni là gương tốt nhất của chúng ta. Chúng ta dùng đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm cơ sở, làm mô thức căn bản, sau đó chúng ta mới có định lực. Định lực tức là chẳng bị cảnh giới bên ngoài dụ hoặc, lay động; khi gặp nghịch cảnh, nghịch duyên chẳng sanh phiền não, khi gặp thiện cảnh, thiện duyên chẳng sanh tham luyến. Có định lực thì tự nhiên sẽ có trí huệ, trí huệ tức là thông suốt hết thấy, được vậy thì có thể học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo.

Đạo chính là tâm Bồ Đề rộng lớn, dùng tâm đại từ đại bi để thương yêu và giúp đỡ tất cả chúng sanh một cách vô điều kiện. Nếu có tâm này mà chẳng có hành động thì chỉ là phát tâm suông, nhất định phải dùng hành động để thực hiện, đó mới là Bồ Tát hạnh. Trong phần lớn kinh điển Đại Thừa nói đến Bồ Tát hạnh gồm sáu điều: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã; kinh Hoa Nghiêm nói đến mười điều, nói tường tận viên mãn hơn. Thật ra nội dung của sáu điều và mười điều đều giống nhau, quy nạp mười điều thì thành sáu điều, sáu điều mở rộng ra tức là mười điều. Trong mười điều thì Bát Nhã được mở rộng ra, Bát Nhã tức là Căn Bản Trí, Căn Bản Trí khởi tác dụng là Hậu Đắc Trí, cho nên có Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí. Hậu Đắc Trí là tác dụng của trí huệ, dùng trên bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Mười điều này bất quá chỉ là nói rõ thêm về trí huệ Bát Nhã mà thôi.

Trong sinh hoạt hằng ngày, trong lúc chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật nhất định phải làm được sáu Ba La Mật. Ba La Mật là Phạm ngữ, dịch nghĩa là Đến Bờ Kia (*Đáo Bỉ Ngạn*), viên mãn, sáu thứ viên mãn. Bố thí phải vô điều kiện, chẳng chấp tướng thì sẽ viên mãn. Trong kinh Bát Nhã nói đến ‘Tam Luân Thế Không’, tức là đừng chấp trước mình đã làm được bao nhiêu việc tốt rồi, cũng đừng chấp trước người khác làm được bao nhiêu việc tốt rồi, viên mãn nhất định phải ‘tam luân thế không’. ‘*Chẳng có tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng sanh, tướng Thọ Giả*’, bố thí phải lìa bốn tướng ấy, trì giới, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã cũng lìa bốn tướng, như vậy mới gọi là Ba La Mật, mới viên mãn. Hy vọng các bạn đồng tu phải lắng lòng thể hội, buông xuống tự tư tự lợi, niệm niệm vì xã hội, vì hết thấy chúng sanh, phục vụ vô điều kiện, tận tâm tận lực giúp đỡ hết thấy chúng sanh trong pháp giới. [Được vậy thì] trong đời này tu học, học tập chư Phật, Bồ Tát chắc chắn sẽ đạt được kết quả thù thắng.

3. Nhập tri kiến Phật (*Buổi sáng 9-4-99*)

a. Thâm nhập kinh tạng.

‘*Khăng định hư không pháp giới hết thấy chúng sanh chính là tự tánh*’, đây là nhập tri kiến Phật, đây là chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Đặc biệt là trong thời đại hiện nay nếu chẳng có nhận biết như vậy thì tai nạn của mình và hết thấy chúng sanh sẽ chẳng có cách gì tránh khỏi. Muốn nhận biết sự thật này thì nhất định phải thâm nhập kinh tạng, nhưng ‘kinh tạng’ ở đây không phải chỉ Đại Tạng Kinh mà là bất kỳ một bộ kinh nào trong Phật giáo, chân lý chứa đựng trong một bộ kinh có thể giải quyết vấn đề. Chân lý chứa đựng trong bất kỳ một bộ kinh nào cũng đều giống nhau cho nên ‘*pháp môn bình đẳng, chẳng có sai khác*’.

Tu học Phật pháp y cứ bất kỳ một bộ kinh nào đều có thể nhập tri kiến Phật. Còn việc lựa chọn một bộ kinh luận nào, pháp môn nào là do duyên phần của từng người, căn tánh, sự ưa thích và hoàn cảnh sinh hoạt [của mỗi người] chẳng đồng. Chư Phật Như Lai giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa cho người lợi căn; giới thiệu kinh Vô Lượng Thọ cho người trung hạ căn, chúng sanh căn tánh trung hạ vẫn chiếm số nhiều hơn. Pháp môn Tịnh Tông chẳng phải chỉ có một mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu, mà mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai đều giới thiệu, vậy thì còn sai được nữa sao? Vấn đề ở chỗ phải thâm nhập vào chân lý, chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh chứa đựng trong kinh; nếu chẳng thể thâm nhập thì không thể đè nén phiền não tập khí, đè nén phiền não tập khí không nổi thì chắc chắn sẽ tạo nghiệp, tạo nghiệp nhất định sẽ tổn hại chính mình, và cũng tổn thương đến hết thấy chúng sanh.

Tổn hại mình thì chẳng sao cả, tương lai đọa địa ngục, biến thành súc sanh, đó là tự làm tự chịu; nhưng tổn thương đến rất nhiều chúng sanh thì tội này nặng lắm. Đoạn dứt pháp thân huệ mạng của hết thấy chúng sanh, chẳng có tội gì nặng hơn tội này, vì tội nghiệp này mới đọa địa ngục. [Hãy thử nghĩ] người ấy từ vô lượng kiếp đến nay, đời này được thân người, có cơ hội nghe được Phật pháp, mà bạn đoạn dứt duyên phận này của họ, tội này bao nặng? Chúng ta phải hiểu thâm ý của cách luận tội nói trong kinh Phật. Ngược lại giúp đỡ hết thấy chúng sanh có cơ hội nghe đến Phật pháp, có cơ hội tu học Phật pháp, đây là công đức hạng nhất trong thế gian và xuất thế gian. Trên thế gian này tuy có nhiều tiền, lắm của nhưng sau khi chết đi một đồng xu cũng chẳng mang theo được, đúng là ‘*muôn vật đem chẳng nổi chỉ có nghiệp đi theo mà thôi*’. Mang gì theo được? Có thể mang theo công đức giúp đỡ chúng sanh có cơ duyên được độ hóa.

Trong xã hội ngày nay rất nhiều người có địa vị, giàu sang nhưng chẳng biết đạo lý và sự thật này, chẳng có trí huệ, chẳng biết căn nguyên thật của kiết hung, họa phước, cho nên vẫn chẳng thể giữ kiết, tránh hung. Những việc nhân quả báo ứng này không những cổ đức ghi chép rất nhiều, nếu chúng ta lưu ý một chút trong xã hội ngày nay thì chỗ nào cũng có thể thấy được. Ngày nay chúng ta may mắn gặp được duyên phần này, thiệt là trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được, nếu chúng ta còn không biết nắm lấy cơ hội, vẫn chẳng biết tu phước, trái lại còn tạo nghiệp, chướng ngại nhân duyên này, tội ấy rất nặng. Thế nên gặp được duyên phần thù thắng này rốt cuộc là tốt hay xấu thì cũng khó nói, phải coi bạn dùng

tâm gì. Bạn dùng tâm thiện, chịu thành tựu cho chúng sanh thì đó là chuyện tốt. Nếu tự mình có ý niệm muốn không chế, chiếm giữ thì duyên phần này sẽ giúp bạn đọa vào địa ngục A Tỳ. Đây đều là sự thật, hoàn toàn sai khác trên sự nhận biết.

b. Tâm quan trọng của việc nghe kinh

Làm thế nào để vun bồi trí huệ? Phương pháp duy nhất là phải nghe kinh. Năm xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm chưa hề gián đoạn. Trong các học trò của Ngài những vị xuất gia thường tùy chúng có một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, ngoài ra những vị chẳng phải thường tùy chúng còn nhiều hơn nữa. Rất nhiều người đi theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng rời khỏi, mỗi ngày nghe Phật giảng pháp thậm thâm vi diệu. Từ chuyện này chúng ta mới hiểu nếu chúng ta muốn đạt được trí huệ chân thật thì không thể tách rời kinh giáo, phải nghe mỗi ngày, phải giảng hằng ngày. Nghe xong, chính mình đã hiểu thì phải giảng cho người khác nghe. Cả đời Thế Tôn dạy chúng ta *‘thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói’*, đã nói câu này ngàn vạn lần, chúng ta phải vô cùng vui vẻ, phải thích vì người diễn nói.

Hiện nay người giảng kinh rất ít, chúng ta lợi dụng phương pháp kỹ thuật tân tiến: mạng lưới điện toán (internet) và truyền hình vệ tinh để truyền bá, hoằng dương Phật pháp. Thật sự muốn nhập tri kiến Phật, làm cho tư tưởng kiến giải được thuần chánh, chẳng sai lầm, nếu không nghe kinh, không đọc kinh thì tuyệt đối chẳng làm nổi. Tôi học Phật bốn mươi bảy năm, kinh nghiệm từ nhiều năm nay cho tôi biết chỉ có cách phải huân tập hằng ngày, một ngày cũng chẳng thể gián đoạn; [được vậy thì lúc] xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống hằng ngày, chúng ta mới chẳng tùy thuận phiền não, cũng chẳng tùy thuận ý tưởng của mình, vì mình còn mê, còn chưa giác ngộ.

Phật dạy lúc chúng ta còn chưa chứng A La Hán thì không thể tin theo ý tưởng của mình; ý tứ của mình đều sai lầm, đều là tri kiến của phàm phu, tri kiến luân hồi. Tùy thuận theo ý tứ của mình thì chắc chắn sẽ tạo nghiệp luân hồi, Phật nói lời chân thật. Bởi vậy nên trước khi khai ngộ thì phải tùy thuận theo lời dạy của Phật, nhưng nếu chưa thông thuộc kinh giáo, không thể thâm nhập thì chẳng làm nổi. Đến lúc tự mình đã đoạn phiền não, mức thấp nhất là phải đoạn dứt Kiến Tư phiền não, buông xuống hết thảy chấp trước, chứng được quả vị A La Hán, A La Hán được gọi là Chánh Giác, nghĩa là tư tưởng kiến giải chẳng còn sai lầm nữa, đến mức này mới có thể tin tưởng sự suy nghĩ của mình. Bồ Tát còn cao hơn A La Hán, được xưng là Chánh Đẳng Chánh Giác, đã đoạn Trần Sa phiền não, chẳng còn phân biệt; Quả vị Phật là viên mãn nhất, chẳng còn vọng tưởng, vô minh, được xưng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Kiến Tư phiền não của chúng ta vẫn còn đầy đủ, trong đời sống hằng ngày vẫn còn thị - phi, nhân - ngã, tham, sân, si, mạn, tự tư tự lợi, đây đều là tâm luân hồi, những gì tạo tác đều là nghiệp luân hồi. Khi tâm luân hồi, nghiệp luân hồi gặp Phật pháp thì thường thường đều chướng ngại Phật pháp, không những hiện

nay như vậy, thời xưa cũng chẳng ngoại lệ. Nhưng người xưa còn đỡ hơn người hiện nay vì phần đông người xưa đều được un đúc bởi đạo đức, vẫn còn quan niệm đạo nghĩa. Hiện nay luân lý đạo đức chẳng còn, nếu bạn nói luân lý đạo đức với họ, không những họ không thể tiếp nhận mà còn bài bác nữa. Họ cho rằng tự tư tự lợi là đúng, lợi mình hại người là đúng, trong đó họ có thể kiếm được chút lợi nhuận. Họ chẳng biết [làm như vậy chỉ] được một chút lợi ích trước mắt, chớp mắt là phải đọa lạc vào địa ngục A Tỳ, Phật pháp gọi những người này là ngu si, chẳng có trí huệ mới làm những việc điên rồ như vậy.

Người giác ngộ tuyệt đối sẽ chẳng có tâm niệm tự tư tự lợi, tuyệt đối chẳng có tâm niệm và hành động không chế, chiếm hữu tất cả người, sự, vật. Vì họ thực sự hiểu được *'ba tâm đều chẳng thể được'* (*ba tâm là tâm quá khứ, hiện tại, và vị lai*), *'vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không'* thế nên họ sẽ chẳng khởi ác niệm, chẳng có hành vi lầm lạc, khi khởi tâm động niệm, tất cả hành vi tạo tác đều tương ứng với pháp tánh, trong Phật pháp gọi là 'xứng tánh'. Xứng tánh tức là Phật tri, Phật kiến, tức là Phật ngôn, Phật hạnh, thành tựu vô lượng vô biên công đức. Dùng công đức ấy trang nghiêm pháp giới, trang nghiêm chúng sanh, được như vậy thì xưng là Phật, Bồ Tát.

Phàm phu chẳng chịu làm những việc có lợi ích cho chúng sanh, niệm niệm đều nghĩ đến lợi ích của mình, tâm niệm đầu tiên luôn luôn là tự mình được lợi ích, bảo hộ mình. Nếu hy sinh chính mình có thể đem lại lợi ích cho chúng sanh thì Phật, Bồ Tát cũng hoan hỷ làm. Hy sinh sanh mạng của mình còn chẳng tiếc huống chi là những vật ngoài thân? Chỉ cần làm cho chúng sanh được lợi ích chân thật thì chẳng có việc không khởi tâm hoan hỷ lớn lao, đây là chỗ khác nhau giữa Phật và phàm phu. Chúng ta học Phật nhất định phải 'làm thật sự', nếu gặp chuyện thực sự có lợi ích cho chúng sanh mà còn suy nghĩ coi có lợi ích gì cho mình hay không, có đáng làm hay không, còn những tâm niệm như vậy là mê hoặc. Tại sao lại có hiện tượng như vậy? Thứ nhất là thiện căn phước đức của mình chẳng đủ. Thứ nhì là ngoại duyên chẳng đủ, ngoại duyên là cơ hội nghe kinh, nghe thuyết pháp quá ít. Nếu thường có người nói cho bạn nghe, lâu dần thì không hay không biết đều un đúc thành hạt giống. Đây là hạt giống Phật, hạt giống Phật là hạt giống giác ngộ. Nếu hạt giống này có nhiều thì sẽ nảy sanh sức mạnh, khi gặp cơ hội thì bạn sẽ nắm lấy, nhất định sẽ chẳng buông bỏ cơ hội này.

Tôi đã già rồi nhưng vẫn phải giảng kinh hằng ngày là vì chúng sanh; nếu là vì mình thì tôi có thể về hưu rồi. Trong sách xưa có ghi: 'thất thập trí sĩ', trí sĩ nói theo bây giờ tức là về hưu, cáo lão về quê. Tôi cũng có thể về hưu, tìm nơi có hoàn cảnh thanh tịnh để niệm Phật cầu vãng sanh, còn phải nhọc sức bôn ba nữa sao? Cũng vì chẳng có người giảng những kinh giáo này, nếu có người giảng thì tôi sẽ chẳng giảng nữa. Chẳng có người giảng thì không thể không giảng, đây là hy sinh mình, giúp đỡ người khác.

Chư Phật, Bồ Tát vì người quên mình tức là giảng kinh thuyết pháp, Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện cách thức giảng dạy: Bất luận là tại gia hay xuất gia đều vạn duyên buông xuống, chẳng có gì hết, thanh tịnh vô vi, giúp đỡ chúng

sanh. Trong thế giới Sa Bà này nhĩ căn của chúng sanh bén nhập nhất cho nên giảng kinh thuyết pháp là phương cách hay nhất; kế đó dùng thân thể thị hiện, làm một gương tốt cho xã hội đại chúng xem, chỉ là vậy mà thôi. Chân chánh là đệ tử Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, xuất gia phải học Phật, học cao tăng, tại gia phải học cao sĩ, những cao tăng, cao sĩ này đều là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa đến thế gian, làm mô phạm, làm gương tốt nhất cho chúng ta. Chúng ta phải hiểu, phải hết lòng nỗ lực học tập, thành tựu vô lượng vô biên công đức.

4. Giáo dục là đường lối căn bản để giải quyết tai nạn (Buổi sáng 28-4-99)

Hiện nay xã hội chẳng an định, nguyên nhân ở tại chỗ nào? Tư tưởng kiến giải sai lầm, đây là nguyên nhân chính của sự động loạn bất an. Nếu mọi người chẳng có chánh tri chánh kiến thì hiện tượng này chắc chắn sẽ xảy ra. Chánh tri chánh kiến phải nhờ giáo dục mới có. Ngàn vạn người khó kiếm được một người vừa sanh ra liền có chánh tri chánh kiến, họ đều là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, chẳng phải phàm phu. Phàm phu từ vô lượng kiếp đến nay chịu phiền não tập khí huân tập nên sanh khởi tri giác sai lầm, đây là hiện tượng tự nhiên sẽ xảy ra, cho nên nhất định phải nhờ giáo học. Trung Quốc thời xưa có giáo dục gia đình, có giáo dục nhà trường – gọi là giáo dục tư thực. Trong Lễ Ký, thiên Khúc Lễ, thiên Nội Tắc nói rất tường tận. Nhất định phải bắt đầu xây dựng cơ sở giáo dục từ nhỏ, vun bồi khả năng phân biệt chân và vọng, tà và chánh, thị và phi, họa và phúc; khi có khả năng này thì cả đời có thể kiến công lập nghiệp, lập ở chỗ chẳng bại.

Trung Quốc từ xưa đến nay rất coi trọng giáo dục. Giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội dung hòa thành một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh; nhờ vậy xã hội đương nhiên an định, phồn vinh, hưng vượng, quốc gia nhất định cường thịnh, thế giới hòa bình. Chỉ có tâm thương yêu chân thành, giáo dục hoàn hảo mới có thể tự cứu mình, gia đình, xã hội, thế giới. Xã hội ngày nay động loạn là tai họa do kinh tế đem lại, mọi người ai cũng nóng lòng kiếm chác, kiếm lợi, ai cũng bị sức hút của đồng tiền lôi kéo. Nhà Thanh trước kia, chính giữa đồng tiền có một lỗ hổng gọi là ‘mắt đồng tiền’ (tiền nhãn), cái lỗ này có hình vuông giống như cái gông, gông là một dụng cụ để cùm đầu tội nhân. [Người xưa] làm đồng tiền giống như vậy là muốn nhắc nhở chúng ta đồng tiền chẳng phải là một vật tốt, bị lôi cuốn vào trong đó thì sẽ mang gông cùm, sẽ phạm tội. Người Trung Quốc cổ đại làm ra những thứ này đều có ẩn chứa ý nghĩa giáo dục trong ấy. Ngày nay sử dụng tiền giấy, tờ giấy bạc này là một vật rất dơ, có bao nhiêu người cầm đến tờ giấy tiền này, có bao nhiêu vi khuẩn được truyền trên ấy. [Người ta] chẳng hiểu những chuyện này, cầm cúi liềm mạng chui vào cái ‘mắt đồng tiền’!

Cả vợ lẫn chồng đều đi làm kiếm tiền, con cái chẳng được cha mẹ thương yêu, [lo lắng, chăm sóc], trong tâm sẽ bất bình thường, đây là hậu quả của sự thiếu thốn giáo dục gia đình. Giáo dục gia đình đã bị máy truyền hình (TV) thay thế,

hơn nữa nội dung của [những chương trình] truyền hình có lợi cho sức khỏe, tinh thần, và thể chất của trẻ em rất ít, hầu hết đều là bắn giết, trộm cắp, tà dâm, nói dối, dạy con người trở nên tự tư tự lợi, tổn hại người để làm lợi cho mình. Trẻ em hàng ngày coi TV, có ấn tượng vô cùng sâu đậm, chúng nó đều cho rằng những thứ này là bình thường, cứ tưởng làm người đương nhiên phải như vậy. Giáo dục nhà trường chẳng dạy luân lý đạo đức, hầu hết những gì xã hội nhìn thấy đều giống như chương trình chiếu trên TV. Con người sinh sống trong hoàn cảnh như vậy cho dù có thiện căn thì cũng sẽ biến thành hư hỏng, như câu nói: *‘Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen’*, bao nhiêu người có thể chẳng bị hoàn cảnh dụ dỗ và ảnh hưởng? Đây là nguyên nhân của sự động loạn trong xã hội. Phương pháp đối trị là phải bắt đầu từ căn bản, đó là giáo dục gia đình, giáo dục trường học và giáo dục xã hội phải dung hợp thành một hệ thống hoàn chỉnh mới có thể cứu vãn xã hội, giúp đỡ hết thảy chúng sanh tỉnh giác, quay đầu là bến bờ, mới giải quyết được vấn đề này.

Ngày nay cả thế giới đều động loạn, võ lực không thể giải quyết, võ lực chỉ tăng thêm hận thù giữa các tộc đoàn, hận thù này rất khó tiêu trừ. Dùng kỹ thuật tối tân hiện đại để tận diệt một tộc đoàn, tiêu diệt một quốc gia rất dễ dàng. Nhưng thật sự có thể tiêu diệt được hay chẳng? Chẳng được. Những oan hồn này sau khi chết sẽ đến quốc gia của bạn đầu thai, làm con cháu của bạn, tương lai sẽ báo thù này. Trong lịch sử Trung Quốc đời nhà Thanh có ghi rõ một câu chuyện. Lúc triều nhà Thanh vừa mới bắt đầu, họ dựa vào võ lực của mình để tiêu diệt giòng họ Diệp Hách. Lúc gần chết người thủ lãnh của dòng họ Diệp Hách thề: “Tương lai dù trong dòng họ chỉ còn một người đàn bà [duy nhất] thì [người này] cũng sẽ báo thù, cũng sẽ tiêu diệt các ngươi”. Những năm cuối triều đại, nhà Thanh diệt vong trong tay Từ Hi thái hậu, họ của bà chính là Diệp Hách! Trong cung đình nhà Thanh, quy ước của tổ tông có ghi ‘Con gái nhà Diệp Hách tuyệt chẳng thể vào cung’. Trải qua nhiều năm mọi người đều lơ là và quên mất. Lúc Từ Hi thái hậu vào cung có người nhắc lại chuyện này nhưng vua Hàm Phong chẳng màng, đến sau cùng nhà Thanh diệt vong trong tay của bà, bà đến là để báo thù đấy. Thế nên võ lực chẳng thể giải quyết vấn đề, oan oan tương báo dây dưa chẳng dứt. Chẳng thể sĩ nhục, hiệp đáp bất cứ một chúng sanh nào, kinh Lăng Nghiêm nói: *‘Người chết sanh làm dê, dê chết sanh làm người’*, hôm nay bạn làm người, thế lực mạnh giết dê làm thịt ăn; đời sau bạn sanh làm dê, dê lại sanh làm người, rồi lại giết bạn, oan oan tương báo dây dưa chẳng bao giờ dứt.

Muốn giải quyết vấn đề phải dùng lòng thương yêu chân thật, lòng chăm sóc chân thành, giúp đỡ vô tư, cảm hóa nhân tâm. Hết thảy chúng sanh hữu tình đều có lương tâm, trong nhà Phật có rất nhiều công án cao tăng đại đức chế phục sư tử, hổ, báo, mãnh thú; ngay cả mãnh thú cũng có thể cảm hóa thì đâu có lý do chẳng thể cảm hóa con người được. Chẳng thể cảm hóa là vì chẳng đạt đến mức tinh thành, có câu nói: *‘Tinh thuần chí thành đến mức cùng cực, đá vàng cũng phải bể’*⁷⁹. Chúng ta chẳng hiểu lý ấy, chẳng biết hướng về trong phản tỉnh, chẳng

⁷⁹ Tinh thành sở chí, kim thạch vị khai

đem lòng thương yêu cho người, bởi vậy nên chỉ làm cho vấn đề ngày càng tệ, càng chẳng thể thâu tóm. Đây là sai lầm đã chẳng coi trọng giáo dục, quả báo đã coi thường giáo dục. Chúng ta quán sát lịch sử, tai nạn, diễn biến của thiên tai nhân họa, ngày càng khốc liệt, ngày càng khủng khiếp, sức phá hoại mỗi lần đều tăng thêm, đây chính là oan oan tương báo; những chuyện tàn sát tập thể đến sau cùng thế giới cùng nhau tận diệt, đây là kết quả do trí huệ nhân loại kết hợp với khoa học tân tiến tạo thành!

Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đích thật có trí huệ, nhìn được sâu, được rộng, được xa cho nên cực lực đề xướng giáo dục, xếp giáo dục vào vị trí quan trọng hàng đầu trong đời người. Người ta có thể không ăn, không mặc, nhưng không thể không có giáo học. Câu đầu tiên trong Luận Ngữ nói: *‘Học rồi thực hành theo cũng chẳng vui sướng sao’*⁸⁰. ‘Học’ là việc lớn nhất trong đời sống con người, như câu nói: *‘Sống đến già thì học đến già, học hoài chẳng hết’*⁸¹. Sanh mạng nằm trong sự học tập, cả đời học chẳng hết, đời đời kiếp kiếp cũng học chẳng hết. Phật pháp nói càng viên mãn hơn, nói càng hay hơn: *‘Từ lúc mới phát tâm đến quả vị Như Lai, sự học trong vô lượng kiếp mới đạt đến cứu cánh viên mãn’*. Sau khi viên mãn thì mới có thể phục vụ, giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Từ đó mới biết mục đích của sự ‘học’ là để phục vụ xã hội đại chúng. Từ nhỏ mở rộng ra đến phục vụ gia đình, phục vụ tông tộc, phục vụ làng xóm, phục vụ đất nước, phục vụ hết thảy chúng sanh, nếu như chẳng có học dưỡng tốt đẹp thì phục vụ sẽ chẳng được viên mãn; thậm chí phục vụ lại tạo nghiệp thêm, đem lại tai nạn cho xã hội, quốc gia, thế giới. Người thực sự có đạo đức, có học vấn, có lương tâm nhất định sẽ chẳng phát triển võ khí mới. Trong Bồ Tát Giới, những người tạo nên những công cụ giết hại chúng sanh này đều phạm giới sát. Tạo công cụ dùng để săn bắn cũng phạm tội sát sanh, huống chi là tạo võ khí có thể giết hại rất nhiều người, tội này lớn lắm! Bạn tuy chẳng [đích thân] giết người, nhưng bạn chế tạo những võ khí này, tương lai giết hại rất nhiều người, bạn phải chịu trách nhiệm, quả báo này chẳng thể nào tưởng tượng nổi.

Ngày nay nếu muốn xã hội an định, phồn vinh, hưng vượng, hết thảy chúng sanh có thể sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn thì vẫn phải nhờ giáo dục. Mục tiêu của giáo dục gồm có: thứ nhất là hiểu rõ quan hệ giữa người và người, thứ hai là hiểu rõ quan hệ giữa người và hoàn cảnh tự nhiên, thứ ba là hiểu rõ quan hệ giữa người và thiên địa quý thần. Giáo dục Phật pháp cũng có ba mục tiêu, thứ nhất là *‘Đoạn ác tu thiện’*, thứ hai là *‘Chuyển mê thành ngộ’*, sau cùng là *‘Chuyển phàm thành thánh’*. Bởi vậy nên giáo dục gia đình, trường học, xã hội chẳng thể xa lìa quan niệm này, kiếp nạn của tất cả chúng sanh mới được hóa giải, xã hội mới có thể khôi phục lại an định, hòa bình. Ngày nay chúng ta nhận thức, hiểu rõ rồi thì phải nỗ lực bắt đầu làm từ chính mình, dốc hết tâm lực để giúp đỡ những chúng sanh có duyên. Có duyên là như thế nào? Có thể nghe được, có thể tiếp nhận, chúng ta dốc hết tâm lực giúp đỡ họ. Chẳng nghe được, chẳng chịu tiếp nhận thì

⁸⁰ Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ

⁸¹ Hoạt đáo lão, học đáo lão, học bất liễu

cũng chịu thua thôi, đây là như Phật pháp thường nói: *‘Phật không thể độ người chẳng có duyên’*, ý nghĩa là như vậy.

D. ĐỀ XUẤT HIỂU ĐẠO VÀ SƯ ĐẠO

1. Nói chuyện tại Trung Tâm Cao Niên Tùng Bách, Tuyết Lê (Sydney) năm 1999

(Buổi sáng 29-4-99)

Kính thưa các vị phụ lão anh em:

Hôm nay cử hành lễ Kính Lão Quốc Tế năm 1999 tại Tuyết Lê. Tịnh Không có duyên tham gia thẳng hội cảm thấy vô cùng vinh hạnh. *‘Kính lão tôn hiền, hiếu thân tôn sư’* là mỹ đức của dân tộc Trung Hoa; ở Trung Quốc đời xưa, đi ngược dòng lịch sử ít lắm cũng có trên ba ngàn năm lịch sử. Chư vị tổ tiên cổ lão Trung Quốc trải qua nhiều đời đều dùng quan niệm này để truyền mãi đến đời sau. Khổng Tử sáng lập nền giáo học tư nhân mô phạm điển hình. Việc quốc gia chính thức chế định chánh sách giáo học cũng có thể truy được [nguồn gốc] bắt đầu từ ba đời Hạ, Thương, Châu.

Mục đích giáo học cổ đại gồm có ba điểm: thứ nhất là dạy chúng ta quan hệ giữa người với người; làm người như thế nào, làm sao tiếp xúc với đại chúng, gọi là Giáo Dục Luân Lý, người xưa chia Nhân Luân thành năm loại. Từ phạm vi nhỏ nhất là ‘phu phụ’ (vợ chồng), vợ chồng ở cùng chung một phòng. Ở ngoài phòng có gia (nhà), nhà có ‘phụ tử’ (cha con), ‘huynh đệ’ (anh em). Phía ngoài của nhà là xã hội, xã hội có ‘bằng hữu’ (bạn bè), có ‘quân thần’ (vua – tôi); quân thần nói theo bây giờ là người lãnh đạo và người bị lãnh đạo. Chúng ta hiểu rõ những quan hệ này, trong những quan hệ này có quan hệ máu mủ gọi là Thiên Luân, có quan hệ đạo nghĩa gọi là Nhân Luân. ‘Phụ tử hữu thân’ (*cha con có tình thân*) là quan hệ máu mủ, là quan hệ Thiên Luân. ‘Bằng hữu hữu tín, quân thần hữu nghĩa’ (*Bạn bè giữ chữ tín, vua tôi có nghĩa*), được xây dựng trên đạo nghĩa của quan hệ Nhân Luân, thế nên khi người giao tiếp lẫn nhau tự nhiên sẽ tương thân tương ái [thương yêu lẫn nhau], kính trọng, chiếu cố, hợp tác lẫn nhau. Kinh Vô Lượng Thọ dạy rõ ràng: *‘Nhân dân trong thế gian, cha con, anh em, chồng vợ, thân quyến nên tôn kính, thương yêu lẫn nhau, chẳng nên ghen ghét lẫn nhau. Kẻ có chia sẻ cho người không, chẳng nên tham tiếc’*⁸². Con người là một động vật [có tập quán sống chung với nhau trong] xã hội, chẳng thể thoát ly xã hội nhân quần mà sinh sống đơn độc, đặc biệt là chung sống với những tộc đoàn khác nhau, từ xưa đến nay đã như vậy, hôm nay vẫn như cũ, chẳng ngoại lệ. Bởi vậy nên văn hóa đa nguyên thuộc về thiên nhiên, chẳng do người tạo thành. Có thể thích ứng

⁸² Thế gian nhân dân, phụ tử huynh đệ phu phụ thân thuộc, đương tương kính ái, vô tương tăng tật, hữu vô tương thông, vô đắc tham tích

với văn hóa đa nguyên thì sẽ khỏe mạnh. Phản nghịch với văn hóa đa nguyên thì tâm lý và sinh lý của người này sẽ sanh bệnh.

Thứ hai là dạy con người hiểu rõ quan hệ giữa người và hoàn cảnh tự nhiên. Đời sống của chúng ta nhờ vào sự cung cấp từ thiên nhiên; y phục, ăn uống, chỗ ở, hành vi đều chẳng tách lìa hoàn cảnh tự nhiên. Bởi vậy nên làm thế nào để tiếp xúc với hoàn cảnh tự nhiên? Phải biết *‘người nhân từ thương yêu vạn vật’ (nhân dân ái vật)*. ‘Nhân dân’ nghĩa là gì? Tức là *‘Những gì mình không ưa thì đừng đưa cho người khác’*. Đối đãi với người khác phải thường nghĩ đến mình, nêu người khác dùng thái độ và tâm niệm ấy đối xử với mình, mình có thể tiếp nhận không. Nếu không thể tiếp nhận thì mình dùng thái độ và tâm niệm này để đối xử với kẻ khác. Như vậy mới là chân thành thương mến rộng rãi. Chẳng những phải thương mến tất cả người mà còn phải thương mến tất cả vật, đó là lòng thương mến hoàn cảnh tự nhiên.

Thứ ba, nâng cao lên, dạy chúng ta hiểu rõ quan hệ giữa con người và thiên địa quỷ thần. Rất nhiều học giả, tôn giáo kính ngưỡng Thượng Đế. Dân tộc Trung Quốc từ xưa đến nay đã coi trọng việc cúng tế thiên địa quỷ thần. Trong Phật giáo, đức Phật dạy chúng ta ngày mùng một mỗi năm, đây là ngày đầu tiên mỗi năm, việc đầu tiên người đệ tử Phật phải làm là việc gì? ‘Cúng Thiên’, phải làm Phật sự này, đó là cung kính Thượng Đế, dùng tâm chân thành nhất để phụng hiến cho Thượng Đế.

Nội dung của giáo dục cổ đại ở Trung Quốc được duy trì mãi đến cuối triều nhà Thanh. Quan niệm giáo dục này vẫn chẳng thay đổi. Căn cơ của giáo dục được xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, ‘Hiếu thân tôn sư’. Hiếu thân quan trọng nhất là ‘Dưỡng lão’. Hiếu dưỡng cha mẹ là thiên chức của người làm con. Nhưng giáo dục hiện đại hoàn toàn khác với quan niệm giáo dục của Trung Quốc thời xưa. Người trẻ tuổi hiện nay coi thường việc hiếu kính, chuyện này chẳng thể trách các em -- những người trẻ tuổi. Nếu chúng ta trách các em là sai lầm. Vậy thì phải trách ai? Phải trách chính mình, chúng ta chẳng dạy dỗ các em, chẳng làm gương tốt cho các em noi theo. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn dạy: *‘Người đời trước chẳng lành [không biết đạo đức], chẳng có người nói cho họ biết thì không thể trách họ được’*⁸³. Đời trước chẳng dạy dỗ thì bạn làm sao có thể trách các em được? Không thể đẩy hết trách nhiệm này cho đời sau.

Tôi sanh vào thời đại này coi như cũng còn may mắn, vẫn còn được dạy dỗ chút ít, còn hiểu được đôi chút về những đạo lý này. Chẳng may là tôi sanh vào thời chiến tranh loạn lạc, khổ nạn. Tôi rời khỏi gia đình từ năm mười bốn tuổi, đã nhiều năm qua rất ít khi gặp mặt, đoàn tụ với cha mẹ dù chỉ trong thời gian ngắn. Thế nên luôn nghĩ nhớ đến ân đức dưỡng dục của cha mẹ, lúc nào cũng nghĩ đến lời dạy của cổ thánh tiên hiền và Phật Tổ. Kinh Phật dạy: *‘Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta’*, chúng ta hãy xem tâm lượng của Phật, Bồ Tát [lớn biết mấy]. Đời Tống, Phạm Trọng Yêm tiên sinh nói: *‘Kính trọng người già*

⁸³ Tiên nhân bất thiện, [bất thức đạo đức] vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã

cả của kẻ khác như người già của chính mình, yêu thương con trẻ của người ta như con trẻ của chính mình'⁸⁴. Đây chính là thực hiện tinh thần từ bi bác ái. Thế nên lần trước khi tôi ghé Tuyết Lê, nghe nói Trung Tâm Cao Niên Tòng Bách muốn xây một viện dưỡng lão, tôi rất hoan hỷ; tôi sẽ dốc toàn tâm toàn lực để đóng góp vào việc này. Sau đó nhiều người đến nói với tôi: “Tình huống bên đó không được lý tưởng lắm, Pháp sư đừng bị gạt”. Giả sử mỗi người đều có tâm niệm như vậy thì chuyện thiện trong thiên hạ sẽ chẳng có ai làm nữa, đâu có ai dám làm? Giống như thế gian này có rất nhiều tai nạn, mọi người ai cũng chẳng chịu đi cứu trợ, tại sao vậy? Sợ tiền cứu trợ chẳng đến tay những người đang bị nạn, đành lòng nhìn thấy nhiều người chịu đói chịu lạnh đến chết. Như vậy là bị cảm tình lung lạc, chẳng có lòng từ bi thật sự. Có lòng từ bi chân thật thì dù chúng ta dùng thiện tâm, ra sức, ra tiền nhưng bị người ta gạt, Phật nói công đức của chúng ta vẫn viên mãn. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói: *‘Phát ý viên thành, viên mãn công đức’*. Người làm việc thiện tu phước thì đời sau sẽ sanh lên trời, làm Phật, những người ăn cắp tài vật cứu trợ và hại người chịu nạn phải chịu lạnh chịu đói thì đời sau chắc chắn sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Họ đọa địa ngục A Tỳ chẳng phải do chúng ta cốt ý hại họ, nếu bạn cốt ý muốn hại người, muốn làm cho họ vào địa ngục, [nghĩa là bạn cốt ý] quyên góp một ít tiền cho họ tham ô, vậy thì bạn đã làm chuyện ác rồi. Bạn chẳng có ý này! Đại Thừa Phật pháp luận tội là luận về tâm chứ chẳng luận trên sự tướng.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý ấy thì hãy yên tâm, mạnh dạn đi làm các sự nghiệp từ thiện. Tôi dùng một tấm lòng thuần thiện, thiệt là lòng thương yêu chân thành. Xem người già giống như cha mẹ mình vậy. Hôm nay có người phát tâm xây viện dưỡng lão, có nhiều người như vậy sẵn sóc cho người già, sẵn sóc dùm cho tôi, tôi thiệt là mừng quá trời, cảm ơn còn không kịp thì sao lại chẳng tận tâm tận lực để làm công việc này cho hoàn hảo? Chẳng phải là giúp đỡ họ làm, việc này vốn là bổn phận của tôi. Nếu chúng ta ai cũng có tâm này, người nào cũng nghĩ như vậy, sẵn sóc cho người già, người về hưu, thì tương lai quả báo mình có được sẽ rất thù thắng. Nếu chúng ta sợ đầu sợ đuôi, chẳng dám làm, đến lúc chúng ta lớn tuổi sẽ chẳng có người sẵn sóc. Đến lúc đó tự mình sẽ cảm thấy đau khổ, hối hận không còn kịp nữa.

Trong pháp thế gian và xuất thế gian quý nhất là bạn có tâm chân thành, tâm này rất quý báu. Tài lực chẳng quý, đó là vật ngoài thân chẳng ăn nhằm gì cả, một niệm chân tâm này quý báu, một niệm tín tâm quý báu. Tin ai? Tin chính mình. Thế nên chúng ta nhìn rất rõ ràng, rất minh bạch. Người đầy đủ lòng tự tin rất ít, nên tu học thế pháp và Phật pháp đều rất khó thành tựu. Chẳng có lòng tự tin mà muốn tin người khác thì rất khó. Trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng về chữ ‘tín’ cho chúng ta [như sau], thứ nhất là tin tưởng chính mình, thứ hai là tin Phật. Đạo lý này rất sâu, chúng ta phải tư duy, thể hội, tu học kỹ càng.

⁸⁴ Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu

Cho dù thế gian có tai nạn, người có lòng tin có thể được cứu. Bởi vậy nên hôm nay chúng ta làm công việc tốt này thì đừng sợ đầu, đừng sợ đuôi, nhất định chẳng bị cảnh giới xung quanh lay động. Việc này làm được thành công thì rất tốt, chẳng thành công thì cũng tốt thôi. Tóm lại, một chút tâm chân thành này của chúng ta Thượng Đế biết, Thần minh biết, Phật, Bồ Tát đều biết. Chúng tôi cũng đang dự trù xây một Làng Di Đà ở Tân Gia Ba, đối tượng là để giúp đỡ người già, mọi người tụ hợp chung sống một cuộc sống hưu trí hạnh phúc nhất, có hy vọng nhất, mỹ mãn nhất. Tôi vô cùng quan tâm, lưu ý đến phước lợi cho người về hưu. Ở nhiều nơi trên thế giới, phạm những nơi tôi đến, tôi phải đi tham quan những chỗ dành cho người hưu trí, đích thật Úc châu làm sự nghiệp chăm sóc cho người về hưu được hoàn hảo nhất. Nhưng có điều đáng tiếc là sinh hoạt tinh thần rất thiếu thốn. Cho nên tôi hy vọng Trung Tâm Cao Niên Tông Bách ngoài việc lo lắng đời sống vật chất cho người già, nhất định phải nâng cao đời sống tinh thần, làm cho họ thật sự có đời sống về già hạnh phúc nhất, mỹ mãn nhất. Người Trung Quốc thường nói: *‘Người thiếu niên thì vun bồi phước, người trung niên thì tạo phước cho xã hội đại chúng, đến vãng niên (tuổi già) thì hưởng phước’*. Chúng tôi hy vọng Trung Tâm Cao Niên này là nơi để người già hưởng phước. Nếu chẳng làm đến mức cho người già hưởng phước thì chúng ta sẽ có tội lỗi. Thế nên tôi yêu cầu hết thảy những nhân viên làm việc tại Làng Di Đà ở Tân Gia Ba phải hiếu thuận người già cư trú nơi đó như hiếu thuận cha mẹ mình, phải tôn kính họ như chư Phật, Bồ Tát, được vậy thì chúng ta mới là học trò của đức Phật, mới thật sự là đệ tử Phật. Tận tâm tận lực phục vụ cho người già. Trong viện dưỡng lão giảng kinh thuyết pháp cho họ, cung cấp cho họ những tiết mục giải trí văn hóa. Những tiết mục giải trí này nhất định phải tuân thủ nguyên tắc ‘tư vô tà’ (*không suy nghĩ tà vạy*)⁸⁵ của Khổng Phu Tử. Làm cho người già mỗi ngày ở đây đều có thể tiếp nhận được chánh tri chánh kiến của cổ thánh tiên hiền và Phật, Bồ Tát.

Tôi đã nói qua, viện dưỡng lão là công trình có nhiều hy vọng nhất. Vì nơi ấy họ phải làm một sự thay đổi, làm thế nào để thay đổi? ‘Chuyên phạm thành thánh’. Giống như phần đông những tín đồ tôn giáo vậy, đây là chỗ chuẩn bị cho họ sanh lên trời, ở nơi này họ chuẩn bị sanh thiên. Ở nơi đây chuẩn bị vãng sanh bất thoái thành Phật, bạn nói công trình này thù thắng bao nhiêu? Còn công trình nào có hy vọng hơn công trình này? Có công trình nào thù thắng hơn công trình này? Chúng ta có thể hiếu thuận tất cả người già giống như tôn kính Thượng Đế. Kinh Phật dạy chúng ta hiếu kính là tánh đức, đây là tánh đức tự nhiên lưu lộ. Tánh đức có thể lưu lộ thì người này là Phật, là Bồ Tát. Phật, Bồ Tát đến đâu tu? Tu ở viện dưỡng lão thì sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Ở nơi đó hành Bồ Tát đạo, tu Bồ Tát hạnh.

Hôm nay Tịnh Không có duyên tham dự thắng hội này, thật là vô cùng hy hữu. Mọi người muốn tôi nói vài câu, ở đây tôi khuyến khích tất cả các ông, các

⁸⁵ Đây là lời Khổng Tử khen ngợi kinh Thi: “*Thi tam bách thiên, nhất ngôn dĩ quán chi, tư vô tà*” (Kinh Thi có ba trăm bài, có thể dùng một lời để bao trùm hết: Không suy nghĩ tà vạy!)

bà tham dự đại hội hôm nay, chúng ta phải cùng nhau phát tâm rộng lớn, phải dùng lòng yêu thương rộng lớn để thương yêu xã hội, thương yêu che chở hết thầy chúng sanh. Làm công việc to tát ‘chăm sóc người già, giúp đỡ người già’ này, dốc hết tâm lực để làm cho hoàn hảo, được vậy mới chẳng cô phụ dụng ý của buổi lễ Quốc Tế Kính Lão năm 1999 tại Tuyết Lê. Tịnh Không nguyện cùng mọi người khuyến khích, nỗ lực làm công việc hữu ích này cho được hoàn hảo. Xin cảm ơn mọi người.

A Di Đà Phật.

E. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TẬP THUYẾT GIẢNG

1. Nhân tài hoằng pháp phải coi trọng đức hạnh (Buổi sáng 29-3-99)

‘Hội Nghị Tịnh Tông Hộ Pháp Mỹ Quốc’ mở tại Dallas có ý muốn thỉnh pháp sư Trung Quốc đến các địa phương ở Mỹ giảng kinh hoằng pháp, ý tưởng này rất hay, và cũng thật sự là một chuyện tốt. Hiện nay nhân tài hoằng pháp vô cùng ít ỏi, [công việc] bồi dưỡng nhân tài cần có nhiệt tâm để chiếu cố, cần thời gian lâu dài mới có thể thành tựu. Điểm trọng yếu nhất, căn bản nhất, nhân tài cần có là đức hạnh, nếu chỉ có tài năng, chẳng có đức hạnh thì không những không thể thành tựu mà còn tạo nghiệp, đối với mình, với người, với Giáo đều chẳng có ích lợi. Bồi dưỡng nhân tài chẳng khó, bồi dưỡng đức hạnh rất khó, xã hội hiện đại khác với cổ đại, so với thời xưa, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, dụ hoặc thời nay đã gia tăng không phải chỉ có trăm lần, ngàn lần thôi đâu. Trong hoàn cảnh của người thời xưa tuy rất ít dụ hoặc nhưng họ cũng ngăn ngừa rất cẩn thận, sợ bị thoái chuyển. Sanh trưởng trong xã hội hiện đại nếu tránh sự dụ hoặc của vật dục chẳng nổi thì chắc chắn sẽ thoái đạo, sẽ tạo nghiệp, đó là như người xưa thường nói: ‘*Dưới chiếc áo cà sa mất thân người*’, đây là một chuyện rất đáng thương xót, vô cùng bi thương.

Tu dưỡng phẩm đức trong xã hội hiện nay phải nương dựa vào chính mình. Xưa kia, cha mẹ, thầy giáo có thể giúp đỡ, có thể làm tăng thượng duyên (*duyên phụ*). Xã hội hiện nay đề xướng tự do, dân chủ, mở rộng, con cái chẳng nghe lời dạy của cha mẹ, học sinh chẳng tiếp nhận lời khuyên của thầy giáo, cho nên trong hoàn cảnh như vậy nếu chẳng nương dựa chính mình thì không thể thành tựu. Nương dựa chính mình nghĩa là tự mình phải giác ngộ, phải luôn không quên ‘Tam Quy’, ‘*Giác chứ không mê, Chánh chứ chẳng tà, Tịnh chứ chẳng nhiễm*’, niệm niệm đều phải tương ứng với Giác, Chánh, Tịnh, niệm niệm xa lìa Mê, Tà, Nhiễm, như vậy mới cứu nổi. Đây là chuyện mà chư vị đồng học phải cảnh giác cẩn thận.

Hàm nghĩa của ‘đức hạnh’, ‘hạnh’ là hành vi, bao gồm tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ và tạo tác của thân thể, được gọi chung là ‘hành vi của ba nghiệp’. ‘Đức’ là tánh đức, đức năng vốn sẵn có trong tự tánh. Hành vi tương ứng với tánh đức được gọi là ‘đức hạnh’. Tánh đức là gì? ‘Một niệm tự tánh’ là tánh đức, ‘nhất tâm bất loạn’ nói trong kinh Di Đà là tánh đức; do đó có thể biết ‘nhất’ vô cùng

quan trọng! Cổ đại đức đã nói *‘Hiểu được một chuyện thì vạn chuyện sẽ xong hết’*⁸⁶. ‘Nhất’ tức là chân tâm, tự tánh, chân như. Nhất chẳng phải là con số, những gì lọt vào số lượng thì chẳng phải là tánh đức.

Trên thực tế, tự tánh, tánh đức chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt, lúc tôi giảng kinh đã từng giới thiệu ‘Bốn thứ chẳng thể nói’⁸⁷, đây là cách nói của nhà Thiên Thai, cách nói này căn cứ vào ‘Sáu thứ chẳng thể nói’ trong kinh Đại Niết Bàn. Chẳng thể nói tức là chẳng thể nghĩ bàn, bắt buộc dĩ phải dùng ‘nhất’ để biểu thị [tượng trưng]. Nhất niệm, nhất tâm tức là chân tâm, bản tánh của mình, tức là Phật tánh của chúng sanh hữu tình, pháp tánh của hết thảy chúng sanh. Nhị niệm thì đã biến chất rồi, nhị niệm là vô minh, tam niệm tức là A Lại Da. Thế nên nói tương ứng với nhất niệm, thuần chánh vô vọng, tư tưởng này, kiến giải này, hành vi này được gọi là ‘đức hạnh’. Đây là đức hạnh của Pháp Thân đại sĩ, chúng ta có thể mong chờ chẳng thể bằng.

Nơi những người sơ học chúng ta, tiêu chuẩn của đức hạnh được hạ xuống đến mức thấp nhất, đó là ‘Tịnh Nghiệp Tam Phước’. Tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh tương ứng với Tam Phước, hành vi như vậy thì được gọi là ‘đức hạnh’. Trong Tam Phước, thứ nhất là *‘Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết hại, tu thập thiện nghiệp’*, từ tâm chẳng giết hại tức là ngũ giới. Hành vi tương ứng với hiếu thân, tôn sư, thọ trì ngũ giới, thập thiện chính là đức hạnh. Thứ hai: *‘Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi’*; thứ ba: *‘Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả’*, mười một câu này là tiêu chuẩn tu học đức hạnh của chúng ta hiện nay. Nếu chẳng lấy việc này làm cơ sở thì tu học bất cứ pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh. Phía sau Tam Phước, Đức Phật tổng kết ba điều này chính là ‘Tịnh Nghiệp Chánh Nhân’ của ba đời hết thảy chư Phật; tu học có kết quả, có thành tựu hay chẳng then chốt là ở chỗ này. Nói cách khác, hết thảy

⁸⁶ Thứ đặc nhất, vạn sự tất

⁸⁷ Tứ bất khả thuyết còn gọi “tứ bất khả tư nghị cú ngữ”, giáo nghĩa này được thành lập dựa theo câu kinh Niết Bàn: *“Sanh bất sanh bất khả thuyết, sanh sanh diệt bất khả thuyết, sanh bất sanh diệt bất khả thuyết, bất sanh bất sanh diệt bất khả thuyết”*. Thiên Thai Trí Giả Đại Sư đã phối hợp với bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên để giảng như sau:

1. Sanh sanh bất khả thuyết: Xét về lý được giảng trong Tạng giáo thì các pháp đều nương theo nhân duyên mà sanh, pháp tuy sanh diệt, nhưng lý vốn vô ngôn nên “bất khả thuyết” (chẳng thể nói được).

2. Bất sanh sanh bất khả thuyết: Xét về lý được nói trong Thông Giáo thì các pháp đều do nhân duyên sanh, nhưng chúng vốn là không nên “bất khả thuyết”.

3. Sanh bất sanh bất khả thuyết: Xét về Lý được nói trong Biệt Giáo thì lý Chân Như Bất Sanh nương vào sự kết hợp của nhân duyên sanh ra tướng trạng mười pháp giới sai biệt, cho nên gọi là “sanh bất sanh” (tuy sanh nhưng chẳng sanh). Lý vốn vô ngôn nên gọi là “bất khả thuyết”.

4. Bất sanh bất sanh bất khả thuyết: Đối với lý Viên giáo thì lý Chân Như cùng tướng sai biệt của mười pháp giới hoàn toàn không hai, cả hai vốn đều là Thật Tướng Trung Đạo Bất Sanh, cho nên gọi là Bất Sanh Bất Sanh. Lý vốn vô ngôn nên gọi là Bất Khả Thuyết.

Trong bốn câu này, hai câu đầu dựa theo Chân Đế để luận, hai câu sau luận trên Trung Đế.

ngàn lời vạn chữ trong kinh điển Đại Thừa, Tiểu Thừa, những gì đức Phật nói trong bốn mươi chín năm chẳng qua chỉ là giải thích cho ba điều này, giải thích rõ ràng cho chúng ta mà thôi.

Phương pháp và kỹ thuật giảng kinh không khó, học trong vòng một tháng là đủ rồi; người căn tánh chậm lụt một chút thì ba tháng cũng đủ. Lớp bồi huấn của chúng ta trên phương diện kỹ thuật giảng kinh đạt được hiệu quả, về phương diện đức hạnh thì phải dựa vào sự tự giác của các bạn đồng học, tự mình hết lòng nỗ lực, phải phát tâm làm thầy, làm mô phạm, ‘*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*’. Phải phát tâm rộng lớn này, lập chí lớn lao thì đời này chúng ta mới có thể độ chính mình, mới có thể giúp đỡ kẻ khác.

Muốn thỉnh pháp sư ra nước ngoài hoằng pháp lợi sanh thì đức hạnh là điều phải cân nhắc đầu tiên, kế đến mới là học thuật, như vậy đối với chúng ta mới có lợi ích chân chánh. Các bạn đồng học ở đây cùng nhau tu tập, vì tương lai đến khắp nơi trên thế giới hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải trau giồi phẩm đức của mình, tu học đúng như lý, như pháp, chẳng cô phụ niềm hy vọng của những đại đức hộ pháp trong và ngoài nước, thành tựu công đức tự lợi, lợi tha, điểm này quan trọng phi thường. Thế nên muốn thỉnh pháp sư, chỉ cần tư tưởng, ngôn ngữ, và hành vi của họ tương ứng với Tam Phước thì có thể lễ thỉnh, phải đặc biệt chú trọng điểm này.

Tôi hy vọng Phật thất, Phật học thuyết giảng ở Dallas cử hành mỗi tháng một lần, chẳng thể gián đoạn. Thế lực, tinh thần của chúng ta sánh chẳng bằng người xưa, chẳng thể tinh tấn như người xưa nên chúng ta tổ chức một tuần, tuần sau nghỉ ngơi một tuần. Mỗi tháng có một lần Phật thất, một lần Phật học thuyết giảng, như vậy mới giống một đạo tràng [thật sự].

Nếu không chịu giúp đỡ hết thầy xã hội đại chúng, tự mình muốn làm một người tu hành già dặn, như vậy là người theo Tiểu Thừa, ý nguyện làm lợi ích cho chúng sanh chẳng mạnh, chỉ hy vọng mình được thành tựu, thế thì cũng được! Phải kiếm một chỗ trong núi sâu dựng túp lều tranh, một mình ở đó tu hành. Đây là chỗ khác biệt giữa tâm Đại Thừa và Tiểu Thừa, nhưng như vậy cũng đáng được tán thán. Bồ Tát Đại thừa có thể xả mình vì kẻ khác, hy sinh chính mình để thành tựu cho người. Đại Từ Bồ Tát nói nếu trong đời này bạn chân chánh giúp đỡ hai người vãng sanh thành Phật thì sánh với tự mình tu hành còn tinh tấn hơn. Vì phước báo lớn nhất, thù thắng nhất trong thế gian và xuất thế gian chính là giúp đỡ cho người thành Phật. Một vị Phật sau khi thành Phật sẽ độ rất nhiều chúng sanh, việc này liên quan đến bạn vì bạn giúp đỡ cho họ thành Phật, cũng giống như bạn độ những người ấy. Nếu bạn có thể giúp đỡ mười mấy người vãng sanh thì phước báo của bạn sẽ vô lượng vô biên, bạn chắc chắn sẽ được vãng sanh Tịnh Độ. Chỉ cần lúc lâm chung tâm bạn có thể không điên đảo, tinh thần tỉnh táo, công phu niệm Phật đỡ một chút cũng chẳng sao, những người này sẽ tháp tùng đức Phật A Di Đà tới tiếp dẫn bạn. Vì họ tri ân báo ân, nghĩ mình có thể đến Cực Lạc thế giới là nhờ bạn giúp đỡ, sẽ chẳng quên ân nhân của mình. Người đồng tâm ấy, tâm đồng lý ấy, chúng ta phải hiểu như vậy.

Cho nên phát tâm Đại thừa, phát nguyện Đại thừa, tu hạnh Đại thừa thì hết thấy chư Phật, Bồ Tát tán thán. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật Thích Ca Mâu Ni quả trách Tiểu Thừa, trách mắng Tiểu Thừa, phải hiểu ý tứ này. Tâm Đại Thừa quý báu tức khắc được hết thấy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ; Tiểu thừa muốn được cảm ứng chẳng dễ, đây là việc đức Phật dạy chúng ta trong kinh. Đặc biệt là trong kinh Pháp Hoa, đức Phật khai thị rõ ràng: *đời Mạt Pháp thì Đại Thừa khế cơ, Tiểu Thừa chẳng khế cơ*. Ngày nay chúng ta thế hội sâu sắc, xã hội thời xưa đóng kín, bảo thủ nên Tiểu Thừa khế cơ; xã hội ngày nay tự do, mở rộng, nếu bây giờ truyền bá giáo pháp bảo thủ thì phần đông người ta sẽ rất khó tiếp nhận, bởi vậy nên Đại Thừa khế cơ hơn.

2. Hoằng pháp coi trọng phẩm đức

(Buổi sáng 14-4-99)

Nói đến việc hoằng pháp, tuy kỹ xảo giảng kinh quan trọng nhưng tu dưỡng phẩm đức càng quan trọng hơn. Nếu chẳng có đức hạnh, cho dù giảng đến mức ‘hoa trời rơi là tả’ cũng chẳng có ích gì hết, vẫn dối mình dối người như cũ, tạo tác ác nghiệp, đến cuối cùng vẫn phải đọa lạc. Do đó phải coi trọng phẩm đức tu dưỡng, thực sự buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần, trong cảnh duyên có thể làm được không khởi tâm, không động niệm, như vậy mới chân chánh là đệ tử của Như Lai, mới có thể gánh vác sứ mạng hoằng pháp, tự lợi lợi tha.

Trong việc bồi dưỡng đức hạnh cơ bản nhất là Tam Phước dạy trong Quán Kinh. Điều đầu tiên trong Tam phước bao gồm ngũ giới thập thiện, đây là căn bản. Có đức hạnh mới được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ. Nếu phá giới, tâm niệm chẳng thiện, dù giảng kinh có giỏi đi nữa, pháp duyên có thù thắng hơn nữa thì xung quanh chỉ là yêu ma quỷ quái mà thôi, sau cùng chắc chắn sẽ thất bại. Kinh Lăng Nghiêm nói tâm tà, hạnh tà thì Ma sẽ có cơ hội, chí đồng đạo hiệp cùng Ma thì Ma sẽ nhập vào người. Bạn cũng có thể nói lời thiện, thậm chí cũng có chẳng ít thần thông, rất có thể dụ hoặc được người. Cùng Ma hợp tác, vẫn như cũ chẳng thể thoát ly cảm tình, Ma chẳng phải thánh nhân, thời gian hợp tác dựa trên tình cảm lâu rồi sẽ chán chường; đến lúc chán chường thì Ma sẽ rời khỏi, khả năng của bạn sẽ hoàn toàn mất hết, chắc chắn sẽ gặp vương nạn. Vương nạn tức là phạm pháp, phải chịu pháp luật trừng trị, phải chịu dư luận xét xử.

Kinh Lăng Nghiêm nói năm mươi thứ Âm Ma (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là ngũ ấm, mỗi ấm có mười thức, cộng lại thành năm mươi Âm Ma) Mỗi loại đều vô lượng vô biên. Trong xã hội hiện nay chúng ta nhìn thấy rất rõ ràng, rất minh bạch. Mở kinh Phật ra giống như nói về sự thật của chúng ta ngày nay. Chúng ta tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài đều là ma cảnh, thế nên trong hoàn cảnh như vậy muốn đứng vững, tu hành chứng quả thì thật sự chẳng dễ.

Cho nên các đại đức thời xưa xây đạo tràng đều chọn những nơi núi cao, người ta ít đến, mục đích là để tránh sự quấy nhiễu của ngoại duyên. Tâm người

sơ học vẫn còn chưa định, định lực chẳng đủ, khi tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài chẳng tránh khỏi bị ảnh hưởng, thế nên đạo tràng cách thôn xóm rất xa, trong kinh gọi những nơi này là ‘A Lan Nhã’, nơi người tu hành cư trú. Phạm phu chắc chắn sẽ chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh, ‘tâm chuyển theo cảnh’ cho nên phải lựa chọn hoàn cảnh tốt đẹp; nếu tự mình có công phu, ‘cảnh chuyển theo tâm’ thì không sao cả. Thế nên cô đức bảo hộ những người sơ học rất chặt chẽ, dụng tâm vô cùng châu đáo. Nhưng xã hội ngày nay, kỹ thuật thông tin phát đạt, giao thông thuận tiện nhanh chóng, muốn kiếm một đạo tràng chân chánh thanh tịnh để tu hành rất khó.

Chúng ta làm công tác giáo dục xã hội, nhất định phải hiểu rõ người xuất gia học Phật diễn vai trò gì trong xã hội. Mặc y phục này, người ta xưng bạn bằng pháp sư, ‘sư’ là gương mẫu của quần chúng, mô phạm của nhân dân. Chúng ta giảng kinh hoằng pháp, chủ đề là ‘Học vi nhân sư, Hành vi thế phạm’, tự mình phải thường suy nghĩ sự khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của mình có thể làm gương tốt, mô phạm hoàn hảo cho xã hội đại chúng hay chẳng; nếu chẳng thế thì tuyệt đối đừng làm, không thể tưởng, không thể nói. Tám chữ này là do các giáo sư trường Đại Học Sư Phạm Bắc Kinh cùng chung phác thảo, định ra. Tám chữ này chính là ‘Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh’; mỗi vị thiện tri thức trong kinh Hoa Nghiêm đều làm thầy, làm mô phạm cho chúng sanh.

Trong thời đại hiện nay chẳng có ai ràng buộc bạn, chỉ có mình tự ràng buộc mình. Người hiện nay chẳng ai chịu bị ràng buộc nên cha mẹ không thể dạy dỗ con cái, thầy giáo chẳng thể răn dạy học trò. Làm theo vọng tưởng, chấp trước của mình thì làm sao có chuyện chẳng tạo tội nghiệp cho được. Đã tạo tội nghiệp thì làm sao tránh được khổ nạn? Mọi người ai cũng đều tạo tội nghiệp nên sẽ cảm lấy cộng nghiệp; tai nạn toàn thế giới là cộng nghiệp của nhiều người. Người học Phật hiểu rõ trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, trong biệt nghiệp có cộng nghiệp. Chẳng phải chỉ có người học Phật phải suy tư về việc này, rất nhiều nhà tôn giáo đều có giác ngộ rất sâu đậm. Tuy nhiên tín ngưỡng và hoằng dương tôn giáo khác nhau, chúng ta đều nhận thức như vậy, tự mình phải làm cách nào mới giảm nhẹ được một phần khổ nạn cho chúng sanh, đây là sự thật. *‘Dụng một sợi tóc liền động đến toàn thân’*, hư không pháp giới là toàn thân, dụng một sợi tóc tức là khởi một tâm niệm, khoa học gia nói về hiện tượng làn sóng (*ba động*). Khởi một tâm niệm tức là phát ra một làn sóng, làn sóng này trong một sát na liền lan rộng đến trọn khắp pháp giới.

Sự cảnh giác của một người chân chánh học tập kinh Vô Lượng Thọ đúng ra phải cao hơn phần đông những người khác. Trong kinh nói nhân số của tây phương Cực Lạc thế giới chẳng có cách chi tính đếm nổi, mức độ rộng lớn của thế giới Cực Lạc cũng chẳng có cách chi đo lường được. Người ở mười phương thế giới vãng sanh về thế giới Cực Lạc thì bản năng đều khôi phục trở lại, thiên nhãn thấu suốt, thiên nhĩ nghe trọn hết, tha tâm đều biết, khi chúng sanh ở tận hư không trọn khắp pháp giới khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác thì người ở Cực Lạc đều rõ ràng, minh bạch. Thế nên chẳng phải chỉ có nhà Nho nói: *‘Mười*

con mắt đều thấy, mười tay đều chỉ’. Đừng tưởng là mình khởi một tâm niệm ác, làm một việc xấu thì chẳng có ai biết, có thể dấu người khác. Thật ra thì chỉ có thể dấu những người ngu si, ngay cả người thế gian thông minh trí huệ cũng chẳng dấu nổi, huống chi là thiên địa quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát! Nếu có thể cảnh giác như vậy thì tự nhiên sẽ tự kèm chế mình, tâm hạnh mới chánh trực. Tâm hạnh có chánh trực thì dù cho có kiếp nạn to lớn, có cộng nghiệp, tự mình chẳng thể tránh cũng không sao, chắc chắn sẽ có chỗ tốt dành sẵn cho mình trở về. Chúng ta buông bỏ thế gian ô uế này, một số tôn giáo thường nói đến việc lên thiên đường, Phật giáo nói đến sự vãng sanh Cực Lạc thế giới còn thù thắng hơn nữa. Thế nên tiền đồ vô cùng tươi sáng đều ở tại một niệm của mình.

Chúng ta có duyên gặp được cơ hội này, chỉ cần nắm chắc cơ hội thì đời sống của mình sẽ hạnh phúc, tự tại, không gian sinh hoạt ngày càng rộng lớn, đây chẳng phải là ảo tưởng mà là sự thật, chỉ cần tu học đúng như lý như pháp, ngay trong đời này nhất định sẽ đạt được, đầu mỗi đều ở nơi bản thân mình, chẳng do người khác. Bởi vậy nên tự mình phải biết kiểm điểm, tự kèm chế, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác chẳng trái ngược với lời dạy của Phật, hết lòng nỗ lực học tập, như vậy mới chẳng cô phụ Phật, Bồ Tát, chẳng cô phụ chính mình. Có được thân người, có thể gặp được Phật pháp, duyên phận này vô cùng hiếm có, tại sao chẳng học theo chuyện tốt? Hai con đường ở trước mặt, một là thiên đường, hai là địa ngục, tại sao chẳng lên thiên đường, tại sao cứ xuống địa ngục? Hy vọng chúng ta cùng nhau khích lệ.

3. Bí quyết giảng kinh và phương pháp tu hành. (Buổi sáng 25-4-99)

Giảng kinh phải chú ý nghi thái (*oai nghi và thái độ*). Nhất định phải đạt được điều kiện đòi hỏi trong cuốn Nội Điển Giảng Tọa Chi Nghiên Cứu, khi có khuyết điểm thì phải không ngừng cải thiện. Giảng kinh tại phòng thiền hình khác với giảng tại hiện trường, mắt nhìn thẳng vào ống kiếng của máy thu hình và coi nó như là đại chúng đang nghe. Nhưng cũng phải thường thường nhìn khắp cả hiện trường, tuy nhìn khắp toàn giảng đường nhưng ánh mắt tốt nhất phải giữ cho ngay thẳng, được vậy mới thêm phần trang trọng. Nhất định phải ngẩng đầu lên, vì vậy phải thuộc bài giảng, nếu không thuộc thì phải thường cúi xuống coi bài, làm vậy sẽ cho thính chúng ấn tượng không tốt. Tốt nhất là các bạn đồng học có thể cùng nhau nghiên cứu thảo luận, nhìn ra chỗ dở của mình rất khó, nhìn chỗ dở của người khác dễ hơn, thế nên cùng nhau nghiên cứu thảo luận có thể giúp mình tiến bộ.

Hiện nay mọi người luyện tập thuyết giảng đều dùng kinh Vô Lượng Thọ, đây là một chuyện tốt. Thế Tôn nói với chúng ta tương lai lúc Phật pháp diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ sẽ được lưu lại thêm một trăm năm trên thế gian. Trên thực tế đây là nói chúng sanh thời Mạt Pháp duy chỉ nương theo kinh này và pháp môn Tịnh Độ mới có thể thành tựu, có thể giúp đỡ chúng sanh thoát ly sanh tử luân hồi, vãng sanh Tịnh Độ, một đời thành Phật. Ngoài ra thì chẳng có pháp môn thứ hai nào nữa. Điển tịch Tịnh Tông là Ngũ kinh Nhất luận, đây là công khóa nhất

định phải tu. Nếu còn khả năng, thời gian thì cũng nên coi những chú sớ Tịnh Tông do các đại đức xưa nay hội tập. Như cuốn Tịnh Độ Thập Yếu do Ngẫu Ích đại sư biên tập và cuốn Tịnh Độ Tông Thư do cư sĩ Mao Lăng Vân biên soạn, nội dung sưu tập tương đối phong phú, phân lượng cũng khá lớn, rất tốt cho đồng học chuyên tu Tịnh nghiệp làm tài liệu tham khảo.

Muốn thành tựu thì nhất định phải thâm nhập một môn, một môn thâm nhập không phải là một đời chỉ đọc một bộ kinh; chuyên đọc một bộ kinh là để tu định, mục đích của sự tu định là khai trí huệ. Nhưng người hiện nay nói thật ra tu định chẳng thể khai huệ. Người xưa tu định có thể khai huệ, người hiện nay tu định chẳng thể khai huệ, nguyên nhân là vì chẳng buông xuống phân biệt chấp trước. Người xưa có thể buông xuống, người hiện nay buông chẳng nổi nên chẳng thể khai huệ. Như vậy thì phải làm thế nào để giúp mình khai huệ? Học rộng xem nhiều là một phương pháp, có thể làm tăng thượng duyên cho việc khai huệ. Học rộng xem nhiều tập trung trên bộ kinh chính mà mình chuyên tu, đó cũng vẫn là một môn thâm nhập. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: *‘một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều không hai’*, tự mình vẫn chuyên tu một môn, chuyên hoằng một môn, một môn tức là hết thấy môn, một kinh tức là hết thấy kinh. Đương nhiên đây chẳng phải là việc chúng ta hiện nay có thể làm nổi, nhưng chúng ta phải hiểu rõ lý này, định tâm lại, dồn sức vào một môn. [Bạn] có thể đọc trước những cuốn trong phạm vi liên quan đến môn này, có thể giúp cho bạn giải được sâu thêm, rộng thêm, và cũng giúp bạn tuyên dương kinh ấy. Thế nên lúc mới bắt đầu, phải coi ‘Ngũ kinh, Nhất luận’, đối với sự tu học Tịnh Tông mới dần dần mở rộng tâm lượng. Nhưng đó chỉ dùng để trợ tu mà thôi, chủ tu vẫn là một bộ kinh (*trợ tu là phụ, chủ tu là chánh*). Nếu dùng kinh Vô Lượng Thọ làm chủ tu, thì năm thứ còn lại là trợ tu; nếu chọn Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm làm chủ tu, thì năm thứ kia sẽ là trợ tu.

Lúc trước Hoằng Nhất pháp sư dạy những phần tử trí thức học Phật bắt đầu nhập môn từ Hoa Nghiêm Sớ Sao. Hoa Nghiêm Sớ Sao nói theo ngôn ngữ hiện nay tức là Phật học khái luận. Bất luận tu học khoa nào đều phải bắt đầu từ khái luận, trước tiên phải tìm hiểu toàn thể, sau đó chuyên công [dồn sức] vào một môn trong đó. Nhưng căn tánh người hiện nay thua người xưa rất xa, và cũng chẳng có đủ thời gian và tinh lực. Phân lượng của một bộ Sớ Sao rất lớn, trong một thời gian ngắn chẳng thể nào đọc thuộc lòng, nghiên cứu, học tập nổi.

Thế nên Thanh Lương đại sư lưu thông cuốn chót của Tứ Thập Hoa Nghiêm, tức là ‘Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm’, đây là cương yếu, tổng kết của kinh Hoa Nghiêm. Đã là tổng kết của kinh Hoa Nghiêm nhưng nếu chẳng hoàn toàn hiểu kinh Hoa Nghiêm thì làm sao có thể tổng kết? Đối với thập đại nguyện vương nếu chẳng đọc toàn bộ kinh thì làm sao hiểu được! Chúng ta hiện nay chẳng đọc hết toàn bộ kinh, một thường thức thô thiển này chỉ có thể xem được trong chú giải của những đại đức thời xưa mà thôi.

Vả nữa, Hoa Nghiêm đối với chúng ta đích thực có lợi ích chân thật. Người ở tây phương Cực Lạc thế giới ai cũng học Hoa Nghiêm, tây phương Cực Lạc thế

giới là thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát, phàm là người vãng sanh Cực Lạc thế giới thì người nào cũng là Phổ Hiền Bồ Tát. Đoạn đầu kinh Vô Lượng Thọ có câu: *‘Đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ’*, tức là nói rõ người ở tây phương Cực Lạc thế giới đều tu Phổ Hiền hạnh. Phổ Hiền hạnh khác với những hạnh Bồ Tát khác như thế nào? Niệm niệm của Phổ Hiền Bồ Tát đều bao gồm tận hư không, trọn khắp pháp giới, niệm niệm đều phục vụ cho hết thảy chúng sanh trong hư không pháp giới. Đối tượng phục vụ của những Bồ Tát Đại thừa khác là một đại thiên thế giới, mười đại thiên thế giới, hoặc một trăm đại thiên thế giới, chẳng đến tận hư không, trọn khắp pháp giới. Đây là chỗ khác nhau giữa Phổ Hiền Bồ Tát và các Bồ Tát Đại thừa khác.

Bất luận là Đại thừa hoặc Tiểu thừa Phật pháp, nếu có ‘cái Ta’ và ‘cái của Ta’ (ngã và ngã sở) thì chẳng thể nhập môn được. Phật pháp tuy rộng lớn nhưng chẳng nhập môn được. Nguyên nhân chẳng thể nhập môn là vì mình có chướng ngại, chướng ngại ấy là: ‘Ngã chấp, pháp chấp’. Nhập môn tức là kiến tánh, kiến tánh tức là thấy pháp giới, cũng chính là hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Chân tướng của vũ trụ nhân sanh ở ngay trước mặt, nguyên nhân bạn chẳng thể hiểu rõ chính là vì hai chướng ngại ‘Ngã chấp, pháp chấp’. Làm cho bạn chẳng có cách chi khế nhập, chẳng có cách gì hiểu rõ. Nếu bạn muốn nhập cảnh giới của Phật, muốn mình tâm kiến tánh mà chướng ngại này không tiêu trừ thì sẽ chẳng làm nổi.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn trong nhà Phật, vô lượng pháp môn đều là pháp môn phá trừ chướng ngại. Ngày nay chúng ta chọn phương pháp Trì Danh Niệm Phật, người niệm Phật rất nhiều nhưng người thật sự có thể dẹp trừ chướng ngại và đạt đến công phu đặc lực rất ít. Nguyên nhân trọng yếu nhất là chẳng triết đề liễu giải chân thật nghĩa của câu Phật hiệu này. Nhân tố thứ nhì là lúc phiên nào khởi lên thì Phật hiệu chẳng khởi dậy nổi. Đây là vì Phật hiệu chẳng thuần thực, vẫn còn rất sống sít. Cổ đức nói người niệm Phật muốn công phu đặc lực nhất định phải đem chỗ sống sít chuyển thành thuần thực, chỗ chín biến thành chỗ sống. Vọng tưởng tập khí là chỗ chín, Phật hiệu vẫn còn sống sít, cho nên tâm niệm vừa khởi đều là phiên nào. Đây là dạy cho chúng ta thay đổi chỗ sống và chỗ chín, ở mọi nơi, mọi lúc, trong tâm vừa khởi niệm đều là A Di Đà Phật, đem Phật hiệu trở thành thuần thực (chín), biến phiên nào trở thành sống sít, được vậy thì công phu sẽ đặc lực.

Thế nên chỗ hạ thủ là phải buông bỏ phân biệt, chấp trước. Tôi thường khuyên các vị đồng tu phải buông bỏ những ý niệm muốn không ché tất cả người, sự, vật. Ý niệm không ché là phiên nào tích tụ lại từ nhiều kiếp trước, là tập khí từ vô lượng kiếp đến nay, đều cứ muốn quản lý người khác, [nghĩa là muốn người ta phải làm theo ý của mình]. Nghiêm trọng hơn nữa là chiếm hữu, lấy làm của riêng cho mình, đây là căn bản của sanh tử luân hồi, phải buông bỏ hết những ý niệm này, phải buông xả hết sạch sành sanh. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện tại thế gian tuyệt đối chẳng có ý niệm không ché, chiếm hữu, chỉ có hy sinh cống hiến. Hy sinh cũng là nói thuận theo phàm phu, Phật, Bồ Tát phục vụ cho hết thảy

chúng sanh, chẳng ngại lao nhọc, chẳng ngại oán trách, quyết định chẳng vị kỷ. Sự khác biệt giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu là ở tại chỗ này.

Mọi người phải thể hội kỹ càng, hết lòng học tập, được vậy thì đời này mới chẳng đến nỗi luống uổng. Chân chánh noi gương, học theo Phật, Bồ Tát, như vậy gọi là học Phật. Tự mình tu học có được tâm đắc thì giảng kinh mới có đạo vị. Nếu chẳng khế nhập vào cảnh giới thì giảng có hay cách mấy thì cũng chẳng có đạo vị. Vì những gì được giảng đều là của người khác, chẳng phải từ tự tánh của mình lãnh ngộ xong rồi lưu xuất. Những gì từ tự tánh lãnh ngộ xong lưu xuất cũng vẫn còn cạn cợt, hoàn toàn từ tự tánh tự nhiên lưu xuất mới sâu xa, việc này đều nhờ dụng công lúc bình thường.

Sau này các bạn trở về đạo tràng của mình phải nên giảng kinh mỗi ngày tối thiểu là một giờ rưỡi, tốt nhất là có thể giảng hai giờ, chẳng thể gián đoạn; mỗi ngày niệm Phật tối thiểu là tám giờ đồng hồ, thì ngày hôm đó chẳng trôi qua uổng phí. Chỉ cần bạn phát tâm này thì tự nhiên sẽ được hết thầy chư Phật Như Lai gia trì, đừng sợ chẳng có trí huệ, vấn đề là mình có chịu phát tâm hay không. Hoan hỷ giảng, giảng mười năm, hai mươi năm thì đâu có lý nào không thành tựu cho được! Giảng kinh cũng là một phương pháp tu tam muội, ‘Ngôn Thuyết Tam Muội’. Hy vọng các bạn đồng học đều hết lòng nỗ lực, tự khuyến khích chính mình.

F. TRUYỀN BẢO THIỆN TÍN TẠI GIA

1. Năm lấy cơ hội, thành tựu đạo nghiệp

(Buổi sáng 8-4-99)

a. Phước từ tâm tạo

Từ xưa đến nay trong nước và ngoài nước, chẳng có ai không mong cầu phước báo. Phước từ đâu đến? Tục ngữ Trung Quốc thường nói: *‘Phước do tâm tạo’*, nếu chẳng cầu từ tâm địa thì tuyệt đối sẽ chẳng được phước báo. Nhà Nho, nhà Phật nói đến những đạo lý này rất nhiều, thánh triết cổ kim trung ngoại đều biết và cũng dạy người như vậy. Hiện nay người mong cầu phước báo càng nhiều hơn nữa, nhưng đều không từ chối bất cứ thủ đoạn gì để cướp đoạt tài vật của kẻ khác, làm những việc tổn người lợi mình. Cướp đoạt tài vật của người khác đem về làm của mình, thật ra những tài vật này vốn là trong mạng mình đã có sẵn, có câu là *‘Trong vận mạng có thì cuối cùng sẽ có, trong mạng chẳng có thì đừng mong cầu’*⁸⁸, những gì cưỡng cầu được thì cũng là trong số mạng vốn sẵn có, trong mạng chẳng có thì cầu cũng chẳng được. Thế nên người xưa nói: *‘Quân tử vui làm người quân tử, tiểu nhân oán trách làm tiểu nhân’*. Khi hiểu rõ đạo lý rồi mới biết *‘Một miếng ăn miếng uống, không gì chẳng là đã định trước’*, sau đó thì tâm sẽ định, định rồi sẽ sanh trí huệ, sẽ được tự tại, an vui.

⁸⁸ Mạng lý hữu thời chung tu hữu, mạng lý vô thời mạc cưỡng cầu

b. Giữ tâm Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo.

Đối với chân tướng sự thật, Phật pháp giảng rất thấu triệt. Hết thấy đều vì chúng sanh, ngay cả sinh sống cũng vì chúng sanh, ăn cơm cũng vì chúng sanh. Vì ăn cơm để nuôi dưỡng cái mạng sống này, mạng sống này là để phục vụ chúng sanh, thế nên ăn cơm là vì chúng sanh. Vì chúng sanh là Phật, Bồ Tát, Thánh hiền, vì mình là phàm phu, phải tham thấu đạo lý này. Thân thể này còn ở thế gian, tuy chẳng lâu dài, mấy mươi năm ngắn ngủi, nhất định phải lợi dụng nó để tạo phước cho hết thấy chúng sanh, vì tiếp tục huệ mạng của Phật, chánh pháp thường trụ, đó là giữ tâm Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo. Tuy chưa thọ Bồ Tát giới, thậm chí vẫn chưa thọ Tam Quy Y, nhưng người đó chân chánh đã là Bồ Tát, chắc chắn sẽ được sanh Tịnh Độ. Quy y, thọ giới đều là hình thức, hình thức chẳng quan trọng, tuy chẳng có hình thức nhưng có thật chất, thật chất quan trọng hơn hình thức.

Có thể giữ tâm Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo, chắc chắn sẽ được hết thấy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần giúp đỡ. Lý do chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần giúp đỡ là vì [quý ngài muốn] giúp đỡ chúng sanh, bạn giúp đỡ chúng sanh thì chí đồng đạo hiệp cùng chư Phật, Bồ Tát, long thiên thiện thần; những gì bạn làm, bạn nghĩ chính là việc chư Phật, Bồ Tát, long thiên thiện thần làm và nghĩ, thế thì các ngài sao không giúp đỡ bạn được? Ngày nay chúng ta nghe có người muốn làm một việc tốt, chuyện này chính là chuyện mà mình muốn làm, họ thiệt đã làm xong chúng ta liền hoan hỷ, tự động giúp đỡ. Phát tâm phổ độ chúng sanh thay Phật, Bồ Tát, làm sự nghiệp của Phật, Bồ Tát, thì người ấy là Phật, Bồ Tát. Hôm nay chúng ta đã phát tâm rồi, làm được không tốt lắm là vì phiền não tập khí của chúng ta quá nặng, và cũng là nghiệp chướng quá nặng.

c. Năm chắc cơ hội tốt

Phật, Bồ Tát từ bi, giúp cho chúng ta có được hoàn cảnh tu học, hoàn cảnh làm việc rất tốt, cơ duyên này thật là vô cùng khó gặp, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, nhưng thường chúng ta đều bỏ lỡ, chẳng coi trọng, ngay trước mặt mà luống qua, thiệt rất đáng tiếc! Nên biết cơ hội tốt rất khó gặp, thời gian gặp được thường thường rất ngắn ngủi, cho nên khi người có trí huệ gặp được liền mau nắm lấy, nhất định sẽ chẳng buông thả, lợi dụng cơ hội này thành tựu cho mình, lợi ích chúng sanh. Cổ kim trung ngoại, phàm những người đã thành tựu trong thế gian và xuất thế gian, cứ quan sát kỹ [thì sẽ thấy họ] đều biết nắm lấy cơ hội; phàm những người thất bại đều vì họ đánh mất thời cơ tốt đẹp. Do đó: có thể nhận biết cơ hội tốt là trí huệ, học vấn, nắm lấy cơ hội tốt là phước báo chân thật.

Trong thời thế ngày nay ở đâu cũng động loạn chẳng an, từ trước đến giờ trong lịch sử chưa từng xảy ra. Trong kinh đức Thế Tôn nói về ‘ngũ trước ác thế’, chúng ta ngày nay có thể ý thức được, hơn nữa lại còn trước ác đến cùng cực. Trong hoàn cảnh như vậy mà chúng ta còn có thể gặp được Phật pháp, vẫn còn có được một hoàn cảnh tu học tốt đẹp, đây là phước báo tu được từ vô lượng kiếp

đến nay. Nhiều người muốn thật sự tu hành trên thế gian nhưng kiếm chẳng ra hoàn cảnh tu học. Thật sự dụng công nhưng tìm chẳng ra hoàn cảnh tu học là duyên chẳng đủ; có hoàn cảnh tu học nhưng chẳng chịu dụng công là thiện căn, phước đức chẳng đủ. Trong kinh Di Đà nói: *‘Chẳng thể dùng ít thiện căn phước đức nhân duyên được sanh cõi ấy’*. Chúng ta có nhân duyên nhưng thiện căn, phước đức chẳng đủ. Sức mạnh của tín nguyện không mạnh là thiện căn chẳng đủ, chẳng chịu làm thật sự là phước đức chẳng đủ, người như vậy dù có gặp được nhân duyên nhưng đời này cũng sẽ luống uổng.

Lúc trước tôi ở Đài Trung cầu học, số người thân cận lão cư sĩ Lý Bình Nam có đến mấy chục vạn người, có được bao nhiêu người thành tựu? Thầy Lý thường nói trong một vạn người chỉ có hai ba người thật sự thành tựu mà thôi. Đây là sự thật bày trước mắt, chúng ta muốn thành tựu ngay trong đời này thì nhất định phải nắm lấy cơ hội. Hơn nữa nhất định phải nhận thức rõ ràng nếu đời này chẳng thể thành tựu thì sẽ chẳng tránh khỏi luân hồi lâu dài vô số kiếp. Lần sau muốn gặp được cơ hội này chẳng phải ở đời sau, chẳng phải đời kế tiếp, sợ là phải nhiều đời nhiều kiếp sau này, thế nên đại Thanh Văn, đại Bồ Tát vô cùng trân quý cơ duyên. Nếu chúng ta chẳng thường đọc kinh, thấy Phật, Bồ Tát coi trọng cơ duyên như vậy, nói thật ra chúng ta gặp được mà bỏ lỡ cơ hội, cũng chẳng tiếc. Cứ tưởng là những cơ hội này thường xuất hiện, hôm nay làm biếng một chút cũng chẳng sao, vẫn còn ngày mai; năm nay phóng dật cũng chẳng sao, vẫn còn năm sau. Tư tưởng này vô cùng sai lầm, đó là nghiệp chướng hiện tiền; Không phải chỉ là nghiệp chướng mà là Ma chướng hiện tiền, ngày mai sẽ còn có cơ hội này hay sao? Năm sau vẫn còn cơ hội này hay sao? Không chắc đâu!

Năm đầu Dân quốc, Âu Dương Cán Vô tiên sinh lập ra ‘Chi Na Nội Học Viện’, cũng tính là sẽ tiếp tục lâu dài, nhưng sau hai năm liền chấm dứt. Vì lúc đó quân phiệt phân chia, chiếm cứ [đất đai], chiến tranh dòn dập, không thể không giải tán, không thể không chấm dứt. Ngày nay thế giới động loạn chẳng an, ngày an ổn chẳng nhiều, càng phải nên nắm lấy cơ hội, dụng công nỗ lực tu học. Trong kinh luận có nói: *‘Sanh tử đại sự’*, *‘Mạng người vô thường’*, *‘Cõi nước mong manh’*, đây đều là lời chân thật, là trí huệ cao độ, cảnh giác cao độ.

Ngày nay người thế gian đối với danh văn lợi dưỡng đều tranh giành từng giây từng phút, chúng ta cũng phải có tinh thần này, từng giây từng phút nhất định phải tranh thủ thành tựu đạo nghiệp, lợi ích chúng sanh. Chúng sanh có tai nạn, chúng sanh chẳng đạt được lợi ích chân thật là vì chúng ta chẳng tu hành hoàn hảo, trách nhiệm nhất định phải quy về mình, vì mình ngu muội vô tri, chẳng thể y giáo phụng hành, chẳng thực sự chịu làm, tương lai tiền đồ đen tối. Tiền đồ ở tại đâu? Tại tam ác đạo, chẳng phải tam thiện đạo! Nếu chúng ta chẳng thể nắm lấy thời gian, cơ duyên, luống uổng hết, vậy thì đáng tiếc biết bao! Chẳng những là chuyện đáng tiếc trong đời này, có thể nói là chuyện vô cùng đáng tiếc từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng còn chuyện gì đáng tiếc hơn chuyện này nữa đâu. Hy vọng các bạn đồng tu đều có nhận biết, cảnh giác như vậy, phải hết lòng nỗ lực, hy vọng trong một đời này có thể thành tựu. Trong kinh Di Đà nói rất hay: *‘Nếu*

một ngày, nếu hai ngày, đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn, người lợi căn một ngày có thể thành tựu, người độn căn bảy ngày cũng có thể thành tựu, chúng ta phải có tinh thần và nghị lực này.

G. TRẢ LỜI NGHI VẤN HỌC PHẬT

1. Nói về ‘hòa’ (Buổi sáng 23-2-99)

a. Sự quan trọng của ‘hòa’.

Luận Ngữ nói: *‘Cái dụng của Lễ, Hòa là quý’*. Lễ tức là quy phạm trong sanh hoạt hằng ngày. Trong đời sống hằng ngày, xử sự, đối người, tiếp vật, quý nhất là Hòa. Ngạn ngữ có câu: *‘Nhà hòa thuận thì vạn sự hưng vượng’*. Từ xưa đến nay vua chúa Trung Quốc thống trị quốc gia, dạy dỗ dân chúng đều dùng chữ Hòa. Cơ sở của Hòa là Hiếu, Hiếu biểu hiện ở bên ngoài tức là Hòa, chẳng Hòa tức là chẳng Hiếu. Cố cung ở Bắc Kinh, Trung Quốc là hoàng cung của ba triều Nguyên, Minh, Thanh, thời gian ba triều này kéo dài gần năm trăm năm. Trong hoàng cung có ba kiến trúc chính, nhiều người gọi là ‘Điện Kim Loan’, thật ra tám biển ngạch [treo trước điện] chẳng ghi Điện Kim Loan. Điện lớn nhất gọi là ‘Thái Hòa Điện’, phía sau đó là ‘Trung Hòa Điện’, thứ ba là ‘Bảo Hòa Điện’. Triều nhà Thanh dùng ‘Thái Hòa, Trung Hòa, Bảo Hòa’ để trị thiên hạ cho nên có thể kéo dài hai trăm sáu mươi mấy năm. Đến đời sau cùng, nhà chẳng hòa dẫn đến vong quốc; nếu con cháu đều có thể giữ gìn được hòa mục thì [có lẽ] nhà Thanh còn kéo dài đến ngày nay.

Trong lịch sử Trung Quốc mỗi vị đế vương thành lập đất nước đều đề xướng hiếu đạo, hòa mục, nếu con cháu có thể giữ pháp tắc, quy chế của tổ tông, thì quốc gia sẽ vĩnh viễn chẳng suy thoái. Ngược lại chẳng tuân thủ thành quy của tổ tông, anh chị em trong nhà, bạn bè thân thích chẳng hòa tức là dấu hiệu vong quốc. Chỉ cần cục diện bất hòa sanh ra, chánh quyền tuyệt chẳng duy trì được đến năm mươi năm; nếu tranh chấp kịch liệt hơn thì đại khái mười năm, năm năm liền diệt vong. Gia đình, quốc gia, cho đến bất cứ một đoàn thể nào trong thế gian và xuất thế gian đều như vậy.

Thế nào là người chân chánh tu đạo? Hòa tức là tu đạo, chẳng Hòa thì không có đạo gì để nói hết. Nếu tứ chúng đệ tử tuân giữ thành pháp, quy củ do Phật chế định thì Phật pháp sẽ trụ lâu dài trong thế gian, pháp duyên thù thắng, chúng sanh có phước. Nếu người xuất gia mặc trên người bộ đồ này, ở trong Tăng đoàn chẳng hòa hợp tức là phá hoại Tăng đoàn, quả báo sẽ ở tại địa ngục A Tỳ. Người xuất gia tu hành tốt, có thể thành Phật, thành Bồ Tát, thành tựu sẽ là cao nhất; nếu tu không tốt thì đọa lạc sẽ tới chỗ thấp nhất. Người xuất gia làm một người ‘lão hảo nhân’ có thể thành tựu hay không? Chẳng thể thành tựu, lão hảo nhân là kẻ đạo đức giả (*nghĩa là kẻ giả nhân giả nghĩa*), không những không thể duy trì hình tượng của Phật pháp, ngược lại còn bại hoại, phá hoại hình tượng của Phật pháp, tội nghiệp ấy vô lượng vô biên.

b. Tư cách xuất gia thời xưa

Hiện nay người xuất gia chẳng bằng lúc trước, lúc trước xuất gia đâu có dễ dàng như vậy! Mặc lên chiếc áo người xuất gia thì vua chúa nhìn thấy cũng phải chấp tay xá một cái, đó là tôn kính đạo đức, học vấn, đức hạnh của bạn, [vi] bạn là *‘thầy của trời và người’*, ngôn hạnh cử chỉ đều là tấm gương cho người và trời. Thế nên thời cổ đại xuất gia phải thông qua sự khảo thí của nhà vua, thi đậu rồi mới được phát văn bằng, gọi là ‘độ điệp’. Sau khi thi đậu lấy được ‘độ điệp’, bạn có duyên với đạo tràng nào, pháp sư nào thì đến đó để xuất gia. Nếu bạn chẳng có ‘độ điệp’ mà họ cạo đầu cho bạn thì là phạm pháp, phải chịu pháp luật quốc gia trừng trị.

Tiến Sĩ là đẳng cấp cao nhất của sự thi cử trong nước, đây là tiêu chuẩn học thuật phổ thông, tương đương với cấp bằng Bác Sĩ (*Tiến Sĩ, PhD*) trong trường học hiện nay. Người xuất gia trong học thuật phổ thông đậu văn bằng Tiến Sĩ, rồi thi cử về Phật pháp, sau đó mới khảo đức hạnh, cả ba đều phải đậu hết mới được phát ‘độ điệp’. Nếu chế độ [hiện nay vẫn giống] như thời xưa, có lẽ chúng ta sẽ chẳng có tư cách xuất gia. Nhưng sau này chế độ ấy bị Thuận Trị hoàng đế nhà Thanh phế bỏ. Ấn Quang pháp sư trong Văn Sao có đề cập đến vấn đề này nhiều lần, đều vô cùng cảm khái, thương tiếc! Cách làm này của vua Thuận Trị sai lầm, làm cho Phật pháp suy bại đến như vậy, lọt xuống [đáy sâu] tận ngàn trượng. Vua Thuận Trị cho rằng xuất gia là một việc tốt, đáng được tôn kính, đề xướng, chẳng nên hạn chế một cách nghiêm khắc. Đương lúc đó đích thật là việc tốt, làm cho những người có trình độ kém một chút cũng có thể xuất gia, nhưng ông ta chẳng nghĩ đến ba trăm năm sau, Phật giáo vì vậy đã bị hủy diệt, ông ta phải chịu trách nhiệm này.

c. Tam Phước và Lục Hòa

Đức Phật dạy chúng ta tu hành, cơ sở chính là Tịnh Nghiệp Tam Phước và Lục Hòa Kính. Tịnh Nghiệp Tam Phước là để tự mình tu tập, Lục Hòa Kính là dùng để chung sống hòa đồng với đại chúng. Giống như việc xây nhà, đây là nền móng, nếu không có nền móng thì những việc khác chẳng cần nói nữa. Điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước: *‘Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết hại, tu tập thiện nghiệp’*, phải làm hết lòng, đây là phước báo nhân thiên. Học Phật thì trước tiên phải làm người cho hoàn hảo, nếu người còn làm chẳng nổi thì làm sao có thể thành Phật, làm Tổ? Thế nên chúng ta ngày nay khuyên người chẳng nói đến lý luận cao siêu, chỉ khuyên người tu tam quy, ngũ giới, thập thiện. Nếu có thể làm theo tam quy, ngũ giới, thập thiện được hoàn hảo thì người này là thánh nhân hiện đại.

Trong Tam Quy Y, thứ nhất là Giác chứ chẳng mê, thứ nhì là Chánh chứ chẳng tà, thứ ba là Tịnh chứ chẳng nhiễm. Quy tức là quay về, y tức là nương dựa. Khi chúng ta khởi tâm động niệm, làm chuyện gì cũng đều tương ứng với Giác - Chánh - Tịnh, đó là quy y chân chánh. Nếu không tương ứng thì chẳng có

quy y, chẳng quay về, vẫn còn mê, tà, nhiễm. Hành vi sinh hoạt, xử sự, đãi người, tiếp vật phải nương theo ngũ giới, thập thiện. Thực hiện ngũ giới, thập thiện vào trong đời sống, biến thành hành vi sinh hoạt cụ thể, như vậy mới là học Phật. Phật pháp được xây dựng trên cơ sở của Phước thứ nhất này, sau đó mới *‘Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi’*; lại nâng cao lên trên *‘Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả’*, như thế là Phật pháp.

Phật dạy chúng ta khi tiếp xúc với đại chúng phải y theo Lục Hòa. Thứ nhất *‘Kiến hòa đồng giải’* là căn bản. Tức là xây dựng phương thức chung, cách suy nghĩ và cách nhìn của mọi người đều như nhau, vấn đề sẽ được giải quyết. Đức Phật có trí huệ chân thật, cứu cánh, viên mãn, đức Phật dạy chúng ta *‘Kiến hòa đồng giải’*, hoàn toàn buông bỏ thành kiến của mình, như vậy thì sẽ Hòa. Đức Phật chẳng nói: *‘Tri kiến của ta mới đúng, tri kiến của quý vị đều sai lầm, đều phải theo ta’*. Đức Phật chưa từng *‘xỏ mũi người ta dắt đi’*, Phật dạy chúng ta hoàn toàn buông xuống hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là chánh tri chánh kiến. Chỉ cần tự mình còn tri kiến thì đó đều là tà tri tà kiến. Mọi người đều chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì thiên hạ sẽ thái bình.

Đức Phật giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, Ngài có tri kiến hay chẳng? Chẳng có. Kinh Kim Cang nói: *‘Đức Phật chẳng nói một câu pháp’* vì những gì Phật nói đều là chân tướng sự thật, tuyệt đối chẳng xen vào một ý kiến riêng của mình, thế nên mới nói: *‘chẳng nói mà nói, nói mà chẳng nói’*. Tự mình chẳng có ý tứ, đó là chẳng nói, những gì nói ra đều là chân tướng sự thật. Khi thấy chúng sanh làm sai lầm thì nói với họ: *‘Việc này sai rồi, tương lai sẽ có quả báo’*, đó là giảng sự thật. Bởi vậy nên nếu ai nói Phật thuyết pháp tức là báng Phật.

d. Cảnh duyên chẳng tốt xấu, tốt xấu ở nơi tâm

Vào đời Đường, Mã Tổ Đạo Nhất hòa thượng và Bách Trượng đại sư là Tổ thứ tám của Thiền Tông, phát khởi việc xây dựng tông lâm, đề xướng cộng tu (*cùng nhau tu tập*). Xây dựng tông lâm nói theo cách nói hiện nay tức là xây dựng đại học Phật giáo, thành lập chế độ cho việc tu học Phật pháp, đây là đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Điều thứ nhất trong Bách Trượng Thanh Quy: *‘Tông lâm lấy việc ‘vô sự’ làm hưng vượng’*. Chẳng có sự việc mới là hưng vượng, có sự việc thì chẳng hưng vượng. Chuyện phiền toái của chúng ta ngày nay là hai con mắt chuyên nhìn thấy lỗi lầm của người khác, chẳng biết hồi quang phản chiếu nơi mình. Ngẫu Ích đại sư dạy: *‘Cảnh duyên chẳng tốt xấu, tốt xấu ở nơi tâm’*. Cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự; hết thấy những người, sự, vật ở bên ngoài chẳng có thiện - ác, tốt - xấu; tốt - xấu ở tại tâm mình. Nếu bạn dùng ác tâm nhìn thì người bên ngoài đều là người ác, dùng ác tâm nhìn thì sự việc bên ngoài đều là việc xấu, cho nên xấu là do mình xấu, chẳng phải là bên ngoài xấu.

Phật coi hết thấy chúng sanh đều là Phật; Bồ Tát coi hết thấy chúng sanh đều là Bồ Tát; người thiện coi hết thấy chúng sanh đều là người thiện, người ác coi hết thấy chúng sanh đều là người ác. Mọi người hãy phản tỉnh xem mình rốt cuộc là thiện hay ác, là phàm hay thánh, là mê hay ngộ. Vô lượng vô biên tội nghiệp, lỗi lầm của mình đều chẳng biết, đều phản ứng ở bên ngoài; bạn nhìn thấy tình huống bên ngoài thực tế đều là phản ứng từ tâm thái của mình, bên ngoài thật sự là trung lập. Cách nói này của Ngẫu Ích đại sư, đức Phật trong kinh nói đến rất nhiều; Phật dạy y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới đều là ‘*duy tâm hiện, duy thức biến*’. Thế nên Phật nhìn hết thấy chúng sanh đều là Phật, chúng sanh ở địa ngục cũng là Phật, đối với chúng sanh ở địa ngục, Phật cũng cung kính, cũng chẳng dám coi thường. Phổ Hiền Bồ Tát Thập Nguyên dạy chúng ta phải ‘Lễ kính chư Phật’, đối với chúng sanh ở địa ngục và yêu ma quỷ quái cũng đều cung kính, đều niệm ‘Nam mô’, Nam mô nghĩa là quy y, lễ kính. Đây là chân tướng sự thật.

e. Tâm quan trọng của việc nghe kinh

Năm xưa, Thiên Ất pháp sư ở Cao Hùng nêu ra một câu hỏi: ‘Tại sao đạo tràng hiện nay khó quản lý như vậy? Tôi dùng hảo tâm, ý tốt để đối xử với đại chúng, đại chúng lại vong ân bội nghĩa?’. Tôi chỉ nói với pháp sư một câu: ‘Đó là vì đạo tràng chẳng có Đạo’. Đạo tức là mỗi ngày đều phải giảng kinh. Lúc trước người học trò mỗi ngày đều phải đọc sách; ba ngày chẳng đọc sách thì mặt mũi mất hết, vì thói quen tập khí từ vô thủy kiếp đều khơi dậy. Mỗi ngày nghe kinh là mỗi ngày đè nén phiền não tập khí của mình; một ngày không nghe kinh thì thói quen đều khơi dậy. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chưa từng hướng dẫn đại chúng niệm Phật, tham thiền, Ngài giảng kinh thuyết pháp mỗi ngày, còn tu hành là ở nơi mỗi cá nhân. Lúc trước trong đạo tràng có ‘Hai thời giảng kinh’, hai thời là đơn vị thời gian của Ấn Độ, Ấn Độ chia một ngày đêm thành sáu thời, ngày ba thời, đêm ba thời, cho nên hai thời ở Ấn Độ là tám tiếng đồng hồ hiện nay. Mỗi ngày tám giờ liên tục nghe đức Phật giảng kinh thuyết pháp, tự mình dần dần sẽ minh bạch, khai ngộ. Ngày nay đạo tràng chẳng giảng kinh, ai cũng nghĩ ngợi lung tung thì đạo tràng làm sao có thể hòa mục cho được?

Hiện nay pháp sư giảng kinh ít, phương pháp bù đắp là dùng băng thâu hình, thâu âm để nghe kinh, đây là phương pháp cứu cấp. Bốn chúng đồng tu đều phải nghe kinh, tuyệt chẳng thể gián đoạn, cũng giống như học trò vào trường học, mỗi ngày nghe kinh hai giờ đồng hồ, nghe như vậy không gián đoạn trong vòng hai ba năm thì sẽ biến đổi thể chất. Nếu chẳng nghe kinh, chẳng nghiên giáo, học Phật ba mươi năm, năm mươi năm vẫn là phàm phu, mỗi ngày đều làm những chuyện thị phi, nhân ngã, tạo tội nghiệp tam đồ. Tôi là một phàm phu, lúc trẻ tuổi cũng nhìn thấy chỗ sai xấu của người khác, hiện nay tôi nhìn ai cũng là Phật, Bồ Tát. Cảnh giới này làm sao chuyển biến được? Là do bốn mươi năm giảng kinh, đọc kinh chẳng gián đoạn, đây là kinh nghiệm của tôi. Lúc tôi chẳng giảng kinh thì mỗi ngày đều đọc kinh, chẳng có ngày nào buông lỏng, việc này

có thể nói để quý vị rút kinh nghiệm. Thế nên nhất định phải đọc kinh, nghe kinh, phải hết lòng thực hiện Tam Phước, Lục Hòa.

Thiền Tông lục Tổ Huệ Năng đại sư dạy: *‘Nếu là người tu đạo chân chánh, chẳng nhìn lỗi của thế gian’*, đây là một câu rất quan trọng, có thể giúp cho chúng ta tu hành thành tựu. Người chân chánh tu đạo chẳng nhìn lỗi lầm của người khác trong thế gian, chỉ nhìn lỗi lầm của mình. Nếu bạn chẳng nhìn lỗi của mình, chuyên nhìn lỗi kẻ khác thì nhất định sẽ đọa tam đồ, khẳng định chắc chắn một trăm phần trăm.

2. Xây dựng đạo tràng (Buổi sáng 24-2-99)

a. *Y báo chuyển theo chánh báo.*

Ở Úc châu, Tân Tây Lan (New Zealand), tìm nơi phong cảnh đẹp đẽ, núi sông tao nhã để làm đạo tràng chẳng khó, vấn đề ở chỗ có người chân chánh tu đạo hay không. Có câu ‘cảm ứng đạo giao’, nếu chúng sanh có cảm thì Phật, Bồ Tát nhất định sẽ ứng; không những hữu tình chúng sanh có ứng, sơn hà đại địa vô tình cũng sẽ cung ứng cho bạn. Đó là như trong kinh thường nói: *‘y báo chuyển theo chánh báo’*, chánh báo là tâm của mình, trừ mình ra đều là y báo. Chúng ta nương dựa vào hoàn cảnh sinh tồn, hết thầy người, sự, việc, núi sông đại địa đều thuộc về y báo, thậm chí chư Phật, Bồ Tát cũng là y báo của chúng ta. Nhà Phật nói về danh từ ‘Y Chánh’ (y báo, chánh báo), chúng ta phải minh bạch, hiểu rõ khái niệm ấy.

Tâm chúng ta chánh trực thì cảm ứng sẽ chánh trực; tâm tà vạy thì cảm ứng sẽ tà vạy, thế nên mới nói: *‘Hết thầy pháp từ tâm tưởng sanh’*, *‘Hết thầy pháp duy tâm hiện’*. Hoàn cảnh bên ngoài không tốt, xấu ác là vì tâm mình tà, tâm mình xấu ác, tuyệt chẳng thể trách hoàn cảnh. Làm thế nào cải tiến hoàn cảnh sinh hoạt của mình? Phải sửa đổi bắt đầu từ tâm niệm; tâm chánh trực, hết thầy pháp đều chánh trực. Cho nên sanh hoạt của chư Phật, Bồ Tát trang nghiêm như vậy, trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy y báo, chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật, trong kinh vãng sanh thấy y báo, chánh báo trang nghiêm của A Di Đà Phật. Từ đó mới biết tâm hạnh chẳng tương ứng với A Di Đà Phật thì niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, tâm hạnh là việc quan trọng hạng nhất trong việc vãng sanh.

Trong đoạn cuối của Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao, Từ Vân Quán Đảnh pháp sư nói đến một trăm thứ quả báo của người niệm Phật, quả báo đầu tiên là đọa địa ngục A Tỳ. Đối với chuyện này tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc nên mới hỏi thầy Lý. Thầy Lý nói: ‘Đây là một vấn đề quan trọng, tôi chẳng nói riêng cho anh biết, tôi sẽ trả lời trong buổi giảng kinh’. Tại sao niệm Phật lại đọa địa ngục A Tỳ? Cả ngày từ sáng đến tối trong miệng thì niệm A Di Đà Phật, trong tâm mong cầu vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, nhưng ngôn ngữ hành vi đều phá hoại đạo tràng, phá hoại Phật pháp, tạo nghiệp phá hoại Tam Bảo cho nên quả báo sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Đặc biệt là thời

kỳ ‘Đấu Tranh Kiên Cố’ trong đời Mạt Pháp, các người xuất gia cùng chung cư trú tại một đạo tràng chẳng hòa hợp, cứ đấu tranh với nhau, tuy niệm A Di Đà Phật, tương lai cũng sẽ cùng nhau đọa địa ngục A Tỳ, đạo lý là như vậy.

Niệm Phật làm sao mới có thể vắng sanh thương phẩm? Tâm là tâm Phật, Hạnh là hạnh của Phật thì nhất định sẽ sanh Tịnh Độ. Thế nên tôi thường nói những người trên sáu mươi tuổi thì bất cứ chuyện gì cũng đừng để ý, đừng quan tâm quá nhiều, một lòng một dạ cầu sanh Cực Lạc thế giới, vạn duyên buông xuống. Bạn làm việc thiện, rất tốt; bạn hộ pháp, rất tốt; bạn giết người, đốt nhà cũng tốt, cái gì cũng tốt, đối với chính mình chẳng liên can gì hết. Bạn tạo nghiệp của bạn thì bạn chịu quả báo của bạn; tôi tạo nghiệp thì tôi chịu quả báo của tôi. Tự mình phải tìm ra một con đường thoát ly, họ tiến về địa ngục A Tỳ, nếu mình đi theo thì mình cũng ngu si. Người ta chửi mắng mình, mình tôn kính họ; người ta hủy báng mình, mình tán thán họ. Con người ai cũng có ưu điểm và cũng có khuyết điểm, nếu có thể chỉ nhìn ưu điểm của người ta thì người trong thiên hạ đều là người tốt; nếu chỉ nhìn khuyết điểm của người ta thì ngay cả Phật, Bồ Tát cũng chẳng là người tốt. Từ đó có thể biết thị - phi, thiện - ác chẳng có tiêu chuẩn, chỉ dựa trên sự khởi tâm động niệm của mình. Nếu tâm thiện thì tận hư không, trọn khắp pháp giới chẳng có gì là không thiện, nghĩ vậy thì cả đời bạn sẽ rất hạnh phúc, rất mỹ mãn.

Thế nên đừng yêu cầu người khác giống mình. Muốn nghiên cứu một khóa tụng sáng tối tiêu chuẩn, một Phật thất, một Nghi thức cho Tam Thời Hệ Niệm tiêu chuẩn, để cho tất cả Tịnh Tông Học Hội trên thế giới đều y theo tiêu chuẩn đó, như vậy là sai lầm. Sự ưa thích của mỗi người khác nhau, không thể yêu cầu cả thế giới đều giống như mình. Khổng Phu Tử dạy chúng ta phải ‘*nhập cảnh tùy tục*’, được vậy thì sẽ tự tại biết bao! Phổ Hiền Bồ Tát dạy: ‘*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*’ tức là dạy mình phải thuận theo người ta, đừng yêu cầu người ta thuận theo mình, đây là chỗ khác nhau giữa Phật, Bồ Tát và phàm phu. Phật, Bồ Tát có thể tôn trọng, thuận theo người khác, [ngược lại] phàm phu muốn người khác phải thuận theo mình, phục tùng theo mình, thế nên phàm hay thánh là dựa trên một niệm khác nhau mà thôi.

b. Văn hóa đa nguyên

Văn hóa đa nguyên là gì?

Hằng thuận chúng sanh chính là ‘văn hóa đa nguyên’. Phải tuân lệnh của một người, đó là ‘văn hóa thống nhất’, là văn hóa nhất nguyên. Thí dụ một buổi họp quy mô lớn, quốc kỳ của toàn thế giới treo chung một chỗ sẽ rất đẹp; nếu tất cả quốc kỳ của các nước trên thế giới đều có cùng một màu thì sẽ chẳng đẹp cho lắm. Trong vườn hoa, trăm hoa đua nở sẽ rất đẹp, nếu chỉ trồng một loại hoa thì sẽ [rất đơn điệu], chẳng có giá trị thương thức. Thế nên văn hóa trên căn bản là đa nguyên (*nhiều nguồn gốc*). Lấy một thân thể để nói thì mắt có thể thấy, tai có thể nghe, cái tổ hợp này chính là đa nguyên vậy. Nếu phải thống nhất thành nhất nguyên, chỉ cần con mắt mà thôi, tai, mũi, miệng đều bỏ hết thì người ta sẽ chẳng

thể sinh tồn. Cho nên mỗi khí quan trong thân thể đều là một tổ hợp văn hóa đa nguyên, thế giới cũng là một thể cộng đồng có văn hóa đa nguyên, làm sao có thể ép người ta thành ‘nhất nguyên văn hóa’ được? Nhà Phật nói: *‘Một tức là nhiều, nhiều tức là một’*, nhất là nhất nguyên, đa là đa nguyên. Nhất nguyên là nói về tự tánh, đa nguyên là nói về hiện tượng, tác dụng. Kinh Hoa Nghiêm nói: *‘Thế, Tướng, Dụng’*, Thế là nhất nguyên, Tướng và Dụng là đa nguyên. Đây là chân lý, chân tướng sự thật, nếu phản nghịch lại thì chẳng kiết tường, chắc chắn sẽ có hung hiểm, tai nạn; nếu bạn có thể thuận theo thì sẽ hạnh phúc mỹ mãn phi thường.

c. Không chế và chiếm hữu.

Làm thế nào nội trong đời này thoát ly ra khỏi Tam giới, lục đạo, thập pháp giới, vãng sanh Cực Lạc thế giới, thành tựu viên mãn Phật đạo?

Nhất định phải tiêu trừ chướng ngại của mình.

Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay, chướng ngại thứ nhất chính là có ý niệm muốn không chế [điều khiển] người khác, đây là chướng ngại rất lớn. Hy vọng người khác đều nghe lời mình, tâm niệm như vậy là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là căn bản của lục đạo sanh tử luân hồi, nhất định phải buông bỏ.

Quan niệm sai lầm thứ nhì chính là muốn chiếm hữu, chiếm lấy hết thầy người, sự, vật. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật giảng về chân tướng sự thật của Hiện Tướng, Tác Dụng, kinh Kim Cang dạy: *‘Ba tâm chẳng thể được’*, đó là tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm tương lai chẳng thể được. Nếu quả thật bạn hiểu được thì bạn đã thành Phật rồi, vì cách dụng tâm của bạn cùng chư Phật tương đồng. Đối với hết thầy người, sự, vật nếu bạn còn khởi tâm động niệm thì bạn chưa hiểu kinh Kim Cang. Ba tâm chẳng thể được cho nên chẳng có tâm để được (năng đắc), tâm có thể không chế. Những gì muốn được không chế, muốn đạt được là người, sự, vật ở bên ngoài, những thứ này thuộc về cảnh giới, hết thầy cảnh giới đều là pháp do nhân duyên sanh, chẳng có tự tánh, *‘thể của nó là không, trọn chẳng thể được’*, thế nên những thứ bên ngoài như người, sự, vật đều chẳng thể được. Phần cuối kinh Kim Cang có tổng kết như sau: *‘Hết thầy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương và cũng như ánh chớp, nên quán như vậy’*, cách nhìn này chính là cách nhìn của chư Phật Như Lai, tức là Phật tri Phật kiến. Kinh Pháp Hoa dạy chúng ta ‘nhập Phật tri kiến’, tri kiến của Phật chính là: *‘Hết thầy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng’*.

Trong hết thầy pháp đều chẳng có tâm niệm được - mất, chẳng có tâm niệm chiếm hữu, không chế thì sẽ được đại tự tại. Nhà Phật nói chân giải thoát, đại tự tại là được từ chỗ này. Nếu vẫn lo được, lo mất, vẫn còn tâm niệm muốn không chế hết thầy người, sự, vật thì như vậy là phiền não, trói buộc, bạn sẽ chẳng tự tại. Không tự tại chẳng phải do người khác đem cho bạn, là do chính mình tạo thành đấy. Hết thầy pháp đều do duyên sanh, duyên tụ duyên tán (*duyên hợp duyên*

tan), hiểu được chân tướng sự thật này thì chúng ta mới có thể kết duyên tốt, kết thiện duyên với hết thảy chúng sanh, với chư Phật Như Lai.

d. Xây đạo tràng

Chân chánh phát tâm tu hành, chân chánh cần một nơi có phong cảnh xinh đẹp, thù thắng để làm đạo tràng, Lai cư sĩ sẽ phát tâm cúng dường, thành tựu cho các bạn tu đạo, tương lai làm Phật, làm Bồ Tát. Hiểu được đạo lý này, cần hay không cần là việc của các bạn, hôm nay tôi giao gậy [của cuộc chạy đua tiếp sức], tôi đã hết việc rồi, cái gì cũng chẳng cần nữa, trên thế gian này tôi không còn lưu luyến bất cứ thứ gì, chẳng có ưu, chẳng có lo nữa. Các bạn lo sợ thế giới có tai nạn to lớn, nhưng tôi chẳng lo sợ, tôi nhìn bom nguyên tử nổ tung như coi đốt pháo bông vậy. Đây là quan niệm, cách nhìn, cách suy nghĩ của chúng ta chẳng giống nhau.

Chúng ta xây dựng đạo tràng tại Úc châu là vì chúng sanh ở nơi đó, giúp đỡ họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đó là hành Bồ Tát đạo, được vậy thì xây dựng đạo tràng này mới có ý nghĩa. Chúng ta đến nơi ấy chẳng phải là để tránh nạn, hưởng phước, mà là để hoằng pháp lợi sanh, đây là để báo ân Phật, báo ân cha mẹ, đây là nguyên nhân xây dựng đạo tràng. Có người hỏi tôi: ‘Thưa pháp sư, đạo tràng của thầy ở đâu?’ Tôi nói: ‘Tôi chẳng có đạo tràng, cả đời đều trụ tại đạo tràng của người khác’. Cho nên chúng ta xem chân tướng sự thật cho rõ ràng, cho minh bạch thì sẽ tâm an, lý đắc, sẽ chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trí huệ Bát Nhã của tự tánh sẽ hiện tiền. Trí huệ chẳng cần học tập, là trong tự tánh vốn sẵn có đầy đủ, được vậy thì bạn làm sao chẳng trụ tại ?

e. Học giảng kinh

Việc quan trọng nhất ở đạo tràng là giảng kinh thuyết pháp, một ngày cũng chẳng thể thiếu. Nếu chẳng có pháp sư có thể giảng kinh thuyết pháp thì mình cần phải phát tâm, cầu người chẳng bằng cầu mình. Giảng không hay thì làm sao? Cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Tôi thường nói tôi chẳng biết giảng kinh, tôi hy vọng Phật, Bồ Tát mượn thân thể của tôi để giảng kinh, thân thể của tôi miễn phí, cho Phật, Bồ Tát mượn không điều kiện. Phải thật sự phát tâm này, tuyệt chẳng vì chính mình, hết thảy đều vì chúng sanh, vì Phật pháp.

Cho nên nhất định phải đọc kinh, phải nghe Phật pháp, tự mình phải phát tâm học giảng kinh. Giống như cư sĩ Triệu Lập Bản ở Los Angeles, Mỹ quốc, nghe tôi giảng kinh rất hoan hỷ nên phát tâm học giảng kinh. Ông học hai bộ ‘Lục Tổ Đàn Kinh’ và ‘Kim Cang Kinh’. Ông hỏi tôi: ‘Cả đời tôi chuyên nghe hai bộ kinh này được không?’. Tôi trả lời ‘Được’. Sau khi ông nghe hai bộ kinh này hết hai mươi mấy lần xong nói với tôi. Tôi nói: ‘Ông tiếp tục nghe, nghe hết một trăm lần xong lại nghe tiếp một trăm lần nữa’. Hiện nay ông giảng hai bộ kinh này rất hay, còn đến khắp nơi ở Mỹ để giảng, ông đã thành chuyên gia. Cho nên không cần phải học phương pháp giảng kinh, thuộc lòng rồi thì sẽ biến thành của mình.

Dùng giảng kinh thuyết pháp để giúp đỡ người khác, có niềm nhiệt thành này thì tự nhiên sẽ có Phật, Bồ Tát gia trì.

Có câu *‘Trụ sắt mài thành kim, chỉ cần công phu sâu’*⁸⁹, chỉ cần có tâm chân chánh, thực sự chịu làm, đâu có lý nào không thành công cho được! Thế nên đừng coi thường chính mình, chẳng có chuyện gì trong thiên hạ không thể thành tựu được cả. Việc khó nhất trong thiên hạ là việc làm Phật cũng có thể làm được, ngoài chuyện này ra đều là chuyện nhỏ, chẳng cần phải bận tâm, giảng kinh không có khó gì cả. Chỉ sợ là tự mình không chịu làm mà thôi. Cho nên tự mình làm thật sự, chân chánh phát tâm thì có thể thành tựu, có thể tiếp tục huệ mạng của Phật, tự lợi lợi tha.

3. Viện dưỡng lão là công trình có hy vọng nhất (Buổi sáng 21-3-99 đến 25-3-99)

Hiện nay do kỹ thuật khoa học y dược phát đạt, thọ mạng của con người được kéo dài; Phật nói đây là phước báo của họ đã tu từ đời trước. Người trường thọ nhiều, nhân khẩu thêm nhiều người già, đây là vấn đề nghiêm trọng trong xã hội hiện nay. Chính phủ của các quốc gia, địa phương đều vô cùng quan tâm đến việc này, cho nên xây dựng chung cư người già và viện dưỡng lão một cách phổ biến. Chúng tôi thấy những làng hưu trí ở Úc châu đều là những chỗ đem phước lợi cho người già.

Phật pháp rất coi trọng việc ‘dưỡng lão’, đây là thực hiện Tịnh Nghiệp Tam Phước. Điều đầu tiên dạy chúng ta *‘Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết hại, tu thập thiện nghiệp’*. Thế nên lập viện dưỡng lão tức là thực hiện lời giáo huấn của đức Phật một cách thực tiễn. Giáo huấn này là cơ sở cho toàn bộ Phật pháp, nếu chẳng thực sự dụng công trên việc này, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, tu học bất cứ pháp môn nào cũng chẳng đạt được kết quả, cho nên dưỡng lão là vấn đề trung tâm của Phật pháp, quan trọng hơn bất cứ việc gì khác.

Nhưng trong xã hội có nhiều người cho rằng viện dưỡng lão là công trình chẳng có hy vọng, người già rồi thì sẽ chết, chẳng bằng lập cô nhi viện, lập trường học. Quan niệm này rất sai lầm, có hy vọng hay không là ở tại con người, chẳng ở tại sự việc. Chánh phủ Tân Gia Ba khuyến khích các đoàn thể tôn giáo lập viện dưỡng lão và cô nhi viện, lo cho những người già và cô nhi chẳng có người thân chăm sóc. Chúng tôi vô cùng quan tâm đến việc này, chúng tôi thúc đẩy giáo dục tái sanh, giáo dục đời sau, cho nên người già trở nên có hy vọng, hơn nữa lại là hy vọng chân thật. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói rõ chân tướng của sanh tử, đó chỉ là hiện tượng nhân quả chuyển biến và tiếp nối mà thôi, sanh mạng là vĩnh hằng, sắc thân của người phạm hiện thành và chuyển biến theo nghiệp lực

⁸⁹ Thiết trụ ma thành châm, chỉ yếu công phu thâm

mà họ đã tạo. Cho nên người già trong sự chuyển biến này sanh khởi niềm hy vọng lớn nhất.

Năm 1983 tôi đến một chung cư dành cho người già ở Cựu Kim Sơn (*San Francisco*), nơi ấy có hơn bốn trăm người già, ngoài ra còn có xây thêm một nhà giữ trẻ, đây là do một người Do Thái xây dựng, làm rất thành công. Từ đó tôi mới liên tưởng đến đạo tràng Phật giáo ở thế kỷ hai mươi mốt nhất định sẽ có hình thức như vậy, gọi cho tôi ý tưởng về Làng Di Đà, những người trụ ở Làng Di Đà là những người về hưu. Những gì cần làm trong đời họ đều đã làm xong, đến lúc về hưu vẫn còn thời gian dư thừa, chúng ta nên giúp cho họ làm một sự chuyển biến cho đời sau, đây là công trình rất có ý nghĩa.

Do đó chúng ta phải dạy ‘Giáo Dục về Tôn Giáo’ cho họ, mỗi ngày cho họ có cơ hội nghe kinh, giúp họ giác ngộ, mỗi ngày hướng dẫn họ niệm Phật. Họ sẽ ý thức đến sanh hoạt tu học lúc về già mới là sanh hoạt hạnh phúc nhất trong cả đời của họ. Người Trung Quốc thường nói: *‘Lúc còn trẻ, ‘đồng [niên], thiếu niên’ phải vun bồi phước, đặt nền móng cho phước đức cả đời. Lúc tráng niên phải phục vụ cho xã hội, cho nhân dân, đây là tạo phước. Lúc về già mới hưởng phước’*. Thế nên hưởng phước nhất định phải đợi đến già, chúng ta phải thực hiện quan niệm này. Con người lúc lớn tuổi, từ từ suy yếu, nếu chẳng có việc gì để làm thì sẽ khởi vọng tưởng, sẽ sanh phiền não, cũng như người ngoại quốc thường nói: ‘Tuổi già là phần mộ của cuộc đời’, [câu này] khác hẳn với cách suy nghĩ của người Trung Quốc.

Cho nên ‘Giáo dục tôn giáo’ vô cùng quan trọng, phải giải thích cho họ biết về tình huống trong lục đạo luân hồi, nói cho họ biết sự thù thắng trang nghiêm của cõi nước chư Phật trong thập pháp giới, giới thiệu lịch sử của tây phương Cực Lạc thế giới, sự tu học của A Di Đà Phật lúc còn tu nhân, sự thành tựu trên quả địa (*lúc thành Phật*), sự tán thán của chư Phật, sự thù thắng của việc vãng sanh. Làm cho họ tràn đầy hy vọng, tràn đầy sức sống, giúp cho họ thực sự thấy thấu suốt thế gian, buông xuống hết thảy, được đại tự tại. Chỉ cần họ thoát khỏi lục đạo luân hồi, thoát ly thập pháp giới, vãng sanh đến tây phương Cực Lạc thế giới thì sẽ thành Phật. Đạo tràng của chúng ta chỉ cần có một người niệm Phật vãng sanh thành Phật thì tất cả đầu tư, kiến thiết sẽ chẳng uổng phí, thế nên đây là một công trình có hy vọng nhất! Hy vọng gì trong thế gian cũng chẳng thù thắng bằng hy vọng này.

Loại ‘Viện dưỡng lão’ này thành tựu cho đạo tràng hạng nhất của chư Phật, Bồ Tát, và cũng là đạo tràng tu học chủ yếu của thế kỷ thứ hai mươi mốt. Chúng ta làm trước tiên, và cũng giới thiệu quan niệm, cách làm, thành quả của việc này cho các tôn giáo khác. Chúng tôi hy vọng tất cả tôn giáo đều có thể chủ động [làm việc] dưỡng lão này, đều có thể giúp đỡ người già vãng sanh thành Phật hoặc sanh lên trời hưởng phước trời.

Kinh Đại Thừa nói: ‘vãng sanh bất thoái thành Phật’. Bất cứ người nào trên thế giới này chỉ cần hiểu được lý luận, phương pháp, tu học đúng như lý như pháp

thì chẳng ai không thành tựu cả, cũng như cổ đại đức đã nói: ‘*Vạn người tu, vạn người đỗ (vãng sanh)*’. Vãng sanh thành Phật là việc khó nhất mà chúng ta cũng làm nổi thì sanh lên trời há chẳng làm nổi ư! Mỗi tôn giáo đều có Thiên Đường mà họ hâm mộ và mong muốn được sanh đến, chúng ta nên dốc toàn tâm toàn lực để giúp họ đạt đến mục đích sanh lên trời này. Chúng ta chịu sanh lên Thiên Đường và phải dẫn mọi người lên Thiên Đường. Đồng tu học Phật hy vọng vãng sanh tây phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải dẫn tất cả đồng tu của chúng ta đến Cực Lạc thế giới, đây là công đức to lớn, vô cùng thù thắng trang nghiêm. Hy vọng hết thảy chúng sanh nội trong đời này ai cũng làm Phật, làm Bồ Tát. Đời này chúng ta sanh đến thế gian mới có ý nghĩa, có giá trị, chẳng uổng công.

Nhưng muốn thực hiện chuyện này, muốn làm được viên mãn, thành công thì phải thâm nhập kinh tạng. Tôi học Phật bốn mươi bảy năm, giảng kinh bốn mươi năm, thể hội về việc này vô cùng sâu đậm. Người xưa học Phật thành tựu nhiều, nguyên nhân chính là họ chăm chỉ, chẳng xao lãng việc đọc tụng, giảng giải, nghiên cứu, thảo luận, cho nên xây dựng tín nguyện kiên cố, dùng tín nguyện kiên định làm cơ sở thì sẽ thành tựu. Năm xưa khi đức Thế Tôn còn tại thế đã làm gương tốt nhất cho chúng ta -- mỗi ngày đều giảng kinh thuyết pháp chưa từng gián đoạn. Các bạn đồng học từng giờ từng phút mỗi ngày đều nghiên cứu thảo luận, làm bạn với Phật, Bồ Tát, thời thời khắc khắc đều chẳng xa lìa, Ma sẽ chẳng thể nhiễu loạn, đạo nghiệp sẽ được thành tựu.

Ngày nay tại Tân Gia Ba mỗi ngày chúng ta giảng kinh hai giờ đồng hồ, như vậy vẫn chưa đủ. Nhưng chúng sanh hiện đại chẳng có phước báo to lớn, họ phải làm việc, phải lo lắng cho gia đình, mỗi ngày có thể đến nghe giảng hai tiếng đồng hồ là quý lắm rồi. Do đó chúng tôi nghĩ lúc về già mới là giai đoạn tu học thích hợp nhất, họ đã buông xuống công ăn việc làm, con cháu đều trưởng thành, chẳng phải lo lắng nữa. Lúc bấy giờ có thể an tâm để tu đạo, đây là thời gian tu đạo tốt nhất. Chúng ta nhìn rõ ràng, minh bạch rồi thì phải dốc toàn tâm toàn lực để giúp đỡ họ, thành tựu cho họ.

Tôi yêu cầu cư sĩ Lý Mộc Nguyên, những công nhân viên phục vụ trong Làng Di Đà tương lai phải được huấn luyện, phải nghe kinh mỗi ngày, phải niệm Phật ở Niệm Phật Đường. Chúng ta phải dùng tâm hiếu thuận cha mẹ để phục vụ cho mỗi người già, dùng tâm cung kính Phật, Bồ Tát để cung kính từng người lớn tuổi, đây là chuyện mà những viện dưỡng lão khác chẳng có. Trong Làng Di Đà mỗi ngày có hai giờ giảng kinh, hai mươi hai giờ niệm Phật. Nhưng như vậy chẳng có nghĩa là mỗi ngày phải nghe kinh niệm Phật suốt hai mươi bốn giờ, mà là muốn người chân chánh phát tâm đến Niệm Phật Đường niệm Phật, niệm mệt thì nghỉ ngơi, nghỉ xong bèn niệm tiếp. Trong Niệm Phật Đường, Phật hiệu không gián đoạn suốt hai mươi bốn giờ, ban đêm ngủ tĩnh dậy liền đến Niệm Phật đường để niệm Phật, cho nên trong Niệm Phật Đường luôn luôn có người niệm Phật, chẳng cần biết là có bao nhiêu người niệm. Còn về những chương trình giải trí thì cũng sẽ được an bài, như những ca vũ dân tộc, biểu diễn, ca kịch, mỗi tuần

đều có một lần, để cho họ có nhiều thời gian giải trí, có đời sống bình tĩnh, vui vẻ, giống như sống trong một đại gia đình hòa thuận đầm ấm.

Xem những truyện vãng sanh các đời trước chúng ta thấy nếu tu học đúng như lý như pháp thì nhiều người có thể thành tựu trong vòng ba năm đến năm năm; cũng có người tám năm, mười năm mới thành công. Do đó có thể biết sau khi về hưu đúng là thời gian tốt để cho chúng ta dụng công niệm Phật. Thế nên viện dưỡng lão tràn đầy hy vọng, tuyệt đối không phải là công trình chẳng có hy vọng, trong lúc chẳng có hy vọng tôi nhất định phải giúp họ có được tràn đầy hy vọng. Hơn nữa tôi còn phải giới thiệu quan niệm này đến hết thầy các tôn giáo, chúng ta cùng chung nỗ lực giúp đỡ hết thầy chúng sanh, đề cao phẩm chất đời sống của họ, từ cõi người nâng cao lên cõi trời, từ phàm phu nâng cao lên thánh nhân, đây là việc chúng ta nên dốc hết tâm lực đi làm. Chúng ta giúp đỡ người khác nâng cao thì tự mình không hay không biết cũng sẽ nâng lên cùng lúc. Chúng ta giúp đỡ người ta làm Phật thì chính mình sao lại chẳng làm Phật được! Chúng ta giúp đỡ người ta lên trời thì chúng ta làm sao không sanh lên trời được!

Do đó mới biết pháp thế gian và xuất thế gian đích thật giống như Phật đã nói: ‘chẳng có pháp nhất định’, hết thầy kiết - hung, họa - phước, thiện - ác, lợi - hại đều ở tại một niệm mà thôi. Nếu có thể chuyển một niệm này trở lại, chuyển ác thành thiện, chuyển không hy vọng thành tràn đầy hy vọng, chuyển người thành trời, chuyển phàm thành thánh đều ở tại một niệm.

Những gì đức Phật giáo huấn chúng ta đều lưu xuất từ trong tự tánh, đây là trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta, mà tánh đức nhất định phải biến thành hiện thực, bước đầu tiên của việc thành hiện thực này chính là dưỡng lão. Mỗi người chúng ta đều sẽ già, chúng ta tôn kính người già, chăm sóc người già, đến lúc mình già thì người trẻ tuổi sẽ tôn kính, chăm sóc cho mình. Nếu chúng ta không tôn kính người già, đến lúc mình già đi thì sẽ chẳng có người tôn kính mình, đây là nhân quả báo ứng. Trong kinh Phật nói công đức chăm sóc cha mẹ mình bằng như cúng dường Phật. Phật thường nói trong nhà của bạn có hai vị Phật sống, đó chính là cha mẹ của bạn. Chẳng hiếu dưỡng cha mẹ mà đi cúng dường Phật, Phật sẽ chẳng chấp nhận, cho nên nhất định phải bắt đầu từ ‘hiếu thân tôn sư’.

Ngày nay công tác của chúng ta tại Tân Gia Ba thứ nhất là phải xây Làng dưỡng lão Di Đà, thứ nhì là bồi huấn pháp sư trẻ tuổi, thứ ba là liên kết với các tộc đoàn tôn giáo cùng chung tôn trọng, hỗ trợ kính ái, hỗ trợ hợp tác, cộng tồn cộng vinh. Để chúng ta cùng chung sáng tạo một xã hội mỹ mãn, phồn vinh, an định, sáng tạo hòa bình thế giới thật sự, nhất quyết chẳng thể có tâm riêng tư. Tự tư tự lợi là mê hoặc điên đảo, giữ [tâm niệm] tự tư chính là bảo đảm cho mình lọt vào tam ác đạo vĩnh viễn chẳng có ngày xuất ly, thế nên người chân chánh giác ngộ nhất định sẽ niệm niệm vì chúng sanh, buông bỏ lợi ích riêng tư của mình, như vậy mới có thể siêu việt lục đạo luân hồi, siêu việt thập pháp giới.

Kinh Phật thường nói: *‘Tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát’*, chúng ta phải biến câu này thành hiện thực. Trong thế gian có một số người làm ác, làm thế nào mới có thể biến người ác thành người tốt, biến người tà tri tà kiến thành người có chánh tri chánh kiến, biến người tạo tội nghiệp thành người tu phước thì bạn sẽ thành công. Chúng ta dùng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi để đối đãi với mọi người, [dù họ] có ác cách mấy cũng sẽ bị cảm hóa, nếu họ chẳng thể cảm hóa là vì mình làm chưa đủ, phải phản tỉnh và sửa đổi, đây là trong chân thành vẫn còn tự tư [tự lợi]. Trên sự tướng thì nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên là được rồi. ‘Hằng thuận chúng sanh, Tùy hỷ công đức’, triệt để buông xuống tâm niệm muốn khống chế, chiếm hữu hết thầy người, sự, vật. Buông xả thành kiến của mình, việc này rất quan trọng; [cứ nghĩ] mình phải làm như thế nào là sai lầm.

Mình có rất nhiều khuyết điểm nhưng chẳng biết, người khác nhìn thấy và nói ra lỗi lầm của mình thì mình phải hết lòng kiểm thảo, lập tức sửa đổi, sửa sai tức là tiến bộ. Người khác chỉ giúp chúng ta nâng cao hướng thượng, chúng ta vô cùng cảm kích, đó là ân nhân, cả đời chúng ta đều sống trong sự ‘cảm ân’. Chúng ta dốc hết lòng, hết sức giúp đỡ xã hội, làm lợi ích cho chúng sanh, người khác làm như thế nào không cần phải để ý đến, tâm phải vĩnh viễn giữ gìn thanh tịnh, công đức này mới viên mãn. Chúng ta thấy rất nhiều người làm việc tốt, làm xong vẫn còn lo lắng, còn vướng bận, như vậy tâm sẽ chẳng thanh tịnh, chỉ làm để được những thiện quả hữu lậu trong tam giới, quả báo tại nhân thiên. Phước đức thanh tịnh thì quả báo tại Cực Lạc thế giới, ở Nhất Chân pháp giới, tuyệt đối sẽ chẳng giống nhau.

Các bạn đồng tu học Phật, người xuất gia phải làm gương tốt cho người xuất gia, người tại gia học Phật phải làm gương tốt cho người tại gia, đạo tràng phải làm gương tốt cho đạo tràng, chúng ta xây dựng viện dưỡng lão là gương tốt cho hết thảy viện dưỡng lão, [được vậy] thì chúng ta sẽ thành công. Đó đích thật là công trình thù thắng nhất, có hy vọng nhất trong thế gian, chúng ta gặp được duyên thì phải nắm chắc cơ hội, hết lòng nỗ lực làm, chẳng thể bỏ uổng cơ hội. Nguyên chư vị đồng tu cùng nhau khích lệ!

4. Nguyên lực và dục vọng (Buổi sáng 10-4-99)

a. Nguyên lực và dục vọng

Nguyên lực và dục vọng khác nhau ở chỗ nào? Nhà Phật nói đến ‘phát nguyện’, người thế gian nói: ‘tâm nguyện’, tâm nguyện là dục vọng, phát nguyện chẳng phải, nhưng phần đông người ta rất khó phân biệt được. Nếu bạn có thể hiểu đạo lý ở trong ấy thì cũng chẳng khó phân biệt. Dùng kinh Kim Cang làm thí dụ, nhà Phật thường nói đến ‘Tứ hoàng thế nguyện’, nếu tách lia tứ tướng, lia tứ kiến để phát nguyện, như vậy mới là thực sự phát nguyện; trái ngược với nguyện tức là dục vọng, đây là một cách phân biệt. Ngoài ra hết thảy tùy duyên

là phát nguyện, phan duyên là dục vọng; vì mình là dục vọng, vì hết thấy chúng sanh là phát nguyện.

Kinh Kim Cang dạy: *‘Nếu Bồ Tát có tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng sanh, tướng Thọ giả, tức không phải là Bồ Tát’*, nếu có bốn tướng này thì chẳng là Bồ Tát, vẫn là phàm phu. Phàm phu có dục vọng cho nên có Dục giới; phàm phu có phân biệt, chấp trước cho nên có Sắc giới và Vô Sắc giới; Sắc giới chấp trước Hữu, Vô Sắc giới chấp trước Không. Hai bên Hữu và Không đều chẳng chấp trước thì mới có thể siêu việt Tam giới. Niệm niệm lấy mình làm bốn vị, niệm niệm đều nghĩ đến Ta, phát hết thấy nguyện cũng biến thành tham dục của chính mình.

b. Xây đạo tràng

Chúng ta bình tĩnh quan sát, tư duy kỹ càng, trong kinh điển đức Phật Thích Ca Mâu Ni và các đại đệ tử chưa từng xây chùa, xây dựng đại đạo tràng. Đạo tràng ở đâu? Cư sĩ Duy Ma nói rất hay: *‘Tâm thanh tịnh chính là đạo tràng, tâm từ bi là đạo tràng, chẳng có hình thức’*. Những đạo tràng có hình thức đều do đế vương đại thân, tín đồ cúng dường.

Liên Trì đại sư của Tịnh Độ Tông, đạo tràng của ngài được hình thành như thế nào? Tùy duyên thành tựu, chẳng có một tơ hào phan duyên gì cả. Ngài đến núi Vân Thê, thấy nơi ấy phong cảnh rất đẹp nên tự mình dựng một túp lều tranh trụ nơi đó tu hành. Sau này có người thấy ngài là một người có đạo đức nên muốn thân cận học hỏi, cũng dựng thêm lều tranh ở kế bên. Sau đó nhiều người có địa vị, có tài phú biết đến và phát tâm xây đạo tràng cho họ. Liên Trì đại sư chẳng hóa duyên, đạo tràng ở nơi đó đều tự nhiên thành tựu. Nếu tự mình đi quyên góp thì đó là dục vọng, chẳng phải nguyện lực. Cho nên dục vọng chẳng độ chúng sanh được, tương lai chính mình phải đọa vào tam ác đạo. Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo giảng rất rõ ràng. Người cả đời chẳng xây đạo tràng có thể vãng sanh làm Phật, Bồ Tát, quả báo này không giống nhau.

Tông chỉ cứu cánh chân thật của Phật pháp là ‘Tự giác, giác tha’, muôn vàn xin chớ làm chuyện ‘Tự mê, mê người ta’, tự mê và mê người ta thì chẳng thể nào không đọa địa ngục cho được. Sanh hoạt của người xuất gia, ‘quần áo, đồ ăn, chỗ ở, hành động (y - thực - trụ - hạnh) hết thấy đều tùy duyên. Chúng xuất gia đối với chúng xuất gia cũng là bố thí cúng dường. Họ xuống bếp nấu cơm cúng dường, chúng ta dùng tâm lý ‘trì bát khát thực’ để tiếp nhận, họ cúng dường cái gì thì ăn cái nấy, chẳng có phân biệt. Chúng ta dùng tâm niệm và thái độ này để sống qua ngày, đó gọi là tu hành. Tâm phải thanh tịnh, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu cũng đều bảo trì tâm thanh tịnh. Bàng cư sĩ thị hiện *‘Nhiều chuyện không bằng ít chuyện, ít chuyện chẳng bằng không có chuyện’*.

Kiếp nạn thật sự đang ở trước mắt, tự mình nhất định phải hết lòng nỗ lực, buông xuống vạn duyên, thành tựu đức hạnh của mình, thành tựu trí huệ chân thực của mình, trong đời này, thực sự có thể làm được tự độ, độ người. Duyên tự

độ đầy đủ rồi, độ người thì phải tùy duyên, tuyệt đối chẳng phan duyên. Hiện nay trong xã hội cũng có việc gọi là ‘sáng tạo điều kiện, sáng tạo cơ hội’; Phật, Bồ Tát cũng sẽ sáng tạo điều kiện, sáng tạo cơ hội, nhưng sáng tạo điều kiện cũng phải trong lúc đầy đủ điều kiện thì mới sáng tạo được; sáng tạo cơ duyên thì cũng phải có cơ duyên hảo hợp; nếu chẳng có điều kiện, cơ hội thì không thể nào sáng tạo được. Trong Phật pháp gọi là ‘thiện xảo phương tiện’, cách nói này rõ hơn cách nói của người trong thế gian, nói chân thật viên mãn hơn.

Là Phật tử chân chánh thì phải học theo đức Phật, đức Phật là gương mẫu tốt nhất cho chúng ta, học theo Phật chắc chắn sẽ không sai. Đức Phật thị hiện cho chúng ta một tấm gương tốt nhất, mỗi ngày ăn no mặc ấm, có một chỗ nhỏ nhỏ có thể che nắng che mưa, như vậy là đủ rồi! Đức Phật chẳng có ý muốn xây đạo tràng, cả đời đức Phật giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, chỉ làm công việc này. Từ những chỗ này chúng ta phải thể hội một cách sâu sắc.

c. Thượng trí và hạ ngu

Trong Phật pháp bất luận tu học môn phái nào, có hai hạng người có thể thành tựu dễ dàng: một là thượng căn lợi trí, hai là hạ ngu. Có câu nói rất hay: ‘*Ngu không thể bằng được*’⁹⁰, chúng ta chẳng bằng những người hạ ngu. Tại sao hai hạng người này dễ thành tựu? Hai hạng người này dụng công chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, cho nên họ có thể thành tựu. Người căn tánh trung đẳng nghi hoặc, xen tạp, và còn gián đoạn nửa chừng, thế nên bất luận tu học pháp môn nào đều chẳng dễ thành tựu, đạo lý là như vậy. Thế nên Phật mới dạy chúng ta ‘*Một môn thâm nhập, huân tu trong thời gian dài*’, như vậy mới có thể giảm bớt nghi hoặc, xen tạp. Khi học nhiều rồi, thấy đức Phật trong kinh này nói ‘Hữu’ (Có), trong kinh kia lại nói ‘Không’, [nên sẽ tự hỏi] rốt cuộc là Hữu hay Không? Bạn sẽ hoài nghi đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngay cả Phật cũng chẳng tin tưởng nữa.

Phải biết đức Phật chẳng có pháp gì để nói, Phật thuyết pháp là vì phá chấp trước. Người ấy chấp trước Hữu nên Phật mới giảng Không, phá cái chấp trước Hữu của họ. Nếu người đó chấp trước Không, Phật bèn giảng Hữu để phá cái chấp trước Không của họ. Chính vì chúng sanh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên Phật mới có pháp để nói. Nếu chúng sanh chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đại đức Tông Môn thường nói: ‘*Treo miệng trên tường*’, sẽ chẳng còn gì để nói hết. Chúng ta đọc kinh luận nhiều rồi thì nhất định sẽ sanh nghi hoặc, nghi hoặc là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Bởi vậy nên chẳng bằng hạng hạ ngu, chẳng bằng những cụ già, cái gì họ cũng chẳng nghĩ tưởng, cái gì cũng chẳng biết, cũng không nghe kinh, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, có thể đứng vắng sanh, ngồi vắng sanh, lúc ra đi hiện tướng lành hy hữu, đây là những người chúng ta chẳng sánh bằng. Nếu có nghi hoặc thì nhất định phải giải trừ, nếu

⁹⁰ *Ngu bất khả cập*

không thì sẽ thành chướng ngại. Người thượng trí nghe một hiểu ngàn, vừa tiếp xúc liền thông đạt, liền hiểu rõ, một tí nghi hoặc gì cũng chẳng có, cho nên rất dễ thành tựu.

d. Kết luận

Chúng ta phải hiểu rõ sự khác biệt giữa nguyện lực và dục vọng một cách rõ ràng, lọt vào dục vọng tức là tạo nghiệp tam ác đạo, đó là tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi. Nên biết dùng tâm luân hồi để tu học Phật pháp thì cũng là nghiệp luân hồi, dùng tâm luân hồi để niệm A Di Đà Phật cũng vẫn tạo nghiệp luân hồi. Trong phần chót của cuốn ‘Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao’, Quán Đảnh pháp sư nói người niệm Phật có một trăm thứ quả báo, thứ nhất là đọa địa ngục A Tỳ. Tại sao niệm A Di Đà Phật lại còn đọa địa ngục A Tỳ? Tức là tâm luân hồi, mê hoặc điên đảo, họ chẳng phải phát nguyện, chỉ vì muốn thỏa mãn dục vọng của họ, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, thiệt rất đáng sợ! Nếu người khác tạo, chúng ta cũng chẳng cần phải nói, nói ra thì sẽ kết oán thù với người, họ cũng chẳng tiếp nhận, quan trọng là tự mình phải hiểu rõ ràng, minh bạch, tự mình tuyệt đối đừng tạo, phải hết lòng trọn ý, an phận, tu hành đàng hoàng, niệm niệm đều phải tương ứng với Giới Định Huệ.

Chúng ta giảm tiêu chuẩn sinh hoạt tới mức thấp nhất, niệm niệm đều tương ứng với ngũ giới, thập thiện thì tốt lắm rồi, chân chánh giữ ngũ giới, thập thiện đến cứu cánh viên mãn thì có thể thành Phật, sự trì giới của bạn sẽ được viên mãn, tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chắc thật niệm Phật, đời này chắc chắn sẽ thành tựu. Giới thiệu pháp môn mà mình thành tựu cho chúng sanh có duyên, đây tức là tự hành hóa tha. Ngoài những chuyện này ra thì buông xuống hết thảy, đừng tiếp tục khởi vọng tưởng nữa. Đừng nghĩ mình phải xây một đạo tràng to lớn, phải tiếp dẫn rất nhiều chúng sanh; chúng sanh thì cũng sẽ tiếp dẫn, nhưng chẳng biết là tiếp dẫn đến nơi nào? Chư vị phải bình tĩnh tư duy, quan sát thì mới hiểu được chân tướng sự thật.

5. Nói về xây dựng đạo tràng (Buổi sáng 13-4-99)

a. Xây đạo tràng

Một vị đồng tu ở Tân Hoàng Đảo hy vọng xây dựng một tự viện Tịnh Tông ở địa phương đó. Sự tu học và hoằng dương Phật pháp ở thời đại này, công năng của tự viện dần dần giảm bớt, có hiệu quả lớn nhất là lợi dụng kỹ thuật truyền bá thông tin tân tiến. Năm xưa lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế chẳng có xây dựng tự viện đạo tràng, phương thức sanh hoạt của Ngài là du hóa nhân gian, chẳng ở một nơi nhất định, đây là việc mà ngày nay chúng ta gọi là ‘cơ hội giáo dục’, hiệu quả rất cao, rất đáng để chúng ta suy tư.

Kinh điển ghi chép những đệ tử thường tùy chúng của đức Phật gồm có một ngàn hai trăm năm mươi người, họ đi theo đức Phật trong thời gian ngắn cũng có tám đến mười năm, thời gian dài là đi theo cả đời. Họ chính là người kế

thừa Phật pháp, nhân tài hoằng pháp được bồi huấn như vậy. Có đạo tràng thì sẽ có rất nhiều chuyện lắt nhắt trong thế tục, những chuyện này sẽ làm loạn tâm thanh tịnh. Có thể giữ gìn tâm thanh tịnh mà chẳng bị xen tạp trong khi quản lý người, sự, vật là một việc hầu như không thể nào làm được. Thế Tôn làm ra khuôn mẫu cho chúng ta xem, tốt nhất là không có đạo tràng, không có đạo tràng mà đi tìm đạo tràng là tự mình đi tìm rắc rối.

Sự hành trì của Phật, Bồ Tát và Tổ sư đại đức là tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Trong bốn mươi mấy năm kinh nghiệm của tôi cũng cảm nhận được, những vị cùng chung xuất gia với tôi chẳng ít, người giảng kinh thuyết pháp chỉ có một mình tôi. Tuyệt đối chẳng phải tài trí của tôi vượt trội người khác, nguyên nhân là vì họ có đạo tràng, phải quản lý người, quản lý sự, quản lý tiền bạc, lao tâm mệt óc, đối với việc hoằng pháp lợi sanh, tự hành hóa tha sanh ra chướng ngại. Lợi điểm của tôi chính là chẳng quản lý người, chẳng quản lý sự việc, chẳng quản lý tiền bạc, chẳng có đạo tràng, cả đời đều ở nhờ tại đạo tràng của người khác, chỉ làm khách chứ không làm chủ. Làm chủ rất mệt, làm khách rất tự tại. Giống như chúng ta ở khách sạn, chủ khách sạn là ông chủ, họ chẳng tự tại, khách trọ ở khách sạn rất tự tại. Chúng ta nên có một thái độ: đến thế gian này chỉ là để làm khách, chẳng mong lập nhà, chẳng mong ‘cắm dùi’ ở nơi đây, được vậy thì bạn sẽ được tự tại. Thế nên cả đời chúng ta học Phật, tùy duyên chứ không phan duyên.

b. Quay lại là bến bờ

Xây dựng quan niệm, sanh khởi lòng tin nhất định phải có nhận thức và lý giải tương đương đối với giáo lý, cho nên đọc kinh nghe pháp rất quan trọng. Ngạn ngữ có nói: *‘Ba ngày không đọc sách, mặt mày dễ ghét’*, câu này là nói người đọc sách thời xưa, ba ngày không đọc sách thánh hiền, thì phiền não tập khí liền khởi lên. Học Phật cũng vậy, nếu mấy ngày không đọc kinh, không nghe kinh thì phiền não tập khí cũng sẽ khơi dậy, tùy thuận phiền não tập khí thì chắc chắn sẽ đọa lạc. Phiền não tập khí chính là tâm luân hồi, phiền não tập khí làm chủ cho nên hết thấy tư tưởng kiến giải, ngôn ngữ hành vi đều tạo nghiệp luân hồi, quả báo tương lai chắc chắn sẽ ở trong lục đạo luân hồi. Từ vô thủy kiếp đến nay chúng ta chưa từng giác ngộ qua.

Tâm thiện, hạnh thiện thì tương lai sẽ sanh lên trời, cõi trời có hai mươi tám tầng cũng chẳng thoát ra khỏi lục đạo luân hồi. Thọ mạng trên trời dài hơn nhân gian, đợi đến lúc thọ mạng chấm dứt, những chủng tử tập khí ác ẩn chứa trong A Lại Da Thức sẽ làm cho bạn đọa lạc. Cho nên sẽ chẳng siêu việt lục đạo luân hồi, tu học như vậy trong Phật pháp chẳng kể là có thành tựu. Thành tựu thấp nhất trong Phật pháp là siêu việt lục đạo luân hồi, đây là Tiểu Quả Thanh Văn, thuộc về thành tựu nhỏ. Thoát ly thập pháp giới mới kể là thành tựu lớn. Chúng

ta là phạm phu, tội nghiệp sâu nặng, trong đời này có thể đạt được thành tựu lớn hay không? Câu trả lời chắc chắn là được. Tội nặng hơn cũng không sợ, chỉ cần có thể giác ngộ, có thể quay trở lại, đúng như câu ‘quay đầu là bến bờ’. Trong kinh Phật nói tội Ngũ nghịch Thập ác quay trở lại cũng có thể thành tựu. Ngũ nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp Tăng, tạo những tội nặng như vậy nếu [sám hối] quay đầu lại cũng có thể đạt được thành tựu thù thắng ngay trong đời này.

Có rất nhiều đồng tu nghi hoặc, tạo tội nặng như vậy làm sao có thể thành tựu cho được? Tạo tội nghiệp là mê hoặc nhất thời, sau khi giác ngộ thì tội này sẽ tiêu mất. Trong kinh Phật ví tội nghiệp như bóng tối, giác ngộ ví như ánh sáng, ‘phòng tối ngàn năm’ là thí dụ gian phòng tối tăm suốt một ngàn năm chẳng có ánh sáng, đây là tạo tội nghiệp rất lâu dài, rất sâu, nhưng khi thắp một ngọn đèn lên thì bóng tối liền tiêu mất. Phật pháp quý ở trí huệ, giác ngộ, đừng nên thường nghĩ mình tạo tội nghiệp, vì mỗi lần suy nghĩ thì cũng như tạo tội thêm một lần. Phật dạy chúng ta phải chuyển đổi tâm niệm trở lại, hãy nghĩ đến Phật, đến Bồ Tát, đây là một chuyển biến to lớn, như vậy mới là quay về.

Từ đâu quay lại? Từ mê quay trở lại, nghĩ về giác ngộ. Chư Phật, Bồ Tát là người giác ngộ rốt ráo viên mãn, chúng ta thường nghĩ đến Phật, thường học theo Phật mới đúng. Thường nghĩ về mình là sai lầm, thường nghĩ đến hết thầy chúng sanh là giác ngộ. Các bạn phải bình tĩnh suy tư, quan sát, để hiểu rõ đạo lý sự thật này, hiểu rõ thì sẽ yên tâm, mạnh dạn đi làm. Chẳng vì mình, chỉ vì xã hội, vì chúng sanh, chắc chắn sẽ có lợi ích. Mong muốn mình giàu thêm thì phải bận tâm, trên phương diện sanh hoạt, chuyện gì cũng phải tự lo lắng, lo cho mình. Nếu chúng ta niệm niệm luôn nghĩ đến xã hội, vì chúng sanh, hết thầy sẽ có người chiếu cố, chăm sóc, một tí gì cũng chẳng cần bận tâm, vậy thì tự tại biết mấy! ‘Tôi vì người ta, người ta vì tôi’ là chuyện đương nhiên, đạo lý chân thật. Người thế gian thường nói đến ‘chân lý’, đây chính là chân lý. *Học Phật chẳng qua chỉ là làm một sự chuyển biến mà thôi, ‘Chuyển ác thành thiện’, ‘Chuyển mê thành ngộ’, ‘Chuyển phạm thành thánh’.*

c. Trí huệ

Có năng lực phân biệt tà chánh, thị phi, thiện ác, lợi hại là trí huệ. Thông minh trong thế gian là ‘thế trí biện thông’, chẳng có khả năng phân biệt những thứ này. Người Trung Quốc có trí huệ,. Khoa học kỹ thuật phát minh sớm nhất là ở Trung Quốc, thời đại Vương Mãng, người Trung Quốc đã nghĩ muốn học phi hành. Gia Cát Lượng phát minh Trâu Gỗ Ngựa Máy, tàu chuyên chở cơ giới hóa. Tại sao người Trung Quốc chẳng tiếp tục phát triển? Vì họ có trí huệ, biết được sự phát triển khoa học kỹ thuật sẽ đem lại ảnh hưởng phụ cho con người, nếu muốn thế giới bình trị lâu dài, không thể chú trọng trên sự phát triển khoa học kỹ thuật. Người tây phương chẳng có cái nhìn xa này, lao đầu vào sự phát triển khoa học kỹ thuật, tài nguyên thiên nhiên của địa cầu cơ hồ đều kiệt tận mau chóng. Dùng hết thì thế giới hủy diệt, phát triển khoa học kỹ thuật đến cuối cùng là cả

thế giới phải cùng nhau diệt vong. Cho nên người chân chánh có trí huệ sẽ chẳng làm những chuyện này.

d. Khôi phục bản năng

Thế Tôn, chư Phật, Bồ Tát có trí huệ cứu cánh viên mãn, các Ngài biết về sự phát minh của người hiện đại còn rõ hơn chúng ta, trong kinh Phật cũng có lý luận tri thức khoa học kỹ thuật. Phật pháp chẳng phát triển từ phương diện cơ giới bên ngoài, mà phát triển từ thiền định nội tâm. Hiện nay khoa học kỹ thuật còn chưa làm được việc phân thân, chúng ta từ đây muốn đi Mỹ phải ngồi máy bay, còn người có công phu thiền định thâm sâu có thể phân thân. Đây chẳng phải là lời thần thoại, đều là sự thật, chúng ta có thể thấy được trong kinh điển, chuyện ngắn, bút ký của người đời xưa càng ghi nhiều nữa. Trong ‘Tây Du Ký’, Tôn Ngộ Không bảy mươi hai phép biến chỉ là tiểu thần thông, chẳng đáng nói. Chuyện này có thể xảy ra không? Có thể lắm, vì đây là bản năng, đây là ‘Thần túc thông’, là một trong sáu thứ thần thông thường nói đến trong Phật pháp. Sáu thứ thần thông đều là bản năng của chúng ta, tại sao bản năng lại mất hết? Vì có ba chướng ngại to lớn: vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, che lấp mất trí huệ đức năng. Khi bản năng hiện tiền thì mới được đại tự tại.

Phật dạy chúng ta khôi phục bản năng, mất chúng ta có thể thấy chẳng bị chướng ngại, tận hư không, trọn khắp pháp giới đều có thể nhìn thấy rõ ràng, minh bạch. Những gì nói trong kinh chúng ta đều xem như thần thoại, đều coi như khả năng của chư Phật, Bồ Tát, chẳng phải của chính mình, cho nên chúng ta tu hành chẳng thể nhập vào cảnh giới của Phật. Tôi thường khuyên các bạn đồng tu, từng ly từng tí nói trong kinh đều là chuyện của chính bản thân chúng ta, đều là trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta. Khả năng của Phật hiện tiền, khả năng của chúng ta chẳng thể hiện tiền, như vậy là có chướng ngại, dẹp chướng ngại thì khả năng của chúng ta sẽ khôi phục trở lại. Phật hy vọng mỗi người đều khôi phục đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, không gian sinh hoạt sẽ mở rộng đến tận hư không, trọn khắp pháp giới, đâu phải chỉ là phạm vi nhỏ nhoi này đâu!

e. Tầm quan trọng của việc nghe kinh

Cho nên không thể không đọc kinh, không nghe giảng. Phải nghe cho nhiều, cho thường xuyên, đừng gián đoạn, nghe suốt ba năm, năm năm thì bạn sẽ giác ngộ, hiểu rõ, nhà Phật thường gọi là ‘khai ngộ’. Nếu có nghi hoặc thì tồn nghi, không cần hỏi, cứ tiếp tục nghe kinh không ngừng, sẽ có một ngày nghe đến lúc nghi hoặc đều mất hết, đó gọi là có chỗ ngộ. Thế nên tiểu nghi có tiểu ngộ, đại nghi có đại ngộ, nghi hoặc không cần phải đi hỏi người khác liền, dù người ta giải thích cho bạn thì bạn cũng chẳng khai ngộ; không những chẳng khai ngộ mà lại còn gây thêm chướng ngại cho sự khai ngộ, chắn ngang cánh cửa khai ngộ. Nếu tự mình hiểu rõ, tự mình giác ngộ thì đó là của mình; những gì người khác nói, nghe xong hình như đã hiểu nhưng không rõ, chớp mắt liền mê hoặc. Đây là thái độ cầu học, chúng ta phải hiểu rõ.

Vài năm gần đây, tôi đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nghe kinh, vì có rất nhiều bạn đồng học tu tập lâu năm vẫn bị thoái chuyển, công phu không đắc lực, nguyên nhân là vì không hiểu thấu triệt, vọng tưởng quá nhiều, cho nên chẳng thể xây dựng lòng tin, tâm nguyện. Muốn giải quyết vấn đề này thì phương pháp duy nhất là phải nghe kinh. Tôi nghĩ đến tại sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni mỗi ngày đều giảng kinh trong suốt bốn mươi chín năm, đạo lý là như vậy. Thế Tôn dặn dò cặn kẽ, phó chúc kỹ càng muốn chúng ta phải ‘*thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói*’. Y giáo phụng hành là thọ trì, thọ trì vẫn phải đọc tụng hằng ngày, nếu không đọc tụng hằng ngày, không nghe kinh hằng ngày, thì thọ trì sẽ thoái chuyển. Vì người diễn nói là ‘hóa tha’; diễn là biểu diễn, làm ra khuôn mẫu cho người ta coi; nói là giải thích cho người ta, toàn thân thuyết pháp, đó thực sự là đem lại lợi ích cho chúng sanh. Nếu chỉ biết nói, chẳng biết làm thì cũng không được; phải tự mình làm được, thì mới có thọ dụng thật sự.

f. Xây túp lều tranh

Nếu muốn xây dựng đạo tràng tôi đề nghị xây những túp lều tranh nhỏ, đừng xây tự viện, hao tiền hao sức. Bạn ra ngoài quyên góp là phải chịu trách nhiệm nhân quả. Nhà Phật nói rất hay:

*‘Một hạt gạo của thí chủ
To như núi Tu Di
Đời này không chứng đạo
Mang lông đội sừng trâu’⁹¹*

Nếu bạn không thể thành tựu, tương lai phải trả nợ. Ngày nay bạn quyên góp được rất nhiều, tương lai trả nợ rất khổ nhọc, phải biết đạo lý ‘*không mắc nợ cả người khỏe re*’, thế nên tuyệt đối đừng mắc nợ. Hết thầy đều phải thành tựu một cách tự nhiên, đừng nên có một tơ hào miễn cưỡng, như vậy mới tốt.

6. Ba thứ chân thật (Buổi sáng 15-4-99)

Phật pháp là trí huệ chân thật, kinh Vô Lượng Thọ giảng đến ba thứ chân thật, đây là trung tâm của toàn bộ sự tu học Phật pháp.

Thứ nhất ‘*Khai mở hiển thị chân thật Tế*’⁹², câu này giải thích rõ Phật giáo là gì. Khai là khai đạo - dạy dỗ, nhà Phật nói là ‘khai thị’, cũng tức là giảng giải, thuyết minh. Giảng rõ ràng, nói rõ ràng, thì tư tưởng quan niệm của thính chúng sẽ thay đổi, đó là thành quả của sự giáo học, dạy dỗ. Giảng những gì? Trong tâm của thính chúng biến đổi những gì? ‘Chân thật chi tế’. Chân thật chi tế nói theo

⁹¹ ‘Thí chủ nhất lạp mễ
Đại như Tu Di sơn
Kim sanh bất liễu đạo
Phi mao đới giác hoàn’

⁹² (*Khai hóa hiển thị chân thật chi tế*)

cách bây giờ là ‘chân lý’, cũng tức là ‘chân tướng của vũ trụ nhân sanh’, đây là giáo học của Phật giáo, mục tiêu chung của sự tu học.

Hoàn toàn hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh thì xưng là ‘Phật’; tuy hiểu rõ nhưng chưa được viên mãn thì xưng là ‘Bồ Tát’. Do đó có thể biết Phật, Bồ Tát chẳng phải là người, cũng chẳng phải là thần linh, Ngài chẳng là gì hết, nhưng cái gì cũng là Ngài hết, trong nhân gian thì Ngài hiện thân người, trên trời thì hiện thân người trời, trong cõi súc sanh thì hiện thân súc sanh, trong cõi ngạ quỷ thì hiện thân ngạ quỷ, trong pháp giới nào thì hiện thân ấy, nhưng trình độ tu học của các Ngài thì đích thật là Phật, Bồ Tát. Thân tướng thị hiện trong thập pháp giới chẳng giống nhau, tộc loại khác nhau, đó là Dị (khác nhau); nhưng cảnh giới mà Ngài khê nhập đích thật hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, đó là Đồng; ‘Đồng chẳng ngại cho Dị, Dị chẳng ngại cho Đồng’. Cũng giống như giáo học hiện đại, thí dụ bạn đậu được bằng Tiến sĩ, bạn đi làm việc trong chánh quyền thì chức vị là quan viên chánh phủ; còn một người cũng đậu cấp bằng Tiến sĩ đi bán đậu hủ, là chủ tiệm bán đậu hủ (*đậu phụ*); tuy thân phận khác nhau nhưng đều là Tiến sĩ. Tiến sĩ là Đồng; thân phận, địa vị, công việc chẳng đồng, như vậy tức là ‘*Trong Dị có Đồng, trong Đồng có Dị, Dị chẳng ngại Đồng, Đồng chẳng ngại Dị*’. Kết cấu của hết thảy chúng sanh trong vũ trụ đều là hiện tượng này.

Trong xã hội chúng ta đóng vai trò gì thì nhất định phải rõ ràng. Thân phận của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một người làm công tác giáo dục nghĩa vụ xã hội, hơn nữa chẳng cần trả lương, hoàn toàn thiện nguyện; đệ tử của Phật thì cũng phải vậy. Đệ tử Phật buông bỏ công việc đáng làm của mình, đây là hiện tượng xảy ra trong thời cận đại, chuyện này mới xảy ra trong vòng hai trăm năm gần đây. Những năm đầu đời nhà Thanh, người xuất gia vẫn còn làm việc giáo học; kể từ giữa đời Thanh trở đi mới biến thành Kinh Sách Phật sự, làm pháp hội. Hiện nay giáo học Phật pháp cơ hồ đã chẳng còn tồn tại nữa, những gì chúng ta thấy được hiện nay đều là Phật giáo đã biến hình, đó gọi là Phật giáo [như một] tôn giáo. Cho nên người ta nói Phật giáo là tôn giáo, chúng ta không thể không thừa nhận, hình tướng này đích thật là tôn giáo, đây là Phật pháp đã biến chất, chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

Muốn khôi phục lại bộ mặt nguyên thủy của Phật giáo, khôi phục lại giáo dục xã hội thì Phật pháp mới có thể quảng độ chúng sanh. ‘Độ’ nói theo ngôn ngữ hiện nay tức là giúp đỡ, giúp đỡ hết thảy chúng sanh; ‘Quảng’ là phổ biến, chẳng phân chia tộc đoàn, chẳng phân chia chủng tộc, thập pháp giới đều giúp đỡ một cách bình đẳng. Vả lại tuyệt đối là giúp đỡ tình nguyện, chẳng mong cầu những cá nhân được giúp đỡ này đáp trả, trong tâm vĩnh viễn giữ được chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, đây là tự giác.

Gần đây tôi thường nghĩ xây cất đạo tràng tuyệt đối là sai lầm. Thế Tôn cả đời chẳng xây dựng đạo tràng, Bồ Tát, A La Hán chẳng xây dựng đạo tràng, các vị Tổ sư đại đức cũng chẳng xây dựng đạo tràng. Tại sao vậy? Chẳng xây đạo tràng thì tâm ở tại đạo; một khi đã xây đạo tràng thì tâm liền biến đổi. Cho nên chẳng có đạo tràng thì tâm an trụ trên Phật đạo, Bồ Tát đạo; một khi đạo tràng

xây xong thì tâm an trụ trên ‘luân hồi đạo’. Ai có thể xây cất đại đạo tràng? Cư sĩ tại gia. Họ xây dựng đạo tràng rồi cúng dường, chúng ta có thể tiếp nhận nhưng tự mình tuyệt đối không thể xây cất.

Liên Trì đại sư làm một tấm gương rất tốt cho chúng ta, lúc ban đầu Ngài thấy hoàn cảnh ở núi Vân Thê rất tốt nên tự mình dựng lều tranh tu hành tinh tấn nơi ấy. Sau đó người ta phát hiện Ngài là người có đạo đức, có học vấn, muốn thân cận Ngài, nên cũng dựng lều tranh ở kế bên. Sau đó một số quan lớn, Tể tướng, trưởng giả giàu có biết nhiều cao tăng đại đức ở nơi ấy tu hành, nên mới [phát tâm] xây đại điện, phòng ốc, từ đó nơi ấy mới trở thành một ngôi tông lâm. Liên Trì đại sư và những người cùng chung tu hành ở núi đó không những chẳng nhọc tâm này, ngay cả tâm niệm cũng chẳng khởi, thế nên đạo tràng ấy là tự nhiên hình thành. Tự nhiên hình thành thì chẳng mất tâm thanh tịnh. Tuy đạo tràng đã hình thành, trong tâm người tu hành chẳng chấp trước một mảy tơ, có thể buông xuống, vẫn giữ được chẳng mất tâm thái lúc trụ ở lều tranh xưa kia, chút tơ hào lưu luyến cũng chẳng có.

Đạo tràng tại Dallas của chúng ta cũng là tự nhiên hình thành, chưa từng hóa duyên. Thành tựu của đạo tràng này là phước báo của người ở tiểu bang Đức Châu (Texas). Chúng ta giúp đỡ và thành tựu cho việc này, nhưng đối với việc này chẳng lưu luyến; nếu lưu luyến đạo tràng thì sẽ chẳng thể vắng sanh. Đạo tràng của người chân chánh tu hành ở đâu? Tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là đạo tràng, tự tại biết bao! Còn đạo tràng của tôi là những máy móc này, tôi đi đến đâu thì máy móc cũng đi theo, mỗi ngày tôi giảng kinh đều phát hình, phát thanh trên mạng lưới điện toán (internet), đó là đạo tràng vậy.

Đạo tràng là tận hư không, trọn khắp pháp giới, chúng ta phải xây dựng quan niệm này. Quan niệm này tức là ‘*Trụ chân thật huệ*’ trong ba thứ chân thật. Có thể trụ chân thật huệ, có thể hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, sau đó mới có thể làm được điều chân thật thứ ba ‘*ban cho lợi ích chân thật*’; giúp đỡ người khác, bố thí lợi ích chân thật, cúng dường cho đại chúng. Ba thứ chân thật này trong kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trong cuốn Chú Giải đặc biệt nhắc nhở chúng ta phải chú ý. Ba thứ chân thật này đại biểu cho toàn bộ Phật pháp, không những Phật pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chẳng tách lìa ba thứ chân thật này, những gì thập phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai tu chứng và hoằng dương cũng chẳng ra ngoài ba thứ chân thật này.

Hai mươi mấy năm về trước, pháp sư Tây Trần ở Hương Cảng đã từng đến Đài Loan thăm tôi. Tôi đề nghị với thầy, chúng tôi tìm năm vị tỳ kheo thật sự chí đồng đạo hiệp, đến khắp nơi trên thế giới hoằng pháp lợi sanh. Mỗi người chúng tôi vác theo một cái lều nhỏ, ban đêm dựng năm cái lều này với nhau. Năm xưa Thế Tôn ngủ dưới gốc cây, ngày nay thế lực chúng ta chẳng làm nổi cho nên phải ở trong lều. Thầy nghe xong rất hoan hỷ, nhưng sau đó thì cũng tầm hơi bật tiếng. Đó là đời sống người xuất gia phải nên sinh sống, là sinh hoạt trì bát [khất thực].

Ở Lương Hương, Trung Quốc tôi có một miếng đất, diện tích là hai ngàn ba trăm mẫu, Lương Hương sản xuất đá gạch nên chúng ta lấy tài nguyên nơi đó xây nhà bằng đá. Mỗi người xây một gian nhỏ, cách xa nhau khoảng chừng ba đến năm phút đi bộ. Trong đó chỉ cung cấp nước, không cung cấp điện, không có điện thoại, như vậy con người sẽ thanh tịnh. Ban đêm đốt đèn cầy để bạn phải ngủ sớm, thức sớm; trời tối rồi thì đi ngủ, trời chưa sáng liền thức dậy làm công phu sáng. Lớp học ở tại một phòng lớn có nhiều công năng; lay Phật, cùng tu tập, sinh hoạt tại một trung tâm hoạt động được đặt tên là ‘Lục Hòa Đường’. Đạo tràng có rất nhiều cây ăn trái, có đến vài ngàn cây, do đó đạo tràng được đặt tên là ‘Thiện Quả Lâm’, trồng thiện nhân được thiện quả. Chỉ cần phát tâm chân thật, mọi việc đều có Tam Bảo gia trì, long thiên ủng hộ.

7. Hết thầy pháp vô ngã (Buổi sáng 22-4-99)

a. Vô Ngã Vô Pháp

Trong Linh Phong Tông Luận, có đoạn Ngẫu Ích đại sư khai thị về ‘vô ngã’ rất đáng cho chúng ta học tập. Đại ý là nói hết thầy chúng sanh từ vô thị kiếp đến nay ngộ nhận có một cái Ta nên từ đó phân biệt Ta, chấp trước Ta. Bởi vì sự nhận biết sai lầm này nên mới biến Nhất Chân pháp giới thành lục đạo luân hồi; [mãi trôi lăn] trong luân hồi, tri kiến này ngày càng sâu dày, chẳng thể phá vỡ, nên mới khởi Hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Thế nên nguyên nhân căn bản chúng sanh luân hồi trong lục đạo chính là sự nhận thức sai lầm ấy. Trong hết thầy kinh luận bát luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiền Giáo hay Mật Giáo, đức Phật đều thường giảng về Vô Ngã và Vô Pháp. Điển tịch nhập môn của Tướng Tông, tôi nghĩ rất nhiều đồng tu đều đã đọc qua, Bách Pháp Minh Môn Luận mọi người đều đã đọc qua. Văn tự trong bộ luận này tuy chẳng nhiều nhưng chú giải của nó rất phong phú, trong Tục Tạng đã có sáu bản chú giải, còn rất nhiều chú giải chẳng được ghi trong ấy. Những gì bộ luận này nói chính là ‘*Hết thầy pháp vô ngã*’. Hết thầy pháp là gì? Vô ngã là gì? Trong Du Già Sư Địa Luận, Di Lạc Bồ Tát quy nạp hết thầy pháp thành sáu trăm sáu mươi pháp. Thiên Thân Bồ Tát lại quy nạp sáu trăm sáu mươi pháp này thành một trăm pháp, tiện lợi cho người sơ học, một trăm pháp này mở rộng ra tức là vô lượng vô biên hết thầy pháp. Trong hết thầy pháp này vô ngã, không những người vô ngã, pháp cũng vô ngã. Cho nên vừa nhập môn vào Tướng Tông thì liền phá hai thứ ngã chấp và pháp chấp, nếu phá được hai thứ chấp trước này thì bạn sẽ nhập vào cánh cửa Đại Thừa, như vậy mới kể là đã nhập môn.

Do đó có thể biết ngày nay chúng ta tu học chẳng nhập môn nổi, và cũng chẳng biết cánh cửa này ở đâu, chúng ta có tâm tìm cầu, cũng rất hết lòng nỗ lực, nhưng rốt cuộc cũng chẳng nhập môn được. Trong kinh luận đức Phật nói với chúng ta rất rõ ràng, đề ra thì hình như chúng ta đều hiểu rõ, tại sao vẫn chẳng thể nhập môn như cũ? Đó là vì chẳng buông xuống. Đọc thì đã đọc rồi, nghe thì cũng nghe rồi, nhưng chẳng thực hiện được. Muốn buông xuống thiệt chẳng phải dễ,

tại sao vậy? Trong kinh Phật nói rất rõ: tập khí từ vô thị kiếp đến nay chứ chẳng phải chỉ một đời này mà thôi, đã mê chấp từ nhiều đời nhiều kiếp về trước. Người như thế nào mới có thể buông xuống? Có hai hạng: một là thượng căn, lợi trí (*trí óc lanh lợi*), hai là thiện căn phước đức sâu dày; khi họ vừa nghe, vừa tiếp xúc liền thật sự tin tưởng, thật sự hiểu rõ lợi ích của sự buông xuống, họ chịu [buông xuống]. Người căn tánh trung hạ thì khó hơn, hình như họ hiểu nhưng thật sự chẳng hiểu, họ vẫn tạo nghiệp, vẫn thọ báo như cũ; chúng ta là những người này. Hạng người này chỉ có một phương pháp cứu nổi, đó chính là nghiêm trì giới cấm, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trừ cách này ra không thể cứu nổi! Tuy có vô lượng pháp môn, pháp môn bình đẳng, nhưng chẳng khế hợp căn cơ của chúng ta; chúng ta khổ công tu học nhưng vẫn chẳng đắc lực như cũ; so ra chẳng bằng những người chắc thật niệm Phật, bạn hãy xem tướng lành khi họ vãng sanh. Gần đây đồng tu ở Dallas nhìn thấy tận mắt, trong Phật Thất có người vãng sanh an lành, chẳng bị bệnh khổ. Những năm gần đây, ở Tân Gia Ba, ở Mã Lai Á những người niệm Phật vãng sanh chẳng ít, tướng lành vô cùng thù thắng. Trong Phật pháp có ‘Tam chuyển pháp luân’ những người này thị hiện cho chúng ta bằng cách ‘chứng chuyển’, niệm Phật vãng sanh, đây là chứng minh cho chúng ta coi. Trong kinh điển đức Phật dạy chúng ta, khuyên chúng ta, hiện nay lại có nhiều người như vậy chứng minh cho chúng ta thấy, chúng ta còn không tin nữa hay sao? Vẫn để nhân duyên này trôi qua, uổng phí hay sao?

b. Bàn về gia trì

Trong xã hội hiện nay, Phật pháp tuy rất tốt, chẳng có gì trong thế gian, xuất thế gian có thể sánh nổi, nhưng người phát tâm hoằng dương quá ít. Có rất nhiều bạn đồng học khiêm tốn và nói ‘Nghiệp chướng của tôi quá nặng, tôi chẳng có khả năng hoằng pháp lợi sanh, nếu đời này tôi có thể vãng sanh thì cũng mãn nguyện rồi’. Nói như vậy cũng chẳng thể nói là sai, nhưng cũng chẳng thể nói là đúng hoàn toàn. Sau khi bạn được lợi ích nơi Phật pháp xong rồi bạn ra đi, thế gian này chẳng có người tiếp nối, thế thì chẳng phải Phật pháp đã đoạn dứt trong đời của bạn hay sao? Từ khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni sáng [lập] giáo [đoàn] đến nay, đã truyền sang nhiều thế hệ [liên tục nên] chúng ta mới có duyên phận gặp được Phật pháp, đến đời này của chúng ta lại bị đoạn dứt, như vậy thì làm sao chẳng có lỗi đối với chư Phật, Bồ Tát cho được? Làm sao chẳng có lỗi đối với chư vị Tổ Sư Đại Đức? Đức Phật hiểu rõ tâm lý của những người này nên trong kinh thường khuyên chúng ta, không những phải tự hành mà còn coi trọng hóa tha, giúp đỡ người khác. Nếu tôi chẳng có trí huệ, chẳng có khả năng, phiên nào tập khí còn rất nặng, nhưng tôi phát tâm rộng lớn, xả mình vì người để làm sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh thì nhất định sẽ được chư Phật Như Lai gia trì.

Nói thật ra, chư Phật Như Lai gia trì một cách bình đẳng cho hết thảy chúng sanh; có người có thể nhận được sự gia trì còn người khác lại chẳng nhận được, vấn đề chẳng ở phía chư Phật mà ở phía chúng ta, vấn đề là chúng ta có chịu tiếp nhận oai thần của Như Lai gia trì hay không? Làm thế nào mới tiếp nhận được?

Tâm hạnh cùng Phật tương ứng thì sẽ tiếp nhận được; trái ngược với Phật thì sẽ tiếp nhận không được, Phật sẽ gia trì không được, đạo lý là ở tại chỗ này. Nếu tâm nguyện của chúng ta tương ứng với Phật, sức gia trì chúng ta nhận được vẫn không rõ ràng lắm, tại sao như vậy? Nguyên nhân ở chỗ xen tạp. Chỗ tương ứng của chúng ta có xen tạp ô nhiễm, cũng như Ngẫu Ích đại sư nói: xen tạp ‘Ta và cái của Ta’ (ngã và ngã sở), nên sự tương ứng này giảm xuống thật nhiều. Nếu có thể buông xuống ‘Ta và cái của Ta’ thì sức gia trì sẽ rõ ràng vô cùng, hầu như chính mình cũng có thể cảm giác được, người có công phu cũng có thể thấy được. ‘Tâm - Nguyện - Giải - Hạnh’ của chúng ta tương ứng với Như Lai thì trong đó nhất định phải buông bỏ ‘Ta và cái của Ta’, tự mình mới có thể thực sự trở thành pháp khí, có thể tiếp nhận đại pháp của Như Lai. Cũng như chạy đua tiếp sức vậy, chúng ta phát nguyện đến thay thế, đến nhận ‘cái cây tiếp sức’ này; sau khi nhận rồi lập tức nghĩ đến phải giao cho người khác, làm cho Phật pháp có thể truyền mãi đến những đời sau, làm cho chánh pháp được trụ lâu dài trên thế gian. Pháp vận của Thế Tôn về sau còn chín ngàn năm nữa, chẳng như nhiều người nói đến năm 1999 là ngày tận thế, trong Phật pháp chẳng có cách nói như vậy, thế nên chúng ta phải có lòng tin, có nguyện lực, hết lòng nỗ lực tu học. Cơ sở tu học nhất định là tịnh giới. Đoạn mở đầu kinh Vô Lượng Thọ liền dạy chúng ta ‘khéo giữ gìn ba nghiệp’, đây là lời dạy chân thành.

c. Nhất tâm niệm Phật

Nhất tâm niệm Phật, niệm Phật là nghĩa rộng, chẳng phải nghĩa hẹp, tâm nguyện tương ứng với Phật chính là niệm Phật. Chúng ta nhìn thấy ‘Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm’, ‘Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm’ cũng được gọi là ‘Tứ Thập Hoa Nghiêm’; Thiện Tài đồng tử tham học Kiết Tường Vân tỳ kheo, pháp môn tu của Kiết Tường Vân tỳ kheo chính là pháp môn Niệm Phật, trong kinh được gọi là ‘Ban Chu Tam Muội’. Kiết Tường Vân tỳ kheo giảng giải cho Thiện Tài đồng tử và giới thiệu pháp môn Niệm Phật, giới thiệu hết hai mươi một loại; hai mươi một pháp môn Niệm Phật này hầu như đã bao gồm hết tất cả Phật pháp trong ấy; Trong kinh Hoa Nghiêm, *một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều chẳng hai*, Kiết Tường Vân giảng vô cùng viên mãn. Bởi vậy nên nói Niệm Phật thì pháp nào chẳng phải Niệm Phật? Nói Tọa Thiền thì pháp nào chẳng phải Tọa Thiền? Nói Trì Giới thì pháp nào chẳng phải Trì Giới? Chúng sanh chúng ta khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong những pháp này, lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì bất cứ pháp nào cũng là Phật pháp viên mãn, như vậy mới có thể thành vô thượng đạo. Chẳng giống như người thế gian, chúng ta tu Tịnh, Tịnh chẳng phải Thiền, Thiền chẳng phải Giới, Giới chẳng phải Mật, chúng ta ngăn chia ranh giới rõ ràng như vậy nên từ đầu đến cuối đều chẳng thể thâm nhập. Bất luận là tu học pháp môn nào đều chẳng thể thành tựu, tâm chẳng thanh tịnh, chúng ta từ đầu đến cuối đều chẳng đạt được Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác. Nguyên nhân ở tại chỗ nào, biết hay chẳng? Lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì bất luận là tu học pháp môn nào đều đạt được Thanh Tịnh, Bình

Đẳng, Giác. Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng tức là cứu cánh viên mãn đại Bồ Đề, đại Niết Bàn.

Từ đó có thể biết gốc bịnh của chúng ta là phân biệt, chấp trước, trong kinh Kim Cang, Kinh Bát Nhã nói đến ‘chấp tướng’, gốc bịnh ở tại chấp tướng. Chúng ta phải dùng: lìa hết thấy tướng, tức hết thấy pháp, dùng phương pháp này để đối trị. Làm thế nào lìa tướng? Chúng ta cũng chẳng biết. Dù cho bạn có biết đi nữa, biết đạo lý và phương pháp, thật ra cũng chẳng thực hiện được trong đời sống hằng ngày, chẳng làm nổi! Tổ sư đại đức dạy chúng ta niệm Phật, khi phân biệt chấp trước vừa khởi lên, lập tức dùng một câu A Di Đà Phật phủ kín nó, đây là công phu ban đầu; công phu lên thêm một chút nữa thì câu A Di Đà Phật này hóa giải nó, đây là công phu bậc thứ nhì; lên thêm một bậc nữa thì câu A Di Đà Phật này viên dung rồi. Cùng niệm một câu A Di Đà Phật, công phu của mỗi người chẳng giống nhau, phương pháp này rất tốt! Thiện Tài tham vấn vị thiện tri thức thứ nhất dùng phương pháp này. Thứ tự sắp xếp trong Phật pháp đều có ý nghĩa, chẳng phải tùy tiện sắp đặt. Vị thiện hữu thứ nhất trong năm mươi ba lần tham vấn là ‘Pháp môn Niệm Phật’, vị thiện hữu sau cùng, Phổ Hiền Bồ Tát ‘Thập đại nguyện vương, dẫn về Cực Lạc’, các bạn xem như vậy có ý nghĩa gì? Từ đầu đến cuối đều là một câu A Di Đà Phật này niệm đến cùng. Không những phải niệm Phật, sau cùng còn phải yêu cầu vắng sanh tâm phương Tịnh Độ, Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, chư vị nghĩ xem đó là ý nghĩa gì? Hy vọng chúng ta từ chỗ này có thể lãnh ngộ.

8. Phong thủy và vận mạng (Buổi sáng 26-4-99)

a. Phong thủy và vận mạng

Nhà Nho nói ‘Đạo của phu tử chỉ là trung hậu, khoan thứ mà thôi’⁹³. Nhà Phật nói: ‘Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa’, quan niệm chánh nói trong nhà Nho và nhà Phật đích thật có thể giúp đỡ hết thấy chúng sanh đạt đến nguyện vọng hạnh phúc mỹ mãn.

Phàm phu nhất định sẽ phải chịu ảnh hưởng của sự vật bên ngoài, phàm phu có phân biệt, chấp trước cho nên lọt vào trong vận mạng. Vận mạng có thể đoán được, Liễu Phàm Tứ Huấn nói về những đạo lý này rất rõ ràng. Thế nên lúc khởi tâm động niệm mà có phân biệt chấp trước thì sẽ chẳng thoát ra vòng chi phối của vận mạng. Vẫn còn chịu sự quyến rũ, ảnh hưởng của những sự vật bên ngoài thì tâm sẽ chuyển theo cảnh giới; tâm vẫn còn chuyển theo cảnh giới là phàm phu, như vậy thì chắc chắn sẽ có phong thủy.

Thông đạt hiểu rõ hết thấy sự vật thì gọi là thánh nhân. Thánh nhân chẳng bị vận mạng chi phối vì họ đối với tất cả người, sự, và vật trong thế gian và xuất thế gian chẳng có phân biệt chấp trước, họ đã vượt ra ngoài vận mạng. Vẫn chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh thì sẽ có phong thủy; chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh

⁹³ Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ

hường, tự mình có thể làm chủ mình là chư Phật, Bồ Tát. Kinh Lăng Nghiêm nói: *‘Nếu chuyển được cảnh giới thì cũng giống như Như Lai’*, có năng lực không bị cảnh giới chuyển, lại có thể chuyển cảnh giới tức là thánh nhân. Sự khác biệt giữa phàm và thánh là ở tại chỗ này.

Chúng ta không có năng lực chuyển biến cảnh giới nên phải lựa chọn những hoàn cảnh tốt, có ích cho sự tu học của mình; người xưa lúc công phu chưa thành tựu đều chọn ở trong núi sâu, đầm lớn. Phần đông các tông lâm đạo tràng ở Trung Quốc đều được xây dựng trên núi cao, ở những chỗ giao thông chẳng thuận tiện, người ta ít lui tới, hoàn cảnh như vậy có ích cho sự tu học. Nếu chúng ta dễ bị ngoại cảnh ảnh hưởng thì phải tránh tiếp xúc, đây là cách làm thông minh, sự lựa chọn có trí huệ. Đến khi đạo nghiệp của mình có thành tựu, chẳng bị hoàn cảnh ảnh hưởng, có thể làm chủ được mình, đến lúc này xuống núi, vào đời giúp đỡ chúng sanh khổ nạn. Nếu chẳng thành tựu mà cứ đi vào xã hội, đặc biệt là xã hội ngày nay, chắc chắn sẽ mê mất chính mình, rất dễ bị đọa lạc. Không chỉ hiện tại đọa lạc trong danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, mà đời sau sẽ đọa vào ba đường ác, như vậy thì khổ lắm. Bởi vậy nên lựa chọn hoàn cảnh đối với sự học tập của chúng ta vô cùng quan trọng.

Ngày nay hoàn cảnh lớn xung quanh chẳng tốt, chúng ta phải xây dựng hoàn cảnh nhỏ tốt hơn, bảo vệ mình. Hoàn cảnh là gì? Người ngoại quốc gọi là từ trường, người Trung Quốc gọi là phong khí, cũng có thể nói từ trường của hoàn cảnh xung quanh chẳng thuận tiện cho sự tu học của chúng ta. Hiện nay hoàn cảnh ở đô thị chẳng giống như ở thôn quê, hoàn cảnh ở thôn quê còn mộc mạc, sự dục dõ quyến rũ còn ít, mức dục hoặc còn nhẹ. Những sự dục hoặc ở đô thị nhiều hơn, sức dục hoặc mạnh mẽ, nếu chẳng có công phu định huệ tương đối khá thì rất khó bảo toàn mình.

Có thể tìm được một nơi núi sông tao nhã, hoàn cảnh vắng lặng để tu học là tùy nơi phước báo của từng người. Chúng ta rất muốn ẩn cư nhưng chẳng có phước báo, tu hành ở thành thị rất khó khăn, mỗi ngày đều phải chống chọi với ngoại cảnh, phải đề cao cảnh giác từng giây từng phút, vừa sơ hở chút xíu liền bị đánh bại, liền bị đọa lạc. Nếu y theo Phật pháp mà nói thì xã hội ngày nay chỗ nào cũng là cạm bẫy, đi đâu cũng dẫn tới cửa địa ngục, có bao nhiêu người có thể cảnh giác nổi, có thể nhìn thấy, có thể phòng ngừa? Phàm những ai có thể nhìn thấy chân tướng sự thật này thì họ được cứu; nếu chẳng nhìn thấy mà nhắc nhở cũng chẳng tỉnh ngộ thì sẽ không có cách chi cứu nổi.

b. Học vi nhân sư, hành vi thế phạm

Chúng ta có trách nhiệm giữ gìn sự an định, hòa bình của xã hội, quốc gia, thế giới. Luôn luôn nghĩ cho sự hạnh phúc của chúng sanh, chẳng vì mình là hành Bồ Tát đạo. Phải luôn luôn nghĩ đến *‘Học vi nhân sư, hành vi thế phạm’*, làm gương mẫu tốt cho xã hội đại chúng. Xã hội hiện tại phạm lỗi làm gì thì chúng ta phải đối trị, giúp đỡ họ, như vậy thì phải làm ngược lại những chuyện này. Người thế gian tham hưởng danh văn, lợi dưỡng thì chúng ta phải buông bỏ danh văn,

lợi dưỡng. Người thế gian chạy theo vinh hoa phú quý thì chúng ta phải buông bỏ vinh hoa phú quý, phải thật sự làm ra khuôn mẫu cho người ta xem. Người thế gian luôn luôn muốn không chế hết thầy người, sự, vật thì chúng ta phải buông xuống những ý niệm muốn không chế này. Người thế gian luôn tìm cách chiếm lấy, tranh đoạt tất cả người, sự, vật thì chúng ta phải buông xả những tâm niệm muốn chiếm đoạt này; nếu chẳng có tâm niệm thì làm sao có hành động cho được!

Khi người khác nhìn thấy đời sống của chúng ta [có lẽ nghĩ rằng] rất cực khổ, nhưng khổ và vui chẳng có tiêu chuẩn, những gì chúng ta cảm thọ đều là niềm vui chân thật. Khi chúng ta hưởng lạc, hưởng thanh phước, thanh phước là chân lạc, là niềm vui khỏe mạnh. Người thế gian hưởng thọ niềm vui của ngũ dục lục trần, đó là ma túy, niềm vui của sự hút thuốc phiện, là niềm vui bệnh hoạn, chẳng bình thường! Chỉ trong chớp mắt, quả báo sẽ chẳng thể tưởng tượng nổi. Lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát, và thánh triết thế gian đều là lời vàng ngọc. Trong xã hội hiện nay đích thật có nhiều người bị danh lợi, vật dục làm mờ mắt, mê mất phương hướng, tìm đủ mọi cách tranh giành danh văn lợi dưỡng, hưởng thọ vật dục, đã đến mức chẳng từ một thủ đoạn nào hết, ngay cả Phật pháp cũng bị lợi dụng. Trong kinh có ghi lại một chuyện lúc Thế Tôn còn tại thế, Ma Vương Ba Tuần khuyên Thế Tôn sớm nhập Niết Bàn, Ma thè sẽ phá hoại Phật pháp. Phật nói: *‘Phật pháp là chánh pháp, chẳng có ai có thể phá hoại nổi’*. Ma Vương đáp: *‘Đợi đến thời kỳ Mạt Pháp của ông, tôi sẽ kêu ma con, ma cháu của tôi đều xuất gia để tiêu diệt pháp của ông’*. Thế Tôn nghe xong chẳng nói một lời, rơi lệ, đứng như câu *‘ví như con trùng trên thân sư tử rủa thịt sư tử’*⁹⁴. Hiện nay là thời Mạt Pháp, trong tâm mọi người ai cũng biết rõ.

Chúng ta phải làm người đệ tử chân chánh của đức Phật, phải nghĩ nội trong một đời này phải có thành tựu thực sự, trước hết phải nhận biết căn bệnh tệ hại này, cắt đứt mầm mống của nó trong tâm chúng ta thì mới có thể thành tựu. Thực ra, Thế Tôn đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, Ngài buông bỏ hoàn toàn, sinh sống vô cùng tự tại, khoái lạc. Thế Tôn cả đời chẳng có đạo tràng, đều ở trong những túp lều tranh, Phật giảng kinh thuyết pháp ngay trên bãi cỏ, dưới bóng cây. Ngày nay chúng ta cùng nhau tu tập cũng nên khôi phục lại cách sống trong lều tranh, việc này có ích lợi rất lớn, đối với hoàn cảnh cư trú chẳng có mấy tơ lưu luyến. Nếu cư trú trong nhà cao cửa rộng, phòng ốc tráng lệ, rất thoải mái, rất an ổn thì sẽ chẳng muốn xa lìa, sẽ sanh khởi tâm tham, không chế, chiếm hữu. Tương lai lúc chết đi phải đọa làm thân súc sanh, sanh làm oán, kiến, và những loài côn trùng trong đạo tràng, như vậy thì đáng thương quá, bi thương quá!

Năm xưa lúc đức Thế Tôn còn tại thế, tăng đoàn chẳng có tổ chức hẳn hoi, chẳng có tầng tầng tiết chế, chỉ có quan hệ thầy trò. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là thầy, một ngàn hai trăm năm mươi người là học trò. Những ‘thượng thủ’ đề cập trong kinh đều là tiêu biểu pháp, chẳng phải tổ chức thật sự. Nguyên nhân họ sống vui vẻ, hạnh phúc là vì mỗi ngày đều nghe pháp, tư tưởng và kiến giải của

⁹⁴ Thí như sư tử trùng, hoàn phệ sư tử nhục

mọi người dần dần giống nhau. Giống nhau ở đây không có nghĩa là tiếp nhận tư tưởng và kiến giải của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà mỗi người đều buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình, được vậy thì tư tưởng sẽ giống nhau, đây là ‘kiến hòa đồng giải’. Chẳng phải nói “tư tưởng của Phật chính xác, chúng ta đều sai lầm hết, chúng ta phải dùng tư tưởng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm tư tưởng của mình”. Đức Phật tuyệt đối chẳng làm việc này, làm vậy là Ma. Phật tuyệt đối chẳng khống chế người, Phật dạy hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ làm Phật. Cho nên Phật pháp chân chánh tuyệt đối chẳng có tâm niệm khống chế, chiếm hữu hết thầy người, sự, vật. Nếu chúng ta có thể buông bỏ tâm niệm khống chế, chiếm hữu, phân biệt, chấp trước thì sẽ được đại tự tại, sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, Trời, Thần Tiên. Đây là việc chúng ta phải hiểu, phải hết lòng nỗ lực học tập.

Những tổ chức có hình thức hẫ hời rất dễ bị người ta lợi dụng, chẳng có tổ chức vẫn tốt hơn. Có người nói nếu không có tổ chức thì sẽ chẳng có sức mạnh, đây là sức mạnh tranh giành quyền lợi, chúng ta chẳng ham những thứ này. Chúng ta muốn được sức mạnh của Giới, Định, Huệ, sức mạnh này có thể đột phá tam giới, đoạn dứt sanh tử, có thể mở rộng không gian sinh hoạt của chúng ta đến tận hư không pháp giới, đây là trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật mới có thể giúp đỡ xã hội an định, thế giới hòa bình, hết thầy chúng sanh đạt đến hạnh phúc mỹ mãn, đây là đại từ đại bi, đây là đạo trung thứ (*trung hậu, khoan thứ*) của Không Phu Tử. Người học Phật phải có trí huệ chân chánh, đem đạo trung thứ của Không Phu Tử và đại từ đại bi của Thế Tôn thực hiện ngay trong đời này, được vậy mới chẳng thẹn làm đệ tử của thánh nhân, sống cuộc đời này mới có ý nghĩa, có giá trị.

Phụ lục 1: Đạo cư xử giữa má chồng và con dâu

Hòa thượng Tịnh Không giảng thuyết

Đệ tử cung kính chỉnh lý

Có một đồng tu học Phật trẻ tuổi nói với tôi rằng cô muốn ly hôn.

Tôi nói: ‘Tại sao cô lại có ý niệm này, đời sống có trục trặc khó khăn gì chẳng?’

Cô nói: ‘Chồng không tốt, ba má chồng không tốt, đặc biệt là ba má chồng khó quá’.

Nếu cô chẳng học Phật thì tôi không nói, đã là người học Phật thì phải biết cách đối xử giữa người với nhau, bất luận là gặp nhau một giờ, một ngày, hoặc một đời cũng vậy, hết thầy đều là nghiệp duyên từ đời trước, nếu không có duyên, dù có đối diện thì cũng chẳng gặp gỡ. Vì đã có nghiệp duyên thì phải nhẫn chịu, dù là ác duyên cũng phải nhẫn chịu, khó nhẫn cũng phải nhẫn.

Khi gặp cảnh duyên và cảm thấy khó nhẫn vì tự mình chẳng có trí huệ, phải luôn luôn nhắc nhở mình: lỗi chẳng ở tại người khác, đều ở tại chính mình. Hãy ghi nhớ kỹ lời Lục Tổ Huệ Năng dạy: *‘Nếu là người chân thật tu hành thì không thấy lỗi của thế gian’*.

Má chồng và con dâu không hợp, người con dâu có học Phật thì phải phản tỉnh ‘má chồng mình chẳng có lỗi gì hết, lỗi ở tại nơi mình’, nếu thường nghĩ như vậy tức là hành Bồ Tát đạo. Lúc nào cũng sửa sai đổi mới thì có thể cởi mở những oán kết từ đời trước.

Nếu lúc nào cũng oán trách người khác, luôn cảm thấy là lỗi của đối phương, chính mình chẳng có lỗi làm chi cả, gút mắt trong tâm ngày càng cứng chắc, đời đời kiếp kiếp cứ trả thù lẫn nhau, oan oan tương báo đến chừng nào mới dứt? Tại sao không thừa dịp này tháo mở gút mắt ra? Người có trí huệ có thể tháo gỡ gút mắt, sau khi gỡ ra thì oan gia quyến thuộc sẽ trở thành pháp quyến, như vậy thì tốt biết mấy! Thực sự độ mình và độ người, đây là sự nghiệp của Bồ Tát. Thế nên nếu gặp hoàn cảnh như vậy thì phải biết đây là cơ duyên tốt để mình hành Bồ Tát đạo.

Tu hành không phải là mỗi ngày chỉ niệm kinh, lạy Phật, gõ mõ, đó đều là hình dáng bề ngoài mà thôi; thực chất phải ở tại việc xử sự, đãi người, tiếp vật, hóa giải hết thảy ân oán từ vô lượng kiếp đến nay, như vậy mới là chân tu hành.

Không những tự mình trong đời này phải siêu việt Lục Độ, thập pháp giới, vãng sanh Tịnh Độ bất thoái thành Phật, mà cũng phải khiến cho oan gia chủ nợ của mình đều thức tỉnh, và giúp họ niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật; tâm đại từ bi của bạn hiển lộ ra, những oan gia chủ nợ này nhất định sẽ được độ, vì họ có duyên với bạn. Trong kinh Phật thường nói: *‘Phật không độ người chẳng có duyên’*, chỉ cần có duyên thì nhất định sẽ được độ, bất luận là thiện duyên, ác duyên đều là có duyên cho nên đều sẽ được độ.

Nếu đem hết thảy sai lầm đều gán cho người khác, kết tội trên hoàn cảnh, luôn luôn cảm thấy mình chẳng sai, đây chính là lỗi lầm lớn nhất của chúng ta, và cũng là lý do tại sao một người cả đời tu học chẳng thể thành công. Phật nói trong thế gian chỉ có hai hạng người không có lỗi lầm: thứ nhất là chư Phật Như Lai, cho dù Đẳng Giác Bồ Tát cũng vẫn còn lỗi lầm, duy chỉ có chư Phật Như Lai chẳng có lỗi lầm. Hạng thứ hai là phàm phu, người ngu, có lỗi lầm đầy mình nhưng chẳng thừa nhận. Trừ hai hạng này ra thì ai chẳng có lỗi lầm? Do đó lỗi lầm chẳng ở tại cảnh giới bên ngoài mà ở tại mình. Cổ đức dạy ‘quay đầu là bên bờ’, nếu có thể quay về phản tỉnh thì đó là giác ngộ, khai ngộ rồi; sau khi phản tỉnh xong niệm niệm đều sửa sai đổi mới, nỗ lực hướng thiện, đó mới là tu hành chân chánh. Phải tìm cầu lợi ích chân thật của Phật pháp ở nơi này, phải chân thành, phải cung kính; ‘kính’ là kính người, kính sự, kính vật, kính nghiệp. Tâm thành kính lớn thì đạt được lợi ích lớn; tâm thành kính nhỏ thì đạt được lợi ích nhỏ; chẳng có thành kính thì chẳng đạt được gì cả. Đó là điều Ấn Tổ dạy chúng ta: *‘Có một phần thành kính thì được một phần lợi ích; mười phần thành kính thì*

được mười phần lợi ích'. Nếu chân thành, cung kính đến cùng cực thì bạn có thể đạt được hoàn toàn, đây chính là chỗ 'minh tâm kiến tánh' trong Tông Môn.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đức Phật dạy chúng ta phải: '*Ban lợi ích chân thật cho chúng sanh*', dạy cho chúng sanh đạt được lợi ích chân thật tức là dạy chúng sanh dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để xử sự, đãi người, tiếp vật, sau đó trên sự tướng mới thực sự có thể nhìn thấu, buông xuống. 'Nhìn thấu' là hiểu rõ triệt để, 'buông xuống' là tâm địa thanh tịnh, mây trần chướng nhiễm, như vậy mới được tự tại, tùy duyên, niệm Phật sẽ nhất định được sanh Tịnh Độ.

Phụ lục 2: Nói chuyện với bốn mươi ba vị Tu Nữ Thiên Chúa Giáo.

Hòa Thượng Tịnh Không giảng thuyết.

Trước hết chúng tôi nhiệt liệt hoan nghinh chư vị Tu Nữ Thiên Chúa Giáo tôn kính từ mười bốn quốc gia, địa phương đến phỏng vấn Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba.

Hai năm nay chúng tôi dốc toàn lực khởi động đa nguyên văn hóa, có người hỏi tôi tại sao phải làm như vậy?

Câu trả lời là từ lời dạy của đức Phật. Bản thân Phật giáo vốn là một giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa. Hai ngàn năm trăm năm trước lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, sự giáo học của Ngài chẳng phân giới hạn quốc gia, chẳng phân chủng tộc và tôn giáo. Chúng ta từ những bản ghi chép lời dạy của Ngài (kinh điển) thấy được năm xưa khi đức Phật dạy học khắp nơi ở Ấn Độ, có mười mấy vị quốc vương và rất nhiều nhà truyền giáo, lãnh đạo tôn giáo đều đến tham dự nghe giảng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng phải thần, Ngài là người. Nói theo ngôn ngữ hiện nay thì Ngài là một học giả giáo dục xã hội, hơn nữa còn là một vị vô cùng nhân từ, chuyên làm công tác giáo dục xã hội đa nguyên. Ngài dạy chúng ta giữa người với người phải nên chung sống như thế nào, làm sao sinh sống trong hoàn cảnh thiên nhiên, đối xử với thiên địa quý thần, và cũng là làm thế nào để đối xử với các tôn giáo khác.

Nói sâu thêm nữa, như khoa học gia hiện nay phát hiện khái niệm về Thời Không (*thời gian và không gian*) có rất nhiều duy thứ (*nhiều chiều*), chúng ta chẳng nhìn thấy những chúng sanh sinh sống ở thời gian và không gian bốn chiều trở lên. Thích Ca Mâu Ni Phật nói với chúng ta Thời Không là nhiều duy thứ, Thời Không nhiều duy thứ này đã được chứng minh bởi khoa học gia. Chúng sanh ở Thời Không cao duy thứ hơn những chúng sanh mà chúng ta biết được, tiếp xúc đến rất nhiều. Cho nên mục đích giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật là muốn chúng ta hiểu rõ, mở rộng tâm lượng, siêu tình ly kiến, bao dung vạn vật, từ ái chúng sanh; được vậy thì xã hội mới có thể hòa hài, an định, phồn vinh, hưng vượng.

Hiện nay mọi người đều biết, năm 1999 và 2000 trên thế giới sẽ có rất nhiều tai nạn. Những tai nạn này đều do con người tạo ra, vì tư tưởng của con người sai lầm, kiến giải, ngôn ngữ, hành vi đều sai lầm nên mới tạo thành thiên tai nhân họa. Những tai nạn này không phải ngày nay mới có, mà đã từng xảy ra hai ngàn năm trước. Thích Ca Mâu Ni Phật đã xuất sanh trong thời đại đó, nên Ngài hiểu rõ vô cùng, biết việc này chẳng thể dùng chánh trị, võ lực giải quyết được, bản thân của Ngài là một vị Vương tử, nên Ngài buông bỏ ngôi vua. Kinh tế và khoa học kỹ thuật hiện nay tạo thành rất nhiều ảnh hưởng phụ trong xã hội, thế nên kinh tế và khoa học cũng không thể giải quyết vấn đề. Hiện nay chúng ta hiểu rõ duy chỉ có nhà tôn giáo đem lòng chân thành và trí huệ, lòng thương yêu bình đẳng để giúp đỡ xã hội thì vấn đề này mới được giải quyết một cách viên mãn.

Phật Đà, Bồ Tát, và A La Hán trong Phật giáo đều là danh xưng của học vị. Phật nói hết thấy chúng sanh vốn thành Phật, cho nên chúng ta nhìn hết thấy chúng sanh đều là Phật, đều là Bồ Tát. Những người chẳng mê hoặc, hiểu rõ vũ trụ nhân sanh thì chúng ta xưng là Phật, đây là định nghĩa của Phật, Phật là một người tràn đầy từ bi, viên mãn trí huệ chân thật.

Tôi đã từng tiếp xúc với rất nhiều người lãnh đạo tôn giáo, họ là Bồ Tát. Hôm nay quý vị đến đây thăm viếng, mỗi người quý vị đều là Bồ Tát. Bồ Tát tức là người có trí huệ, có lòng thương yêu, có thể hy sinh, dâng hiến, là danh xưng cho những người làm công tác [phục vụ] xã hội đại chúng. Chúng tôi tiếp xúc với rất nhiều tôn giáo, cho dù lễ nghi và giáo nghĩa của quý vị chẳng đồng nhưng lòng thương yêu chân thành hoàn toàn tương đồng, lòng thương yêu chân thành này có thể cứu độ hết thấy hoạn nạn của chúng sanh.

Chúng ta phải mở rộng tâm lượng. Phật nói tâm lượng của mỗi người vốn to bằng hư không nếu chúng ta chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng có vọng tưởng. Tâm lượng đích thật là như hư không, việc này có thể tin được. Thế nên chúng ta muốn dùng trí huệ và lòng thương để giúp đỡ xã hội rộng lớn thì nhất định phải bắt đầu làm từ sự mở rộng tâm lượng.

Chúng tôi xây dựng một đạo tràng nhỏ ở đây, đạo tràng này chẳng phải xây cho giáo hội chúng tôi, cũng chẳng phải vì địa phương Tân Gia Ba này, mà là vì toàn thế giới, vì hết thấy chúng sanh mà xây dựng. Chúng ta hiến dâng trí huệ, ái tâm, lao lực là để làm một gương tốt cho hết thấy chúng sanh, thế nên tông chỉ của giáo học nhà Phật tức là ‘Học vi nhân sư, hành vi thế phạm’. Vì thế chúng tôi là một học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật thì khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều phải nghĩ tâm niệm và hành vi của mình có thể làm gương mẫu cho xã hội đại chúng hay chẳng. Nếu chẳng thể làm gương tốt cho xã hội đại chúng thì chẳng thể suy nghĩ, chẳng thể nói, chẳng thể làm.

Chúng ta học tập theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tiếp nhận lời giáo huấn của Ngài thì phải hy sinh, phụng hiến giống như Ngài. Chúng ta biết một cách sâu sắc nếu chỉ thương mình, gia đình mình thì sẽ có xung đột với người khác,

gia đình khác; nếu chỉ thương yêu tôn giáo mình mà bài xích tôn giáo khác thì sẽ dẫn đến chiến tranh tôn giáo; nếu chỉ thương yêu quốc gia mình mà chẳng thương yêu quốc gia của người khác thì giữa quốc gia này với quốc gia khác sẽ sanh ra đối kháng; chỉ thương yêu địa cầu này của chúng ta, chẳng thương tình cầu khác thì sẽ có chiến tranh giữa các tinh cầu. Thế nên chúng ta nhất định phải mở rộng tâm lượng, phải thương yêu hết thảy chúng sanh trong tận hư không, trọn khắp pháp giới.

Có người hỏi tôi niệm Phật như thế nào? Tôi trả lời những gì mắt tôi nhìn thấy, tai tôi nghe đến, thân thể tiếp xúc đến, hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật đều là A Di Đà Phật. Thế nên dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi để đối đãi với hết thảy người, sự, vật, đó chính là niệm Phật.

Chúng tôi vô cùng hy vọng mỗi tôn giáo đều coi trọng giáo dục ‘Chân Trí Nhân Ái’. Tuyên giảng giáo học Nhân Ái của Thượng Đế, giáo học Nhân Ái của Thần, hoàn toàn tương đồng với tuyên giảng giáo học của đức Phật. Trước lúc học Phật tôi cũng rất thích đọc điển tịch của các tôn giáo, đều hết sức tôn trọng. Luôn cho rằng duy chỉ có nhà truyền giáo và tín đồ của các tôn giáo nổi vòng tay lớn với nhau, hỗ tương tôn trọng, hỗ tương kính ái, hỗ tương hợp tác thì thế giới mới an định, hòa lạc.

Xã hội hiện nay có cảnh giới tốt và không tốt; có người thiện và cũng có người ác. Đối với người không tốt thì mình phải nghĩ họ chỉ mê hoặc điên đảo nhất thời, bản tâm bản tánh của họ vốn đều tốt, chúng ta phải giúp đỡ họ quay trở lại, nhà Phật nói: ‘Quay lại là bến bờ’. Thế nên giáo dục văn hóa đa nguyên là giáo dục chân thành thương yêu, có thể thương yêu hết thảy chúng sanh một cách phổ biến.

Hôm nay chúng tôi vô cùng hoan nghinh quý vị quang lâm đến tham quan Cư Sĩ Lâm, chúng tôi cũng hy vọng quý vị có thể dùng tâm thương yêu chân thành để cứu vớt thế gian khổ nạn này. Nếu quý vị cần chúng tôi hợp tác, giúp đỡ thì chúng tôi sẽ dốc toàn tâm toàn lực để giúp đỡ quý vị. Chúng tôi xem những chuyện tốt của mỗi người trong thế gian đều như chuyện mình nên làm, giúp đỡ người khác chính là giúp đỡ mình; thương người khác chính là thương mình.

Chúc mọi người khỏe mạnh, vui vẻ, phước huệ tăng trưởng.

Xin cảm ơn quý vị!

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin chân thành cảm tạ đạo hữu Như Hòa đã tận tụy sửa chữa, giáo duyệt bản dịch cũng như hướng dẫn và giúp đỡ chúng tôi trong công việc chuyển ngữ.

Một nhóm Diệu Âm cư sĩ,

Tu chính và trình bày, 4-tháng 9-2006

Hồi hướng

Nguyện đem công đức này trang nghiêm Phật Tịnh Độ

Trên đền bốn ân nặng, dưới độ ba đường khổ

Nếu có người nghe được đều phát Bồ Đề Tâm

Đến hết báo thân này đồng sanh Cực Lạc quốc